

Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội

Hợp tác cùng



IFC

**International
Finance Corporation**
World Bank Group

Chương trình Tư vấn của IFC tại Đông Á - Thái Bình Dương

Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội

Có hiệu lực từ 01 - 01 - 2012

Tài liệu Lưu hành nội bộ



Mục lục

TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 1	
Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội.....	1
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 2	
Điều kiện làm việc và lao động.....	8
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 3	
Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm.....	12
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 4	
Sức khỏe, An toàn và An ninh Cộng đồng.....	15
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 5	
Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện.....	18
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 6	
Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững.....	24
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 7	
Người thiểu số bản địa.....	29
TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG 8	
Di sản văn hóa.....	33
HƯỚNG DẪN 1	
Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động đến môi trường xã hội.....	37
HƯỚNG DẪN 2	
Điều kiện làm việc và lao động.....	76
HƯỚNG DẪN 3	
Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm.....	99
HƯỚNG DẪN 4	
Sức khỏe, An ninh và An toàn Cộng đồng.....	117
HƯỚNG DẪN 5	
Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện.....	129
HƯỚNG DẪN 6	
Bảo tồn đa dạng sinh học và Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững.....	154
HƯỚNG DẪN 7	
Người dân bản địa.....	206
HƯỚNG DẪN 8	
Di sản văn hoá.....	225

Tiêu chuẩn hoạt động 1

Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 1 nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý hoạt động môi trường và xã hội xuyên suốt thời gian của một dự án. Một hệ thống quản lý môi trường và xã hội hiệu quả là một quá trình liên tục, năng động, khởi đầu và hỗ trợ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao và có sự tham gia của khách hàng, người lao động của họ, và các cộng đồng địa phương trực tiếp bị ảnh hưởng bởi dự án (các cộng đồng bị ảnh hưởng), và trong một số trường hợp thích hợp, là một số đối tượng khác có liên quan¹. Dựa trên các yếu tố của quá trình quản lý doanh nghiệp sẵn có đối với “kế hoạch, thực hiện, kiểm tra, và hành động”, hệ thống đòi hỏi phải đánh giá có phương pháp và có hệ thống các rủi ro² và tác động³ môi trường và xã hội thường xuyên. Một hệ thống quản lý tốt phù hợp với quy mô và tính chất của một dự án sẽ thúc đẩy hoạt động bền vững về môi trường và xã hội, và có thể góp phần nâng cao hiệu quả dự án về mặt tài chính, môi trường và xã hội.

2. Trong nhiều trường hợp, việc đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội là trách nhiệm của nhà nước hoặc của bên thứ ba - mà khách hàng không thể kiểm soát hoặc có ảnh hưởng.⁴ Tình huống này thường xảy ra ở một số trường hợp như: (i) khi cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba tham gia quyết định trong giai đoạn lập kế hoạch có ảnh hưởng đến vị trí và thiết kế của dự án; và/hoặc (ii) cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba tham gia trực tiếp thực hiện một số hoạt động cụ thể liên quan đến dự án như cấp đất cho dự án - có thể phải thực hiện tái định cư cho cộng đồng dân cư hoặc một số cá nhân và/hoặc có thể dẫn đến tổn thất về đa dạng sinh học. Trong trường hợp khách hàng

không thể kiểm soát được các hành động này của cơ quan nhà nước hay bên thứ ba, một hệ thống quản lý môi trường và xã hội cần xác định các bên tham gia và vai trò của họ, các rủi ro họ có thể mang đến cho khách hàng, cơ hội hợp tác với các bên thứ ba để cùng đạt được những kết quả về môi trường và xã hội phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, Tiêu chuẩn hoạt động này hỗ trợ việc sử dụng cơ chế khiếu nại hiệu quả để nhận biết và có biện pháp khắc phục kịp thời đối với những đối tượng được cho là bị tổn hại bởi những hoạt động của khách hàng.

3. Doanh nghiệp cần tôn trọng quyền con người, tức là tránh mọi hành động xâm phạm đến quyền con người của người khác và hành động để ngăn chặn những tác động tiêu cực đến quyền con người do các hoạt động của doanh nghiệp góp phần hay trực tiếp gây ra. Mỗi Tiêu chuẩn hoạt động sẽ trình bày những khía cạnh liên quan về quyền con người mà dự án trong suốt quá trình hoạt động có thể phải đối mặt tới. Thực hiện due diligence (điều tra chi tiết) theo các Tiêu chuẩn hoạt động sẽ giúp khách hàng nắm bắt và có phương án hành động đối với các vấn đề nhân quyền liên quan đến dự án.

Mục tiêu

- Để xác định và đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án.
- Để thực hiện hệ thống phân cấp nhằm lường trước và tránh, hoặc trong trường hợp không thể tránh thì giảm thiểu⁵ và trong trường hợp vẫn có hậu quả để lại thì thực hiện bồi thường cho những rủi ro và tác động đến người lao động, các cộng đồng bị ảnh hưởng và môi trường.
- Để thúc đẩy cải thiện hiệu suất hoạt động môi trường và xã hội của khách hàng thông qua việc sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý.
- Để đảm bảo các khiếu nại của các cộng đồng bị ảnh hưởng và thông tin từ các đối tượng liên quan

¹ Các đối tượng liên quan khác thường là những đối tượng không chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án, nhưng có lợi ích đối với dự án. Đối tượng này có thể là cơ quan nhà nước trung ương và địa phương, các dự án lân cận và/hoặc các tổ chức phi chính phủ.

² Rủi ro môi trường và xã hội là sự kết hợp của xác suất xảy ra sự cố nào đó và mức độ thiệt hại nếu sự cố đó xảy ra.

³ Tác động môi trường và xã hội là để chỉ bất kỳ sự thay đổi, tiềm năng hay thực sự, đến (i) môi trường cơ học, tự nhiên và văn hóa và (ii) tác động đến cộng đồng dân cư xung quanh, đến người lao động do những hoạt động của dự án tạo nên.

⁴ Trong tiêu chuẩn hoạt động này, các nhà thầu được khách hàng thuê hoặc làm đại diện cho khách hàng đều được coi là chịu sự kiểm soát trực tiếp của khách hàng, chứ không phải bên thứ ba độc lập.

⁵ Phương án có thể chấp nhận được để giảm thiểu tương đối đa dạng, gồm: làm dự đi, điều chỉnh, sửa chữa, và/hoặc khôi phục tác động khi thích hợp. Hệ thống phân cấp giảm nhẹ rủi ro và tác động sẽ được thảo luận kỹ hơn và cụ thể trong ngữ cảnh của các Tiêu chuẩn hoạt động từ 2 đến 8.

khác được trả lời và giải quyết hợp lý.

- Để xúc tiến và cung cấp cơ hội để các cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia một cách thích hợp vào các vấn đề mà có thể ảnh hưởng đến họ trong suốt vòng đời của dự án và đảm bảo các thông tin về môi trường và xã hội liên quan sẽ được công bố và cung cấp đầy đủ.

Phạm vi áp dụng

4. Tiêu chuẩn Hoạt động này áp dụng đối với các hoạt động dự án có rủi ro và/hoặc tác động môi trường và/hoặc xã hội. Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, “dự án” được hiểu là một nhóm các hoạt động của doanh nghiệp, kể cả những hoạt động chưa được xác định nhưng có thể có những yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất cụ thể có khả năng tạo ra các rủi ro và tác động⁶. Khi thích hợp, phạm vi có thể bao gồm cả những khía cạnh từ giai đoạn sơ khai đến toàn bộ vòng đời của tài sản vật chất đó (thiết kế, xây dựng, lắp đặt, hoạt động, tháo dỡ, đóng cửa hoặc, khi thích hợp, sau đóng cửa)⁷. Những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này phải được áp dụng cho tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, trừ phi có những giới hạn/ngoại lệ được miêu tả ở từng phần dưới đây.

Yêu cầu

Hệ thống Quản lý và Đánh giá Môi trường và Xã hội

5. Các khách hàng, trên cơ sở phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên thứ ba⁸ khi thích hợp, sẽ thực hiện một quá trình đánh giá môi trường và xã hội, và thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý môi trường và xã hội phù hợp với tính chất và quy mô của dự án và tương xứng với mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Hệ thống quản lý này sẽ bao gồm các yếu tố sau: (i) chính sách; (ii) xác định các rủi ro và tác động; (iii) chương trình quản lý, (iv) năng lực tổ chức, (v) chuẩn bị sẵn sàng và đối phó với tình huống khẩn cấp; (vi) sự tham gia của cộng đồng; (vii) giám sát và đánh giá.

Chính sách

6. Khách hàng sẽ xây dựng một chính sách tổng thể trong đó nêu rõ mục tiêu về môi trường và xã hội cũng

như các nguyên tắc mà các dự án cần tuân thủ để đạt được hiệu quả về mặt môi trường và xã hội⁹. Chính sách này cung cấp khung cho quá trình đánh giá và quản lý môi trường và xã hội, và cụ thể hóa việc dự án (hay các hoạt động của doanh nghiệp, khi thích hợp) sẽ tuân thủ theo các quy định và pháp luật của nước sở tại như thế nào, kể cả những văn bản pháp lý mà nước sở tại cam kết thực hiện và tuân thủ theo luật quốc tế. Chính sách này cần phù hợp với các nguyên tắc của các Tiêu chuẩn hoạt động. Trong một số trường hợp, khách hàng đã có cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khác, hệ thống chứng nhận hay thông lệ hoạt động khác thì những cam kết này cần được nêu rõ trong Chính sách của khách hàng. Chính sách này cũng chỉ rõ ai trong tổ chức của khách hàng sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ với Chính sách và chịu trách nhiệm thực hiện (có thể liên quan đến một cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay bên thứ ba thích hợp khi cần thiết). Khách hàng cần thông tin về Chính sách này đến toàn thể tổ chức của mình.

Xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội

7. Các khách hàng sẽ tiến hành một quá trình đánh giá môi trường và xã hội mà sẽ xem xét đầy đủ các rủi ro và tác động tiềm năng về môi trường và xã hội của dự án (tham khảo thêm đoạn 18 - các yêu cầu về năng lực). Loại, quy mô và vị trí của dự án sẽ giúp hoạch định quy mô và phạm vi của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Phạm vi của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội phải phù hợp với thông lệ quốc tế tốt,¹⁰ và sẽ quyết định phương pháp cũng như công cụ đánh giá thích hợp. Quá trình này có thể là một đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện, hoặc hạn chế, có trọng tâm hoặc áp dụng luôn các tiêu chuẩn về đặt vị trí phù hợp với môi trường, tiêu chuẩn ô nhiễm, tiêu chí thiết kế và tiêu chuẩn xây dựng.¹¹ Khi dự án có liên quan đến các tài sản hiện có, kiểm toán môi trường và/hoặc xã hội hoặc đánh giá rủi ro/mối nguy có thể là đủ để xác định rủi ro và tác động. Nếu các tài sản sẽ được xây dựng, mua về hay đầu tư chưa thể xác định, việc thiết lập một quy trình đánh giá chi tiết (due diligence) môi trường và xã hội để giúp xác định rủi ro và tác động tại một thời điểm cụ thể trong tương lai khi thông tin về các yếu tố

⁶ Chẳng hạn, các doanh nghiệp có một danh mục các tài sản hữu hình dạng sở hữu, và/hoặc có ý định thành lập hoặc mua cơ sở hạ tầng mới, và các quỹ đầu tư hay các tổ chức tài chính tương giao với danh mục tài sản hiện có và/hoặc có ý định đầu tư vào cơ sở hạ tầng mới.

⁷ Do Tiêu chuẩn hoạt động này được sử dụng bởi các tổ chức tài chính, đầu tư, bảo hiểm và chủ dự án/vấn hành dự án, mỗi đối tượng sử dụng cần cung cấp thông tin cụ thể về hoạt động của mình mà áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này.

⁸ Trong trường hợp các bên này có trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý phải tham gia đánh giá và quản lý một số rủi ro và tác động cụ thể (chẳng hạn như di dân-tái định cư do nhà nước thực hiện).

⁹ Yêu cầu này có chính sách riêng cho dự án và có thể không ảnh hưởng đến (hoặc yêu cầu điều chỉnh) các chính sách hiện tại của khách hàng đối với các dự án không liên quan, các hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động của doanh nghiệp ở cấp cao hơn không liên quan.

¹⁰ Là hoạt động đòi hỏi kỹ năng chuyên nghiệp, làm việc chi tiết, thận trọng và tính dự báo của các chuyên gia thực hiện - những người đã có kinh nghiệm và kỹ năng thực hiện những hoạt động tương tự trên phạm vi khu vực hay toàn cầu.

¹¹ Đối với những dự án xây dựng mới hay mở rộng với những yếu tố vật chất, tài sản hay cơ sở hạ tầng đã được xác định và có khả năng tạo ra những tác động về môi trường và xã hội lớn, khách hàng sẽ tiến hành Đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện, bao gồm xem xét đến những phương án thay thế khác nhau khi thích hợp.

vật chất, tài sản, cơ sở hạ tầng có đầy đủ hơn. Quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ dựa vào số liệu gốc về môi trường và xã hội ở mức độ chi tiết phù hợp. Quá trình này sẽ xem xét tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội có liên quan của dự án, bao gồm cả những vấn đề sẽ được xác định trong các Tiêu chuẩn hoạt động từ 2 đến 8, và những đối tượng chịu ảnh hưởng của những rủi ro và tác động này.¹² Quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ xem xét mức độ phát thải khí nhà kính, các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và cơ hội thích nghi, những ảnh hưởng xuyên ranh giới có thể có như ô nhiễm không khí, hoặc sử dụng hoặc ô nhiễm đường thủy quốc tế.

8. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động, các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ được xác định trong vùng ảnh hưởng của dự án. Vùng ảnh hưởng của dự án có bao gồm, khi phù hợp:

- Khu vực có thể bị ảnh hưởng: (i) dự án¹³ và các hoạt động của khách hàng và các cơ sở vật chất mà khách hàng (kể cả nhà thầu) sở hữu, vận hành và quản lý và là một phần của dự án;¹⁴ (ii) các tác động từ những tiến triển không có kế hoạch trước nhưng có thể dự báo của dự án có thể xảy ra sau này hoặc ở một địa điểm khác; hoặc (iii) những tác động gián tiếp của dự án đến đa dạng sinh học hay các dịch vụ sinh thái mà là phương tiện kiếm sống của cộng đồng bị ảnh hưởng.
- Cơ sở vật chất liên quan không được tài trợ của dự án nhưng sẽ không được xây dựng và/hoặc mở rộng nếu không có dự án và nếu thiếu chúng, dự án cũng không thể hoạt động bền vững.¹⁵
- Những tác động tích lũy¹⁶ từ những tác động lên khu vực dự án có ảnh hưởng hay nguồn tài nguyên được dự án sử dụng, từ những sự phát triển đã có, có kế hoạch hoặc đã xác định được ở thời điểm thực hiện đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội.

¹² Trong một số trường hợp rủi ro cao, bên cạnh quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội, có thể khách hàng nên xem xét thực hiện bổ sung một đánh giá chi tiết về quyền con người phù hợp với lĩnh vực hoạt động của dự án cụ thể.

¹³ Ví dụ như vị trí của dự án, vùng khí quyển hay vùng nước, hoặc hành lang vận tải.

¹⁴ Ví dụ như hành lang truyền tải điện, đường ống, kênh mương, đường hầm, đường để tải định cư và tiếp cận, các diện tích mương và sang nhượng, các trại xây dựng, và vùng đất bị nhiễm bẩn (như đất, nước ngầm, và trầm tích)

¹⁵ Các cơ sở vật chất như đường ray xe lửa, đường bộ, nhà máy điện hay đường truyền tải điện, đường ống, các dịch vụ công cộng, nhà kho và các bến cảng

¹⁶ Tác động tích lũy chỉ giới hạn lại ở những tác động công nhận là có ý nghĩa về mặt khoa học và/hoặc là mới lo của công đồng bị ảnh hưởng. Ví dụ về tác động tích lũy có thể là làm tăng phát thải khí nhà kính lên vùng khí quyển, giảm lưu lượng nước trong một vùng nước do rút nước nhiều lần, tăng lượng trầm tích tại một vùng nước; ảnh hưởng tới đường đi cư hay di chuyển của động vật hoang dã hay làm tác nhân giao thông, tai nạn giao thông do tăng lượng xe lưu thông trên khu vực đường xá của cộng đồng dân cư.

9. Trong trường hợp các rủi ro và tác động của vùng ảnh hưởng dự án là do các hành động của bên thứ ba, khách hàng sẽ giải quyết các rủi ro và tác động đó theo phương thức phù hợp với khả năng kiểm soát và ảnh hưởng của khách hàng đối với bên thứ ba đó, và có xem xét đến các vấn đề về xung đột lợi ích.

10. Khi khách hàng có thể thực hiện được quyền kiểm soát hợp lý, quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ cũng xem xét đến các rủi ro và tác động liên quan đến chuỗi cung cấp chính, đã được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động số 2 (khoản 27 đến 29) và Tiêu chuẩn hoạt động số 6 (khoản 30).

11. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, việc xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ tính đến kết quả và kết luận của các kế hoạch, nghiên cứu hay đánh giá có liên quan do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức khác thực hiện mà có liên quan đến dự án hoặc đến vùng dự án có ảnh hưởng.¹⁷ Đó có thể là kế hoạch phát triển kinh tế tổng thể, kế hoạch quốc gia hay kế hoạch vùng, các nghiên cứu khả thi, các phân tích phương án lựa chọn, và các đánh giá môi trường chiến lược hay cho ngành, cho vùng. Xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ tính đến kết quả của quá trình lấy ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng sao cho phù hợp.

12. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, là một phần của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội, khách hàng sẽ xác định các cá nhân và các nhóm ở thế bất lợi hoặc dễ bị tổn thương¹⁸ có thể bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc một phần bởi dự án. Khi các cá nhân hay các nhóm được đánh giá là kém lợi thế hoặc dễ bị tổn thương, khách hàng sẽ đề xuất và thực hiện các biện pháp riêng biệt sao cho các tác động tiêu cực không ảnh hưởng trực tiếp đến họ và họ không bị kém ưu thế khi được chia sẻ quyền lợi và cơ hội.

Chương trình quản lý

13. Phù hợp với chính sách, mục tiêu và các nguyên tắc

¹⁷ Khách hàng có thể tính đến những yếu tố này thông qua việc chú trọng vào đóng góp của dự án đến một số tác động có tính trọng yếu về mặt khoa học hay trọng yếu đối với cộng đồng bị ảnh hưởng trong khu vực bao phủ của nghiên cứu hay đánh giá kế trên.

¹⁸ Vì thế bất lợi hay dễ bị tổn thương này có thể bắt nguồn từ đặc điểm chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, xuất xứ quốc tịch hay xã hội, tài sản, sinh trưởng hay các đặc điểm khác. Khách hàng cũng sẽ xem xét các nhân tố như giới tính, tuổi tác, dân tộc, nền văn hóa, trình độ học vấn, tàn tật thể chất hay tinh thần, bất lợi về kinh tế hay nghèo đói, mức độ phụ thuộc vào một số nguồn tài nguyên hiếm.

nêu trên, khách hàng sẽ thiết lập chương trình quản lý trong đó nêu bật các biện pháp giảm thiểu và cải thiện hiệu quả hoạt động và xử lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án đã được xác định.

14. Tùy thuộc vào đặc điểm và quy mô của dự án, các chương trình quản lý gồm sự kết hợp của các quy trình hoạt động, thực tiễn thực hiện, kế hoạch hoạt động và các tài liệu hỗ trợ liên quan (gồm cả các tài liệu pháp lý) - được quản lý một cách có hệ thống.¹⁹ Chương trình này có thể được áp dụng rộng rãi trong tổ chức của khách hàng, kể cả nhà thầu và nhà cung cấp chính mà khách hàng có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng, hoặc ở những địa điểm, cơ sở hoặc hoạt động cụ thể. Hệ thống phân cấp để giải quyết các rủi ro và tác động đã xác định được sẽ ưu tiên cho các biện pháp tránh và ngăn ngừa các tác động khi khả thi về mặt kỹ thuật²⁰ và tài chính²¹ hơn là giảm thiểu tác động, và khi vẫn có hậu quả để lại, thực hiện bồi thường.

15. Trong trường hợp rủi ro và tác động không thể tránh hoặc ngăn chặn được, các biện pháp và hành động giảm thiểu sẽ được xác định để dự án hoạt động phù hợp với pháp luật và các quy định tương ứng và đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động 1 đến 8 (xem đoạn 16 dưới đây). Mức độ chi tiết và phức tạp của chương trình này và ưu tiên của các biện pháp và hoạt động đã được xác định sẽ tương xứng với rủi ro và tác động của dự án và có tính đến kết quả của quá trình lấy ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng khi phù hợp.

16. Chương trình sẽ thiết lập Kế hoạch hành động môi trường và xã hội,²² xác định kết quả mong muốn và các hành động để giải quyết các vấn đề được nêu ra trong quá trình xác định rủi ro và tác động, bằng các sự kiện có thể đo lường khi có thể, với các yếu tố như chỉ số hiệu suất, mục tiêu, hoặc các tiêu chí chấp nhận có thể được theo dõi trong khoảng thời gian xác định, và với ước tính về các nguồn lực và trách nhiệm để có thể thực hiện. Tùy theo mức độ phù hợp, chương trình quản lý sẽ công nhận

¹⁹ Các tài liệu pháp lý giữa khách hàng và bên thứ ba nhằm thực hiện những biện pháp giảm bớt các tác động cụ thể cũng thuộc chương trình quản lý này. Ví dụ như những trách nhiệm về di dân, tái định cư của các cơ quan nhà nước đã được quy định rõ trong một tài liệu pháp lý cụ thể.

²⁰ Khả thi về mặt kỹ thuật được đưa trên việc liệu các biện pháp và hành động để xuất có thể được thực hiện với thiết bị, kỹ năng và vật liệu sẵn có về mặt thương mại, có tính đến các yếu tố địa phương thực tế như khí hậu, địa lý, nhân khẩu học, cơ sở hạ tầng, an ninh, quản trị, và năng lực và độ tin cậy trong hoạt động.

²¹ Khả thi về mặt tài chính được xem xét dựa trên các yếu tố thương mại như chi phí của việc áp dụng các biện pháp và hành động như vậy so với số tiền để đầu tư, điều hành và bảo trì dự án và liệu chi phí giá tăng này có thể làm cho dự án không khả thi đối với khách hàng.

²² Chương trình hành động có thể gồm một Chương trình hành động tổng thể để thực hiện một loạt các biện pháp khác phục vụ các kế hoạch hành động theo chủ đề như Kế hoạch hành động Tái định cư hay Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học. Kế hoạch hành động có thể được dùng lấp chỗ trống cho các chương trình quản lý để đảm bảo tính thống nhất với các Tiêu chuẩn hoạt động, hoặc là những kế hoạch riêng biệt để cụ thể hóa chiến lược giảm bớt rủi ro của dự án. Thuật ngữ “Kế hoạch hành động” cũng có thể được hiểu là kế hoạch quản lý hoặc kế hoạch phát triển. Trong trường hợp này, ví dụ rất nhiều, có thể kể đến cả kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.

và đưa vào vai trò thực hiện một số hành động cụ thể, sự kiện cụ thể để giải quyết các rủi ro và tác động do các bên thứ ba thực hiện. Phụ thuộc vào bản chất linh hoạt của dự án, chương trình quản lý cần phản ứng nhanh nhạy với các tình huống thay đổi, các sự kiện bất ngờ cũng như với những phát hiện từ công tác giám sát và đánh giá.

Năng lực tổ chức

17. Khách hàng, cùng với các bên thứ ba liên quan, khi cần thiết, sẽ thiết lập, duy trì và củng cố một cơ cấu tổ chức trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm, và quyền hạn để thực hiện hệ thống quản lý môi trường và xã hội. Nguồn nhân lực, kể cả đại diện của ban lãnh đạo, với ranh giới trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng cần được phân công cụ thể. Các trách nhiệm chính về môi trường và xã hội cần được cụ thể hóa và truyền đạt đến tất cả các nhân viên có liên quan và toàn bộ tổ chức. Sự hỗ trợ đúng mức từ ban lãnh đạo và nguồn nhân lực đủ cần được bố trí thường xuyên để đảm bảo đạt được hiệu quả môi trường và xã hội cao nhất.

18. Các khách hàng sẽ đào tạo nhân viên có trách nhiệm trực tiếp trong các hoạt động liên quan đến hiệu quả môi trường và xã hội của dự án để họ có các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc của họ, bao gồm cả kiến thức hiện tại về quy định pháp lý của nước sở tại và các yêu cầu tương ứng trong các Tiêu chuẩn Hoạt động từ 1 đến 8. Các nhân viên này cũng cần có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để triển khai các biện pháp và hành động cụ thể theo yêu cầu của chương trình quản lý và các phương pháp cần thiết để thực hiện các mục hành động một cách có năng lực và hiệu quả.

19. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ cần có những đánh giá và trình bày khách quan, chính xác và đầy đủ do chuyên gia có năng lực soạn thảo và trình bày. Đối với các dự án có thể có những tác động tiêu cực tiềm năng hay khi có nhiều vấn đề kỹ thuật phức tạp phát sinh, khách hàng cần mời thêm các chuyên gia bên ngoài tổ chức tham gia vào quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội.

Sự sẵn sàng đối ứng với tình huống khẩn cấp

20. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, hệ thống quản lý môi trường và xã hội sẽ xây dựng một chương trình đảm bảo sẵn sàng và đối ứng với các tình huống khẩn cấp để khách hàng, trên cơ sở phối hợp với các bên thứ ba khi phù hợp, sẽ luôn sẵn sàng để đối phó với những tình huống tai nạn, khẩn cấp liên quan đến dự án với

phương châm là phương án thích hợp nhất để ngăn ngừa và giảm bớt những thiệt hại về người và/hoặc cho môi trường. Sự chuẩn bị này có thể bao gồm cả việc đánh giá các khu vực có thể xảy ra tai nạn hay tình huống khẩn cấp, các đối tượng cộng đồng và cá nhân có thể bị ảnh hưởng, quy trình ứng phó, cung cấp thiết bị và nguồn lực, phân công trách nhiệm, truyền thông, kể cả truyền thông đến các cộng đồng bị ảnh hưởng và cả những chương trình đào tạo định kỳ để chuẩn bị ứng phó có hiệu quả.

21. Khi thích hợp, khách hàng cũng có thể hỗ trợ và phối hợp với các cộng đồng có thể bị ảnh hưởng (tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 4) và các cơ quan địa phương để chuẩn bị ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, nhất là khi sự tham gia và phối hợp này là cần thiết để việc ứng phó đạt hiệu quả cao nhất. Nếu các cơ quan địa phương có năng lực hạn chế hoặc không thể đối phó hiệu quả, khách hàng sẽ đóng vai trò tích cực trong quá trình chuẩn bị và đối phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến dự án. Khách hàng cũng cần lưu lại các hoạt động chuẩn bị và ứng phó, các trách nhiệm và nguồn lực liên quan, và cần cung cấp những thông tin thích hợp đến cộng đồng bị ảnh hưởng và các cơ quan địa phương.

Giám sát

22. Khách hàng sẽ thiết lập các quy trình để theo dõi và đo lường hiệu quả của chương trình quản lý cũng như tuân thủ với các quy định pháp lý, trách nhiệm hợp đồng và pháp lý. Trong trường hợp nhà nước hay bên thứ ba có trách nhiệm quản lý một số rủi ro và tác động cụ thể cũng như các biện pháp khắc phục liên quan, khách hàng sẽ phối hợp trong việc thiết lập và giám sát các biện pháp khắc phục đó. Tùy từng trường hợp, khách hàng có thể mời đại diện của cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia vào các hoạt động giám sát.²³ Chương trình giám sát của khách hàng cần được quản lý với một cấp quản lý thích hợp trong tổ chức. Đối với dự án mà ảnh hưởng là đáng kể, khách hàng sẽ sử dụng các chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm từ bên ngoài để xác minh thông tin giám sát. Mức độ giám sát cần tương xứng với các rủi ro và tác động của dự án và các yêu cầu tuân thủ của dự án.

23. Ngoài việc ghi chép các thông tin để theo dõi hiệu suất và thiết lập kiểm soát các hoạt động có liên quan, khách hàng nên sử dụng các cơ chế năng động, chẳng hạn như thanh tra, kiểm toán nội bộ khi cần, để xác minh sự tuân thủ và tiến bộ so với các kết quả mong

muốn. Giám sát thường bao gồm cả việc lưu thông tin để theo dõi hiệu quả hoạt động và so sánh với các mức chuẩn được đặt ra từ trước hoặc các yêu cầu của chương trình quản lý. Việc giám sát cần được điều chỉnh theo hiệu quả thực tế và các hành động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thực hiện. Các khách hàng sẽ lưu tài liệu kết quả giám sát, xác định và phản ánh các hành động khắc phục và phòng ngừa cần thiết trong các chương trình quản lý và kế hoạch đã sửa đổi. Các khách hàng, phối hợp với các bên thứ ba liên quan, sẽ thực hiện những hành động khắc phục và phòng ngừa này, và theo dõi những hành động này trong các chu kỳ giám sát tiếp theo để đảm bảo hiệu quả của chúng.

24. Lãnh đạo cấp cao của khách hàng cần nhận được bản đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường và xã hội theo kỳ, dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu có hệ thống. Mức độ và tần suất báo cáo phụ thuộc vào bản chất và quy mô của các hoạt động được triển khai dựa trên hệ thống quản lý môi trường và xã hội cũng như các yêu cầu khác của dự án. Dựa vào các kết quả đánh giá này, lãnh đạo cấp cao sẽ đưa ra những biện pháp cần thiết và phù hợp để chính sách của tổ chức được thực hiện triệt để và các quy trình, thủ tục, kế hoạch đang được triển khai đạt hiệu quả cao nhất.

Sự tham gia của cộng đồng

25. Sự tham gia của cộng đồng cần dựa trên nền tảng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, có tính xây dựng và nhanh nhạy - là rất cần thiết để quản lý thành công các tác động môi trường và xã hội của một dự án.²⁴ Sự tham gia của cộng đồng là một quá trình liên tục, tùy theo mức độ, có thể gồm những hoạt động chính sau: phân tích các đối tượng liên quan và lập kế hoạch, công bố và truyền đạt thông tin, tham vấn và tham gia, cơ chế khiếu nại và báo cáo thường xuyên đến cộng đồng bị ảnh hưởng. Bản chất, tần suất và mức độ của các hoạt động kêu gọi sự tham gia của cộng đồng có thể khác nhau và cần tương xứng với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án, cũng như các giai đoạn phát triển của dự án.

Phân tích đối tượng và lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng

26. Khách hàng nên xác định các đối tượng có thể có quan tâm đến hành động của khách hàng và xem xét nên dùng phương thức truyền thông nào để đối thoại với các đối tượng trong cộng đồng (tham khảo thêm

²³ Ví dụ như giám sát sử dụng nước

²⁴ Các yêu cầu liên quan đến sự tham gia của người lao động và các quy trình khiếu nại bởi thường liên quan có thể xem thêm tại Tiêu chuẩn hoạt động 2.

khoản 34 dưới đây). Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động tiêu cực về môi trường và xã hội đến cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng cần xác định cộng đồng bị ảnh hưởng là những ai và thực hiện đúng những yêu cầu liên quan dưới đây.

27. Khách hàng sẽ xây dựng và triển khai Kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng với quy mô phù hợp với rủi ro, tác động cũng như giai đoạn hoạt động của dự án, có tính đến đặc điểm và lợi ích của cộng đồng bị ảnh hưởng. Tùy trường hợp, bản Kế hoạch này có thể bao gồm các biện pháp chuyên biệt cho phép sự tham gia hiệu quả hơn của các nhóm đối tượng bất lợi hoặc dễ bị tổn thương. Khi quá trình có sự tham gia của cộng đồng phụ thuộc nhiều vào đại diện của cộng đồng, khách hàng cần nỗ lực để xác nhận xem có đúng người này được tin nhiệm giao làm đại diện cho cộng đồng hay không cũng như mức độ trung thực trong thông tin về kết quả tham vấn mà họ sẽ truyền đạt xuống nhóm cộng đồng mà họ đại diện.

28. Trong trường hợp vị trí chính xác của dự án chưa xác định được, nhưng dự án có nhiều khả năng sẽ để lại những tác động lớn đến cộng đồng xung quanh khu vực dự án hoạt động, khách hàng cần thiết lập Khung kế hoạch cộng đồng tham gia trong chương trình quản lý của mình, trong đó nêu rõ những nguyên tắc và chiến lược xác định các cộng đồng bị ảnh hưởng cũng như các đối tượng có liên quan và lập kế hoạch để cộng đồng tham gia theo đúng các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này một khi vị trí của dự án được xác định cụ thể.

Công bố thông tin

29. Việc công bố thông tin cần thiết về dự án giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng hiểu được những rủi ro, tác động và cơ hội của dự án. Khách hàng sẽ cung cấp cho các cộng đồng bị ảnh hưởng những thông tin liên quan²⁶ về: (i) mục đích, tính chất và quy mô của dự án; (ii) thời gian các hoạt động của dự án để xuất; (iii) bất kỳ rủi ro và tác động tiềm tàng nào lên cộng đồng và các biện pháp khắc phục; (iv) quá trình có sự tham gia của cộng đồng; và (v) cơ chế khiếu nại.

²⁵ Ví dụ như lãnh đạo của cộng đồng hay lãnh đạo tôn giáo, đại diện cơ quan địa phương, đại diện các tổ chức dân sự, chính khách, giáo viên, và/hoặc những người đại diện một hay nhiều nhóm đối tượng bị ảnh hưởng.

²⁶ Tùy thuộc vào quy mô của dự án và mức độ của rủi ro và tác động, các tài liệu liên quan có thể là Kế hoạch hành động môi trường và xã hội tổng thể (bao gồm cả Kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng, Kế hoạch hành động tái định cư, Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học, Kế hoạch quản lý vật liệu nguy hiểm, Kế hoạch Chuẩn bị khẩn cấp và đối phó, Kế hoạch Y tế Cộng đồng và an toàn, và Kế hoạch phát triển dân bản địa v.v...) hoặc chỉ là tóm tắt để hiểu những vấn đề và cam kết chính. Những tài liệu này cũng có thể gồm cả chính sách môi trường và xã hội và các biện pháp, hành động bổ sung do các nhà tài trợ yêu cầu từ những phát hiện của các cuộc thanh tra chi tiết (due diligence).

Tham vấn

30. Nếu cộng đồng bị ảnh hưởng có thể bị rủi ro, ảnh hưởng xấu từ một dự án, khách hàng sẽ thực hiện một quá trình tham vấn để tạo cho các cộng đồng bị ảnh hưởng những cơ hội để bày tỏ quan điểm của họ về rủi ro của dự án, ảnh hưởng, và các biện pháp giảm thiểu, và cho phép khách hàng xem xét và trả lời cho họ. Phạm vi và mức độ tham vấn cần tương xứng với rủi ro và tác động của dự án cũng như các mối quan tâm của cộng đồng bị ảnh hưởng. Tham vấn hiệu quả là một quá trình hai chiều: (i) nên bắt đầu ngay trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội và được tiếp tục ngay khi rủi ro và tác động phát sinh; (ii) phải được dựa trên việc công bố và cung cấp trước thông tin có liên quan và đầy đủ, trung thực, có ý nghĩa và dễ dàng tiếp cận với ngôn ngữ dễ hiểu phù hợp với trình độ của cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) sẽ tập trung chủ yếu²⁷ vào tham vấn những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp hơn là các đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp; (iv) tránh mọi tình huống thông tin bị thổi phồng, can thiệp, bị ép buộc hay hăm dọa; (v) tạo điều kiện có sự tham gia hiệu quả; và (v) lưu giữ thông tin tham vấn. Các khách hàng sẽ điều chỉnh quá trình tham vấn cho phù hợp với ngôn ngữ của các cộng đồng bị ảnh hưởng, quá trình ra quyết định của họ, và các nhu cầu của các nhóm có hoàn cảnh khó khăn hoặc dễ bị tổn thương. Nếu khách hàng đã thực hiện quá trình tham vấn này, họ cần cung cấp đầy đủ thông tin bằng chứng cho quá trình đó.

Tham vấn toàn diện

31. Đối với các dự án có ảnh hưởng bất lợi rõ rệt đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng cần tổ chức quá trình tham vấn toàn diện (ICP) chủ yếu dựa trên các bước của quá trình tham vấn và kết quả đạt được là có được sự tham gia toàn diện của cộng đồng bị ảnh hưởng. ICP bao gồm quá trình trao đổi thông tin và quan điểm sâu hơn, quá trình tham vấn có tổ chức và có lộ trình, giúp khách hàng đưa vào quá trình ra quyết định của họ những quan điểm của các cộng đồng bị ảnh hưởng đối với những vấn đề có ảnh hưởng đến họ trực tiếp, như biện pháp giảm thiểu để xuất, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và vấn đề thực hiện. Tiến trình tham vấn cần (i) tham khảo quan điểm của các nhóm nam và nữ, nếu cần thiết có thể tổ chức lấy ý kiến theo nhóm riêng; (ii) phản ánh mối quan tâm và ưu tiên khác nhau giữa nam và nữ về tác động, cơ chế khắc phục và lợi ích, khi thích hợp. Khách hàng sẽ lưu tài liệu về quá trình, đặc biệt là các biện pháp đã thực hiện để tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động xấu đến các cộng đồng

²⁷ Như nam giới, phụ nữ, người già, thanh thiếu niên và các nhóm/cá nhân bất lợi hay dễ bị tổn thương

bị ảnh hưởng và sẽ thông báo cho các đối tượng bị ảnh hưởng về các mối quan tâm của họ đã được xem xét.

Thổ dân

32. Đối với những dự án có tác động tiêu cực đến các nhóm thổ dân, khách hàng cần tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình ICP và trong một số trường hợp khách hàng cần sự đồng ý trước dựa trên cơ sở hiểu rõ và không bị ép buộc (gọi là FPIC - Free, Prior and Informed Consent). Các yêu cầu liên quan đến thổ dân và quy định về các trường hợp đặc biệt đòi hỏi phải có FPIC được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Trách nhiệm của khối doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp cơ quan nhà nước tổ chức tham vấn cộng đồng

33. Khi tổ chức tham vấn cộng đồng là trách nhiệm của chính phủ nước sở tại, khách hàng sẽ phối hợp với cơ quan nhà nước có trách nhiệm, được phép của cơ quan nhà nước đó, để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, nếu năng lực của phía nhà nước là hạn chế, khách hàng cần đóng vai trò chủ động trong việc lập kế hoạch, triển khai và giám sát sự tham gia của cộng đồng. Nếu quá trình do cơ quan nhà nước thực hiện không đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần thực hiện các hoạt động bổ sung và nếu cần thiết có các biện pháp bổ sung.

Truyền thông và cơ chế khiếu nại

Truyền thông

34. Khách hàng sẽ triển khai và duy trì một quá trình truyền thông để (i) thu nhận các thông tin bên ngoài (ii) nghiên cứu và đánh giá các vấn đề được nêu ra và quyết định xem nên giải quyết thế nào; (iii) cung cấp, theo dõi và ghi lại những phản hồi nếu có; và (iv) điều

chỉnh chương trình quản lý, khi cần thiết. Thêm vào đó, khách hàng nên cung cấp các báo cáo định kỳ về hoạt động môi trường và xã hội bền vững đến công chúng.

Cơ chế khiếu nại đối với cộng đồng bị ảnh hưởng

35. Khi có sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng sẽ thiết lập cơ chế khiếu nại để tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại và lo lắng của cộng đồng bị ảnh hưởng liên quan đến môi trường và xã hội. Cơ chế khiếu nại cần được điều chỉnh quy mô cho phù hợp với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án và coi cộng đồng bị ảnh hưởng là đối tượng chính cần phục vụ. Nó sẽ giải quyết lo ngại kịp thời, sử dụng một quá trình dễ hiểu và minh bạch phù hợp về văn hóa và dễ dàng tiếp cận tới tất cả các phân nhóm của các cộng đồng bị ảnh hưởng, và không có chi phí và không có sự trừng phạt đến đối tượng đưa ra khiếu nại. Cơ chế này không ngăn cản việc sử dụng các thủ tục hành chính và pháp lý. Khách hàng sẽ thông báo các cộng đồng bị ảnh hưởng về cơ chế này trong quá trình tham gia của cộng đồng.

Báo cáo đến cộng đồng bị ảnh hưởng

36. Khách hàng sẽ cung cấp báo cáo định kỳ cho cộng đồng bị ảnh hưởng trong đó mô tả tiến trình triển khai Kế hoạch hành động về các vấn đề có liên quan đến nguy cơ đang diễn ra hoặc tác động đến cộng đồng bị ảnh hưởng, và về các vấn đề mà quá trình tham vấn hoặc cơ chế khiếu nại đã xác định là mối quan tâm của những cộng đồng đó. Nếu chương trình quản lý dẫn tới những thay đổi quan trọng, hoặc những thay đổi thêm vào các biện pháp giảm nhẹ hoặc hành động được mô tả trong Kế hoạch Hành động đối với các vấn đề liên quan đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, thì các biện pháp giảm thiểu cập nhật hoặc các hành động cũng sẽ được công bố. Tần suất của các báo cáo này sẽ tương ứng với mức độ quan tâm của các cộng đồng chịu ảnh hưởng nhưng không được ít hơn 1 lần 1 năm.

Tiêu chuẩn hoạt động 2

Điều kiện làm việc và lao động

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 2 thừa nhận rằng việc theo đuổi tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo ra việc làm và tạo thu nhập nên hài hòa với việc bảo vệ cho các quyền cơ bản¹ của người lao động. Đối với bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, lực lượng lao động là một tài sản có giá trị, và một mối quan hệ tốt giữa người lao động và quản lý là một nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thất bại trong việc thành lập và nuôi dưỡng một mối quan hệ tốt giữa người lao động và quản lý có thể làm suy giảm cam kết và khả năng làm việc lâu dài của người lao động, và có thể gây trở ngại cho dự án. Ngược lại, thông qua một mối quan hệ có tính xây dựng giữa người lao động và quản lý, và thông qua việc đối xử với người lao động một cách công bằng và cung cấp cho họ điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, khách hàng có thể tạo ra lợi ích hữu hình, chẳng hạn như tăng cường hiệu quả và năng suất hoạt động của mình.

2. Các yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn Hoạt động này đã được hướng dẫn một phần bởi nhiều công ước quốc tế thỏa thuận thông qua Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Liên hợp quốc (UN).²

Mục tiêu

- Để thúc đẩy việc đối xử công bằng, không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng cho người lao động.
- Để thiết lập, duy trì và hoàn thiện quan hệ giữa người lao động và quản lý.
- Để thúc đẩy việc tuân thủ các luật lệ về tuyển dụng và lao động quốc gia.
- Để bảo vệ người lao động, bao gồm cả nhóm người lao động dễ bị tổn thương như trẻ em, lao động

¹ Được hướng dẫn trong các công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được liệt kê trong chú thích số 2.

² Các công ước này gồm:

Công ước ILO 87 về Tự do trong Hội họp, Liên kết và Bảo vệ quyền Tổ chức

Công ước ILO 98 về Quyền Tổ chức và Thương lượng tập thể

Công ước ILO 29 về lao động cưỡng bức

Công ước ILO 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức

Công ước ILO 138 về Độ tuổi lao động tối thiểu

Công ước ILO 182 về các hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em

Công ước ILO 100 Thủ lao Bình Đẳng

Công ước ILO 111 về Phân biệt đối xử (việc làm và nghề nghiệp)

Công ước UN về Quyền trẻ em, Điều 32,1

Công ước UN về Bảo vệ Quyền của lao động nhập cư và gia đình họ

nhập cư, lao động của bên thứ ba và lao động của các nhà cung cấp.

- Để thúc đẩy điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, cũng như sức khỏe của người lao động.
- Để tránh sử dụng lao động cưỡng bức.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này được Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý này được phản ánh ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.

4. Phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn hoạt động này phụ thuộc vào loại quan hệ lao động giữa khách hàng và người lao động. Tiêu chuẩn này áp dụng cho người lao động mà khách hàng thuê trực tiếp (gọi là lao động trực tiếp), lao động do bên thứ ba thuê để thực hiện những công việc liên quan đến những quy trình dự án chính yếu³ trong một thời gian đáng kể (lao động hợp đồng) cũng như lao động do nhà cung cấp chính của khách hàng thuê (lao động của nhà cung cấp).⁴

Lao động trực tiếp

5. Đối với lao động trực tiếp, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 8 đến 23 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Lao động hợp đồng

6. Đối với lao động hợp đồng, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 23 đến 26 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Lao động của nhà cung cấp

7. Đối với lao động của nhà cung cấp, khách hàng sẽ

³ Quy trình dự án chính yếu bao gồm những hoạt động sản xuất/dịch vụ không thể thiếu cho hoạt động của doanh nghiệp

⁴ Nhà cung cấp chính là những ai thường xuyên cung cấp hàng hóa, nguyên liệu cần thiết cho các hoạt động chính yếu của dự án

áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 27 đến 29 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Yêu cầu

Các điều kiện làm việc và quản lý quan hệ với người lao động

Chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực

8. Khách hàng sẽ áp dụng và triển khai chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực phù hợp với quy mô và lực lượng lao động của mình để đề ra phương pháp tiếp cận của mình trong quản lý nhân viên phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này và các quy định liên quan của nước sở tại.

9. Theo chính sách này, khách hàng sẽ cung cấp cho nhân viên các thông tin liên quan đến quyền của mình theo luật lao động và việc làm của nước sở tại và trong thỏa ước lao động tập thể nếu có, bao gồm cả quyền của họ liên quan đến số giờ lao động, tiền lương, thù lao làm thêm giờ, các khoản phúc lợi và quyền lợi khác. Chính sách này cần được cung cấp, giải thích hoặc tạo điều kiện tiếp cận cho mỗi nhân viên ngay khi bắt đầu quan hệ lao động hay khi có sự thay đổi nào đáng kể trong chính sách đó.

Các điều kiện và các điều khoản làm việc

10. Trường hợp khách hàng là một bên của một thỏa ước lao động tập thể với tổ chức của người lao động, cần tôn trọng thỏa thuận này. Trường hợp thỏa thuận đó không tồn tại, hoặc không giải quyết được các điều kiện làm việc và điều kiện lao động,⁵ khách hàng sẽ cung cấp các điều kiện và các điều khoản lao động hợp lý.⁶

11. Khách hàng sẽ xác định nhóm lao động nhập cư và đảm bảo họ được hưởng những điều kiện làm việc tương đương với lao động không nhập cư đảm đương cùng một loại công việc.

12. Khi khách hàng cung cấp chỗ ở⁷ cho người lao động

trong phạm vi của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng sẽ thiết lập và triển khai chính sách về chất lượng và quản lý chỗ ở và các dịch vụ cơ bản khác.⁸ Dịch vụ chỗ ở được cung cấp theo nguyên tắc không phân biệt đối xử và cơ hội công bằng. Việc thu xếp chỗ ở cho người lao động không được hạn chế quyền tự do di chuyển và hội họp của người lao động.

Các tổ chức của người lao động

13. Ở các nước mà pháp luật quốc gia công nhận quyền thành lập và tham gia của người lao động vào các tổ chức theo lựa chọn của họ mà không có sự can thiệp nào và có quyền thỏa thuận tập thể, khách hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia. Trong trường hợp luật quốc gia hạn chế các tổ chức của người lao động, các khách hàng sẽ tạo điều kiện cho công nhân có các hình thức khác để bày tỏ khiếu nại của họ và bảo vệ quyền lợi của họ về điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Khách hàng không tác động hay kiểm soát các cơ chế này.

14. Dù là trường hợp nào như được mô tả trong khoản 13 của Tiêu chuẩn hoạt động này và khi chưa có quy định liên quan trong pháp luật quốc gia, khách hàng sẽ không ngăn cản người làm hình thành hoặc tham gia các tổ chức của người lao động theo lựa chọn của họ hoặc thương lượng tập thể, và sẽ không phân biệt đối xử hoặc trả thù những người lao động mà tham gia, hoặc tìm cách tham gia vào những tổ chức và thương lượng tập thể như vậy. Các khách hàng sẽ cộng tác với những đại diện của người làm công như vậy. Các tổ chức của người lao động sẽ đại diện cho người lao động trong lực lượng lao động một cách công bằng.

Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

15. Các khách hàng sẽ không ra quyết định về việc làm trên cơ sở các đặc điểm cá nhân⁹ không liên quan đến yêu cầu công việc vốn có. Khách hàng sẽ đặt mối quan hệ làm việc trên nguyên tắc cơ hội bình đẳng và đối xử công bằng, sẽ không phân biệt đối xử trong các khía cạnh của mối quan hệ lao động, bao gồm tuyển dụng và thuê, thù lao (kể cả tiền lương và quyền lợi), điều kiện làm việc và điều khoản lao động, cơ hội đào tạo, thăng tiến, chấm dứt việc làm hoặc nghỉ hưu, và kỷ luật. Khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp để ngăn chặn và giải quyết các vấn đề xâm phạm, hăm dọa, và/hay bóc lột, nhất là liên quan đến phụ nữ. Nguyên tắc không phân biệt đối xử cần được áp dụng cho lao động nhập cư.

⁵ Các ví dụ về điều kiện làm việc và điều kiện lao động là: tiền lương và các quyền lợi khác, giảm lương, số giờ làm việc, sắp xếp làm thêm giờ và thù lao làm thêm giờ, và nghỉ phép chữa bệnh, nghỉ thai sản, nghỉ phép.

⁶ Điều kiện và các điều khoản lao động hợp lý có thể được đánh giá theo các nguồn sau: (i) điều kiện làm việc của một công việc tương tự trong ngành sản xuất, thương mại tương tự ở khu vực/vùng đó; (ii) thỏa ước tập thể hay các thỏa thuận được công nhận khác giữa các tổ chức của người sử dụng lao động và đại diện người lao động trong ngành sản xuất, thương mại liên quan; (iii) phán quyết của trọng tài; hay (iv) điều kiện làm việc do luật pháp của nước sở tại quy định.

⁷ Những dịch vụ này có thể do khách hàng trực tiếp cung cấp hoặc do bên thứ ba cung cấp.

⁸ Các yêu cầu về dịch vụ cơ bản như điện tích tối thiểu, cung cấp nước, hệ thống thu gom rác thải và cống rãnh, hệ thống bảo vệ chống nóng, lạnh, ngập, tiếng ồn, hỏa hoạn.

⁹ Như giới tính, chủng tộc, quốc tịch, dân tộc, nguồn gốc xã hội và thờ đản, tôn giáo và tín ngưỡng, tàn tật, tuổi tác hay thiên hướng giới tính.

16. Ở các nước mà pháp luật quốc gia không cho phép phân biệt đối xử trong tuyển dụng, khách hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia. Khi luật pháp quốc gia không đề cập về vấn đề phân biệt đối xử, khách hàng sẽ tuân thủ các quy định của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Nếu luật pháp một nước có những quy định khác với Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng nên xem xét thực hiện phù hợp với nguyên tắc bao trùm của khoản 15 mà vẫn không vi phạm luật quốc gia.

17. Biện pháp đặc biệt để bảo vệ hoặc trợ giúp để khắc phục sự phân biệt đối xử trong quá khứ hoặc lựa chọn một công việc cụ thể dựa trên các yêu cầu vốn có của công việc sẽ không được coi là phân biệt đối xử, miễn là phù hợp với luật pháp của nước đó.

Thời việc

18. Trước khi thực hiện quyết định cho thôi việc hàng loạt,¹⁰ khách hàng sẽ cần phân tích các phương án thay thế.¹¹ Nếu kết quả phân tích không đưa ra được phương án nào thích hợp hơn, Các khách hàng sẽ xây dựng một kế hoạch để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực khi người lao động mất việc làm. Kế hoạch cho thôi việc sẽ dựa theo nguyên tắc không phân biệt đối xử và phản ánh kết quả tham vấn của khách hàng với người lao động, tổ chức của họ và khi phù hợp, chính phủ và tuân thủ các thỏa ước lao động tập thể đang có hiệu lực. Khách hàng sẽ tuân theo các quy định và ràng buộc hợp đồng liên quan đến việc phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cung cấp thông tin và lấy ý kiến người lao động và các tổ chức của họ.

19. Khách hàng cần đảm bảo việc thông báo đến người lao động về quyết định cho thôi việc và trả đầy đủ tiền trợ cấp cho thôi việc theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể ngay khi có thể. Tất cả các khoản còn nợ bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm hưu trí cần được trả (i) ngay khi hoặc trước khi chấm dứt quan hệ lao động với người lao động; (ii) ngay khi phù hợp, với nguyên tắc vì lợi ích của người lao động; (iii) việc thanh toán cần tuân thủ theo quy định về thời hạn trong thỏa ước lao động tập thể. Khi việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở lợi ích của người lao động, người lao động sẽ được cung cấp bằng chứng cho việc thanh toán này.

Cơ chế khiếu nại

20. Khách hàng sẽ cung cấp một cơ chế khiếu nại cho

¹⁰ Cho thôi việc hàng loạt thường do các lí do kinh tế, kỹ thuật hay cơ cấu tổ chức; hoặc các lí do khác không liên quan đến hiệu quả làm việc hay các lí do cá nhân.

¹¹ Ví dụ các phương án khác như chương trình cắt giờ lao động có thỏa thuận, chương trình tăng cường năng lực cho người lao động, những công việc bảo trì, bảo dưỡng dài hạn trong thời gian khối lượng công việc thấp.

người lao động (và các tổ chức của họ, nếu có) để nêu lên các vấn đề họ quan tâm. Khách hàng sẽ giới thiệu cho người lao động biết về cơ chế khiếu nại tại thời điểm thuê lao động, và tạo điều kiện cho họ dễ dàng tiếp cận. Cơ chế này cần nhận được mối quan tâm đúng mức từ các cấp quản lý và giải quyết các vấn đề một cách kịp thời, sử dụng một quá trình dễ hiểu và minh bạch để cung cấp thông tin phản hồi tới những người quan tâm, mà không có bất kỳ sự trừng phạt nào. Cơ chế này không ngăn cản việc tiếp cận bằng các giải pháp hành chính và pháp lý nào đang có trong luật hoặc bất kỳ một thủ tục trọng tài nào, hoặc các cơ chế khiếu nại hoặc thay thế khác thông qua thỏa ước lao động tập thể.

Bảo vệ lực lượng lao động

Lao động trẻ em

21. Khách hàng sẽ không sử dụng trẻ em và mục đích kinh tế, hoặc có thể gây nguy hiểm hoặc gây trở ngại cho trẻ em được giáo dục, hoặc gây hại cho sức khỏe hay khả năng phát triển tinh thần, trí tuệ, thể chất, đạo đức, hay xã hội của trẻ em. Khách hàng cần biết rõ tất cả những lao động dưới 18 tuổi trong cơ sở của mình. Trường hợp pháp luật quốc gia có quy định về việc làm của trẻ vị thành niên, khách hàng sẽ tuân theo những quy định của pháp luật áp dụng cho khách hàng. Trẻ em dưới 18 tuổi sẽ không được tuyển dụng để làm những công việc nguy hiểm/độc hại.¹² Tất cả những công việc giao cho lao động dưới 18 tuổi cần phải được đánh giá rủi ro và theo dõi định kỳ về điều kiện làm việc, sức khỏe và số giờ lao động.

Lao động cưỡng bức

22. Các khách hàng sẽ không sử dụng lao động cưỡng bức bao gồm bất kỳ công việc hoặc dịch vụ không tự nguyện nào mà do một cá nhân bị đe dọa vũ lực hoặc hình phạt phải thực hiện. Điều này bao gồm bất kỳ loại lao động không tự nguyện hoặc bắt buộc, chẳng hạn như giao kèo lao động, lao động ràng buộc hoặc các thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động tương tự. Khách hàng không thuê những đối tượng bị buôn bán.¹³

¹² Ví dụ cho những công việc nguy hiểm/độc hại như: (i) dễ bị lam dụng thể chất, tâm lý hay tinh dục; (ii) những công việc dưới đất ngầm, dưới nước hoặc trên độ cao hay nơi có không gian hạn chế; (iii) với máy móc, thiết bị, công cụ nguy hiểm hay phải mang vật nặng; (iv) môi trường làm việc độc hại: các chất, quy trình, nhiệt độ, tiếng ồn, mức rung chấn có hại cho sức khỏe; (v) điều kiện làm việc khó khăn như số giờ làm việc dài, làm ca đêm, hay bị người sử dụng lao động giám sát.

¹³ Buôn người là hành vi tuyển dụng, vận chuyển, chuyển nhượng, che giấu hoặc tiếp nhận những người bị bắt cho dùng vũ lực, hay bị ép buộc, bị bắt cóc, bị lừa gạt, bị lạm dụng, hay đang ở thế bất lợi, hoặc trả tiền và những thứ khác để dành quyền kiểm soát một người từ tay một người khác với mục đích khai thác bóc lột sức lao động. Phụ nữ và trẻ em thường là đối tượng của hoạt động buôn người.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

23. Các khách hàng sẽ cung cấp cho người lao động một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, có tính đến các rủi ro vốn có trong lĩnh vực cụ thể của mình và các mối nguy hiểm cụ thể trong khu vực làm việc của khách hàng, bao gồm cả hóa chất, vật lý, sinh học, và các mối nguy hiểm phóng xạ. Các khách hàng sẽ thực hiện các bước để ngăn ngừa tai nạn, thương tích, và bệnh tật phát sinh từ, có liên quan đến, hoặc xảy ra trong quá trình làm việc bằng cách giảm thiểu, cho đến chừng mực hợp lý thực tế, các nguyên nhân của mỗi nguy hiểm. Để phù hợp với thông lệ ngành quốc tế, (GIIP)¹⁴ như được phản ánh trong các nguồn tài liệu quốc tế bao gồm cả Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới, khách hàng sẽ giải quyết các mảng việc, bao gồm: (i) việc xác định các mối nguy hiểm tiềm năng cho người lao động, đặc biệt là mối nguy có thể đe dọa tính mạng; (ii) cung cấp các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ, bao gồm thay thế, sửa đổi, hoặc loại bỏ các điều kiện hoặc các chất độc hại; (iii) đào tạo công nhân; (iv) lưu tài liệu và báo cáo tai nạn, bệnh tật, và các sự cố lao động; (v) phòng cấp cứu, chuẩn bị và tổ chức đối phó. Có thể tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 về các thông tin liên quan đến phòng bị và chuẩn bị đối phó.

Người lao động do bên thứ ba thuê

24. Đối với lao động do bên thứ ba thuê, khách hàng cần có nỗ lực hợp lý về mặt kinh tế để bên thứ ba cung cấp lao động là những doanh nghiệp có uy tín và làm ăn hợp pháp và có một hệ thống quản lý môi trường và xã hội hợp lý cho phép họ có thể hoạt động tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, trừ khoản 18-19 và khoản 27-29.

25. Khách hàng sẽ xây dựng chính sách và quy trình để theo dõi và quản lý hoạt động của người cung cấp lao động bên thứ ba theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, khách hàng sẽ có nỗ lực hợp lý

về mặt kinh tế để đưa các yêu cầu này vào hợp đồng với bên thứ ba nói trên.

26. Khách hàng cần đảm bảo những lao động được thuê, theo điều khoản 24-25 của Tiêu chuẩn hoạt động này cũng được tiếp cận cơ chế khiếu nại. Trong trường hợp bên thứ ba không thể cung cấp cơ chế khiếu nại, khách hàng sẽ cho phép những lao động này sử dụng cơ chế khiếu nại của khách hàng.

Chuỗi cung ứng

27. Khi có nguy cơ có thể có sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức¹⁵ trong chuỗi cung cấp chính, khách hàng cần xác định rõ những rủi ro này cho phù hợp với khoản 21 và 22 ở trên. Nếu xác định được trường hợp sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức nào, khách hàng cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết những trường hợp đó. Khách hàng sẽ theo dõi chuỗi cung cấp chính này thường xuyên để kịp thời biết được những thay đổi lớn trong chuỗi cung cấp và nếu nguy cơ hay sự cố mới về sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức phát sinh, khách hàng cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết những trường hợp đó.

28. Thêm vào đó, khi có nguy cơ cao về các vấn đề an toàn lao động liên quan đến chuỗi cung cấp chính, khách hàng cần có quy trình và biện pháp giải quyết để đảm bảo các nhà cung cấp chính trong chuỗi cung cấp cũng áp dụng biện pháp để ngăn ngừa và sửa chữa những tình huống đe dọa đến tính mạng.

29. Khả năng của khách hàng để xử lý những nguy cơ này có thể phụ thuộc vào tầm kiểm soát của ban lãnh đạo hay mức độ ảnh hưởng của ban lãnh đạo đối với các nhà cung cấp. Trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp giải quyết, khách hàng cần tìm cách thay đổi nhà cung cấp chính bằng một doanh nghiệp có khả năng tuân thủ với các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này.

¹⁴ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu hoặc trong khu vực.

¹⁵ Nguy cơ về lao động trẻ em và lao động cưỡng bức cần được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Tiêu chuẩn hoạt động 3

Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 3 thừa nhận rằng hoạt động công nghiệp và đô thị hóa gia tăng thường làm tăng ô nhiễm không khí, nước, và đất, và sử dụng nguồn lực có hạn theo cách có thể đe dọa con người và môi trường trên phạm vi địa phương, khu vực và toàn cầu.¹ Toàn cầu cũng đang lo ngại nồng độ khí nhà kính (GHG) hiện nay và dự báo đang đe dọa sức khỏe cộng đồng và phúc lợi của các thế hệ hiện tại và mai sau. Mặt khác, công nghệ và thực tiễn sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả hơn, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm² và phát thải nhà kính đã trở nên dễ tiếp cận hơn ở hầu như tất cả các nơi trên thế giới. Những biện pháp này thường được triển khai trên cơ sở các phương pháp đổi mới không ngừng - giống như đổi mới không ngừng về chất lượng và năng suất thường được biết đến trong các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

2. Tiêu chuẩn Hoạt động này phác thảo cách tiếp cận kiểu dự án đối với vấn đề tiết kiệm nguồn tài nguyên và phòng ngừa và xử lý ô nhiễm phù hợp với những công nghệ và thông lệ quốc tế phổ biến. Ngoài ra, Tiêu chuẩn hoạt động này thúc đẩy khả năng của khu vực tư nhân trong việc tích hợp công nghệ và thực tiễn đó chùng nào việc sử dụng chúng về mặt kỹ thuật và tài chính là khả thi và hiệu quả trong bối cảnh của một dự án phải đầu vào các kỹ năng và các nguồn lực thương mại sẵn có.

Mục tiêu

- Để tránh hoặc giảm thiểu tác động xấu đến sức khỏe con người và môi trường bằng cách tránh hoặc giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động của dự án.
- Để thúc đẩy việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, kể cả năng lượng và nước.

¹ Theo mục đích của Tiêu chuẩn Hoạt động này, thuật ngữ "ô nhiễm" được sử dụng để chỉ chất nguy hại hay không nguy hại ở thể rắn, lỏng, hoặc khí, và bao gồm cả các hình thức khác như sâu bọ, mầm bệnh, xạ nhiệt vào nước, thải khí nhà kính, mùi gây khó chịu, tiếng ồn, độ rung, bức xạ, năng lượng điện từ, và việc tạo ra các tác động tiềm năng về thị giác bao gồm cả ánh sáng.

² Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, "ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm" không có nghĩa là loại bỏ ô nhiễm hoàn toàn mà được hiểu là phòng tránh tại nguồn khi có thể hoặc kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm tới mức có thể đáp ứng được các mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

- Để giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ các hoạt động của dự án.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Các yêu cầu chung

4. Trong suốt chu kỳ (vòng đời) của dự án, khách hàng sẽ xem xét các điều kiện môi trường xung quanh và áp dụng công nghệ và nguyên tắc khả thi nhất về mặt kỹ thuật và tài chính phù hợp nhất để phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, hoặc nếu không thể tránh thì giảm thiểu hoặc làm giảm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường.³ Các kỹ thuật và nguyên tắc phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đặc thù của dự án áp dụng trong suốt vòng đời dự án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với các mối nguy hiểm và rủi ro của dự án và phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành (GIIP),⁴ như được phản ánh trong các nguồn tài liệu quốc tế bao gồm cả Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới (Hướng dẫn EHS).

5. Khách hàng tham khảo Hướng dẫn EHS hay các nguồn tài liệu quốc tế khác, khi phù hợp, để đánh giá và lựa chọn công nghệ tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm của dự án. Hướng dẫn EHS cung cấp

³ Khả thi về mặt kỹ thuật được dựa trên việc liệu các biện pháp và hành động để xuất có thể được thực hiện với thiết bị, kỹ năng và vật liệu sẵn có về mặt thương mại, có tính đến các yếu tố địa phương thực tế như khí hậu, địa lý, nhân khẩu học, cơ sở hạ tầng, an ninh, quản trị, và năng lực và độ tin cậy trong hoạt động. Khả thi về mặt tài chính được xem xét dựa trên các yếu tố thương mại như chi phí của việc áp dụng các biện pháp và hành động như vậy so với số tiền để đầu tư, điều hành và bảo trì dự án và liệu chi phí gia tăng này có thể làm cho dự án không khả thi đối với khách hàng.

⁴ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu. Kết quả của quá trình này là việc dự án áp dụng công nghệ phù hợp nhất đối với trường hợp cụ thể của dự án.

những mức hoạt động chuẩn và các biện pháp được chấp nhận và áp dụng cho các sự án. Nếu các qui định của nước sở tại khác với mức và biện pháp được nêu trong Hướng dẫn EHS, thì yêu cầu dự án đạt được mức nghiêm ngặt hơn. Nếu mức hoặc biện pháp ít nghiêm ngặt hơn so với Hướng dẫn EHS là phù hợp, thì trong các trường hợp dự án cụ thể, cần có minh chứng cụ thể và chi tiết về các giải pháp thay thế trong đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Những minh chứng cần phải chứng tỏ được sự lựa chọn đối với mức tính năng thay thế là phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Tiết kiệm nguồn tài nguyên

6. Khách hàng sẽ triển khai các biện pháp hiệu quả về chi phí⁵ và khả thi về mặt kỹ thuật cũng như tài chính để cải thiện tính hiệu quả trong tiêu thụ năng lượng, nước cũng như các nguồn nguyên liệu và nguồn lực khác, tập trung vào những lĩnh vực là hoạt động kinh doanh chính của dự án. Những biện pháp này sẽ kết hợp các nguyên tắc sản xuất sạch hơn với quy trình thiết kế và sản xuất sản phẩm với mục tiêu bảo tồn nguồn nguyên liệu thô, năng lượng và nước. Khi có những dữ liệu chuẩn, khách hàng cần thực hiện so sánh để hiểu rõ mức độ hiệu quả của biện pháp áp dụng.

Khí nhà kính

7. Bên cạnh các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên, khách hàng nên xem xét các phương án thay thế và triển khai các phương án hiệu quả về chi phí và khả thi về mặt kỹ thuật cũng như tài chính để giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ hoạt động của dự án trong suốt quá trình thiết kế và vận hành dự án. Những phương án này có thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, việc lựa chọn địa điểm của dự án, áp dụng các nguồn năng lượng tái tạo hoặc nguồn năng lượng carbon thấp, các thông lệ thực hành nông nghiệp, khai thác rừng và chăn nuôi bền vững, giảm phát thải phát tán và giảm phát thải khí.

8. Đối với những dự án dự kiến có tạo ra hơn 25000 tấn CO₂ hoặc tương đương hàng năm⁶, khách hàng sẽ lượng hóa phát thải trực tiếp từ cơ sở hoặc cơ sở kiểm soát trong phạm vi thực tế của dự án,⁷ cũng như phát thải gián tiếp từ các hoạt động sản xuất năng lượng dùng

cho dự án.⁸ Việc lượng hóa phát thải khí nhà kính được thực hiện hàng năm theo các phương pháp và thông lệ tốt được quốc tế công nhận.⁹

Tiêu thụ nước

9. Khi dự án có tiềm năng sử dụng nhiều nước, bên cạnh việc áp dụng các yêu cầu về sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần áp dụng biện pháp để tránh hoặc giảm lượng nước sử dụng để việc tiêu thụ nước của dự án không đem lại tác động tiêu cực cho các đối tượng khác. Những biện pháp đó có thể là, nhưng không giới hạn, sử dụng các biện pháp bảo tồn nước khả thi về mặt kỹ thuật, sử dụng các nguồn cung cấp nước thay thế, bù lại phần nước tiêu thụ để giảm tổng lượng nước sử dụng và đánh giá các phương án khác nhau về vị trí của dự án.

Phòng ngừa ô nhiễm

10. Các khách hàng sẽ tránh được việc thải các chất ô nhiễm hoặc, khi không tránh được, giảm thiểu hoặc kiểm soát cường độ hoặc lượng thải ra. Điều này áp dụng đối với việc thải các chất ô nhiễm thường xuyên, không thường xuyên hoặc ngẫu nhiên với tiềm năng tác động lên địa phương, khu vực và xuyên biên giới.¹⁰ Khi có hiện tượng ô nhiễm từ trước nhu nhiễm bản nguồn đất và nguồn nước ngầm, khách hàng sẽ xem xét có phải trách nhiệm của mình phải thực hiện các biện pháp khắc phục hay không. Nếu trách nhiệm mang tính pháp lý này được đặt ra, khách hàng cần thực hiện trách nhiệm này theo quy định của pháp luật quốc gia hoặc nếu không có quy định liên quan trong pháp luật quốc gia thì theo thực hành công nghiệp quốc tế tốt (GIIP).¹¹

11. Để xử lý những tác động tiêu cực có thể có của dự án đến môi trường xung quanh,¹² khách hàng cần xem xét các nhân tố liên quan, chẳng hạn như: (i) hiện trạng điều kiện xung quanh; (ii) khả năng đồng hóa có hạn của môi trường;¹³ (iii) sử dụng đất hiện tại và tương lai; (iv) khoảng cách từ dự án đến khu vực được coi là quan trọng cho đa dạng sinh học; và (v) tiềm năng có tác động tích lũy với các hậu quả không rõ và/hoặc không thể thay đổi. Ngoài việc áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khi dự án có khả năng trở thành một

⁵ Hiệu quả về chi phí được xác định trên cơ sở chi phí vốn và chi phí vận hành cũng như lợi ích tài chính của việc sử dụng biện pháp đó trong suốt chu kỳ của biện pháp. Đối với Tiêu chuẩn hoạt động này, một biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên hay giảm phát thải khí nhà kính (GHG) sẽ được coi là có hiệu quả về chi phí nếu đem lại lợi nhuận đầu tư (dã tính đến rủi ro) tối thiểu tương ứng với lợi nhuận của dự án.

⁶ Lượng hóa phát thải cần xem xét các nguồn phát thải khí nhà kính chủ yếu, gồm cả các nguồn phi năng lượng như methane hay nitrous oxide (N₂O).

⁷ Sự thay đổi về nồng độ carbon trong đất hay sinh khối trên mặt đất và sự thoái hóa của các chất hữu cơ do dự án gây ra đều có thể tạo thành nguồn phát thải và cần được tính đến khi lượng hóa phát thải khí nhà kính một khi lượng phát thải từ nguồn này là đáng kể.

⁸ Chủ yếu để chỉ những hoạt động ngoài khu vực dự án nhằm tạo ra năng lượng điện, năng lượng làm nóng, làm lạnh mà dự án sẽ sử dụng.

⁹ Phương pháp ước tính được cung cấp bởi Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu, các tổ chức quốc tế và các cơ quan liên quan của nước sở tại.

¹⁰ Các chất gây ô nhiễm xuyên biên giới, bao gồm cả những chất được đề cập theo Công ước về ô nhiễm không khí xuyên biên giới tầm xa.

¹¹ Việc này cần có sự phối hợp với cơ quan trung ương và địa phương, cộng đồng, và những đối tượng góp phần vào tình trạng nhiễm bẩn và đòi hỏi đánh giá phải sử dụng các tiếp cận theo rủi ro, phù hợp với GIIP như đã được đề cập trong Hướng dẫn EHS.

¹² Như không khí, nước ngầm và nước bề mặt, và đất trồng.

¹³ Khả năng của môi trường hấp thụ một lượng ngày càng lớn các chất ô nhiễm mà vẫn giữ được ở mức không gây tổn hại đến sức khỏe con người và môi trường.

nguồn phát thải đáng kể ở một khu vực đã bị suy thoái, khách hàng cần xem xét áp dụng các chiến lược và biện pháp để tránh và giảm các ảnh hưởng tiêu cực. Các chiến lược này bao gồm, cũng không chỉ giới hạn ở, đánh giá vị trí dự án và phương án bù đắp phát thải.

Chất thải

12. Khách hàng sẽ tránh trong khả năng của mình việc thải ra môi trường các chất dù nguy hại hay không. Trường hợp phát sinh chất thải không thể tránh được, khách hàng sẽ giảm thiểu lượng thải, phục hồi và tái sử dụng chất thải theo cách không làm tổn hại đến sức khỏe con người và môi trường. Khi chất thải không thể được phục hồi hoặc tái sử dụng, khách hàng sẽ xử lý, hủy, và dọn đi sao cho thân thiện với môi trường bao gồm cả các biện pháp kiểm soát phát thải và các chất cận bã từ quá trình xử lý nguyên liệu thải. Nếu rác thải tạo ra là nguy hại,¹⁴ khách hàng cần áp dụng áp dụng các phương án thay thế theo GIIP đối với việc xả thải phù hợp với môi trường trong khi vẫn tuân thủ các giới hạn về lưu chuyển xuyên biên giới.¹⁵ Khi chất thải nguy hại do bên thứ ba xả ra, khách hàng nên sử dụng bên thứ ba có uy tín và hoạt động hợp pháp được cơ quan nhà nước cấp phép và có giấy tờ chứng minh chất thải được xử lý ở đâu cuối. Khách hàng cần đảm bảo các bãi rác thải có giấy phép và được vận hành theo các tiêu chuẩn chấp nhận được, biết rõ địa điểm của bãi rác thải trước khi quyết định sử dụng bãi rác đó. Nếu bãi rác đó không đạt yêu cầu, khách hàng cần giảm lượng thải chuyển đến bãi này và nghiên cứu các phương án xả thải khác, kể cả khả năng xây dựng cơ sở xử lý phục hồi và chôn lấp ngay trong khu vực dự án.

Quản lý vật liệu nguy hại

13. Nguyên liệu nguy hại đôi khi được sử dụng làm nguyên liệu thô hoặc là sản phẩm của dự án. Khách hàng sẽ tránh được việc thải các chất ô nhiễm hoặc, khi không tránh được, giảm thiểu hoặc kiểm soát cường độ hoặc lượng thải các chất thải nguy hại. Trong bối cảnh này, các hoạt động sản xuất, vận chuyển, xử lý, lưu kho và sử dụng chất nguy hại cho các hoạt động của dự án cần được đánh giá. Khách hàng sẽ xem xét thay thế các nguyên liệu ít nguy hại khi nguyên liệu nguy hại là cần thiết cho quá trình sản xuất hay các quá trình khác của dự án. Các khách hàng sẽ tránh được việc sản xuất, thương mại, và sử dụng hóa chất và các chất độc hại bị quốc tế cấm ngay hoặc hạn chế sử dụng dần dần do độc tính cao của các chất này đối với các sinh vật sống,

sự tồn tại của môi trường, tiềm năng tích lũy sinh học, hoặc khả năng làm suy yếu tầng ozone.¹⁶

Quản lý và Sử dụng Thuốc trừ sâu

14. Khách hàng sẽ, khi phù hợp, xây dựng và thực hiện cách tiếp cận quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và/hoặc quản lý sinh vật truyền bệnh tổng hợp (IVM) đối với các hoạt động quản lý dịch hại và sinh vật gây bệnh. Chương trình IVM và IPM của khách hàng sẽ dẫn đến việc sử dụng phối hợp thông tin dịch hại và môi trường cùng với các phương pháp kiểm soát dịch hại có sẵn, bao gồm các hoạt động văn hóa, sinh học, di truyền, và như một giải pháp cuối cùng, là hóa chất để ngăn ngừa mức độ thiệt hại sâu bệnh lớn và/hoặc sự lan truyền bệnh đến con người và loài vật khác.

15. Khi hoạt động quản lý dịch hại có sử dụng thuốc trừ sâu, khách hàng sẽ lựa chọn thuốc trừ sâu ít độc tính đối với con người, mà có hiệu quả chống lại các loài vật nhắm đến, và có tác động ít thiểu lên các loài không phải mục tiêu và môi trường. Khi khách hàng lựa chọn loại thuốc trừ sâu, việc lựa chọn sẽ được dựa trên liệu thuốc bảo vệ thực vật được đóng gói trong các thùng chứa an toàn, dán nhãn rõ ràng để sử dụng an toàn và thích hợp, và đã được sản xuất bởi một nhà sản xuất đang được cơ quan chức năng có liên quan cấp phép.

16. Các khách hàng sẽ thiết kế cho chế độ sử dụng thuốc trừ sâu để (i) tránh thiệt hại cho thiên địch của các loại dịch hại/sâu bệnh mục tiêu và khi không thể tránh thì giảm thiểu; (ii) tránh các rủi ro kèm theo khi có sự kháng thuốc của sâu bệnh và mầm bệnh, và khi không thể tránh thì giảm thiểu. Ngoài ra, thuốc trừ sâu sẽ được xử lý, lưu trữ, ứng dụng, hủy phù hợp với Quy tắc Ứng xử Quốc tế của Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Thế giới (FAO) về Phân phối và Sử dụng Thuốc Bảo vệ Thực vật hoặc thông lệ quốc tế ngành GIIP khác.

17. Khách hàng sẽ không sử dụng các sản phẩm mà theo Khuyến nghị Phân loại Thuốc trừ sâu theo Mối nguy của Tổ chức Y tế Thế giới gồm nhóm Ia (cực kỳ nguy hiểm) và Ib (rất độc hại). Khách hàng sẽ không sử dụng các sản phẩm thuộc nhóm II (độc hại vừa phải), trừ phi dự án có khả năng kiểm soát tốt việc sản xuất, mua hay phân phối và/hoặc sử dụng các sản phẩm này. Không được cho phép những nhân viên chưa qua đào tạo, chưa được trang bị thiết bị và phương tiện thích hợp để xử lý, lưu trữ, áp dụng, và xử lý các sản phẩm này đúng cách tiếp cận các hóa chất này.

¹⁴ Được quy định trong các công ước quốc tế hoặc luật pháp địa phương.

¹⁵ Lưu chuyển các chất thải nguy hại xuyên biên giới cần tuân thủ với luật pháp quốc gia, khu vực và quốc tế, kể cả Công ước Basel về Kiểm soát việc Lưu chuyển các Chất độc hại xuyên biên giới và Xả thải và Công ước Luân Đôn về Ngăn ngừa ô nhiễm đại dương khi xả thải và các chất khác.

¹⁶ Phù hợp với các mục tiêu của Công ước Stockholm về các chất hữu cơ ô nhiễm khó phân hủy và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozon. Các cân nhắc tương tự sẽ được áp dụng với các loại thuốc trừ sâu theo phân loại của Tổ chức Y Tế Thế giới (WHO).

Tiêu chuẩn hoạt động 4

Sức khỏe, An toàn và An ninh Cộng đồng

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn hoạt động 4 thừa nhận rằng các hoạt động, thiết bị và cơ sở hạ tầng dự án cũng có thể làm tăng khả năng tiếp xúc của cộng đồng với các rủi ro và tác động liên quan. Ngoài ra, đối với các cộng đồng đã bị ảnh hưởng bởi các tác động từ biến đổi khí hậu, họ có thể sẽ cảm nhận ảnh hưởng cộng hưởng do các hoạt động của dự án. Mặc dù phải thừa nhận vai trò của cơ quan chính quyền trong việc thúc đẩy sức khỏe, an toàn và an ninh cho công chúng, Tiêu chuẩn Hoạt động này chỉ ra trách nhiệm của khách hàng trong việc tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động đến an toàn, y tế và an ninh của cộng đồng mà có thể phát sinh từ các hoạt động của dự án, đặc biệt đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Trong khu vực có xung đột và hậu xung đột, mức độ rủi ro và tác động được mô tả trong Tiêu chuẩn Hoạt động này có thể lớn hơn. Rủi ro mà một dự án có thể làm cho hiện trạng vốn đã nhạy cảm ở địa phương đó trở nên trầm trọng hơn và gây căng thẳng cho việc sử dụng các nguồn tài nguyên vốn đã khan hiếm phải được xem xét cẩn trọng vì có thể dẫn đến những xung đột lớn hơn.

Mục tiêu

- Dự dự báo và tránh rủi ro và tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng trong vòng đời dự án trong cả các tình huống thường xuyên và bất thường.
- Để đảm bảo rằng việc bảo vệ người và tài sản được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc về quyền con người và tránh hoặc giảm thiểu các rủi ro đối với an toàn và an ninh của cộng đồng bị ảnh hưởng.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động

này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.

4. Tiêu chuẩn Hoạt động này giải quyết những rủi ro và tác động tiềm năng đối với cộng đồng bị ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án. Các yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động được đề cập tại Tiêu chuẩn Hoạt động 2, và các tiêu chuẩn môi trường để ngăn chặn tác động đến sức khỏe con người và môi trường do ô nhiễm được đề cập trong Tiêu chuẩn Hoạt động 3.

Yêu cầu

An toàn và sức khỏe Cộng đồng

5. Các khách hàng sẽ đánh giá rủi ro và tác động đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt vòng đời của dự án và sẽ thiết lập các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành (GIIP)¹, như Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới (Hướng dẫn EHS) hay các nguồn tài liệu quốc tế khác. Khách hàng sẽ xác định các rủi ro và tác động và đưa ra các biện pháp giải quyết chúng một cách tương xứng với những rủi ro và tác động xác định. Những biện pháp này sẽ ưu tiên cho việc phòng ngừa và tránh các rủi ro và tác động hơn là giảm thiểu và giảm nhẹ.

Thiết kế và An toàn Cơ sở hạ tầng và Thiết bị

6. Các khách hàng sẽ thiết kế, xây dựng và vận hành và ngừng hoạt động các kết cấu hoặc bộ phận cấu thành của dự án phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành, và sẽ xem xét cụ thể đến rủi ro an toàn cho bên thứ ba hoặc cho cộng đồng bị ảnh hưởng. Khi tòa nhà hay kết cấu mới sẽ mở cửa cho dân chúng, khách hàng cần xem xét các rủi ro lớn hơn khi dân chúng có khả năng gặp phải các tai nạn

¹ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu hoặc trong khu vực.

trong vận hành, và/hoặc hiểm họa tự nhiên, và tuân thủ với nguyên tắc khu vực công cộng. Các cấu trúc của dự án cần được thiết kế và xây dựng bởi những chuyên gia lành nghề, được chứng nhận và phê duyệt của cơ quan hoặc các chuyên gia có thẩm quyền. Khi các yếu tố kết cấu hoặc các bộ phận cấu thành, chẳng hạn như đập, đập chất thải, hoặc ao tro, nằm ở vị trí có nguy cơ cao, và thất bại hay sự cố của chúng có thể đe dọa sự an toàn của cộng đồng, khách hàng sẽ mời một hoặc nhiều chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm với các dự án tương tự, độc lập với nhóm những người chịu trách nhiệm cho việc thiết kế và xây dựng, tiến hành rà soát càng sớm càng tốt trong giai đoạn phát triển dự án và trong suốt các giai đoạn thiết kế dự án, xây dựng và vận hành và tháo dỡ. Đối với các dự án vận hành các thiết bị di động trên đường công cộng và các loại hình cơ sở hạ tầng khác, khách hàng sẽ tìm cách ngăn chặn các sự cố và tai nạn liên quan đến hoạt động của thiết bị đó.

An toàn cho Vật liệu độc hại

7. Các khách hàng sẽ ngăn chặn hoặc giảm thiểu khả năng tiếp xúc của cộng đồng với các chất và vật liệu độc hại có thể sẽ xuất hiện từ dự án. Trường hợp cộng đồng (bao gồm cả người lao động và gia đình của họ) có thể sẽ phải tiếp xúc với hiểm họa, đặc biệt là hiểm họa có thể đe dọa tính mạng, khách hàng sẽ thực hiện hoạt động đặc biệt cần trọng để tránh hoặc giảm thiểu tiếp xúc của họ bằng cách thay đổi, thay thế hoặc loại bỏ điều kiện hay chất gây ra mối nguy hiểm. Trường hợp vật liệu nguy hiểm là một phần của cơ sở hạ tầng hoặc các thành phần hiện có của dự án, khách hàng sẽ đặc biệt cần trọng khi tiến hành các hoạt động ngừng hoạt động dự án để ngăn chặn việc vật liệu tiếp xúc với cộng đồng. Ngoài ra, khách hàng sẽ thực hiện các nỗ lực thương mại hợp lý để kiểm soát sự an toàn trong việc cung cấp nguyên liệu độc hại, vận chuyển và xử lý chất thải, và sẽ thực hiện các biện pháp để tránh hoặc kiểm soát việc thuốt trừ sâu tiếp xúc với cộng đồng phù hợp với các yêu cầu nêu tại Tiêu chuẩn Hoạt động 3.

Các dịch vụ của hệ sinh thái

8. Tác động trực tiếp của dự án đến các dịch vụ sinh thái ưu tiên có thể mang đến những rủi ro và tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, dịch vụ sinh thái được hiểu chỉ là dịch vụ cung cấp và dịch vụ điều hành đã được định nghĩa tại khoản 2 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Chẳng hạn, việc thay đổi cách thức sử dụng đất hay làm mất vùng đệm tự nhiên như vùng đầm lầy,

rừng đước, rừng trên núi để hạn chế ảnh hưởng của thiên tai như lũ lụt, lở đất và hòa loạn có thể làm trầm trọng hơn mức độ dễ bị tổn thương và mang lại những rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng. Sự thu hẹp hoặc thoái hóa các nguồn tài nguyên thiên nhiên như tác động tiêu cực đến chất lượng, số lượng và sự sẵn có của nguồn nước ngọt,² có thể mang lại những rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn. Khi phù hợp và khả thi, khách hàng sẽ xác định những rủi ro này và những tác động tiềm năng lên các dịch vụ của hệ sinh thái mà có thể bị ảnh hưởng thêm từ biến đổi khí hậu. Những tác động tiêu cực cần cố tránh, trong trường hợp không thể tránh thì khách hàng phải thực hiện các biện pháp khắc phục giảm thiểu tác động theo các quy định tại khoản 24 và 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Liên quan đến việc sử dụng và mất quyền tiếp cận với các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái, khách hàng cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu theo quy định tại khoản 25 đến 29 của Tiêu chuẩn hoạt động 5.

Sự tiếp xúc của cộng đồng với nguồn gây bệnh

9. Các khách hàng sẽ ngăn chặn hoặc giảm thiểu nguy cơ tiếp xúc của cộng đồng với các loại bệnh từ nước, trong nước, liên quan đến nước, sinh vật truyền bệnh, và các bệnh truyền nhiễm có thể là kết quả của các hoạt động của dự án, có tính đến mức độ phơi nhiễm và mức độ nhạy cảm của các nhóm dễ bị tổn thương. Trường hợp bệnh cụ thể là đặc thù trong các cộng đồng trong vùng dự án ảnh hưởng, khách hàng được khuyến khích tìm kiếm các cơ hội, trong suốt vòng đời dự án, cải thiện điều kiện môi trường mà có thể giúp giảm tỷ lệ mắc bệnh của họ.

10. Khách hàng nên tránh hoặc giảm thiểu tình trạng lan truyền các bệnh truyền nhiễm có liên quan đến lượng lao động đến phục vụ tạm thời hay dài hạn cho dự án.

Chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp

11. Ngoài các yêu cầu về chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp được đề cập ở Tiêu chuẩn hoạt động 1, khách hàng cũng sẽ hỗ trợ và cộng tác với cộng đồng và các cơ quan chính quyền địa phương và các bên liên quan để chuẩn bị ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là khi sự tham gia và hợp tác của họ là cần thiết để đối phó với các tình huống khẩn cấp như vậy. Nếu các cơ quan chính quyền địa phương có ít hoặc không có khả năng đối phó hiệu quả, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc chuẩn bị và ứng phó trường hợp khẩn cấp liên quan đến dự án. Các khách hàng sẽ lưu tài liệu về sự chuẩn bị ứng phó khẩn cấp và các hoạt động đối phó, các nguồn

²Nước ngọt là một ví dụ minh họa cho các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái.

lực, và trách nhiệm, và sẽ cung cấp những thông tin thích hợp trong Kế hoạch hành động hoặc tài liệu khác có liên quan tới các cộng đồng bị ảnh hưởng và các cơ quan chính phủ và các bên có liên quan khác.

Các yêu cầu về Nhân sự An ninh

12. Khi khách hàng trực tiếp thuê hay sử dụng nhân viên của nhà thầu để bảo vệ người và tài sản của mình, họ sẽ đánh giá rủi ro đối với những người bên trong và bên ngoài các địa điểm của dự án có thể gây ra bởi các thỏa thuận an ninh của họ. Trong khi thỏa thuận như vậy, khách hàng sẽ được hướng dẫn bởi các nguyên tắc tương xứng, thông lệ quốc tế tốt liên quan đến tuyển dụng, quy tắc ứng xử, đào tạo, trang bị và theo dõi các nhân viên này,³ và pháp luật hiện hành. Các khách hàng sẽ đưa ra yêu cầu hợp lý để đảm bảo rằng những nhân viên an ninh không liên quan đến các vụ việc lạm dụng trong quá khứ, sẽ đào tạo họ đầy đủ trong việc sử dụng vũ lực (và khi cần thì cả vũ khí) và cư xử thích hợp với người lao động và cộng đồng địa phương, và đòi hỏi họ phải hành động trong khuôn khổ pháp luật hiện hành.

Các khách hàng sẽ không xử phạt việc sử dụng vũ lực cho mục đích phòng ngừa và tự vệ tương ứng với tính chất, mức độ của mối đe dọa. Một cơ chế khiếu nại cần được khách hàng thiết lập để cho phép các cộng đồng bị ảnh hưởng bày tỏ quan ngại về thỏa thuận an ninh và các hành vi của nhân viên an ninh.

13. Khách hàng sẽ đánh giá và lưu lại những rủi ro phát sinh từ việc sử dụng nhân viên an ninh chính phủ để cung cấp các dịch vụ an ninh cho mình. Khách hàng sẽ cần tìm cách đảm bảo nhân viên an ninh hành động phù hợp với khoản 12 trên đây, và khuyến khích các cơ quan công quyền có liên quan công bố việc thu xếp về an ninh cho các cơ sở của khách hàng đến công chúng, tùy theo mối quan tâm an ninh nào quan trọng hơn.

14. Các khách hàng sẽ điều tra bất kỳ cáo buộc đáng tin cậy nào về các hành vi trái pháp luật hoặc lạm dụng của các nhân viên an ninh, hành động (hoặc đơn đốc các bên thích hợp để có hành động) để ngăn ngừa tái phát, và báo cáo các hành vi bất hợp pháp và lạm dụng đến các cơ quan công quyền khi thích hợp.

³Bao gồm các thông lệ phù hợp với Quy tắc ứng xử của LHQ về các nhân viên thi hành luật và Nguyên tắc cơ bản của LHQ về việc sử dụng các lực lượng có vũ trang của các nhân viên thi hành luật.

Tiêu chuẩn hoạt động 5

Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn hoạt động 5 thừa nhận việc thu hồi đất và hạn chế sử dụng đất có thể có những tác động tiêu cực đến cộng đồng và con người sử dụng đất. Tái định cư không tự nguyện bao hàm dời chuyển vật lý (chuyển hoặc mất nơi trú ẩn) và dời chuyển kinh tế (mất tài sản hoặc khả năng tiếp cận tài sản dẫn đến mất nguồn thu nhập hoặc phương kế sinh nhai)¹ do thu hồi đất phục vụ dự án.² Tái định cư được coi là không tự nguyện khi các cá nhân hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng không có quyền từ chối việc thu hồi đất hay hạn chế về sử dụng đất mà dẫn tới việc di dời vật lý hay kinh tế. Điều này xảy ra trong các trường hợp: (i) tước đoạt quyền sở hữu hoặc hạn chế một cách hợp pháp việc sử dụng đất và (ii) đàm phán tái định cư, trong đó người mua có thể tước đoạt quyền sở hữu hoặc áp đặt các hạn chế về hợp pháp trong sử dụng đất nếu đàm phán với người bán không đạt kết quả.

2. Trừ khi được quản lý tốt, tái định cư không tự nguyện có thể dẫn đến tình trạng nghèo khổ lâu dài cho người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng, cũng như thiệt hại về môi trường và hậu quả tiêu cực về kinh tế xã hội ở các khu vực mà họ đi khỏi. Vì những lý do đó, tái định cư không tự nguyện là việc cần tránh. Tuy nhiên, khi không thể tránh, các biện pháp thích hợp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu lên người và cộng đồng sẽ tái phải di dời³ nên được lên kế hoạch và thực hiện cẩn thận. Chính phủ thường đóng một vai trò trung tâm trong quá trình thu hồi đất và tái định cư, bao gồm cả khâu quyết định tiền bồi thường, do đó là bên thứ ba quan trọng trong nhiều tình huống. Kinh nghiệm cho thấy rằng sự tham gia trực tiếp của khách hàng trong hoạt động tái định cư có thể giúp việc triển khai các hoạt động này hiệu quả về chi phí và kịp thời, cũng như trong việc giới thiệu các

tiếp cận sáng tạo để cải thiện sinh kế của những người bị ảnh hưởng bởi tái định cư.

3. Nhằm tránh tình trạng phải tước đoạt quyền sở hữu và loại bỏ sự cần thiết phải sử dụng cơ quan công quyền để cưỡng chế di dời người dân, khách hàng nên sử dụng tái định cư đàm phán mà đáp ứng được các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, ngay dù họ có hỗ trợ về pháp lý để giành đất mà không cần sự đồng ý của người bán.

Mục tiêu

- Để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu việc tái định cư không tự nguyện khi có thể có những phương án thiết kế khác cho dự án.
- Tránh hoạt động cưỡng chế người dân ra khỏi đất.
- Để dự báo và tránh, hoặc nếu không tránh được thì giảm thiểu tác động xấu về xã hội và kinh tế từ việc thu hồi hay hạn chế sử dụng đất bằng cách: (i) bồi thường thiệt hại mất tài sản bằng chi phí di dời,⁴ và (ii) đảm bảo rằng các hoạt động tái định cư được thực hiện với việc công bố thông tin, tham vấn thích hợp, và sự tham gia có hiểu biết của những người bị ảnh hưởng.
- Để cải thiện hoặc ít nhất là phục hồi sinh kế và mức sống cho những người phải di dời.
- Để cải thiện điều kiện sống cho những người phải di dời thông qua việc cung cấp chỗ ở với đảm bảo quyền nắm giữ hợp pháp⁵ tại địa điểm tái định cư.

Phạm vi áp dụng

4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần

¹ “Phương kế sinh nhai” được hiểu là các cách mà cá nhân, gia đình, cộng đồng sử dụng để kiếm sống, chẳng hạn như làm công ăn lương, nông nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, và các phương kế sinh nhai dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, buôn bán vật, trao đổi hàng hóa.

² Thu hồi đất bao gồm cả việc mua sắm hoàn toàn tài sản và mua quyền tiếp cận, chẳng hạn như quyền đi lại.

³ Cộng đồng sống tại là cộng đồng tiếp nhận những người đi cư.

⁴ Chi phí di dời là thường tính theo giá trị thị trường của tài sản cộng thêm chi phí giao dịch. Khi áp dụng phương pháp định giá tài sản này, thường không tính đến khấu hao tài sản. Giá trị thị trường được tính theo giá trị mà cho phép cộng đồng bị ảnh hưởng hay người dân mua tài sản thay thế với giá trị tương tự. Phương pháp định giá chi phí thay thế cần được ghi chép đầy đủ và đưa vào kế hoạch Tái định cư và/hoặc Phục hồi Phương kế sinh nhai (xem thêm khoản 18 và 25).

⁵ Đảm bảo quyền nắm giữ hợp pháp là khi đảm bảo được cho những người tái định cư không bị ép đi khỏi nhà trong thời gian đó.

thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.

5. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng với việc di dời về vật lý và/hoặc kinh tế xuất phát từ các loại giao dịch đất đai như sau:

- Quyền sở hữu đất và sử dụng đất có được thông qua tước đoạt hoặc các thủ tục cưỡng chế khác theo hệ thống pháp luật của nước sở tại.
- Quyền sở hữu đất và sử dụng đất có được thông qua đàm phán tái định cư với chủ sở hữu tài sản hoặc những người có quyền lợi hợp pháp đối với đất, nếu việc thất bại trong đàm phán có thể dẫn đến việc phải tước đoạt hoặc cưỡng chế;⁶
- Những dự án mà việc hạn chế sử dụng đất và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tự nguyện làm cho một cộng đồng hay một số nhóm trong cộng đồng mất quyền tiếp cận sử dụng một số nguồn tài nguyên mà những quyền này đã được công nhận theo truyền thống;⁷
- Một số dự án đòi hỏi phải cưỡng chế di dời đối với người dân không có quyền lợi hợp pháp hay truyền thống đối với khu đất họ đang sử dụng;⁸
- Hạn chế tiếp cận đất hay sử dụng các nguồn tài nguyên khác bao gồm cả tài sản của cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên thủy hải sản, các sản phẩm lâm nghiệp từ gỗ và phi gỗ, nguồn nước ngọt, được thực vật, khu vực săn bắt và tập trung, các khu trồng trọt và chăn nuôi.⁹

6. Tiêu chuẩn Hoạt động này không áp dụng đối với tái định cư từ các giao dịch đất tự nguyện (tức là giao dịch thị trường mà người bán không có nghĩa vụ phải bán và người mua không thể tước đoạt quyền sở hữu hoặc thực hiện các thủ tục bắt buộc khác dựa vào hệ thống pháp luật và lực lượng công quyền nếu đàm

phán thất bại). Tiêu chuẩn này không áp dụng cho những tác động đến sinh kế nếu dự án không làm thay đổi việc sử dụng đất của cộng đồng hay nhóm người bị ảnh hưởng.¹⁰

7. Nếu những tác động tiêu cực của dự án lên đất, tài sản và quyền tiếp cận tài sản trở nên đáng kể ở bất kỳ giai đoạn nào của dự án, khách hàng cần xem xét áp dụng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này, kể cả trường hợp không có việc thu hồi đất ban đầu nào được tính đến.

Các yêu cầu

Yêu cầu chung

Thiết kế dự án

8. Các khách hàng sẽ xem xét phương án thiết kế dự án khả thi thay thế để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu việc di dời về vật lý hoặc kinh tế, trong khi cân đối chi phí và lợi ích tài chính, môi trường, xã hội và đặc biệt chú trọng tác động đến người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương.

Đền bù và Quyền lợi của những người phải di dời

9. Khi việc di dời là không thể tránh được, khách hàng sẽ bồi thường người di dời và các cộng đồng cho tài sản bị mất với toàn bộ chi phí di dời và có các trợ giúp khác¹¹ để họ cải thiện hoặc ít nhất là khôi phục lại mức sống hoặc sinh kế, theo quy định tại Tiêu chuẩn Hoạt động này. Các chuẩn đền bù phải rõ ràng và nhất quán cho tất cả các nhóm cộng đồng và người dân phải di dời. Trường hợp sinh kế của người di dời là tính theo đất,¹² hoặc khi đất thuộc sở hữu tập thể, khách hàng sẽ cung cấp bồi thường theo đất, nếu có thể.¹³ Khách hàng chỉ sở hữu đất và các tài sản liên quan khi đã hoàn thành việc đền bù¹⁴ và tùy trường hợp, khi các khu vực tái định cư và trợ cấp di dời được cung cấp cho đối tượng phải di dời - ngoài phần chi phí di dời đã xác định.¹⁵ Các khách hàng sẽ tạo cơ hội cho người và cộng đồng đi để họ được hưởng lợi ích phát triển thích hợp từ dự án.

⁶ Loại giao dịch này bao gồm cả quyền được công nhận theo phong tục hay truyền thống hoặc được công nhận theo luật pháp của nước sở tại. Đàm phán thường được thực hiện bởi một cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp (trong một số trường hợp doanh nghiệp này có thể là do cơ quan nhà nước thuê).

⁷ Trong những tình huống này, người bị ảnh hưởng thường không có quyền hợp pháp. Nguồn tài nguyên ở đây có thể là môi trường nước ngọt và môi trường biển. Tiêu chuẩn Hoạt động này cũng có thể áp dụng cho những khu vực đa dạng sinh học hay những vùng đệm được pháp luật công nhận mà khách hàng không mua lại để phục vụ dự án.

⁸ Mặc dù một số người không có quyền trên khu đất họ chiếm giữ, Tiêu chuẩn hoạt động này yêu cầu phải đàm phán bảo vệ đất đai, thay thế hoặc bồi thường cho những tài sản trên đất, di dời đến những địa điểm đảm bảo quyền chiếm giữ đất hợp pháp; và phương kế sinh nhai được phục hồi.

⁹ Tài sản tài nguyên thiên nhiên được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động này cũng tương đương với các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái sẽ được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

¹⁰ Những tác động chung đến cộng đồng và một số nhóm người dân đã được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 1. Chẳng hạn, việc gián đoạn trong tiếp cận trữ lượng khoáng đối với người khai thác mỏ riêng lẻ được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.

¹¹ Được mô tả ở khoản 19 và 26

¹² Thuật ngữ "phụ thuộc vào đất" bao gồm những hoạt động kiếm sống như nuôi trồng để ăn cũng như thu hoạch tài nguyên thiên nhiên.

¹³ Tham khảo khoản 26 của Tiêu chuẩn Hoạt động này để biết thêm các yêu cầu cụ thể.

¹⁴ Trong một số trường hợp có thể không khả thi để thanh toán hết tiền đền bù cho tất cả những đối tượng bị ảnh hưởng trước khi tiếp nhận đất, chẳng hạn trong trường hợp quyền sở hữu mảnh đất còn đang tranh chấp. Những trường hợp này cần được xác định và thỏa thuận theo từng trường hợp, và quy đến bù cần sẵn sàng, chẳng hạn được để trong một tài khoản bảo chứng (escrow account) trước khi diễn ra sự di dời.

¹⁵ Trừ phi việc tái định cư cho nhà nước thực hiện và khách hàng không có ảnh hưởng trực tiếp đến thời hạn thanh toán đền bù. Những trường hợp này thường được xử lý theo khoản 27-29 của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thanh toán đền bù chậm có thể xảy ra khi việc trả hết tiền đền bù một lần có thể làm hỏng mục tiêu xã hội và/hay mục tiêu tái định cư hoặc khi những tác động đến các hoạt động sinh kế vẫn đang diễn ra.

Tham vấn

10. Khách hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả các cộng đồng sống ở tại theo quy trình có sự tham gia của các bên liên quan được mô tả trong Tiêu chuẩn Hoạt động 1. Quy trình ra quyết định liên quan đến tái định cư và phục hồi phương kế sinh nhai nên tính đến nhiều phương án thay thế nếu có thể. Cung cấp thông tin liên quan và sự tham gia của cộng đồng và người dân bị ảnh hưởng sẽ tiếp tục trong quá trình lập kế hoạch, thi hành, theo dõi và đánh giá việc đền bù, các hoạt động phục hồi sinh kế và tái định cư để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.¹⁶ Một số khoản áp dụng cho việc tham vấn Thổ dân cần phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Cơ chế khiếu nại

11. Khách hàng sẽ thiết lập một cơ chế khiếu nại phù hợp với yêu cầu ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1 càng sớm càng tốt trong giai đoạn phát triển dự án. Cơ chế này giúp khách hàng tiếp nhận và giải quyết các mối quan tâm cụ thể về bồi thường và tái định cư được những người phải di dời hoặc các thành viên của cộng đồng sống tại nêu, bao gồm một cơ chế truy đòi được thiết lập để giải quyết tranh chấp không thiên vị.

Lập kế hoạch và thực hiện việc tái định cư và phục hồi phương kế sinh nhai

12. Trường hợp tái định cư không tự nguyện là không thể tránh khỏi, dù là kết quả của giải quyết bằng đàm phán hay thực hiện trước hoặc, khách hàng sẽ thực hiện một cuộc điều tra dân số với các dữ liệu kinh tế - xã hội thích hợp cơ bản để xác định những người sẽ phải di dời, để xác định ai sẽ có đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ,¹⁷ và để ngăn người không đủ điều kiện, như những người “định cư cơ hội”, không được đòi bồi thường và hỗ trợ nói trên. Nếu chính phủ sở tại không có các thủ tục như vậy, khách hàng sẽ tự quy định thời hạn cuối cùng để xác minh người được bồi thường và hỗ trợ. Thông tin về ngày cuối cùng để hoàn tất việc xác minh tư cách hưởng

bồi thường và hỗ trợ sẽ được làm thành tài liệu cẩn thận và thông báo rộng khắp trong toàn bộ khu vực dự án.

13. Trong trường hợp những người bị ảnh hưởng từ chối nhận khoản để bù mà đã phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, dẫn đến việc phải tiến hành cưỡng chế hoặc các thủ tục pháp lý khác, khách hàng nên tìm cơ hội để hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nếu được phép của cơ quan này, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện và theo dõi việc tái định cư (xem thêm khoản 30-32).

14. Khách hàng sẽ thiết lập quy trình để theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế (xem thêm khoản 19 và 25) và thực hiện các biện pháp sửa chữa khi cần thiết. Mức độ theo dõi cần tương xứng với rủi ro và tác động của dự án. Đối với những dự án có rủi ro cao về tái định cư không tự nguyện, khách hàng có thể thuê chuyên gia về tái định cư chuyên nghiệp tư vấn về việc tuân thủ với Tiêu chuẩn Hoạt động này và cũng đánh giá lại những thông tin theo dõi của khách hàng. Những đối tượng bị ảnh hưởng cần được tham vấn trong quá trình theo dõi.

15. Thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế được coi là hoàn thành khi các tác động tiêu cực của tái định cư được giải quyết theo cách phù hợp với kế hoạch liên quan và với mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Khách hàng cũng cần thuê thực hiện một kiểm toán độc lập về việc hoàn thành của Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế để đánh giá liệu các điều khoản của kế hoạch có thực hiện được hết không, phụ thuộc vào quy mô và/hoặc tính hợp phức tạp của việc di dời vật lý và kinh tế liên quan đến dự án. Kiểm toán hoàn thành này nên được thực hiện khi tất cả các biện pháp khắc phục giảm thiểu đã được hoàn thành và khi mà đối tượng di dời được cho là đã được cung cấp cơ hội và trợ giúp đầy đủ để phục hồi kế sinh kế. Kiểm toán hoàn thành nên do chuyên gia tái định cư chuyên nghiệp thực hiện sau khi thời hạn theo dõi thỏa thuận kết thúc. Kiểm toán hoàn thành cần bao gồm, tối thiểu là việc rà soát tổng thể các biện pháp khắc phục do khách hàng thực hiện, so sánh các kết quả thực hiện với mục tiêu đặt ra và kết luận xem thời hạn theo dõi đã kết thúc chưa.¹⁸

¹⁶ Quá trình tham vấn cần đảm bảo có ý kiến của phụ nữ cũng như lợi ích của nhóm này được tính đến trong các hoạt động lập kế hoạch và triển khai dự án. Giải quyết những vấn đề về tác động đến sinh kế cần có những phân tích ở cấp hộ gia đình nếu phương thức kiếm sống của phụ nữ và nam giới trong một gia đình có thể bị ảnh hưởng khác nhau. Mong muốn của nhóm phụ nữ và nam giới đối với các vấn đề như cơ chế đền bù, đền bù hiện vật thay vì tiền cũng nên được xem xét.

¹⁷ Giấy tờ sở hữu hay các giấy tờ liên quan đến đền bù cần được phát hành dưới tên của cả hai vợ chồng hoặc chủ hộ, và các trợ giúp khác về tái định cư như đào tạo tay nghề, tiếp cận tín dụng và cơ hội việc làm cũng cần được cung cấp cho cả nhóm nữ và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của họ. Nếu pháp luật quốc gia và hệ thống sở hữu đất đai không công nhận quyền của phụ nữ trong việc nắm giữ hay giao dịch bất động sản, nên xem xét các biện pháp để phụ nữ được bảo vệ đến mức tối đa với mục tiêu có được cơ hội bình đẳng với nhóm nam giới.

¹⁸ Kiểm toán hoàn thành Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế cần được chuyên gia tái định cư độc lập thực hiện khi thời hạn theo dõi theo thỏa thuận kết thúc và nên là một đánh giá sâu hơn mức bình thường về các hoạt động theo dõi quá trình tái định cư, ít nhất cũng phải gồm có một rà soát về tất cả những biện pháp khắc phục liên quan đến di dời vật lý và/hoặc kinh tế do khách hàng thực hiện, so sánh các kết quả thực hiện với mục tiêu đặt ra và kết luận xem thời hạn theo dõi đã kết thúc chưa, và nếu cần thiết, một kế hoạch hành động sửa chữa liệt kê những hành động còn tồn đọng cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.

16. Trong trường hợp bản chất hay quy mô của việc thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất liên quan đến dự án mà có thể dẫn đến di dời vật lý và/hoặc kinh tế chưa thể xác định được do giai đoạn phát triển của dự án, khách hàng sẽ xây dựng một Kế hoạch khung Tái định cư và/hoặc Phục hồi Sinh kế phức tạp nhằm nguyên tắc chung tương ứng với Tiêu chuẩn Hoạt động này. Khi các cấu phần cụ thể của dự án được xây dựng cụ thể và thông tin cần thiết đã có, thì Kế hoạch Khung có thể được cụ thể hóa thành Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế và các quy trình tương ứng với khoản 19 và 25 dưới đây.

Di dời

17. Người di dời có thể được phân nhóm thành: (i) những người có quyền pháp lý chính thức với khu đất và tài sản họ đang chiếm hữu hoặc sử dụng, (ii) những người không có quyền pháp lý chính thức với đất và tài sản, nhưng có chủ quyền trên khu đất họ đang chiếm giữ được công nhận hay còn như được công nhận theo luật pháp quốc gia;¹⁹ hoặc (iii) những người đã không có quyền được công nhận hợp pháp và cũng không có tuyên bố chủ quyền với phần đất họ sử dụng. Cuộc điều tra dân số sẽ phân nhóm những người di dời.

18. Việc thu hồi đất cho dự án có thể sẽ dẫn tới việc di dời về vật lý và kinh tế của người dân. Do đó, các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này đối với việc di dời cả về kinh tế và vật lý có thể sẽ được áp dụng đồng thời.²⁰

Di dời vật lý

19. Trong trường hợp di dời vật lý, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch hành động tái định cư cung cấp, ở mức tối thiểu, những yêu cầu áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này cho dù số người bị ảnh hưởng là bao nhiêu. Kế hoạch này cần bao gồm khoản đền bù toàn bộ chi phí di dời cho đất và tài sản bị mất. Kế hoạch sẽ được thiết kế để khắc phục những tác động tiêu cực của di dời; xác định cơ hội phát triển; thiết lập ngân sách và lộ trình tái định cư; và thiết lập quyền lợi và sự hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng di dời (kể cả cộng đồng sở tại). Cần đặc biệt chú ý đến nhu cầu của đối tượng nghèo và dễ tổn thương. Khách hàng cũng sẽ lưu lại đầy đủ các giao dịch mua quyền sở hữu đất cũng như các biện pháp đền bù và hoạt động di dời.

20. Nếu những người sống trong vùng dự án phải di chuyển đến một vị trí khác, khách hàng sẽ: (i) đưa ra các lựa chọn di dời khả thi cho người tái định cư, bao gồm

cả nhà ở thay thế phù hợp hoặc bồi thường tiền mặt hợp lý, và (ii) cung cấp hỗ trợ tái định cư phù hợp với nhu cầu của từng nhóm người di dời. Nơi ở mới cho dân tái định cư cần đảm bảo điều kiện sống tốt hơn. Mong muốn của các đối tượng di dời để được đến những nơi có cộng đồng và nhóm người dân đã có từ trước cần được xem xét. Những thể chế văn hóa và xã hội có sẵn của người dân bị di dời và của các cộng đồng sở tại cần được tôn trọng.

21. Với những người di dời vật lý như quy định trong khoản 17 (i) hoặc (ii), khách hàng sẽ đưa ra các lựa chọn tài sản thay thế giá trị bằng hoặc cao hơn, có đặc tính tương đương hoặc và lợi thế của vị trí tốt hơn, hoặc bồi thường tiền mặt giá trị cho toàn bộ việc di dời ở những khâu hợp lý. Bồi thường bằng hiện vật cũng có thể xem xét bằng tiền. Bồi thường tiền cần phải đủ để mua được một khu đất và tài sản tương đương theo giá trị trường.²¹

22. Với những người di dời vật lý như quy định của khoản 17 (iii), khách hàng sẽ đưa ra cho họ các tùy chọn về nhà ở với quyền đầy đủ để họ có thể tái định cư hợp pháp mà không phải đối mặt với nguy cơ bị cưỡng chế rời khỏi đó. Trường hợp những người di dời sở hữu và sử dụng kết cấu hạ tầng, khách hàng sẽ bồi thường cho sự mất mát tài sản không phải là đất, chẳng hạn như nhà ở và đầu tư khác trên đất, với toàn bộ chi phí di dời, miễn là những người này sử dụng các khu vực dự án trước ngày cuối cùng để xác minh họ hội đủ điều kiện. Trên cơ sở tham khảo ý kiến với người di dời, khách hàng sẽ hỗ trợ tái định cư đủ cho họ để khôi phục lại mức sống của họ tại địa điểm tái định cư.²²

23. Khách hàng không phải bồi thường hoặc hỗ trợ những người xâm phạm vào khu vực dự án sau ngày cuối cùng để xác minh họ hội đủ điều kiện được đền bù.

24. Các biện pháp cưỡng chế ra khỏi khu đất²³ sẽ không được thực hiện nếu không tuân thủ các quy định về luật pháp và yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

²⁰ Trong trường hợp dự án yêu cầu phải có di dời cả về vật lý và kinh tế, các yêu cầu của khoản 25 và 26 (về di dời kinh tế) cần được đưa vào Kế hoạch Hành động hay Kế hoạch khung về tái định cư (tức là không cần tách biệt Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế).

²¹ Đền bù tài sản bị mất thường trong trường hợp: (i) sinh kế không dựa trên đất; (ii) sinh kế là dựa trên đất nhưng đất cho dự án là một phần nhỏ của tài sản bị ảnh hưởng và phần đất còn lại vẫn có thể sinh lợi, hoặc (iii) có thị trường về đất đai, nhà ở, và lao động tương đối sôi động, người di dời sử dụng thị trường như vậy, và họ có đủ đất và nhà ở.

²² Việc tái định cư cho những người di dời không chính thức ở các khu đô thị thường phải đánh đổi lợi ích. Ví dụ, gia đình di dời có được quyền hợp pháp với mảnh đất tái định cư thì có thể bắt lợi về địa điểm. Những thay đổi vị trí chỗ ở mà có thể ảnh hưởng đến cơ hội kiếm sống cần được giải quyết theo các nguyên tắc của Tiêu chuẩn hoạt động này (xem cụ thể tại khoản 25).

²³ Được hiểu là việc ép buộc tạm thời hoặc vĩnh viễn các cá nhân, gia đình, và/hoặc cộng đồng ra khỏi nhà/đất mặc dù họ không mong muốn mà không cung cấp hay cho tiếp cận một hình thức bảo hộ pháp lý hay bảo hộ nào khác.

¹⁹ Những quyền này có thể xuất phát từ việc sở hữu bất hợp pháp hoặc từ tập quán pháp hay phong tục pháp.

Di dời Kinh tế

25. Trong trường hợp dự án chỉ liên quan đến di dời kinh tế, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch Phục hồi Sinh kế để đền bù cho những đối tượng và cộng đồng bị ảnh hưởng và cung cấp những hỗ trợ cần thiết khác để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Kế hoạch Phục hồi Sinh kế thường thiết lập quyền lợi của những đối tượng và cộng đồng bị ảnh hưởng và đảm bảo họ được hưởng những quyền này một cách công khai, minh bạch, đồng nhất và công bằng. Các biện pháp khắc phục di dời kinh tế được coi là hoàn thành khi các đối tượng và cộng đồng bị ảnh hưởng nhận được tiến đền bù và các hỗ trợ khác theo yêu cầu đặt ra trong Kế hoạch phục hồi sinh kế và Tiêu chuẩn Hoạt động này, và được coi là đã cung cấp cơ hội đầy đủ để thiết lập lại phương thức kiếm sống.

26. Nếu thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất dẫn đến di dời kinh tế như tổn thất về tài sản và/hoặc phương thức kiếm sống, cho dù là đối tượng đó có phải di dời vật lý hay không, khách hàng vẫn cần tuân thủ các yêu cầu ở khoản 27-29 dưới đây khi phù hợp.

27. Bồi thường kịp thời người phải di dời kinh tế cho tài sản mất mát hoặc khả năng tiếp cận các tài sản theo toàn bộ chi phí di dời.

- Trong trường hợp thu hồi đất ảnh hưởng đến cấu trúc thương mại, bồi thường chủ doanh nghiệp bị ảnh hưởng cho các chi phí tái lập hoạt động thương mại ở những nơi khác, cho thu nhập ròng bị mất trong thời kỳ quá độ, và cho các chi phí của việc di dời và lắp đặt lại nhà máy, máy móc, thiết bị khác
- Cung cấp tài sản thay thế (ví dụ, về nông nghiệp hoặc các địa điểm thương mại) có giá trị bằng hoặc lớn hơn, hoặc bồi thường tiền mặt theo toàn bộ chi phí di dời nếu thích hợp, cho những người có quyền lợi hợp pháp hoặc có tuyên bố sử dụng đất được công nhận hay có thể được công nhận theo luật pháp quốc gia (xem khoản 17 (i) và (ii))
- Bồi thường những người di dời kinh tế mà không có tuyên bố quyền sử dụng đất được công nhận một cách hợp pháp (xem khoản 17 (iii)) đối với tài sản bị mất (chẳng hạn như cây trồng, hạ tầng thủy lợi và đầu tư khác vào đất) không phải là đất, cho toàn bộ chi phí di dời. Khách hàng không phải bồi thường hoặc hỗ trợ những kê tái định cư cơ hội mà xâm phạm vào khu vực dự án, sau ngày xác minh tư cách nhận bồi thường cuối cùng.

28. Ngoài khoản đền bù cho tổn thất về tài sản, nếu có, theo yêu cầu của khoản 26, những đối tượng bị di dời có

mức thu nhập và phương thức kiếm sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, có thể được cung cấp thêm cơ hội để cải thiện, hoặc ít nhất là phục hồi, phương thức kiếm sống, mức độ sản xuất và mức sống:

- Đối với những đối tượng mà phương thức kiếm sống dựa vào đất đai, việc cung cấp đất thay thế mà có tiềm năng về năng suất, lợi thế vị trí và các nhân tố khác tương đương cần phải là ưu tiên hàng đầu.
- Đối với những đối tượng mà phương thức kiếm sống dựa vào nguồn tài nguyên và khi những hạn chế của dự án về quyền tiếp cận như để cập tại khoản 5, cần triển khai các biện pháp hỗ trợ để họ vẫn được tiếp cận với các nguồn tài nguyên đó hoặc với nguồn tài nguyên thay thế có tiềm năng để kiếm sống và tiếp cận tương đương. Khi phù hợp, quyền lợi và tiến đền bù liên quan đến sử dụng tài nguyên thiên nhiên có thể thuộc về tập thể hơn là của từng cá nhân hay hộ gia đình.
- Nếu có trường hợp khách hàng không thể cung cấp đất hay nguồn lực tương tự như kể trên, khách hàng có thể cung cấp cơ hội tạo thu nhập thay thế như tín dụng, đào tạo, tiền và cơ hội việc làm. Tuy nhiên nếu chỉ đền bù bằng tiền có thể không đủ để phục hồi sinh kế.

29. Cung cấp hỗ trợ chuyển tiếp cho người di dời kinh tế, theo nhu cầu chính đáng, dựa trên ước tính hợp lý về thời gian cần thiết để khôi phục lại khả năng tạo thu nhập, trình độ sản xuất và mức sống của họ.

Trách nhiệm của khu vực tư nhân trong Tái định cư do Chính phủ quản lý

30. Trường hợp thu hồi đất và tái định cư là trách nhiệm của chính quyền sở tại, khách hàng sẽ phối hợp với các cơ quan chính phủ có trách nhiệm, trong phạm vi cho phép của các cơ quan đó, để đạt được kết quả phù hợp với các mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Ngoài ra, khi khả năng của chính phủ là có giới hạn, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện và giám sát tái định cư, như mô tả dưới đây.

31. Trong trường hợp mua lại quyền sử dụng đất thông qua tước đoạt quyền sở hữu hoặc tái định cư thông qua thương lượng liên quan đến di dời vật lý, khách hàng sẽ xác định và mô tả các biện pháp tái định cư của chính phủ. Nếu các biện pháp này không đáp ứng được những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch tái định cư bổ sung, cùng với các tài liệu chuẩn bị của cơ quan chính phủ có trách nhiệm, giải quyết các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Hoạt động này (Các Yêu cầu Chung,

và các yêu cầu đối với di dời Vật lý và Kinh tế nêu trên). Khách hàng có thể cần phải đưa vào kế hoạch bổ sung của mình: (i) đối tượng di dời và tác động; (ii) mô tả các hoạt động theo quy định, bao gồm quyền lợi của người di dời theo quy định của pháp luật hiện hành; (iii) các biện pháp bổ sung để thực hiện các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này được đề cập trong khoản 19-29 mà được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lịch trình thực hiện cho phép; và (iv) trách nhiệm tài chính và thực hiện của khách hàng đối với kế hoạch bổ sung này.

32. Trong trường hợp chỉ liên quan đến việc di dời về kinh tế, khách hàng sẽ xác định và mô tả các biện pháp mà đại diện có trách nhiệm của chính phủ có kế hoạch sử dụng để đền bù cho những người và cộng đồng bị ảnh hưởng. Nếu các biện pháp này không đáp ứng các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Hoạt động này, khách hàng sẽ xây dựng một Kế hoạch hành động Môi trường và Xã hội để bổ sung các biện pháp của chính phủ. Kế hoạch này có thể có phần đền bù bổ sung cho tổn thất về tài sản và các nỗ lực khác để phục hồi sinh kế khi phù hợp.

Tiêu chuẩn hoạt động 6

Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 6 thừa nhận rằng bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì các dịch vụ của hệ sinh thái và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững là vấn đề quan trọng của phát triển bền vững. Những yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn hoạt động này chủ yếu dựa vào Công ước về Đa dạng Sinh học, trong đó đa dạng sinh học được định nghĩa là sự đa dạng của cuộc sống trong mọi hình thức, bao gồm giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi, bao gồm: các hệ sinh thái trên cạn, sinh thái trong đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần trong đó; đa dạng sinh học có thể gồm cả đa dạng trong cùng một loài, giữa các loài và của các hệ sinh thái.

2. Các dịch vụ của hệ sinh thái là những lợi ích mà con người, kể cả doanh nghiệp, có được từ hệ sinh thái. Dịch vụ hệ sinh thái được chia làm bốn loại: (i) dịch vụ cung cấp, là những sản phẩm con người có được từ hệ sinh thái; (ii) dịch vụ điều hành, là những lợi ích con người có được từ những quy định về quy trình của hệ sinh thái; (iii) dịch vụ văn hóa, là những lợi ích phi vật chất con người có được từ hệ sinh thái; và (iv) dịch vụ hỗ trợ, là những quy trình tự nhiên để duy trì các dịch vụ khác.¹

3. Các dịch vụ của hệ sinh thái mà con người cần thường được củng cố bởi đa dạng sinh học. Tác động lên đa dạng sinh học do đó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung ứng các dịch vụ của hệ sinh thái. Tiêu chuẩn hoạt động này sẽ phản ánh cách thức khách hàng có thể quản lý và khắc phục các tác động đến đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái một cách bền vững trong suốt vòng đời dự án.

¹ Ví dụ như (i) dịch vụ cung cấp: thức ăn, nước ngọt, gỗ, vật liệu sợi, thực vật làm thuốc; (ii) dịch vụ điều hành: làm tinh khiết nước bề mặt, dự trữ và cố lập carbon, các quy định của khí hậu, bảo vệ khỏi các thiên tai; (iii) dịch vụ văn hóa: các khu vực tự nhiên như khu vực linh thiêng, khu vực có ý nghĩa giải trí và thưởng thức thẩm mỹ; và (iv) dịch vụ hỗ trợ: tạo đất, quay vòng chất dinh dưỡng và sản xuất cơ bản.

Mục tiêu

- Để bảo vệ và bảo tồn sự đa dạng sinh học.
- Để duy trì các lợi ích của dịch vụ hệ sinh thái.
- Để thúc đẩy việc quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua việc áp dụng các hoạt động thực tiễn tích hợp các nhu cầu bảo tồn và ưu tiên phát triển.

Phạm vi áp dụng

4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

5. Dựa trên quá trình đánh giá rủi ro và tác động, các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này được áp dụng cho các dự án (i) được đặt ở môi trường sống điều chỉnh, tự nhiên và quan trọng; (ii) có tác động tiềm năng đến hoặc phụ thuộc vào các dịch vụ hệ sinh thái mà khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hay có ảnh hưởng có ý nghĩa; hoặc (iii) những dự án có sản xuất từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên (như nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt và lâm nghiệp).

Yêu cầu

Yêu cầu chung

6. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 nên xem xét các tác động mà dự án có thể có trực tiếp và gián tiếp lên đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái cũng như xác định các ảnh hưởng để lại mà có ý nghĩa. Quá trình này sẽ xem xét những mối đe dọa liên quan đến đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, đặc biệt tập trung vào những tổn thất của môi trường sống, sự suy thoái và sự phân rã, các loài sinh vật ngoại lai xâm nhập, khai thác quá

mức, thay đổi thủy văn, sức tải chất dinh dưỡng và ô nhiễm. Quá trình này cũng cần tính đến các giá trị thay đổi gắn liền với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái của cộng đồng bị ảnh hưởng và khi phù hợp của các đối tượng liên quan khác. Khi khoản 13-19 được áp dụng, khách hàng nên xem xét các tác động đến các vùng đất và biển bị ảnh hưởng.

7. Về mặt ưu tiên, khách hàng nên tránh những tác động đến đa dạng sinh học hay dịch vụ của hệ sinh thái. Nếu không thể tránh, các biện pháp giảm thiểu tác động và khôi phục đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái cần được triển khai. Do sự phức tạp trong dự báo những tác động của dự án lên đa dạng sinh học hay dịch vụ của hệ sinh thái, khách hàng nên thực hiện chiến lược quản lý thích nghi trong đó các biện pháp khắc phục và quản lý có thể phản ứng nhanh với những điều kiện thay đổi và những kết quả theo dõi trong suốt vòng đời dự án.

8. Khi các khoản 13-15 cần được áp dụng, khách hàng nên thuê chuyên gia để hỗ trợ thực hiện quá trình đánh giá rủi ro và tác động. Khi khoản 16-19 cần được áp dụng, khách hàng nên thuê chuyên gia độc lập với kinh nghiệm phù hợp ở cấp độ vùng để hỗ trợ xây dựng hệ thống phân cấp để tuân thủ với Tiêu chuẩn hoạt động này và rà soát việc triển khai các biện pháp đó.

Bảo vệ và Bảo tồn Đa dạng sinh học

9. Môi trường sống được định nghĩa một đơn vị địa lý trên cạn, nước ngọt hay nước mặn hay đường không hỗ trợ việc nhóm hợp của các sinh vật và tương tác của chúng với môi trường vô tri. Với mục đích thực hiện Tiêu chuẩn Hoạt động này, môi trường sống được chia thành môi trường điều chỉnh, tự nhiên và quan trọng. Môi trường sống quan trọng là một bộ phận của môi trường sống điều chỉnh và tự nhiên.

10. Để bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, hệ thống phân cấp phải gồm các bù đắp đa dạng sinh học, sau khi các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục đã

được áp dụng.² Biện pháp bù đắp đa dạng sinh học cần được thiết kế và triển khai để đạt được những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được,³ mà kết quả cuối cùng là không có tổn thất tịnh hay tốt hơn là mang lại lợi ích tịnh về đa dạng sinh học; tuy nhiên lợi ích tịnh là bắt buộc đối với môi trường sống quan trọng. Thiết kế của một biện pháp bù đắp đa dạng sinh học cần tuân thủ nguyên tắc “tương đương hoặc tốt hơn”⁴ và cần được thực hiện trên cơ sở có nguồn thông tin tốt nhất và các thông lệ tốt nhất. Khi một khách hàng đang xem xét xây dựng một biện pháp bù đắp trong chiến lược khắc phục của mình, khách hàng nên mời các chuyên gia độc lập có kiến thức chuyên môn về thiết kế và triển khai các biện pháp bù đắp tham gia vào quá trình này.

Môi trường sống điều chỉnh

11. Môi trường sống điều chỉnh là khu vực có một lượng lớn các loài thực vật và/hoặc động vật không có nguồn gốc bản xứ (ngoại lai) và/hoặc các hoạt động của con người làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản và cấu trúc loài của khu vực đó.⁵ Môi trường sống điều chỉnh bao gồm những khu vực phục vụ nông nghiệp, trồng rừng, vùng ven biển và đầm lầy được cải tạo/khai hoang.⁶

12. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng cho những khu vực môi trường sống điều chỉnh có giá trị đa dạng sinh học đáng kể được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động theo Tiêu chuẩn hoạt động 1. Khách hàng nên giảm thiểu tác động đến loại đa dạng sinh học này và triển khai các biện pháp khắc phục khi phù hợp.

Môi trường sống tự nhiên

13. Môi trường sống tự nhiên là nơi tập hợp những loại thực vật và/hoặc động vật bản xứ và/hoặc các hoạt động của con người không làm thay đổi cơ bản chức năng sinh thái cơ bản và cấu trúc loài của khu vực đó.

14. Khách hàng được coi là không làm thay đổi hay suy thoái⁷ môi trường sống tự nhiên một cách đáng kể nếu không xảy ra tất cả những tình trạng sau:

- Không có biện pháp thay thế khả thi nào trong

² Bù đắp đa dạng sinh học là những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được từ các hành động/biện pháp được thiết kế để bồi hoàn những tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học phát sinh do sự phát triển của dự án và tồn tại ngay cả khi các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục phù hợp đã được áp dụng.

³ Những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được đối với đa dạng sinh học cần được thể hiện tại chỗ và trên một phạm vi địa lý thích hợp (ví dụ như địa phương, một khu đất, quốc gia, vùng)

⁴ Nguyên tắc “tương đương hoặc tốt hơn” để chỉ các bù đắp đa dạng sinh học cần được thiết kế để bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học tương tự đã bị ảnh hưởng của dự án (gọi là bù đắp “tương đương” – “in-kind” offset). Tuy nhiên, trong một số tình huống cụ thể, các khu vực đa dạng sinh học bị ảnh hưởng của dự án có thể không phải là ưu tiên của quốc gia hay của địa phương, và có những khu vực đa dạng sinh học khác với giá trị tương đương lại cần được ưu tiên hơn để bảo tồn và sử dụng bền vững, và đang có nguy cơ cao hoặc cần phải được bảo vệ hay quản lý hiệu quả ngay. Trong những tình huống đó, nên xem xét các biện pháp bù đắp khác (“out-of-kind” offset) như trao đổi giá cao (khi các mục tiêu bù đắp các đa dạng sinh học đang được ưu tiên hơn so với những đa dạng sinh học bị ảnh hưởng của dự án) mà đối với môi trường sống quan trọng thì cần đáp ứng các yêu cầu ở khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

⁵ Môi trường này không tính đến môi trường sống đã được thay đổi trong khuôn khổ dự trữ của dự án.

⁶ Cải tạo/khai hoang trong ngữ cảnh này là quá trình tạo một vùng đất mới từ biển hay các vùng nước khác để phục vụ sản xuất.

⁷ Chuyển đổi hay suy thoái đáng kể là (i) loại bỏ hoặc giảm đáng kể tình trạng của một môi trường sống do những thay đổi lâu dài và/hoặc lớn trong sử dụng đất và nước; hoặc (ii) thay đổi mà giảm thiểu khả năng môi trường sống để duy trì dân số các loài bản địa.

⁸ Được thực hiện trong quá trình tham vấn lấy ý kiến các bên liên quan theo Tiêu chuẩn hoạt động 1.

vùng để có thể phát triển dự án ở môi trường sống điều chỉnh;

- Tham vấn có ý kiến của các bên liên quan, kể cả cộng đồng bị ảnh hưởng, về mức độ chuyển đổi và suy thoái;⁸
- Bất kỳ sự chuyển đổi hay suy thoái nào đã được giải quyết theo hệ thống phân cấp.

15. Trong các khu vực môi trường sống tự nhiên, các biện pháp giảm nhẹ khi có thể sẽ được thiết kế để đa dạng sinh học không bị giảm đi.⁹ Các biện pháp thích hợp chẳng hạn như:

- Tránh những tác động lên đa dạng sinh học qua quá trình xác định và bảo hộ nguồn dữ liệu;¹⁰
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự phân rã môi trường sống như hành lang sinh vật;
- Phục hồi môi trường sống sau quá trình hoạt động;
- Thực hiện các bù đắp đa dạng sinh học.

Môi trường sống quan trọng

16. Môi trường sống quan trọng là những khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, bao gồm (i) môi trường sống cần thiết cho sự sống còn của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng;¹¹ (ii) các khu vực có ý nghĩa đặc biệt đối với các loài đặc hữu hoặc bị hạn chế tầm; (iii) những nơi rất quan trọng toàn cầu cho sự sống còn của các loài di cư và/hoặc loài bầy đàn, (iv) khu vực có tập hợp các hệ sinh thái đang bị đe dọa hay độc đáo; và/hoặc (v) các khu vực liên quan đến các quá trình tiến hóa.

17. Ở những môi trường sống quan trọng, khách hàng sẽ không triển khai hoạt động dự án, trừ phi tất cả các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- Không có biện pháp thay thế khả thi nào trong

vùng để có thể phát triển dự án ở môi trường sống điều chỉnh hay tự nhiên mà không phải môi trường sống quan trọng;

- Dự án không đem lại những tác động tiêu cực có thể đo đạc được đến các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng và đến các quá trình sinh thái hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học này;¹²
- Dự án không dẫn đến tổn thất tịnh về dân số¹³ toàn cầu, và/hoặc quốc gia/vùng của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng trong một khoảng thời gian nhất định hợp lý;¹⁴
- Một chương trình theo dõi và đánh giá toàn diện và lâu dài về đa dạng sinh học, được thiết kế hợp lý đã được lồng ghép vào chương trình quản lý của khách hàng.

18. Trong những trường hợp khách hàng có thể đáp ứng những yêu cầu ở khoản 17, chiến lược khắc phục của dự án sẽ được mô tả trong Kế hoạch hành động đa dạng sinh học và sẽ được thiết kế để đạt được lợi ích tịnh¹⁵ về các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng.

19. Trong những trường hợp các biện pháp bù đắp được đưa vào chiến lược khắc phục, khách hàng cần thể hiện được thông qua đánh giá những tác động còn lại của của dự án đến đa dạng sinh học sẽ được khắc phục hợp lý và phù hợp với yêu cầu của khoản 17.

Các khu vực được luật pháp bảo vệ

20. Trong trường hợp một dự án được đề xuất nằm trong một khu vực được bảo vệ về mặt pháp lý;¹⁶ hay khu vực được quốc tế công nhận,¹⁷ khách hàng cần đáp

⁸ Không có tổn thất tịnh được hiểu là ở điểm mà tác động của dự án lên đa dạng sinh học được cân bằng bởi các biện pháp tránh và giảm thiểu tác động của dự án, phục hồi tại chỗ và cuối cùng bù đắp lại những hậu quả để lại nếu có ở một phạm vi địa lý phù hợp (ví dụ như địa phương, một khu đất, quốc gia, vùng).

¹⁰ Dự trữ là những vùng đất trong khuôn khổ dự án hay những khu vực mà khách hàng có quyền kiểm soát và được loại trừ khỏi quá trình phát triển của dự án và được dùng để thực hiện các biện pháp tăng cường bảo tồn. Dự trữ có thể có những giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa và/hoặc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái quan trọng ở cấp địa phương, quốc gia, và/hoặc vùng. Dự trữ nên được định nghĩa theo phương pháp luận được thiết kế công nhận (ví dụ Giá trị bảo tồn cao, lập kế hoạch bảo tồn có hệ thống.)

¹¹ Như thể định nghĩa của danh sách đỏ của IUCN về các loài đang bị đe dọa. Việc xác định môi trường sống quan trọng dựa vào một số yếu tố khác nhau sau: (i) nếu loài được quốc gia hay vùng liệt vào danh sách các loài đang bị đe dọa hay đe dọa nghiêm trọng, ở những nước tuân thủ hướng dẫn của IUCN, việc xác định môi trường sống quan trọng sẽ tùy theo từng dự án có sự tư vấn của chuyên gia có năng lực; và (ii) ở những nước hay khu vực mà danh sách các loài đang bị đe dọa hay đe dọa nghiêm trọng không tương ứng với danh sách của IUCN (ví dụ một số nước chi phần loại "cần được bảo vệ" và "hạn chế") thì cần thực hiện đánh giá để xác định li do và mục đích của phần loại này. Trong trường hợp đó, việc xác định môi trường sống quan trọng sẽ dựa vào đánh giá đó.

¹² Giá trị đa dạng sinh học và các quy trình sinh thái hỗ trợ chúng được xác định theo phạm vi liên quan.

¹³ Tổn thất tịnh là tổn thất một hay một số cá thể có tác động lên khả năng tồn tại của loài trên phạm vi toàn cầu, và/hoặc vùng/quốc gia cho nhiều thế hệ trong một khoảng thời gian dài nhất định. Mức độ của tổn thất (toàn cầu, và/hoặc vùng/quốc gia) được quyết định dựa trên sự phân loại của loài trong sách đỏ của IUCN (toàn cầu) và/hoặc các danh sách của vùng/quốc gia. Đối với những loài được liệt kê trong sách đỏ của IUCN và danh sách của vùng/quốc gia, tổn thất tịnh sẽ dựa vào dân số của các quốc gia/vùng.

¹⁴ Khung thời gian mà khách hàng cần chứng minh không làm giảm "tịnh" các loài sinh vật bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng được xác định theo từng trường hợp cụ thể với sự tư vấn của chuyên gia độc lập.

¹⁵ Lợi ích "tịnh" là những thành quả bảo tồn có được cho các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng. Lợi ích tịnh thường đạt được nhờ vào các biện pháp bù đắp đa dạng sinh học và/hoặc chẳng hạn khi khách hàng đáp ứng các yêu cầu ở khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này mà không cần các biện pháp bù đắp đa dạng sinh học, khách hàng nên đạt được lợi ích tịnh nho việc triển khai chương trình tại chỗ để cải thiện môi trường sống và bảo tồn đa dạng sinh học.

¹⁶ Tiêu chuẩn hoạt động này thiên nhân các khu vực được pháp luật bảo hộ theo định nghĩa của IUCN: "là một không gian địa lý phân định rõ ràng, được thừa nhận, quản lý thông qua các biện pháp pháp lý hoặc biện pháp khác, để đạt được sự bảo tồn thiên nhiên lâu dài với các dịch vụ của hệ sinh thái và giá trị văn hóa di kèm." Trong khuôn khổ của Tiêu chuẩn hoạt động này, khu vực này bao gồm cả những khu vực do chính phủ đề xuất để thực hiện nhiệm vụ trên.

¹⁷ Được định nghĩa là các khu di sản thiên nhiên của thế giới được UNESCO công nhận, khu bảo tồn sinh quyển và con người được UNESCO công nhận, các khu đa dạng sinh học chủ chốt, và các khu đầm lầy được quy định trong Công ước về Đầm lầy có tầm quan trọng đối với quốc tế (Công ước Ramsar).

ứng các yêu cầu ở khoản từ 13 đến 19 của Tiêu chuẩn hoạt động này khi phù hợp. Ngoài ra khách hàng cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Thể hiện rõ là việc đề xuất phát triển dự án ở những khu vực này đã được pháp luật cho phép;
- Hành động một cách phù hợp với kế hoạch quản lý của chính phủ đối với khu vực được bảo vệ;
- Tham vấn các nhà tài trợ và quản lý khu bảo tồn, các cộng đồng địa phương, và các bên liên quan quan trọng khác về dự án đề xuất;
- Triển khai thực hiện các chương trình bổ sung, nếu thích hợp, để thúc đẩy và tăng cường mục tiêu bảo tồn của khu vực được bảo vệ.¹⁸

Các loài ngoại lai xâm lấn

21. Việc cố ý hoặc vô tình đưa các loài thực vật và động vật ngoại lai hoặc phi bản địa vào các khu vực nơi mà không thường thấy có thể là một mối đe dọa lớn đối với đa dạng sinh học, vì một số các loài ngoại lai có thể trở thành xâm lấn, lan rộng nhanh chóng và cạnh tranh áp đảo với các loài bản địa.

22. Các khách hàng sẽ không cố ý đưa bất kỳ sinh vật ngoại lai mới nào (không hiện hữu ở quốc gia hoặc khu vực của dự án) trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện có. Ngay cả như vậy, khách hàng sẽ không cố tình đưa bất kỳ sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm lấn cao trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện có. Việc đưa các loài sinh vật ngoại lai vào cần được đánh giá rủi ro cẩn thận (trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của khách hàng) để quyết định tiềm năng của hành vi xâm lấn. Khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp để tránh khả năng đưa vào một cách tình cờ hoặc không lường trước các loài sinh vật ngoại lai kể cả việc vận chuyển các loại đất và sinh vật (như đất trồng, đá balat và các nguyên liệu thực vật) có thể có các sinh vật ngoại lai ẩn náu.

23. Khi sinh vật ngoại lai đã có sẵn trong quốc gia hoặc vùng mà có dự án đề xuất, khách hàng sẽ thực hiện biện pháp thận trọng để không làm chúng lan rộng ra các khu vực chưa có. Khách hàng sẽ sử dụng các biện pháp thanh trùng các sinh vật này trong môi trường sống tự nhiên mà họ có quyền kiểm soát.

Quản lý dịch vụ hệ sinh thái

24. Khi dự án có khả năng có tác động tiêu cực đến

dịch vụ hệ sinh thái, như đã được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động, khách hàng sẽ thực hiện rà soát có hệ thống để xác định các dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên. Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên chia làm hai loại: (i) những dịch vụ mà hoạt động của dự án có khả năng có tác động nhất và do đó sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực đến cộng đồng bị ảnh hưởng; và/hoặc (ii) những dịch vụ mà dự án phải dựa vào để hoạt động (như nước). Khi cộng đồng bị ảnh hưởng có khả năng bị tác động, họ phải tham gia vào quá trình quyết định đầu là những dịch vụ sinh thái cần được ưu tiên phù hợp với quy trình lấy ý kiến các bên liên quan trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.

25. Đối với những tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái được coi là ưu tiên đối với cộng đồng bị ảnh hưởng và khi khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc ảnh hưởng quan trọng đến các dịch vụ đó, cần tránh những tác động này. Nếu không thể tránh được, khách hàng cần giảm thiểu tác động và thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm duy trì giá trị và tính năng của các dịch vụ ưu tiên đó. Đối với những tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái mà dự án cần cho hoạt động của mình, khách hàng cần giảm thiểu tác động đến các dịch vụ này và thực hiện các biện pháp tăng tính hiệu quả trong sử dụng nguồn tài nguyên đó, như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 3. Các điều khoản khác của dịch vụ hệ sinh thái được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 4, 5, 7 và 8.¹⁹

Quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

26. Khách hàng tham gia vào sản xuất cơ bản từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên như khai thác rừng tự nhiên hoặc phát triển rừng trồng, nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản sẽ cần tuân thủ các yêu cầu của khoản 26-30, bên cạnh các yêu cầu khác của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khi phù hợp, khách hàng sẽ xác định vị trí các dự án trồng rừng trên đất trống hoặc đất đã được chuyển đổi. Khách hàng tham gia vào các ngành này cần quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo cách thích hợp thông qua việc áp dụng các thông lệ quản lý tốt và các công nghệ sẵn có. Nếu các thông lệ sản xuất cơ bản này được quy định thành tiêu chuẩn cấp toàn cầu, vùng, quốc gia, khách hàng cần thực hiện các thông lệ quản lý bền vững theo một trong số các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín và phải được chứng nhận độc lập cho quá trình này.

¹⁹ Tham khảo thêm về dịch vụ hệ sinh thái tại Tiêu chuẩn hoạt động 4, khoản 8 và Tiêu chuẩn hoạt động 5 khoản 5 và khoản 25-29; Tiêu chuẩn hoạt động 7, khoản 13-17 và 20; và Tiêu chuẩn hoạt động 8 khoản 11

¹⁸ Thực hiện thêm một số chương trình có thể không cần thiết đối với những dự án không để lại dấu vết mới.

27. Những tiêu chuẩn toàn cầu, vùng, quốc gia về quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên là những tiêu chuẩn (i) khách quan và có thể đạt được; (ii) dựa trên quá trình tham vấn nhiều bên liên quan; (iii) khuyến khích việc cải thiện liên tục và từng bước; và (iv) cung cấp chứng nhận độc lập bởi cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đối với những tiêu chuẩn đó.²⁰

28. Khi có các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín, nhưng khách hàng chưa được chứng nhận việc áp dụng các tiêu chuẩn này, khách hàng cần thực hiện tiến đánh giá về sự tuân thủ của mình đối với các tiêu chuẩn đó và thực hiện các biện pháp để đạt được chứng nhận độc lập trong một khoảng thời gian thích hợp.

29. Nếu chưa có các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín toàn cầu, vùng, quốc gia đối với một loại tài nguyên thiên nhiên cụ thể, khách hàng sẽ:

- Cam kết áp dụng nguyên tắc hoạt động ngành quốc tế tốt, các thông lệ quản lý và công nghệ quốc tế tốt;
- Tham gia và hỗ trợ tích cực cho quá trình xây dựng một tiêu chuẩn quốc gia, khi phù hợp, kể cả những nghiên cứu có thể góp phần tạo nên hoặc chứng minh các thông lệ bền vững.

Chuỗi cung ứng

Khi khách hàng đang mua các sản phẩm cơ bản (nhất là và không loại trừ thức ăn và các hàng hóa từ sợi) được sản xuất trong vùng có nguy cơ chuyển đổi môi trường sống tự nhiên và/hoặc môi trường sống quan trọng, cần phải có hệ thống và quy trình thẩm tra đánh giá nhà cung cấp trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng.²¹ Hệ thống và quy trình này sẽ: (i) xác định nguồn cung từ đâu và loại môi trường sống của vùng này; (ii) cung cấp rà soát thường xuyên về các chuỗi cung ứng cơ bản của khách hàng; (iii) chỉ giới hạn mua từ các nhà nhà cung cấp có thể chứng minh họ không góp phần làm chuyển đổi đáng kể môi trường sống tự nhiên và/hoặc môi trường sống quan trọng (có thể chứng minh bằng việc cung cấp những sản phẩm được chứng nhận hay tiến trình để được chứng nhận bởi một tổ chức uy tín cho một số hàng hóa cụ thể và/hoặc khu vực cụ thể); và (iv) khi phù hợp, yêu cầu thực hiện các hành động để chuyển dẫn chuỗi cung ứng cơ bản của khách hàng sang những nhà cung cấp có thể chứng minh họ không gây ảnh hưởng tiêu cực gì đến các khu vực này. Khả năng của khách hàng để xử lý các rủi ro này phụ thuộc vào mức độ kiểm soát hay mức ảnh hưởng của khách hàng đến nhà cung cấp cơ bản.

²⁰ Một hệ thống chứng nhận thích hợp sẽ là một hệ thống độc lập, hiệu quả về chi phí, dựa trên mục tiêu và tiêu chuẩn hiệu suất có thể đo lường và được phát triển thông qua tham vấn với các bên có liên quan, chẳng hạn như người dân và cộng đồng địa phương, người dân bản địa, tổ chức xã hội dân sự đại diện cho người tiêu dùng, nhà sản xuất, và các lợi ích bảo tồn. Một hệ thống như vậy có các thủ tục công bằng, minh bạch, quy trình ra quyết định độc lập tránh xung đột lợi ích.

²¹ Nhà cung cấp cơ bản là những nhà cung cấp thường xuyên các sản phẩm từ tài nguyên thiên nhiên, hàng hóa và nguyên liệu cần thiết cho quá trình vận hành của dự án.

Tiêu chuẩn hoạt động 7

Người thiểu số bản địa

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 7 nhận ra rằng người dân thiểu số bản địa, với tư cách là nhóm xã hội với bản sắc khác biệt với các nhóm chiếm ưu thế trong một quốc gia, thường nằm trong số các nhóm bị thiệt thòi và yếu thế. Trong nhiều trường hợp, tình trạng kinh tế, xã hội và pháp lý của họ thường giới hạn khả năng của họ trong việc bảo vệ quyền lợi của họ, và quyền tiếp cận đất đai và tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, và có thể hạn chế khả năng của họ tham gia vào và hưởng lợi từ sự phát triển. Họ đặc biệt yếu thế nếu đất đai và tài nguyên của họ bị cải tạo, xâm phạm từ bên ngoài, hoặc bị suy thoái đáng kể. Ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh của họ, và các tổ chức cũng có thể bị đe dọa. Những đặc điểm này khiến người dân bản địa yếu thế trước các loại rủi ro khác nhau và mức độ nghiêm trọng của tác động, bao gồm cả việc mất đi bản sắc, văn hóa, sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên, cũng như nguy cơ bản địa hóa và bệnh tật.

2. Các dự án khu vực tư nhân có thể tạo ra cơ hội cho người dân tộc thiểu số tham gia vào và hưởng lợi từ các hoạt động liên quan đến dự án có thể giúp họ thực hiện nguyện vọng của họ trong phát triển kinh tế và xã hội. Ngoài ra, người dân tộc thiểu số có thể đóng một vai trò trong phát triển bền vững bằng cách thúc đẩy và quản lý các hoạt động và doanh nghiệp với tư cách là các đối tác trong phát triển. Chính phủ thường đóng vai trò trung tâm trong quản lý các vấn đề của người dân thiểu số bản địa, và khách hàng nên phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để quản lý rủi ro và tác động của các hoạt động này.¹

Mục tiêu

- Để đảm bảo rằng quá trình phát triển thúc đẩy tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, nhân quyền, nguyện vọng, văn hóa và sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên của người dân tộc thiểu số;
- Để dự báo và tránh những tác động động tiêu cực của dự án lên cộng đồng của người dân tộc thiểu số, hoặc khi không thể tránh được thì giảm thiểu,

¹ Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần tuân thủ các quy định của pháp luật quốc gia liên quan kể cả những luật thực thi các nghĩa vụ của nước sở tại theo pháp luật quốc tế.

và/hoặc bồi thường cho các tác động đó.

- Để thúc đẩy các lợi ích và cơ hội phát triển bền vững cho người dân tộc thiểu số một cách thích hợp về văn hóa.
- Để thiết lập và duy trì một mối quan hệ thường xuyên thông qua quá trình tham vấn toàn diện (ICP) với những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Để đảm bảo những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng hiểu rõ và không bị ép buộc (gọi là FPIC - Free, Prior and Informed Consent) khi xảy ra các tình huống được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động này.
- Để tôn trọng và bảo tồn văn hóa, kiến thức và sinh hoạt thực tiễn của người dân tộc thiểu số.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

4. Không có một định nghĩa chung nào trên toàn cầu cho khái niệm “Người thiểu số bản địa.” Người dân tộc thiểu số có thể được hiểu ở các nước khác nhau bằng các thuật ngữ như “dân tộc thiểu số bản địa,” “thổ dân,” “bộ lạc,” “dân tộc thiểu số,” “các bộ lạc thổ địa,” “quốc gia đầu tiên,” hoặc “nhóm bộ tộc.”

5. Trong Tiêu chuẩn Hoạt động này, “người dân tộc thiểu số” được sử dụng trong một ý nghĩa chung để chỉ một nhóm xã hội và văn hóa khác biệt có các đặc điểm sau ở các mức độ khác nhau:

- Tự xác định là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được những người khác công nhận danh tính này;
- Gần bó tập thể với vùng địa lý riêng biệt hoặc vùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các môi

trường sống và vùng lãnh thổ này;

- Các tổ chức văn hóa, kinh tế, xã hội, hoặc chính trị tách biệt khỏi các nhóm chiếm ưu thế về xã hội hoặc văn hóa;
- Một ngôn ngữ bản địa hay phương ngữ, thường là khác ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay khu vực.

6. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng cho các cộng đồng và nhóm dân tộc thiểu số bản địa duy trì sự gắn kết tập thể, chẳng hạn như gắn liền với bản sắc của một nhóm hay một cộng đồng, đến một môi trường sống hay lãnh thổ tổ tiên khác biệt và nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đó. Tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho các cộng đồng và nhóm mà bị mất sự gắn kết tập thể đến một môi trường sống hay lãnh thổ tổ tiên khác biệt trong khu vực dự án, xảy ra trong vòng đời của các thành viên nhóm đó do sự cắt đứt bắt buộc, xung đột, các chương trình tái định cư của chính phủ, tước đoạt đất, thiên tai hoặc đô thị hóa.

7. Khách hàng nên lấy ý kiến của chuyên gia khi xem xét liệu một nhóm cụ thể nào đó có được coi là người dân tộc thiểu số theo mục đích của Tiêu chuẩn hoạt động này hay không.

Các yêu cầu

Yêu cầu chung

Tránh các tác động tiêu cực

8. Khách hàng sẽ xác định, thông qua một quá trình đánh giá môi trường và xã hội, tất cả các cộng đồng của người dân tộc thiểu số mà có thể bị ảnh hưởng bởi dự án, cũng như bản chất sự việc và mức độ của các tác động trực tiếp và gián tiếp dự kiến về xã hội, văn hoá (bao gồm cả di sản văn hóa)² và môi trường đối với họ.

9. Các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa bị ảnh hưởng cần phải tránh khi có thể. Khi các biện pháp thay thế đã được xem xét và khi các tác động tiêu cực là không thể tránh, khách hàng sẽ giảm thiểu, khôi phục hoặc bồi thường cho những tác động này một cách phù hợp với văn hóa của họ và tương xứng với bản chất và quy mô của các tác động cũng như mức độ yếu thế của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Hành động theo đề xuất

² Các yêu cầu thêm về bảo vệ di sản văn hóa được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 8

³ Việc xác định kế hoạch thích hợp sẽ cần phải tham khảo ý kiến của chuyên gia có năng lực chuyên môn. Một kế hoạch phát triển cộng đồng có thể thích hợp khi người dân tộc thiểu số là một bộ phận của các cộng đồng lớn hơn bị ảnh hưởng.

của khách hàng sẽ được thực hiện với sự tham gia với nhận thức cao của người dân bản địa bị ảnh hưởng quá trình tham vấn toàn diện (ICP) trong đó có một kế hoạch cụ thể về thời gian, kiểu như một Kế hoạch Phát triển Người dân Bản địa, hoặc một kế hoạch phát triển cộng đồng rộng hơn với các cấu phần riêng cho người dân bản địa.³

Sự tham gia và đồng thuận

10. Các khách hàng sẽ thiết lập một mối quan hệ thường xuyên với các cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng theo yêu cầu Tiêu chuẩn hoạt động 1. Quá trình này gồm các khâu như: phân tích các đối tượng có liên quan và lập kế hoạch thiết lập quan hệ, công bố thông tin, tham vấn và có sự tham gia theo cách thức phù hợp về mặt văn hóa. Ngoài ra quá trình này sẽ:

- Căn cứ các tổ chức đại diện cho người dân tộc thiểu số tham gia (như hội đồng trưởng lão hay hội đồng làng) cũng như các thành viên của cộng đồng những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng;
- Dành một khoảng thời gian thích hợp cho quá trình ra quyết định của người dân tộc thiểu số.⁴

11. Cộng đồng những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng có thể bị tổn thương hơn đối với những mất mát, phải rời bỏ hay bóc lột trên đất đai của họ và khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa.⁵ Để thừa nhận sự tổn thương này, bên cạnh những yêu cầu chung của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng nên có được FPIC (đồng thuận không bị ép buộc) của cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong những trường hợp được đề cập ở khoản 13-17 của Tiêu chuẩn hoạt động này. FPIC cần áp dụng từ khâu thiết kế, triển khai dự án và những thành quả mong đợi liên quan đến tác động đến cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Khi một trong những trường hợp này được áp dụng, khách hàng nên mời chuyên gia độc lập hỗ trợ quá trình đánh giá các rủi ro và tác động của dự án.

12. Không có định nghĩa chuẩn toàn cầu nào đối với FPIC. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 1, 7 và 8, FPIC được định nghĩa như sau. FPIC xây dựng trên và mở rộng quy trình ICP được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và được thiết lập qua đàm phán có thiện chí giữa khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

⁴ Quá trình ra quyết định nội bộ nói chung nhưng không phải luôn mang tính tập thể. Có thể có sự không đồng tình và quyết định có thể còn có những thắc mắc bởi một số cá nhân trong cộng đồng. Quá trình tham vấn cần tính đến yếu tố này và cho phép đủ thời gian để quá trình ra quyết định nội bộ có được kết luận cuối cùng có tính hợp pháp đối với những thành viên tham gia.

⁵ Nguồn tài nguyên thiên nhiên và khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với những dịch vụ cung cấp và văn hóa của hệ sinh thái được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

Khách hàng cần lưu: (i) quá trình đồng thuận giữa khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, và (ii) bằng chứng về thỏa thuận giữa các bên về kết quả của đàm phán. FPIC không nhất thiết phải có sự thống nhất hoàn toàn và có thể đạt được ngay cả khi các cá nhân hay các nhóm trong cộng đồng có ý kiến khác nhau.

Những trường hợp cần có FPIC

Các tác động lên vùng đất truyền thống hoặc có tính phong tục đang được sử dụng

13. Người dân tộc thiểu số thường gắn chặt với vùng đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên của họ trên những vùng đất này.⁶ Thông thường, những vùng đất này được sở hữu theo truyền thống hoặc theo phong tục.⁷ Trong khi các dân tộc thiểu số có thể không có quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia đối với những mảnh đất đó, việc sử dụng những vùng đất này, bao gồm cả sử dụng theo mùa vụ hoặc theo chu kỳ, của cộng đồng người dân tộc thiểu số cho cuộc sống của họ, hoặc các mục đích văn hóa, nghi lễ, hoặc tinh thần mà đã tạo nên danh tính và cộng đồng của riêng họ, có thể thường được chứng minh và lưu trữ tài liệu.

14. Nếu khách hàng đề xuất xây dựng một dự án tại, hoặc phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng trên vùng đất đang thuộc sở hữu truyền thống của dân tộc thiểu số hay đang được họ sử dụng và có thể sẽ có những tác động tiêu cực,⁸ khách hàng cần thực hiện những bước sau:

- Lưu tài liệu những nỗ lực của mình để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu diện tích vùng đất quy hoạch cho dự án;
- Lưu tài liệu những nỗ lực của mình để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu tác động lên tài nguyên thiên nhiên và các vùng tự nhiên có ý nghĩa quan trọng⁹ đối với dân tộc thiểu số bản địa;
- Xác định và rà soát các lợi ích về tài sản và việc sử dụng truyền thống các nguồn tài nguyên trước khi

mua hoặc thuê đất;

- Đánh giá và lưu tài liệu về việc sử dụng tài nguyên của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng mà không làm tổn hại đến việc đòi bồi thường đất của họ.¹⁰ Việc đánh giá việc sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên khác cần đảm bảo có sự tham gia của cả hai giới nam và nữ và nên đặc biệt xem xét vai trò của phụ nữ trong quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên này;
- Đảm bảo các cộng đồng người thiểu số bản địa bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về quyền của họ đối với những vùng đất này theo quy định của pháp luật quốc gia, bao gồm bất kỳ luật pháp quốc gia công nhận quyền sở hữu hoặc sử dụng theo tập quán;
- Đảm bảo đến bù cho người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cùng với quyền hợp pháp khác trong trường hợp dự án phát triển đất và tài nguyên thiên nhiên cho mục đích thương mại cũng với những cơ hội phát triển bền vững phù hợp về mặt văn hóa, và gồm có:
 - Cung cấp đền bù trên đất cũng như đền bù hiện vật thay cho tiền mặt khi phù hợp;¹¹
 - Bảo đảm việc được tiếp tục tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xác định các nguồn thay thế tương đương, hoặc, là phương án cuối cùng, cung cấp đền bù và tìm ra các phương thức sinh kế khác nhau việc phát triển dự án dẫn đến việc mất quyền tiếp cận hay sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên độc lập khỏi việc thu hồi đất của dự án;
 - Bảo đảm chia sẻ các quyền lợi từ việc sử dụng nguồn tài nguyên của dự án một cách công bằng và cân xứng nếu khách hàng định sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên đang là trung tâm của sinh kế và bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng và việc sử dụng này đang làm rủi ro về sinh kế trầm trọng hơn;
 - Cung cấp cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng quyền tiếp cận, sử dụng và đi lại trên mảnh đất dự án đang phát triển phụ thuộc vào các vấn đề quan trọng hơn như an ninh, an toàn và sức khỏe.

⁶ Ví dụ như các nguồn tài nguyên dưới nước và ở biển, gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp phi gỗ khác, cây làm thuốc, các khu săn bắn và tập trung, khu chăn thả và trồng trọt. Tài sản nguồn tài nguyên thiên nhiên được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với các dịch vụ cung cấp và văn hóa của hệ sinh thái được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

⁷ Việc thu mua đất và/hoặc thuê đất có quyền sở hữu hợp pháp được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện.

⁸ Những tác động bất lợi như vậy có thể bao gồm tác động từ mất khả năng tiếp cận vào tài sản hoặc các nguồn tài nguyên, hoặc hạn chế về sử dụng đất, do các hoạt động của dự án.

⁹ "Tài nguyên thiên nhiên và các vùng tự nhiên có ý nghĩa quan trọng được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với những dịch vụ ưu tiên của hệ sinh thái trong Tiêu chuẩn hoạt động 6. Thuật ngữ này để chỉ những dịch vụ mà khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hay có mức độ ảnh hưởng quan trọng, và những dịch vụ rất nhiều khả năng trở thành nguồn rủi ro chính của các tác động đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

¹⁰ Trong khi Tiêu chuẩn Hoạt động này đòi hỏi bằng chứng và tài liệu của việc sử dụng đất, các khách hàng cũng nên ý thức được rằng đất có thể đã được sử dụng cho các mục đích khác, theo chỉ định của chính phủ sở tại.

¹¹ Trong trường hợp khách hàng không thể đền bù bằng một mảnh đất tương đương, khách hàng cần giải thích và đưa ra bằng chứng cho việc này. Trong những trường hợp này khách hàng sẽ cung cấp cơ hội tạo thu nhập không dựa trên đất đai bằng hoặc hơn mức đền bù bằng tiền cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

¹² Điển hình là quyền được đền bù và tiếp cận, sử dụng đất và các nguồn tài nguyên theo phong tục và truyền thống, phần lớn sẽ tạo thành quyền sở hữu tài sản chung. Những đền bù truyền thống cho đất và nguồn tài nguyên có thể không được công nhận trong pháp luật quốc gia. Trong trường hợp các thành viên của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng có quyền hợp pháp cá nhân hay pháp luật quốc gia công nhận quyền của các cá nhân này theo phong tục thì những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 5 cần được áp dụng hơn là các yêu cầu trong khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Tài định cư những người dân tộc thiểu số ra khỏi những vùng đất truyền thống hoặc phong tục của họ.

15. Khách hàng sẽ xem xét các thiết kế dự án khả thi để tránh di dời dân tộc thiểu số bản địa khỏi những vùng đất và nguồn tài nguyên thuộc sở hữu chung¹² theo truyền thống hoặc cộng đồng đã và đang sử dụng theo phong tục. Nếu việc di dời như vậy là không thể tránh được, khách hàng sẽ không tiến hành dự án, trừ khi có đảm bảo phân thiện chí FPIC với các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng được đề cập ở trên. Bất kỳ việc di dời nào đối với người dân tộc thiểu số sẽ phải đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động 5. Nếu khả thi, người dân tộc thiểu số được di dời sẽ có thể quay trở lại vùng đất truyền thống hoặc phong tục của họ, một khi lý do chuyển địa điểm của họ không còn nữa.

Tài nguyên văn hóa

16. Trường hợp dự án có khả năng có tác động lớn đến các di sản văn hóa quan trọng¹³ đối với bản sắc và/hoặc các phương diện văn hóa, lễ nghi và tinh thần của đời sống dân tộc thiểu số, cần ưu tiên để tránh những tác động này. Khi các tác động của dự án lên các di sản văn hóa quan trọng là không thể tránh được, khách hàng cần có đảm bảo phân thiện chí FPIC với cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

17. Trường hợp dự án đề xuất sử dụng các nguồn tài nguyên văn hóa, kiến trúc, sáng kiến, hay thông lệ của các cộng đồng địa phương cho mục đích thương mại, khách hàng sẽ thông báo cho các cộng đồng này: (i) các quyền của mình theo quy định của pháp luật quốc gia, (ii) phạm vi và tính chất của sự khai thác thương mại dự kiến, và (iii) các hậu quả tiềm năng của việc phát triển như vậy; và (iv) đảm bảo phân chia lợi ích FPIC. Khách hàng cũng cần đảm bảo chia sẻ công bằng và tương xứng những lợi ích có được từ thương mại hóa các kiến trúc, sáng kiến, hay thông lệ đó phù hợp với phong tục và tập quán của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

Biện pháp giảm nhẹ và lợi ích phát triển

18. Khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cần xác định các biện pháp giảm nhẹ phù hợp với hệ thống phân cấp được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 cũng như những cơ hội về lợi ích phát triển bền vững và phù hợp với văn hóa của họ. Khách hàng sẽ đảm bảo thực hiện các biện pháp đã thỏa thuận đúng lúc và hợp lý đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

19. Việc xác định, thực hiện và phân phát đền bù và các biện pháp chia sẻ lợi ích khác đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cần tính đến pháp luật, thể chế và phong tục của các cộng đồng này cũng như mức độ tương tác của họ với xã hội nói chung. Việc xác định tình trạng đền bù từ cách để được nhận đền bù có thể theo cá nhân hoặc tập thể hoặc kết hợp cả hai.¹⁴ Nếu đền bù thực hiện theo tập thể, cần thiết kế và triển khai cơ chế xúc tiến việc thực hiện và phân phát đền bù cho tất cả thành viên đủ tư cách của nhóm đó.

20. Các yếu tố khác như, nhưng không giới hạn ở, bản chất của dự án, hoàn cảnh của dự án, mức độ yếu thế của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng sẽ quyết định mức độ lợi ích mà cộng đồng này được hưởng từ dự án. Các cơ hội được xây dựng cần nhằm vào mục đích đạt được những mục tiêu và đáp ứng những lựa chọn của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng kể cả việc cải thiện mức sống và phương thức sinh kế một cách phù hợp với văn hóa và nuôi dưỡng sự bền vững lâu dài của nguồn tài nguyên họ đang phụ thuộc vào.

Trách nhiệm của khối tư nhân trong trường hợp chính phủ chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề của người dân tộc thiểu số

21. Khi chính phủ có vai trò trong quản lý các vấn đề của người dân tộc thiểu số liên quan đến dự án, khách hàng sẽ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi khả thi và được phép của cơ quan này, để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, nếu năng lực của chính phủ có hạn, khách hàng có thể đóng vai trò tích cực hơn trong quá trình hoạch định, triển khai và giám sát các hoạt động trong phạm vi được phép.

22. Khách hàng sẽ xây dựng một kế hoạch, cùng với những tài liệu được chuẩn bị bởi cơ quan có thẩm quyền, để đáp ứng những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khách hàng có thể cần đưa vào kế hoạch này: (i) kế hoạch, triển khai và lưu tài liệu quá trình ICP và sự tham gia của các bên liên quan cũng như FPIC nếu liên quan; (ii) mô tả quyền lợi của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng do chính phủ quy định; (iii) các biện pháp đề xuất để làm cầu nối các quyền được hưởng và các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này; và (iv) trách nhiệm tài chính và thực thi của các cơ quan chính phủ và/hoặc khách hàng.

¹³ Bao gồm các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần như khu rừng linh thiêng, khu nước hay kênh rạch linh thiêng, cây cối hay hòn đá linh thiêng. Khu vực tự nhiên với giá trị văn hóa tương đương với dịch vụ văn hóa được ưu tiên của hệ sinh thái đã được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

¹⁴ Trong trường hợp kiểm soát nguồn lực, tài sản và quá trình ra quyết định đều mang tính tập thể, cần có nỗ lực đảm bảo khi thích hợp những lợi ích và đền bù cũng mang tính tập thể và có tính đến những khác biệt và nhu cầu của các thế hệ.

Tiêu chuẩn hoạt động 8

Di sản văn hóa

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn hoạt động 8 ghi nhận tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với các thế hệ hôm nay và mai sau. Tuân theo Công ước về Bảo vệ Di sản Tự nhiên và Văn hóa Thế giới, Tiêu chuẩn Hoạt động 8 này có mục đích đảm bảo khách hàng có trách nhiệm bảo vệ các di sản văn hóa trong quá trình thực hiện dự án. Ngoài ra, các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này đối với việc sử dụng di sản văn hóa cho dự án còn dựa một phần vào các chuẩn mực của Công ước về Đa dạng Sinh học.

Mục tiêu

- Để bảo vệ di sản văn hóa trước các tác động tiêu cực của các hoạt động dự án và hỗ trợ việc bảo tồn di sản.
- Để xúc tiến việc phân chia công bằng các lợi ích thu được từ việc sử dụng di sản văn hóa cho kinh doanh.

Phạm vi áp dụng

2. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1. Trong suốt vòng đời của dự án, khách hàng sẽ xem xét những tác động tiềm năng của dự án đến di sản văn hóa và áp dụng các điều khoản của Tiêu chuẩn hoạt động này.

3. Đối với Tiêu chuẩn Hoạt động này, di sản văn hóa hàm ý (i) các dạng vật thể của di sản văn hóa, ví dụ như vật thể cố định và lưu động, tài sản cố định, các địa điểm, các kết cấu hay nhóm kết cấu, có giá trị khảo cổ (tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, và tôn giáo; (ii) các đặc tính môi trường tự nhiên riêng có mang giá trị văn hóa như rừng, đá, hồ và thác linh thiêng; và (iii) những dạng phi vật thể của văn hóa được đề xuất sử dụng cho mục đích thương mại như kiến thức văn hóa, sáng kiến và thông lệ của các cộng đồng có cách sống truyền thống.

4. Các yêu cầu đối với di sản văn hóa vật thể được đề cập tại khoản 6-16. Các yêu cầu đối với di sản văn hóa phi vật thể được đề cập tại khoản 16 (iii).

5. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này được áp dụng cho các di sản văn hóa cho dù các di sản này đã và đang được pháp luật bảo vệ hay đã bị phá rối. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này không áp dụng cho các di sản văn hóa của dân tộc thiểu số bản địa. Tiêu chuẩn hoạt động 7 sẽ đưa ra các yêu cầu đối với trường hợp này.

Yêu cầu

Bảo vệ di sản văn hóa trong Thiết kế Dự án và Triển khai

6. Ngoài việc tuân thủ với luật pháp quốc gia về việc bảo vệ di sản văn hóa, bao gồm luật quốc gia về việc thực hiện các nghĩa vụ quốc gia theo Công ước về Bảo vệ Di sản Tự nhiên và Văn hóa Thế giới và các luật quốc tế liên quan khác, khách hàng sẽ bảo vệ và hỗ trợ di sản văn hóa bằng việc tuân thủ các tập quán được quốc tế thừa nhận để bảo vệ, nghiên cứu thực địa và làm tư liệu di sản văn hóa.

7. Khi quá trình đánh giá rủi ro và tác động quyết định là có thể tác động đến di sản văn hóa, khách hàng nên thuê chuyên gia có năng lực để hỗ trợ việc xác định và bảo vệ các di sản văn hóa đó. Việc di dời các di sản văn hóa không thể tái tạo phụ thuộc vào các yêu cầu thêm tại khoản 10 dưới đây. Trong trường hợp các di sản văn hóa quan trọng, cần áp dụng yêu cầu tại khoản 13-15.

Quy trình phát hiện một cách tình cờ

8. Khách hàng là người chịu trách nhiệm đối với xác định vị trí và thiết kế dự án để tránh tổn hại nặng nề cho di sản văn hóa. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội cần quyết định liệu địa điểm của dự án có nằm trong khu vực có thể có di sản văn hóa trong suốt quá trình xây dựng hay vận hành dự án.

¹ Di sản văn hóa vật thể mà phát hiện được trong quá trình xây dựng hay vận hành dự án.

² Quy trình phát hiện tình cờ là một quy trình của một dự án cụ thể để đề ra những hành động cần thực hiện nếu phát hiện không lường trước một di sản văn hóa

Trong những trường hợp này, trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng, khách hàng cần xây dựng những điều khoản để quản lý những phát hiện tình cờ¹ thông qua quy trình phát hiện tình cờ² - được áp dụng khi một di sản văn hóa được phát hiện. Khách hàng sẽ không được tiếp tục tác động lên di sản đã phát hiện ra cho tới khi có đánh giá của chuyên gia và hoạch định được các hành động tuần thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này.

Tham vấn

9. Khi một dự án có thể ảnh hưởng tới di sản văn hóa, khách hàng sẽ tham vấn các cộng đồng bị ảnh hưởng của nước chủ nhà, những ai còn nhớ được việc sử dụng hoặc đã sử dụng di sản văn hóa cho các mục đích văn hóa lâu dài. Khách hàng sẽ tham vấn cộng đồng bị ảnh hưởng để xác định tầm quan trọng của di sản văn hóa và để tích hợp các quan điểm này vào quá trình ra quyết định của khách hàng. Việc tham vấn cũng sẽ liên quan đến các cơ quan quản lý cấp địa phương hoặc trung ương có liên quan được giao nhiệm vụ bảo vệ di sản văn hóa.

Sự qua lại của cộng đồng

10. Khi địa điểm của dự án có di sản văn hóa hoặc dự án chặn đường không cho qua lại các khu vực có di sản văn hóa hoặc đã từng được sử dụng bởi cộng đồng bị ảnh hưởng cho các mục đích văn hóa lâu dài, khách hàng nên dựa vào quá trình tham vấn ở khoản 9 để cho phép qua lại đến khu văn hóa hoặc cung cấp một phương án đường đi khác mà có tính đến các yếu tố về sức khỏe, an toàn và an ninh.

Di dời Di sản Văn hóa có thể tái tạo

11. Nếu khách hàng gặp trường hợp di sản văn hóa vật thể³ có thể tái tạo được và không đặc biệt quan trọng, khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp khắc phục mà tốt nhất là tránh nếu khả thi. Nếu không thể tránh, khách hàng áp dụng một hệ phân cấp giảm nhẹ như sau:

- Giảm thiểu những tác động tiêu cực và thực thi các biện pháp phục hồi tại chỗ để đảm bảo duy trì giá trị và tính năng của di sản văn hóa, bao gồm cả duy trì và phục hồi bất kỳ quy trình nào của sinh thái⁴ cần để hỗ trợ di sản văn hóa đó;

¹ Di sản văn hóa có thể tái tạo được định nghĩa là các hình thái vật thể của di sản văn hóa mà có thể di dời đến một địa điểm khác hoặc có thể thay thế bằng một cấu trúc tương tự hay các đặc điểm tự nhiên mà các giá trị văn hóa có thể được chuyển sang bằng biện pháp thích hợp. Các địa điểm văn hóa và khảo cổ có thể được tái tạo nếu các kỹ nguyên và giá trị văn hóa chúng đại diện có thể được đại diện bởi các địa điểm và/hoặc cấu trúc khác.

² Phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 6 liên quan đến dịch vụ hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học

- Khi không thể thực hiện phục hồi tại chỗ, cần thực hiện phục hồi tính năng của di sản văn hóa ở một địa điểm khác bao gồm cả duy trì và phục hồi bất kỳ quy trình nào của sinh thái cần để hỗ trợ di sản văn hóa đó.
- Việc di dời lâu dài những đồ tạo tác và cấu trúc có ý nghĩa lịch sử và khảo cổ cần thực hiện theo nguyên tắc được đề cập trong khoản 6-7 ở trên;
- Chỉ trong trường hợp không khả thi để giảm thiểu những tác động tiêu cực và phục hồi để duy trì giá trị và tính năng của các di sản văn hóa, và khi cộng đồng bị ảnh hưởng đang sử dụng các di sản văn hóa vật thể cho mục đích văn hóa lâu dài, mới thực hiện đến bù cho những tổn thất của di sản văn hóa.

Di dời Di sản Văn hóa không thể tái tạo

12. Hầu hết các di sản văn hóa được bảo vệ tốt nhất bằng cách bảo quản nguyên trạng, vì việc di dời có khả năng dẫn đến thiệt hại hoặc việc phá hủy không thể khắc phục các di sản văn hóa. Các khách hàng sẽ không di dời bất cứ di sản văn hóa không thể tái tạo,⁵ trừ khi các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- Không có lựa chọn thay thế khả thi về kỹ thuật hoặc tài chính nào khác ngoài việc di dời.
- Lợi ích tổng thể của dự án lớn hơn sự mất mát di sản văn hóa dự kiến khi phải di dời.
- Bất kỳ việc di dời di sản văn hóa nào cũng phải được thực hiện bằng kỹ thuật có sẵn tốt nhất.

Di sản văn hóa Quan trọng

13. Di sản văn hóa quan trọng bao gồm (i) di sản đã được quốc tế công nhận của các cộng đồng sử dụng hoặc đã sử dụng còn nhớ được di sản văn hóa cho các mục đích văn hóa lâu đời; và (ii) các khu vực di sản văn hóa được bảo vệ một cách hợp pháp, bao gồm cả những di sản văn hóa theo đề xuất của các chính phủ sở tại.

14. Các khách hàng sẽ không di dời, hay thay đổi đáng kể hay làm thiệt hại bất cứ di sản văn hóa quan trọng nào. Trong trường hợp đặc biệt, tác động của dự án đến một di sản văn hóa quan trọng là không thể tránh khỏi, khách hàng cần sử dụng quy trình tham vấn toàn diện ICP như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và cần tiến hành đàm phán thiện chí để có kết quả được ghi nhận đầy đủ. Khách hàng cũng nên mời chuyên gia

³ Các di sản văn hóa không thể tái tạo có thể liên quan đến điều kiện xã hội, kinh tế, văn hóa, môi trường và khí hậu của các thế hệ trước, hệ sinh thái tiến hóa, chiến lược thích ứng, và các dạng quản lý môi trường ban đầu, khi (i) di sản văn hóa là duy nhất hay tương đối độc đáo cho thời kỳ chúng đại diện, hay (ii) di sản văn hóa là duy nhất hoặc tương đối độc đáo để kết nối các thời kỳ khác nhau của một địa điểm.

tư vấn độc lập để hỗ trợ quá trình đánh giá và bảo vệ di sản văn hóa quan trọng liên quan.

15. Những khu vực di sản văn hóa được pháp luật công nhận⁶ là quan trọng đối với việc bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa và các biện pháp bổ sung có thể cần thiết đối với những dự án được phép thực hiện theo pháp luật quốc gia trên khu vực này. Trong trường hợp một dự án đề xuất được đặt trong khu vực được pháp luật bảo vệ hay vùng đệm được pháp luật quy định, khách hàng, bên cạnh những yêu cầu đối với di sản văn hóa quan trọng được quy định ở khoản 14 ở trên, cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Tuân thủ các quy định di sản văn hóa quốc gia hoặc địa phương hoặc các kế hoạch quản lý khu vực được bảo vệ;
- Tham vấn các nhà tài trợ và các nhà quản lý của khu vực được bảo vệ, các cộng đồng địa phương và các bên liên quan quan trọng khác về dự án đề xuất;
- Thực hiện các chương trình bổ sung, nếu thích

hợp, để thúc đẩy và tăng cường mục đích bảo tồn của khu vực được bảo vệ.

Việc sử dụng Di sản Văn hóa của Dự án

16. Trường hợp dự án đề xuất sử dụng các nguồn tài nguyên kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ của các cộng đồng địa phương cho mục đích thương mại, khách hàng sẽ cần thông báo cho các cộng đồng này: (i) các quyền của mình theo quy định của pháp luật quốc gia, (ii) phạm vi và tính chất của sự phát triển thương mại dự kiến, và (iii) các hậu quả tiềm năng của việc phát triển như vậy. Các khách hàng sẽ không tiến hành thương mại hóa, trừ khi: (i) thực hiện một quy trình đàm phán toàn diện ICP như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và cần tiến hành đàm phán thiện chí để có kết quả được ghi nhận đầy đủ; và (ii) thực hiện chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc thương mại hóa các kiến thức, đổi mới, hoặc sinh hoạt thực tiễn đó, phù hợp với phong tục và truyền thống của họ.

⁶ Ví dụ như di sản văn hóa thế giới và các khu vực được quốc gia công nhận và bảo vệ.

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT



Hướng dẫn 1

Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động đến môi trường xã hội

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 1 nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý hoạt động môi trường và xã hội xuyên suốt thời gian của một dự án. Một hệ thống quản lý môi trường và xã hội hiệu quả là một quá trình liên tục, năng động, khởi đầu và hỗ trợ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao và có sự tham gia của khách hàng, người lao động của họ, và các cộng đồng địa phương trực tiếp bị ảnh hưởng bởi dự án (các cộng đồng bị ảnh hưởng), và trong một số trường hợp thích hợp, là một số đối tượng khác có liên quan.¹ Dựa trên các yếu tố của quá trình quản lý doanh nghiệp sẵn có đối với “kế hoạch, thực hiện, kiểm tra, và hành động”, hệ thống đưa ra được phương pháp để quản lý các rủi ro² và tác động³ môi trường và xã hội một cách có hệ thống và thường xuyên. Một hệ thống quản lý tốt phù hợp với quy mô và tính chất của một dự án sẽ thúc đẩy hoạt động bền vững về môi trường và xã hội, và có thể góp phần nâng cao hiệu quả dự án về mặt tài chính, môi trường và xã hội.

2. Trong nhiều trường hợp, việc đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến môi trường và xã hội là trách nhiệm của nhà nước hoặc của bên thứ ba - mà khách hàng không thể kiểm soát hoặc có ảnh hưởng.⁴ Tình huống này thường xảy ra ở một số trường hợp như: (i) khi cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba tham gia quyết định trong giai đoạn lập kế hoạch ban đầu có ảnh hưởng đến vị trí và thiết kế của dự án; và/hoặc (ii) cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba tham gia trực tiếp thực hiện một số hoạt động cụ thể liên quan đến dự án như cấp đất cho dự án - có thể phải thực hiện tái định cư cho cộng đồng dân cư hoặc một số cá nhân và/hoặc có thể dẫn đến tổn thất về đa dạng sinh học.

¹ Các đối tượng liên quan khác thường là những đối tượng không chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án, nhưng có lợi ích đối với dự án. Đối tượng này có thể là cơ quan nhà nước trung ương và địa phương, các dự án lân cận và/hoặc các tổ chức phi chính phủ.

² Rủi ro môi trường và xã hội là sự kết hợp của xác suất xảy ra sự cố nào đó và mức độ thiệt hại nếu sự cố đó xảy ra.

³ Tác động môi trường và xã hội là để chỉ bất kỳ sự thay đổi, tiềm năng hay thực sự, đến (i) môi trường cơ học, tự nhiên và văn hóa và (ii) tác động đến cộng đồng dân cư xung quanh, đến người lao động do những hoạt động của dự án tạo nên.

⁴ Trong tiêu chuẩn hoạt động này, các nhà thầu được khách hàng thuê hoặc làm đại diện cho khách hàng đều được coi là chịu sự kiểm soát trực tiếp của khách hàng, chứ không phải bên thứ ba độc lập.

Trong trường hợp khách hàng không thể kiểm soát được các hành động này của cơ quan nhà nước hay bên thứ ba, một hệ thống quản lý môi trường và xã hội cần xác định các bên tham gia và vai trò của họ, các rủi ro họ có thể mang đến cho khách hàng, cơ hội hợp tác với các bên thứ ba để cùng đạt được những kết quả về môi trường và xã hội phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, Tiêu chuẩn hoạt động này hỗ trợ việc sử dụng cơ chế khiếu nại hiệu quả để nhận biết và có biện pháp khắc phục kịp thời đối với những đối tượng được cho là bị tổn hại bởi những hoạt động của khách hàng.

3. Doanh nghiệp cần tôn trọng quyền con người, tức là tránh mọi hành động xâm phạm đến quyền con người của người khác và hành động để ngăn chặn những tác động tiêu cực đến quyền con người do các hoạt động của doanh nghiệp góp phần hay trực tiếp gây ra. Mỗi Tiêu chuẩn hoạt động sẽ trình bày những khía cạnh liên quan về quyền con người mà dự án trong suốt quá trình hoạt động có thể phải đối mặt tới. Thực hiện điều tra chi tiết (due diligence) theo các Tiêu chuẩn hoạt động sẽ giúp khách hàng nắm bắt và có phương án hành động đối với các vấn đề nhân quyền liên quan đến dự án.

Mục tiêu

- Để xác định và đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án.
- Để thực hiện hệ thống phân cấp nhằm lường trước và tránh, hoặc trong trường hợp không thể tránh thì giảm thiểu⁵ và trong trường hợp vẫn có hậu quả để lại thì thực hiện đền bù cho những rủi ro và tác động đến người lao động, các cộng đồng bị ảnh hưởng và môi trường.
- Để thúc đẩy cải thiện hiệu quả hoạt động môi trường và xã hội của khách hàng thông qua việc sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý.

⁵ Phương án có thể chấp nhận được để giảm thiểu tương đối đa dạng, gồm: làm dự đi, điều chỉnh, sửa chữa, và/hoặc khôi phục tác động khi thích hợp. Hệ thống phân cấp giảm nhẹ rủi ro và tác động sẽ được thảo luận kỹ hơn và cụ thể trong ngữ cảnh của các Tiêu chuẩn hoạt động từ 2 đến 8.

- Để đảm bảo các khiếu nại của các cộng đồng bị ảnh hưởng và thông tin từ các đối tượng liên quan khác được trả lời và giải quyết hợp lý.
- Để xúc tiến và cung cấp cơ hội để các cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia một cách thích hợp vào các vấn đề mà có thể ảnh hưởng đến họ trong suốt vòng đời của dự án và đảm bảo các thông tin về môi trường và xã hội liên quan sẽ được công bố và cung cấp đầy đủ.

Hướng dẫn 1. Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội là một phần của tổng thể các quy trình khách hàng sử dụng để quản lý các dự án của mình. Các quá trình này là thiết yếu để các dự án trên có thể hoạt động thành công và bền vững. Tiêu chuẩn hoạt động 1 nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý hoạt động môi trường và xã hội (bao gồm lao động, sức khỏe, an toàn và an ninh) xuyên suốt thời gian dự án đầu tư. Hệ thống đánh giá và quản lý tốt cho phép liên tục cải tiến hoạt động môi trường và xã hội, và có thể nâng cao hiệu quả kinh tế, tài chính, xã hội và môi trường của dự án.

Hướng dẫn 2. Trong nhiều trường hợp, khách hàng có đạt được hiệu quả về môi trường hoặc xã hội phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động hay không phụ thuộc vào hoạt động của bên thứ ba. Bên thứ ba có thể là cơ quan nhà nước với vai trò là bên quản lý hoặc bên tham gia hợp đồng, nhà thầu hoặc nhà cung cấp mà dự án có liên quan đáng kể, hoặc bên vận hành cơ sở hạ tầng liên quan. Hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS) vững chắc phải tính đến vai trò và trách nhiệm của bên thứ ba, xác định rủi ro liên quan đến việc bên thứ ba tham gia bằng cách điều tra chi tiết (due diligence) một cách thích hợp, tính đến điều kiện địa phương, khả năng của khách hàng kiểm soát và gây ảnh hưởng tới bên thứ ba, và các biện pháp giảm thiểu rủi ro (ví dụ duy trì các mối quan hệ của bên thứ ba). Tựu trung thì ESMS phải xác định và xử lý được, trong chừng mực có thể, những hạn chế tiềm năng có thể ảnh hưởng đến việc đạt được kết quả mong muốn. Các kết quả này phụ thuộc vào đặc điểm của bên thứ ba và mối quan hệ chi phối giữa bên thứ ba và khách hàng. Ví dụ, một cơ quan nhà nước quản lý việc sử dụng đất (ví dụ như thông qua việc quy hoạch vùng hoặc cấp mã code khu vực) sẽ có vai trò mấu chốt trong việc thiết kế hoặc thực hiện dự án, nhưng trong trường hợp đó, khách hàng hầu như không có khả năng kiểm soát hoặc tác động tới kết quả, và như vậy cũng không kiểm soát được các tác động liên quan có thể xảy ra. Mặt khác, quan hệ hợp đồng với nhà cung cấp là ví dụ về trường hợp khi khách hàng có thể sử dụng quan hệ ràng buộc hợp đồng, tài chính cũng như hoạt động để kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc nhà cung cấp xử lý các tác động liên quan và có biện pháp phòng, tránh, giảm thiểu, giảm

nhẹ, hoặc đền bù. Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội thích hợp đòi hỏi phải tính đến sự khác biệt trong các mối quan hệ này và nên có biện pháp tương ứng để có ảnh hưởng hiệu quả nhất đến kết quả cuối cùng dù có thể có khó khăn, hạn chế hoặc có cơ hội thuận lợi vốn có. Hơn nữa, khách hàng nên tính đến rủi ro bị coi là đồng lõa với hành động của bên thứ ba hoặc đồng lõa với việc bên thứ ba không thực hiện nghĩa vụ nếu khách hàng ủng hộ, cho phép, hoặc hưởng lợi có ý thức từ việc đó.

Hướng dẫn 3. Tiêu chuẩn hoạt động 1 ủng hộ trách nhiệm của khu vực tư nhân trong việc tôn trọng nhân quyền, trách nhiệm này độc lập với nghĩa vụ của nhà nước đối với việc tôn trọng, bảo vệ và thực thi nhân quyền. Bằng cách điều tra chi tiết theo Tiêu chuẩn hoạt động, như Tiêu chuẩn hoạt động 1 yêu cầu, khách hàng sẽ giải quyết rất nhiều vấn đề nhân quyền liên quan. Hơn nữa, Tiêu chuẩn hoạt động 1 yêu cầu phải xây dựng và áp dụng hệ thống khiếu nại hiệu quả. Tham chiếu mục Hướng dẫn 108 và Hướng dẫn 109 để có thêm thông tin.

Phạm vi áp dụng

4. Tiêu chuẩn Hoạt động này áp dụng đối với các hoạt động dự án có rủi ro và/hoặc tác động môi trường và/hoặc xã hội. Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, “dự án” được hiểu là một nhóm các hoạt động của doanh nghiệp, kể cả những hoạt động chưa được xác định nhưng có thể có những yếu tố vật chất, khía cạnh và cơ sở hạ tầng cụ thể có khả năng tạo ra các rủi ro và tác động.⁶ Khi thích hợp, phạm vi có thể bao gồm cả những khía cạnh từ giai đoạn sơ khai đến toàn bộ vòng đời của tài sản vật chất đó (thiết kế, xây dựng, lắp đặt, hoạt động, tháo dỡ, đóng cửa hoặc, khi thích hợp, sau đóng cửa).⁷ Những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này phải được áp dụng cho tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, trừ phi có những giới hạn/ngoại lệ được miêu tả ở từng phần dưới đây.

Hướng dẫn 4. Vì Tiêu chuẩn hoạt động này được dành cho các nhà tài trợ, bảo hiểm, và đầu tư liên quan đến việc tài trợ và bảo hiểm cho các hoạt động kinh doanh chung hoặc cụ thể, và dành cho các doanh nghiệp nói chung để đánh giá mức độ tuân

⁶ Chẳng hạn, các doanh nghiệp có một danh mục các tài sản hữu hình đang sở hữu, và/hoặc có ý định thành lập hoặc mua cơ sở hạ tầng mới, và các quỹ đầu tư hay các tổ chức tài chính trung gian với danh mục tài sản hiện có và/hoặc có ý định đầu tư vào cơ sở hạ tầng mới.

⁷ Do Tiêu chuẩn hoạt động này được sử dụng bởi các tổ chức tài chính, đầu tư, bảo hiểm và chủ dự án/vận hành dự án, mỗi đối tượng sử dụng cần cung cấp thông tin cụ thể về hoạt động nào của mình sẽ áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này.

thủ và làm tài liệu hướng dẫn, nên thuật ngữ “dự án” được dùng trong Tiêu chuẩn hoạt động này không nhất thiết nói đến tài chính dự án hoặc giới hạn vật lý nhất định của các hoạt động kinh doanh đang được xem xét. Thay vào đó, mỗi đối tượng sử dụng Tiêu chuẩn hoạt động nên xác định hoạt động kinh doanh nào sẽ được áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động, và xây dựng cách tiếp cận riêng để đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội nhất quán với Tiêu chuẩn hoạt động này và phù hợp với mức độ rủi ro môi trường và xã hội cần phải quản lý.

Yêu cầu

Hệ thống Quản lý và Đánh giá Môi trường và Xã hội

5. Các khách hàng, trên cơ sở phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên thứ ba⁸ khi thích hợp, sẽ thực hiện một quá trình đánh giá môi trường và xã hội, và thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý môi trường và xã hội phù hợp với tính chất và quy mô của dự án và tương xứng với mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Hệ thống quản lý này sẽ bao gồm các yếu tố sau: (i) chính sách; (ii) xác định các rủi ro và tác động; (iii) chương trình quản lý, (iv) năng lực tổ chức, (v) chuẩn bị sẵn sàng và đối phó với tình huống khẩn cấp; (vi) sự tham gia của cộng đồng; (vii) giám sát và đánh giá.

Hướng dẫn 5. ESMS theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này bao gồm bảy cấu phần cần để “kế hoạch, thực hiện, kiểm tra, và hành động” một cách hữu hiệu đối với hiệu quả hoạt động môi trường và xã hội được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 2 - 8. Về mặt đó hệ thống này có thể được coi là tương tự với các khuôn khổ về hệ thống quản lý chất lượng và môi trường được quốc tế công nhận, như ISO 9001 và 14001. Tuy nhiên, sự khác biệt cơ bản liên quan đến khuôn khổ rộng - về môi trường, lao động, xã hội - của hiệu quả hoạt động được đề cập tới trong hệ thống Tiêu chuẩn hoạt động 1, cũng như các yêu cầu chặt chẽ hơn một cách đáng kể đối với sự tham gia của các bên liên quan từ bên ngoài. Tuy vậy, cũng giống như đối với bất kỳ hệ thống quản lý khác nào, hệ thống này nên được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của tổ chức. Hệ thống quản lý Tiêu chuẩn hoạt động 1 hướng dẫn quy trình chung có thể áp dụng với mọi hoạt động kinh doanh. Quá trình này bắt đầu từ việc xác định một bộ các chính sách - tuyên bố tuân thủ các giá trị, nguyên tắc, mục tiêu và mục đích sẽ chi phối hoạt động môi trường và xã hội của hoạt động

đó. Tiếp theo đó là cấu phần kế hoạch, tức là xác định yếu tố quan trọng (là rủi ro và tác động) và xây dựng các chương trình quản lý tương ứng. Bước sau là thiết lập cơ cấu tổ chức để thực hiện chương trình quản lý, đặc biệt lưu ý đến những yếu tố không ngờ (sẵn sàng ứng phó với tình trạng khẩn cấp) và khuyến khích sự tham gia của những người cần biết, đồng thời học hỏi từ những người đó (sự tham gia của các bên liên quan). Bước cuối cùng, tổ chức phải kiểm tra hoạt động của chính mình và có biện pháp khi thấy hoạt động chưa phù hợp hoặc cần được tăng cường để đảm bảo quy trình diễn ra đúng kế hoạch (giám sát và đánh giá).

Hướng dẫn 6. Hệ thống quản lý theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 đòi hỏi phải có quy trình chắc chắn và toàn diện hơn đối với sự tham gia của các bên liên quan so với các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác, ví dụ như ISO 14001. Mục đích của việc để các bên liên quan tham gia là thiết lập và duy trì mối quan hệ có tính chất xây dựng với một loạt các bên liên quan bên ngoài trong suốt vòng đời dự án, và đó cũng là yếu tố cấu thành của ESMS hiệu quả và có khả năng thích nghi. Quy trình tham gia hiệu quả phải đảm bảo để quan điểm, lợi ích và mối quan ngại của các bên liên quan khác nhau, đặc biệt là các cộng đồng chịu tác động trực tiếp của dự án (Cộng đồng bị ảnh hưởng) được lắng nghe, thông hiểu và được tính đến khi thiết kế dự án và xây dựng lợi ích phát triển.

Hướng dẫn 7. Mức độ chi tiết và sự phức tạp của hệ thống quản lý xã hội và môi trường, cũng như nguồn lực được dành cho hệ thống phụ thuộc vào mức độ tác động và rủi ro của dự án được đầu tư, và tùy theo quy mô và đặc điểm của tổ chức của khách hàng. Cần xây dựng hệ thống quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô của dự án và tương xứng với mức độ rủi ro và tác động về môi trường và xã hội. Vì vậy, hệ thống đó có thể có nhiều hình thức và có các cấp độ phức tạp khác nhau. Đó có thể là hệ thống biệt lập hoặc được tích hợp đồng bộ với tất cả các quy trình kinh doanh, được xác nhận bởi một cơ quan bên ngoài hoặc do tổ chức tự tuyên bố áp dụng để phù hợp về quy mô, nội dung và hoạt động của mình. Tuy nhiên, việc thiết kế và áp dụng hệ thống này phải nhất quán về mục đích. Hệ thống nên đem lại cho tổ chức một cơ cấu để có được sự hiểu biết cần thiết về rủi ro và tác động môi trường và xã hội liên quan đến hoạt động của dự án, cũng như có được các biện pháp để đảm bảo xác định và quản lý được các rủi ro và tác động này.

Hướng dẫn 8. Khách hàng phải áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 tại cấp độ doanh nghiệp sẽ sử dụng nguồn đầu tư của IFC (cấp độ doanh nghiệp hoặc cấp hoạt động cụ thể). Khi tài trợ cho các bộ phận hoặc các hoạt động cụ thể, dù thành lập mới

⁸ Trong trường hợp các bên này có trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý phải tham gia đánh giá và quản lý một số rủi ro và tác động cụ thể (chẳng hạn như di dân-tái định cư do nhà nước thực hiện).

hoặc đã có sẵn, thì cơ cấu hệ thống phải đảm bảo giải quyết các vấn đề về môi trường và xã hội liên quan đến dự án được tài trợ. Trong trường hợp đầu tư cho doanh nghiệp chưa xác định được cơ sở hạ tầng cụ thể (là tài sản tại chỗ) tại thời điểm đầu tư, thì điều này thường có nghĩa là phải thiết lập, phát triển tiếp, hoặc duy trì hệ thống quản lý ở cấp độ doanh nghiệp hoặc tổ chức.

Hướng dẫn 9. Việc xây dựng hệ thống quản lý khó hay dễ tùy thuộc vào các chính sách và tập quán hiện có của khách hàng. Nếu không có sẵn hệ thống quản lý về môi trường, sức khỏe, an toàn, nhân lực và xã hội thì có thể dùng hệ thống quản lý dựa trên sản phẩm hay chất lượng đang được khách hàng áp dụng trong nội bộ làm cơ sở để xây dựng các cấu phần của hệ thống phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 1. Nếu khách hàng đã có sẵn hệ thống quản lý thì các cấu phần của nó có thể đáp ứng được hoặc có thể được điều chỉnh hoặc mở rộng phù hợp để đáp ứng được yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1. Nếu khách hàng đã xây dựng và áp dụng hệ thống chính thức để quản lý môi trường, lao động, sức khỏe và an toàn, và/hoặc xã hội phù hợp với các tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận, thì có thể chỉ cần điều chỉnh các yếu tố về luật pháp và tiêu chuẩn khác cho phù hợp với các Tiêu chuẩn hoạt động (và áp dụng hệ thống quản lý phù hợp) để hệ thống đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1. Tiêu chuẩn hoạt động 1 không yêu cầu có hệ thống quản lý chính thức được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù một số hệ thống được chứng nhận có thể đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, nhưng có thể vẫn phải xem lại các yêu cầu về luật và các yêu cầu khác để bao hàm tất cả các mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động được áp dụng đối với dự án cụ thể.

Hướng dẫn 10. Mặc dù rất nhiều hệ thống quản lý chính thức có bao gồm truyền thông với bên ngoài, nhưng mục 25 - 36 của Tiêu chuẩn hoạt động 1 xác định yêu cầu đối với việc tham gia của các bên liên quan tùy theo rủi ro của dự án, tác động có hại, và các giai đoạn phát triển. Trong trường hợp dự án có liên quan tới những yếu tố, khía cạnh vật chất và cơ sở hạ tầng được xác định cụ thể có khả năng tạo ra rủi ro hoặc tác động tiêu cực đối với Cộng đồng bị tác động, Tiêu chuẩn hoạt động 1 bao gồm những yêu cầu mở rộng quy mô truyền thông để bao gồm cơ chế khiếu nại cụ thể. Cơ chế này có mục đích ngăn ngừa và giải quyết mối quan ngại của cộng đồng, giảm rủi ro, và hỗ trợ các quy trình lớn hơn nhằm tạo ra sự thay đổi xã hội tích cực.

Chính sách

6. Khách hàng sẽ xây dựng một chính sách tổng thể trong đó nêu rõ mục tiêu về môi trường và xã hội cũng

như các nguyên tắc mà các dự án cần tuân thủ để đạt được hiệu quả về mặt môi trường và xã hội.⁹ Chính sách này cung cấp khung cho quá trình đánh giá và quản lý môi trường và xã hội, và cụ thể hóa việc dự án (hay các hoạt động của doanh nghiệp, khi thích hợp) sẽ tuân thủ theo các quy định và pháp luật của nước sở tại như thế nào, kể cả những văn bản pháp lý mà nước sở tại cam kết thực hiện và tuân thủ theo luật quốc tế. Chính sách này cần phù hợp với các nguyên tắc của các Tiêu chuẩn hoạt động. Trong một số trường hợp, khách hàng đã có cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khác, hệ thống chứng nhận hay quy tắc hoạt động khác thì những cam kết này cần được nêu rõ trong Chính sách của khách hàng. Chính sách này cũng chỉ rõ ai trong tổ chức của khách hàng sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ với Chính sách và chịu trách nhiệm thực hiện (có thể liên quan đến một cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay bên thứ ba thích hợp khi cần thiết). Khách hàng cần thông tin về Chính sách này đến toàn thể tổ chức của mình.

Hướng dẫn 11. Các khách hàng, doanh nghiệp, dự án hoặc tổ chức có thể cần nhiều loại chính sách khác nhau. Ví dụ là các chính sách giải quyết các vấn đề như nhân lực, đạo đức, quản trị doanh nghiệp hoặc bất kỳ mục tiêu kinh doanh nào khác cần phải xác định, thông hiểu và truyền đạt tới những đối tượng cần quản lý hoặc hướng dẫn về nội dung. Chính sách mà Tiêu chuẩn hoạt động 1 yêu cầu gắn liền với các dự án có (i) quy mô và tài sản được xác định (tài chính dự án) và được áp dụng đặc biệt cho dự án được tài trợ; và (ii) quy mô tài sản chưa xác định (một số hoạt động tài trợ doanh nghiệp) và được áp dụng đối với tất cả các hoạt động của doanh nghiệp được tài trợ. Ví dụ, một chính sách thành công dành cho dự án đầu tư từ ban đầu phải được viết làm sao để ai cũng hiểu chính sách được viết đặc biệt cho dự án được tài trợ. Điều này sẽ giúp cho nhân viên, nhà thầu, nhà cung cấp và các đối tượng khác tham gia dự án dễ dàng liên hệ với chính sách.

Hướng dẫn 12. Dù được áp dụng đối với tài sản của dự án cụ thể hay toàn doanh nghiệp, chính sách phải phản ánh được tư duy của khách hàng về quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội, và bao hàm các mục tiêu và nguyện vọng cụ thể mà khách hàng đặt ra đối với các hoạt động môi trường và xã hội, và nhất quán với Tiêu chuẩn hoạt động được áp dụng. Đó là tuyên bố bao trùm về các mục tiêu và nguyên tắc môi trường và xã hội để định hướng các hoạt động kinh doanh của khách hàng.

⁹ Yêu cầu này có chính sách riêng cho dự án và có thể không ảnh hưởng đến (hoặc yêu cầu điều chỉnh) các chính sách hiện tại của khách hàng đối với các dự án không liên quan, các hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động của doanh nghiệp ở cấp cao hơn không liên quan.

Hướng dẫn 13. Ngoài việc cam kết tuân thủ tất cả các luật lệ và quy định về môi trường và xã hội được áp dụng tại nước (các nước) sở tại sẽ triển khai dự án, chính sách cũng có thể bao hàm thêm các cam kết chính khác của khách hàng về môi trường và xã hội, ví dụ như việc tuân thủ các nghị định thư quốc tế hoặc quy định ứng xử và tiêu chuẩn chuyên ngành mà khách hàng cam kết thực hiện.^{HD1}

Hướng dẫn 14. Chính sách hiệu quả phải được ban lãnh đạo của doanh nghiệp thông qua một cách tích cực và được thông tin tới nhân viên ở mọi cấp độ và tại mọi hoạt động của khách hàng. Chính sách tốt cũng phải bao hàm việc thông tin chính sách ra bên ngoài cho công chúng thông qua việc công bố, được nêu trong các tuyên bố và báo cáo của doanh nghiệp, đăng tải trên trang web của khách hàng, thông tin cho các Cộng đồng bị ảnh hưởng, và khi cần thiết thì báo cho các bên liên quan khác tại các cuộc họp và thông qua các công cụ truyền thông khác. Đặc biệt là khi dự án liên quan tới các yếu tố, khía cạnh, và cơ sở hạ tầng vật chất được xác định cụ thể có khả năng tạo ra các rủi ro hiện hữu hoặc tác động tiêu cực tới Cộng đồng bị ảnh hưởng, thì các cộng đồng mà được biết về nội dung chính sách có thể có các tuyên bố về rủi ro môi trường và xã hội trên cơ sở được thông tin đầy đủ. Kênh thông tin như vậy sẽ rất có ích trong việc hỗ trợ dự án nâng cao hiệu quả môi trường và xã hội.

Xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội

7. Các khách hàng sẽ tiến hành một quá trình đánh giá môi trường và xã hội mà sẽ xem xét đầy đủ các rủi ro và tác động tiềm năng về môi trường và xã hội của dự án (tham khảo thêm đoạn 18 - các yêu cầu về năng lực). Loại, quy mô và vị trí của dự án sẽ giúp hoạch định quy mô và phạm vi của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Phạm vi của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội phải phù hợp với thông lệ quốc tế tốt,¹⁰ và sẽ quyết định phương pháp cũng như công cụ đánh giá thích hợp. Quá trình này có thể là một đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện, hoặc hạn chế, có trọng tâm hoặc áp dụng luôn các tiêu chuẩn về đặt vị trí phù hợp với môi trường, tiêu chuẩn ô nhiễm, tiêu chí thiết kế và tiêu

chuẩn xây dựng.¹¹ Khi dự án có liên quan đến các tài sản hiện có, kiểm toán môi trường và/hoặc xã hội hoặc đánh giá rủi ro/mối nguy có thể là đủ để xác định rủi ro và tác động. Nếu các tài sản sẽ được xây dựng, mua về hay đầu tư chưa thể xác định, việc thiết lập một quy trình đánh giá chi tiết (due diligence) môi trường và xã hội để giúp xác định rủi ro và tác động tại một thời điểm cụ thể trong tương lai khi thông tin về các yếu tố vật chất, tài sản, cơ sở hạ tầng có đầy đủ hơn. Quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ dựa vào số liệu gốc về môi trường và xã hội ở mức độ chi tiết phù hợp. Quá trình này sẽ xem xét tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội có liên quan của dự án, bao gồm cả những vấn đề sẽ được xác định trong các Tiêu chuẩn hoạt động từ 2 đến 8, và những đối tượng chịu ảnh hưởng của những rủi ro và tác động này.¹² Quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ xem xét mức độ phát thải khí nhà kính, các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và cơ hội thích nghi, những ảnh hưởng xuyên ranh giới có thể có như ô nhiễm không khí, hoặc sử dụng hoặc ô nhiễm đường thủy quốc tế.

8. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động, các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ được xác định trong vùng ảnh hưởng của dự án. Vùng ảnh hưởng của dự án có bao gồm, khi phù hợp:

- Khu vực có thể bị ảnh hưởng: (i) dự án¹³ và các hoạt động của khách hàng và các cơ sở vật chất mà khách hàng (kể cả nhà thầu) sở hữu, vận hành và quản lý và là một phần của dự án;¹⁴ (ii) các tác động từ những tiến triển không có kế hoạch trước nhưng có thể dự báo của dự án có thể xảy ra sau này hoặc ở một địa điểm khác; hoặc (iii) những tác động gián tiếp của dự án đến đa dạng sinh học hay các dịch vụ sinh thái mà là phương tiện kiếm sống của cộng đồng bị ảnh hưởng.
- Cơ sở vật chất liên quan không được tài trợ của dự án nhưng sẽ không được xây dựng và hoặc mở rộng nếu không có dự án và nếu thiếu chúng, dự án cũng không thể hoạt động bền vững.¹⁵

¹⁰ Ví dụ, các cam kết của Hội nghị Vệ sinh Công nghiệp Mỹ, Hội Kiểm nghiệm và Vật liệu, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp, Tổ chức Hàng hải quốc tế, Hiệp hội chống cháy quốc gia Hoa Kỳ, Tổ chức Y tế thế giới.

¹¹ Là hoạt động đòi hỏi kỹ năng chuyên nghiệp, làm việc chi tiết, thận trọng và tính dự báo của các chuyên gia thực hiện - những người đã có kinh nghiệm và kỹ năng thực hiện những hoạt động tương tự trên phạm vi khu vực hay toàn cầu.

¹² Đối với những dự án xây dựng mới hay mở rộng với những yếu tố vật chất, tài sản hay cơ sở hạ tầng đã được xác định và có khả năng tạo ra những tác động về môi trường và xã hội lớn, khách hàng sẽ tiến hành Đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện, bao gồm xem xét đến những phương án thay thế khác nhau khi thích hợp.

¹³ Trong một số trường hợp rủi ro cao, bên cạnh quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội, có thể khách hàng nên xem xét thực hiện bổ sung một đánh giá chi tiết về quyền con người phù hợp với lĩnh vực hoạt động của dự án cụ thể.

¹⁴ Ví dụ như vị trí của dự án, vùng khí quyển hay vùng nước, hoặc hành lang vận tải.

¹⁵ Ví dụ như hành lang truyền tải điện, đường ống, kênh mương, đường hầm, đường để tải định cư và tiếp cận, các diện tích mương và sang nhượng, các trại xây dựng, và vùng đất bị nhiễm bẩn (như đất, nước ngầm, và trầm tích).

¹⁶ Các cơ sở vật chất như đường ray xe lửa, đường bộ, nhà máy điện hay đường truyền tải điện, đường ống, các dịch vụ công cộng, nhà kho và các bến cảng

- Những tác động tích lũy¹⁶ từ những tác động lên khu vực dự án có ảnh hưởng từ nguồn tài nguyên được dự án sử dụng, từ những sự phát triển đã có, có kế hoạch hoặc đã xác định được ở thời điểm thực hiện đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội.

9. Trong trường hợp các rủi ro và tác động trong vùng ảnh hưởng của dự án là do các hành động của bên thứ ba, khách hàng sẽ giải quyết các rủi ro và tác động đó theo phương thức phù hợp với khả năng kiểm soát và ảnh hưởng của khách hàng đối với bên thứ ba đó, và có xem xét đến các vấn đề về xung đột lợi ích.

10. Khi khách hàng có thể thực hiện được quyền kiểm soát hợp lý, quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ cũng xem xét đến các rủi ro và tác động liên quan đến chuỗi cung cấp chính, đã được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động số 2 (khoản 27 đến 29) và Tiêu chuẩn hoạt động số 6 (khoản 30).

11. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, việc xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ tính đến kết quả và kết luận của các kế hoạch, nghiên cứu hay đánh giá có liên quan do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức khác thực hiện mà có liên quan đến dự án hoặc đến vùng dự án có ảnh hưởng.¹⁷ Đó có thể là kế hoạch phát triển kinh tế tổng thể, kế hoạch quốc gia hay kế hoạch vùng, các nghiên cứu khả thi, các phân tích phương án lựa chọn, và các đánh giá môi trường chiến lược hay cho ngành, cho vùng. Xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ tính đến kết quả của quá trình lấy ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng sao cho phù hợp.

12. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, là một phần của quá trình xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội, khách hàng sẽ xác định các cá nhân và các nhóm ở thế bất lợi hoặc dễ bị tổn thương¹⁸ có thể bị

ảnh hưởng trực tiếp hoặc một phần bởi dự án. Khi các cá nhân hay các nhóm được đánh giá là kém lợi thế hoặc dễ bị tổn thương, khách hàng sẽ đề xuất và thực hiện các biện pháp riêng biệt sao cho các tác động tiêu cực không ảnh hưởng trực tiếp đến họ và họ không bị kém ưu thế khi được chia sẻ quyền lợi và cơ hội.

Hướng dẫn 15. Để dự án xây dựng mới hoặc đã có sẵn có thể được tài trợ, và khi quy mô và tài sản đã được biết, khách hàng nên xác định và lưu hồ sơ các tác động và rủi ro tiềm cực tiềm năng đối với từng giai đoạn được tài trợ trong vòng đời dự án, bao gồm kế hoạch và thiết kế, xây dựng, chạy thử, vận hành, dừng hoặc đóng cửa, bao gồm cả giai đoạn sau khi đóng cửa, nếu có. Việc xác định rủi ro và tác động đối với các dự án chưa xác định mục đích sử dụng nguồn thu nên tập trung vào các bước liên quan đến việc xác định rủi ro vốn có đối với lĩnh vực và khu vực địa lý cụ thể mà doanh nghiệp dự kiến phát triển hoặc mua dự án. Phương pháp và công cụ đánh giá rủi ro và tác động được đề cập trong Khoản Hướng dẫn 22 - 30 dưới đây.

Hướng dẫn 16. Quá trình xác định rủi ro và tác động môi trường và xã hội giải quyết một cách ăn khớp quy mô tổng thể của các rủi ro và tác động (bao gồm môi trường, xã hội, lao động, sức khỏe, an toàn, và an ninh) có liên quan tới dự án được tài trợ. Quá trình xác định rủi ro và tác động là bước đầu rất quan trọng trong quản lý và cải thiện hoạt động môi trường và xã hội, vì nó giúp cho khách hàng sàng lọc và đánh giá mọi tác động và rủi ro tiềm năng có liên quan tới dự án được tài trợ (dù có được giải quyết qua Tiêu chuẩn hoạt động hoặc không), và xác định các biện pháp giảm nhẹ hoặc điều chỉnh cho phép dự án đáp ứng được các yêu cầu được áp dụng tại Tiêu chuẩn hoạt động 2 - 8, đáp ứng mọi luật lệ và quy định được áp dụng, cũng như đáp ứng bất kỳ yêu cầu ưu tiên hoặc mục tiêu bổ sung nào khác về hoạt động xã hội hoặc môi trường mà khách hàng xác định.

Hướng dẫn 17. Trong một số trường hợp, và vì được coi là một phần của hệ thống quản lý rủi ro được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1, khách hàng có thể sẽ phải xác định một số tác động và rủi ro chắc chắn và đặc biệt mà Tiêu chuẩn 2 - 8 không đề cập tới. Ví dụ, Tiêu chuẩn hoạt động 1 có thể xác định tác động tiêu cực (mà các Tiêu chuẩn hoạt động khác không đề cập) của dự án khai thác công nghiệp là việc ảnh hưởng tới quyền của thợ mỏ thủ công khai thác mỏ khoáng sản ngầm do nhà nước sở hữu. Việc tích hợp tác động môi trường và xã hội khi xác định tổng thể các rủi ro và tác động của dự án sẽ giúp khách hàng công bố rõ ràng về rủi ro và lợi ích tổng thể và thông báo về quyết định của họ.

¹⁶ Tác động tích lũy chỉ giới hạn lại ở những tác động được công nhận là có ý nghĩa về mặt khoa học và/hoặc là mối lo của cộng đồng bị ảnh hưởng. Ví dụ về tác động tích lũy có thể là làm tăng phát thải khí nhà kính lên vùng khí quyển, giảm lưu lượng nước trong một vùng nước do rút nước nhiều lần, tăng lượng trầm tích tại một vùng nước ảnh hưởng tới đường đi cư hay di chuyển của động vật hoang dã hay làm tác nhân giao thông, tai nạn giao thông do tăng lượng xe lưu thông trên khu vực đường xá của cộng đồng dân cư.

¹⁷ Khách hàng có thể tính đến những yếu tố này thông qua việc chú trọng vào đóng góp của dự án đến một số tác động có tính trọng yếu về mặt khoa học hay trọng yếu đối với cộng đồng bị ảnh hưởng trong khu vực bao phủ của nghiên cứu hay đánh giá kể trên

¹⁸ Ví thế bất lợi hay dễ bị tổn thương này có thể bắt nguồn từ đặc điểm chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, xuất xứ quốc tịch hay xã hội, tài sản, sinh trưởng hay các đặc điểm khác. Khách hàng cũng sẽ xem xét các nhân tố như giới tính, tuổi tác, dân tộc, nền văn hóa, trình độ học vấn, tần tật thể chất hay tinh thần, bất lợi về kinh tế hay nghèo đói, mức độ phụ thuộc vào một số nguồn tài nguyên hiếm.

Hướng dẫn 18. Sàng lọc ban đầu xem dự án có tuân thủ các luật lệ và quy định được áp dụng và Tiêu chuẩn hoạt động sẽ cho biết liệu dự án có ẩn chứa rủi ro xã hội và môi trường cần tiếp tục nghiên cứu thông qua các bước tiếp theo của quá trình xác định (xem thêm Khoản Hướng dẫn 22 – 30 dưới đây). Nếu việc sàng lọc ban đầu cho thấy có rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng thì nên quyết định quy mô của quá trình xác định, và xác định và phân tích thêm (dựa trên thông tin kỹ gốc, nếu có, và có tính đến các bên liên quan được xác định) về đặc điểm và quy mô của rủi ro và tác động.

Hướng dẫn 19. Quá trình xác định rủi ro và tác động nên dựa trên thông tin mới, cập nhật, bao gồm miêu tả chi tiết về dự án trong bối cảnh địa lý, môi trường, xã hội, sức khỏe và thời điểm (các số liệu kỹ gốc về môi trường và xã hội). Ví dụ, đối với tài chính dự án (triển khai mới hoặc đã có sẵn), thông tin liên quan nên bao gồm mọi cơ sở hạ tầng có thể cản dùng (ví dụ, đường ống riêng, đường ra vào, nhà máy điện riêng, nguồn nước, nhà cửa, hạ tầng cơ sở chứa nguyên liệu và sản phẩm). Thông tin miêu tả nên đề cập tới cơ sở hạ tầng và hoạt động của các bên thứ ba quan trọng với hoạt động hiệu quả của dự án. Nếu dự án liên quan đến các yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất được xác định cụ thể có thể tạo tác động thì việc thu thập và phân tích thông tin và dữ liệu cơ sở về môi trường và xã hội, với mức độ chi tiết phù hợp với dự án, là thiết yếu để xác định khu vực ảnh hưởng của dự án, và miêu tả thực trạng vật lý, sinh học, môi trường, kinh tế-xã hội, sức khỏe và lao động, bao gồm cả các thay đổi có thể dự kiến được trong tương lai gần (bao gồm cả dự đoán sự khác biệt về điều kiện khí hậu và môi trường do thay đổi môi trường đáng kể, hoặc các yếu tố đòi hỏi phải có biện pháp thích nghi trong suốt vòng đời của dự án), cùng với các hoạt động phát triển hiện tại hoặc để xuất trong khu vực chung của dự án nhưng không liên quan trực tiếp đến dự án được tài trợ. Giai đoạn thu thập thông tin kỹ gốc là rất quan trọng và thường là bước cần thiết để xác định tác động và rủi ro tiềm năng của dự án.

Hướng dẫn 20. Khi xác định rủi ro và tác động riêng liên quan đến dự án và khu vực dự án, nên dựa vào thông tin sơ cấp hiện có và có thể thẩm định được. Có thể chấp nhận được việc tham chiếu thông tin thứ cấp về khu vực ảnh hưởng của dự án, nhưng có thể vẫn sẽ cần thu thập thông tin sơ cấp thông qua khảo sát thực địa để xác định mức độ phù hợp với tác động và rủi ro tiềm năng của dự án được đề xuất. Có thể thu thập được thông tin liên quan từ các cơ quan chính phủ sở tại, các cơ quan phi chính phủ và nghiên cứu hàn lâm. Tuy nhiên, khách hàng nên đánh giá kỹ nguồn thông tin và sự thiếu hụt thông tin tiềm năng. Thông tin chuẩn xác và cập nhật là thiết yếu, vì hiệu quả của các biện

pháp hỗ trợ xã hội có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự thay đổi nhanh chóng của hoàn cảnh, ví dụ vì sự di cư tới khu vực của dân chúng khi trông chờ dự án, hoặc vì thiếu thông tin về những cá nhân hoặc nhóm người khuyết tật hoặc dễ bị ảnh hưởng trong Cộng đồng bị ảnh hưởng. Nên xác định rõ ràng về các hạn chế của dữ liệu, ví dụ như về quy mô và chất lượng của dữ liệu hiện có, các giả định và thiếu hụt dữ liệu chính, và các yếu tố không lường trước khi dự đoán.

Hướng dẫn 21. Nếu dự án liên quan tới yếu tố, khía cạnh và cơ sở vật chất được xác định có thể gây tác động, thì nên xác định mức độ và sự phức tạp của các tác động và rủi ro tiềm năng trong khu vực ảnh hưởng của dự án, tức là toàn bộ khu vực bị ảnh hưởng bởi tác động tại chỗ và ngoài địa điểm của dự án liên quan tới các hoạt động, tài sản và cơ sở vật chất của dự án, kể cả các cơ sở vật chất liên quan. Quy mô khu vực ảnh hưởng của dự án, cũng như rủi ro và tác động môi trường và xã hội trong khu vực phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm của dự án được tài trợ. Một số tác động và rủi ro trên, bao gồm cả các tác động và rủi ro được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động, có thể là do tác động của bên thứ ba ra trong khu vực ảnh hưởng. Khu vực ảnh hưởng càng lớn thì hoạt động, hoặc việc không thực hiện hoạt động của bên thứ ba càng có thể tạo rủi ro cho dự án. Trong quá trình này có thể phải xác định tác động tích lũy của dự án đang có hoặc dự kiến trong khu vực ảnh hưởng (xem thêm khoản Hướng dẫn 37 - 43 dưới đây). Nếu cần thiết, khi xác định rủi ro và tác động sẽ phải so sánh vai trò và năng lực của bên thứ ba (ví dụ chính quyền địa phương và quốc gia, các nhà thầu và nhà cung cấp) với khả năng họ tạo rủi ro cho dự án, và tính đến việc khách hàng phải giải quyết các rủi ro và tác động này trong phạm vi khách hàng có thể quản lý và ảnh hưởng tới hành động bên thứ ba.

Phương pháp xác định và công cụ đánh giá rủi ro và tác động

Hướng dẫn 22. Quá trình xác định rủi ro và tác động nên bao gồm tất cả các bước và phương pháp cần thiết để sàng lọc, xác định, phân tích, đo lường, hoặc đánh giá, một cách định lượng nhất có thể, rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng (bao gồm môi trường, xã hội, sức khỏe, an toàn, lao động và an ninh) liên quan đến dự án được tài trợ. Khách hàng được trông đợi sẽ áp dụng những phương pháp và công cụ đánh giá nhất quán với thông lệ quốc tế tốt trong ngành, phù hợp và có liên quan tới dự án được tài trợ. Những phương pháp này bao gồm, nhưng không bị giới hạn bởi (i) Đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện (ESIA); (ii) đánh giá môi trường và/hoặc xã hội giới hạn hoặc tập trung; (iii) áp dụng nghiêm

tức tiêu chuẩn về lựa chọn môi trường, ô nhiễm, tiêu chí thiết kế, hoặc xây dựng; (iv) nếu cần, có nghiên cứu môi trường và xã hội theo đối tượng, ví dụ đánh giá tác động tới sức khỏe, hoặc nghiên cứu rủi ro/nguy hiểm đối với một số hoạt động nhất định; và (v) kiểm tra chi tiết và kiểm toán về môi trường và xã hội.

Đánh giá tác động môi trường và xã hội

Hướng dẫn 23. Đối với một số dự án nhất định, và đặc biệt là đối với các dự án và đầu tư từ ban đầu (bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi các dự án mở rộng đáng kể hoặc hoạt động chuyển đổi-hoàn cải) liên quan tới các yếu tố, khía cạnh và cơ sở vật chất được xác định có thể tạo rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng về môi trường và xã hội, thì khách hàng nên tiến hành ESIA (Đánh giá tác động môi trường và xã hội) toàn diện. Các yếu tố mấu chốt của ESIA thường bao gồm (i) sàng lọc sơ bộ dự án và quy mô đánh giá; (ii) nghiên cứu các phương án thay thế; (iii) xác định các bên liên quan (tập trung vào các bên bị ảnh hưởng trực tiếp); thu thập dữ liệu kỹ gốc về môi trường và xã hội; (iv) xác định, dự đoán, và phân tích tác động; (v) xây dựng các biện pháp và hoạt động giảm nhẹ hoặc quản lý; (vi) mức độ của tác động và đánh giá tác động tồn dư; và (vii) lưu hồ sơ quá trình đánh giá (báo cáo ESIA). Quy mô, chiều sâu và loại hình phân tích phải tương xứng với đặc điểm và quy mô tác động tiềm năng của dự án để xuất được xác định trong quá trình đánh giá. ESIA phải tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và quy định về môi trường của nước sở tại, bao gồm cả yêu cầu về việc công bố thông tin liên quan và tham vấn công chúng, và phải được xây dựng theo nguyên tắc của thông lệ quốc tế tốt trong ngành (xem thêm Danh mục tham khảo).

Hướng dẫn 24. Quá trình ESIA dự đoán và đánh giá rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng của dự án trong khả năng định lượng nhất có thể. ESIA đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội do các cơ sở vật chất liên quan và hoạt động của bên thứ ba có thể tạo ra. ESIA xác định và quy định một loạt các biện pháp giảm nhẹ và quản lý về tác động và rủi ro môi trường và xã hội được áp dụng trong quá trình thực hiện dự án để tránh, giảm thiểu, hoặc bồi thường/đền bù cho rủi ro và tác động tiêu cực về môi trường và xã hội theo thứ tự ưu tiên, cũng như thời hạn của nó; ESIA cũng xác định các tác động tiêu cực tồn dư không thể giảm nhẹ được (xem thêm khoản Hướng dẫn 60 – 61 về việc áp dụng hệ thống phân cấp biện pháp giảm nhẹ). Kết quả mong muốn của các biện pháp giảm nhẹ và quản lý nên được quy định dưới dạng các sự kiện được lượng hóa ở mức tối đa có thể, ví dụ như các chỉ tiêu đánh giá hoạt động, mục tiêu hoặc tiêu chí chấp thuận có thể theo dõi trong

thời gian quy định. Quá trình này cũng xác định trách nhiệm cần thiết để thực hiện chương trình giảm nhẹ và quản lý. ESIA cũng xác định và ước lượng quy mô và chất lượng của dữ liệu hiện có, thông tin cơ bản còn thiếu hụt, và những yếu tố không lường trước liên quan tới việc dự đoán, và các vấn đề cụ thể không cần tiếp tục xem xét. Đối với những dự án có tiềm năng gây tác động lớn tập trung chính trong lĩnh vực xã hội (ví dụ việc tái định cư bắt buộc), quá trình xác định tác động và rủi ro nên tập trung chính vào việc tạo ra dữ liệu xã hội kỳ gốc thích hợp, phân tích tác động, và biện pháp giảm nhẹ (ví dụ Kế hoạch Hành động Tái định cư).

Hướng dẫn 25. Đối với các dự án phát triển từ đầu, ESIA bao gồm việc nghiên cứu phương án khả thi về kỹ thuật và tài chính để thay thế nguyên nhân tác động, và tài liệu giải trình về việc lựa chọn phương án hoạt động để xuất. Mục đích của việc nghiên cứu phương án thay thế là để nâng cao chất lượng các quyết định về thiết kế, xây dựng, và vận hành dự án dựa trên các phương án thay thế khả thi của dự án để xuất. Phân tích trên có thể giúp xem xét các tiêu chí môi trường và xã hội ngay từ giai đoạn đầu của dự án, và giúp quyết định dựa trên sự khác biệt về các phương án thực tế. Nghiên cứu phương án thay thế có thể được tiến hành càng sớm càng tốt, và xem xét các phương án thay thế khả thi, địa điểm, thiết kế, hoặc quy trình sản xuất thay thế, hoặc biện pháp thay thế để giải quyết các tác động về môi trường và xã hội.

Hướng dẫn 26. Khách hàng phải đảm bảo có những chương trình thích hợp để đáp ứng được điều khoản và điều kiện của các cơ quan chính phủ liên quan, và tiến hành các hoạt động giám sát để lượng hóa và đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp giảm nhẹ.

Đánh giá môi trường và xã hội có giới hạn hoặc tập trung

Hướng dẫn 27. Dự án được tài trợ có thể bao gồm các hoạt động cụ thể với rủi ro và/hoặc tác động tiêu cực tiềm năng về môi trường và xã hội mà luật pháp và quy định về đánh giá môi trường của nước sở tại có thể không yêu cầu phải có báo cáo ESIA đầy đủ. Các dự án này có thể bao gồm, chẳng hạn, hiện đại hóa và nâng cấp cơ sở hạ tầng sản xuất hiện tại mà không cần phải mở rộng hoặc chuyển đổi quy mô lớn; các dự án bất động sản trong khu vực thành thị và/hoặc khu vực phát triển cần hạ tầng cơ sở; phát triển hạ tầng cơ sở xã hội ví dụ như cơ sở chăm sóc y tế và giáo dục, v.v... Đối với những dự án này, khách hàng phải đánh giá tác động môi trường và xã hội có giới hạn hoặc tập trung với quy mô nhỏ hơn ESIA toàn diện, và việc đánh giá

này tập trung vào các tác động và/hoặc rủi ro tiềm năng cụ thể về môi trường và xã hội (bao gồm lao động, sức khỏe, an ninh) có liên quan tới dự án. Đối với một số dự án như vậy, có thể cần phải có sự xác nhận và lưu hồ sơ về việc áp dụng quy định về phạm vi môi trường, tiêu chuẩn ô nhiễm, tiêu chí thiết kế, hoặc tiêu chuẩn xây dựng.

Hướng dẫn 28. Quy mô của việc phân tích và đánh giá có giới hạn hoặc tập trung phải được xác định thông qua quá trình sàng lọc sơ bộ (xem khoản Hướng dẫn 18). Trong quá trình sàng lọc, khách hàng phải đánh giá một cách có hệ thống và lưu hồ sơ về rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm năng của dự án được tài trợ, và xác định nhu cầu (i) loại trừ hoặc giảm thiểu (giảm nhẹ) rủi ro và tác động được xác định; (ii) sửa đổi kế hoạch dự án; hoặc (iii) tiếp tục đánh giá tập trung. Ví dụ của đánh giá tập trung bao gồm nghiên cứu về phát thải chất ô nhiễm khí và tác động tới chất lượng không khí, nghiên cứu về tiếng ồn và độ rung, nghiên cứu về tác động nguồn nước, điều tra và đánh giá về nhiễm bẩn, nghiên cứu về việc đi lại theo hành lang giao thông, số liệu kỹ công về xã hội, đánh giá tái định cư và kiểm toán lao động.

Đánh giá rủi ro/nguy hiểm

Hướng dẫn 29. Tiêu chuẩn hoạt động 3: Hiệu quả nguồn lực và phòng tránh ô nhiễm có yêu cầu là nếu dự án (được triển khai từ đầu hoặc là tài sản có sẵn) có thể thải chất độc, nguy hiểm, dễ cháy hoặc dễ nổ, hoặc nếu quá trình đánh giá rủi ro và tác động xác định hoạt động của dự án có thể làm tổn thương nhân viên nhà máy hoặc công chúng, khách hàng phải tiến hành phân tích nguy hiểm và đánh giá rủi ro. Phân tích nguy hiểm thường được tiến hành chung với Nghiên cứu xác định nguy cơ (HAZID), Nghiên cứu nguy cơ và khả năng vận hành (HAZOP), và Đánh giá rủi ro định lượng (QRA). Ví dụ về đánh giá rủi ro/nguy hiểm bao gồm đánh giá về an toàn tính mạng và cháy nổ (theo quy định tại Tiêu chuẩn hoạt động 4: Sức khỏe và an toàn cộng đồng), đánh giá rủi ro về sức khỏe con người và môi trường (ví dụ các cơ sở hạ tầng công nghiệp có độ phát thải đáng kể ra môi trường, các dự án phát triển giai đoạn tiếp theo có nguy cơ ô nhiễm hiện hữu và liên quan tới việc chuyển đổi từ mục đích công nghiệp sang thương mại hoặc nhà ở). Có thể tham khảo thêm hướng dẫn về đánh giá rủi ro/nguy hiểm trong Danh mục tham khảo.

Kiểm toán môi trường và xã hội

Hướng dẫn 30. Trong trường hợp dự án liên quan đến tài sản hiện có, cũng như liên quan đến việc mua cơ sở hạ tầng và tài sản, có thể phải kiểm toán môi trường và

xã hội (hoặc kiểm tra chi tiết). Nếu chưa xác định được tài sản sẽ xây dựng, mua hoặc tài trợ, thì có thể chỉ cần thiết lập quy trình kiểm tra chi tiết về môi trường và xã hội để đảm bảo là rủi ro và tác động sẽ được xác định ở một thời điểm nào đó trong tương lai khi đã biết về các yếu tố, tài sản, và cơ sở hạ tầng vật chất một cách đúng mức. Kiểm toán có mục đích xác định rủi ro và tác động, và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản lý đang được áp dụng, đánh giá việc tuân thủ Tiêu chuẩn hoạt động và các luật lệ và quy định. Kiểm toán môi trường và xã hội phải xác định và lượng hóa rủi ro và tác động môi trường và xã hội, bao gồm cả nghĩa vụ, một cách có hệ thống, được lưu hồ sơ và khách quan. Kiểm toán phải lưu hồ sơ những khía cạnh môi trường và xã hội chính liên quan tới tài sản (ví dụ phát thải khí, nước thải, lượng chất thải nguy hiểm sản sinh, các khu vực bị ô nhiễm và nhiễm bẩn trước đó, những vấn đề liên quan đến mua đất, sức khỏe và an toàn liên quan tới công việc, an toàn cộng đồng/cộng đồng, quản lý và tiêu chuẩn lao động, tác động tới nguồn lực văn hóa, khiếu nại nội bộ và từ bên ngoài, tranh chấp), và xác định rủi ro và tác động môi trường và xã hội chính liên quan tới tài sản, bao gồm cả những lĩnh vực không tuân thủ với quy định quốc gia và Tiêu chuẩn hoạt động trong quá khứ, hiện tại hoặc có tiềm năng không tuân thủ trong tương lai. Kiểm toán cũng phải đánh giá hoạt động quản lý tài sản và biện pháp giảm nhẹ, và xác định những hoạt động điều chỉnh bổ sung cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ. Phải xem xét và xác định cơ hội cải tiến, bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi, năng lượng hiệu quả, công nghệ sạch hơn, giảm tiêu thụ nước, giảm phát thải, điều kiện lao động an toàn hơn, và chương trình phát triển cộng đồng. Kiểm toán phải tập trung vào việc xác lập mức kỳ gốc để có các hoạt động điều chỉnh và phát triển ESMS hiệu quả cho dự án được tài trợ. Hướng dẫn thêm về kiểm toán lao động (tham chiếu Tiêu chuẩn hoạt động 2 và Hướng dẫn đi kèm).

Tác động toàn cầu

Hướng dẫn 31. Mặc dù tác động của dự án đơn lẻ đối với thay đổi khí hậu, tầng ô-zôn, đa dạng sinh học hoặc những vấn đề môi trường tương tự có thể là không đáng kể, nhưng khi tính gộp với tác động khác do hoạt động con người tạo ra thì tổng tác động có thể trở thành đáng kể trên phạm vi quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu. Nếu dự án có tiềm năng tạo tác động quy mô lớn, có thể đóng góp vào tác động xấu về môi trường toàn cầu, thì quá trình xác định nên xem xét các tác động này. Quy định và hướng dẫn cụ thể về đa dạng sinh học và hệ sinh thái được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 6: Bảo tồn đa dạng sinh học và Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên sống và Hướng dẫn đi kèm, trong khi thông tin

về thay đổi khí hậu được liệt kê ở dưới, cũng như trong Tiêu chuẩn hoạt động 3 và Hướng dẫn đi kèm, trong đó có đề cập tới rủi ro và tác động của dự án liên quan tới khí thải nhà kính và các chất phá hủy ô-zôn.

Thay đổi khí hậu

Hướng dẫn 32. Mô hình thời tiết thay đổi do khí hậu thay đổi, bao gồm cả sự biến thiên và khắc nghiệt của khí hậu, có thể ảnh hưởng tới dự án theo nhiều cách, bao gồm cả việc tạo rủi ro vật chất liên quan tới tổn thất do các hiện tượng khí hậu lớn gây nên, như bão hoặc lụt, và cũng bao gồm tác động liên quan đến nguồn tài nguyên thiên nhiên như nước hoặc các dịch vụ sinh thái khác, và có ảnh hưởng tiềm năng tới chuỗi cung ứng (ví dụ tăng giá nguyên liệu), cũng như ảnh hưởng tới hoạt động hoặc tập quán làm việc của dự án. Ảnh hưởng tiềm năng khác liên quan tới biến đổi các điều kiện khí hậu có thể gắn liền với thay đổi thói quen tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ do dự án cung cấp.

Hướng dẫn 33. Tính dễ bị tổn thương của dự án bởi thay đổi khí hậu và khả năng của dự án làm tăng tính dễ bị tổn thương của hệ sinh thái và cộng đồng bởi thay đổi khí hậu sẽ quyết định mức độ nghiên cứu về ảnh hưởng tới khí hậu trong quá trình xác định rủi ro và tác động. Tính dễ bị tổn thương của dự án là hàm số của loại hình hạ tầng cơ sở liên quan, các hoạt động do dự án hỗ trợ, vị trí địa lý của dự án. Theo Hội đồng liên chính phủ về thay đổi khí hậu (IPCC), tính dễ bị tổn thương là giới hạn mà hệ thống có thể hoặc không thể gánh chịu các tác động xấu của thay đổi khí hậu, bao gồm cả sự biến thiên và khắc nghiệt của khí hậu. Tính dễ bị tổn thương là hàm số về đặc điểm, cấp độ và nhịp độ của biến đổi khí hậu và các biến thiên mà hệ thống phải gánh chịu, khả năng nhạy cảm và khả năng thích nghi của nó.

Hướng dẫn 34. Nếu dự án liên quan tới các yếu tố, khía cạnh và cơ sở vật chất được xác định có khả năng tạo tác động và nằm trong khu vực được xác định có rủi ro khí hậu, khách hàng nên dùng một số khía cạnh nhất định liên quan tới môi trường trong phân tích số liệu kỹ gốc, dùng dữ liệu khí hậu, và tính đến các điều kiện khí hậu và môi trường khác nhau có thể xảy ra trong vòng đời của dự án. Khách hàng nên dùng dữ liệu khí hậu mới nhất trong thiết kế hạ tầng cơ sở của dự án, và trong các nghiên cứu liên quan khác, ví dụ nghiên cứu về chất thải và phương án vận tải, và nghiên cứu về tác động tới nguồn nước.

Hướng dẫn 35. Phải xác định rủi ro cụ thể liên quan tới thay đổi khí hậu nếu dự án nằm trong khu vực được xác định là nhạy cảm với khí hậu (tức là có khả năng bị ảnh hưởng bởi tác động của các yếu tố kích thích liên quan

tới môi trường, bao gồm các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt, như lụt lội và hạn hán, những giai đoạn thời tiết ẩm kéo dài, lượng mưa thay đổi, bão gió, các đợt lạnh giá và chu kỳ đóng băng – tan băng, xói mòn bờ biển, và ngập lụt bờ biển do mực nước biển dâng cao). Quy trình xác định phải (i) xác định những tác động tiêu cực trực tiếp và gián tiếp liên quan tới môi trường có thể ảnh hưởng tới dự án trong vòng đời của nó, (ii) xác định những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới môi trường mà dự án có thể góp phần, và (iii) xác định chương trình giám sát và những biện pháp giảm nhẹ và biện pháp thích nghi, nếu cần thiết.

Tác động xuyên ranh giới

Hướng dẫn 36. Tác động xuyên ranh giới là các tác động ảnh hưởng tới nhiều nước, vượt ra ngoài nước sở tại của dự án, nhưng chưa có tính chất toàn cầu. Ví dụ là ô nhiễm không khí ảnh hưởng tới nhiều nước, sử dụng hoặc ô nhiễm đường thủy quốc tế,^{HD2} và truyền bệnh dịch xuyên ranh giới.^{HD3} Nếu quá trình xác định rủi ro và tác động cho thấy (i) dự án có hoạt động có thể gây tác động xấu như ô nhiễm không khí, hoặc có lập nguồn nước hoặc ô nhiễm đường thủy quốc tế; (ii) các nước bị ảnh hưởng và nước sở tại tham gia thỏa thuận hoặc hiệp định hoặc thiết lập khuôn khổ pháp lý liên quan tới không gian, đường thủy, nước ngầm, hoặc các nguồn tài nguyên khác có thể bị ảnh hưởng; hoặc (iii) có sự khác biệt chưa được giải quyết giữa các nước bị ảnh hưởng và nước sở tại liên quan tới nguồn tài nguyên có thể bị ảnh hưởng, và không thấy khả năng sớm được giải quyết, thì khách hàng nên xác định nhu cầu phải tuân thủ mọi trách nhiệm đối với cơ quan chính phủ liên quan.

Tác động tích lũy

Hướng dẫn 37. Khu vực đất đai của chính phủ và/hoặc công trình của doanh nghiệp thường tập trung xung quanh các nguồn tài nguyên thiên nhiên (ví dụ lưu vực sông với tiềm năng thủy điện, nguồn gió, khu vực cảng biển, mỏ dầu, mỏ khoáng chất, rừng), nên có khả năng nhiều dự án có thể tập trung tại một khu vực địa lý. Đa

^{HD2} IFC xác định đường thủy quốc tế là: (i) bất kỳ sông, kênh, hồ, hoặc vùng nước tương tự hình thành ranh giới giữa, hoặc bất kỳ sông hoặc khu vực nước bề mặt nào chảy qua từ hai quốc gia trở lên, dù có là thành viên IFC hay không; (ii) bất kỳ nhánh sông hoặc khu vực nước bề mặt nào là một bộ phận của bất kỳ đường thủy nào được miêu tả tại mục (i) ở trên; và (iii) bất kỳ vịnh, vịnh, eo biển, hoặc kênh giáp ranh với từ hai quốc gia trở lên, hoặc nếu trong phạm vi một quốc gia, được công nhận là kênh cần thiết để liên lạc giữa biển mở và các quốc gia khác – và bất kỳ sông nào chảy vào vùng nước đó.

^{HD3} Bệnh dịch xuyên ranh giới được biết rõ và được theo dõi dưới nhiều hình thức. Nhiều bệnh truyền nhiễm như dịch tả, cúm và viêm màng não có thể truyền một cách nhanh chóng và dễ dàng qua biên giới quốc gia, đặc biệt là khi dự án thu hút nhiều người đến tìm việc trong giai đoạn xây dựng. Tương tự như vậy, dự án có thể thu hút nhiều lao động nước ngoài tới làm công việc xây dựng đặc biệt trong giai đoạn ngắn hạn. Trong một số trường hợp, các chủng loại bệnh của lao động nhập khẩu có thể rất khác với chủng loại bệnh của nước sở tại và/hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án, ví dụ lao phổi kháng nhiều loại thuốc, sốt rét chủng vivax với falciparum. Trong một số trường hợp, phải xem xét nguy cơ truyền dịch bệnh toàn cầu hoặc khu vực, ví dụ cúm gia cầm, H1N1, và SARS.

tác động môi trường và xã hội của những dự án đã có sẵn, kết hợp với tác động bổ sung của các dự án đang được đề xuất hoặc dự kiến trong tương lai có thể tạo ra tác động tích lũy đáng kể, là điều không xảy ra trong trường hợp của một dự án hoặc hoạt động kinh doanh biệt lập.

Hướng dẫn 38. Khoản 8 Tiêu chuẩn hoạt động 1 có nêu là nếu dự án có liên quan đến các yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất được xác định cụ thể có khả năng tạo tác động, thì quá trình xác định rủi ro và tác động nên bao gồm việc đánh giá tác động tổng hợp của nhiều yếu tố liên quan tới dự án (ví dụ mỏ, đường, cơ sở hạ tầng liên quan) trong điều kiện khu vực mà dự án có ảnh hưởng. Khi xác định khu vực dự án có ảnh hưởng nên cân nhắc kết quả điều tra và đánh giá môi trường tích lũy, khu vực, chuyên ngành, hoặc chiến lược liên quan mà các cơ quan chính phủ có thể đã tiến hành. Trong trường hợp nhiều dự án xuất hiện, hoặc được lên kế hoạch tại cùng một khu vực địa lý như được miêu tả ở trên, thì khách hàng nên cân nhắc tiến hành Đánh giá tác động tích lũy (CIA) như một phần của quá trình xác định rủi ro và tác động. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, để khách hàng hoặc tổ chức phát triển dự án độc lập phải tiến hành CIA thì sẽ không thực tế hoặc phù hợp: ví dụ (i) có tác động từ nhiều dự án hoặc công trình hiện nay hoặc trong tương lai của bên thứ ba trong khu vực rộng lớn, và có thể xuyên ranh giới pháp lý (ví dụ lưu vực sông, không gian, rừng), (ii) tác động có thể đã xuất hiện trước hoặc sẽ tiếp diễn trong thời gian dài, (iii) tác động tới một số thành phần hoặc đặc tính nhất định của hệ sinh thái sẽ làm tăng cấp độ và/hoặc trạng thái không thể đảo ngược khi được đánh giá trong bối cảnh của một loạt các dự án hoặc công trình hiện có hoặc dự kiến của bên thứ ba, chứ không phải thuần túy trong bối cảnh các tác động liên quan đến dự án đang được xem xét. Trong trường hợp có thể có tác động tích lũy bởi hoạt động của bên thứ ba trong khu vực và tác động từ hoạt động của bản thân khách hàng dự kiến là tương đối nhỏ so với tổng tác động tích lũy, thì đánh giá khu vực hoặc chuyên ngành có lẽ sẽ thích hợp hơn là CIA. Xem thêm hướng dẫn về đánh giá như vậy trong mục Hướng dẫn 45 dưới đây.

Hướng dẫn 39. Tác động tích lũy là tác động xuất phát từ tác động bổ sung của dự án khi kết hợp thêm với các dự án và công trình hiện có, đang được kế hoạch và có thể tiên đoán sẽ có trong tương lai một cách hợp lý. Ví dụ về tác động tích lũy bao gồm tác động tới điều kiện xung quanh như góp thêm phát thải vào khoảng không, tăng lượng ô nhiễm tích lũy trong nước, đất hoặc các chất lắng, sinh chất tích lũy, giảm lưu lượng nước trong lưu vực do nhiều nơi hút nước, tăng chất lắng đọng trong lưu vực hoặc gia tăng xói mòn, ảnh hưởng tới đường đi cư hoặc sự di chuyển của động vật hoang dã, góp phần ảnh hưởng tới năng lực sinh sản hoặc sự tồn tại của loài sinh vật chỉ thị trong hệ sinh thái nhất định,

giảm số lượng loài vật hoang dã vì gia tăng săn bắt, bị xé cộ đâm chết và vì hoạt động lâm nghiệp, giảm diện tích rừng do khai thác gỗ liên tục, tác động xã hội thứ cấp hoặc phá sinh, ví dụ như tăng lượng di cư đến, hoặc do mật độ và tai nạn giao thông gia tăng trong khu vực có đường đi của công đồng vì tăng cường hoạt động giao thông trong khu vực ảnh hưởng của dự án.

Hướng dẫn 40. Mặc dù tác động tích lũy có thể khác về chất lượng so với tác động được phân tích trong ESIA tập trung về khu vực và thời gian cụ thể liên quan tới tác động trực tiếp và khung thời gian thực hiện của dự án, nhưng CIA mở rộng quy mô và khung thời gian của việc đánh giá. Về mặt thực tế, yếu tố mấu chốt của việc đánh giá trên là xác định quy mô sẽ được đánh giá của khu vực xung quanh dự án, thời gian phù hợp là bao lâu, và làm sao để đánh giá thực tế mối quan hệ phức tạp giữa các dự án khác nhau xuất hiện tại thời điểm khác nhau. Vì CIA vượt ra ngoài quy mô một dự án đơn lẻ nên để có thể điều phối và thực hiện quy trình quản lý tiềm năng hoặc các biện pháp giảm nhẹ thường cần có sự tham gia của số lượng lớn và đa dạng hơn của các bên tham gia. Hơn nữa, thường cần có sự tham gia tích cực của các cơ quan chính phủ để đánh giá mức độ đóng góp gia tăng của mỗi dự án đối với tác động tích lũy, giám sát và thực thi các biện pháp giảm nhẹ liên quan tới từng dự án, xác định các biện pháp giảm nhẹ bổ sung, và điều phối, đảm bảo và lưu hồ sơ việc thực hiện của các dự án. Về mọi mặt khác, CIA về cơ bản tương tự như ESIA, nên thường dựa trên những thông lệ đã có của ESIA, bao gồm việc xác định quy mô, phân tích tác động, đánh giá tầm quan trọng, xác định biện pháp giảm nhẹ, và hoạt động tiếp tục triển khai.^{HD4}

Hướng dẫn 41. Khoản 8 Tiêu chuẩn hoạt động 1 có yêu cầu là nếu dự án được tài trợ có liên quan tới các yếu tố, khía cạnh và cơ sở vật chất được xác định có thể tạo tác động, thì quá trình xác định rủi ro và tác động của khách hàng sẽ xác định và đánh giá tác động tích lũy của các công trình được kế hoạch tiếp sau của dự án và các công trình liên quan tới dự án, bất kỳ một dự án đã có nào hoặc các điều kiện để dự án có thể tạo tác động, và các công trình tương tự khác được xác định một cách thực tế tại thời điểm xác định rủi ro và tác động. Cũng nên xác định và đánh giá tác động từ các công trình không được kế hoạch nhưng có thể dự đoán được của dự án có thể xuất hiện sau này hoặc tại địa điểm khác. Việc đánh giá cũng nên tương xứng với mức đóng góp gia tăng, nguồn, mức độ và độ trầm trọng của tác động tích lũy dự kiến, và nên giới hạn trong các tác động thường được coi là quan trọng trên cơ sở các quan ngại khoa học và/hoặc quan ngại của Cộng đồng bị ảnh

^{HD4} Những đơn vị thực hành có thể tìm tham khảo thông tin hữu ích về CIA tại <http://ceaa-accce.gc.ca/default.asp?lang=En&nav=43952694-1&ctoc=show>

hưởng. Không cần đánh giá tác động tiềm năng có thể xuất hiện mà không cần dự án hoặc độc lập với dự án. Khuôn khổ địa lý và quy mô tạm thời của việc đánh giá nên phụ thuộc vào việc sàng lọc và xác định tác động tích lũy tiềm năng tương ứng với các tiêu chí nêu trên. Việc đánh giá nên xác định liệu dự án có chịu trách nhiệm về đóng góp tác động tiêu cực tới cấu phần hoặc đặc điểm cụ thể của hệ sinh thái vượt ra ngoài giới hạn chấp nhận được (năng lực duy trì) do cơ quan chính phủ liên quan định trước, và với sự tham vấn các bên có liên quan. Vì vậy, mặc dù tác động tích lũy của nhiều dự án thường được chính phủ cấp ngân sách để đánh giá, nhưng khách hàng nên đảm bảo việc đánh giá của mình xác định mức độ đóng góp vào tác động tích lũy của dự án được xem xét.

Hướng dẫn 42. Nghiên cứu kỹ gốc của khách hàng phải xác định dự án sẽ được tài trợ có thể làm trầm trọng thêm điều kiện liên quan nào của các dự án hiện có và dẫn tới tác động tích lũy. Khi xét những dự án dự kiến trong tương lai, nên ưu tiên đánh giá tác động tích lũy xuất phát từ những dự án được cân nhắc tài trợ, ví dụ các công trình dự kiến tiếp theo liên quan tới dự án và các công trình tương tự khác trong tương lai trong khu vực ảnh hưởng của dự án được xác định thực tế tại thời điểm đánh giá (có thể bao gồm bất kỳ sự kết hợp nào của các công trình được đề xuất, cấp giấy phép hoặc đã được cấp phép).

Hướng dẫn 43. Nếu cần thiết, khách hàng nên có nỗ lực hợp lý về mặt thương mại để có sự tham gia của các cơ quan chính phủ liên quan, chủ dự án khác, Cộng đồng bị ảnh hưởng, và nếu cần, các bên liên quan khác trong quá trình đánh giá, thiết kế, và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ được điều phối để quản lý tác động tích lũy tiềm năng bị gây ra bởi nhiều dự án cùng chung khu vực ảnh hưởng của dự án.

Quyền của doanh nghiệp và quyền con người

Hướng dẫn 44. Quan điểm cơ bản về quyền con người được miêu tả trong Hiến chương nhân quyền quốc tế, bao gồm Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (UDHR), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR).^{HD5} Trong khi nhà nước có nghĩa vụ chính là thực thi các trách nhiệm được nêu trong các văn kiện trên, doanh nghiệp tư nhân có trách nhiệm tôn trọng những quyền con người trên trong các hoạt động của mình. Một số phân tích về quyền của doanh nghiệp và con người mới đây đã xem xét mối liên quan

^{HD5} Các hiệp ước quốc tế cơ bản khác về nhân quyền tập trung vào quyền của phụ nữ, tra tấn, quyền trẻ em, dân di cư, mất tích cưỡng bức, và người khuyết tật. Để thêm thông tin về các văn bản của các văn kiện xem thêm <http://www2.ohchr.org/english/law/index.htm>. Tùy theo hoàn cảnh, khách hàng có thể cần xem xét các văn kiện này và các công cụ khác về nhân quyền quốc tế và luật nhân đạo.

giữa các quyền được nêu trong Luật quốc tế về quyền với các dự án, và kết luận rằng trong khi không thể loại trừ việc doanh nghiệp có thể tác động tới mọi quyền con người được nêu trong Hiến chương nhân quyền quốc tế, nhưng một số quyền nhất định có liên quan trực tiếp tới quy tắc ứng xử kinh doanh.^{HD6}

Hướng dẫn 45. Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký (SRSG) về quyền của doanh nghiệp và quyền con người đã phân tích về trách nhiệm của doanh nghiệp phải tôn trọng quyền con người và xác lập khuôn khổ “Bảo vệ, tôn trọng và đền bù” dựa trên ba trụ cột: trách nhiệm của nhà nước bảo vệ quyền con người không bị bên thứ ba, bao gồm cả doanh nghiệp, vi phạm; trách nhiệm của doanh nghiệp tôn trọng quyền con người; và tạo điều kiện cho nạn nhân được đền bù dễ hơn, cả về mặt tòa án và ngoài tòa án. Nguyên tắc hướng dẫn để thực hiện khuôn khổ này nói thêm về việc vận hành của khuôn khổ “Bảo vệ, tôn trọng và đền bù”. Nguyên tắc hướng dẫn nhấn mạnh trách nhiệm của doanh nghiệp về việc tôn trọng quyền con người được áp dụng cho tất cả các quyền con người và mọi doanh nghiệp, và bao gồm cả việc tôn trọng thông qua quan hệ của doanh nghiệp với các bên khác. Tiêu chuẩn hoạt động 1 phản ánh khía cạnh “tôn trọng” và “đền bù” của khuôn khổ SRSG.

Hướng dẫn 46. Mặc dù không được nêu trực tiếp trong Tiêu chuẩn hoạt động 1, nhưng các doanh nghiệp nên lưu ý rằng khi các doanh nghiệp đàm phán với chính phủ sở tại, bên được nhượng quyền khai thác, và các cơ quan tương tự thì thỏa thuận không được ảnh hưởng tới quyền con người hoặc quyền của các bên có thể bị ảnh hưởng bởi dự án, và không được ảnh hưởng tới nỗ lực ngay tình của nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người. Nhà nước thực thi trách nhiệm bảo vệ quyền con người một phần bằng cách thông qua và thực thi luật. Khi đàm phán về các điều khoản ổn định trong các hợp đồng này, các doanh nghiệp không nên đề xuất áp dụng các khoản phạt kinh tế hay khoản phạt khác với Nhà nước trong trường hợp Nhà nước thông qua bộ luật có phạm vi áp dụng chung và phản ánh tập quán quốc tế tốt trong các lĩnh vực như sức khỏe, an toàn, lao động, môi trường, an ninh, chống phân biệt, và các lĩnh vực khác liên quan tới quyền doanh nghiệp và quyền con người.^{HD7}

^{HD6} Hội đồng nhân quyền của LHQ. Bảo vệ, tôn trọng và đền bù: khuôn khổ cho quyền doanh nghiệp và quyền con người; Báo cáo của Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký về vấn đề quyền con người và các doanh nghiệp xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác, John Ruggie, Tháng 4 2008, A/HRC/8/5; Diễn giải về quyền con người: Hướng dẫn dành cho doanh nghiệp, Trung tâm Casan về Luật nhân quyền, Diễn đàn Lãnh đạo Doanh nghiệp quốc tế, Văn phòng Cao ủy LHQ về quyền con người; và Văn phòng toàn cầu của LHQ, 2008, và Công cụ đánh giá việc tuân thủ quyền con người của Viện Nhân quyền Đan mạch (t. 1 và t.2).

^{HD7} Xem thêm Phụ lục: Nguyên tắc của các hợp đồng có trách nhiệm: áp dụng quản lý rủi ro quyền con người vào đàm phán hợp đồng giữa Nhà nước và nhà đầu tư; hướng dẫn cho nhà đàm phán, A/HRC/17/31/Add.3. Nhiều nguyên lý có trong Nguyên tắc của các hợp đồng có trách nhiệm cũng thấy trong Tiêu chuẩn hoạt động.

Hướng dẫn 47. Nếu khách hàng quyết định kiểm tra chi tiết về quyền con người, như được nói tới trong chú thích 13 của Tiêu chuẩn hoạt động 1, thì khách hàng có thể tham khảo khía cạnh xác định rủi ro và tác động về quyền con người và quá trình quản lý, cũng như một số kịch bản về rủi ro quyền con người được nhắc tới trong Hướng dẫn về đánh giá và quản lý tác động về quyền con người, một ấn phẩm chung của Diễn đàn Lãnh đạo Doanh nghiệp Quốc tế và IFC (xem thêm Danh mục tham khảo).

Nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương

Hướng dẫn 48. Một số cá nhân hoặc nhóm trong khu vực ảnh hưởng của dự án có thể đặc biệt yếu thế hoặc dễ bị tổn thương, và có thể chịu tác động xấu của dự án được đề xuất ở mức độ nặng hơn các bên khác. Các dự án quy mô lớn với khu vực ảnh hưởng lớn, với nhiều Cộng đồng bị ảnh hưởng có khả năng làm cho các cá nhân và nhóm trên chịu tác động xấu nhiều hơn so với các dự án quy mô nhỏ hơn và có các vấn đề của riêng khu vực dự án. Nếu dự án được tài trợ dự kiến sẽ tác động tới một hoặc nhiều Cộng đồng đồng bị ảnh hưởng, quá trình xác định rủi ro và tác động nên sử dụng các phương pháp xã hội và y học được công nhận để xác định và định vị các cá nhân và nhóm yếu thế trong dân số của Cộng đồng bị ảnh hưởng, và số liệu phải thu thập trên cơ sở tách biệt. Với thông tin được thu thập tách biệt trên, khách hàng nên đánh giá tác động tiềm năng, bao gồm cả các tác động khu biệt đối với các cá nhân và nhóm trên và đề xuất các biện pháp cụ thể (và nếu cần thì biệt lập) sau khi tham vấn với họ để đảm bảo tác động và rủi ro tiềm năng được tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc đến bù đúng mức. Cá nhân và nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương nên được hưởng lợi từ các cơ hội do dự án đem lại ngang bằng với các thành phần khác của Cộng đồng bị ảnh hưởng; điều này có thể đòi hỏi phải có quy trình và cấp độ chia sẻ quyền lợi khác biệt (ví dụ mức đền bù cho ngôi nhà bị phá hủy trong lúc tái định cư được trả bằng nhau cho đàn ông và phụ nữ trong hộ gia đình, đào tạo các cá nhân và nhóm người thiếu kỹ năng cần thiết để có thể tìm việc làm trong dự án, đảm bảo chăm sóc y tế nếu có vấn đề sức khỏe do dự án gây ra, v.v...). Quy trình giám sát dự án nên theo dõi riêng những cá nhân và nhóm trên. Chế độ đặc biệt và biện pháp ưu đãi Dân bản địa được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 7 và Hướng dẫn đi kèm.

Khuyết tật

Hướng dẫn 49. Mỗi nước có bộ luật, quy định, và hướng dẫn đối với người khuyết tật là những người có thể rất dễ bị tổn thương bởi tác động không tương xứng của dự án được tài trợ. Nếu không có khuôn khổ pháp lý phù hợp, khách hàng nên xác định biện pháp thay

thế thích hợp để tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc đến bù cho những người khuyết tật về những tác động và rủi ro tiềm năng. Các biện pháp thay thế nên tập trung vào việc tạo cơ hội cho họ tiếp cận nguyên lực và dịch vụ của cộng đồng (ví dụ tiếp cận giáo dục, hỗ trợ y tế, đào tạo, tìm việc làm, du lịch, và hàng hóa tiêu dùng; và tiếp cận vật lý với công trình giao thông, trường học, bệnh viện/phòng khám, cơ sở làm việc, khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, và các khu vực thương mại khác). Xem thêm Danh mục tham khảo về Hướng dẫn thiết kế môi trường phi rào cản, và Ủy ban tiếp cận Hoa kỳ. Khách hàng cũng nên xem xét việc kết hợp nguyên tắc thiết kế chung (được xác định là thiết kế các sản phẩm, môi trường, chương trình và dịch vụ mà tất cả mọi người đều dùng được, với mức độ tối đa có thể, mà không cần phải sửa lại cho thích nghi hoặc thiết kế đặc biệt^{HDS}) trong thiết kế, xây dựng, và vận hành (bao gồm cả kế hoạch khẩn cấp và sơ tán), dù đó là công trình xây dựng mới hoặc xây lại, mở rộng, cải tiến cơ sở vật chất, để gia tăng việc sử dụng cho mọi đối tượng người dùng tiềm năng, bao gồm cả những người khuyết tật. Xem thêm Tiêu chuẩn hoạt động 4 và Hướng dẫn đi kèm.

Giới

Hướng dẫn 50. Dự án có thể có tác động khác nhau tới nữ giới và nam giới, vì sự khác biệt về vai trò kinh tế xã hội, và vì khác biệt về quyền quản lý và tiếp cận tài sản, nguồn lực sản xuất, và cơ hội tìm việc làm. Đó có thể là chuẩn mực, tập quán xã hội, hoặc rào cản pháp lý cản trở việc cá nhân thuộc giới nào đó có thể tham gia đầy đủ (thường là nữ giới, nhưng cũng có thể là nam giới) vào quá trình tham vấn, quyết định, hoặc chia sẻ quyền lợi. Các chuẩn mực và tập quán pháp lý và xã hội như vậy có thể dẫn đến sự phân biệt hoặc bất bình đẳng về giới. Nên có quá trình đánh giá các tác động có mức độ ảnh hưởng khác nhau tới giới, và quá trình xác định rủi ro và tác động nên đề xuất có biện pháp để đảm bảo giới này không bị thiệt thòi so với giới kia trong bối cảnh dự án. Điều này có thể bao gồm việc tạo cơ hội để khuyến khích sự tham gia đầy đủ và có tác động trong quá trình quyết định thông qua các cơ chế riêng biệt về tham vấn và khiếu nại, và xây dựng các biện pháp cho phép cả nữ giới và nam giới được tiếp cận quyền lợi như nhau (ví dụ như quyền lợi về đất đai, đền bù, và việc làm).

Tác động của bên thứ ba

Hướng dẫn 51. Khách hàng có thể có ít hoặc không có đòn bẩy chỉ phối bên thứ ba, ví dụ như cơ quan chính

^{HDS} “Thiết kế chung” không loại trừ các thiết bị hỗ trợ cho nhóm người khuyết tật cụ thể nếu có nhu cầu (Mục 2 của Hội nghị LHQ về Quyền con người đối với người khuyết tật được thông qua 13 tháng 12, 2006)

phụ trách việc di dân tới khu vực dự án, hoặc việc đốn gỗ phi pháp lợi dụng đường đi lại qua rừng. Tuy vậy, khu vực ảnh hưởng của dự án nên bao gồm cả các cơ sở hạ tầng và các hoạt động của bên thứ ba có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của dự án, và trong quá trình xác định rủi ro và tác động của dự án với khu vực ảnh hưởng diện rộng nên xác định vai trò của bên thứ ba và tác động và rủi ro có thể bị tạo ra bởi hoạt động của bên thứ ba hoặc do bên đó không thực thi trách nhiệm. Khách hàng nên phối hợp với bên thứ ba và có biện pháp trong phạm vi ảnh hưởng tới hoặc chi phối bên thứ ba.

Hướng dẫn 52. Trong số các bên thứ ba trên có các bên vận hành cơ sở hạ tầng liên quan (xem khoản 8 của Tiêu chuẩn hoạt động 1) có thể có quan hệ đặc biệt mật thiết với dự án. Với mối quan hệ này, khách hàng thường có đòn bẩy thương mại nhất định để ảnh hưởng tới bên vận hành cơ sở vật chất trên. Nếu có các đòn bẩy như vậy, có thể yêu cầu các bên vận hành đó cam kết tuân thủ Tiêu chuẩn hoạt động được áp dụng khi vận hành cơ sở của mình. Hơn nữa, khách hàng nên xác định hoạt động của riêng mình, nếu có, để hỗ trợ thêm hoặc bổ sung các hoạt động của bên vận hành cơ sở hạ tầng liên quan.

Xem xét chuỗi cung ứng

Hướng dẫn 53. Cũng giống như đối với tác động và rủi ro của bên thứ ba được nói đến ở trên, quan hệ của dự án với chuỗi cung ứng chính có thể tạo ra sự thách thức cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định. Khách hàng nên xác định mối liên hệ giữa vai trò, tác động và rủi ro liên quan đến chuỗi cung ứng của mình với các vấn đề lao động (lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và các rủi ro về sức khỏe và an toàn đáng kể liên quan tới công việc) và đa dạng sinh học, như được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 2 và Tiêu chuẩn hoạt động 6. Nhìn chung, nếu khách hàng có thể có sự kiểm soát hợp lý thì khách hàng nên hợp tác với các nhà cung cấp chính để đề xuất các biện pháp giảm nhẹ tương ứng đối với rủi ro được xác định trên cơ sở từng trường hợp, trong khi lưu ý rằng việc đánh giá và giải quyết tác động của chuỗi cung ứng ngoài phạm vi các nhà cung cấp một và cấp hai có thể là không thực tế hoặc không có ý nghĩa đối với khách hàng hoặc nhà cung cấp. Thông tin bổ sung về việc giải quyết các vấn đề lao động trong chuỗi cung ứng của khách hàng, đặc biệt là thông tin liên quan tới lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và rủi ro sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, được nói tới trong Tiêu chuẩn hoạt động 2 (khoản 27 – 29) và Hướng dẫn 2 đính kèm. Đối với các vấn đề liên quan tới đa dạng sinh học trong chuỗi cung ứng, xem thêm Tiêu chuẩn hoạt động 6 (khoản 30) và Hướng dẫn 6 đính kèm.

Đánh giá khu vực, ngành, hoặc chiến lược

Hướng dẫn 54. Tiêu chuẩn hoạt động 1 yêu cầu là đối với dự án có những yếu tố, khía cạnh và cơ sở vật chất được xác định có thể tạo tác động thì quá trình xác định rủi ro và tác động nên tính đến kết quả và kết luận của các kế hoạch, nghiên cứu, hoặc đánh giá của các cơ quan chính phủ tiến hành có liên quan trực tiếp tới dự án và khu vực ảnh hưởng. Tùy trường hợp, tài liệu có thể bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế tổng thể, kế hoạch khu vực, nghiên cứu khả thi, phân tích thay thế, và đánh giá môi trường tích lũy. Tuy nhiên, trong những trường hợp cá biệt, sẽ cần đánh giá môi trường và xã hội khu vực, chuyên ngành, hoặc chiến lược để bổ sung cho ESIA. Tuy vậy, những đánh giá trên thường do khu vực công tiến hành.

Hướng dẫn 55. Có thể cần đánh giá khu vực khi dự án được tài trợ hoặc một loạt các công trình liên quan tới dự án dự kiến có khả năng tạo tác động khu vực đáng kể hoặc ảnh hưởng tới sự phát triển khu vực (ví dụ khu vực thành thị, lưu vực, hoặc vùng biển), và cũng có thể cần tiến hành khi khu vực ảnh hưởng của dự án trải rộng tới hai quốc gia hoặc hơn, hoặc nếu tác động liên quan tới dự án có thể xuất hiện ngoài phạm vi nước sở tại. Đánh giá chuyên ngành có thể là cần thiết nếu nhiều dự án được đề xuất trong cùng một ngành hoặc trong ngành liên quan (ví dụ năng lượng, giao thông, hoặc nông nghiệp) trong cùng một nước, hoặc của một mình khách hàng hoặc do khách hàng và các bên khác đề xuất (nếu khách hàng có vai trò chủ đạo). Công tác đánh giá chiến lược thẩm tra tác động và rủi ro liên quan tới chiến lược, chính sách, hoặc chương trình nhất định, thường có liên quan tới cả khu vực công và tư, và có thể cần tiến hành nếu khách hàng là đơn vị chủ đạo trong việc xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch, hoặc chương trình. Cũng có thể cần đánh giá khu vực, chuyên ngành, hoặc chiến lược để đánh giá và so sánh tác động của các phương án phát triển thay thế khác nhau, đánh giá khía cạnh pháp lý và thể chế liên quan tới rủi ro và tác động, và khuyến nghị các biện pháp diện rộng để quản lý môi trường và xã hội trong tương lai.

Lập hồ sơ quá trình xác định rủi ro và tác động

Hướng dẫn 56. Phải lập hồ sơ về kết quả của quá trình xác định rủi ro và tác động. Kết quả của quá trình có thể là một hoặc nhiều tài liệu với phân tích riêng biệt, đặc biệt là khi khách hàng dùng nhiều chuyên gia khác nhau giải quyết nhiều Tiêu chuẩn hoạt động. Trong một số trường hợp, tài liệu về phạm vi môi trường bị tác động, tiêu chuẩn ô nhiễm, tiêu chí thiết kế, hoặc tiêu chuẩn xây dựng cũng là đủ.

Hướng dẫn 57. Dự án liên quan tới các yếu tố vật lý, khía cạnh và cơ sở hạ tầng được xác định cụ thể có thể tạo tác động và rủi ro xấu có giới hạn cần lập hồ sơ về quá trình sàng lọc rủi ro và tác động, phân tích rủi ro và tác động, các biện pháp giảm nhẹ được đề xuất, và quá trình công bố thông tin, và sự tham gia của các bên liên quan (nếu có các Cộng đồng bị ảnh hưởng). Tối thiểu thì khách hàng cũng phải lập hồ sơ về:

- Dự án và các khía cạnh môi trường và xã hội, bao gồm cả bản đồ và bản vẽ
- Phác họa hoặc miêu tả về khu vực ảnh hưởng của dự án, bao gồm cả bản đồ
- Mức hoạt động về môi trường, sức khỏe và an toàn được thiết lập cho dự án, mức độ tuân thủ với khuôn khổ pháp lý và quy định, phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động được áp dụng
- Tác động và rủi ro tiềm năng được xác định, bao gồm cả việc xác định các Cộng đồng bị ảnh hưởng
- Biện pháp giảm nhẹ dự kiến và bất kỳ vấn đề đáng quan tâm nào sẽ phải xử lý tiếp
- Quá trình tham gia của các bên liên quan

Hướng dẫn 58. Dự án liên quan tới các yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất được xác định cụ thể có khả năng có tác động và rủi ro xấu đáng kể cần có báo cáo ESIA phù hợp với các quy định pháp lý được áp dụng và có liên quan, và phù hợp với tập quán quốc tế tốt trong ngành (xem thêm hướng dẫn trong Danh mục tham khảo). Đối với các dự án trên, báo cáo tổng kết các phân tích nên giải thích kết quả một cách rõ ràng và khách quan, và phải dễ hiểu với người bình thường.

Hướng dẫn 59. Nếu dự án có liên quan tới kiểm toán (hoặc các phân tích theo chủ đề) của cơ sở hạ tầng hiện có, thì báo cáo kiểm toán về môi trường và xã hội và phân tích về rủi ro/nguy hiểm cần phải được chuẩn bị phù hợp với tập quán được quốc tế công nhận. Xem thêm Phụ lục A về thảo luận quá trình tiến hành kiểm toán và một số ví dụ về tập quán được chấp thuận.

Hướng dẫn 60. Nếu tài sản sẽ được xây dựng, mua hoặc tài trợ chưa được xác định, khách hàng nên lập hồ sơ kiểm tra chi tiết về môi trường và xã hội để đảm bảo rủi ro và tác động sẽ được xác định đúng mức lúc nào đó trong tương lai khi các yếu tố, khía cạnh, và cơ sở vật chất đã được biết một cách hợp lý.

Chương trình quản lý

13. Phù hợp với chính sách, mục tiêu và các nguyên tắc nêu trên, khách hàng sẽ thiết lập chương trình quản lý trong đó nêu bật các biện pháp giảm thiểu và cải thiện

hiệu quả hoạt động và xử lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án đã được xác định.

14. Tùy thuộc vào đặc điểm và quy mô của dự án, các chương trình quản lý gồm sự kết hợp của các quy trình hoạt động, thực tiễn thực hiện, kế hoạch hoạt động và các tài liệu hỗ trợ liên quan (gồm cả các tài liệu pháp lý) - được quản lý một cách có hệ thống.¹⁹ Chương trình này có thể được áp dụng rộng rãi trong tổ chức của khách hàng, kể cả nhà thầu và nhà cung cấp chính mà khách hàng có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng, hoặc ở những địa điểm, cơ sở hoặc hoạt động cụ thể. Hệ thống phân cấp để giải quyết các rủi ro và tác động đã xác định được sẽ ưu tiên cho các biện pháp tránh và ngăn ngừa các tác động khi khả thi về mặt kỹ thuật²⁰ và tài chính²¹ hơn là giảm thiểu tác động, và khi vẫn có hậu quả để lại, thực hiện bồi thường.

15. Trong trường hợp rủi ro và tác động không thể tránh hoặc ngăn chặn được, các biện pháp và hành động giảm thiểu sẽ được xác định để dự án hoạt động phù hợp với pháp luật và các quy định tương ứng và đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động 1 đến 8 (xem đoạn 16 dưới đây). Mức độ chi tiết và phức tạp của chương trình này và ưu tiên của các biện pháp và hoạt động đã được xác định sẽ tương xứng với rủi ro và tác động của dự án và có tính đến kết quả của quá trình lấy ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng khi phù hợp.

16. Chương trình sẽ thiết lập Kế hoạch hành động môi trường và xã hội,²² xác định kết quả mong muốn và các hành động để giải quyết các vấn đề được nêu ra trong quá trình xác định rủi ro và tác động, bằng các sự kiện có thể đo lường khi có thể, với các yếu tố như chỉ số hiệu suất, mục tiêu, hoặc các tiêu chí chấp nhận có thể được theo dõi trong khoảng thời gian xác định, và với ước tính về các nguồn lực và trách nhiệm để có thể thực hiện. Tùy theo mức độ phù hợp, chương trình

¹⁹ Các tài liệu pháp lý giữa khách hàng và bên thứ ba nhằm thực hiện những biện pháp giảm bớt các tác động có thể cũng thuộc chương trình quản lý này. Ví dụ như những trách nhiệm về di dân, tái định cư của các cộng đồng nước đã được quy định rõ trong một tài liệu pháp lý cụ thể.

²⁰ Khả thi về mặt kỹ thuật được dựa trên việc liệu các biện pháp và hành động đề xuất có thể được thực hiện với thiết bị, kỹ năng và vật liệu sẵn có về mặt thương mại, có tính đến các yếu tố địa phương thực tế như khí hậu, địa lý, nhân khẩu học, cơ sở hạ tầng, an ninh, quản trị, và năng lực và độ tin cậy trong hoạt động.

²¹ Khả thi về mặt tài chính được xem xét dựa trên các yếu tố thương mại như chi phí của việc áp dụng các biện pháp và hành động như vậy so với số tiền để đầu tư, điều hành và bảo trì dự án và liệu chi phí gia tăng này có thể làm cho dự án không khả thi đối với khách hàng.

²² Chương trình hành động có thể gồm một Chương trình hành động tổng thể để thực hiện một loạt các biện pháp khác phục hay các kế hoạch hành động theo chủ đề như Kế hoạch hành động Tái định cư hay Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học. Kế hoạch hành động có thể được dùng làm chỗ trống cho các chương trình quản lý để đảm bảo tính thống nhất với các Tiêu chuẩn hoạt động, hoặc là những kế hoạch riêng biệt để cụ thể hóa chiến lược giảm bớt rủi ro của dự án. Thuật ngữ "Kế hoạch hành động" cũng có thể được hiểu là kế hoạch quản lý hoặc kế hoạch phát triển. Trong trường hợp này, ví dụ rất nhiều, có thể kể đến cả kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.

quản lý sẽ công nhận và đưa vào vai trò thực hiện một số hành động cụ thể, sự kiện cụ thể để giải quyết các rủi ro và tác động do các bên thứ ba thực hiện. Phụ thuộc vào bản chất linh hoạt của dự án, chương trình quản lý cần phản ứng nhanh nhạy với các tình huống thay đổi, các sự kiện bất ngờ cũng như với những phát hiện từ công tác giám sát và đánh giá.

Hướng dẫn 61. Nếu quá trình xác định rủi ro và tác động xác nhận về tác động và rủi ro tiềm năng liên quan tới dự án, thì khách hàng phải xây dựng chương trình gồm các biện pháp và hành động để phòng tránh, giảm thiểu, đến bù hoặc bù đắp về tác động xấu tiềm năng, hoặc tăng cường tác động tích cực hoặc có lợi. Nguyên tắc chung là đối với tác động môi trường và xã hội tiêu cực, quá trình xác định rủi ro và tác động phải áp dụng hệ thống phân cấp, ưu tiên tập trung vào các biện pháp tránh nảy sinh rủi ro và tác động, hơn là giảm thiểu, giảm nhẹ, hoặc bồi thường. Điều này không phải lúc nào cũng làm được, và các biện pháp giảm nhẹ nên được xây dựng dựa trên các phương án khả thi về kỹ thuật và tài chính (như được nêu trong chú thích 21 và 22 của Tiêu chuẩn hoạt động 1). Việc áp dụng thứ tự giảm nhẹ nên được lập hồ sơ, và nếu có lựa chọn giữa tránh và giảm nhẹ/đến bù thì cũng nên lập hồ sơ. Khách hàng nên cân nhắc chi phí và lợi ích về kinh tế, tài chính, môi trường và xã hội và xác định các chi phí và lợi ích đó liên quan tới bên nào. Nếu các tác động này nằm trong khả năng kiểm soát hoặc ảnh hưởng của khách hàng, khách hàng nên đưa các biện pháp giảm nhẹ hoặc điều chỉnh vào chương trình quản lý, và áp dụng biện pháp này thông qua ESMS.

Hướng dẫn 62. Việc áp dụng hệ thống phân cấp để giảm nhẹ, hoặc nếu không tránh được thì giảm thiểu, hoặc đến bù/bồi hoàn về rủi ro và tác động cho người lao động, Cộng đồng bị ảnh hưởng, và môi trường được coi là tập quán quốc tế tốt trong ngành để quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Như vậy, nguyên tắc chung của Tiêu chuẩn hoạt động là khách hàng áp dụng (và chứng minh là đã áp dụng) cách tiếp cận nhất quán với tập quán này như sau:

- Phòng tránh đòi hỏi khách hàng phải xác định và thay đổi, khi có thể và nếu khả thi về kỹ thuật và tài chính, thiết kế dự án để tránh rủi ro và tác động tiêu cực đối với các yếu tố xã hội và/hoặc môi trường. Phòng tránh được coi là hình thái để chấp nhận nhất của việc giảm nhẹ.
- **Giảm thiểu:** nếu không thể tránh được thì có thể giảm thiểu các tác động và rủi ro xấu bằng các biện pháp/xử lý/thiết kế môi trường và xã hội. Các phương án giảm thiểu có thể chấp nhận được thì

khác nhau và bao gồm: làm dịu, chỉnh sửa, sửa chữa và/hoặc khôi phục tác động, nếu phù hợp.

- **Đến bù/Bù Đắp:** Nếu không thể tránh hoặc giảm thiểu, có thể thiết kế và áp dụng các biện pháp để đến bù/ rủi ro và tác động tồn dư. Nên lưu ý là các biện pháp trên không loại trừ được rủi ro và tác động đã được xác định, mà chỉ tìm cách thay thế bằng các tác động (ít nhất cũng là) tích cực tương đương.

Thứ tự ưu tiên để xử lý rủi ro và tác động được đề cập và quy định chi tiết hơn trong bối cảnh của Tiêu chuẩn hoạt động 2 – 8, nếu có liên quan.

Hướng dẫn 63. Mức độ chi tiết và phức tạp của chương trình quản lý nên tương xứng với các rủi ro và tác động dự kiến của dự án. Đối với các dự án có tác động và rủi ro lớn đòi hỏi phải có ESIA toàn diện, hệ thống quản lý phải giải quyết tất cả các rủi ro và tác động môi trường và xã hội được xác định trong quá trình đánh giá và lập hồ sơ trong báo cáo đánh giá thích hợp và phải bao gồm mọi kế hoạch quản lý hoặc hành động, quy trình, tập quán, và thỏa thuận pháp lý để mọi biện pháp giảm nhẹ được quản lý một cách có hệ thống.

Hướng dẫn 64. Đối với các dự án tạo tác động và rủi ro có giới hạn, chương trình quản lý nên xử lý các tác động và/hoặc rủi ro có giới hạn đó, và thông thường ít phức tạp hơn. Với cơ sở hạ tầng đã có sẵn, chương trình quản lý có thể bao gồm các biện pháp và kế hoạch điều chỉnh để xử lý các lĩnh vực cải tiến được xác định trong kiểm toán môi trường và xã hội như đã nói ở trên. Tương tự như vậy, chương trình quản lý phải phản ánh kết quả và áp dụng biện pháp khuyến nghị cụ thể của các đánh giá và nghiên cứu chuyên biệt như được nói tới trong Hướng dẫn này.

Hướng dẫn 65. Một số loại dự án có thể dẫn tới, hoặc góp phần vào tác động tích lũy, xuyên ranh giới và toàn cầu. Nếu dự án được đánh giá dự kiến có tác động đóng góp đáng kể, thì chương trình quản lý nên bao gồm các hoạt động và biện pháp giảm nhẹ cụ thể để đóng góp vào và hỗ trợ các nỗ lực của các cơ quan liên quan về quản lý và giám sát các tác động diện rộng này.

Hướng dẫn 66. Chương trình quản lý nên được áp dụng bao trùm lên toàn bộ tổ chức của khách hàng, bao gồm các nhà thầu và nhà cung cấp chính mà khách hàng có thể quản lý hoặc có ảnh hưởng, và vươn tới các địa điểm, cơ sở hạ tầng, hoặc các hoạt động cụ thể. Chương trình nên bao gồm các điều khoản và thỏa thuận với các cơ sở hạ tầng có liên quan, nếu thích hợp. Đối với một số dự án, rủi ro và tác động liên quan tới chuỗi

cung ứng có thể là đáng kể. Trong trường hợp đó, phải đánh giá những tác động này, và khách hàng nên hợp tác với bên thứ ba (nếu thích hợp) để có các hoạt động xử lý tác động và rủi ro của chuỗi cung ứng trong chừng mực cho phép của sự ảnh hưởng hoặc kiểm soát đối với những bên đó. Tất cả các hành động đó phải được đưa vào trong chương trình hành động của khách hàng.

Hướng dẫn 67. Trong chương trình quản lý, khách hàng có thể có mong muốn xây dựng các biện pháp hoạt động nội bộ của riêng mình để tăng hiệu quả của các tác động tích cực và kết quả mong muốn với mức độ lượng hóa tối đa. Các biện pháp này bao gồm tiêu chí hoạt động, mục tiêu, hoặc chỉ tiêu có thể chấp nhận được và có thể theo dõi được trong một thời gian nhất định, để đảm bảo sự cải tiến liên tục của hoạt động trong những lĩnh vực trên.

Hướng dẫn 68. Khách hàng nên xác định và lập hồ sơ về việc dành nguồn tài chính đầy đủ và chỉ định nhân viên phụ trách trong nội bộ tổ chức của mình để thực hiện chương trình quản lý.

Hướng dẫn 69. Dựa trên kết quả của quá trình xác định rủi ro và tác động, bao gồm kết quả tham vấn trong quá trình này, chương trình quản lý phải bao gồm Kế hoạch Hành động Môi trường và Xã hội (được một số cộng đồng thực hành coi là Kế hoạch quản lý, hoặc Kế hoạch phát triển), Kế hoạch này nên tập trung vào các biện pháp và hoạt động cần thiết cho khách hàng để giải quyết các vấn đề được nêu trong quá trình xác định rủi ro và tác động, tuân thủ luật pháp và quy định quốc gia được áp dụng, và để đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động được áp dụng. Kế hoạch hành động có thể bao gồm Kế hoạch Hành động (hoặc Quản lý) Môi trường và Xã hội tổng thể cần thiết để thực hiện một loạt các biện pháp giảm nhẹ hoặc thực hiện kế hoạch có chủ đề xuất phát từ quá trình xác định rủi ro và tác động, bao gồm các loại kế hoạch quản lý môi trường, sức khỏe, và xã hội (ví dụ Kế hoạch Hành động Tái định cư, Kế hoạch Hành động Đa dạng sinh học, Kế hoạch Quản lý Nguồn nước, Kế hoạch Khôi phục Môi trường Sinh thái, Kế hoạch An toàn Cộng đồng, Kế hoạch Phát triển Cộng đồng hoặc Kế hoạch cho người bản địa). Kế hoạch hành động có thể là kế hoạch được thiết kế để bù đắp thiếu hụt của các chương trình quản lý đã có sẵn để đảm bảo nhất quán với Tiêu chuẩn hoạt động, hoặc có thể là các kế hoạch đơn lẻ quy định chiến lược giảm nhẹ của dự án. Kế hoạch hành động cần loại loại trừ thông tin có tính chất nội bộ, như thông tin thuộc quyền sở hữu, thông tin chi phí, thông tin có thể ảnh hưởng tới an toàn và an ninh của khu vực dự án, và các quy trình chi tiết, quy trình kinh doanh, và hướng dẫn cho người làm (nên đưa vào chương trình quản lý).

Hướng dẫn 70. Kế hoạch quản lý hiệu quả cần có khả năng thích nghi. Giám sát các điều kiện môi trường và xã hội và đánh giá chương trình, thực hiện các hoạt động và biện pháp giảm nhẹ, là các yếu tố cơ bản của hệ thống quản lý đầy đủ. Khách hàng nên xây dựng và thực thi quy trình cho phép điều chỉnh chính sách và vận hành, và áp dụng hoạt động và biện pháp giảm nhẹ thích hợp dựa trên các dữ liệu môi trường và xã hội. Quá trình lặp lại này khuyến khích quá trình quyết định sáng tạo và cân nhắc các yếu tố không lường trước, tôn trọng sự đa dạng của hệ thống xã hội và thiên nhiên, và có thể được điều chỉnh khi đã hiểu rõ hơn về kết quả của các hoạt động quản lý, giảm nhẹ, và của các sự kiện khác.

Hướng dẫn 71. Kết quả điều tra chi tiết độc lập của các nhà tài trợ có thể cho thấy khách hàng cần có thêm các biện pháp và hoạt động bổ sung để đảm bảo đáp ứng Tiêu chuẩn hoạt động 2, luật pháp nước sở tại, hoặc đáp ứng các nghĩa vụ khác ngoài những hoạt động do khách hàng xác định trong chương trình quản lý. Nếu có kết quả như vậy, thì những biện pháp và hoạt động bổ sung đó phải được đưa vào chương trình quản lý của khách hàng, và thông thường nên bao gồm phần miêu tả các biện pháp và hoạt động bổ sung được xác định đó để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động, cơ quan chịu trách nhiệm về việc thực thi các hoạt động và biện pháp đó, các tiêu chí hoàn thành tương ứng và thời hạn đã thống nhất.

Năng lực tổ chức

17. Khách hàng, cùng với các bên thứ ba liên quan, khi cần thiết, sẽ thiết lập, duy trì và củng cố một cơ cấu tổ chức trong đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm, và quyền hạn để thực hiện hệ thống quản lý môi trường và xã hội. Nguồn nhân lực, kể cả đại diện của ban lãnh đạo, với ranh giới trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng cần được phân công cụ thể. Các trách nhiệm chính về môi trường và xã hội cần được cụ thể hóa và truyền đạt đến tất cả các nhân viên có liên quan và toàn bộ tổ chức. Sự hỗ trợ đúng mức từ ban lãnh đạo và nguồn nhân lực đủ cần được bố trí thường xuyên để đảm bảo đạt được hiệu quả môi trường và xã hội cao nhất.

18. Các khách hàng sẽ đào tạo nhân viên có trách nhiệm trực tiếp trong các hoạt động liên quan đến hiệu quả môi trường và xã hội của dự án để họ có các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc của họ, bao gồm cả kiến thức hiện tại về quy định pháp lý của nước sở tại và các yêu cầu tương ứng trong các Tiêu chuẩn Hoạt động từ 1 đến 8. Các nhân viên này cũng cần có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm

để triển khai các biện pháp và hành động cụ thể theo yêu cầu của chương trình quản lý và các phương pháp cần thiết để thực hiện các mục hành động một cách có năng lực và hiệu quả.

19. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội sẽ cần có những đánh giá và trình bày khách quan, chính xác và đầy đủ do chuyên gia có năng lực soạn thảo và trình bày. Đối với các dự án có thể có những tác động tiêu cực tiềm năng hay khi có nhiều vấn đề kỹ thuật phức tạp phát sinh, khách hàng cần mời thêm các chuyên gia bên ngoài tổ chức tham gia vào quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội.

Hướng dẫn 72. Việc áp dụng thành công chương trình quản lý đòi hỏi phải có sự cam kết của ban lãnh đạo và nhân viên trong tổ chức của khách hàng. Theo đó, khách hàng phải chỉ định nhân lực trong nội bộ, bao gồm cả đại diện của ban lãnh đạo, với phạm vi trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng để giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội. Đại diện ban lãnh đạo là yếu tố mấu chốt trong nội bộ tổ chức. Đại diện ban lãnh đạo nên có vai trò kết nối giữa những người có quyền quyết định và những người ở cấp chức năng/phòng ban trong nội bộ tổ chức có trách nhiệm thực hiện và duy trì quá trình quản lý môi trường và xã hội và thực thi các biện pháp giảm nhẹ. Đại diện ban lãnh đạo phải là thành viên của ban lãnh đạo cấp cao.

Hướng dẫn 73. Theo đà phát triển của hệ thống quản lý, sẽ ngày càng thấy rõ là thành công của hệ thống quản lý phụ thuộc vào những người ở cấp phòng ban mà trước kia từng được coi là nằm ngoài tầm với của các vấn đề môi trường và xã hội. Các phòng ban và bộ phận như quản lý nguồn nhân lực, khu vực sản xuất, mua sắm, duy tu bảo trì hoặc các bộ phận chuyên biệt khác được coi là các yếu tố đóng góp quan trọng vào thành công của hệ thống quản lý. Trong khi việc quản lý những vấn đề xã hội và môi trường vẫn sẽ do các chuyên gia môi trường và xã hội dẫn đầu, việc một tổ chức tích hợp quá trình này vào tổng thể hoạt động kinh doanh của mình sẽ ảnh hưởng rất lớn tới thành công trong việc xử lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Vai trò của cá nhân trong các phòng ban nên được gắn liền với rủi ro và tác động môi trường và xã hội được xác định. Ví dụ, quản lý nhu cầu đào tạo (nguồn nhân lực), quản lý hợp đồng và hoạt động của nhà thầu (mua sắm), duy trì thiết bị để nâng cao hiệu quả quản lý ô nhiễm và tăng hiệu quả năng lượng và tránh hiện tượng tràn, rò rỉ và các tình huống khẩn cấp khác (duy tu bảo trì), xếp dỡ và lưu kho vật tư và giảm thiểu chất thải (khu sản xuất) là một số ít ví dụ về những phòng ban có những

chuyên gia môi trường và xã hội có thể phát huy vai trò mà trước kia chưa được xét đến. Vận dụng sự đóng góp tập trung của nhiều người trong tổ chức dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia môi trường và xã hội là cách thức thông minh và hiệu quả về chi phí để quản lý rủi ro môi trường và xã hội của khách hàng. Khách hàng nên nghiên cứu kỹ cách thức tích hợp những quy định liên quan tới rủi ro và tác động tại mọi cấp độ của tổ chức để có thể quản lý được rủi ro và tác động một cách phù hợp nhất với chính sách của mình. Nếu các chức năng này được giao cho nhà thầu hoặc bên thứ ba, thỏa thuận của khách hàng với các bên đó nên bao gồm những hoạt động và biện pháp để các bên có thể thực hiện thỏa thuận phù hợp với hệ thống và chương trình quản lý. Các tổ chức lớn hoặc phức tạp có thể chỉ định nhiều nhân viên hoặc bộ phận chức năng. Tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trách nhiệm này có thể do một người gánh vác. Các trách nhiệm môi trường và xã hội chính phải được quy định và thông báo rất rõ cho các nhân viên liên quan, cũng như thông báo trong toàn bộ tổ chức. Phải chỉ định nguồn nhân lực và tài chính đầy đủ cho những người được phân công chịu trách nhiệm thực thi hệ thống và chương trình quản lý và thực hiện mọi biện pháp hoạt động bổ sung khác. Một số câu hỏi có thể có ích cho các khách hàng để đánh giá mức độ thích hợp của năng lực và quy trình là:

- Tổ chức của khách hàng xác định và phân công như thế nào về nguồn lực con người, kỹ thuật, và tài chính, bao gồm cả chuyên gia bên ngoài để quản lý hoạt động môi trường và xã hội?
- Hệ thống quản lý môi trường và xã hội được tích hợp thế nào vào quy trình quản lý kinh doanh tổng thể?
- Quá trình điều hòa và giải quyết mâu thuẫn giữa các mục tiêu và ưu tiên xã hội, môi trường và kinh doanh khác được thực hiện thế nào?
- Trách nhiệm của nhân viên phụ trách việc quản lý, thực hiện, và kiểm tra công việc liên quan tới các vấn đề môi trường và xã hội là thế nào, và các trách nhiệm đó có được quy định rõ và lập hồ sơ không?
- Lãnh đạo cao nhất đã xây dựng, thực thi và thông báo sự cam kết của tổ chức như thế nào?
- Liệu có quy trình đánh giá định kỳ đối với hệ thống quản lý trong trường hợp hoàn cảnh dự án thay đổi?

Hướng dẫn 74. Khách hàng có thể dùng nhân viên trong công ty và/hoặc tư vấn bên ngoài (được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động và Hướng dẫn là “chuyên gia có thẩm quyền”) hoặc chuyên gia bên ngoài (được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động và Hướng dẫn là “chuyên gia bên ngoài”) để trình hành xác định rủi ro và tác động, miễn

là đáp ứng được yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động. Các chuyên gia có thẩm quyền xác định rủi ro và tác động phải có khả năng thực hiện được công việc một cách đúng mực, chính xác và khách quan, đồng thời phải có đủ năng lực và kinh nghiệm cần thiết. Đối với các dự án có thể tạo tác động và rủi ro đáng kể, khách hàng nên (và có thể bị yêu cầu) duy trì chuyên gia đủ năng lực bên ngoài để hỗ trợ trong toàn bộ hoặc một phần quá trình đánh giá xã hội và môi trường. Để được coi là đủ năng lực, các chuyên gia trên phải có kinh nghiệm sâu và rộng về các dự án tương tự. Các chuyên gia này phải tham gia hoặc được liên hệ sớm từ giai đoạn xây dựng dự án, và nếu cần, trong các giai đoạn khác nhau của thiết kế, xây dựng, và chạy thử của dự án. Hơn nữa, dịch vụ của chuyên gia đủ năng lực bên ngoài thường cần đến trong hoàn cảnh nhất định, trong vấn đề liên quan đến tái định cư (như đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 5), đa dạng sinh học (như đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 6), Người bản địa (như được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 7) và di sản văn hóa (như được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 8).

Hướng dẫn 75. Tổ chức của khách hàng nên xác định kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng hệ thống và chương trình quản lý, bao gồm cả mọi yêu cầu của Chương trình hành động. Công tác trước đó, thời gian làm việc, đào tạo, phát triển kỹ năng, khóa học đang theo, và kinh nghiệm trước đây đều có vai trò xác định liệu chuyên gia đó có đủ kiến thức và kỹ năng để hoàn thành phần việc của họ trong hệ thống và chương trình quản lý. Tổ chức của khách hàng nên cân nhắc tất cả các yếu tố trên trong hồ sơ của nhân viên của mình để xác định xem họ có thể đủ năng lực hoàn thành công việc được giao, và nếu cần, thì nên cân nhắc thuê người mới để đảm bảo có người thích hợp cho nhiệm vụ đó.

Hướng dẫn 76. Đào tạo là một phương pháp phổ biến để trang bị cho các cá nhân thêm kỹ năng và kinh nghiệm. Để thành công, chương trình đào tạo nên được nghiên cứu kỹ lưỡng và có hệ thống. Danh mục dưới đây liệt kê một số yếu tố cơ bản nên xem xét để đưa vào chương trình đào tạo:

- Xác định nhu cầu đào tạo đối với nhân viên. Có thể dựa vào các sự kiện trước đó (tai nạn, trường hợp khẩn cấp, khiếu nại nội bộ hay từ bên ngoài), hoạt động yếu kém do kiểm toán phát hiện, so sánh với các công ty hoặc tổ chức khác hoặc khuyến nghị hoặc yêu cầu của bản thân nhân viên. Cũng nên nghiên cứu và xác định nhu cầu đào tạo, nếu cần, cho các đối tượng khác đang thực hiện công việc cho khách hàng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, ví dụ các nhà thầu và nhà cung cấp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo để giải quyết nhu cầu được xác định. Sự thiếu hụt về kỹ năng, khả năng nhận thức, kinh nghiệm có thể được giải quyết thông qua đào tạo; nói tóm lại là nhân viên đó cần thêm gì để được coi là đủ năng lực hoàn thành công việc của mình? Kế hoạch cũng nên xác định về các phiên đào tạo, thời hạn, tần suất, để cương, v.v...
- Thẩm tra chương trình đào tạo để đảm bảo nhất quán với chiến lược của khách hàng, và đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu được áp dụng khác, ví dụ như các quy định.
- Đào tạo nhân viên được lựa chọn. Có thể đào tạo chính quy, phi chính quy (đào tạo tại chỗ), đào tạo một lần, đào tạo định kỳ, v.v...
- Lập hồ sơ cho các khóa học đã tổ chức, để trình cho các cơ quan quản lý hoặc cơ quan chính phủ, tổ chức tài chính, v.v... và để có hồ sơ lưu cho người được đào tạo như một phần của công việc hoặc phát triển sự nghiệp.
- Đánh giá việc đào tạo để xác định hiệu quả. Kiểm tra xem nhân viên đã đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ của mình chưa sẽ cho thấy quá trình đào tạo thành công hoặc thất bại. Nếu chương trình đào tạo được coi là không hiệu quả, khách hàng nên đánh giá lại mọi khía cạnh của đào tạo (hồ sơ, kỹ năng giảng, năng lực của chuyên gia đào tạo, v.v...) để xác định xem nên thay đổi cái gì, nếu được, để có được kết quả tốt. Nên định kỳ đánh giá năng lực của nhân viên, và nên có các biện pháp cụ thể, ví dụ như đào tạo nhắc nhở, trong chương trình đào tạo.

Hướng dẫn 77. Khách hàng có thể có một số câu hỏi sau giúp cho quá trình kế hoạch và tổ chức chương trình đào tạo:

- Tổ chức của khách hàng xác định nhu cầu môi trường và xã hội thế nào?
- Nhu cầu đào tạo cho các chức năng công việc cụ thể được phân tích thế nào?
- Có cần đào tạo nhà thầu và/hoặc nhà cung cấp không?
- Đào tạo có được xây dựng, đánh giá, và điều chỉnh hoặc cập nhật theo nhu cầu không?
- Đào tạo được lưu trong hồ sơ và theo dõi thế nào?

Hướng dẫn 78. Khách hàng nên đảm bảo là các nhân viên và bên thứ ba có trách nhiệm trực tiếp đối với các hoạt động môi trường và xã hội của dự án được tài trợ có đủ năng lực, và có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để hoàn thành công việc, bao gồm cả kiến thức về quy định pháp luật hiện hành của nước sở tại cũng như các

quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 1 – 8. Các phương pháp kiểm tra nên giải quyết các yêu cầu và cam kết cụ thể của hệ thống và chương trình quản lý và của các hoạt động cần để thực thi biện pháp quản lý và giảm nhẹ một cách có năng lực và hiệu quả.

Hướng dẫn 79. Nếu dự án có thể tác động tới các cá nhân hoặc nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương trong Cộng đồng bị ảnh hưởng, thì nhân viên tiếp xúc với các cá nhân hoặc nhóm như vậy nên hiểu rõ về các vấn đề cụ thể liên quan tới các cá nhân và nhóm trên. Có thể được phép đào tạo riêng.

Hướng dẫn 80. Nếu một số khía cạnh của dự án hoặc việc thực hiện hệ thống và chương trình quản lý được giao cho nhà thầu, khách hàng nên đảm bảo các nhà thầu có kiến thức, kỹ năng và được đào tạo cần thiết để hoàn thành công việc một cách có năng lực và phù hợp với hệ thống và chương trình quản lý và đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động.

Sự sẵn sàng đối ứng với tình huống khẩn cấp

20. Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động môi trường và xã hội, hệ thống quản lý môi trường và xã hội sẽ xây dựng một chương trình đảm bảo sẵn sàng và đối ứng với các tình huống khẩn cấp để khách hàng, trên cơ sở phối hợp với các bên thứ ba khi phù hợp, sẽ luôn sẵn sàng để đối phó với những tình huống tai nạn, khẩn cấp liên quan đến dự án với phương châm là phương án thích hợp nhất để ngăn ngừa và giảm bớt những thiệt hại về người và/hoặc cho môi trường. Sự chuẩn bị này có thể bao gồm cả việc đánh giá các khu vực có thể xảy ra tai nạn hay tình huống khẩn cấp, các đối tượng cộng đồng và cá nhân có thể bị ảnh hưởng, quy trình ứng phó, cũng cấp thiết bị và nguồn lực, phân công trách nhiệm, truyền thông, kể cả truyền thông đến các cộng đồng bị ảnh hưởng và cả những chương trình đào tạo định kỳ để chuẩn bị ứng phó có hiệu quả.

21. Khi thích hợp, khách hàng cũng có thể hỗ trợ và phối hợp với các cộng đồng có thể bị ảnh hưởng (tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 4) và các cơ quan địa phương để chuẩn bị ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, nhất là khi sự tham gia và phối hợp này là cần thiết để việc ứng phó đạt hiệu quả cao nhất. Nếu các cơ quan địa phương có năng lực hạn chế hoặc không thể đối phó hiệu quả, khách hàng sẽ đóng vai trò tích cực trong quá trình chuẩn bị và đối phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến dự án. Khách hàng cũng cần lưu lại các

hoạt động chuẩn bị và ứng phó, các trách nhiệm và nguồn lực liên quan, và cần cung cấp những thông tin thích hợp đến cộng đồng bị ảnh hưởng và các cơ quan địa phương.

Hướng dẫn 81. Yêu cầu về khả năng sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp của Tiêu chuẩn hoạt động 1 nói tới (i) hoàn cảnh có thể ảnh hưởng tới nhân viên và cơ sở hạ tầng của dự án được tài trợ, (ii) nhu cầu bảo vệ sức khỏe và an toàn cho nhân viên dự án (như được nói tới trong Tiêu chuẩn hoạt động 2) và (iii) nhu cầu bảo vệ sức khỏe và an toàn của Cộng đồng bị ảnh hưởng (như được nói tới trong Tiêu chuẩn hoạt động 4). Khách hàng nên giải quyết khả năng ứng phó với tình huống khẩn cấp một cách tổng thể. Nếu dự án (mới hoặc đã có sẵn) liên quan tới các yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất đã được xác định cụ thể có thể tạo tác động, thì khách hàng nên xử lý các hoàn cảnh có thể gây gián đoạn quy trình và các tình huống tai nạn bằng cách áp dụng kế hoạch sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp hoặc áp dụng công cụ tương tự phù hợp với ngành nghề như một phần của hệ thống quản lý. Nếu hậu quả của các tình huống khẩn cấp có thể vượt ra ngoài ranh giới của dự án hoặc phát sinh bên ngoài ranh giới dự án (ví dụ các chất độc hại bị tràn trong khi vận chuyển trên trục đường công cộng), khách hàng phải xây dựng kế hoạch ứng phó với tình huống khẩn cấp dựa trên mức độ rủi ro đối với sức khỏe và an toàn cộng đồng được xác định trong quá trình xác định rủi ro và tác động (xem thêm Tiêu chuẩn hoạt động 4 và Hướng dẫn đi kèm). Có thể xem thông tin hướng dẫn thêm về ứng phó với tình huống khẩn cấp trong Hướng dẫn về Sức khỏe và An toàn Môi trường của Ngân hàng Thế giới (EHS), trong Hướng dẫn EHS chung hoặc trong Hướng dẫn EHS chuyên ngành, tùy trường hợp.

Hướng dẫn 82. Kế hoạch ứng phó với tình huống khẩn cấp hiệu quả giúp cho khách hàng chuẩn bị cho kết quả tốt nhất trong khi dự kiến được kích bản tối tệ nhất có thể. Khách hàng nên xác định rõ ràng trách nhiệm đối với việc đánh giá mức độ rủi ro đối với mạng sống, tài sản và môi trường, với quy trình phân định ai liên lạc với ai trong các tình huống khẩn cấp khác nhau. Mức độ chi tiết của kế hoạch và thông tin phải tương xứng với tác động tiềm năng. Các kế hoạch trên phải xác định quy trình có thể dựa trên việc xếp thứ hạng khẩn cấp (mức khẩn cấp). Quy trình tất thiết bị và dùng quá trình sản xuất và sơ tán, bao gồm cả địa điểm tập trung riêng (địa điểm tập kết) bên ngoài khu vực dự án phải là một phần của kế hoạch sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp. Hơn nữa, kế hoạch khẩn cấp hiệu quả phải bao gồm lịch trình đào tạo và thực hành riêng (mô

phòng và diễn tập) và tiêu chuẩn về trang thiết bị đối với nhân viên chịu trách nhiệm về hoạt động cứu hộ, trách nhiệm y tế, ứng phó với nguy cơ và tai nạn (ví dụ ứng phó khi tràn chất độc hại), chữa cháy và các hoạt động ứng phó cụ thể khác đặc trưng cho khu vực dự án, cơ sở hạ tầng và hoạt động. Tóm lại, kế hoạch khẩn cấp phải giải quyết được những khía cạnh sau của ứng phó với tình huống khẩn cấp:

- Xác định các kịch bản khẩn cấp
- Có quy trình ứng phó khẩn cấp cụ thể
- Có các nhóm được đào tạo để ứng phó với tình huống khẩn cấp
- Liệt kê địa chỉ liên hệ và hệ thống/quy trình liên lạc (bao gồm cả việc liên lạc với Cộng đồng bị ảnh hưởng khi cần)
- Có quy trình hợp tác với các cơ quan chính phủ (cơ quan ứng phó khẩn cấp, y tế, môi trường)
- Có thiết bị và cơ sở vật chất thường trực và cố định (ví dụ trạm sơ cứu y tế, thiết bị chữa cháy, thiết bị ứng phó cháy tràn, thiết bị bảo vệ cá nhân cho các nhóm ứng phó khẩn cấp)
- Có quy trình sử dụng thiết bị và cơ sở hạ tầng ứng phó khẩn cấp
- Chỉ dẫn rõ ràng về tuyến sơ tán và địa điểm tập kết
- Tiến hành diễn tập ứng phó khẩn cấp theo chu kỳ dựa trên cấp độ hoặc mức khẩn cấp được xác định
- Có quy trình và phương tiện khử nhiễm để áp dụng các biện pháp ứng phó khẩn cấp để cô lập, hạn chế và giảm mức ô nhiễm trong ranh giới vật lý của nhà xưởng và tài sản của dự án trong chừng mực có thể.

Giám sát

22. Khách hàng sẽ thiết lập các quy trình để theo dõi và đo lường hiệu quả của chương trình quản lý cũng như tuân thủ với các quy định pháp lý, trách nhiệm hợp đồng và pháp lý. Trong trường hợp nhà nước hay bên thứ ba có trách nhiệm quản lý một số rủi ro và tác động cụ thể cũng như các biện pháp khắc phục liên quan, khách hàng sẽ phối hợp trong việc thiết lập và giám sát các biện pháp khắc phục đó. Tùy từng trường hợp, khách hàng có thể mời đại diện của cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia vào các hoạt động giám sát.²³ Chương trình giám sát của khách hàng cần được quản lý với một cấp quản lý thích hợp trong tổ chức. Đối với dự án mà ảnh hưởng là đáng kể, khách hàng sẽ sử dụng các chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm từ bên ngoài để xác minh thông tin giám sát. Mức độ giám sát cần tương xứng với các rủi ro và tác động của dự án và các yêu cầu tuân thủ của dự án.

23. Ngoài việc ghi chép các thông tin để theo dõi hiệu suất và thiết lập kiểm soát các hoạt động có liên quan, khách hàng nên sử dụng các cơ chế năng động, chẳng hạn như thanh tra, kiểm toán nội bộ khi cần, để xác minh sự tuân thủ và tiến bộ so với các kết quả mong muốn. Giám sát thường bao gồm cả việc lưu thông tin để theo dõi hiệu quả hoạt động và so sánh với các mức chuẩn được đặt ra từ trước hoặc các yêu cầu của chương trình quản lý. Việc giám sát cần được điều chỉnh theo hiệu quả thực tế và các hành động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thực hiện. Các khách hàng sẽ lưu tài liệu kết quả giám sát, xác định và phản ánh các hành động khắc phục và phòng ngừa cần thiết trong các chương trình quản lý và kế hoạch đã sửa đổi. Các khách hàng, phối hợp với các bên liên quan, sẽ thực hiện những hành động khắc phục và phòng ngừa này, và theo dõi những hành động này trong các chu kỳ giám sát tiếp theo để đảm bảo hiệu quả của chúng.

24. Lãnh đạo cấp cao của khách hàng cần nhận được bản đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường và xã hội theo kỳ, dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu có hệ thống. Mức độ và tần suất báo cáo phụ thuộc vào bản chất và quy mô của các hoạt động được triển khai dựa trên hệ thống quản lý môi trường và xã hội cũng như các yêu cầu khác của dự án. Dựa vào các kết quả đánh giá này, lãnh đạo cấp cao sẽ đưa ra những biện pháp cần thiết và phù hợp để chính sách của tổ chức được thực hiện triệt để và các quy trình, thủ tục, kế hoạch đang được triển khai đạt hiệu quả cao nhất.

Hướng dẫn 83. Giám sát là phương tiện chủ yếu của khách hàng để theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện của hệ thống và chương trình quản lý, bao gồm mọi đề mục hành động nêu trong Chương trình hành động. Khách hàng nên thiết lập hệ thống đo đếm và giám sát bao gồm các yếu tố: (i) rủi ro và tác động chủ yếu của dự án đối với nhân viên, cộng đồng và môi trường tự nhiên được xác định; (ii) mức độ tuân thủ luật pháp và quy định; và (iii) tiến độ thực hiện của các chương trình quản lý. Hình thức, mức độ và tần suất của việc giám sát phải tương ứng với tác động và rủi ro tiềm năng của dự án được xác định trong quá trình xác định rủi ro và tác động, và như được xác định trong chương trình quản lý. Hơn nữa, tùy theo đặc điểm của dự án, khách hàng có thể phải xây dựng, theo dõi và đo đếm các chỉ tiêu và các tiêu chí hoạt động chính khác trong một thời gian để chứng minh hoạt động của dự án đã được cải thiện hoặc chỉ rõ những lĩnh vực cần có thêm nỗ lực.

Hướng dẫn 84. Là một phần của chương trình giám sát

²³ Ví dụ như giám sát sử dụng nước

được áp dụng trong hệ thống quản lý, khách hàng sẽ cần xây dựng các biện pháp và chỉ tiêu phát triển xã hội, các phương pháp định lượng và định tính cơ bản đánh giá mức độ thành công, và đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan trong kế hoạch hành động để nâng cao hiệu quả hoạt động trong các vấn đề xã hội được xác định hoặc trong các lĩnh vực được chỉ rõ là cần có thêm nỗ lực.

Hướng dẫn 85. Các yếu tố cần cân nhắc khi xây dựng chương trình giám sát môi trường thông thường bao gồm (nhưng không bị giới hạn bởi) dự toán thiết kế, mô hình môi trường, các biện pháp quản lý nguồn ô nhiễm (ví dụ phát thải khí, nước thải, chất thải rắn và độc hại), tiếng ồn, chất lượng và trữ lượng nước xung quanh (cả nước bề mặt và nước ngầm), chất lượng không khí, và chất nhiễm bẩn nơi làm việc. Đối với một số dự án nhất định, việc giám sát đa dạng sinh học có thể là một yếu tố quan trọng của chương trình giám sát tổng thể (tham chiếu thêm Tiêu chuẩn hoạt động 6 và Hướng dẫn đính kèm). Tiêu điểm và quy mô của quá trình giám sát nên đánh giá mức rủi ro phát thải chất ô nhiễm tương xứng với tính nhạy cảm của khu vực xung quanh, có tính đến nhận thức của Cộng đồng bị ảnh hưởng về rủi ro đối với sức khỏe của cộng đồng và môi trường mà dự án tạo ra. Phải xây dựng các quy trình thích hợp để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, ví dụ như tinh chỉnh dụng cụ, chạy thử thiết bị, lấy mẫu phân mềm và phân cứng. Các biện pháp giám sát môi trường cụ thể bao gồm xác định tham số đo lường, lựa chọn phương pháp lấy mẫu và phân tích, vị trí lấy mẫu, tần suất đo lường, giới hạn phát hiện (nếu thích hợp), và xác định ngưỡng để thông báo triển khai hoạt động điều chỉnh. Nếu cần có phòng thí nghiệm hoặc dịch vụ phân tích bên ngoài để phân tích mẫu, thì những nơi đó tối thiểu là phải được xác nhận bởi các hệ thống được quốc gia công nhận để đảm bảo các dữ liệu và số liệu là chính xác, có thể chứng minh được và đáng tin cậy.

Hướng dẫn 86. Phải lưu hồ sơ kết quả giám sát, và xác định các hoạt động điều chỉnh và phòng ngừa cần thiết. Khách hàng cũng nên đảm bảo là các hoạt động điều chỉnh và phòng ngừa này đã được áp dụng và được tiếp tục triển khai một cách có hệ thống để phát huy hiệu quả. Khách hàng thường nên giao việc giám sát cho các chuyên gia có thẩm quyền hoặc chuyên gia bên ngoài khác, và coi đó là một phần của hệ thống và chương trình quản lý của mình. Trong một số trường hợp nhất định (ví dụ như đối với các dự án có rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng đáng kể), đánh giá chi tiết của các nhà tài trợ có thể sẽ bắt phải có sự giám sát và/hoặc thẩm định bổ sung đối với chương trình giám sát của khách hàng (ví dụ như một phần của chương trình hành động bổ sung được

thống nhất với khách hàng), bao gồm cả việc chỉ định các chuyên gia đủ năng lực và kinh nghiệm từ bên ngoài để thẩm định kết quả giám định một cách độc lập. Kết quả của các hoạt động giám định bên ngoài này phải được bổ sung vào các hoạt động điều chỉnh hoặc phòng ngừa, nếu thích hợp. Cũng nên xem xét việc tham gia giám sát của các bên (ví dụ sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng) nếu cần (đối với các dự án với rủi ro và tác động tiềm năng đáng kể). Trong các trường hợp đó, khách hàng nên đánh giá năng lực của các bên tham gia giám sát và có sự đào tạo và hướng dẫn định kỳ cần thiết.

Hướng dẫn 87. Kết quả của giám sát có thể cho thấy cần điều chỉnh hoặc nâng cấp các biện pháp giảm nhẹ trong chương trình quản lý. Là một phần của quá trình duy trì liên tục Hệ thống quản lý, thỉnh thoảng khách hàng nên điều chỉnh và nâng cấp chương trình quản lý để chương trình có thể giải quyết một cách thích hợp các thay đổi về rủi ro và tác động xã hội và môi trường nảy sinh từ sự thay đổi của công việc kinh doanh hoặc hoàn cảnh của khách hàng, hoặc nảy sinh từ rủi ro không lường trước nào khác, có tính đến sự đa dạng của các hệ thống xã hội và môi trường. Trong trường hợp chính phủ hoặc bên thứ ba khác có trách nhiệm về việc triển khai các hoạt động giảm nhẹ và quản lý rủi ro và tác động, thì khách hàng nên giám sát việc áp dụng các biện pháp đó. Giám sát đúng mức sẽ xác định và lượng hóa sự hoàn chỉnh, hiệu quả và thiếu hụt tiềm năng của các biện pháp giảm nhẹ và công tác quản lý tác động do các bên khác tiến hành và cung cấp thông tin và dữ liệu để có thể có dự phòng tương ứng trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng, để đạt kết quả tốt nhất mặc dù có thể có khó khăn, hạn chế hoặc cơ hội thuận lợi vốn có.

Hướng dẫn 88. Kết quả của giám sát môi trường và xã hội phải được đánh giá và lưu hồ sơ. Như một chức năng của hệ thống quản lý của khách hàng, phải báo cáo định kỳ về tiến độ và kết quả giám sát lên lãnh đạo cấp cao. Báo cáo phải cung cấp thông tin và dữ liệu cần thiết để xác định mức độ tuân thủ các quy định pháp lý liên quan của nước sở tại và tiến độ triển khai chương trình quản lý. Hình thức báo cáo có thể khác nhau tùy theo đặc điểm của từng tổ chức, nhưng phải bao gồm phần tổng hợp các kết quả và khuyến nghị. Thông tin trên cũng phải được thông báo rộng rãi trong nội bộ tổ chức và tới người lao động, nếu cần.

Hướng dẫn 89. Một số câu hỏi có ích khi xem xét hình thức, mức độ, quy mô, tần suất và quản lý chương trình giám sát:

- Hoạt động môi trường và xã hội được giám sát thường xuyên thế nào?
- Đã có các chỉ tiêu hoạt động định lượng và/hoặc định tính liên quan tới việc khách hàng tuân thủ quy định và hệ thống và chương trình quản lý chưa, và các chỉ tiêu đó là gì?
- Quy trình kiểm soát nào được áp dụng để thường xuyên tinh chỉnh và lấy mẫu thiết bị và hệ thống đo lường và giám sát môi trường?
- Quy trình đánh giá định kỳ việc tuân thủ luật pháp và quy định, và phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động được áp dụng là gì?

Hướng dẫn 90. Để báo cáo về hệ thống quản lý nói chung và xem xét đối tượng cần thông tin trên:

- Thông tin môi trường và xã hội nào được báo cáo lên lãnh đạo cấp cao của khách hàng, nhà tài trợ, và Cộng đồng bị ảnh hưởng?
- Thông tin trên được xử lý thế nào?
- Thông tin trên có được cung cấp cho những người cần khi người đó cần không?

Sự tham gia của cộng đồng

25. Sự tham gia của cộng đồng cần dựa trên nền tảng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, có tính xây dựng và nhanh nhạy - là rất cần thiết để quản lý thành công các tác động môi trường và xã hội của một dự án.²⁴ Sự tham gia của cộng đồng là một quá trình liên tục, tùy theo mức độ, có thể gồm những hoạt động chính sau: phân tích các đối tượng liên quan và lập kế hoạch, công bố và truyền đạt thông tin, tham vấn và tham gia, cơ chế khiếu nại và báo cáo thường xuyên đến cộng đồng bị ảnh hưởng. Bản chất, tần suất và mức độ của các hoạt động kêu gọi sự tham gia của cộng đồng có thể khác nhau và cần tương xứng với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án, cũng như các giai đoạn phát triển của dự án.

Hướng dẫn 91. Sự tham gia của các bên liên quan có mục đích thiết lập và duy trì mối quan hệ có tính chất xây dựng với các bên tham gia bên ngoài khác nhau trong suốt tuổi đời dự án, và là một phần cấu thành của ESMS hiệu quả và có tính thích nghi. Tùy vào tính chất, rủi ro và tác động của dự án và sự hiện diện hoặc không của Cộng đồng bị ảnh hưởng, mức độ tham gia của bên liên quan có thể dao động từ mức là kênh đơn giản tiếp nhận thông tin bên ngoài từ công chúng và lên đến mức tham vấn đầy đủ với quá trình Tham vấn và Tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ (ICP) một cách tích cực của Cộng đồng bị ảnh hưởng. Xem thêm Sự tham

gia của bên liên quan: Cẩm nang về tập quán tốt cho các doanh nghiệp Kinh doanh ở các thị trường mới nổi.

Hướng dẫn 92. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 tập trung vào việc hợp tác với Cộng đồng bị ảnh hưởng, được định nghĩa là bất cứ người hoặc cộng đồng nào sinh sống trong khu vực địa lý gần dự án, đặc biệt là những ai sinh sống tiếp giáp với cơ sở hạ tầng hiện có hoặc được đề xuất của dự án và sẽ là đối tượng của rủi ro và tác động tiềm năng liên quan tới dự án về môi trường vật chất, sức khỏe và sinh hoạt. Không có định nghĩa chính xác về cộng đồng, và việc xác định có thể khác nhau tùy dự án, nhưng nhìn chung khái niệm này đề cập tới nhóm người hoặc hộ gia đình sống trong khu vực địa lý nhất định, đôi khi chia sẻ lợi ích chung (hiệp hội những người dùng nước, ngư dân, người chăm sóc súc vật, người chăn thả, và tương tự), thông thường cùng chung di sản văn hóa và lịch sử và có mức độ gắn kết khác nhau.

Hướng dẫn 93. Nếu quá trình xác định rủi ro và tác động cho thấy có thể có tác động và rủi ro tiềm năng đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng, doanh nghiệp nên hợp tác với các cộng đồng từ sớm. Sự hợp tác này nên dựa trên việc truyền tải thông tin liên quan đến dự án một cách kịp thời và hiệu quả, bao gồm cả kết quả của quá trình xác định rủi ro và tác động và các biện pháp giảm nhẹ tương ứng, thông qua ngôn ngữ và phương pháp mà Cộng đồng bị ảnh hưởng ưa dùng và tạo điều kiện để có sự trao đổi có ý nghĩa. Trong trường hợp việc đánh giá được hoàn thành trước khi áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này, quá trình tham gia của bên liên quan do khách hàng tiến hành nên được đánh giá lại, và nếu cần thiết thì triển khai kế hoạch bổ sung với sự tham gia của bên liên quan để điều chỉnh chỗ khiếm khuyết và đảm bảo là sự tham gia của bên liên quan được triển khai một cách thích hợp.

Hướng dẫn 94. Nếu có điều kiện, và trong suốt vòng đời của dự án, khách hàng nên dựa vào các kênh thông tin và hợp tác với Cộng đồng bị ảnh hưởng vốn được xây dựng trong quá trình xác định rủi ro và tác động. Cụ thể, khi đảm bảo sự tham gia của bên liên quan, khách hàng nên áp dụng các tập quán được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động này để công bố thông tin và thu nhận phản hồi về hiệu quả của các biện pháp giảm nhẹ trong hệ thống quản lý của khách hàng, cũng như thông tin về mối quan tâm và quan ngại hiện tại của Cộng đồng bị ảnh hưởng đối với dự án. Xem thêm hướng dẫn về các chiến lược và kịch bản tham gia khác nhau trong Phụ lục 2 của Sự tham gia của bên liên quan: Cẩm nang về tập quán tốt cho các doanh nghiệp Kinh doanh ở các thị trường mới nổi.

²⁴ Các yếu tố cấu liên quan đến sự tham gia của người lao động và các quy trình khiếu nại bồi thường liên quan có thể xem thêm tại Tiêu chuẩn hoạt động 2.

Phân tích đối tượng và lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng

26. Khách hàng nên xác định các đối tượng có thể có quan tâm đến hành động của khách hàng và xem xét nên dùng phương thức truyền thông nào để đối thoại với các đối tượng trong cộng đồng (tham khảo thêm khoản 34 dưới đây). Khi dự án có liên quan đến các yếu tố vật chất, tài sản và cơ sở hạ tầng đã được xác định cụ thể mà có khả năng có tác động tiêu cực về môi trường và xã hội đến cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng cần xác định cộng đồng bị ảnh hưởng là những ai và thực hiện đúng những yêu cầu liên quan dưới đây.

27. Khách hàng sẽ xây dựng và triển khai Kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng với quy mô phù hợp với rủi ro, tác động cũng như giai đoạn hoạt động của dự án, có tính đến đặc điểm và lợi ích của cộng đồng bị ảnh hưởng. Tùy trường hợp, bản Kế hoạch này có thể bao gồm các biện pháp chuyên biệt cho phép sự tham gia hiệu quả hơn của các nhóm đối tượng bất lợi hoặc dễ bị tổn thương. Khi quá trình có sự tham gia của cộng đồng phụ thuộc nhiều vào đại diện của cộng đồng,²⁵ khách hàng cần nỗ lực để xác nhận xem có đúng người này được tin nhiệm giao làm đại diện cho cộng đồng hay không cũng như mức độ trung thực trong thông tin về kết quả tham vấn mà họ sẽ truyền đạt xuống nhóm cộng đồng mà họ đại diện.

28. Trong trường hợp vị trí chính xác của dự án chưa xác định được, nhưng dự án có nhiều khả năng sẽ để lại những tác động lớn đến cộng đồng xung quanh khu vực dự án hoạt động, khách hàng cần thiết lập Khung kế hoạch cộng đồng tham gia trong chương trình quản lý của mình, trong đó nêu rõ những nguyên tắc và chiến lược xác định các cộng đồng bị ảnh hưởng cũng như các đối tượng có liên quan và lập kế hoạch để cộng đồng tham gia theo đúng các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này một khi vị trí của dự án được xác định cụ thể.

Hướng dẫn 95. Trong khuôn khổ của Tiêu chuẩn hoạt động 1, các bên liên quan được xác định là những người, nhóm người hoặc cộng đồng nằm ngoài các hoạt động cốt lõi của dự án và có thể chịu ảnh hưởng của dự án hoặc có lợi ích từ dự án. Bên liên quan có thể bao gồm các cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng, cơ quan chính phủ địa phương, các cơ quan phi chính phủ địa phương và cơ quan khác, và các bên có lợi ích hoặc bị ảnh hưởng. Việc xác định bên liên quan nói chung bao gồm quyết

định về các cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng có thể có quyền lợi từ dự án hoặc những ai có thể chịu ảnh hưởng của dự án. Quá trình xác định bên liên quan bao gồm các bước rõ rệt, bao gồm (i) xác định cá nhân, nhóm, cộng đồng địa phương và các bên liên quan khác có thể bị dự án tác động một cách tích cực hoặc tiêu cực, và trực tiếp hoặc gián tiếp, đặc biệt là những ai chịu tác động tiêu cực của dự án, bao gồm những ai yếu thế hoặc dễ bị tổn thương (xem Hướng dẫn 48 ở trên); (ii) xác định bên liên quan diện rộng là những bên có thể có khả năng tác động tới kết quả của dự án vì họ có sự hiểu biết Cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc có ảnh hưởng chính trị tới các cộng đồng này; (iii) xác định các đại diện hợp pháp của bên liên quan, bao gồm quan chức được bầu, lãnh đạo phi bầu cử của cộng đồng, lãnh đạo các cơ quan không chính thức hoặc truyền thống của cộng đồng, và người cao tuổi trong Cộng đồng bị ảnh hưởng; và (iv) lập bản đồ của vùng bị ảnh hưởng khi gắn liền Cộng đồng bị ảnh hưởng với khu vực địa lý, điều đó cho phép khách hàng xác định hoặc chi tiết hóa khu vực ảnh hưởng của dự án (xem khoản 8 Tiêu chuẩn hoạt động 1).

Hướng dẫn 96. Có thể có tiêu chuẩn, tập quán xã hội, hoặc rào cản pháp lý ngăn cản sự tham gia đầy đủ của cá nhân một giới (thường là nữ giới, nhưng cũng có thể là nam giới) trong quá trình tham vấn, quyết định, hoặc chia sẻ lợi ích của dự án. Các tiêu chuẩn và tập quán pháp lý và xã hội này có thể dẫn đến phân biệt đối xử hoặc bất công về giới. Đối với dự án có những vấn đề như vậy thì khách hàng có thể tạo cơ hội để có sự tham gia và ảnh hưởng đầy đủ trong quá trình quyết định thông qua các cơ chế riêng biệt về tham vấn và khiếu nại, và xây dựng các biện pháp cho phép cả nữ giới và nam giới có thể hưởng lợi của dự án như nhau (như quyền về đất đai, bồi thường, và việc làm). Trong trường hợp đem lại hiệu quả thì các biện pháp trên có thể bao gồm quá trình tham vấn riêng cho nữ giới. Thông tin về sự tham gia của nữ giới có thể xem trong Sự tham gia của bên liên quan: Cẩm nang về tập quán tốt cho các doanh nghiệp Kinh doanh ở các thị trường mới nổi.

Hướng dẫn 97. Khách hàng có các dự án có mức rủi ro cao có thể phải xác định và hợp tác với các bên liên quan khác, ngoài những bên bị ảnh hưởng trực tiếp của dự án, ví dụ như quan chức chính phủ địa phương, lãnh đạo cộng đồng và tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là những ai làm việc trong hoặc với Cộng đồng bị ảnh hưởng. Mặc dù những nhóm trên có thể không bị ảnh hưởng trực tiếp từ dự án nhưng vẫn có thể có khả năng có ảnh hưởng hoặc thay đổi quan hệ của khách hàng với Cộng đồng bị ảnh hưởng, và hơn nữa có thể có vai trò trong việc xác định rủi ro, tác động và cơ hội tiềm năng để khách hàng cân nhắc và xử lý trong quá trình đánh giá.

²⁵ Ví dụ như lãnh đạo của cộng đồng hay lãnh đạo tôn giáo, đại diện cơ quan địa phương, đại diện các tổ chức dân sự, chính khách, giáo viên, và/hoặc những người đại diện một hay nhiều nhóm đối tượng bị ảnh hưởng.

Hướng dẫn 98. Nếu dự án được xác định là sẽ tác động trực tiếp hoặc tiêu cực tới cộng đồng địa phương (là Cộng đồng bị ảnh hưởng), thì cần có Kế hoạch có tham gia của các bên liên quan. Mức độ phức tạp và chi tiết của Kế hoạch này nên tương xứng với rủi ro và tác động của dự án đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng và, trong một số trường hợp, có thể bao gồm sự tham gia của nhiều bên liên quan hơn. Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan có thể bao gồm các yếu tố sau: miêu tả dự án (bao gồm cả bản đồ); nguyên tắc, mục tiêu và tiêu chí tham gia, yêu cầu và quy định (ví dụ quy định địa phương, tiêu chuẩn quốc tế hoặc yêu cầu của nhà tài trợ); miêu tả về rủi ro và tác động; bảng tổng kết về bất kỳ hoạt động tham gia nào trước đó bao gồm cả chứng cứ có hồ sơ (là các thỏa thuận, biên bản cuộc họp, v.v...); xác định, miêu tả và thứ tự của các bên tham gia, tập trung vào các bên bị ảnh hưởng trực tiếp và xác định mọi cá nhân hoặc nhóm dễ bị tổn thương; chương trình tham gia bao gồm việc xác định sự hợp tác sẽ được chính thức hóa thể nào (là thỏa thuận, biên lai tiếp nhận thông tin, v.v...); miêu tả cơ chế xử lý khiếu nại; danh mục hoạt động gắn với thời gian (thời gian biểu/chu kỳ); và nguồn lực và trách nhiệm. Trong một số trường hợp Kế hoạch tham gia của các bên liên quan có thể bao gồm việc miêu tả của bất kỳ sáng kiến phát triển cộng đồng nào đang hoặc sẽ được khách hàng hỗ trợ cũng như sự tham chiếu chéo với các kế hoạch quản lý khác của dự án. Trong trường hợp ngược lại, nếu cần xác định Khuôn khổ của sự tham gia của các bên liên quan vì chưa biết địa điểm chính xác của dự án tại thời điểm đầu tư, nhưng có cơ sở để dự kiến là sẽ có tác động tới cộng đồng địa phương, thì Khuôn khổ này có thể bao gồm các yếu tố sau: miêu tả dự án tiềm năng và địa điểm, rủi ro và tác động dự kiến; yêu cầu và quy định (ví dụ quy định địa phương, tiêu chuẩn quốc tế hoặc yêu cầu của nhà tài trợ); khu vực ảnh hưởng dự kiến; các bên tham gia dự kiến, tập trung vào Cộng đồng bị ảnh hưởng dự kiến; nguyên tắc, mục tiêu và tiêu chí tham gia; chiến lược đối với quá trình tham gia và cơ chế khiếu nại (đặc biệt nếu gắn liền với quá trình đánh giá) và quy trình triển khai từng bước và phân bổ trách nhiệm chuẩn bị Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan một khi đã xác định được địa điểm. Xem thêm Phụ lục 3 của Sự tham gia của bên liên quan: Cẩm nang về tập quán tốt cho các doanh nghiệp Kinh doanh ở các thị trường mới nổi.

Công bố thông tin

29. Việc công bố thông tin cần thiết về dự án giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng hiểu được những rủi ro, tác động và cơ hội của dự án. Khách hàng sẽ cung cấp cho các cộng đồng bị ảnh hưởng những thông tin liên

quan²⁶ về: (i) mục đích, tính chất và quy mô của dự án; (ii) thời gian các hoạt động của dự án để xuất; (iii) bất kỳ rủi ro và tác động tiềm tàng nào lên cộng đồng và các biện pháp khắc phục; (iv) quá trình có sự tham gia của cộng đồng; và (v) cơ chế khiếu nại.

Hướng dẫn 99. Việc công bố thông tin bao gồm việc cung cấp thông tin về dự án cho Cộng đồng bị ảnh hưởng và việc đảm bảo các bên liên quan khác có thể truy cập thông tin trên. Thông tin phải được diễn giải bằng ngôn ngữ (các ngôn ngữ) thích hợp, và có thể được các bộ phận khác nhau của Cộng đồng bị ảnh hưởng truy cập và thông hiểu. Ví dụ, thông tin có thể được truyền đạt tới từng nhà, tại tòa thị chính, thư viện công cộng, qua các ấn phẩm địa phương, đài phát thanh, hoặc tại các cuộc họp công cộng. Việc công bố và truyền tải thông tin nên là nền tảng của quá trình tham vấn của khách hàng. Thời điểm và phương pháp công bố có thể khác nhau tùy theo quy định pháp luật quốc gia, đặc điểm và nhu cầu của Cộng đồng bị ảnh hưởng, loại hình đánh giá được áp dụng, và giai đoạn phát triển của dự án hoặc hoạt động nhưng nên càng sớm càng tốt. Sau khi sàng lọc sơ bộ, việc công bố thông tin kịp thời nên bao gồm tối thiểu là thông tin được miêu tả trong khoản 29 của Tiêu chuẩn hoạt động 1. Khách hàng được khuyến khích công bố thêm cho Cộng đồng bị ảnh hưởng thông tin về lợi ích và tác động phát triển tiềm năng của dự án, nếu điều đó dự kiến sẽ không làm nảy sinh những mong đợi không cần cứ. Ví dụ về kỹ thuật chia sẻ thông tin được miêu tả trong IAP2 Bộ công cụ cho sự Tham gia của Công chúng – Kỹ thuật Chia sẻ Thông tin (xem Danh mục tham khảo).

Hướng dẫn 100. Việc công bố thông tin thường là một phần của quá trình xác định rủi ro và tác động, nhưng nếu dự án dự kiến sẽ tạo tác động và rủi ro tiếp diễn đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng nên tiếp tục cung cấp thông tin trong suốt tuổi đời dự án. Yêu cầu về thông tin của khách hàng cho Cộng đồng bị ảnh hưởng được miêu tả trong khoản 36 Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn 111-112. Khách hàng có thể công bố thông tin về những vấn đề phi tài chính hoặc cơ hội cho việc nâng cao hiệu quả tác động môi trường và xã hội thông qua các báo cáo bền vững.

Hướng dẫn 101. Khách hàng nên cân đối giữa yêu cầu

²⁶ Tùy thuộc vào quy mô của dự án và mức độ của rủi ro và tác động, các tài liệu liên quan có thể là Kế hoạch hành động môi trường và xã hội tổng thể (bao gồm cả Kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng, Kế hoạch hành động tài chính cụ, Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học, Kế hoạch quản lý vật liệu nguy hiểm, Kế hoạch Chuẩn bị khẩn cấp và đối phó, Kế hoạch Y tế Cộng đồng và an toàn, và Kế hoạch phát triển dân bản địa v.v...) hoặc chỉ là tóm tắt để hiểu những vấn đề và cam kết chính. Những tài liệu này cũng có thể gồm cả chính sách môi trường và xã hội và các biện pháp, hành động bổ sung do các nhà tài trợ yêu cầu từ những phát hiện của các cuộc thanh tra chi tiết (due diligence).

phải minh bạch và nhu cầu bảo vệ thông tin bí mật. Khách hàng nên thận trọng khi thu thập dữ liệu và thông tin cá nhân và coi dữ liệu hoặc thông tin trên là bí mật (trừ những trường hợp việc công bố là do pháp luật quy định). Khi Tiêu chuẩn hoạt động 1 yêu cầu phải công bố kế hoạch dựa trên thông tin hoặc dữ liệu đã được thu thập (ví dụ như Kế hoạch tái định cư), khách hàng nên đảm bảo là không có thông tin hoặc dữ liệu cá nhân nào có thể bị gắn liền với cá nhân cụ thể nào. Ví dụ, thông tin nhạy cảm về Cộng đồng bị ảnh hưởng, như thông tin về thu nhập và sức khỏe, vốn là một phần của thông tin kinh tế - xã hội cơ bản, không thể được công bố sao cho có thể bị gắn liền với cá nhân hoặc hộ gia đình nào.

Hướng dẫn 102. Trong lĩnh vực công nghiệp khai khoáng và đặc biệt là trong lĩnh vực hạ tầng cơ sở, nếu dự án có thể liên quan rộng rãi tới công chúng nói chung, công bố thông tin là một biện pháp quan trọng để quản lý rủi ro trong quản trị. Sáng kiến Minh bạch của Công nghiệp Khai khoáng được nêu trong Danh mục tham khảo có bao gồm thông tin về minh bạch trong hợp đồng và doanh thu, và hướng dẫn cách thức để khu vực tư nhân có thể hỗ trợ sáng kiến này.

Tham vấn

30. Nếu cộng đồng bị ảnh hưởng có thể bị rủi ro, ảnh hưởng xấu từ một dự án, khách hàng sẽ thực hiện một quá trình tham vấn để tạo cho các cộng đồng bị ảnh hưởng những cơ hội để bày tỏ quan điểm của họ về rủi ro của dự án, ảnh hưởng, và các biện pháp giảm thiểu, và cho phép khách hàng xem xét và trả lời cho họ. Phạm vi và mức độ tham vấn cần tương xứng với rủi ro và tác động của dự án cũng như các mối quan tâm của cộng đồng bị ảnh hưởng. Tham vấn hiệu quả là một quá trình hai chiều: (i) nên bắt đầu ngay trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội và được tiếp tục ngay khi rủi ro và tác động phát sinh; (ii) phải được dựa trên việc công bố và cung cấp trước thông tin có liên quan và đầy đủ, trung thực, có ý nghĩa và dễ dàng tiếp cận với ngôn ngữ dễ hiểu phù hợp với trình độ của cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) sẽ tập trung chủ yếu²⁷ vào tham vấn những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp hơn là các đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp; (iv) tránh mọi tình huống thông tin bị thổi phồng, can thiệp, bị ép buộc hay hăm dọa; (v) tạo điều kiện có sự tham gia hiệu quả; và (v) lưu giữ thông tin tham vấn. Các khách hàng sẽ điều chỉnh quá trình tham vấn cho phù hợp với ngôn ngữ của các cộng đồng bị ảnh hưởng, quá trình ra quyết định của họ, và các nhu cầu của các nhóm có hoàn cảnh khó khăn hoặc dễ bị tổn thương. Nếu khách hàng đã thực hiện quá

²⁷ Như nam giới, phụ nữ, người già, thanh thiếu niên và các nhóm/cá nhân bất lợi hay dễ bị tổn thương

trình tham vấn này, họ cần cung cấp đầy đủ thông tin bằng chứng cho quá trình đó.

Tham vấn toàn diện

31. Đối với các dự án có ảnh hưởng bất lợi rõ rệt đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng cần tổ chức quá trình tham vấn toàn diện (ICP) chủ yếu dựa trên các bước của quá trình tham vấn và kết quả đạt được là có được sự tham gia toàn diện của cộng đồng bị ảnh hưởng. ICP bao gồm quá trình trao đổi thông tin và quan điểm sâu hơn, quá trình tham vấn có tổ chức và có lộ trình, giúp khách hàng đưa vào quá trình ra quyết định của họ những quan điểm của các cộng đồng bị ảnh hưởng đối với những vấn đề có ảnh hưởng đến họ trực tiếp, như biện pháp giảm thiểu đề xuất, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và vấn đề thực hiện. Tiến trình tham vấn cần (i) tham khảo quan điểm của các nhóm nam và nữ, nếu cần thiết có thể tổ chức lấy ý kiến theo nhóm riêng; (ii) phản ánh mối quan tâm và ưu tiên khác nhau giữa nam và nữ về tác động, cơ chế khắc phục và lợi ích, khi thích hợp. Khách hàng sẽ lưu tài liệu về quá trình, đặc biệt là các biện pháp đã thực hiện để tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động xấu đến các cộng đồng bị ảnh hưởng và sẽ thông báo cho các đối tượng bị ảnh hưởng về các mối quan tâm của họ đã được xem xét.

Dân bản địa

32. Đối với những dự án có tác động tiêu cực đến các nhóm thổ dân, khách hàng cần tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình ICP và trong một số trường hợp khách hàng cần sự đồng ý trước dựa trên cơ sở hiểu rõ và không bị ép buộc (gọi là FPIC - Free, Prior and Informed Consent). Các yêu cầu liên quan đến thổ dân và quy định về các trường hợp đặc biệt đòi hỏi phải có FPIC được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Hướng dẫn 103. Nếu dự án liên quan tới yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất được xác định cụ thể có tác động môi trường và xã hội tiêu cực tiềm năng tới Cộng đồng bị ảnh hưởng, nên tiến hành quá trình tham vấn. Quá trình tham vấn nên tương xứng với rủi ro và tác động của dự án, và với mối quan ngại của Cộng đồng bị ảnh hưởng. Quá trình tham vấn bao gồm trao đổi hai chiều giữa khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng. Tham vấn hiệu quả tạo cơ hội cho khách hàng học hỏi từ kinh nghiệm, kiến thức, và mối quan ngại của Cộng đồng bị ảnh hưởng, cũng như điều chỉnh sự mong đợi của các bên bằng cách xác định rõ phạm vi trách nhiệm và nguồn lực của khách hàng để tránh sự hiểu lầm và các yêu cầu phi

thực tế. Để có quá trình tham vấn hiệu quả, phải công bố và giải thích thông tin cho các bên liên quan, và phải dành thời gian phù hợp để bên liên quan có thể cân nhắc các vấn đề. Quá trình tham vấn phải có sự tham gia của các bộ phận khác nhau của Cộng đồng bị ảnh hưởng, cả nữ giới và nam giới, và cho phép các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương trong cộng đồng tiếp cận. Dựa trên phân tích sơ bộ về bên liên quan (xem Hướng dẫn 95), đại diện của khách hàng nên gặp Cộng đồng bị ảnh hưởng và giải thích thông tin dự án, trả lời các câu hỏi và lắng nghe ý kiến và khuyến nghị. Ngoài các cuộc gặp với cá nhân bị ảnh hưởng, khách hàng cũng nên xác định các nhà lãnh đạo cộng đồng và thành viên của bất kỳ cơ cấu chính thức hoặc phi chính thức nào có quyền quyết định hiện có để có thêm đóng góp của họ. Khách hàng nên thông báo kịp thời cho Cộng đồng bị ảnh hưởng về kết quả của quá trình tham vấn và cách thức cân nhắc về khuyến nghị và mối quan ngại của họ.

Hướng dẫn 104. Phải tiến hành tham vấn trong phần lớn các trường hợp nếu dự án có thể tạo một số tác động tiêu cực cụ thể, nhưng giới hạn về số lượng, tới Cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong các trường hợp như vậy, khách hàng nên tham vấn Cộng đồng bị ảnh hưởng trong quá trình đánh giá sau khi đã xác định và phân tích rủi ro và tác động. Trong trường hợp các dự án có tác động tiêu cực đáng kể tới Cộng đồng bị ảnh hưởng, cần tiến hành quá trình ICP. Ngoài các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1, có thể xem thêm yêu cầu về tham vấn trong Tiêu chuẩn hoạt động 4 – 8.

Hướng dẫn 105. Quá trình ICP không được để xảy ra hiện tượng dọa dẫm hay ép buộc, và không được bị ảnh hưởng bởi áp lực từ bên ngoài hoặc bị xui khiến bằng tiền bạc (trừ khi thanh toán bằng tiền là một phần của thỏa thuận dàn xếp). Khách hàng nên tiếp nhận ý kiến phê phán, và cho phép các nhóm khác nhau có cơ hội như nhau để phát biểu ý kiến một cách tự do, để tất cả các quan điểm được tranh luận đầy đủ. Tham vấn trên cơ sở được thông tin đầy đủ nghĩa là thông tin liên quan được trình bày một cách dễ hiểu và dễ tiếp cận, được dịch nếu cần, và được truyền tải kịp thời trước đó cho quá trình tham vấn. Tiếp theo quá trình tham vấn được tổ chức một cách thường xuyên là quá trình tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ trong những vấn đề liên quan đến tác động có thể xảy ra với Cộng đồng bị ảnh hưởng, để khách hàng có thể gộp quan điểm về những vấn đề đó vào trong quá trình quyết định của mình. Tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng nên được triển khai từ giai đoạn xác định quy mô ban đầu khi định nghĩa

công việc trong quá trình đánh giá, bao gồm cả việc liệt kê rủi ro và tác động sẽ được đánh giá, và phải được tiếp diễn trong suốt tuổi đời dự án. Khách hàng phải lưu hồ sơ về các hoạt động, biện pháp và các quy trình quyết định cụ thể khác chịu ảnh hưởng hoặc bắt nguồn trực tiếp từ đóng góp của các bên tham gia tham vấn. Phụ lục C miêu tả chi tiết hơn nội dung quá trình ICP. Đối với các dự án có hoàn cảnh đặc biệt liên quan tới Người bản địa cần có sự Ứng thuận một cách Tự nguyện, Từ trước và được Thông tin đầy đủ (FPIC) (xem Tiêu chuẩn hoạt động 7 và định nghĩa về FPIC trong Hướng dẫn 7).

Trách nhiệm của khối doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp cơ quan nhà nước tổ chức tham vấn cộng đồng

33. Khi tổ chức tham vấn cộng đồng là trách nhiệm của chính phủ nước sở tại, khách hàng sẽ phối hợp với cơ quan nhà nước có trách nhiệm, được phép của cơ quan nhà nước đó, để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, nếu năng lực của phía nhà nước là hạn chế, khách hàng cần đóng vai trò chủ động trong việc lập kế hoạch, triển khai và giám sát sự tham gia của cộng đồng. Nếu quá trình do cơ quan nhà nước thực hiện không đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần thực hiện các hoạt động bổ sung và nếu cần thiết có các biện pháp bổ sung.

Hướng dẫn 106. Chính phủ sở tại có thể có quyền quản lý quá trình tham gia của các bên liên quan trực tiếp của dự án, đặc biệt là khi có liên quan tới tham vấn. Tuy vậy, kết quả của quá trình này nên nhất quán với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1. Trong trường hợp như vậy, khách hàng nên có vai trò tích cực trong quá trình chuẩn bị, thực hiện và giám sát quá trình và nên phối hợp với các cơ quan chính phủ liên quan trong những lĩnh vực của quá trình mà khách hàng hoặc các đại lý khác ví dụ như tư vấn hoặc tổ chức xã hội dân sự có thể thực hiện được hiệu quả hơn. Việc khách hàng có được phép tham gia tích cực hay không phụ thuộc một phần vào luật pháp quốc gia và quy trình tư pháp và hành chính được áp dụng và tập quán của cơ quan chính phủ có trách nhiệm. Khách hàng nên hợp tác với cơ quan chính phủ có trách nhiệm để đạt được kết quả chính cần thiết và phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 1. Trong mọi trường hợp, dù vai trò tham gia của chính phủ có như thế nào, thì khách hàng cũng phải có quy trình thông tin và xử lý khiếu nại của riêng mình. Phải hiểu rõ là quá trình tham gia của các bên liên quan được nói tới trong điều khoản này để cập tới mọi quá trình hợp tác với các bên liên quan chịu ảnh hưởng trực tiếp

của dự án về các vấn đề này sinh trực tiếp từ việc triển khai dự án cụ thể, và không liên quan tới các quyết định về chính sách diện rộng hơn hoặc các vấn đề khác nằm ngoài dự án.

Hướng dẫn 107. Trong một số trường hợp, cơ quan chính phủ hoặc cơ quan quyền lực khác có thể đã tiến hành quá trình tham vấn liên quan đến dự án; trong trường hợp đó, khách hàng nên quyết định xem quá trình được tiến hành và kết quả của quá trình đó có phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 không, và nếu chưa phù hợp thì khách hàng nên quyết định có biện pháp điều chỉnh khả thi để xử lý tình huống. Nếu các biện pháp điều chỉnh là khả thi, thì khách hàng nên áp dụng các biện pháp đó càng sớm càng tốt. Các biện pháp điều chỉnh như vậy có thể dao động từ việc có thêm các hoạt động tham gia bổ sung đến việc cho phép tiếp cận thông tin môi trường và xã hội liên quan và đảm bảo thông tin đó phù hợp về mặt văn hóa.

Truyền thông và cơ chế khiếu nại

Truyền thông

34. Khách hàng sẽ triển khai và duy trì một quá trình truyền thông để (i) thu nhận các thông tin bên ngoài (ii) nghiên cứu và đánh giá các vấn đề được nêu ra và quyết định xem nên giải quyết thế nào; (iii) cung cấp, theo dõi và ghi lại những phản hồi nếu có; và (iv) điều chỉnh chương trình quản lý, khi cần thiết. Thêm vào đó, khách hàng nên cung cấp các báo cáo định kỳ về hoạt động môi trường và xã hội bên vững đến công chúng.

Hướng dẫn 108. Phối hợp với các đơn vị bên ngoài là một tập quán kinh doanh tốt và được chấp nhận rộng rãi. Các bên liên quan từ bên ngoài có thể cung cấp thông tin hữu ích cho tổ chức. Thông tin trên có thể có hình thức khuyến nghị về cải tiến sản phẩm, phản hồi về sự tiếp xúc giữa khách hàng và nhân viên của tổ chức, hoặc vô số các quan điểm, ý kiến hoặc đóng góp khác của các đơn vị quản lý, cơ quan phi chính phủ, cộng đồng hoặc cá nhân liên quan đến hoạt động môi trường và xã hội của tổ chức, dù là hoạt động thực tế hay được biết. Yêu cầu thông tin bên ngoài một phần dựa trên yếu tố thông tin của ISO 14000 về quy trình tiếp nhận, lưu hồ sơ và phản hồi đối với thông tin và yêu cầu của các bên quan tâm từ bên ngoài, và phải là một thành phần tích hợp của ESMS khách hàng. Quy định này được áp dụng cho mọi loại dự án, ngay cả khi dự án không liên quan tới các yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng hạ tầng vật chất tạo tác động xã hội và môi trường tiêu cực tiềm năng với Cộng đồng bị ảnh hưởng,

mặc dù độ phức tạp có thể thay đổi, và đối với một số dự án, hệ thống này có thể có thể có hình thức rất đơn giản. Các doanh nghiệp nên có các kênh thông tin mà công chúng có thể tiếp cận dễ dàng (ví dụ số điện thoại, trang web, địa chỉ mail, v.v...) để tiếp nhận thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đối với các hoạt động môi trường và xã hội.

Hướng dẫn 109. Quy trình này nên tạo ra kênh thông tin dễ tiếp cận để tiếp nhận thông tin từ công chúng và, tùy theo dự án, độ phức tạp của quy trình có thể dao động từ mức là quy trình đơn giản được miêu tả trong một trang giấy đến mức là văn bản nhiều trang miêu tả các yếu tố sau: (i) mục tiêu, (ii) nguyên tắc, (iii) các bước và luồng thông tin, (iv) lưu hồ sơ và giám sát phản hồi, và (v) phân bổ nguồn lực và trách nhiệm. Khách hàng cũng nên xác định mức độ phù hợp của thông tin bên ngoài được tiếp nhận và mức độ phản hồi, nếu có.

Truyền thông với bên ngoài và cơ chế khiếu nại

Cơ chế khiếu nại đối với cộng đồng bị ảnh hưởng

35. Khi có sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng sẽ thiết lập cơ chế khiếu nại để tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại và lo lắng của cộng đồng bị ảnh hưởng liên quan đến môi trường và xã hội. Cơ chế khiếu nại cần được điều chỉnh quy mô cho phù hợp với rủi ro và tác động tiêu cực của dự án và coi cộng đồng bị ảnh hưởng là đối tượng chính cần phục vụ. Nó sẽ giải quyết lo ngại kịp thời, sử dụng một quá trình dễ hiểu và minh bạch phù hợp về văn hóa và dễ dàng tiếp cận tới tất cả các phân nhóm của cộng đồng bị ảnh hưởng, và không có chi phí và không có sự trừng phạt đến đối tượng đưa ra khiếu nại. Cơ chế này không ngăn cản việc sử dụng các thủ tục hành chính và pháp lý. Khách hàng sẽ thông báo các cộng đồng bị ảnh hưởng về cơ chế này trong quá trình tham gia của cộng đồng.

Hướng dẫn 110. Nếu dự án có liên quan đến các yếu tố, khía cạnh và cơ sở hạ tầng vật chất được xác định cụ thể là có thể gây tác động môi trường và xã hội tiêu cực với Cộng đồng bị ảnh hưởng, thì ngoài các yêu cầu được nêu trong khoản 35 của Tiêu chuẩn hoạt động 1 về Truyền thông với bên ngoài, khách hàng nên xây dựng quy trình trong khuôn khổ dự án sao cho Cộng đồng bị ảnh hưởng có thể tiếp cận ngay, quy trình này phải cho phép tiếp nhận, giải quyết, và lưu/lập hồ sơ về các khiếu nại và thông tin từ các bên liên quan bên ngoài. Phải đảm bảo bí mật cho những người khiếu nại. Khách hàng nên đảm bảo để quy trình có thể được tiếp cận, thông hiểu dễ dàng

và được thông báo tới Cộng đồng bị ảnh hưởng biết. Khách hàng có thể tìm kiếm cách giải quyết khiếu nại dựa trên sự hợp tác với sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng. Nếu dự án không thể giải quyết khiếu nại, có thể phải để bên khiếu nại được tiếp xúc với chuyên gia bên ngoài hay các bên trung gian. Khách hàng nên biết về cơ chế tư pháp và hành chính được áp dụng trong nước đối với việc xử lý tranh chấp, và không nên cản trở các bên khác tiếp cận các cơ chế trên. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin và khiếu nại nên được lưu hồ sơ (ví dụ tên cá nhân hoặc tổ chức; thời gian và bản chất khiếu nại; việc triển khai các hoạt động sau đó; quyết định cuối cùng về khiếu nại; thời điểm và cách thức quyết định liên quan của dự án được thông tin đến bên khiếu nại; và liệu có biện pháp quản lý nào được triển khai để tránh lặp lại những quan ngại trên của bên liên quan trong tương lai), và thông báo lại cho Cộng đồng bị ảnh hưởng một cách định kỳ. Ngoài những yêu cầu trong Tiêu chuẩn hoạt động này, có thể xem thêm về yêu cầu đặc biệt đối với cơ chế khiếu nại trong Tiêu chuẩn hoạt động 2, 4, 5, và 7. Để có thêm hướng dẫn về cơ chế khiếu nại, nên xem ấn phẩm của IFC: Sự tham gia của bên liên quan: Cẩm nang về tập quán tốt cho các doanh nghiệp Kinh doanh ở các thị trường mới nổi và Giải quyết khiếu nại của Cộng đồng bị ảnh hưởng từ dự án (IFC, 2009). Xem thêm Hướng dẫn về Thiết kế và Áp dụng Cơ chế Khiếu nại dành cho Dự án Phát triển (CAO, 2008).

Hướng dẫn 111. Đối với các dự án lớn có vấn đề phức tạp tiềm năng, nên xây dựng và duy trì cơ chế khiếu nại vững chắc ngay sau khi bắt đầu quá trình đánh giá. Cơ chế này nên được thông báo cho Cộng đồng bị ảnh hưởng, và phải được thiết kế một cách phù hợp, dễ hiểu với Cộng đồng đó và được điều chỉnh dựa trên những thách thức về truyền thông mà Cộng đồng đó có thể gặp phải (ví dụ ngôn ngữ, trình độ học vấn, mức độ tiếp cận với công nghệ). Phải điều tra về khiếu nại để xác định cách thức phản hồi và hướng xử lý thích hợp. Trách nhiệm tiếp nhận và phản hồi với khiếu nại nên được giao cho nhân viên có kinh nghiệm và đủ năng lực trong cơ quan của khách hàng, và nên tách biệt với nhân viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, các hòm thư góp ý, các cuộc họp cộng đồng định kỳ và các biện pháp thông tin khác để tiếp nhận phản hồi cũng có thể phát huy tác dụng tốt. Cơ chế khiếu nại nên là bộ phận cấu thành của ESMS của dự án. Trong một số trường hợp, do hoàn cảnh đặc trưng của dự án, khách hàng có thể phải có sự tham gia của bên thứ ba độc lập như một

phần của quá trình xử lý khiếu nại.

Báo cáo đến cộng đồng bị ảnh hưởng

36. Khách hàng sẽ cung cấp báo cáo định kỳ cho cộng đồng bị ảnh hưởng trong đó mô tả tiến trình triển khai Kế hoạch hành động về các vấn đề có liên quan đến nguy cơ đang diễn ra hoặc tác động đến cộng đồng bị ảnh hưởng, và về các vấn đề mà quá trình tham vấn hoặc cơ chế khiếu nại đã xác định là mối quan tâm của những cộng đồng đó. Nếu chương trình quản lý dẫn tới những thay đổi quan trọng trong, hoặc những thay đổi thêm vào các biện pháp giảm nhẹ hoặc hành động được mô tả trong Kế hoạch hành động đối với các vấn đề liên quan đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, thì các biện pháp giảm thiểu cập nhật hoặc các hành động cũng sẽ được công bố. Tần suất của các báo cáo này sẽ tương ứng với mức độ quan tâm của các cộng đồng chịu ảnh hưởng nhưng không được ít hơn 1 lần 1 năm.

Hướng dẫn 112. Khách hàng nên có báo cáo cập nhật định kỳ cho Cộng đồng bị ảnh hưởng ít nhất một lần một năm về tiến độ triển khai các hạng mục cụ thể trong chương trình quản lý, bao gồm cả Kế hoạch hành động liên quan đến rủi ro hoặc tác động hiện có xảy ra với Cộng đồng bị ảnh hưởng. Nếu cần thiết, trong trường hợp việc điều chỉnh và cập nhật chương trình quản lý làm thay đổi rủi ro và tác động vật chất tới Cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng phải thông báo về những thay đổi này cho Cộng đồng bị ảnh hưởng. Ngoài ra, phải thông báo cho Cộng đồng bị ảnh hưởng biết về cách giải quyết các ý kiến hoặc khiếu nại của cộng đồng và tiếp tục đảm bảo sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng trong các hoạt động môi trường và xã hội của dự án.

Hướng dẫn 113. Khách hàng có thể cân nhắc việc sử dụng các báo cáo bên vững để thông báo về khía cạnh tài chính, môi trường và xã hội của các hoạt động, bao gồm cả các lĩnh vực có các hoạt động thành công và lĩnh vực tăng cường hoạt động tích cực của dự án, cũng như các lĩnh vực chưa đạt được kết quả và bài học được rút ra. Các sáng kiến về việc báo cáo, hướng dẫn, bao gồm cả các hướng dẫn chuyên ngành, và tập quán tốt đang xuất hiện ngày càng nhiều trong lĩnh vực này. Đáng chú ý nhất là Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (xem Danh mục tham khảo).

Phụ lục A

Thông tin nền về Tập quán Quốc tế được công nhận về Thực hiện và Biên soạn Báo cáo Kiểm toán Môi trường, Thông tin Tham chiếu và Mối liên hệ với Ví dụ

Kiểm toán môi trường là công cụ được dùng để xác định mức độ phù hợp của hoạt động, quá trình, thao tác, sản phẩm hay dịch vụ so với yêu cầu được quy định. Các yêu cầu được quy định được coi là tiêu chí kiểm toán. Đó là các yêu cầu được dùng để kiểm toán, và các yêu cầu này có thể thay đổi tùy theo nhu cầu/kết quả của kiểm toán. Các yêu cầu này có thể tập trung vào yếu tố môi trường (ví dụ là nước hoặc không khí), yêu cầu của một quy định cụ thể nào đó, yêu cầu của giấy phép hoặc yếu tố của hệ thống quản lý, có thể chỉ tập trung vào một khu vực địa lý có giới hạn (ví dụ nhà máy hoặc khu vực hoạt động cụ thể đang được xem xét mua) hoặc có thể được dùng để đánh giá hoạt động đang diễn ra hoặc đặc điểm hoặc hoạt động kinh doanh khác nếu cần. Tiêu chí và tổ chức hoặc thực thể được kiểm toán sẽ quyết định quy mô kiểm toán. Quy mô sẽ xác định những hạng mục được kiểm toán và (bảng định nghĩa) hạng mục nào sẽ không. Nên cân nhắc kỹ lưỡng quy mô để đảm bảo là những gì quan trọng với quy trình kiểm toán sẽ được xem xét trong quá trình kiểm toán.

Độc lập với quy mô kiểm toán, quá trình kiểm toán phải tuân thủ chặt chẽ quy trình kiểm toán để đảm bảo quy trình được kế hoạch, cung cấp nhân lực, và tiến hành theo cách thức thích hợp để sau này số liệu có thể được dùng một cách tự tin. Tự tin có nghĩa là khi kiểm toán cho thấy có sự khác biệt giữa những gì đáng lẽ xảy ra (yêu cầu) và những gì đang hoặc đã thực sự xảy ra (dựa trên quan sát, nghiên cứu ghi chép hoặc phỏng vấn những người cung cấp chứng cứ khách quan) thì kết quả trên có thể được tin chắc là trung thực và chính xác. Kết quả phải được chi tiết hóa trong báo cáo kiểm toán và tổng hợp lại trong kết luận kiểm toán. Thông thường chỉ có kết luận mới được những người yêu cầu kiểm toán ban đầu xem xét, và được dùng để ra quyết định. Vì vậy, điều quan trọng là phải tiến hành kiểm toán theo cách thức đảm bảo bên tiếp nhận kết luận có thể hoàn toàn tin tưởng vào nó.

ISO 19011 có quy định tốt về cách thức tiến hành kiểm toán và có thể tải về từ địa chỉ <http://www.iso.org/iso/home.htm> của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO). Như đã đề cập ở trên, báo cáo kiểm toán, và thông

thường chỉ có phần kết luận của kiểm toán là kết quả mấu chốt của kiểm toán môi trường. Nên điều chỉnh nội dung báo cáo tùy theo quy mô kiểm toán. Tuy vậy, những nét chính sau là ví dụ tốt về những gì có thể được đưa vào trong báo cáo kiểm toán môi trường.

Báo cáo tóm tắt: Luận bàn ngắn gọn về các vấn đề môi trường và sức khỏe và an toàn chuyên ngành nên quan tâm. Thông tin tóm tắt bổ sung có thể bao gồm các biện pháp giảm nhẹ và thứ tự ưu tiên, giá thành của biện pháp đó, và lịch trình đáp ứng. Phần này đôi khi do bên kiểm toán đưa ra, nhưng cũng có khi được dành cho các tổ chức “sở hữu” vấn đề quyết định vì các tổ chức này có ưu thế để có dữ liệu chính xác hơn. Việc bổ sung thông tin trên phụ thuộc vào yêu cầu của phần định nghĩa công việc đối với quá trình kiểm toán và phải được thống nhất trước khi tiến hành kiểm toán.

Quy mô kiểm toán: Miêu tả kiểm toán phải tập trung vào đâu (linh vực kiểm toán), nội dung kiểm toán (quy trình, tổ chức, hoạt động, v.v...), thời điểm bắt đầu và kết thúc hoạt động (liệu kiểm toán có xét đến một tháng, một năm hoặc toàn bộ các hoạt động từ lúc bắt đầu?).

Bối cảnh pháp lý: Bảng tổng hợp luật lệ, quy định, hướng dẫn, và chính sách về môi trường và sức khỏe và an toàn chuyên ngành của quốc gia, địa phương hoặc luật lệ, quy định, hướng dẫn, và chính sách khác được áp dụng đối với quy mô kiểm toán.

Quy trình Kiểm toán và Điều tra Khu vực: Miêu tả sơ bộ về phương pháp tiến hành kiểm toán. Thảo luận về việc đánh giá số liệu ghi chép, thăm dò khu vực, và hoạt động phỏng vấn; miêu tả kế hoạch lấy mẫu khu vực và kế hoạch kiểm tra hóa chất, điều tra tại chỗ, lấy mẫu môi trường và phân tích hóa chất và các phương pháp, nếu cần.

Kết luận và Linh vực cần chú ý: Thảo luận chi tiết về mọi linh vực sức khỏe và an toàn môi trường và chuyên ngành cần chú ý. Linh vực cần chú ý nên đề cập tới cả cơ sở hạ tầng và các hoạt động hiện có và sự nhiễm bẩn hoặc thiệt hại do các hoạt động trước đó, bao gồm cả môi trường bị ảnh hưởng và chất lượng môi trường, và

tới cả các khuyến nghị đối với việc tiếp tục điều tra và khắc phục, nếu cần. Báo cáo cũng có thể xem xét việc sắp xếp kết luận theo thứ tự ưu tiên từng hạng mục: hoạt động áp dụng ngay; hoạt động áp dụng giữa kỳ; và hoạt động lâu dài.

Kế hoạch Điều chỉnh, Chi phí và Lịch trình (CAP): Đối với mỗi lĩnh vực cần chú ý, báo cáo kiểm toán có thể bao gồm các chi tiết về các hoạt động điều chỉnh cần thiết để giảm nhẹ và lý do cần áp dụng. Nếu có, thì báo cáo nên chỉ định thứ tự ưu tiên cho các hoạt động, lập

dự trù chi phí cho việc áp dụng những hoạt động trên, và lịch trình áp dụng, nếu điều này được thống nhất giữa bên kiểm toán và bên bị kiểm toán. Lịch trình nên được khuyến nghị dựa trong khuôn khổ của các chi phí cơ bản được dự trù cho cơ sở hạ tầng đó.

Phụ lục: Nên bao gồm thông tin tham chiếu, bản sao các biểu phỏng vấn, mọi chi tiết liên quan mà quy trình kiểm toán chưa đề cập, và dữ liệu có được trong quá trình kiểm toán nhưng chưa được đề cập trực tiếp ở trên.

Phụ lục B

Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan (Nội dung mẫu)

Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan có chất lượng tốt nên:

- Miêu tả yêu cầu về quy chế, yêu cầu của bên cho vay, doanh nghiệp và các yêu cầu khác về tham vấn và công bố;
- Xác định và xếp thứ tự ưu tiên theo nhóm có liên quan chính, tập trung vào Cộng đồng bị ảnh hưởng;
- Cung cấp chiến lược và lịch trình chia sẻ thông tin và tham vấn với mỗi nhóm trên;
- Miêu tả nguồn lực và trách nhiệm để thực hiện các hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan;
- Miêu tả cách thức mà hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan được tích hợp vào trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp;
- Quy mô và mức độ chi tiết của kế hoạch nên được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của dự án (hoặc hoạt động của công ty).

Giới thiệu

Miêu tả sơ bộ về dự án (hoặc hoạt động của công ty) bao gồm các yếu tố thiết kế và các vấn đề môi trường và xã hội tiềm năng. Nếu có điều kiện thì cung cấp thêm bản đồ địa điểm dự án và khu vực xung quanh.

Quy định và Yêu cầu

Tổng hợp các yêu cầu về luật pháp, quy chế, yêu cầu của bên cho vay, hoặc yêu cầu của doanh nghiệp gắn liền với sự tham gia của các bên liên quan được áp dụng đối với dự án hoặc hoạt động của doanh nghiệp. Điều

này có thể bao gồm các yêu cầu về tham vấn công chúng và công bố thông tin liên quan tới quá trình đánh giá môi trường và xã hội.

Tổng kết các hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan cho đến thời điểm đó. Nếu doanh nghiệp đã có các hoạt động trước đó, bao gồm cả việc công bố thông tin và /hoặc tham vấn thì cung cấp thêm chi tiết sau:

- Loại thông tin được công bố, hình thức công bố (thông báo miệng, tài liệu giới thiệu, báo cáo, áp-phích, đài phát thanh, v.v..) và được công bố thế nào;
- Địa điểm và ngày tháng của các cuộc gặp được tổ chức cho đến thời điểm đó;
- Cá nhân, nhóm, và/hoặc tổ chức được tham vấn.
- Vấn đề chính được thảo luận và mối quan ngại chính được nêu;
- Doanh nghiệp phản hồi thế nào về các vấn đề được nêu, bao gồm mọi cam kết hoặc hành động sau đó;
- Quá trình được áp dụng để lưu hồ sơ về các hoạt động trên và báo cáo lại với các bên liên quan.

Các bên liên quan của dự án

Liệt kê các nhóm liên quan chính của dự án sẽ được công bố thông tin và tham vấn về dự án (hoặc hoạt động của doanh nghiệp). Danh sách nên bao gồm các cá nhân và nhóm:

- Bị tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ dự án (hoặc hoạt động của doanh nghiệp);
- Có “lợi ích” từ dự án hoặc công ty mẹ để được xác định là bên liên quan;

- Có tiềm năng tác động tới kết quả dự án hoặc hoạt động của công ty (ví dụ về bên liên quan tiềm năng là Cộng đồng bị ảnh hưởng, các tổ chức địa phương, tổ chức phi chính phủ, và cơ quan chính phủ, nhóm tôn giáo, các cơ quan môi trường và xã hội của quốc gia và của khu vực công, và truyền thông).

Chương trình có sự tham gia của bên liên

Tổng hợp mục đích và mục tiêu của chương trình (của riêng dự án hoặc của doanh nghiệp).

Miêu tả sơ bộ thông tin gì sẽ được công bố, hình thức thông tin, và phương pháp được áp dụng để truyền tải thông tin trên tới mỗi nhóm liên quan được xác định trong phần 4 ở trên. Các phương pháp áp dụng có thể khác nhau tùy theo đối tượng, ví dụ:

- Báo chí, áp-phích, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình;
- Trung tâm thông tin và triển lãm hoặc các cách trình bày bằng hình ảnh khác;
- Tài liệu giới thiệu, tờ rơi, áp-phích, tài liệu và báo cáo tóm tắt phi kỹ thuật.

Miêu tả sơ bộ về phương pháp tham vấn mỗi nhóm liên quan được xác định trong phần 4. Các phương pháp có thể khác nhau tùy theo đối tượng, ví dụ:

- Phòng vấn đại diện các bên liên quan và các bên cung cấp thông tin chính;
- Điều tra, thăm dò ý kiến, và bảng câu hỏi;
- Cuộc gặp, hội thảo với công chúng và/hoặc điều tra nhóm với các nhóm cụ thể;
- Các phương pháp tham gia;
- Các cơ chế truyền thống khác về tham vấn và quyết định

Miêu tả các quan điểm của nữ giới và các nhóm nhỏ (ví dụ dân tộc thiểu số, người cao tuổi, giới trẻ, v.v...) được xem xét thế nào trong quá trình.

Miêu tả mọi hoạt động tham gia khác sẽ được thực hiện, bao gồm cả quá trình tham gia, quyết định chung, và/hoặc sự hợp tác với cộng đồng địa phương, NGO, hoặc các bên liên quan khác của dự án. Ví dụ bao gồm các chương trình chia sẻ lợi ích, sáng kiến phát triển bên liên quan, chương trình tái định cư và phát triển, và/hoặc chương trình đào tạo và tín dụng quy mô nhỏ.

Lịch trình

Cung cấp thời gian biểu xác định thời điểm/chu kỳ và

địa điểm đối với các hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm tham vấn, công bố, và hợp tác và thời hạn để các hoạt động trên được tích hợp vào hệ thống quản lý của doanh nghiệp (ở cấp độ của dự án hoặc doanh nghiệp).

Nguồn lực và Trách nhiệm

Nêu rõ nhân viên và nguồn lực nào được dành cho việc quản lý và thực hiện Chương trình có sự Tham gia của Bên liên quan của doanh nghiệp.

Ai trong nội bộ công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện những hoạt động trên? Nguồn ngân sách được dành cho các hoạt động trên là thế nào?

Đối với các dự án (hoặc các hoạt động của doanh nghiệp) có tác động đáng kể hoặc tiêu cực và có nhiều nhóm có liên quan, tập quán tốt cho doanh nghiệp là nên thuê một hoặc nhiều Sĩ quan Liên lạc với Bên liên quan đủ năng lực để tổ chức và thực hiện các hoạt động trên ở cấp độ dự án và/hoặc doanh nghiệp. Việc tích hợp chức năng liên lạc với bên liên quan vào trong số các chức năng kinh doanh chính cũng quan trọng như việc lãnh đạo tham gia và theo dõi quá trình.

Cơ chế khiếu nại

Miêu tả quá trình cho phép những người bị dự án (hoặc hoạt động của dự án) gây ảnh hưởng có thể khiếu nại với doanh nghiệp để doanh nghiệp xem xét và xử lý. Ai sẽ tiếp nhận khiếu nại, các khiếu nại đó sẽ do ai xử lý và xử lý thế nào, và sẽ được phản hồi lại thế nào với người khiếu nại.

Giám sát và Báo cáo

Miêu tả mọi kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan với dự án (bao gồm Cộng đồng bị ảnh hưởng) hoặc sự giám sát của bên thứ ba trong quá trình giám sát tác động của dự án và giám sát chương trình giám nhẹ.

Miêu tả khi nào và bằng cách nào kết quả của các hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan sẽ được báo cáo lại với Cộng đồng bị ảnh hưởng cũng như với các nhóm liên quan diện rộng.

Ví dụ bao gồm các báo cáo đánh giá môi trường và xã hội; bản tin của doanh nghiệp; báo cáo giám sát hàng năm dành cho các bên cho vay, báo cáo thường niên của doanh nghiệp, báo cáo bền vững của doanh nghiệp.

Chức năng Quản lý

Các hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan được tích hợp thế nào vào ESMS của doanh nghiệp và vào các chức năng kinh doanh chính khác?

Ai sẽ quản lý chung về dự án?

Kế hoạch về thuê, đào tạo, và triển khai nhân viên thực hiện sự tham gia của các bên liên quan là thế nào?

Tuyến báo cáo giữa nhân viên liên lạc với bên liên quan

và lãnh đạo cấp cao thế nào?

Chiến lược có sự tham gia của các bên liên quan sẽ được thông báo trong nội bộ thế nào?

Công cụ quản lý nào được sử dụng để lưu hồ sơ, tra cứu, và quản lý quá trình (ví dụ cơ sở dữ liệu về các bên liên quan, tài liệu đăng ký cam kết, v.v...)?

Đối với những dự án hoặc hoạt động doanh nghiệp có liên quan đến nhà thầu, mối liên hệ giữa nhà thầu và các bên liên quan địa phương sẽ được quản lý thế nào để đảm bảo quan hệ tốt?

Phụ lục C

Ví dụ về Tiêu chí và Phương pháp Thẩm tra của Quá trình Thẩm vấn và Tham gia trên cơ sở được Thông tin đầy đủ

Các yếu tố cần xem xét	Ví dụ về phương pháp thẩm tra
Chiến lược doanh nghiệp, chính sách, nguyên tắc tham gia Chiến lược, chính sách, hoặc nguyên tắc tham gia đối với các bên liên quan hiện tại, với phần nội dung dành riêng cho Cộng đồng bị ảnh hưởng và các tiêu chuẩn liên quan.	Chiến lược, chính sách hoặc nguyên tắc và các tài liệu hỗ trợ khác.
Xác định và phân tích các bên liên quan Một phần của quá trình đánh giá môi trường và xã hội là việc xác định mọi Cộng đồng bị ảnh hưởng, chia nhóm cộng đồng (về số lượng, địa điểm) tùy theo mức độ dễ bị ảnh hưởng bởi tác động và rủi ro tiêu cực của dự án, và phân tích hậu quả của tác động và rủi ro tiêu cực đối với mỗi nhóm. Trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội, việc phân tích phải xét tới các cộng đồng và cá nhân sẽ hưởng lợi từ dự án.	Tài liệu phân tích các bên liên quan trong SEIA và SEA. Tài liệu kế hoạch của khách hàng đối với sự tham gia của các bên liên quan, ví dụ chiến lược truyền thông, kế hoạch tham vấn, Kế hoạch Tham vấn Công chúng và Công bố Thông tin, và kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan.
Sự tham gia của các bên liên quan Là sự tham vấn diễn ra trong quá trình kế hoạch của dự án (bao gồm cả quá trình đánh giá môi trường và xã hội), ví dụ như: (i) Cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia: (a) xác định tác động và rủi ro tiềm năng; (b) đánh giá hậu quả của các tác động và rủi ro trên đối với tính mạng cộng đồng; và (c) đóng góp ý kiến đối với các biện pháp giảm nhẹ, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển và các vấn đề trong thực hiện; và (ii) cộng đồng tham gia tham vấn về các tác động và rủi ro mới phát hiện trong quá trình kế hoạch và đánh giá.	Lịch trình và hồ sơ lưu của khách hàng về sự tham gia của các bên liên quan. Hồ sơ lưu của khách hàng về quá trình thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan, các bên cung cấp thông tin chính, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ (ví dụ phụ nữ, dân tộc thiểu số).

<p>Công bố thông tin Khách hàng kịp thời công bố thông tin về dự án cho Cộng đồng bị ảnh hưởng về (i) mục đích, tính chất, và quy mô dự án; (ii) thời gian kéo dài của các hoạt động dự kiến của dự án; (iii) mọi rủi ro và tác động tiềm năng đối với các cộng đồng trên và các biện pháp giảm nhẹ; (iv) quá trình tham gia của các bên liên quan dự kiến; và (v) cơ chế khiếu nại. Công bố thông tin phải được tiến hành bằng phương thức dễ hiểu và có ý nghĩa.</p>	<p>Tài liệu của khách hàng được chuẩn bị cho việc công bố và tham vấn. Hồ sơ lưu của khách hàng về việc thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan; các bên cung cấp thông tin được tôn trọng, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ.</p>
<p>Tham vấn Tự nguyện Chứng cứ từ Cộng đồng bị ảnh hưởng là khách hàng hoặc các đại diện của khách hàng không ép buộc, đe dọa hoặc khuyến khích một cách không đúng mức để cộng đồng bị ảnh hưởng ủng hộ dự án.</p>	<p>Hồ sơ lưu của khách hàng về thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan, các bên cung cấp thông tin được tôn trọng, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ.</p>
<p>Từ trước Việc tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng phải được tiến hành từ giai đoạn sớm của kế hoạch dự án (i) để có đủ thời gian hiểu và góp ý cho thông tin dự án, và đủ thời gian hình thành và thảo luận các khuyến nghị; (ii) để tham vấn có thể có ảnh hưởng có ý nghĩa đối với phương án lựa chọn diện rộng của dự án (ví dụ khu vực, địa điểm, tuyến đường, thứ tự; và lịch trình); (iii) để tham vấn có thể có ảnh hưởng có ý nghĩa với sự lựa chọn và thiết kế các biện pháp giảm nhẹ, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và triển khai dự án.</p>	<p>Hồ sơ lưu của khách hàng về thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan, các bên cung cấp thông tin được tôn trọng, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ.</p>
<p>Thông tin đầy đủ Tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng về hoạt động, các rủi ro và tác động tiềm năng của dự án, dựa trên việc công bố thông tin liên quan của dự án một cách thỏa đáng, và sử dụng các phương pháp thông tin thích hợp cho nhiều đối tượng (tức là tính đến các cấp độ bị tổn thương khác nhau), phù hợp về văn hóa, và được điều chỉnh để cộng đồng có thể tiếp thu và quyết định, và để thành viên cộng đồng hiểu rõ dự án sẽ ảnh hưởng thế nào đến cuộc sống của họ.</p>	<p>Hồ sơ lưu của khách hàng về thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan, các bên cung cấp thông tin được tôn trọng, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ.</p>
<p>Sự tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ Chứng cứ xác nhận khách hàng tổ chức tham vấn một cách có hệ thống để khách hàng có quyết định cụ thể về việc tiếp thu quan điểm của Cộng đồng bị ảnh hưởng đối với các vấn đề tác động trực tiếp tới cộng đồng, ví dụ như phòng tránh hoặc giảm thiểu tác động, các biện pháp giảm nhẹ, chia sẻ cơ hội và lợi ích dự án, và các vấn đề trong triển khai.</p>	<p>Lịch trình và hồ sơ lưu của khách hàng về sự tham gia của các bên liên quan. Hồ sơ lưu của khách hàng về các biện pháp phòng tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng để phản hồi về ý kiến nhận được từ các bên liên quan trong quá trình tham vấn.</p>

Các yếu tố cần xem xét	Ví dụ về phương pháp thẩm tra
<p>Các nhóm dễ bị tổn thương - Tham vấn và Giảm nhẹ</p> <p>Chúng có về việc các cá nhân và nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương bởi tác động và rủi ro tiêu cực của dự án đã đóng góp vào tham vấn hiệu quả một cách tự nguyện, từ trước, và được thông tin đầy đủ, và đóng góp vào quá trình tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ, và chúng có xác nhận tác động tiềm năng và rủi ro tiềm năng hoặc gia tăng sẽ được giảm nhẹ xuống mức đủ để làm hài lòng các bên.</p>	<p>Phân tích của bên có liên quan trong SEIA hoặc SEA hoặc dữ liệu kỳ gốc về kinh tế và xã hội.</p> <p>Hồ sơ lưu của khách hàng về sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm hồ sơ lưu về việc thảo luận với đại diện hợp pháp của các nhóm dễ bị tổn thương.</p> <p>Tài liệu của khách hàng về các biện pháp được áp dụng để phòng tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đối với các nhóm dễ bị tổn thương để phản hồi về các ý kiến nhận được trong quá trình tham vấn.</p> <p>Dự thảo về Kế hoạch Hành động liên quan.</p>
<p>Cơ chế Khiếu nại – Cơ cấu, Quy trình và Thực hiện</p> <p>Quy trình về cơ chế khiếu nại hiệu quả là quy trình hoạt động đầy đủ (i) trong suốt quá trình đánh giá môi trường và xã hội; và (ii) thích hợp với giai đoạn vận hành của dự án để có thể tiếp nhận và xử lý mối quan ngại của Cộng đồng bị ảnh hưởng về hoạt động môi trường và xã hội của khách hàng. Cơ chế nên phù hợp về văn hóa, và để mọi thành phần của Cộng đồng bị ảnh hưởng có thể tiếp cận dễ dàng và sử dụng mà không hề phải chịu chi phí hoặc bị báo thù.</p>	<p>Cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của khách hàng, và quy trình quản lý khiếu nại.</p> <p>Hồ sơ lưu của khách hàng về tiếp thu và xử lý khiếu nại đối với dự án, bao gồm thể hiện tán thành hoặc bất đồng.</p> <p>Hồ sơ lưu của khách hàng về thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan, các bên cung cấp thông tin được tôn trọng, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ.</p>
<p>Phản hồi với Cộng đồng bị ảnh hưởng</p> <p>Hồ sơ lưu chứng minh khách hàng đã thông báo kết quả tham vấn cho Cộng đồng bị ảnh hưởng, và đã (i) cho thấy ý kiến và khuyến nghị của Cộng đồng bị ảnh hưởng đã được tích hợp thể nào trong thiết kế dự án, các biện pháp giảm nhẹ, và/hoặc chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển; hoặc (ii) cung cấp giải trình tại sao các ý kiến và khuyến nghị trên không được giải quyết.</p>	<p>Hồ sơ lưu của khách hàng về sự tham gia của các bên liên quan.</p> <p>Hồ sơ lưu của khách hàng về các biện pháp được áp dụng để phòng tránh hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng.</p> <p>Thảo luận với đại diện được công nhận của các bên liên quan, các bên cung cấp thông tin được tôn trọng, và đại diện hợp pháp của các nhóm nhỏ.</p> <p>Báo cáo tiếp diễn của khách hàng về việc thực hiện các Kế hoạch hành động liên quan.</p> <p>Chương trình quản lý hoặc Kế hoạch hành động được sửa đổi.</p>

Khách hàng cũng có thể dùng điều tra nhận thức để đặt câu hỏi với các Cộng đồng bị ảnh hưởng và đề nghị cộng đồng có phản hồi.

Tài liệu tham khảo

Hiệp định quốc tế và nhân quyền quốc tế

Một số các yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn Thực hiện số 1 là dựa trên các nguyên tắc được thể hiện trong các hiệp định quốc tế và các hướng dẫn liên quan. Ngoài các công ước nhân quyền quốc tế như trong Chú ý số 2, Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật xây dựng chi tiết các quyền của người khuyết tật và đặt ra tiêu chuẩn để thực hiện. Các thỏa thuận quốc tế được đề cập ở cuối các Hướng dẫn khác.

UNECE (Ủy ban Kinh tế Liên Hợp Quốc của châu Âu). Năm 1991. “Công ước về đánh giá tác động môi trường trong bối cảnh xuyên biên giới”. UNECE, Geneva. <http://www.unece.org/env/eia/eia.htm>. Công ước Espoo đưa ra các nghĩa vụ chung của các quốc gia nhằm lưu ý và tham vấn lẫn nhau trong tất cả các dự án lớn đang được xem xét và có khả năng tác động môi trường tiêu cực xuyên ranh giới.

UNECE (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc) và Chương trình Môi trường Caspian. Năm 2003. “Hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường trong bối cảnh xuyên ranh giới ở khu vực biển Caspi”. UNEP, Geneva, và Chương trình Môi trường Caspian, Tehran, <http://unece.org/env/eia/publications19.html>. Các hướng dẫn từng bước cung cấp khung làm việc dựa trên khu vực địa lý để đánh giá tác động môi trường trong bối cảnh xuyên ranh giới.

Liên Hợp Quốc. Năm 2006. “Công ước về Quyền của Người khuyết tật” Liên Hiệp Quốc, New York. <http://www.un.org/disabilities/convention/conventionfull.shtml>. Xem thêm “Nghị định thư bổ sung của Công ước về Quyền của Người khuyết tật. <http://www.un.org/disabilities/convention/optprotocol.shtml>.

Các nguồn của IFC và Ngân hàng Thế giới

CAO (Văn phòng của Cố vấn về việc Tuân thủ/ Ombudsman). 2008a. Hướng dẫn thiết kế và thực hiện cơ chế khiếu nại cho các dự án phát triển. “Hướng dẫn Tư vấn, CAO, Washington, DC. <http://www.cao-ombudsman.org/howwework/advisor/documents/implemgrieveng.pdf>.

2008b. “Tham gia Giám sát nguồn nước: Hướng dẫn phòng ngừa và quản lý xung đột.” Tư vấn, CAO, Washington, DC. <http://www.cao-ombudsman.org/howwework/advisor/documents/watermoneng.pdf>.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). Năm 2003. “Giải quyết yếu tố xã hội trong các dự án khu vực tư nhân.” Ghi chú Tập quan tốt số 3, IFC, Washington, DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/Publications_GPN_SocialDimensions. Ghi chú này hướng dẫn học viên thực hiện đánh giá tác động xã hội ở cấp dự án cho các dự án IFC tài trợ.

Năm 2006. “Chính sách về việc Công bố thông tin.” IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/con>

tent/envsocstandards#disclosure. Tài liệu này xác định nghĩa vụ cung cấp thông tin của IFC về bản thân IFC và các hoạt động của tổ chức này.

Năm 2007. Sự tham gia của các bên liên quan: Sổ tay hướng dẫn thực hành cho các công ty kinh doanh tại thị trường mới nổi. Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/publications_Handbook_stakeholderengagement. Sổ tay với 201 trang giải thích cách tiếp cận mới và các hình thức tham gia của các cộng đồng địa phương, bao gồm cả hướng dẫn về cơ chế khiếu nại.

2009a. “Giải quyết Khiếu nại của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi Dự án” Ghi chú Thực hành số 7, IFC, Washington, DC. http://ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/Publications_GPNGrievances. Ghi chú này hướng dẫn cho các dự án và các công ty về cơ chế khiếu nại.

2009b. “Giới thiệu về Đánh giá tác động sức khỏe.” IFC, Washington, DC. http://ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/publications_handbook_healthimpactassessment. Tài liệu này nhằm mục đích cung cấp hướng dẫn những thực tiễn tốt để thực hiện đánh giá tác động sức khỏe để xác định các tác động tiềm tàng đối với sức khỏe cộng đồng trong kết quả của dự án phát triển.

2009c. “Lồng ghép giới vào các dự án ngành công nghiệp Khai khoáng.” Ngành công nghiệp Khai khoáng và chủ ý Hướng dẫn phát triển số 9. IFC, Washington, DC. Tài liệu này dành cho các nhà lãnh đạo nhóm, cung cấp hướng dẫn kỹ thuật chi tiết về cách thức và thời điểm tích hợp giới vào thiết kế, thực hiện, và giám sát dự án công nghiệp khai khoáng Ngân hàng Thế giới.

2009d. Dự án và nhân dân: sổ tay giải quyết các vấn đề tăng lượng dân di cư do dự án gây, Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/publications_handbook_immigration. Cuốn cẩm nang trình bày hướng dẫn duy nhất về đánh giá và quản lý rủi ro trong di cư.

2010a. “Hướng dẫn quy trình rà soát về môi trường và xã hội” IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/envsocstandards#esrp>. Cuốn sách này cung cấp các hướng dẫn để các cán bộ của IFC thực hiện chính sách bền vững và rà soát việc tuân thủ và thực hiện các dự án khu vực tư nhân.

2010b. Đầu tư Cộng đồng Chiến lược: Sổ tay hướng dẫn thực tiễn tốt cho các công ty kinh doanh trong thị trường mới nổi. Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/publications_handbook_communityinvestment. Cuốn sổ tay 144 trang giúp cung cấp cho người đọc những ứng dụng thực tế.

Ngân hàng Thế giới 2001a, Nguồn và thông tin cập nhật Đánh giá môi trường. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. <http://go.worldbank.org/D10M0X2V10>. Cuốn sách được thiết kế để hỗ

trợ tất cả những người liên quan trong việc đánh giá môi trường. Sách cung cấp tư vấn hỗ trợ thông qua các cuộc thảo luận, tóm tắt các chính sách của Ngân hàng có liên quan, và phân tích các chủ đề khác ảnh hưởng đến thực hiện dự án về môi trường.

2001b. “Đường thủy Quốc tế.” Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. <http://go.worldbank.org/RKU8MDSGV0>. Trang web này cung cấp đường dẫn liên kết đến các chính sách hoạt động số 7.50 và Thủ tục Ngân hàng số 7.50, trong đó mô tả chính sách cho các dự án có thể liên quan đến việc sử dụng hoặc ô nhiễm của đường thủy quốc tế.

Các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận về hệ thống quản lý chính thức về Môi trường, Y tế và An toàn, và Xã hội

Ủy ban châu Âu, năm 1995. Hệ thống Quản lý sinh thái và Kiểm toán. Năm 1995. Ủy ban châu Âu, Brussels. http://ec.europa.eu/environment/emas/index_en.htm. Công cụ tự nguyện này ghi nhận các tổ chức liên tục cải thiện hoạt động vì môi trường.

ISO (Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế). Năm 2004. “ISO 14000 Essentials.” ISO, Geneva. ISO 14001, hệ thống quản lý môi trường (EMS), giải quyết nhu cầu về hệ thống quản lý môi trường có khả năng hỗ trợ một tổ chức xây dựng chính sách và mục tiêu trong khi vẫn thực hiện yêu cầu pháp lý và thông tin về những tác động môi trường đáng kể. ISO 14004:2004 cung cấp hướng dẫn chung về hệ thống quản lý môi trường.

Năm 2001. “TC207: Quản lý môi trường” ISO, Geneva. <http://www.tc207.org/fag.asp>. Các câu hỏi thường gặp (FAQs) có thể giúp người đọc tìm hiểu về tiêu chuẩn kỹ thuật 207 là tiêu chuẩn đang phụ trách phát triển loạt tiêu chuẩn quản lý môi trường ISO 14000. Tài liệu cung cấp thông tin hữu ích về tiêu chuẩn hóa quản lý môi trường.

OHSAS (Tập đoàn Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp). Năm 2013. “Sức khỏe nghề nghiệp và khu vực an toàn OHSAS 1001.” OHSAS, Cheshire, Anh <http://www.ohsas-18001-occupational-health-and-safety.com/>. Nguồn thông tin về an toàn sức khỏe nghề nghiệp quốc tế quy định cụ thể các chính sách và thủ tục để giảm thiểu rủi ro cho người lao động và cải thiện sức khỏe lao động và các hệ thống quản lý an toàn.

SAI (Trách nhiệm xã hội quốc tế). Năm 2008. “Trách nhiệm xã hội 8000” , SAI, New York [Http://www.sai-intl.org/_data/n_0001/resources/live/2008stdenglishfinal.pdf](http://www.sai-intl.org/_data/n_0001/resources/live/2008stdenglishfinal.pdf). Hệ thống tiêu chuẩn này đảm bảo nơi làm việc của con người và cung cấp các tiêu chuẩn và hướng dẫn về bảo vệ các quyền con người cơ bản của người lao động.

Hướng dẫn và hỗ trợ chứng nhận của cơ quan chứng nhận và cơ quan xác nhận quốc gia.

IAF (Diễn đàn công nhận quốc tế). Trang chủ. Diễn đàn công nhận quốc tế, Cherrybrook, Úc. <http://www.iaf.nu/>. Trang web này cung cấp chi tiết của cơ quan công nhận quốc gia và các cơ quan chứng nhận thế giới.

Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trong việc thực hiện hệ thống quản lý môi trường (EMS).

EMAS (Quản lý môi trường và Kiểm toán). Năm 2011. “Bộ công cụ EMAS cho các tổ chức nhỏ.” EMAS, Paris. <http://ec.europa.eu/environment/emas/toolkit/>. Một bộ công cụ EMAS cho các tổ chức nhỏ có sẵn tại trang web của Ủy ban châu Âu.

EMASeasy. Năm 2011 “EMAS “giản đơn” cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.” Paris <http://www.emas-easy.eu>. Trang web này cung cấp khuôn khổ làm việc của châu Âu đối với việc thực hiện EMAS trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cơ quan Môi trường châu Âu. Năm 1999. Công cụ quản lý môi trường cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ: Sách hướng dẫn. Copenhagen: Cơ quan châu Âu về môi trường. <http://www.eea.europa.eu/publications/GH-14-98-065-EN-C>. Bản báo cáo có sẵn trên trang web.

IEMA (Viện quản lý và đánh giá môi trường). Năm 2011. “Đề án Acorn IEMA” IEMA, Lincoln, Vương quốc Anh http://www.iema.net/ems/acorn_scheme. Trang web này cung cấp mô hình của Anh cho phương pháp tổ chức thực hiện một EMS cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Xem bảng tính ACORN, bộ công cụ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có sẵn tại http://www.iema.net/ems/acorn_scheme/acorndownloads.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). Năm 2011. Tạo ra một hệ thống quản lý môi trường (EMS). ICF, Washington, DC. http://smetoolkit.org/smetoolkit/en/content/en/279_creating-an-environmental-management-system-ems-. Cục Tư vấn doanh nghiệp IFC phát triển một bộ công cụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ về trách nhiệm môi trường và về việc tạo ra một EMS.

INEM (Mạng lưới quốc tế Quản lý môi trường). Năm 2011. “Công cụ Web.” Inem, Hamburg, Đức. <http://www.inem.org/default.asp?menu=94>. Inem đã phát triển một số công cụ trực tuyến để hỗ trợ các tổ chức trong việc thực hiện EMSs.

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc). ICC (Phòng Thương mại quốc tế), và FIDIC (Liên đoàn quốc tế của kỹ sư tư vấn). Năm 2011. “Hệ thống Quản lý và Biện pháp Bảo vệ môi trường “ UNEP, Nairobi, ICC, Paris, và FIDIC, Geneva. <http://uneptie.org/scp/business/emp/> và <http://www1.fidic.org/resources/globalcompact/>. Cung cấp một bộ dụng cụ đào tạo trong EMS.

Hướng dẫn về Thực tiễn Quốc tế tốt nhất cho việc Phát triển Nghiên cứu và Đánh giá tác động Môi trường và Xã hội.

EPA (Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ). “NEPA (Đạo luật Chính sách môi trường quốc gia) Chính sách và Hướng dẫn.” EPA, Washiton, Dc. <http://www.epa.gov/compliance/resources/policies/nepa/index.html>.

Ủy ban châu Âu. Năm 2011. “Đánh giá tác động môi trường.” Tổng cục Môi trường, Ủy ban châu Âu, Brussels, <http://ec.europa.eu/environment/eia/eia-support.htm>.

Ủy ban châu Âu, Trung tâm nghiên cứu hỗn hợp, 2010. “Công cụ IA” <http://iatools.irc.ec.europa.eu/bin/view/IQTool/Web-home.htm>. Là trang web trực tuyến có kho lưu trữ thông tin, hướng dẫn, và thực tiễn tốt nhất cho việc đánh giá tác động của chính sách mới và các điều luật.

IAIA (Hiệp hội quốc tế về đánh giá tác động). Năm 2011. Trang chủ. IAIA, Fargo, ND. <http://www.iaia.org/publications/>. Trang web này là diễn đàn để thúc đẩy sáng tạo, phát triển, và trao đổi thông tin về thực tiễn tốt nhất trong việc đánh giá tác động.

IEMA (Viện quản lý và đánh giá môi trường). Năm 2011. Trang chủ. IEMA, Lincoln, Vương quốc Anh. Tổ chức phi lợi nhuận được thành lập để thúc đẩy các tiêu chuẩn áp dụng thực tiễn tốt nhất trong quản lý kiểm toán, và đánh giá môi trường. <http://www.iema.net/>.

Ủy ban Đánh giá Môi trường Hà Lan. Năm 2011. Trang chủ. Ủy ban Đánh giá môi trường, Utrecht, Hà Lan. <http://www.veia.nl/>. Tổ chức này sẽ giúp giúp các Bộ, ngành, chuyên gia đánh giá môi trường, các tổ chức phi chính phủ áp dụng các tập quán tốt hơn về đánh giá môi trường.

Hướng dẫn về đánh giá môi nguy hiểm và rủi

EEA (Cơ quan Môi trường châu Âu). Năm 2011. Đánh giá rủi ro môi trường. Phương pháp tiếp cận, kinh nghiệm, và các nguồn thông tin. Copenhagen: EEA. <http://www.eea.europa.eu/publications/GH-07-97-595-EN-C2>

EPA (Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ). Năm 2011. “Đánh giá rủi ro” EPA, Washington, DC. <http://www.epa.gov/risk/>. Trang web này cung cấp thông tin cơ bản về đánh giá rủi ro môi trường đối với công chúng. Ngoài ra, trang web cung cấp các liên kết đến các công cụ, hướng dẫn quan trọng của EPA.

HSE (Tóm tắt về Điều hành Sức khỏe và An toàn). Năm 2011. “Hướng dẫn của chuyên gia”. HSE, Merseyside, Anh. <http://www.hse.gov.uk/risk/expert.htm>. Trang web cung cấp hướng dẫn hữu ích về đánh giá rủi ro cho sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động liên quan đến nghề.

ISO (Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế). Năm 2011. Trang chủ. ISO, Geneva. <http://www.iso.org/iso/home.htm>. Trang web để cập đến một số tiêu chuẩn liên quan đến đánh giá rủi ro và nguy hiểm (bao gồm cả đánh giá an toàn) và quản lý rủi ro, chẳng hạn tiêu chuẩn ISO 31000:2009 về quản lý rủi ro: Nguyên tắc và hướng dẫn, cùng với một số tiêu chuẩn ngành.

Ngân hàng Thế giới. Năm 1997. “Đánh giá Nguy hiểm và Rủi ro Môi trường” Sách đánh giá môi trường Cập nhật ngày 21 tháng 12: 1 - 10.

Các Hướng dẫn bổ sung

Hội nghị Kiểm toán bản tròn. Năm 2011. Trang chủ. Hội nghị Kiểm toán bản tròn. Scottsville, AZ. [\[roundtable.org/fw/main/home-1.html\]\(http://roundtable.org/fw/main/home-1.html\). Các tổ chức chuyên nghiệp cho thực tiễn phát triển và chuyên môn của kiểm toán môi trường, sức khỏe và an toàn.](http://www.auditing-</p></div><div data-bbox=)

Nhóm công tác đánh giá tác động môi trường tích lũy và Tư vấn môi trường AXYS 1999. “Hướng dẫn đánh tác động ứng tích lũy”. Cơ quan Đánh giá môi trường của Canada, Ontario. <http://www.ceaa-acee.gc.ca/default.asp?lang=En&n=43952694-1-8&toc=show>. Cuốn sách này là một tài liệu tham khảo tốt cho các đơn vị thực hành về đánh giá tác động tích lũy.

DIHR (Viện Nhân quyền Đan Mạch). Năm 2011. “Nhân quyền và Kinh doanh: Đánh giá tuân thủ quyền con người” DIHR, Copenhagen. http://www.humanrightsbusiness.org/?f=compliance_assessment. Trang web này bao gồm chương trình HRCA 2.0, là một công cụ chẩn đoán tự đánh giá để tìm ra rủi ro về quyền con người trong hoạt động kinh doanh.

EITI (Sáng kiến Các nền kinh tế minh bạch). Năm 2005. “Sách nguồn” EITI, Oslo. <http://www.eitransparency.org/Userfiles/file/keydocuments/sourcebookmarch05.pdf>. Sáng kiến này hỗ trợ việc cải thiện quản trị ở các nước giàu tài nguyên thông qua việc công bố đầy đủ và xác nhận thanh toán của doanh nghiệp và nguồn thu ngân sách Nhà nước từ dầu, khí đốt, và khai thác mỏ.

GRI (Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu). 2011a. “Hướng dẫn GRI và Bổ sung Ngành” GRI, Amsterdam. <http://www.globalreporting.org/reportingframework>. Hướng dẫn đưa ra khung làm việc cho báo cáo về các hoạt động bền vững của các tổ chức.

2011b. “Bộ tiêu chuẩn chỉ số: Quyền con người” GRI, Amsterdam. http://www.globalreporting.org/nr/rdonlyres/bca9ac58-153f-409b-a59e-51779b9bb330/0/g31humanrightsindicator_protocol.pdf GRI 3.1 bao gồm 11 chỉ số về quyền con người.

IAP2 (Hiệp hội Quốc tế về sự tham gia của công chúng). Năm 2006. “Bộ công cụ tham gia công chúng” IAP2, công tyTNHH Thornton. http://www.iap2.org/associations/4748/files/06Dec_toolbox.pdf.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). Năm 2007. Hướng dẫn chung về Môi trường, Sức khỏe, và an toàn. Washington, DC: IFC. [http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachments-bytitle/gui_EHSGuidelines2007_GeneralEHS/\\$File/final+-+General+EHS+Guidelines.pdf](http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachments-bytitle/gui_EHSGuidelines2007_GeneralEHS/$File/final+-+General+EHS+Guidelines.pdf).

Năm 2009. Sự tham gia của các bên liên quan: Sổ tay hướng dẫn thực hành tốt cho các công ty kinh doanh thị trường mới nổi và Giải quyết Khiếu nại từ các cộng đồng bị ảnh hưởng do dự án. Washington, DC: IFC.

Năm 2010. “Hướng dẫn Đánh giá và Quản lý Tác động Nhân quyền (HRIAM)”. IFC, Washington, DC. http://ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/_publications_handbook_hriam. Các công cụ đánh giá phân tích các tiềm năng rủi ro của quyền con người và tác động của hoạt động kinh doanh để dùng song song với quá trình đánh giá xã hội. HRIAM là sự phối hợp giữa Diễn đàn Lãnh đạo Doanh nghiệp, IFC, và Liên hợp quốc. Năm 2011. Lãnh đạo Quản trị Doanh nghiệp và Bền vững. IFC, Wash-

ington, DC. <http://ifc.org/sustainability>. Trang web này bao gồm các ví dụ và lợi ích của việc cải thiện tính bền vững về môi trường và xã hội.

INDEPTH (Mạng lưới quốc tế để đánh giá nhân khẩu học của dân số và sức khỏe của nhân dân ở các nước đang phát triển). <http://www.indepth-network.org>. Các thành viên của INDEPTH thực hiện đánh giá nhân khẩu học và sức khỏe của người dân ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. Mục đích của tổ chức là tăng cường năng lực cho hệ thống giám sát sức khỏe và nhân khẩu học toàn cầu. Đây là chương trình được phát triển rất tốt và hiệu quả về chi phí, một hệ thống có khả năng thu thập, đánh giá một cách minh bạch và xác định xu hướng một loạt các vấn đề xã hội, y tế, và các số liệu điều tra kinh tế.

ISO (Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế). “ISO 26000 - Trách nhiệm xã hội”. ISO, Geneva. http://www.iso.org/iso/social_responsibility.

Rees, Caroline. Năm 2008. “Quyền - Cơ chế khiếu nại phù hợp: công cụ hướng dẫn cho các công ty và các bên liên quan.” Sáng kiến Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp, Trường Chính phủ John F. Kennedy, Đại học Harvard, Cambridge, MA. <http://www.reports-and-materials.org/grievance-mechanisms-principles-jan-2008.pdf>.

Ban thư ký Liên Hợp Quốc về Công ước Quyền của Người khuyết tật. Năm 2004. “Khả năng tiếp cận cho người khuyết tật: Sổ tay cho một môi trường không rào cản.” Ủy ban Liên Hợp Quốc về

Chính sách và Phát triển Xã hội, New York. <http://www.un.org/esa/socdev/enable/sesignm>. Sổ tay này là cẩm nang hướng dẫn và cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách các thông tin cơ bản và dữ liệu cần thiết cho một môi trường không rào cản.

Hội đồng Tiếp cận Hoa Kỳ. Năm 2011. Trang chủ. Washington, DC. <http://www.access-board.gov>. Trang web này cung cấp thêm thông tin hướng dẫn và tiêu chuẩn về tiếp cận, hỗ trợ kỹ thuật, và các ấn phẩm đào tạo có thể tải xuống từ trang web.

Các đối tượng liên quan khác thường là những đối tượng không chịu ảnh hưởng trực tiếp của dự án, nhưng có lợi ích đối với dự án. Đối tượng này có thể là cơ quan nhà nước trung ương và địa phương, các dự án lân cận và/hoặc các tổ chức phi chính phủ.

Rủi ro môi trường và xã hội là sự kết hợp của xác suất xảy ra sự cố nào đó và mức độ thiệt hại nếu sự cố đó xảy ra.

Tác động môi trường và xã hội là để chỉ bất kỳ sự thay đổi, tiềm năng hay thực sự, đến (i) môi trường cơ học, tự nhiên và văn hóa và (ii) tác động đến cộng đồng dân cư xung quanh, đến người lao động do những hoạt động của dự án tạo nên.

Trong tiêu chuẩn hoạt động này, các nhà thầu được khách hàng thuê hoặc làm đại diện cho khách hàng đều được coi là chịu sự kiểm soát trực tiếp của khách hàng, chứ không phải bên thứ ba độc lập.

Hướng dẫn 2

Điều kiện làm việc và lao động

Hướng dẫn 2 liên quan đến việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 2. Để nghị tham chiếu Tiêu chuẩn hoạt động 1 và 3 – 8 cũng như Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 2 đối với các khách hàng trung gian tài chính được đề cập trong tài liệu độc lập là Hướng dẫn về Thực hiện đối với các Trung gian Tài chính. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 2 thừa nhận rằng việc theo đuổi tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo việc làm và tạo thu nhập nên hài hòa với việc bảo vệ các quyền cơ bản¹ của người lao động. Đối với bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, lực lượng lao động là một tài sản có giá trị, và mối quan hệ tốt giữa người lao động và quản lý là một nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thất bại trong việc thiết lập và nuôi dưỡng mối quan hệ tốt giữa người lao động và quản lý có thể làm suy giảm cam kết và khả năng làm việc lâu dài của người lao động, và có thể gây trở ngại cho dự án. Ngược lại, thông qua một mối quan hệ có tính xây dựng giữa người lao động và quản lý, và thông qua việc đối xử với người lao động một cách công bằng và cung cấp cho họ điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, khách hàng có thể tạo ra lợi ích hữu hình, chẳng hạn như tăng cường hiệu quả và năng suất hoạt động của mình.

2. Các yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn Hoạt động này đã được hướng dẫn một phần bởi nhiều công ước quốc tế được thỏa thuận thông qua Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Liên hợp quốc (UN).²

¹ Được hướng dẫn trong các công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được liệt kê trong chú thích số 2.

² Các công ước này gồm:

Công ước ILO 87 về Tự do trong Hội họp, Liên kết và Bảo vệ quyền Tổ chức

Công ước ILO 98 về Quyền Tổ chức và Thương lượng tập thể

Công ước ILO 29 về lao động cưỡng bức

Công ước ILO 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức

Công ước ILO 138 về Độ tuổi lao động tối thiểu

Công ước ILO 182 về các hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em

Công ước ILO 100 Thủ lao Bình Đẳng

Công ước ILO 111 về Phân biệt đối xử (việc làm và nghề nghiệp)

Công ước UN về Quyền trẻ em, Điều 32,1

Công ước UN về Bảo vệ Quyền của lao động nhập cư và gia đình họ

Mục tiêu

- Để thúc đẩy việc đối xử công bằng, không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng cho người lao động.
- Để thiết lập, duy trì và hoàn thiện quan hệ giữa người lao động và quản lý.
- Để thúc đẩy việc tuân thủ các luật lệ về tuyển dụng và lao động quốc gia.
- Để bảo vệ người lao động, bao gồm cả nhóm người lao động dễ bị tổn thương như trẻ em, lao động nhập cư, lao động của bên thứ ba và lao động của các nhà cung cấp.
- Để thúc đẩy điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, cũng như sức khỏe của người lao động.
- Để tránh sử dụng lao động cưỡng bức.

Hướng dẫn 1. Ngoài việc góp phần hình thành uy tín của khách hàng, đặc điểm mối quan hệ giữa quản lý và người lao động ảnh hưởng tới chi phí, chất lượng, hiệu quả, năng suất, và dịch vụ khách hàng. Tiêu chuẩn hoạt động 2 thừa nhận rằng mối quan hệ tốt giữa quản lý và người lao động là một thành phần quan trọng trong việc đảm bảo thành công chung của khách hàng và dự án.

Hướng dẫn 2. Tiêu chuẩn hoạt động 2 được định hướng một phần bởi một số Công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên hợp quốc (UN). Khi áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 2, khách hàng sẽ có thể điều hành doanh nghiệp theo phương thức phù hợp với bốn Công ước cơ bản của ILO.^{HD1} Ngoài ra, tiêu chuẩn hoạt động 2 cũng đề cập tới một số lĩnh vực khác như điều kiện làm việc và điều khoản về cơ chế tuyển dụng, cắt giảm, khiếu nại, nơi ở và điều kiện và các vấn đề về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp (OHS). Một số quy định trên yêu cầu khách hàng tham chiếu luật quốc gia được áp dụng. Trong trường hợp luật quốc gia có tiêu chuẩn ít nghiêm ngặt hơn Tiêu chuẩn hoạt động 2, hoặc không quy

^{HD1} Năm 1998, ILO thông qua Tuyên bố về Nguyên tắc và Rủi ro Cơ bản tại Nội làm việc, theo đó, các quốc gia tham gia phải tôn trọng và thúc đẩy áp dụng nguyên tắc và quyền lợi liên quan đến bốn tiêu chuẩn lao động cơ bản, dù có phê chuẩn các Công ước liên quan hay không. Các Nguyên tắc và Quyền lợi này quy định không có lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, không phân biệt, và tự do thành lập hiệp hội và thương lượng tập thể.

định gì, thì khách hàng sẽ đáp ứng quy định của Tiêu chuẩn 2.^{HD2}

Hướng dẫn 3. Khi xác định rủi ro và tác động lao động, khách hàng nên cùng phối hợp với người lao động và đại diện của các tổ chức lao động nếu có. Để tăng cường hiệu quả quá trình xác định rủi ro và tác động, nên phối hợp với các tổ chức lao động cấp chuyên ngành và thanh tra lao động. Quá trình xác định rủi ro và tác động nêu rõ các hoạt động cần tiến hành để đáp ứng luật quốc gia và các quy định theo Tiêu chuẩn hoạt động 2, các hoạt động này sẽ là một phần của chương trình quản lý được quy định tại Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn đi kèm. Quá trình này sẽ cho phép khách hàng thiết kế và cập nhật chính sách và quy trình quản trị nhân lực (HR), tuyển dụng, hợp đồng và mua sắm theo phương thức thúc đẩy thành công và sự tồn tại lâu dài của doanh nghiệp, trong khi đảm bảo quyền lợi người lao động. Điều này sẽ giúp khách hàng tiếp cận các điều kiện làm việc một cách có hệ thống (xem khoản Hướng dẫn 5 – Hướng dẫn 9 của Hướng dẫn tiêu chuẩn 1).

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này được Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý này được phản ánh ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.

Phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn hoạt động này phụ thuộc vào loại quan hệ lao động giữa khách hàng và người lao động. Tiêu chuẩn này áp dụng cho người lao động mà khách hàng thuê trực tiếp (gọi là lao động trực tiếp), lao động do bên thứ ba thuê để thực hiện những công việc liên quan đến những quy trình dự án chính yếu³ trong một thời gian đáng kể (lao động hợp đồng) cũng như lao động do nhà cung cấp chính của khách hàng thuê (lao động của nhà cung cấp).⁴

Lao động trực tiếp

4. Đối với lao động trực tiếp, khách hàng sẽ áp dụng

^{HD2} Ngoài các Công ước của ILO được đề cập tới trong Tiêu chuẩn hoạt động 2, và trong toàn bộ Hướng dẫn này, ILO còn ban hành một số công ước khác về điều kiện làm việc và lao động. Các công ước này có thể được xem trên trang web của ILO. ILO có sự hiện diện đáng kể tại nhiều nước thành viên, và một số văn phòng địa phương duy trì các chương trình hướng dẫn tập quán lao động tốt cho các doanh nghiệp tư nhân.

³ Quy trình dự án chính yếu bao gồm những hoạt động sản xuất/dịch vụ không thể thiếu cho hoạt động của doanh nghiệp

⁴ Nhà cung cấp chính là những ai thường xuyên cung cấp hàng hóa, nguyên liệu cần thiết cho các hoạt động chính yếu của dự án

các yêu cầu trong khoản từ 8 đến 23 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Lao động hợp đồng

5. Đối với lao động hợp đồng, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 23 đến 26 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Lao động của nhà cung cấp

6. Đối với lao động của nhà cung cấp, khách hàng sẽ áp dụng các yêu cầu trong khoản từ 27 đến 29 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Hướng dẫn 4. Khách hàng có mức độ ảnh hưởng và kiểm soát khác nhau đối với điều kiện làm việc và hành vi ứng xử với các loại lao động khác nhau liên quan tới dự án, và các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2 phản ánh hiện thực trên.

Hướng dẫn 5. Khách hàng nên đánh giá những người được cân nhắc tham gia quan hệ lao động và xác định loại lao động. Quan hệ lao động là mối quan hệ pháp lý giữa bên sử dụng lao động và người lao động. Mối quan hệ này tồn tại khi một cá nhân thực hiện công việc hoặc cung cấp dịch vụ với những điều kiện nhất định để được trả công. Chính mối quan hệ lao động, dù được định nghĩa dưới hình thức nào, sẽ hình thành quyền lợi và nghĩa vụ tương hỗ giữa người lao động và bên sử dụng lao động. Khuyến nghị của ILO số 198, khoản 13 đề cập tới yếu tố chỉ thị xác định sự tồn tại của mối quan hệ lao động về lao động trực tiếp và hợp đồng. Theo Khuyến nghị số 198, các chỉ thị của quan hệ lao động có thể bao gồm:

- Quan hệ cấp dưới và sự phụ thuộc
- Kiểm soát về công việc và chỉ dẫn: cho thấy là công việc: được thực hiện theo chỉ dẫn và kiểm soát của bên khác; có liên quan tới sự tích hợp của người lao động vào trong tổ chức của doanh nghiệp; được thực hiện thuận tụy hoặc chủ yếu vì quyền lợi của cá nhân khác; phải do đích thân người lao động thực hiện; được thực hiện trong khoảng thời gian làm việc nhất định hoặc tại nơi làm việc do bên yêu cầu công việc quy định hoặc đồng ý; có thời gian thực hiện và sự tiếp diễn nhất định; đòi hỏi phải có năng lực của người lao động; hoặc liên quan tới việc cung cấp dụng cụ, vật tư và máy móc do bên yêu cầu công việc cung cấp;
- Sự tích hợp của người lao động vào trong doanh nghiệp: thanh toán hoặc trả thù lao định kỳ; việc trả thù lao này là nguồn thu nhập duy nhất hoặc chủ yếu

của người lao động, thanh toán bằng hiện vật, như thực phẩm, nơi ăn ở hoặc chi phí giao thông; công nhận các quyền như quyền được nghỉ hàng tuần và phép năm; việc bên yêu cầu công việc thanh toán chi phí đi lại cho người lao động để thực hiện công việc; hoặc người lao động không phải chịu rủi ro tài chính.

Hướng dẫn 6. Trong một số trường hợp, có thể khó xác định liệu mối quan hệ lao động có tồn tại hay không. Các trường hợp này bao gồm khi (i) các quyền lợi và nghĩa vụ tương ứng của các bên liên quan không rõ ràng, hoặc khi (ii) có ý định ngưng mối quan hệ lao động, hoặc khi (iii) có sự không tương xứng hoặc có lỗ hổng trong hệ thống pháp lý, cách diễn giải hoặc áp dụng.

Hướng dẫn 7. Các doanh nghiệp cần đảm bảo là các thỏa thuận hợp đồng, bao gồm cả những thỏa thuận liên quan tới nhiều bên, có nội dung rõ ràng và xác định những bên có trách nhiệm cung cấp điều kiện làm việc và lao động thích hợp cho người lao động.

Hướng dẫn 8. Các doanh nghiệp nên tránh việc tham gia các mối quan hệ lao động được ngưng như (i) quan hệ hợp đồng che giấu vị thế pháp lý của quan hệ lao động; và/hoặc (ii) thỏa thuận hợp đồng có tác dụng làm người lao động mất sự bảo hộ mà họ đáng được hưởng.

Hướng dẫn 9. Khách hàng nên biết về tác động của mối quan hệ lao động đối với các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm lao động nữ, lao động trẻ tuổi, lao động nhập cư và lao động khuyết tật, và nên có nỗ lực giải quyết các tác động tiêu cực tiềm năng này.

Hướng dẫn 10. Lao động trực tiếp: Khách hàng có mối quan hệ lao động rõ ràng và kiểm soát hoàn toàn về các điều kiện làm việc và hành xử với lao động trực tiếp. Vì vậy, mọi quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 2 được áp dụng cho nhóm lao động này. Khách hàng có thể phải chịu trách nhiệm áp dụng mọi quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 2 đối với lao động nhất định được bên thứ ba thuê trên danh nghĩa, ngoại trừ khoản Hướng dẫn 8, nếu khách hàng kiểm soát được điều kiện làm việc và hành vi ứng xử với lao động theo phương thức tương đương với lao động mà khách hàng thuê trực tiếp.^{HD3}

Hướng dẫn 11. Lao động hợp đồng: Đối với lao động được thuê qua bên thứ ba (ví dụ nhà thầu, môi giới, đại lý, hoặc trung gian) và chịu trách nhiệm hoàn thành công việc hoặc cung cấp dịch vụ liên quan trực tiếp tới quy trình dự án chính yếu trong khoảng thời gian đáng kể,^{HD4} bao

gồm cả giai đoạn xây dựng của dự án hoặc lao động làm việc tại địa điểm địa lý trực tiếp của dự án, khách hàng sẽ phải áp dụng các chính sách và quy trình để quản lý bên thứ ba và đảm bảo bên thứ ba tuân thủ quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 2. Ngay cả khi lao động trên được thuê qua bên thứ ba và khi khách hàng có trách nhiệm pháp lý có giới hạn đối với lao động trên, Tiêu chuẩn hoạt động này có quy định cụ thể nêu trong khoản 24 – 26. Khách hàng nên đảm bảo quan hệ lao động được nêu rõ ràng trong thỏa thuận hợp đồng với bên thứ ba, và đảm bảo bên thứ ba cung cấp điều kiện làm việc và lao động thích hợp theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2.

Hướng dẫn 12. Lao động của nhà cung cấp: Lao động này được tuyển dụng bởi các nhà cung cấp phụ trách về việc cung cấp hàng hóa và vật tư cho doanh nghiệp. Không có quan hệ hợp đồng hoặc lao động trực tiếp giữa khách hàng và lao động ở cấp độ nhà cung cấp, và chi phí và quyền lợi là do nhà cung cấp thanh toán. Đối với nhà cung cấp hoạt động trong những lĩnh vực được biết là có liên quan tới lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc vi phạm an toàn đáng kể, khách hàng sẽ đánh giá liệu có vụ việc lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc có vấn đề an toàn đáng kể bằng cách áp dụng khoản 27 – 28 của Tiêu chuẩn hoạt động 2. Nếu xác định có vấn đề lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc vấn đề an toàn đáng kể, doanh nghiệp phải làm việc với các nhà cung cấp để có hoạt động điều chỉnh. Nếu hoạt động điều chỉnh là không khả thi thì doanh nghiệp sẽ đối lấy nhà cung cấp có khả năng quản lý rủi ro lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và vấn đề an toàn một cách thích hợp.

Yêu cầu

Các điều kiện làm việc và quản lý quan hệ với người lao động

Chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực

7. Khách hàng sẽ áp dụng và triển khai chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực phù hợp với quy mô và lực lượng lao động của mình để đề ra phương pháp tiếp cận của mình trong quản lý nhân viên phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này và các quy định liên quan của nước sở tại.

8. Theo chính sách này, khách hàng sẽ cung cấp cho nhân viên các thông tin liên quan đến quyền của mình theo luật lao động và việc làm của nước sở tại và trong thỏa ước lao động tập thể nếu có, bao gồm cả quyền của họ liên quan đến số giờ lao động, tiền lương, thù lao làm thêm giờ, các khoản phúc lợi và

^{HD3} Khách hàng có thể tham khảo hướng dẫn trong Khuyến nghị 198 của ILO về quan hệ lao động

^{HD4} Thời gian đáng kể được hiểu là lao động mang tính liên tục và chính thức

quyền lợi khác. Chính sách này cần sẽ được cung cấp, giải thích hoặc tạo điều kiện tiếp cận cho mỗi nhân viên ngay khi bắt đầu quan hệ lao động hay khi có sự thay đổi nào đáng kể trong chính sách đó.

Hướng dẫn 13. Để đảm bảo công tác quản lý lao động hiệu quả và công bằng, khách hàng được yêu cầu có chính sách và quy trình giải quyết một loạt các vấn đề về HR (nguồn nhân lực). Quy mô và mức độ chi tiết của chính sách nên được điều chỉnh phù hợp với quy mô và đặc điểm của lực lượng lao động của khách hàng. Các chính sách và quy trình trên nên bao trùm mọi loại lao động, bao gồm lao động trực tiếp, lao động hợp đồng và lao động của nhà cung cấp. Tối thiểu thì chính sách được áp dụng cũng nên nhất quán với quy định của luật lao động địa phương và Tiêu chuẩn hoạt động 2. Quy trình này phải có tính cập nhật và được tích hợp trong hệ thống quản lý tổng thể của doanh nghiệp để đảm bảo tính đồng nhất và khả năng giám sát hiện tại. Xem thêm Phụ lục B về danh sách các hạng mục được các chính sách trên đề cập.

Hướng dẫn 14. Mọi lao động thực hiện công việc cho doanh nghiệp nên có hợp đồng miêu tả mối quan hệ lao động với doanh nghiệp hoặc bên thứ ba. Hợp đồng này nên là yếu tố cấu thành của quy trình tuyển dụng và nên giải thích rõ chi tiết chính sách và quy trình liên quan tới điều kiện làm việc và lao động. Hợp đồng nên bao gồm các điều khoản và thời hạn của quan hệ lao động, tiến công và quyền lợi, cách tính tiền công và phiếu thanh toán, thời gian làm việc, thời gian làm ngoài giờ, ngày nghỉ, giải lao, quy trình khiếu nại, khấu trừ, điều kiện làm việc, quy trình chấm dứt, bảo hiểm sức khỏe, và lương hưu.

Hướng dẫn 15. Khách hàng nên lưu văn bản hồ sơ về các điều kiện trong quan hệ lao động tại thời điểm thuê từng người lao động trực tiếp. Hồ sơ phải được nhân viên hoặc bộ phận có trách nhiệm cập nhật và duy trì.

Hướng dẫn 16. Điều kiện làm việc và điều khoản lao động nên được thông báo miệng hoặc bằng văn bản cho lao động. Thông báo miệng có thể phù hợp với công việc ngắn hạn đơn giản hoặc đối với lao động không có khả năng đọc viết. Trong các trường hợp khác, khách hàng phải cung cấp tài liệu về điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Trong trường hợp thỏa thuận tập thể được áp dụng với mọi lao động, cũng phải thông báo về điều này với họ.

Hướng dẫn 17. Văn bản phải được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, và chuẩn xác. Mức độ của văn bản phải tương xứng với thời gian và đặc điểm của mối quan hệ lao động. Ví dụ, thông báo đơn giản cho công chúng về công việc cần hoàn thành, số giờ làm việc, thanh toán,

và các điều khoản và điều kiện làm việc cơ bản khác có thể là hình thức phù hợp với lao động thời vụ (có bản sao cung cấp nếu có yêu cầu), trong khi đối với việc tuyển dụng trong thời gian dài hơn, nên lưu hồ sơ về các điều khoản cơ bản của quan hệ lao động. Đối với một số nước, hợp đồng cá nhân là quy định pháp lý. Xem thêm Phụ lục C về danh mục thông tin cần thông báo với người lao động.

Hướng dẫn 18. Chính sách HR nên bao gồm các tuyên bố về quyền của người lao động về quyền riêng tư liên quan tới một số hoạt động kinh doanh. Tài liệu này nên bao gồm i) thông báo: thông báo cho người lao động về quy trình thu thập dữ liệu và chủng loại dữ liệu được thu thập; ii) mục đích: mục đích thu thập dữ liệu; iii) sự đồng ý: dữ liệu sẽ không được tiết lộ nếu không có sự đồng ý của người lao động; iv) an ninh: dữ liệu phải được bảo quản an toàn và bí mật; v) tiết lộ: người lao động phải được thông báo là dữ liệu được thu thập cho ai; vi) tiếp cận: người lao động phải có quyền tiếp cận dữ liệu của mình và điều chỉnh dữ liệu không chuẩn xác; và vii) trách nhiệm: người lao động phải có biện pháp trong tay để đảm bảo người thu thập dữ liệu có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc trên. Dữ liệu chỉ nên được thu thập và sử dụng cho mục đích có liên quan trực tiếp tới tuyển dụng; mọi thông tin về sức khỏe phải được giữ bí mật. Nếu có ghi hình người lao động, hoặc khám xét cơ thể, hoặc áp dụng các biện pháp theo dõi khác thì người lao động nên được thông báo về các biện pháp trên và giải thích lý do áp dụng. Mọi biện pháp trên nên tuân thủ nguyên tắc nêu trên và phải được tiến hành theo cách thức không hăm dọa hoặc quấy rối người lao động.

Hướng dẫn 19. Khách hàng phải thông báo cho người lao động về loại thông tin được lưu trữ và cách thức sử dụng thông tin trên. Mỗi nước có các quy định pháp lý khác nhau về việc lưu trữ số liệu lao động. Khách hàng phải tuân thủ các quy định trên và thông báo cho người lao động để đảm bảo thông tin là chuẩn xác, có liên quan và không bị tiết lộ không đúng cách. Khách hàng cũng nên lưu hồ sơ cá nhân về đánh giá hoạt động và mọi khiếu nại về doanh nghiệp hoặc nhân viên. Khách hàng cũng nên lưu mọi biên bản và thông tin giao dịch về việc đánh giá hoạt động và các hành động của hoặc đối với nhân viên trong hồ sơ cá nhân của nhân viên.

Hướng dẫn 20. Xem thêm hướng dẫn trong Cẩm nang về các Biện pháp và Cải tiến Hoạt động Tiêu chuẩn Lao động của Tổ chức do IFC xuất bản.

Các điều kiện và các điều khoản làm việc

9. Trường hợp khách hàng là một bên của một thỏa ước

lao động tập thể với tổ chức của người lao động, cần tôn trọng thỏa thuận này. Trường hợp thỏa thuận đó không tồn tại, hoặc không giải quyết được các điều kiện làm việc và điều kiện lao động,⁵ khách hàng sẽ cung cấp các điều kiện và các điều khoản lao động hợp lý.⁶

10. Khách hàng sẽ xác định nhóm lao động nhập cư và đảm bảo họ được hưởng những điều kiện làm việc tương đương với lao động không nhập cư làm cùng một loại công việc.

11. Khi khách hàng cung cấp chỗ ở⁷ cho người lao động trong phạm vi của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng sẽ thiết lập và triển khai chính sách về chất lượng và quản lý chỗ ở và các dịch vụ cơ bản khác.⁸ Dịch vụ chỗ ở được cung cấp theo nguyên tắc không phân biệt đối xử và cơ hội công bằng. Việc thu xếp chỗ ở cho người lao động không được hạn chế quyền tự do di chuyển và hội họp của người lao động.

Hướng dẫn 21. Các điều kiện làm việc được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 2 quy định điều kiện nơi làm việc và hành vi ứng xử với người lao động. Điều kiện nơi làm việc bao gồm môi trường vật lý, sức khỏe, và biện pháp phòng ngừa an toàn, và tiếp cận cơ sở vệ sinh. Hành vi ứng xử với lao động bao gồm tập quán kỷ luật, nguyên nhân và quy trình chấm dứt lao động và tôn trọng lòng tự trọng của người lao động (ví dụ tránh biện pháp trừng phạt thân thể hoặc dùng ngôn ngữ xúc phạm).

Hướng dẫn 22. Điều khoản tuyển dụng bao gồm tiến công và quyền lợi, thời gian làm việc, giải lao, ngày nghỉ, chế độ làm việc ngoài giờ, và bồi dưỡng ngoài giờ, bảo hiểm y tế, lương hưu, nghỉ ốm, nghỉ phép, nghỉ sinh con, hoặc ngày lễ.

Hướng dẫn 23. Tiêu chuẩn hoạt động 2 quy định hai hoàn cảnh tách bạch quy định trách nhiệm của khách hàng đối với điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Một hoàn cảnh là khi khách hàng là một bên tham gia thỏa ước lao động tập thể với tổ chức của người lao động do người lao động lựa chọn mà không có sự can thiệp của khách hàng. Hoàn cảnh thứ hai là khi các thỏa

ước như vậy là không có, không áp dụng cho mọi người lao động được khách hàng tuyển dụng hoặc thuê, hoặc không đề cập tới điều kiện làm việc.

Hướng dẫn 24. Nếu có các thỏa ước lao động tập thể như vậy thì khách hàng nên kiểm tra xem những thỏa ước trên có tuân thủ quy định của luật quốc gia và Tiêu chuẩn hoạt động 2 hay không, và cung cấp điều kiện và điều khoản lao động phù hợp với các thỏa thuận trên. Nếu một số người lao động được áp dụng thỏa thuận trên trong khi một số người lao động khác không được, thì điều khoản và điều kiện lao động cũng như quyền lợi của mọi người lao động tại các vị trí tương đương về cơ bản phải bằng nhau.

Hướng dẫn 25. Nếu không có thỏa ước lao động tập thể, hoặc khi thỏa ước không xử lý điều kiện làm việc và điều khoản lao động cụ thể nào đó, thì khách hàng phải cung cấp điều kiện làm việc và điều khoản lao động hợp lý để tối thiểu là đáp ứng quy định của luật quốc gia. Phần lớn các nước có khuôn khổ pháp lý phong phú để cập tới nhiều điều kiện làm việc và điều khoản lao động, ví dụ như tiền công tối thiểu, thời gian làm việc tối đa, trả tiền làm việc ngoài giờ, thời gian tối thiểu cho nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ ốm, thương tật, nghỉ sinh con, và bảo vệ sức khỏe và an toàn. Tuy nhiên, đôi khi các khuôn khổ pháp lý trên không phản ánh điều kiện thị trường phổ biến trong ngành, lĩnh vực, hoặc vùng địa lý của doanh nghiệp khách hàng. Vì vậy khách hàng nên cân nhắc xem những điều khoản và điều kiện dành cho lao động có phù hợp với tiêu chuẩn của ngành, lĩnh vực hoặc vùng địa lý, và được trông đợi là sẽ cung cấp điều khoản và điều kiện không kém ưu đãi hơn so với các tổ chức sử dụng lao động có thể so sánh ở nước liên quan.^{HD5}

Hướng dẫn 25. Nếu khách hàng làm việc tại đất nước không có các tổ chức sử dụng lao động có thể so sánh thì khách hàng nên cung cấp tiến công, quyền lợi và điều kiện làm việc phù hợp với khuôn khổ pháp lý.

Hướng dẫn 26. Trong trường hợp có thỏa ước nhưng thỏa ước chưa trải qua quá trình thương lượng tập thể, khách hàng sẽ không áp dụng thỏa ước trên để phân biệt đối xử với người lao động không tham gia công đoàn. Nguyên tắc chủ đạo là mọi người lao động có quyền lựa chọn phương án phù hợp nhất với nhu cầu của họ và nên được hưởng điều khoản lao động cơ bản tương đương.

Hướng dẫn 28. Nếu khách hàng thuê lao động nhập cư (nội địa hoặc quốc tế), thì điều kiện làm việc và điều

⁵Các ví dụ về điều kiện làm việc và điều kiện lao động là: tiền lương và các quyền lợi khác, giảm lương, số giờ làm việc, sắp xếp làm thêm giờ và thù lao làm thêm giờ, và nghỉ phép chữa bệnh, nghỉ thai sản, nghỉ phép.

⁶ Điều kiện và các điều khoản lao động hợp lý có thể được đánh giá theo các nguồn sau: (i) điều kiện làm việc của một công việc tương tự trong ngành sản xuất, thương mại tương tự ở khu vực/vùng đó; (ii) thỏa ước tập thể hay các thỏa thuận được công nhận khác giữa các tổ chức của người sử dụng lao động và đại diện người lao động trong ngành sản xuất, thương mại liên quan; (iii) phán quyết của trọng tài; hay (iv) điều kiện làm việc do luật pháp của nước sở tại quy định.

⁷ Những dịch vụ này có thể do khách hàng trực tiếp cung cấp hoặc do bên thứ ba cung cấp.

⁸ Các yêu cầu về dịch vụ cơ bản như điện tích tối thiểu, cung cấp nước, hệ thống thu gom rác thải và cống rãnh, hệ thống bảo vệ chống nóng, lạnh, ngập, tiếng ồn, hỏa hoạn.

^{HD5} Điều này dựa trên công thức trong Tuyên bố của ILO về ba nguyên tắc liên quan tới công ty đa quốc gia và chính sách xã hội (2006) và Hướng dẫn của OECD về Công ty Đa quốc gia (2001).

khoản lao động phải giống hoặc về cơ bản tương đương với điều kiện và điều khoản của người lao động phi nhập cư được giao công việc cùng loại^{HD6}. Các điều khoản và điều kiện trên bao gồm thù lao, ngoài giờ, thời gian làm việc, nghỉ hàng tuần, nghỉ phép được trả lương, an toàn, sức khỏe, kết thúc quan hệ lao động và bất kỳ một điều kiện làm việc khác nào mà theo luật pháp và tập quán quốc gia có liên quan tới các điều khoản trên. Các điều khoản lao động khác bao gồm tuổi lao động tối thiểu, và các hạn chế về công việc. Điều này liên quan đến cả lao động di cư được thuê trực tiếp hoặc qua bên thứ ba.

Hướng dẫn 29. Trong một số trường hợp lao động di cư có thể đem theo gia đình hoặc thành viên gia đình tới nơi làm việc. Khách hàng nên kiểm tra chi tiết về rủi ro và tác động tiềm năng để có thể quản lý rủi ro và tác động hiệu quả hơn. Tác động tiêu cực có thể bao gồm việc sử dụng lao động trẻ em trong các hoạt động của khách hàng, trẻ em chịu điều kiện nguy hiểm hoặc độc hại khi tiếp cận công việc, điều kiện sống nghèo khổ, thiếu dịch vụ như y tế và giáo dục; v.v..

Hướng dẫn 30. Đối với các dự án có yếu tố xây dựng hoặc nếu nằm ở vùng sâu vùng xa, (ví dụ như các nhà máy lớn nằm cách xa với đô thị, dự án khai thác, dự án dầu khí, và nông nghiệp dựa trên trồng trọt) thì khách hàng hoặc các nhà thầu làm việc cho khách hàng sẽ phải cung cấp điều kiện ở, đi lại, và dịch vụ cơ bản bao gồm nước, vệ sinh, và chăm sóc y tế cho lao động của dự án đó. Điều kiện ở có thể có nhiều hình thức, từ việc có nhà tập thể xây dựng vĩnh viễn đến trại tạm thời.

Hướng dẫn 31. Khi khách hàng cung cấp dịch vụ cho người lao động, các dịch vụ này phải được cung cấp trên cơ sở không phân biệt và tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về chất lượng, an ninh, an toàn, và thẩm quyền chuyên môn. Người lao động không thể bị ép buộc phải dùng bất kỳ loại dịch vụ nào do khách hàng cung cấp, và nếu khách hàng tính phí dịch vụ thì giá dịch vụ phải là giá thị trường, minh bạch và công bằng. Khách hàng nên phát triển bộ tiêu chuẩn và kế hoạch xây dựng và duy trì nơi ở và dịch vụ. Các tiêu chuẩn này phải được thông báo rõ ràng và bắt buộc đối với mọi nhà thầu hay nhà cung cấp nơi ở. Khách hàng nên giám sát điều kiện của nơi ở và dịch vụ được cung cấp.

Hướng dẫn 32. IFC và Ngân hàng Tài thiết và Xây dựng châu Âu xuất bản hướng dẫn về một loạt và tiêu chí có thể áp dụng liên quan tới nơi ở của người lao động (Nơi ở cho người lao động: Quá trình và Tiêu chuẩn – Hướng dẫn của IFC và EBRD).

Các tổ chức của người lao động

12. Ở các nước mà pháp luật quốc gia công nhận quyền thành lập và tham gia của người lao động vào các tổ chức theo lựa chọn của họ mà không có sự can thiệp nào và có quyền thỏa thuận tập thể, khách hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia. Trong trường hợp luật quốc gia hạn chế các tổ chức của người lao động, các khách hàng sẽ tạo điều kiện cho công nhân có các hình thức khác để bày tỏ khiếu nại của họ và bảo vệ quyền lợi của họ về điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Khách hàng không tác động hay kiểm soát các cơ chế này.

13. Dù là trường hợp nào như được mô tả trong khoản 13 của Tiêu chuẩn hoạt động này và khi chưa có quy định liên quan trong pháp luật quốc gia, khách hàng sẽ không ngăn cản người làm hình thành hoặc tham gia các tổ chức của người lao động theo lựa chọn của họ hoặc thương lượng tập thể, và sẽ không phân biệt đối xử hoặc trả thù những người lao động mà tham gia, hoặc tìm cách tham gia vào những tổ chức và thương lượng tập thể như vậy. Các khách hàng sẽ cộng tác với những đại diện của người làm công như vậy. Các tổ chức của người lao động sẽ đại diện cho người lao động trong lực lượng lao động một cách công bằng.

Hướng dẫn 33. Tổ chức của người lao động là bất kỳ một tổ chức nào của người lao động có mục đích xúc tiến và bảo vệ quyền lợi của người lao động về điều kiện làm việc và điều khoản lao động.^{HD7} Tổ chức của người lao động thường được gọi là thương đoàn hoặc công đoàn. Các tổ chức chuyên ngành và hành chính của người lao động cũng thường được gọi là hiệp hội lao động. Theo Tiêu chuẩn hoạt động 2, khái niệm này loại trừ các tổ chức không được người lao động liên quan lựa chọn tự do hoặc lựa chọn dưới sự ảnh hưởng hoặc kiểm soát của bên sử dụng lại động hoặc nhà nước.

Hướng dẫn 34. Thương lượng tập thể bao gồm việc thảo luận và đàm phán giữa bên sử dụng lao động và đại diện của các tổ chức lao động với mục đích xác định điều kiện làm việc và điều khoản lao động thông qua thỏa thuận chung.^{HD8} Quá trình này cũng bao gồm việc áp dụng và quản trị tất cả các thỏa thuận phát sinh từ thương lượng tập thể và việc giải quyết vấn đề khác nảy sinh trong mối quan hệ lao động liên quan tới người lao động được tổ chức lao động đại diện.

^{HD6} Xem Công ước ILO 97: Di cư vì việc làm (1949).

^{HD7} Dựa trên Công ước 87 của ILO về tự do Hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức

^{HD8} Dựa trên Công ước 98 của ILO về Quyền tổ chức và Thương lượng tập thể

Hướng dẫn 35. Tại nhiều nước thành viên ILO người lao động có quyền hợp pháp được thành lập công đoàn hoặc các tổ chức lao động khác do họ tự lựa chọn và thương lượng tập thể với bên sử dụng lao động. Luật quốc gia thường phản ánh một số thỏa thuận quốc tế công nhận và bảo vệ quyền trên.^{HD9}

Hướng dẫn 36. Khách hàng không nên can thiệp vào quyền của người lao động hình thành hoặc gia nhập tổ chức lao động, ví dụ như bằng cách ưu tiên một tổ chức lao động nào đó so với tổ chức khác hoặc ngăn cản đại diện của tổ chức đó tiếp cận người lao động một cách không lý do. Tổ chức của người lao động nên đại diện cho lực lượng lao động và hoạt động tuân theo nguyên tắc đại diện công bằng cho người lao động.

Hướng dẫn 37. Khách hàng không nên ngăn cản người lao động hình thành hoặc gia nhập tổ chức lao động hoặc phân biệt đối xử hoặc trả đũa người lao động nào có nỗ lực hình thành hoặc gia nhập tổ chức lao động. Từ chối tuyển dụng người lao động từng là thành viên hoặc lãnh đạo tổ chức lao động tại các doanh nghiệp khác (với lý do không liên quan tới trình độ chuyên môn hoặc khả năng làm việc) có nghĩa là phân biệt đối xử. Các hình thức phân biệt đối xử hoặc trả đũa khác bao gồm giáng cấp hoặc chuyển công tác người lao động, hoặc chuyển công việc đó cho bên ngoài hoặc điều chuyển công việc giữa các cơ sở để phản ứng với hoạt động của công đoàn.

Hướng dẫn 38. Khách hàng cũng nên tạo điều kiện để đại diện tổ chức lao động được tiếp xúc với người lao động mà họ đại diện. Người lao động nên được tự do gặp gỡ và trao đổi về vấn đề điều kiện làm việc tại nơi làm việc trong thời gian được nghỉ giải lao theo kế hoạch, và trước và sau khi làm việc. Hơn nữa, người lao động nên được phép chọn người đại diện để nói chuyện với bên quản lý, kiểm tra điều kiện làm việc theo cách thức phù hợp và không ảnh hưởng tới sản xuất, và tiến hành công tác tổ chức của mình.

Hướng dẫn 39. Tại một số nước, hoặc trong một số lĩnh vực cụ thể, quyền tự do hiệp hội của người lao động và/hoặc quyền thương lượng tập thể bị pháp luật hạn chế đáng kể. Điều này có thể xảy ra theo nhiều cách. Một số nước cấm công đoàn, trong khi tại một số nước khác tổ chức lao động có thể tồn tại nhưng bị kiểm soát hoặc phải được nhà nước cho phép. Có một số trường hợp khi một số lao động cụ thể (ví dụ người lao động không

phải người bản địa) hoặc lao động tại một số lĩnh vực cụ thể, ví dụ như khu chế xuất, không được quyền tự do thành lập hiệp hội và thương lượng tập thể. Trong các trường hợp trên, khách hàng nên phối hợp với người lao động để giải quyết vấn đề liên quan tới điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Các phương pháp khuyến khích cơ chế thay thế bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi việc công nhận các ủy ban lao động, và cho phép người lao động lựa chọn đại diện của họ để đối thoại và thương lượng về điều khoản và điều kiện lao động với bên sử dụng lao động theo phương thức không mâu thuẫn với luật quốc gia.

Hướng dẫn 40. Tại một số nước, luật pháp không quy định về quyền tự do của người lao động về hiệp hội và/hoặc quyền thương lượng tập thể, nhưng không cấm các tổ chức lao động hoặc thương lượng tập thể. Tại các nước trên, khách hàng nên phối hợp với người lao động giải quyết các vấn đề liên quan tới điều kiện làm việc và điều khoản lao động. Nếu không bị pháp luật hạn chế, khách hàng tại các nước trên được khuyến khích công nhận tổ chức lao động nếu người lao động lựa chọn việc tổ chức hoặc gia nhập tổ chức trên và tham gia thương lượng tập thể.

Không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng

14. Các khách hàng sẽ không ra quyết định về việc làm trên cơ sở các đặc điểm cá nhân⁹ không liên quan đến yêu cầu công việc vốn có. Khách hàng sẽ đặt mối quan hệ làm việc trên nguyên tắc cơ hội bình đẳng và đối xử công bằng, sẽ không phân biệt đối xử trong các khía cạnh của mối quan hệ lao động, bao gồm tuyển dụng và thuê, thù lao (kể cả tiền lương và quyền lợi), điều kiện làm việc và điều khoản lao động, cơ hội đào tạo, thăng tiến, chấm dứt việc làm hoặc nghỉ hưu, và kỷ luật. Khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp để ngăn chặn và giải quyết các vấn đề xâm phạm, hăm dọa, và/hay bóc lột, nhất là liên quan đến phụ nữ. Nguyên tắc không phân biệt đối xử cần được áp dụng cho lao động nhập cư.

15. Ở các nước mà pháp luật quốc gia không cho phép phân biệt đối xử trong tuyển dụng, khách hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia. Khi luật pháp quốc gia không đề cập về vấn đề phân biệt đối xử, khách hàng sẽ tuân thủ các quy định của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Nếu luật pháp một nước có những quy định khác với Tiêu chuẩn hoạt động

^{HD9} Thỏa thuận quốc tế bao gồm Hiệp ước Quốc tế của UN về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, Hiệp ước quốc tế của UN về Quyền Dân sự và Chính trị, Công ước 87 của ILO về Tự do Hiệp hội và Bảo vệ quyền được Tổ chức; và Công ước 98 của ILO về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể.

⁹ Như giới tính, chủng tộc, quốc tịch, dân tộc, nguồn gốc xã hội và thổ dân, tôn giáo và tín ngưỡng, tàn tật, tuổi tác hay thiên hướng giới tính.

này, khách hàng nên xem xét thực hiện phù hợp với nguyên tắc bao trùm của khoản 15 mà vẫn không vi phạm luật quốc gia.

16. Biện pháp đặc biệt để bảo vệ hoặc trợ giúp để khắc phục sự phân biệt đối xử trong quá khứ hoặc lựa chọn một công việc cụ thể dựa trên các yêu cầu vốn có của công việc sẽ không được coi là phân biệt đối xử, miễn là phù hợp với luật pháp của nước đó.

Hướng dẫn 41. Phân biệt đối xử trong lao động được xác định là bất kỳ sự phân biệt, tách biệt, hoặc ưu tiên nào liên quan tới tuyển dụng, thuê, sa thải, điều kiện làm việc, hoặc điều khoản lao động dựa trên cơ sở đặc điểm cá nhân không liên quan tới tiêu chuẩn công việc vốn có làm triệt tiêu hoặc ảnh hưởng tới cơ hội bình đẳng hoặc hành vi ứng xử trong lao động hoặc công việc.^{HD10} Các tiêu chuẩn công việc vốn có nói tới năng lực cơ bản cần thiết để hoàn thành công việc liên quan. Ví dụ yêu cầu người lao động phải đủ sức để nâng vác, vốn là một phần thường xuyên và cơ bản của công việc sẽ được coi là năng lực công việc ngay tình. Nếu khách hàng yêu cầu người lao động phải mặc đồng phục, đồng phục phải phù hợp về mặt văn hóa và phù hợp với cả hai giới. Nếu công ty cấp thẻ nhận dạng thì thẻ đó không được có thông tin cá nhân/riêng tư không liên quan như thông tin về văn hóa hoặc tình trạng hôn nhân.

Hướng dẫn 42. Cơ hội bình đẳng là nguyên tắc làm căn cứ cho mọi quyết định lao động, như tuyển dụng và thăng chức, dựa trên năng lực hoàn thành công việc liên quan của cá nhân, một cách độc lập với các đặc điểm cá nhân không liên quan trực tiếp tới năng lực công việc. Để có thêm thông tin hướng dẫn về không phân biệt đối xử và cơ hội bình đẳng, xem thêm Phụ lục D và Hướng dẫn về Tập quán tốt của IFC về không Phân biệt Đối xử và Cơ hội Bình đẳng. Khách hàng nên áp dụng nguyên tắc cơ hội bình đẳng và không phân biệt đối xử thông qua các phương pháp hiệu quả và có thể chấp nhận được trong khuôn khổ pháp lý và bối cảnh văn hóa, miễn là các phương pháp trên không mâu thuẫn với nguyên tắc trên. Ngoài mục đích tuân thủ nghĩa vụ và cam kết quốc tế về bình đẳng giới, bên sử dụng lao động có thể đánh giá cao bình đẳng giới tại nơi làm việc vì một loạt các lý do. Động cơ kinh doanh có thể không

có sự hấp dẫn như nhau đối với tất cả các bên sử dụng lao động, nhưng các bên sử dụng lao động ngày càng nhận thức hơn rằng tập trung vào việc tuyển dụng và sử dụng lao động nữ trong lực lượng lao động và giải quyết các vấn đề về bình đẳng giới tại nơi làm việc sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của họ trên thương trường. Ví dụ, khách hàng nên khuyến khích cơ hội bình đẳng cho nữ và nam, với sự chú trọng đặc biệt về tiêu chí bình đẳng trong việc lựa chọn, trả công, và thăng chức, và áp dụng tiêu chuẩn trên một cách bình đẳng.

Hướng dẫn 43. Nếu khách hàng tuyển dụng lao động nhập cư, thì nên có biện pháp thích hợp để tránh phân biệt đối xử với lao động nhập cư.

Hướng dẫn 44. Khách hàng sẽ có biện pháp phòng tránh và sẽ không phê chuẩn sự quấy rối nào, bao gồm cả quấy rối tình dục hoặc việc hành vi ứng xử sai trái về tâm lý tại nơi làm việc.

Hướng dẫn 45. Nhiều nước có luật cấm phân biệt đối xử dựa trên một loạt các yếu tố. Các luật trên thường phản ánh một loạt các thỏa thuận quốc tế công nhận và bảo vệ quyền dựa trên các thỏa thuận đó.^{HD11} Nếu luật pháp không có quy định, khách hàng nên dựa vào cơ hội bình đẳng và không phân biệt đối xử phù hợp với các nguyên tắc trên để giải quyết các vấn đề về tuyển dụng, điều kiện làm việc, và điều khoản lao động.

Hướng dẫn 46. Khách hàng cũng phải bảo vệ quyền của người khuyết tật trong mọi chính sách và quy trình lao động của mình. Chính sách HR nên bao gồm các điều kiện làm việc, đường ra vào và đi lại cho người khuyết tật. Các chính sách và quy trình trên phải được dành sẵn và thông báo cho lao động khuyết tật, và có thể bao gồm việc hỗ trợ về phương tiện thay thế như in ấn chữ khổ to, chữ Braille, băng ghi âm, v.v...^{HD12}

Thôi việc

17. Trước khi thực hiện quyết định cho thôi việc hàng loạt,¹⁰ khách hàng sẽ cần phân tích các phương án thay thế.¹¹ Nếu kết quả phân tích không đưa ra được

^{HD10} Theo Công ước 100 và 111 của ILO, Công ước 111 của ILO và một loạt các công cụ quốc tế khác liệt kê các loại đặc điểm cá nhân không liên quan tới năng lực công việc. Công ước 111 của ILO xác định phân biệt đối xử là mọi việc phân biệt, tách biệt hoặc ưu tiên dựa trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội có tác động triệt tiêu hoặc giảm sự bình đẳng về cơ hội hoặc sự đối xử trong lao động hoặc nghề nghiệp. Hiến chương của LHQ về quyền con người bao gồm mọi đặc điểm cá nhân được liệt kê trong Công ước của ILO và bao gồm ngôn ngữ, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, tài sản, đặc điểm khi sinh hoặc vị thế; Công ước LHQ về Loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc cũng cấm phân biệt đối xử dựa trên nguồn gốc xuất thân hoặc dân tộc, Công ước LHQ về quyền trẻ em cũng cấm phân biệt đối xử dựa trên khuyết tật.

^{HD11} Nhiều luật dựa trên các công ước quốc tế đã được phê chuẩn rộng rãi, bao gồm cả Công ước 100 của ILO về trả thù lao bình đẳng, Công ước 111 về Phân biệt đối xử về lao động và nghề nghiệp, Công ước của LHQ về loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử chủng tộc (CERD); Công ước LHQ về loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với nữ giới (CEDAW).

^{HD12} Có thể tham khảo thêm thông tin trong Công ước C159 của ILO về Đào tạo lại về nghề và việc làm (Người khuyết tật) và Công ước LHQ về Khuyết tật.

¹⁰ Cho thôi việc hàng loạt thường do các lý do kinh tế, kỹ thuật hay cơ cấu tổ chức; hoặc các lý do khác không liên quan đến hiệu quả làm việc hay các lý do cá nhân.

¹¹ Ví dụ các phương án khác như chương trình cắt giờ lao động có thỏa thuận, chương trình tăng cường năng lực cho người lao động, những công việc bảo trì, bảo dưỡng dài hạn trong thời gian khối lượng công việc thấp.

phương án nào thích hợp hơn, Các khách hàng sẽ xây dựng một kế hoạch để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực khi người lao động mất việc làm. Kế hoạch cho thôi việc sẽ dựa theo nguyên tắc không phân biệt đối xử và phản ánh kết quả tham vấn của khách hàng với người lao động, tổ chức của họ và khi phù hợp, chính phủ và tuân thủ các thỏa ước lao động tập thể đang có hiệu lực. Khách hàng sẽ tuân theo các quy định và ràng buộc hợp đồng liên quan đến việc phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cung cấp thông tin và lấy ý kiến người lao động và các tổ chức của họ.

18. Khách hàng cần đảm bảo việc thông báo đến người lao động về quyết định cho thôi việc và trả đầy đủ tiền trợ cấp cho thôi việc theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể ngay khi có thể. Tất cả các khoản còn nợ bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm hưu trí cần được trả (i) ngay khi hoặc trước khi chấm dứt quan hệ lao động với người lao động; (ii) ngay khi phù hợp, với nguyên tắc vì lợi ích của người lao động; (iii) việc thanh toán cần tuân thủ theo quy định về thời hạn trong thỏa ước lao động tập thể. Khi việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở lợi ích của người lao động, người lao động sẽ được cung cấp bằng chứng cho việc thanh toán này.

Hướng dẫn 47. Các biện pháp đặc biệt để bảo vệ hoặc trợ giúp nhằm khắc phục phân biệt đối xử trong quá khứ để cập tới các biện pháp tăng cường việc làm cho các nhóm yếu thế trong lực lượng lao động hoặc trong một số nghề cụ thể với mục đích khắc phục sự phân biệt đối xử trong quá khứ, ví dụ như chính sách bình đẳng, và để tạo cơ hội và hành vi ủng hộ bình đẳng một cách hữu hiệu tại nơi làm việc. Các biện pháp này không bị coi là phân biệt đối xử và có thể được dùng nếu luật pháp cho phép. Tương tự như vậy, cá dự án có thể có mục đích thúc đẩy việc làm đối với cộng đồng địa phương trong phạm vi dự án. Trong trường hợp điều này được thực hiện theo quy định luật quốc gia thì sẽ không bị coi là vi phạm nguyên tắc của đoạn văn này.

Hướng dẫn 48. Cho thôi việc có nghĩa là khi bên sử dụng lao động hủy bỏ một số vị trí làm việc hoặc cho thôi việc hoặc thôi việc số người lao động, thường là do đóng cửa nhà máy hoặc để cắt giảm chi tiêu. Thôi việc không bao gồm những trường hợp kết thúc hợp đồng riêng lẻ có lý do chính đáng hoặc thôi việc tự nguyện. Thôi việc thường là hậu quả của hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc là kết quả của việc tái sắp xếp hoặc tái cơ cấu.

Hướng dẫn 49. Khách hàng sẽ tiến hành phân tích các phương án thay thế, miêu tả tất cả các phương án được

phân tích, số lượng chỗ làm tiết kiệm được khi áp dụng mỗi phương án, và phân tích giá thành để xác định tính khả thi của các phương án thay thế. Để thay thế cho thôi việc, khách hàng nên tham vấn người lao động về khả năng áp dụng một số các biện pháp khác, kể cả giảm giờ làm; nâng cao năng suất; cho nghỉ việc tạm thời; và giảm lương. Các biện pháp trên chỉ nên áp dụng sau giai đoạn tham vấn và với sự đồng thuận hoàn toàn của lao động bị ảnh hưởng. Các biện pháp trên có thời gian áp dụng được xác định và thỏa thuận trước.

Hướng dẫn 50. Tại nhiều nước, luật quốc gia quy định phải thông báo trước cho lao động bị ảnh hưởng và/hoặc cho chính phủ khi đóng cửa nhà máy hoặc cho thôi việc với số lượng vượt giới hạn quy định cụ thể. Một số luật quốc gia quy định khi cho thôi việc phải đàm phán với tổ chức lao động thông qua thương lượng tập thể. Luật quốc gia hoặc thỏa ước tập thể đang có có thể quy định trả trợ cấp thôi việc cho lao động bị ảnh hưởng.^{HD13}

Hướng dẫn 51. Trong trường hợp không thể tránh khỏi cho thôi việc đáng kể, nên có kế hoạch giải quyết các tác động tiêu cực đối với người lao động và cộng đồng của họ. Kế hoạch thôi việc nên giải quyết các vấn đề như xem xét phương án thay thế thôi việc; lịch trình cho thôi việc, nếu không thể tránh khỏi thôi việc; phương pháp và quy trình cho thôi việc, tiêu chí lựa chọn, thanh toán trợ cấp thôi việc; để nghị chỗ làm thay thế hoặc hỗ trợ đào tạo lại; phân bổ công việc.

Hướng dẫn 52. Tiêu chí lựa chọn lao động bị thôi việc phải khách quan, công bằng, và minh bạch. Thôi việc không được dựa trên đặc điểm cá nhân không liên quan tới yêu cầu công việc. Về cụ thể, nên áp dụng khoản 15-16 của Tiêu chuẩn hoạt động 2 và luật quốc gia về chống phân biệt đối xử và bảo vệ đại diện người lao động và cán bộ công đoàn.

Hướng dẫn 53. Khách hàng cũng nên tham vấn người lao động và tổ chức của họ khi xây dựng kế hoạch thôi việc. Việc tham vấn là thiết yếu để xây dựng kế hoạch có khả năng phản ánh mối quan ngại của người lao động và suy nghĩ của họ về việc tránh hoặc giảm thôi việc, tiêu chí lựa chọn và trả phí đền bù. Nếu luật quốc gia hoặc thỏa ước tập thể hiện hành quy định thôi việc phải được thương lượng tập thể, khách hàng phải dành thời gian để thương lượng thiện chí và thực hiện điều khoản được áp dụng của thỏa ước tập thể. Phải tuân thủ mọi quy định pháp luật về thời gian thông báo trước. Mục quan tốt là xây dựng cơ chế khiếu nại để giải quyết các khiếu nại về

^{HD13} Hướng dẫn bổ ích về thôi việc có trong Hướng dẫn dành cho Công ty Đa quốc gia tại http://www.oecd.org/topic/0,2686,en_2649_34889_1_1_1_37439,00.html và Tuyên bố ba nguyên tắc cơ bản về công ty đa quốc gia và chính sách xã hội của ILO tại <http://www.ilo.org/public/english/employment/multi/index.htm>.

việc không thực hiện điều khoản của kế hoạch thôi việc.

Hướng dẫn 54. Luật pháp có thể quy định phải tham vấn với chính phủ, và hơn nữa, khách hàng được khuyến khích tham vấn với chính phủ nếu quy mô thôi việc có thể có tác động đáng kể tới cộng đồng, và nếu chính phủ có thể hỗ trợ giải quyết các tác động này.

Hướng dẫn 55. Xem thêm hướng dẫn về tập quán tốt trong thôi việc tại ấn phẩm Hướng dẫn về Tập quán tốt trong thôi việc của IFC.

Hướng dẫn 56. Các khoản thanh toán và các quyền lợi còn nợ cũng như trợ cấp thôi việc theo luật và/hoặc theo thỏa ước tập thể phải được thanh toán đúng hạn như được quy định tại khoản 19 của Tiêu chuẩn hoạt động 2. Trong một số phạm vi quyền hạn, theo luật định khách hàng có thể phải chuyển khoản một số khoản thanh toán cho cơ quan cụ thể như cơ quan quản lý quỹ hưu trí, quỹ y tế, v.v... Trong các trường hợp như vậy, khách hàng sẽ không thanh toán trực tiếp cho người lao động mà thanh toán cho cơ quan thích hợp để người lao động được hưởng. Tuy nhiên, khách hàng phải cung cấp cho người lao động chứng cứ về việc thanh toán trên. Nếu việc thanh toán cho các cơ quan cụ thể là tùy chọn thì khách hàng sẽ để người lao động lựa chọn để được thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán qua cơ quan được chỉ định.

Cơ chế khiếu nại

19. Khách hàng sẽ cung cấp một cơ chế khiếu nại cho người lao động (và các tổ chức của họ, nếu có) để nêu lên các vấn đề họ quan tâm. Khách hàng sẽ giới thiệu cho người lao động biết về cơ chế khiếu nại tại thời điểm thuê lao động, và tạo điều kiện cho họ dễ dàng tiếp cận. Cơ chế này cần nhận được mối quan tâm đúng mức từ các cấp quản lý và giải quyết các vấn đề một cách kịp thời, sử dụng một quá trình dễ hiểu và minh bạch để cung cấp thông tin phản hồi tới những người quan tâm, mà không có bất kỳ sự trừng phạt nào. Cơ chế này không ngăn cản việc tiếp cận bằng các giải pháp hành chính và pháp lý nào đang có trong luật hoặc bất kỳ một thủ tục trọng tài nào, hoặc các cơ chế khiếu nại hoặc thay thế khác thông qua thỏa ước lao động tập thể.

Hướng dẫn 57. Khi xây dựng cơ chế khiếu nại để người lao động có thể bày tỏ các quan ngại liên quan tới nơi làm việc, khách hàng nên đảm bảo các vấn đề được thông báo cho lãnh đạo và giải quyết một cách nhanh chóng. Cơ chế cũng nên đảm bảo để phản hồi với người có liên quan và ngăn cản hiện tượng trả đũa đối với

khiếu nại. Cơ chế khiếu nại nên được xây dựng sao cho việc khiếu nại được xử lý qua quá trình thích hợp để giữ bí mật cho người lao động, và đảm bảo người lao động có thể nêu các quan ngại của họ cho những nơi khác ngoài cấp trên trực tiếp của họ. Nếu có vấn đề về giới, sắc tộc, hoặc vấn đề khác tại nơi làm việc, nên xem xét có cơ chế đại diện cho các nhóm trên trong thành phần ủy ban khiếu nại, và đảm bảo các nhóm trên có thể tiếp cận cơ chế khiếu nại. Khách hàng phải lưu hồ sơ về mọi khiếu nại và tiếp tục triển khai biện pháp xử lý. Khách hàng nên chỉ định ủy ban xử lý khiếu nại, bao gồm đại diện lãnh đạo, người giám sát và đại diện người lao động. Phần lớn các nước có quy trình pháp lý hoặc hành chính để xử lý khiếu nại lao động; cơ chế của khách hàng không được làm chậm trễ hoặc cản trở việc tiếp cận các cơ chế pháp lý hoặc hành chính nào khác mà pháp luật cho phép.

Hướng dẫn 58. Nếu cơ chế khiếu nại được xây dựng thông qua thỏa ước tập thể và đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2 thì khách hàng nên sử dụng cơ chế này cho những người lao động được áp dụng thỏa ước. Nếu có những lao động khác không được áp dụng thỏa ước, khách hàng nên xây dựng cơ chế riêng cho họ, hoặc đàm phán với công đoàn và người lao động về khả năng áp dụng chung cơ chế khiếu nại đó. Khách hàng nên thông báo và đào tạo người lao động cách sử dụng cơ chế khiếu nại và khuyến khích họ sử dụng cơ chế đó để trình bày khiếu nại và đề xuất cải tiến.

Hướng dẫn 59. Cơ chế khiếu nại nên phân định rõ chính sách và quy trình khiếu nại. Cơ chế khiếu nại nên được thông báo cho mọi lao động, bao gồm cả lãnh đạo một cách rõ ràng và dễ hiểu. Cơ chế nên cho phép xử lý khiếu nại một cách kịp thời, và nếu người lao động có nguyện vọng thì thông thường nên cho phép tổ chức họp để thảo luận về khiếu nại. Nếu muốn, người lao động cũng có quyền được đi cùng và/hoặc được đại diện bởi đồng nghiệp hoặc nhân viên của công đoàn tại cuộc họp.

Hướng dẫn 60. Cơ chế khiếu nại nên được xây dựng để đảm bảo các khiếu nại giấu tên có thể được gửi tới và xử lý. Việc gửi khiếu nại không đòi hỏi phải cung cấp thông tin cá nhân hoặc có mặt trên thực tế. Phương án phản hồi đối với khiếu nại giấu tên phải được đăng tại các địa điểm mà mọi người lao động đều có thể thấy.

Bảo vệ lực lượng lao động

Lao động trẻ em

20. Khách hàng không sẽ sử dụng trẻ em vì mục đích kinh tế, hoặc có thể gây nguy hiểm hoặc gây trở ngại

Nhóm tuổi	Số giờ làm việc	Giải thích
Trẻ em 0 – 12 tuổi	Một giờ hoạt động kinh tế của trẻ em dưới 12 tuổi tự động được coi là lao động trẻ em	
Trẻ em 13 – 14 tuổi	Hơn 2 giờ hoạt động kinh tế mỗi ngày trong hơn 6 ngày làm việc một tuần, ngay cả khi không ảnh hưởng tới việc học tập và không nguy hại tự động được coi là lao động trẻ em. Mọi công việc nguy hại hoặc ảnh hưởng tới giáo dục của trẻ em tự động làm cho trẻ em bị coi là lao động trẻ em.	Công việc nhẹ nhàng không gây nguy hiểm cho sức khỏe và an toàn của trẻ em, hoặc cản trở trẻ em học tập hoặc học và đào tạo nghề.
Trẻ em 15 – 17 tuổi	Được phép lao động tối đa 40 giờ một tuần nếu độ tuổi cho công việc đó là thích hợp. Mọi công việc nguy hại có thể gây hại cho sức khỏe thể chất, tâm lý hoặc đạo đức, an toàn hoặc đạo đức của trẻ đều làm cho trẻ em bị coi là lao động trẻ em.	Giới hạn độ tuổi tối thiểu của quốc gia đối với công việc không nên thấp hơn độ tuổi tốt nghiệp giáo dục bắt buộc, thông thường là 15.

cho trẻ em được giáo dục, hoặc gây hại cho sức khỏe hay khả năng phát triển tinh thần, trí tuệ, thể chất, đạo đức, hay xã hội của trẻ em. Khách hàng cần biết rõ tất cả những lao động dưới 18 tuổi trong cơ sở của mình. Trường hợp pháp luật quốc gia có quy định về việc làm của trẻ vị thành niên, khách hàng sẽ tuân theo những quy định của pháp luật áp dụng cho khách hàng. Trẻ em dưới 18 tuổi sẽ không được tuyển dụng để làm những công việc nguy hiểm/độc hại.¹² Tất cả những công việc giao cho lao động dưới 18 tuổi cần phải được đánh giá rủi ro và theo dõi định kỳ về điều kiện làm việc, sức khỏe và số giờ lao động.

Hướng dẫn 61. Trong Tiêu chuẩn hoạt động 2, trẻ em là người dưới 18 tuổi. Lao động trẻ em bao gồm công việc do trẻ em thực hiện và có thể được lợi dụng vì mục đích kinh tế, có thể nguy hại hoặc ảnh hưởng tới giáo dục của trẻ em, hoặc có thể gây hại cho sức khỏe hay khả năng phát triển thể chất, tinh thần, tâm lý, đạo đức hoặc xã hội của trẻ em. Một số loại công việc do trẻ em thực hiện có thể được chấp nhận, nhưng chỉ khi được thực hiện theo phương thức vừa hợp pháp vừa an toàn. Phần lớn các nước có quy định pháp lý hạn chế sử dụng lao động trẻ em, mặc dù các

điều khoản có khác nhau. Tại các nước luật pháp không quy định độ tuổi tối thiểu, trẻ em dưới 15 tuổi (14 tuổi đối với một số nước kém phát triển) không được thực hiện công việc. Nếu luật được áp dụng có quy định khác với tiêu chuẩn về độ tuổi này, nên áp dụng tiêu chuẩn cao hơn. Trong trường hợp các gia đình hoặc doanh nghiệp quy mô nhỏ sản xuất để tiêu thụ ở địa phương và không thường xuyên thuê lao động, có thể chấp nhận được lao động trẻ em, miễn là công việc đó không nguy hại chút nào với trẻ em. Hoàn toàn không chấp nhận được việc trẻ em phải làm việc nếu công việc đó 1) bị lợi dụng về kinh tế; hoặc 2) có thể gây nguy hại hoặc ảnh hưởng tới giáo dục của trẻ em, hoặc có thể có hại cho sức khỏe hoặc sự phát triển thể chất, tinh thần, tâm lý, đạo đức, hoặc xã hội của trẻ em; hoặc 3) bất hợp pháp, ngay cả khi thực tiễn như vậy được quốc gia hoặc khu vực chấp nhận về xã hội hoặc văn hóa. Trách nhiệm về lao động trẻ em bao trùm lên cả chuỗi cung ứng của khách hàng như được nêu trong khoản 27 – 29 của Tiêu chuẩn hoạt động 2.

Hướng dẫn 62. Định nghĩa của ILO về Lao động Trẻ em được nêu dưới đây. Tùy theo ngành nghề, một số nước có thể có ngoại lệ về giới hạn tuổi trong một khoảng thời gian xác định. Các ngoại lệ này cần được ILO cho phép.

Hướng dẫn 63. Lao động trẻ em có thể không được nhận thấy ngay trong giai đoạn kiểm tra chi tiết hoặc tài trợ. Xử lý việc phát hiện lao động trẻ em trong doanh nghiệp là một thách thức đáng kể đối với khách hàng.

¹² Ví dụ cho những công việc nguy hiểm/độc hại như: (i) để bị lạm dụng thể chất, tâm lý hay tình dục; (ii) những công việc dưới đất ngầm, dưới nước hoặc trên độ cao hay nơi có không gian hạn chế; (iii) với máy móc, thiết bị, công cụ nguy hiểm hay phải mang vác nặng; (iv) môi trường làm việc độc hại: các chất, quy trình, nhiệt độ, tiếng ồn, mức rung chấn có hại cho sức khỏe; (v) điều kiện làm việc khó khăn như số giờ làm việc dài, làm ca đêm, hay bị người sử dụng lao động giam cầm.

Lao động cưỡng bức

Ngay lập tức cấm trẻ em làm việc của mình có thể làm trầm trọng điều kiện tài chính của trẻ em. Thay vào đó, khách hàng nên tách ngay trẻ em ra khỏi các công việc nguy hiểm, có hại, hoặc không phù hợp với tuổi. Trẻ em trong độ tuổi tốt nghiệp theo quy định quốc gia chỉ được phép làm việc ngoài giờ học. Trẻ em trong độ tuổi hơn tuổi tốt nghiệp đang thực hiện công việc nguy hại phải được chuyển làm công việc không nguy hại. Khách hàng phải đánh giá điều kiện nơi làm việc (ví dụ điều kiện OHS bao gồm sự tiếp xúc với máy móc, chất độc hại, bụi, tiếng ồn, và thông gió, số giờ làm việc, và đặc điểm của công việc) để chắc chắn là trẻ em lao động hợp pháp không chịu các điều kiện có thể gây nguy hại. Để đánh giá hiệu quả, khách hàng phải kiểm tra loại công việc nguy hại với trẻ em, và xem liệu việc đi làm có ngăn trở trẻ em đi học không.

Hướng dẫn 64. Khách hàng phải đặt ra giới hạn độ tuổi tối thiểu để làm ở doanh nghiệp, giới hạn đó ít nhất cũng phải phù hợp với luật quốc gia và không thấp hơn 15 tuổi (14 tuổi đối với một số nước kém phát triển) (với một số ngoại lệ về độ tuổi tối thiểu trong khoản Hướng dẫn 68). Khách hàng phải xây dựng chính sách doanh nghiệp không cho phép tuyển dụng, sử dụng, hoặc thu lợi từ lao động trẻ em. Chính sách nên có quy trình kiểm tra tuổi lúc tuyển dụng. Khách hàng phải đánh giá và lưu bản sao các tài liệu có thể kiểm chứng được liên quan tới tuổi và hồ sơ làm việc của mọi người dưới 18 tuổi đang làm việc tại doanh nghiệp, và lưu giữ hồ sơ đó. Công việc của người dưới 18 tuổi phải được đánh giá rủi ro và giám sát định kỳ về sức khỏe, điều kiện làm việc và số giờ làm việc một cách thích hợp.^{HD14}

Hướng dẫn 65. Buôn bán người là việc tuyển dụng, vận chuyển, chuyển nhượng, che giấu, hoặc tiếp nhận con người bằng cách đe dọa hoặc dùng vũ lực hoặc dùng cách thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa đảo, lạm dụng quyền lực, hoặc vị thế dễ bị tổn thương, hoặc vị thế khi trả hoặc tiếp nhận tiền thanh toán hoặc quyền lợi để có được sự đồng ý của người đang có quyền kiểm soát người khác với mục đích bóc lột. Buôn bán trẻ em để bóc lột lao động được xác định là vấn đề quốc tế. Khách hàng nên thăm dò và giải quyết những vấn đề trên với bên thứ ba cung cấp lao động để không hưởng lợi từ các tập quán ép buộc trên.

Hướng dẫn 66. Có thể lấy thêm thông tin từ Chương trình Quốc tế của ILO về Việc loại trừ Lao động Trẻ em (IPEC) và Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) (xem Danh mục tham khảo).

21. Các khách hàng sẽ không sử dụng lao động cưỡng bức bao gồm bất kỳ công việc hoặc dịch vụ không tự nguyện nào mà do một cá nhân bị đe dọa vũ lực hoặc hình phạt phải thực hiện. Điều này bao gồm bất kỳ loại lao động không tự nguyện hoặc bắt buộc, chẳng hạn như giao kèo lao động, lao động ràng buộc hoặc các thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động tương tự. Khách hàng không thuê những đối tượng bị buôn bán.¹³

Hướng dẫn 67. Lao động cưỡng bức bao gồm mọi loại công việc hoặc dịch vụ không được thực hiện tự nguyện, người thực hiện bị người khác đe dọa dùng vũ lực hoặc trừng phạt để đòi hỏi hoặc ép buộc.^{HD15} Lao động cưỡng bức bao gồm mọi loại lao động không tự nguyện hoặc bắt buộc, như lao động theo kế ước, lao động trả nợ hoặc thỏa thuận lao động tương tự, các tập quán nô lệ hoặc tương tự như nô lệ. Lao động trả nợ là lao động bị yêu cầu để trang trải nợ. Tỷ lệ nợ so với tiền công là ở mức không thể hoặc rất khó trả hết nợ. Lao động cưỡng bức cũng bao gồm yêu cầu về việc đặt cọc tiền quá lớn, hạn chế quá mức về tự do đi lại, thời gian thông báo quá khắt khe, mức phạt đáng kể hoặc bất hợp lý, mất hoặc chậm thanh toán tiền công ở mức ngăn trở người lao động có thể chấm dứt lao động tự nguyện trong quyền hạn hợp pháp của mình. Lao động nhập cư là nhóm dễ bị tổn thương nhất từ với những biện pháp này. Nghĩa vụ về lao động cưỡng bức được mở rộng bao trùm chuỗi cung ứng như đề cập trong khoản 27 -29 của Tiêu chuẩn hoạt động 2.

Hướng dẫn 68. Luật pháp tại nhiều nước cấm phần lớn các tập quán lao động cưỡng bức. Công ước 29 của ILO về Lao động Cưỡng bức được dùng làm cơ sở cho định nghĩa trên và được đại đa số các nước phê chuẩn.^{HD16}

Hướng dẫn 69. Quan hệ lao động nên được lựa chọn một cách tự do và không bị đe dọa. Lao động cưỡng bức là sự vi phạm nghiêm trọng về quyền cơ bản của người lao động, và cần trở phát triển kinh tế vì giảm hạn nguồn vốn trong những lĩnh vực vốn không thể tồn tại nếu thiếu các tập quán trên.

Hướng dẫn 70. Tập quán về lao động cưỡng bức có thể không được nhìn thấy ngay. Nếu phát hiện lao động cưỡng bức tại nơi làm việc của khách hàng, bao gồm cả

^{HD14} Xem Công ước ILO 16: Kiểm tra y tế người dưới 18 tuổi (biên) 1921, Công ước ILO 77: Kiểm tra y tế Người trẻ tuổi (Công nghiệp) 1946, Công ước ILO 78: Kiểm tra y tế Người trẻ tuổi (Công việc phi công nghiệp) 1946, Công ước ILO 79: Làm việc đêm của người trẻ tuổi (Công việc phi công nghiệp) 1946, Công ước ILO 90: Làm việc đêm của người trẻ tuổi (Công nghiệp) 1948, và Công ước ILO 124: Kiểm tra y tế người trẻ tuổi (Công việc dưới lòng đất) 1965.

¹³ Buôn người là hành vi tuyển dụng, vận chuyển, chuyển nhượng, che giấu hoặc tiếp nhận những người bị bắt cho dùng vũ lực, hay bị ép buộc, bị bắt cóc, bị lừa gạt, bị lạm dụng, hay đang ở thế bất lợi, hoặc trả tiền và những thủ tục khác để dành quyền kiểm soát một người từ tay một người khác với mục đích khai thác bóc lột sức lao động. Phụ nữ và trẻ em thường là đối tượng của hoạt động buôn người.

^{HD15} Dựa trên Công ước ILO 29 về Lao động cưỡng bức.

^{HD16} Hướng dẫn thêm trong Công ước ILO 105 về Loại trừ Lao động Cưỡng bức.

lao động trực tiếp và/hoặc gián tiếp, hoặc trong chuỗi cung ứng, nên có các biện pháp ngay lập tức để giải quyết tập quán đã ép buộc người lao động, và thay vào đó đề nghị điều khoản lao động có thể được tự do lựa chọn, và không lặp lại hoàn cảnh ép buộc. Cũng nên có ngay các biện pháp để thông báo về các trường hợp lao động cưỡng bức với cơ quan pháp luật, nếu cần thiết.

Hướng dẫn 71. Khách hàng nên tránh mọi hình thức ép buộc người lao động về thể xác hay tâm lý, như hạn chế di chuyển một cách không cần thiết hoặc trừng phạt về thể xác ở mức tạo làm cho người lao động cảm thấy bị bắt buộc phải lao động không tự nguyện. Ví dụ về các tập quán trên bao gồm việc khóa cửa giam người lao động trong nơi làm việc hoặc khu vực nhà của người lao động. Khách hàng không được thu giữ giấy tờ tùy thân, như hộ chiếu, hoặc vật dụng cá nhân; các hành động trên có thể góp tạo ra tình huống tương tự lao động cưỡng bức. Người lao động phải có quyền tiếp cận giấy tờ tùy thân mọi lúc, bao gồm cả giấy tờ do chính phủ cấp, như hộ chiếu. Nhân viên an ninh do khách hàng tuyển dụng không được dùng vũ lực để cưỡng bức hoặc ép buộc người lao động phải làm việc.

Hướng dẫn 72. Trong quan hệ lao động, khách hàng nên tránh các tập quán tạo ra các nghĩa vụ nợ không thể chi trả, như chi phí quá mức về đi lại, ăn ở. Khách hàng nên nỗ lực với các nhà thầu chính và phụ để họ không vô ý thức hưởng lợi từ các tập quán gây ra vị thế bị ép buộc của người lao động.

Hướng dẫn 73. Khách hàng nên nhận thức rõ và thông báo với người lao động về tự do đi lại trong hợp đồng lao động, bao gồm việc tiếp cận giấy tờ tùy thân mọi lúc. Hợp đồng phải được xây dựng bằng ngôn ngữ của người lao động và phải được người lao động hiểu rõ.

Hướng dẫn 74. Người bị buôn bán^{HD17} và lao động nhập cư không có vị thế pháp lý trong nước là nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương đối với tình trạng lao động ép buộc, ví dụ thông qua việc đặt cọc nợ cho các “bên tuyển dụng và môi giới” là các bên thu phí quá cao để bố trí việc làm. Khách hàng nên điều tra và giải quyết các vấn đề trên với các bên cung cấp lao động để các bên đó không hưởng lợi từ các tập quán ép buộc trên. Nên tiến hành kiểm tra nếu dự án của khách hàng nằm trong khu chế xuất (EPZ) vì EPZ thường được miễn áp dụng luật quốc gia hoặc thực thi luật pháp yếu ớt. Lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái, là một trong những nhóm được xác định là dễ bị tổn thương hơn vì nạn buôn bán người và lao động cưỡng bức. Một số cơ quan đang xử lý vấn đề dễ bị tổn thương của người nhập cư, bao gồm cả ILO và IOM.

Hướng dẫn 75. Trong một số trường hợp lao động của phạm nhân và lao động trong cơ sở cải tạo sẽ bị coi là lao động cưỡng bức. Nếu phạm nhân làm việc và doanh nghiệp tư nhân hưởng lợi, lao động đó chỉ có thể được chấp nhận nếu phạm nhân tự nguyện làm việc và được trả công với mức tương đương với mức thị trường cho loại công việc đó. Nếu lao động phạm nhân là một phần quan trọng và không thể thay thế được trong chuỗi cung ứng của khách hàng, khách hàng phải cung cấp kết quả đánh giá chi tiết cho thấy lao động được đề xuất của phạm nhân đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

22. Các khách hàng sẽ cung cấp cho người lao động một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, có tính đến các rủi ro vốn có trong lĩnh vực cụ thể của mình và các mối nguy hiểm cụ thể trong khu vực làm việc của khách hàng, bao gồm cả hóa chất, vật lý, sinh học, và các mối nguy hiểm phóng xạ. Các khách hàng sẽ thực hiện các bước để ngăn ngừa tai nạn, thương tích, và bệnh tật phát sinh từ, có liên quan đến, hoặc xảy ra trong quá trình làm việc bằng cách giảm thiểu, cho đến chừng mực hợp lý thực tế, các nguyên nhân của mỗi nguy hiểm. Để phù hợp với thông lệ ngành quốc tế, (GIIP)¹⁴ như được phản ánh trong các nguồn tài liệu quốc tế bao gồm cả Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới, khách hàng sẽ giải quyết các mảng việc, bao gồm: (i) việc xác định các mối nguy hiểm tiềm năng cho người lao động, đặc biệt là mối nguy có thể đe dọa tính mạng; (ii) cung cấp các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ, bao gồm thay thế, sửa đổi, hoặc loại bỏ các điều kiện hoặc các chất độc hại; (iii) đào tạo công nhân; (iv) lưu tài liệu và báo cáo tai nạn, bệnh tật, và các sự cố lao động; (v) phòng cấp cứu, chuẩn bị và tổ chức đối phó. Có thể tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 về các thông tin liên quan đến phòng bị và chuẩn bị đối phó.

Hướng dẫn 76. OHS đề cập tới một loạt các nỗ lực có mục đích bảo vệ người lao động khỏi các thương tật, bệnh tật hoặc tác động của các chất gây biến dị hay dị dạng liên quan tới việc bị phơi nhiễm với sự nguy hại nảy sinh tại nơi làm việc hoặc trong khi làm việc. Sự nguy hại có thể phát sinh từ vật liệu (bao gồm chất và tác nhân hóa chất, vật lý và sinh học), điều kiện môi trường hoặc làm việc (như số giờ làm quá mức, làm việc

¹⁰¹⁷ Liên hợp quốc, Buôn bán và Kinh doanh Con người: tập quán tốt để Phòng tránh và Đấu tranh với Buôn bán người, Sáng kiến toàn cầu của Liên hợp quốc về Đấu tranh với nạn Buôn bán Người, 2010.

¹⁴ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu hoặc trong khu vực.

đêm, kiệt quệ về tâm lý hoặc thể chất, môi trường thiếu ô-xy, nhiệt độ cao, thông gió không đúng mức, ánh sáng kém, hệ thống điện có lỗi hoặc rãnh hào không được rào chắn), hoặc quá trình làm việc (bao gồm dụng cụ, công cụ và thiết bị). Tập quán của OHS bao gồm việc xác định nguy hại tiềm năng và cách phản ứng, bao gồm thiết kế, chạy thử, lựa chọn, thay thế, lắp đặt, bố trí, tổ chức, sử dụng và duy trì nơi làm việc, môi trường làm việc và quy trình làm việc để loại trừ nguồn gốc rủi ro hoặc giảm thiểu việc người lao động bị phơi nhiễm rủi ro. Một số rủi ro OHS có thể đặc trưng cho lao động nữ. Điều này có thể một phần vì nam và nữ có xu hướng có loại công việc khác nhau, và cũng vì sự khác biệt về thể chất. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc thường là rủi ro đối với lao động nữ, và nên cân nhắc rủi ro này khi thiết kế cơ chế khiếu nại. Ví dụ điều này có thể nói tới việc có nhân viên đủ kỹ năng để tiếp nhận và giải quyết khiếu nại liên quan tới quấy rối tình dục. Khách hàng phải cung cấp nhà vệ sinh và tủ đựng đồ riêng cho nam và nữ. Khách hàng cũng có thể để lao động nữ tham gia ủy ban OHS để đảm bảo chính sách và thực tiễn đáp ứng nhu cầu lao động nữ.

Hướng dẫn 77. Hầu hết các nước có luật điều chỉnh OHS và điều kiện nơi làm việc^{HD18} và khách hàng phải tuân thủ các luật trên. Có thể xem thêm thông tin về quản lý OHS theo Tập quán Công nghiệp Quốc tế tốt trong Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Ngân hàng Thế giới (Hướng dẫn EHS), dành chung và cho khu vực công nghiệp.

Hướng dẫn 78. Phải ưu tiên loại trừ nguồn gốc gây nguy hại cho sức khỏe và an toàn của người lao động hơn là cho phép môi nguy hại tồn tại và cung cấp thiết bị bảo vệ cá nhân. Tuy nhiên, nếu môi nguy hại là thuộc tính vốn có của hoạt động dự án hoặc không thể loại trừ hoàn toàn mỗi nguy hại một cách khả thi, khách hàng nên có các biện pháp bảo vệ cần thiết như hạn chế mỗi nguy hại tại nguồn bằng cách sử dụng các giải pháp bảo vệ (ví dụ hệ thống thông gió, phòng cách ly, lắp chắn máy móc, cách âm, v.v...) và cung cấp thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp mà người lao động không phải trả phí. Cần có các biện pháp bảo vệ, đào tạo và thiết bị để phòng ngừa việc phơi nhiễm nghề nghiệp với chất nguy hại.

Hướng dẫn 79. A-mi-ăng được nhiều tổ chức quốc gia và quốc tế xếp hạng Nhóm 1 các chất gây ung thư, và các

chất chứ a-mi-ăng (ACM) cần được giải quyết bằng các tập quán được miêu tả trong Hướng dẫn EHS chung và trong Hướng dẫn tập quán tốt: Vấn đề Sức khỏe Nghề nghiệp và Cộng đồng liên quan tới A-mi-ăng của Ngân hàng Thế giới. ACM nên được tránh dùng trong xây dựng mới, bao gồm cả trong xây dựng hỗ trợ thiên tai. Khi phục chế, phá hủy, và di dời hạ tầng cơ sở bị thiệt hại, phải xác định mối nguy hại về a-mi-ăng và áp dụng kế hoạch quản lý rủi ro bao gồm kỹ thuật thải bỏ và các bãi chứa rác thải cuối cùng.

Hướng dẫn 80. Phải tiến hành đào tạo cho tất cả người lao động về mọi khía cạnh của OHS có liên quan tới công việc hàng ngày của họ, bao gồm các thủ tục khẩn cấp và giới thiệu về OHS cho người thăm quan và các bên thứ ba khác khi ra vào khu vực dự án. Người lao động sẽ không chịu hình thức kỷ luật hoặc gánh hậu quả tiêu cực nào nếu báo cáo hoặc nêu quan ngại về OHS.

Hướng dẫn 81. Khách hàng nên lưu hồ sơ và báo cáo về thương tật, bệnh tật và tử vong nghề nghiệp. Dữ liệu giám sát người lao động (ví dụ như mức phơi nhiễm và kiểm tra sức khỏe) phải được lưu giữ và đánh giá. Dữ liệu giám sát sức khỏe phải được dùng để kiểm tra hiệu quả của các biện pháp bảo hộ chống các tác nhân nguy hại. Phân tích dữ liệu trên dưới góc độ giới có thể cho biết thông tin bổ ích về việc lao động nữ tại nơi làm việc có bị ảnh hưởng khác với lao động nam không.

Hướng dẫn 82. Khách hàng phải đảm bảo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho lao động hợp đồng và cho mọi lao động thực hiện các công việc và dịch vụ khác liên quan tới dự án. Hợp đồng với các nhà thầu cung cấp lao động phải có điều khoản quy định phải tuân thủ yêu cầu OHS của khách hàng, để đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2 và để giảm thiểu rủi ro và trách nhiệm đối với khách hàng. Khách hàng nên giám sát hoạt động của nhà thầu trong việc thực hiện quy định OHS và nếu cần thì đề xuất biện pháp điều chỉnh. Khách hàng cũng phải đảm bảo lao động của nhà thầu có thể tiếp cận một cách thích hợp dịch vụ sơ cứu và hỗ trợ y tế trong trường hợp công việc có liên quan tới tai nạn hoặc thương tật. Để giảm rủi ro và trách nhiệm, và nâng cao hiệu quả hoạt động, khách hàng nên yêu cầu các nhà cung cấp tuân thủ tập quán tương tự.

Hướng dẫn 83. Toàn bộ hệ thống quản lý xã hội và môi trường theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2 phải được thiết kế sao cho có đủ năng lực giám quản các vấn đề OHS. Hệ thống quản lý phải bao gồm việc giám sát và đánh giá định kỳ các vấn đề sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, môi trường làm việc hiện tại và các chỉ tiêu OHS khác. Tập quán tốt là áp dụng ngay thông tin

^{HD18} Các bên tham gia ILO thỏa thuận một loạt các công ước nhằm giải quyết vấn đề trên, tại cấp độ chung và liên quan tới các chuyên ngành. Ví dụ bao gồm Công ước ILO 155 về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp và Nghị định thư 155 năm 2002 và Công ước 155; Công ước 162 về a-mi-ăng, Công ước 174 về Phòng ngừa Tai nạn Công nghiệp lớn.

thu thập được và có các biện pháp điều chỉnh một cách liên tục để cải tiến điều kiện và năng lực quản lý OHS.

Người lao động do bên thứ ba thuê

23. Đối với lao động do bên thứ ba thuê, khách hàng cần có nỗ lực hợp lý về mặt kinh tế để bên thứ ba cung cấp lao động là những doanh nghiệp có uy tín và làm ăn hợp pháp và có một hệ thống quản lý môi trường và xã hội hợp lý cho phép họ có thể hoạt động tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, trừ khoản 18-19 và khoản 27-29.

24. Khách hàng sẽ xây dựng chính sách và quy trình để theo dõi và quản lý hoạt động của người cung cấp lao động bên thứ ba theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, khách hàng sẽ có nỗ lực hợp lý về mặt kinh tế để đưa các yêu cầu này vào hợp đồng với bên thứ ba nói trên.

25. Khách hàng cần đảm bảo những lao động được thuê, theo điều khoản 24-25 của Tiêu chuẩn hoạt động này cũng được tiếp cận cơ chế khiếu nại. Trong trường hợp bên thứ ba không thể cung cấp cơ chế khiếu nại, khách hàng sẽ cho phép những lao động này sử dụng cơ chế khiếu nại của khách hàng.

Hướng dẫn 84. Một số lao động làm việc trong những quy trình chính của dự án có thể không phải do khách hàng trực tiếp tuyển dụng, mà thông qua nhà thầu, đại lý, môi giới hoặc các bên trung gian khác. Các chỉ tiêu xác định loại hình quan hệ lao động và loại lao động được nêu trong khoản Hướng dẫn 9 và Hướng dẫn 17. Điều này sẽ giúp cho khách hàng xác định liệu có thiếu sót gì trong việc đảm bảo quyền lợi của lao động hợp đồng. Mặc dù người lao động được khách hàng giao cho bên ngoài cung cấp, nhưng lao động đó có xu hướng thực hiện những chức năng quan trọng của quy trình kinh doanh chính của khách hàng trong một giai đoạn đáng kể cứ như lao động thay thế của khách hàng. Nếu người lao động đó thực hiện công việc liên quan tới quy trình kinh doanh chính của dự án, khách hàng có trách nhiệm đảm bảo các nhà thầu và bên trung gian khác tuân thủ tiêu chuẩn được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động này.

Hướng dẫn 85. Trong trường hợp bên thứ ba là doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc có nguồn lực và năng lực hạn chế, khách hàng sẽ xem xét có thể hỗ trợ thế nào để nâng cao hiệu quả hoạt động cho bên thứ ba, và sự hỗ trợ đó có thể bao gồm việc sử dụng hoặc mở rộng hệ thống hoặc dịch vụ của khách hàng để bổ sung cho bên thứ ba để đáp ứng được yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt

động 2. Nếu không thể cải thiện được hoạt động của bên thứ ba trong khoảng thời gian hợp lý, khách hàng phải cân nhắc nguồn cung cấp dịch vụ thay thế.

Hướng dẫn 86. Khách hàng phải xây dựng và áp dụng quy trình quản lý và giám sát hoạt động của bên thứ ba. Quy trình này nên được tích hợp trong hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, các yêu cầu nên được thông báo rõ cho bên thứ ba, và nếu có thể thì thông báo cho người lao động do bên thứ ba cung cấp.

Hướng dẫn 87. Phần lớn các luật quốc gia có đề cập tới lao động hợp đồng, mặc dù các điều khoản có sự khác biệt lớn tùy theo từng nước hay loại hình lao động hợp đồng. Khách hàng phải đánh giá quan hệ lao động giữa bên thầu và người lao động, và đảm bảo tất cả các bên thầu tuân thủ yêu cầu pháp lý điều chỉnh, nhưng không bị giới hạn bởi, tiến công tối thiểu, số giờ làm, tiền ngoài giờ, điều kiện sức khỏe và an toàn, đóng góp cho bảo hiểm sức khỏe và cơ cấu lương hưu, và các điều khoản lao động khác do pháp luật quy định liên quan tới mọi lao động do bên thứ ba cung cấp. Luật quốc gia cũng có thể quy định lao động do bên thứ ba cung cấp không được thực hiện các chức năng chính của doanh nghiệp.

Hướng dẫn 88. Khách hàng nên có nỗ lực thương mại hợp lý¹⁰¹⁹ để không hưởng lợi từ các tập quán lao động nào của bên thứ ba vi phạm luật quốc gia hoặc vi phạm tiêu chuẩn quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động này. Các nỗ lực trên có thể bao gồm việc áp dụng nghĩa vụ hợp đồng đối với nhà thầu hoặc bên trung gian cung cấp lao động cho khách hàng; xác định và áp dụng chính sách liên quan tới việc sử dụng đại lý lao động và tiêu chuẩn lao động; kiểm toán quan hệ và loại hình hợp đồng giữa bên thứ ba và người lao động; viếng thăm không báo trước và thanh tra xem xét tại các quy trình kinh doanh chính; tiến hành kiểm tra chi tiết khi giám sát các nhà thầu và các trung gian cung cấp lao động khác; giám sát mức độ tuân thủ của các bên thứ ba; và đào tạo tất cả lao động của bên thứ ba để giải thích điều kiện làm việc và lao động của dự án. Khách hàng phải kiểm tra hồ sơ hoặc vị thế của các nhà thầu và các trung gian cung cấp lao động khác. Khách hàng cũng nên kiểm tra chi tiết để đảm bảo nhà thầu hoặc các bên thứ ba cung cấp lao động khác đáp ứng mọi yêu cầu pháp lý.

¹⁰¹⁹ Nỗ lực thương mại hợp lý để đạt tới mọi biện pháp cần để đạt mục đích, trong chừng mực chi phí hoặc gánh nặng không trở nên bất hợp lý về mặt thương mại. Ví dụ, nếu việc áp dụng biện pháp nào đó là phi kinh tế đối với doanh nghiệp, thì có thể coi biện pháp đó là bất hợp lý về mặt thương mại. Điều này tương phản với "nỗ lực tối đa" – điều thường có nghĩa là áp dụng mọi biện pháp cần thiết, ngay cả khi các biện pháp đó có thể là chi phí hoặc gánh nặng rất lớn.

Hướng dẫn 89. Tập quán tốt đối với khách hàng là thanh tra xem xét mọi lao động đang tham gia các quy trình chính của khách hàng. Khách hàng phải đảm bảo lao động đó có thể trực tiếp tiếp cận cơ chế khiếu nại của bản thân bên thứ ba hoặc thông qua doanh nghiệp khách hàng. Trong trường hợp cơ chế khiếu nại là do bên thứ ba cung cấp, khách hàng phải được báo cáo định kỳ về các khiếu nại của người lao động.

Hướng dẫn 90. Nếu lao động được cung cấp bởi bên thứ ba và bên đó bị hạn chế về năng lực giải quyết khiếu nại của người lao động, khách hàng nên có biện pháp đảm bảo bên thứ ba áp dụng cơ chế khiếu nại, hoặc xây dựng quy trình khiếu nại cho phép người lao động của bên thứ ba có thể khiếu nại trực tiếp với khách hàng, và sau đó khách hàng phải thông báo cho bên thứ ba để giải quyết.

Hướng dẫn 91. Khi khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp dịch vụ cho người lao động, các dịch vụ này phải được cung cấp trên cơ sở không phân biệt đối xử và tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về chất lượng, an ninh, an toàn và tính năng chuyên môn. Không được ép buộc người lao động sử dụng bất kỳ một dịch vụ nào của bên thứ ba, và nếu bên thứ ba tính phí dịch vụ, thì giá dịch vụ phải ở mức giá thị trường, minh bạch và công bằng.

Hướng dẫn 92. IFC và Ngân hàng Tài thiết và Xây dựng châu Âu có ban hành hướng dẫn (Nơi ở cho người lao động: Quy trình và Tiêu chuẩn) quy định loạt tiêu chuẩn có thể áp dụng với nơi ở của người lao động. Bên thứ ba nên cân nhắc hướng dẫn này và các quy định pháp lý quốc gia khác và xây dựng bộ tiêu chuẩn được thống nhất cho dự án, xây dựng kế hoạch xây dựng và duy trì nơi ở và dịch vụ. Khách hàng nên giám sát điều kiện nơi ở và dịch vụ được cung cấp.

Chuỗi cung ứng

26. Khi có nguy cơ có thể có sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức¹⁵ trong chuỗi cung cấp chính, khách hàng cần xác định rõ những rủi ro này cho phù hợp với khoản 21 và 22 ở trên. Nếu xác định được trường hợp sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức nào, khách hàng cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết những trường hợp đó. Khách hàng sẽ theo dõi chuỗi cung cấp chính này thường xuyên để kịp thời biết được những thay đổi lớn trong chuỗi cung cấp và nếu nguy cơ hay sự cố mới về sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức phát sinh, khách hàng cần có những biện pháp thích hợp để giải quyết những trường hợp đó.

27. Thêm vào đó, khi có nguy cơ cao về các vấn đề an toàn lao động liên quan đến chuỗi cung cấp chính, khách hàng cần có quy trình và biện pháp giải quyết để đảm bảo các nhà cung cấp chính trong chuỗi cung cấp cũng áp dụng biện pháp để ngăn ngừa và sửa chữa những tình huống đe dọa đến tính mạng.

28. Khả năng của khách hàng để xử lý những nguy cơ này có thể phụ thuộc vào tầm kiểm soát của ban lãnh đạo hay mức độ ảnh hưởng của ban lãnh đạo đối với các nhà cung cấp. Trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp giải quyết, khách hàng cần tìm cách thay đổi nhà cung cấp chính bằng một doanh nghiệp có khả năng tuân thủ với các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Hướng dẫn 93. Chuỗi cung ứng để cấp tới vật tư, linh kiện, hàng hóa hay sản phẩm được dùng trong các hoạt động đang tiếp diễn. Chuỗi cung ứng hàng hóa có thể bao gồm các nhà cung cấp nguyên liệu và nhà cung cấp các chi tiết hay linh kiện để lắp ráp và sản xuất. Chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia có thể rất rộng lớn có có đặc tính toàn cầu, trong khi chuỗi cung ứng của doanh nghiệp quốc gia hay doanh nghiệp nhỏ hơn có thể có quy mô nhỏ hơn và có tính chất địa phương, bao gồm doanh nghiệp địa phương và lao động tại gia. Thuật ngữ nhà cung cấp chính nói tới các bên có nhiệm vụ cung cấp hàng hóa và vật tư thiết yếu đối với quy trình chính của dự án. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng trong Tiêu chuẩn hoạt động 2 không áp dụng đối với vật tư hoặc linh kiện được dùng cho giai đoạn xây dựng của dự án.

Hướng dẫn 94. Chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có thể phức tạp và bao gồm số lượng lớn các nhà cung cấp ở các cấp khác nhau. Mặc dù việc đánh giá toàn bộ chuỗi cung ứng có thể là không khả thi, khách hàng nên xác định lĩnh vực rủi ro và tác động liên quan tới khoản 27 và 28, có thể liên quan tới (i) bối cảnh hoạt động của khách hàng (ví dụ rủi ro nội tại của đất nước, khu vực hoặc lĩnh vực); (ii) vật tư, linh kiện, hoặc sản phẩm cụ thể được cung cấp (ví dụ rủi ro nội tại trong sản xuất, hàng hóa nông nghiệp hoặc công nghiệp khai khoáng); hoặc (iii) các yếu tố liên quan khác, và xác định thứ tự ưu tiên khi đánh giá các nhà cung cấp trên. Bước đầu tiên là xác định các nhà cung cấp, xác định rủi ro và tác động tiêu cực tiềm năng liên quan tới chuỗi cung ứng, và xác định thứ tự ưu tiên các nhà cung cấp theo cấp độ rủi ro. Vì tính chất năng động của phần lớn các chuỗi cung ứng, quá trình này cần được cập nhật định kỳ. Việc theo dõi hoạt động của nhà cung cấp nên được

¹⁵ Nguy cơ về lao động trẻ em và lao động cưỡng bức cần được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1.

tích hợp trong tổng thể hệ thống quản lý. Điều này sẽ giúp khách hàng xác định các quy trình và biện pháp giảm nhẹ có được áp dụng chính xác hay không. Điều này cũng cho biết phản hồi về các lĩnh vực rủi ro và quan ngại mới.

Hướng dẫn 95. Hiệu quả quản lý các vấn đề chuỗi cung ứng phụ thuộc vào khả năng kiểm soát mà khách hàng có thể có. Trong trường hợp chuỗi tích hợp của các nhà cung ứng phụ thuộc vào khách hàng để tồn tại về mặt thương mại, mức độ kiểm soát và rủi ro của khách hàng từ việc nhà cung cấp không tuân thủ tiêu chuẩn sẽ cao. Khi chuỗi cung ứng mở rộng ra các thị trường hàng hóa, là khu vực mà khách hàng có ít ảnh hưởng, thì việc khách hàng đánh giá chuỗi cung ứng sẽ chỉ phản ánh được những vấn đề của ngành hơn là các cơ hội giảm nhẹ của riêng dự án. Trong trường hợp khách hàng có hoạt động phức tạp với nhiều cấp độ các nhà cung cấp, mức độ kiểm soát của khách hàng sẽ giảm dần khi các nhà cung cấp ở các cấp độ xa hơn.

Hướng dẫn 96. Đối với lao động trẻ em và lao động cưỡng bức được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 2, khách hàng cần kiểm tra chi tiết chuỗi cung ứng của mình để tránh hưởng lợi hoặc thu được lợi ích tài chính từ các tập quán trên. Khách hàng nên đặc biệt có nỗ lực tiến hành kiểm tra thêm khi các tập quán trên thịnh hành hoặc được biết là có tồn tại trong một số công đoạn của chuỗi cung ứng, trong các ngành hoặc khu vực địa lý cụ thể. Lợi ích tài chính có

được từ lao động trẻ em là rủi ro cụ thể khi giá thành cao động là một yếu tố cạnh tranh của hàng hóa và vật tư của khách hàng. Khách hàng nên vận dụng ảnh hưởng của mình một cách tối đa để loại trừ lao động trẻ em và lao động cưỡng bức ra khỏi chuỗi cung ứng của mình. Khách hàng cũng nên có biện pháp đảm bảo là các tình huống có mối nguy hiểm đến tính mạng (ví dụ ở trong hoàn cảnh có rủi ro có vật rơi và dè bẹp, phơi nhiễm với các chất nguy hại, và có nguy hiểm điện giật) được phòng tránh hoặc loại bỏ ra khỏi chuỗi cung ứng.

Hướng dẫn 97. Nếu khách hàng phát hiện lao động cưỡng bức và lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng, khách hàng nên nhờ tư vấn chuyên nghiệp để có các bước thích hợp để giải quyết các vấn đề trên. Trong trường hợp có lao động trẻ em, ngay lập tức không cho trẻ em tiếp tục làm việc có thể sẽ ảnh hưởng xấu đến hoàn cảnh tài chính của trẻ em. Thay vào đó, khách hàng nên tách trẻ em ra khỏi các công việc nguy hiểm, có hại, hoặc không phù hợp với lứa tuổi. Trẻ em trên độ tuổi tốt nghiệp trường học nên được chuyển sang làm công việc không nguy hại. Trẻ em dưới độ tuổi tốt nghiệp trường học chỉ được tham gia hoạt động hợp pháp và ngoài giờ đi học, và trong một số trường hợp có thể phải đền bù cho thu nhập bị mất. Việc áp dụng các quá trình như quy trình mua sắm sẽ đảm bảo là các yêu cầu cụ thể về lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và vấn đề an toàn lao động được bao gồm trong lệnh mua hàng và hợp đồng với nhà cung cấp.

Phụ lục A

Nội dung Đánh giá Lao động

Có thể tiến hành đánh giá lao động ở nhiều cấp độ tùy theo kết quả đánh giá ban đầu của rủi ro dự án mà tập quán lao động mang lại. Việc đánh giá lao động có thể là một phần của quá trình đánh giá xã hội và môi trường hoặc là một quá trình độc lập. Mọi việc đánh giá lao động phải bao gồm đánh giá chính sách tuyển dụng của khách hàng tiềm năng, tính thích hợp của các chính sách hiện hành, và năng lực của lãnh đạo trong việc thực hiện.

Việc đánh giá có thể bao gồm:

- Miêu tả lực lượng lao động – bao gồm số lượng lao động, loại hình công việc và kỹ năng, và thành phần lực lượng lao động (giới, độ tuổi, dân tộc thiểu số, v.v..) và số lượng lao động tuyển dụng qua nhà thầu và các bên thứ ba.
- Miêu tả điều kiện làm việc và điều khoản lao động - Phải cung cấp bản sao của chính sách và quy trình của khách hàng về quản lý quan hệ lao động và quản trị nhân lực. Khách hàng phải nêu rõ người lao động tham gia tổ chức lao động không và đó là tổ chức nào. Thỏa ước lao động tập thể phải được đính kèm nếu có liên quan tới dự án.
- Miêu tả loại hình quan hệ lao động – Miêu tả cấu trúc chuỗi cung ứng của khách hàng và đánh giá rủi ro lao động chính có thể xảy ra trong chuỗi cung ứng. Miêu tả cách thức xác định điều khoản và điều kiện lao động, bao gồm cả đánh giá mức độ so sánh của thù lao và các điều kiện khác với các bên sử dụng lao động tương đương trong ngành.
- Miêu tả môi trường làm việc và xác định các vấn đề sức khỏe và an toàn ngành nghề - Bao gồm biện pháp giảm nhẹ để bảo vệ phúc lợi người lao động hoặc giải quyết rủi ro được xác định. Phải đề cập tới rủi ro phát sinh từ các chức năng và hoạt động thông thường, cũng như rủi ro xuất phát từ các tình huống và tai nạn ít gặp hơn nhưng được biết là có thể gây rủi ro trong ngành hoặc khu vực. Việc đánh giá phải xác định khu vực làm việc, thiết bị và quy trình cần phải có biện pháp thiết kế lại, giảm rủi ro và kiểm soát nguy hại.
- Tuân thủ luật quốc gia về tuyển dụng và lao động – Giải trình về bản chất các vụ vi phạm luật lao động được áp dụng, cung cấp báo cáo của thanh tra quốc gia hoặc cơ quan hành pháp khác và miêu tả các biện pháp giảm nhẹ được tiến hành.
- Miêu tả điều kiện của dự án của khách hàng – Miêu tả đặc điểm dự án, ngành hoặc quốc gia có thể có rủi ro vi phạm luật tuyển dụng hoặc luật lao động hoặc vi phạm quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 2 do dự án của khách hàng hoặc do nhà thầu và nhà cung cấp chính gây ra. Phải có sự so sánh với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 2.
- Xác định chính sách tuyển dụng của khách hàng có điểm nào cần phải cải tiến để phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 2 hoặc luật quốc gia - Khách hàng phải tận dụng cơ hội này để xác định điểm yếu trong chính sách của mình hoặc trong thực tế lao động và thay đổi để cải thiện hoạt động của công ty.

Phụ lục B

Nội dung Chính sách Quản trị Nguồn Nhân lực (HR)

Các doanh nghiệp cần xây dựng chính sách HR dựa trên loại hình kinh doanh của mình. Doanh nghiệp không nên đơn giản sao chép hoặc dập khuôn khi xây dựng văn bản chiến lược có tác động rộng lớn như vậy. Tuy nhiên một khởi đầu tốt là sử dụng các yếu tố của Tiêu chuẩn hoạt động 2 làm định hướng cho điều kiện làm việc và lao động khi xây dựng chính sách HR. Doanh nghiệp phải đảm bảo là mỗi nội dung của chính sách phù hợp với yếu tố và nguyên tắc định hướng tương

ứng của Tiêu chuẩn hoạt động 2. Dưới đây là một số nét chính của Tiêu chuẩn hoạt động 2 để tham khảo, nhưng chính sách HR không nên bị giới hạn bởi các nét chính này.

1. Điều kiện làm việc và Quản lý Quan hệ Lao động
 - a. Chính sách Nguồn Nhân lực
 - b. Quan hệ Lao động
 - c. Điều kiện Làm việc và Điều khoản Lao động

- d. Tổ chức Lao động
- e. Không phân biệt đối xử và Cơ hội Công bằng
- f. Thời việc
- g. Cơ chế Khiếu nại

2. Bảo vệ Lực lượng Lao động
 - a. Lao động Trẻ em
 - b. Lao động Cường bức
3. Sức khỏe và An toàn nghề nghiệp
4. Lao động do bên thứ Ba cung cấp
5. Chuỗi cung ứng

Chính sách HR phải xuất phát trực tiếp từ Tiêu chuẩn hoạt động 2. Các doanh nghiệp phải nêu rõ ràng và đơn giản về mối liên hệ giữa chính sách của mình và các yếu tố của Tiêu chuẩn hoạt động 2. Chính sách này không cần phải dài và có tính kỹ thuật như văn bản pháp lý. Doanh nghiệp đơn giản có thể trích dẫn nguyên tắc hướng dẫn của Tiêu chuẩn hoạt động 2 và điều chỉnh

ngôn ngữ cho doanh nghiệp.

Thông tin bổ sung về xây dựng chính sách HR có thể được xem trong Cẩm nang về Lượng hóa và Cải thiện Hoạt động Tiêu chuẩn Lao động của IFC.

Nội dung Quy trình HR

Quy trình phải được viết rõ ràng. Quy trình phải giải thích rõ từng bước mọi người sẽ áp dụng nguyên tắc của Tiêu chuẩn hoạt động 2 và chính sách HR thế nào. Quy trình phải được thông báo rõ ràng cho người lao động ở mọi cấp độ của doanh nghiệp, bằng mọi ngôn ngữ được sử dụng trong doanh nghiệp.

Quy trình HR không thể là các hoạt động tách biệt tồn tại song song với các quy trình hiện hữu của doanh nghiệp. Quy trình này cần phải được tích hợp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày.

Thông tin bổ sung về quy trình HR có thể được tham khảo trong Cẩm nang nêu trên của IFC.

Phụ lục C

Thông tin cung cấp cho cá nhân người lao động

Thông tin thông báo cho người lao động khi họ bắt đầu làm việc thường được quy định bởi các nguyên tắc về thông tin trên hoặc nằm trong hợp đồng lao động do luật quốc gia quy định, tuy nhiên tài liệu và hợp đồng ban đầu nên bao gồm thêm thông tin sau:

- Tên và địa chỉ của bên sử dụng lao động;
- Chức vụ của người lao động;
- Ngày bắt đầu làm việc;
- Nếu không phải là lao động dài hạn thì nên nêu thời gian dự kiến của hợp đồng;
- Vị trí làm việc, hoặc nếu công việc di động thì nêu địa điểm chính;
- Số giờ làm việc, quyền nghỉ phép và các vấn đề liên quan khác;
- Quy định về ngoài giờ và bồi dưỡng ngoài giờ;
- Cấp độ và nguyên tắc liên quan tới việc tính lương, thù lao và các quyền lợi khác, bao gồm cả mọi quy

định liên quan đến khấu trừ;

- Lương hưu và các thỏa thuận an sinh xã hội khác mà người lao động được hưởng;
- Thời gian thông báo trước để người lao động thông báo khi muốn nghỉ hoặc nhận thông báo thôi việc;
- Quy trình kỷ luật được áp dụng đối với người lao động, bao gồm chi tiết về quyền đại diện mà người lao động được hưởng và cơ chế kháng cáo;
- Chi tiết về quy trình khiếu nại, bao gồm cả người tiếp nhận khiếu nại;
- Mọi thỏa thuận về thương lượng tập thể mà người lao động được hưởng.

Thông tin này tốt nhất là nên được cung cấp cho người lao động khi bắt đầu làm việc, nhưng nếu không, nên được cung cấp càng sớm càng tốt sau này.

Phụ lục D

Khiếu nại - Nguyên tắc cho cơ chế khiếu nại

Cơ chế khiếu nại không có khuôn mẫu có sẵn, và những vấn đề như vậy ít khi được pháp luật quốc gia đề cập, mặc dù thỏa ước lao động tập thể có thể có điều khoản liên quan. Tuy nhiên, có một số nguyên tắc có thể được sử dụng cho cơ chế khiếu nại hiệu quả.

- **Cung cấp thông tin:** Mọi người lao động phải được thông báo về cơ chế khiếu nại vào thời điểm được tuyển dụng, và chi tiết về cách thức vận hành của cơ chế này phải được cung cấp dễ dàng, ví dụ như được cung cấp cùng với tài liệu phát cho người lao động hoặc đăng trên bảng thông báo.
- **Quy trình minh bạch:** Người lao động phải được biết họ cần gặp ai trong trường hợp khiếu nại và phải được hỗ trợ và tư vấn. Các cấp quản lý trực tiếp và cấp cao phải biết rõ quy trình khiếu nại của doanh nghiệp.
- **Duy trì tính cập nhật:** Quá trình này phải được đánh giá và cập nhật định kỳ, ví dụ như bằng cách tham chiếu các hướng dẫn mới về tư cách pháp nhân, thay đổi trong hợp đồng hoặc đại diện.
- **Bảo mật:** Quá trình này phải đảm bảo là khiếu nại được xử lý một cách bảo mật. Tuy quy trình có thể quy định đầu tiên phải khiếu nại với cấp quản lý trực tiếp, nhưng vẫn phải có phương án cho phép khiếu nại trước với cấp quản lý khác, ví dụ với cấp quản lý về nguồn nhân lực (nhân sự).
- **Không trả đũa:** Quy trình phải đảm bảo người lao động khi khiếu nại sẽ không bị chịu hình thức trả

đũa nào.

- **Thời gian biểu hợp lý:** Quy trình nên cho phép có thời gian để điều tra đầy đủ về khiếu nại, nhưng cũng nên hướng tới giải pháp nhanh chóng. Khiếu nại càng bị kéo dài bao nhiêu thì hai bên sẽ càng khó quay trở lại quan hệ bình thường sau này bấy nhiêu. Nên đặt ra thời hạn đối với mỗi giai đoạn của quy trình, ví dụ là thời gian tối đa từ lúc có khiếu nại tới lúc thu xếp cuộc gặp để điều tra khiếu nại.
- **Quyền kháng cáo:** Người lao động nên có quyền kháng cáo lên cấp lãnh đạo cao hơn nếu người lao động chưa hài lòng với kết quả ban đầu.
- **Quyền được đi cùng:** Tại mọi cuộc họp hoặc buổi trình bày, người lao động phải có quyền được đi cùng với đồng nghiệp, người bạn hoặc đại diện công đoàn.
- **Lưu hồ sơ:** Phải lưu hồ sơ văn bản cho mọi giai đoạn. Khiếu nại đầu tiên, nếu có thể, nên ở dạng văn bản, cũng như sự phản hồi, biên bản mọi cuộc họp và kết quả và giải trình về kết quả.
- **Quan hệ với thỏa ước tập thể:** Quy trình khiếu nại có thể được tích hợp trong thỏa ước tập thể. Mọi quá trình bổ sung phải thống nhất với hai quy trình trên.
- **Quan hệ với quy định pháp lý:** Tại một số nước, quá trình khiếu nại được quy định trong luật lao động. Quy trình tại nơi làm việc phải tuân thủ các quy định trên.

Phụ lục E

Nội dung Kế hoạch Thôi việc

Chi phí và Giải pháp Thay thế cho Thôi việc

- Cho người lao động thôi việc phải được coi là phương án cuối cùng và chỉ được áp dụng sau khi không còn phương án thay thế nào khác.
- Doanh nghiệp đầu tiên nên nghiên cứu chi phí và phương án thay thế của thôi việc.
- Phải xem xét các phương án thay thế của thôi việc, bao gồm cả phương án do người lao động, quản lý và chủ sở hữu đề xuất, cũng như phương án do các bên liên quan khác đề xuất thông qua tham vấn sơ bộ ban đầu.

Miêu tả Thôi việc Dự kiến và Giải trình Nguyên nhân

- Dự kiến mức độ ảnh hưởng, nguyên nhân, và chi tiết khuôn khổ thời gian của lực lượng lao động (số lượng lao động nam và nữ phân chia theo trình độ kỹ năng và loại hợp đồng)
- Mức độ phù hợp của mức độ tuyển dụng hiện tại và nhu cầu thôi việc từ quan điểm kinh doanh
- Quy mô thôi việc dự kiến (số lượng nam và nữ cho thôi việc theo trình độ tay nghề và loại hợp đồng)
- Lịch trình thôi việc.

Bối cảnh kinh tế liên quan

- Đặc điểm kinh tế địa phương, với mối liên hệ tới khả năng tìm việc làm mới hoặc khởi sự doanh nghiệp mới của những người bị thôi việc
- Tầm quan trọng của doanh nghiệp/công ty đối với kinh tế địa phương
- Xu hướng chính trong ngành nghề của doanh nghiệp (ví dụ mức tăng trưởng dự kiến, mức độ tuyển dụng, tiền công, đầu tư nước ngoài và trong nước).

Phương pháp và Quy trình Thôi việc

- Phương pháp dự kiến (ví dụ thôi việc tự nguyện, gói trợ cấp, buộc thôi việc)
- Tư vấn và thương lượng (ví dụ với tổ chức lao động, đại diện người lao động, tổ chức cộng đồng, đại diện chính phủ, và cơ quan phi chính phủ)
- Tiêu chí lựa chọn người lao động sẽ thôi việc
- Chiến lược phòng tránh tỷ lệ mất cân đối của nhóm xã hội (ví dụ phụ nữ hoặc thành viên nhóm sắc tộc hoặc tôn giáo cụ thể) trong số người bị thôi việc.

Quản lý

- Cá nhân hay nhóm người chỉ đạo/giám sát quá trình thôi việc
- Quy trình khiếu nại và kháng cáo
- Khuôn khổ Pháp lý
- Quy định pháp lý liên quan tới việc về hưu sớm, gói trợ cấp và buộc thôi việc
- Vai trò pháp lý của công đoàn hoặc cơ quan đại diện khác trong quá trình thôi việc
- Các thỏa thuận với công đoàn hoặc đại diện lao động có liên quan
- Mức độ tuân thủ của thôi việc dự kiến với các quy

định pháp lý và thỏa thuận được áp dụng

- Người lao động thôi việc được hưởng bảo hiểm thất nghiệp hoặc chương trình phúc lợi khác
- Khả năng của lao động bán thời gian hoặc hợp đồng được hưởng lợi ích hoặc hỗ trợ

Tác động Dự kiến đối với Lao động Thôi việc và Cộng đồng

- Triển vọng đối với lao động thôi việc (nhu cầu thị trường đối với kỹ năng của họ và nguồn thu nhập/tuyển dụng thay thế), khả năng lao động thôi việc được hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc các phúc lợi khác
- Tác động đối với cộng đồng diện rộng và các biện pháp khắc phục được đề xuất.

Đền bù và Hỗ trợ bổ sung khác đối với Lao động Thôi việc

- Mức đền bù dự kiến phân theo trình độ kỹ năng và loại hợp đồng
- Chương trình đào tạo
- Tư vấn nghề nghiệp
- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp siêu nhỏ

Giám sát Quá trình Thôi việc

- Chỉ tiêu giám sát (ví dụ tình hình của lao động thôi việc, thanh toán phần được hưởng, kết quả của việc hỗ trợ)
- Tần suất của các hoạt động giám sát
- Các bộ phận thực hiện việc giám sát.

Tài liệu bổ trợ

- Tham chiếu văn bản, hồ sơ lưu về tham vấn với lao động bị ảnh hưởng, bảng biểu, và tài liệu liên quan theo danh mục.

Tài liệu tham khảo

Các Hiệp định Quốc tế

Một số các yêu cầu trong Hoạt động tiêu chuẩn số 2 được hưởng dẫn theo tiêu chuẩn được thiết lập dựa trên các thỏa thuận quốc tế sau đàm phán của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên hợp quốc (UN), lưu ý trong từng trường hợp:

- Công ước ILO 87 về Hiệp hội và Bảo vệ Quyền Tổ chức Tự do.
- Công ước ILO 98 về Quyền Tổ chức và thương lượng tập thể
- Công ước ILO 29 về lao động cưỡng bức
- Công ước ILO 105 về xoá bỏ lao động cưỡng bức
- Công ước ILO 138 về tuổi tối thiểu (của lao động)
- Công ước ILO 182 về hình thức tồi tệ nhất của lao động

trẻ em

- Công ước ILO 100 về thù lao bình đẳng
- Công ước ILO 111 về phân biệt đối xử (việc làm và nghề nghiệp)
- Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em, Điều 32.1

Danh sách của tám công ước ILO và các nước đã phê chuẩn có sẵn tại cơ sở dữ liệu của chuẩn lao động quốc tế ILOEC: <http://www.ilo.org/ilolex/english/index.htm>. Văn bản của các công ước ILO và danh sách của các nước phê chuẩn có sẵn tại <http://www.ilo.org/ilolex/english/convdisp2.htm>.

Năm 1998, các thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế đã nhất trí về một “Tuyên bố về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc” (<http://www.ilo.org/public/english/standards/>)

reim/ilc/ilc86/com-dtxt.htm), tuyên bố rằng “tất cả các thành viên, ngay cả khi họ không phê chuẩn các Công ước, từ thực tế của các thành viên trong Tổ chức, có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện nghiêm túc và phù hợp với điều lệ, nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản của các Công ước đó”. Phần lớn các quốc gia đã phê chuẩn một số trong tám công ước ILO bao gồm bốn tiêu chuẩn lao động cơ bản. Ngoài ra, hầu hết các quốc gia có pháp luật về lao động phản ánh tám tiêu chuẩn cốt lõi, dù đã hoặc chưa phê chuẩn các công ước. Trong trường hợp các tiêu chuẩn này đã không được sáp nhập vào luật pháp quốc gia, khách hàng cần xác định và thực hiện các tiêu chuẩn có liên quan như mô tả trong tiêu chuẩn hoạt động số 2 và Chú ý Hướng dẫn đi kèm.

Tài liệu tham khảo khác của ILO trong chú ý hướng dẫn số 2 bao gồm những điều sau đây:

- Công ước ILO 155 về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp
- Nghị định ILO 155 của năm 2002 về an toàn lao động và Công ước Y tế
- Công ước ILO 162 về A-mi-ăng
- Công ước ILO 174 về phòng chống tai nạn chủ yếu trong công nghiệp.

Một số trong những chủ đề về tiêu chuẩn hoạt động số 2 (lưu ý các phần có liên quan) cũng trong phạm vi của điều ước quốc tế đã được đàm phán thông qua Liên Hợp Quốc:

- Tuyên ngôn Nhân quyền Liên Hợp Quốc
- Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Kinh tế, Xã hội, văn hóa
- Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Dân sự và Chính trị Quốc tế
- Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em.
- Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc của Liên Hợp Quốc
- Công ước Liên Hợp Quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

Danh sách sáu công ước của Liên Hợp Quốc và các nước đã phê chuẩn có sẵn tại <http://www2.ohchr.org/English/law/index.htm>. Tình trạng phê chuẩn của mỗi công ước theo quốc gia hiện có sẵn tại <http://treaties.un.org/pages/treaties.aspx?id=4?&subid=A&lang=en>.

Xem thêm “Công ước về Quyền của Người khuyết tật” của Liên Hợp Quốc, chi tiết cụ thể các quyền của người khuyết tật: <http://www.un.org/disabilities/convention/conventionfull.shtml>. Xem thêm Nghị định thư của Liên Hợp Quốc “Công ước Bổ sung về Quyền của Người khuyết tật” tại <http://www.un.org/disabilities/convention/optprotocol.shtml>.

Hướng dẫn, khuyến nghị, và xét xử

Các nguồn do các tổ chức sau đây cung cấp những hướng dẫn bổ sung hữu ích:

ILO (Tổ chức Lao động Quốc tế). Năm 2006. Tuyên bố ba bên về các nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và Chính sách xã hội. Phiên bản thứ 4. Geneva: ILO. Cuốn sách

này, có sẵn để tải về, cung cấp hướng dẫn về điều kiện việc làm, đào tạo, công việc và đời sống, và quan hệ công nghiệp. http://ilo.org/empent/publications/wcms_094386/lang-en/index.htm.

Năm 2007. “Mối quan hệ Việc làm: Hướng dẫn chú giải cho Khuyến nghị ILO số 198”. ILO, Geneva. <http://www.ilo.org/public/English/dialogue/tpdial/downloads/guide-rec198.pdf>

2011a. “Ủy ban về Tự do của Hiệp hội”. ILO, Geneva. Ủy ban này điều tra hành vi vi phạm quyền tổ chức hoặc thương lượng tập thể. Kỳ họp ba bên (chính phủ, người sử dụng lao động, và công đoàn) của chín thành viên ra soát các ý kiến khiếu nại về việc tuân thủ các nguyên tắc tự do của hiệp hội và thương lượng tập thể của quốc gia, dù quốc gia đã hay chưa phê chuẩn Công ước ILO 87 và 98. Để xem lại các trường hợp, vui lòng vào trang web <http://www.ilo.org/ilolex/english/index.htm> và bấm vào “các trường hợp của Ủy ban về Tự do của Hiệp hội”. Các trường hợp được sắp xếp theo quốc gia và trường hợp.

2011b “tiêu chuẩn lao động quốc tế”. ILO, Geneva. <http://webfusion.ilo.org/public/db/standards/normes/appl/index.cfm?lang=En>.

Trang web này đánh giá tình hình các nước thành viên thực hiện các công ước lao động đã được phê duyệt định kỳ. Cơ sở dữ liệu tìm kiếm có thể tìm những kết quả nghiên cứu của các chuyên gia Ủy ban về việc áp dụng Công ước và khuyến nghị quốc gia và về hành vi vi phạm.

IOM (Tổ chức Di cư quốc tế). Năm 2011. Trang chủ. IOM, Geneva. <http://www.iom.int/jahia/jsp/index.jsp>. IOM, tổ chức liên chính phủ được thành lập vào năm 1951, cam kết nguyên tắc di cư nhân đạo, có trật tự và lợi ích người di cư và xã hội.

OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế). “Hướng dẫn cho các doanh nghiệp đa quốc gia”. OECD, Paris. http://www.oecd.org/topic/0.2686.en_2649_34889_1_1_1_37439.00.html. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về quan hệ việc làm và công nghiệp, quyền con người, môi trường, tiết lộ thông tin, đấu tranh chống hối lộ, lợi ích của người tiêu dùng, khoa học và công nghệ, cạnh tranh, và thuế.

IFC và Ngân hàng Thế giới

IFC và Ngân hàng Thế giới (WB) đã công bố một số nguồn tài liệu như sau:

IFC (Công ty Tài chính quốc tế) năm 2002. “Giải quyết vấn đề lao động trẻ em trong nơi làm việc và chuỗi cung ứng” Ghi chú thực hành số 1, IFC, Washington, DC. [http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachmentsbytitle/p_childlabor/\\$file/childlabor.pdf](http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachmentsbytitle/p_childlabor/$file/childlabor.pdf). Ghi chú này cung cấp các phương pháp tiếp cận thực tiễn tốt mà các doanh nghiệp đã áp dụng thành công trong việc quản lý các rủi ro liên quan tới lao động trẻ em tại nơi làm việc của chính họ và nhà cung cấp của họ.

Năm 2005. “Quản lý cắt giảm công việc”. Chú ý thực hành số 4, IFC Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/>

attachmentsbytitle/P_retrenchment/ \$ file / retrenchment.pdf. Chú ý 28-trang này cung cấp hướng dẫn về cách lập kế hoạch và quản lý quá trình cắt giảm công việc, khi việc mất công việc được dự đoán.

2006a. “Điều kiện Lao động và làm việc”. Ghi chú Hướng dẫn số 2, IFC, Washington, DC. [http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachmentsbytitle/pol_guidancenote_2/ \\$ file/Guidancenote2.pdf](http://www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachmentsbytitle/pol_guidancenote_2/ $ file/Guidancenote2.pdf). Hướng dẫn chung về Môi trường, Y tế và an toàn cũng như các hướng dẫn lĩnh vực cụ thể Y tế môi trường và an toàn của IFC áp dụng cho tất cả các nơi làm việc có liên quan với các dự án IFC và cung cấp thông tin hướng dẫn chung và cụ thể cho sức khỏe lao động, vệ sinh lao động và an toàn lao động.

2006b. “Không phân biệt đối xử và bình đẳng”. Chú ý thực hành số 5, IFC, Washington, DC. [http://ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachmentsbytitle/p_nondiscrimination/ \\$ file / nondiscrimination.pdf](http://ifc.org/ifcext/enviro.nsf/attachmentsbytitle/p_nondiscrimination/ $ file / nondiscrimination.pdf). Chú ý này cung cấp hướng dẫn cho các khách hàng của IFC và người sử dụng lao động khác tại các thị trường mới nổi nhằm thúc đẩy bình đẳng và đa dạng, và khắc phục hành động kỳ thị, đồng thời thừa nhận rằng chủ đề này thường gây tranh cãi và khó khăn.

Năm 2007. “Hướng dẫn chung về Môi trường, Y tế, và an toàn”. IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/content/ehsguidelines>. Các hướng dẫn bao gồm các mức hoạt động và các biện pháp thường được chấp nhận cho IFC và được coi là chi phí hợp lý với công nghệ hiện có.

Năm 2010. Đo lường và Cải thiện hoạt động tiêu chuẩn lao động: Tiêu chuẩn hoạt động số 2 Số tay cho Điều kiện Lao động và làm việc. IFC: Geneva. Cuốn sách này là một tài liệu tham khảo thực tế và nhằm mục đích cung cấp thông tin về hệ thống quản lý và năng lực nhân viên nội bộ cần thiết để cải thiện tiêu chuẩn hoạt động của lao động trong công ty và chuỗi cung ứng.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế) và EBRD (Ngân hàng Tái thiết và Phát triển châu Âu). Năm 2009. “Chỗ ở Người lao động: Quy trình và tiêu chuẩn. Chú ý Hướng dẫn, IFC, Washington, DC, và EBRD, London.

Ngân hàng Thế giới. Năm 2009. “Thực tiễn tốt: a-mi-ăng - các vấn đề lao động và sức khỏe cộng đồng”. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. <http://siteresources.worldbank.org/extpops/resources/asbestosguidancenotefinal.pdf>. Chú ý này thảo luận về những rủi ro sức khỏe liên quan đến việc tiếp xúc với a-mi-ăng

và cung cấp các nguồn thông tin về thực tiễn quốc tế tốt nhất. 2011a. “Chương trình thị trường lao động chủ động và Chính sách hoạt hoá”. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. <http://go.worldbank.org/mvgt042oa0>. Trang web này cung cấp thông tin hữu ích cho khách hàng đang đối mặt với cắt giảm công việc quy mô lớn.

2011b. “Công cụ tiêu chuẩn lao động cốt lõi”. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. <http://go.worldbank.org/1ja8b2co0>. Công cụ này cung cấp thông tin tổng quát về bốn nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc của Tổ chức Lao động quốc tế. Trang web này cũng cung cấp liên kết đến các nguồn thông tin hữu ích khác.

Báo cáo Quốc gia về thực tiễn Lao động

ICFTU (Liên đoàn Công đoàn Thương mại Tự do Quốc tế). 1997-2006. “Báo cáo Quốc gia: WTO và các tiêu chuẩn lao động về tiêu chuẩn thương mại và lao động”. ICFTU, Brussels. <http://www.icftu.org/list.asp?language=en&order=date&type=wtoreports&subject=ils>. Trang web này cung cấp các báo cáo quốc gia về thực hiện quyền lao động.

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. 1999-2010. “ Báo cáo Quốc gia về nhân quyền”. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Washington, DC. <http://state.gov/g/drl/rls/hrrpt/index.htm>. Các báo cáo này được phát hành trên hầu như tất cả các nước. Mục 6 của báo cáo này bao gồm rất nhiều các vấn đề lao động trong Tiêu chuẩn Hoạt động số 2.

Quản lý chuỗi cung ứng

CIPS (Viện quản lý sức mua và nguồn cung). Năm 2011. Trang chủ. CIPS, Mansfield, Anh. <http://cips.org/>. Viện khuyến khích và phát triển các tiêu chuẩn cao về tính chuyên nghiệp kỹ năng, khả năng, và tính toàn vẹn giữa các bên tham gia mua sắm và quản lý chuỗi cung ứng.

IFPSM (Liên đoàn quốc tế mua và quản lý nguồn cung). Năm 2011. Trang chủ. <http://www.ifpmm.org/>. IFPSM là tập hợp của 43 hiệp hội mua sắm quốc gia và khu vực trên toàn thế giới. Trong tổ chức này, có thể tiếp cận được khoảng 200.000 chuyên gia nghiên cứu về sức mua sắm.

ISM (Viện quản lý nguồn cung). Năm 2011. Trang chủ. ISM, Tempe, AZ. <http://www.ism.ws/>. Được thành lập vào năm 1915, ISM là hiệp hội quản lý nguồn cung cấp lớn nhất thế giới.

Hướng dẫn 3

Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm

Hướng dẫn 3 liên quan đến việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 3. Để nghị tham chiếu Tiêu chuẩn hoạt động 1 - 2 và 4 - 8 cũng như Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 3 thừa nhận rằng hoạt động công nghiệp và đô thị hóa gia tăng thường làm tăng ô nhiễm không khí, nước, và đất, và sử dụng nguồn lực có hạn theo cách có thể đe dọa con người và môi trường trên phạm vi địa phương, khu vực và toàn cầu.¹Toàn cầu cũng đang lo ngại về nồng độ khí nhà kính (GHG) hiện nay và dự báo đang đe dọa sức khỏe cộng đồng và phúc lợi của các thế hệ hiện tại và mai sau. Mặt khác, công nghệ và thực tiễn sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả hơn, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm² và phát thải khí nhà kính đã trở nên dễ tiếp cận hơn ở hầu như tất cả các nơi trên thế giới. Những biện pháp này thường được triển khai trên cơ sở các phương pháp đổi mới không ngừng - giống như đổi mới không ngừng về chất lượng và năng suất thường được biết đến trong các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

2. Tiêu chuẩn Hoạt động này thách thức cách tiếp cận kiểu dự án đối với vấn đề tiết kiệm nguồn tài nguyên và phòng ngừa và xử lý ô nhiễm phù hợp với những công nghệ và thông lệ quốc tế phổ biến. Ngoài ra, Tiêu chuẩn hoạt động này thúc đẩy khả năng của khu vực tư nhân trong việc tích hợp công nghệ và thực tiễn đó chùng nào việc sử dụng chúng về mặt kỹ thuật và tài chính là khả thi và hiệu quả trong bối cảnh của một dự án phải dựa vào các kỹ năng và các nguồn lực thương mại sẵn có.

¹ Theo mục đích của Tiêu chuẩn Hoạt động này, thuật ngữ "ô nhiễm" được sử dụng để chỉ chất nguy hại hay không nguy hại ở thể rắn, lỏng, hoặc khí, và bao gồm cả các hình thức khác như sêu bọt, mầm bệnh, xạ nhiệt vào nước, thải khí nhà kính, mùi gây khó chịu, tiếng ồn, độ rung, bức xạ, năng lượng điện từ, và việc tạo ra các tác động tiềm năng về thị giác bao gồm cả ánh sáng.

² Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, "ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm" không có nghĩa là loại trừ hoàn toàn chất phát thải, mà có nghĩa là phòng tránh tại nguồn nếu có thể, và nếu không thể phòng tránh được thì giảm thiểu ô nhiễm tới mức đáp ứng được mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động.

Mục tiêu

- Để tránh hoặc giảm thiểu tác động xấu đến sức khỏe con người và môi trường bằng cách tránh hoặc giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động của dự án.
- Để thúc đẩy việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, kể cả năng lượng và nước.
- Để giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ các hoạt động của dự án.

Hướng dẫn 1. Để đạt được các mục tiêu này, khách hàng phải tính đến tác động tiềm năng của hoạt động doanh nghiệp tới điều kiện xung quanh (như chất lượng không khí xung quanh) và tìm cách giảm thiểu tác động đó trong hoàn cảnh thiên nhiên và mức độ phát thải. Đối với các dự án nhỏ và vừa có mức độ phát thải tiềm năng giới hạn, có thể đạt được mục tiêu trên bằng cách tuân thủ tiêu chuẩn phát thải và chất thải lỏng và áp dụng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm. Tuy nhiên, các dự án lớn với mức độ phát thải và/hoặc tác động tiềm năng lớn có thể phải giám sát tác động đối với môi trường xung quanh (ví dụ sự thay đổi về chuẩn mực môi trường xung quanh) bên cạnh việc có các biện pháp kiểm soát. Thông tin bổ sung về xử lý điều kiện môi trường xung quanh xem thêm trong khoản 11 của Tiêu chuẩn hoạt động 3 và Hướng dẫn này.

Hướng dẫn 2. Tác động môi trường tiềm năng liên quan tới phát thải khí nhà kính (GHGS) được coi là một trong những tác động khó dự đoán và giảm nhẹ nhất vì tính chất toàn cầu. Vì vậy, khách hàng được khuyến khích xem xét mức độ đóng góp vào thay đổi khí hậu trong quá trình xây dựng và triển khai dự án và giảm thiểu phát thải GHG trong các hoạt động kinh doanh chính của mình trong chừng mực mà chi phí có hiệu quả.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt

động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Các yêu cầu chung

4. Trong suốt chu kỳ (vòng đời) của dự án, khách hàng sẽ xem xét các điều kiện môi trường xung quanh và áp dụng công nghệ và nguyên tắc khả thi nhất về mặt kỹ thuật và tài chính phù hợp nhất để phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, hoặc nếu không thể tránh thì giảm thiểu hoặc làm giảm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường.³ Các kỹ thuật và nguyên tắc phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đặc thù của dự án áp dụng trong suốt vòng đời dự án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với các mối nguy hiểm và rủi ro của dự án và phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành (GIIP),⁴ như được phản ánh trong các nguồn tài liệu quốc tế bao gồm cả Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới (Hướng dẫn EHS).

5. Khách hàng tham khảo Hướng dẫn EHS hay các nguồn tài liệu quốc tế khác, khi phù hợp, để đánh giá và lựa chọn công nghệ tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm cho dự án. Hướng dẫn EHS cung cấp những mức hoạt động chuẩn và các biện pháp được chấp nhận và áp dụng cho các dự án. Nếu các quy định của nước sở tại khác với mức và biện pháp được nêu trong Hướng dẫn EHS, thì yêu cầu dự án đạt được mức nghiêm ngặt hơn. Nếu mức hoặc biện pháp ít nghiêm ngặt hơn so với Hướng dẫn EHS là phù hợp, thì trong các trường hợp dự án cụ thể, cần có minh chứng cụ thể và chi tiết về các giải pháp thay thế trong đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Những minh chứng cần phải chứng tỏ được sự lựa chọn đối với mức tính năng thay thế là phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

(i) *Phát triển dự án mới (bao gồm cả việc mở rộng hoạt động hiện tại với quy mô lớn)*

Hướng dẫn 3. Khách hàng triển khai dự án mới hoặc mở rộng dự án quy mô lớn nên đánh giá và tích hợp

³ Khả thi về mặt kỹ thuật được dựa trên việc liệu các biện pháp và hành động để xuất có thể được thực hiện với thiết bị, kỹ năng và vật liệu sẵn có về mặt thương mại, có tính đến các yếu tố địa phương thực tế như khí hậu, địa lý, nhân khẩu học, cơ sở hạ tầng, an ninh, quản trị, và năng lực và độ tin cậy trong hoạt động. Khả thi về mặt tài chính được xem xét dựa trên các yếu tố thương mại như chi phí của việc áp dụng các biện pháp và hành động như vậy so với số tiền để đầu tư, điều hành và bảo trì dự án và liệu chi phí gia tăng có thể làm cho dự án không khả thi đối với khách hàng.

⁴ Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu. Kết quả của quá trình này là việc dự án áp dụng công nghệ phù hợp nhất đối với trường hợp cụ thể của dự án.

khía cạnh môi trường vào trong dự án, bao gồm cả việc sử dụng toàn bộ và hiệu quả nguồn tài nguyên, trong giai đoạn thiết kế (bao gồm cả thiết kế dự án và phương án lựa chọn vị trí). Trong tính toán nên lưu ý tới điều kiện môi trường xung quanh trước đó (các điều kiện đó có thể xuất hiện do những nguyên nhân tự nhiên và/hoặc nhân chủng không liên quan tới dự án), sự hiện diện của cộng đồng địa phương, các yếu tố tiếp nhận nhạy cảm về môi trường (như nguồn nước uống hoặc khu vực được bảo vệ), nhu cầu dự kiến về nước của dự án, và liệu có cơ sở hạ tầng xử lý chất thải không. Nên đánh giá thêm cả khả năng của tác động tích lũy.

Hướng dẫn 4. Tác động môi trường chính có thể xuất hiện tại bất kỳ giai đoạn nào của dự án và phụ thuộc vào một loạt các yếu tố, bao gồm đặc điểm của ngành và vị trí của dự án. Vì vậy, cách tiếp cận trong thiết kế phải tính đến mọi giai đoạn vật chất của dự án, từ việc điều tra địa điểm và xây dựng cho đến giai đoạn vận hành và chấm dứt hoạt động. Nên tính đến khả năng mở rộng dự án trong tương lai trong giai đoạn thiết kế sơ bộ, nếu việc mở rộng này có thể dự đoán được một cách hợp lý.

Hướng dẫn 5. Phải tính đến khía cạnh môi trường của giai đoạn chấm dứt hoạt động, cả trong lúc thiết kế sơ bộ và trong thời gian đánh giá định kỳ như một phần của Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS).

(ii) *Hiện đại hóa và tân trang cơ sở hạ tầng hiện có:*

Hướng dẫn 6. Nếu dự án liên quan tới hoặc bao gồm cơ sở hạ tầng hiện có, khách hàng phải đánh giá cách thức để đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 3, và tìm cách nâng cao hiệu quả thông qua các điểm mốc được cùng thống nhất trong Kế hoạch Hành động Môi trường và Xã hội (ESAP).

Hướng dẫn 7. Khách hàng đang có hoạt động hiện tại nên đánh giá đầu tư để cải tiến công tác quản lý môi trường và rủi ro lên mức phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động, bằng cách tiến hành các nghiên cứu liên quan, như đánh giá rủi ro ngành hoặc nghiên cứu về mối nguy hại và vận hành, và có tính đến tình huống vận hành tối đa công suất trong điều kiện thường ngày, bao gồm thời điểm vượt tải đột xuất trong lúc khởi động, ngắt dừng, và chạy ra máy.

Hướng dẫn 8. Khách hàng nên tham chiếu Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Ngân hàng Thế giới cùng với các nguồn khác được thế giới công nhận khi đánh giá và lựa chọn tính hiệu quả và biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm và kỹ thuật kiểm soát đối với dự án.

Hướng dẫn EHS bao gồm các cấp độ hoạt động và biện pháp thông thường có thể áp dụng được với giá thành hợp lý thông qua công nghệ có thể mua được trên thị trường. Hướng dẫn các chỉ tiêu về chất thải lỏng, phát thải khí, và các hướng dẫn định lượng, cũng như cách tiếp cận khác về phòng ngừa và kiểm soát để cập trong EHS được coi là giá trị mặc định áp dụng cho dự án mới, mặc dù có thể xem xét việc áp dụng các mức độ hoạt động và biện pháp thay thế. Như nội dung miêu tả của Tiêu chuẩn hoạt động 3, khi yêu cầu áp dụng mức đánh giá hoạt động và biện pháp thay thế, khách hàng cần giải trình và giải thích về biện pháp có mức độ khắt khe thấp hơn yêu cầu của Hướng dẫn EHS và chứng minh là đã lưu ý tới tác động về chất lượng môi trường xung quanh, sức khỏe con người, và môi trường. Hướng dẫn EHS cũng cung cấp thông tin chung hoặc chuyên ngành về khía cạnh Sức khỏe và An toàn Ngành trong Tiêu chuẩn hoạt động 2, khía cạnh Sức khỏe và An toàn Cộng đồng trong Tiêu chuẩn hoạt động 4, và Bảo tồn Đa dạng sinh học và Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên theo Tiêu chuẩn hoạt động 6.

Hướng dẫn 9. Khách hàng có dự án với mức phát thải đáng kể hoặc hoạt động trong môi trường vốn đã xuống cấp phải cố gắng nâng cao hiệu quả hoạt động trên mức yêu cầu về hoạt động và biện pháp được nói tới trong Hướng dẫn EHS và lưu ý đúng mức về năng lực duy trì của khoảng không và lưu vực, nếu thông tin này được biết rõ.

Tiết kiệm nguồn tài nguyên

6. Khách hàng sẽ triển khai các biện pháp hiệu quả về chi phí⁵ và khả thi về mặt kỹ thuật cũng như tài chính để cải thiện tính hiệu quả trong tiêu thụ năng lượng, nước cũng như các nguồn nguyên liệu và nguồn lực khác, tập trung vào những lĩnh vực là hoạt động kinh doanh chính của dự án. Những biện pháp này sẽ kết hợp các nguyên tắc sản xuất sạch hơn với quy trình thiết kế và sản xuất sản phẩm với mục tiêu bảo tồn nguồn nguyên liệu thô, năng lượng và nước. Khi có những dữ liệu chuẩn, khách hàng cần thực hiện so sánh để hiểu rõ mức độ hiệu quả của biện pháp áp dụng.

Hướng dẫn 10. Thuật ngữ “Sản xuất sạch” và “Tiết kiệm tài nguyên” nói tới khái niệm tích hợp việc giảm ô nhiễm trong thiết kế sản phẩm và các quá trình sản xuất liên

⁵ Hiệu quả về chi phí được xác định trên cơ sở chi phí vốn và chi phí vận hành cũng như lợi ích tài chính của việc sử dụng biện pháp đó trong suốt chu kỳ của biện pháp. Đối với Tiêu chuẩn hoạt động này, một biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên hay giảm phát thải khí nhà kính (GHG) sẽ được coi là có hiệu quả về chi phí nếu đem lại lợi nhuận đầu tư (đã tính đến rủi ro) tối thiểu tương ứng với lợi nhuận của dự án.

^{10D1} Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP)

^{10D2} Hoạt động kinh doanh chính là các hoạt động thiết yếu đối với hoạt động kinh doanh của khách hàng và nếu thiếu các hoạt động này thì khách hàng không thể kinh doanh.

quan, hoặc áp dụng quá trình sản xuất thay thế. Quá trình này bao gồm việc áp dụng liên tục chiến lược tích hợp về bảo vệ môi trường đối với sản phẩm, quá trình, và dịch vụ để nâng cao hiệu quả chung và giảm rủi ro đối với con người và môi trường bằng cách bảo toàn nguyên liệu, nước và năng lượng, và giảm hoặc chấm dứt dùng nguyên liệu độc và nguy hại,^{10D1} và được coi là tập quán quốc tế tốt về ngành. Các dự án Sản phẩm Sạch được thiết kế và triển khai tốt, trong đó biện pháp tiết kiệm năng lượng và nước là một bộ phận cấu thành, có thể có tính hiệu quả về chi phí cao và thường thường có tỷ suất hồi vốn nội tại cao hơn so với dự án lớn hơn có áp dụng các biện pháp tương tự. Hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp và thương mại đều có thể nâng cao hiệu quả với phương pháp luận này.

Hướng dẫn 11. Điều khoản này của Tiêu chuẩn hoạt động 3 để cập tới các hoạt động kinh doanh chính^{10D2} của khách hàng. Trong khi Sản xuất sạch có thể đem lại lợi ích về chi phí và môi trường trong các hoạt động kinh doanh phụ, Tiêu chuẩn hoạt động 3 không yêu cầu như vậy. Tiêu chuẩn này cũng không yêu cầu áp dụng mọi biện pháp Sản xuất sạch khác khả thi về mặt kỹ thuật, vì điều này có thể dẫn tới giảm doanh thu và sử dụng nguồn vốn không phù hợp; nên cần kiểm tra về hiệu quả chi phí.

Hướng dẫn 12. Khách hàng nên cập nhật về kỹ thuật Sản xuất sạch được áp dụng trong ngành của dự án và áp dụng trong thiết kế của dự án nếu kỹ thuật đó khả thi về công nghệ và tài chính và hiệu quả về chi phí. Xem thêm Danh mục tham khảo về một số ví dụ Sản xuất sạch khác nhau. Hướng dẫn Chung và theo Ngành của EHS cung cấp thông tin hướng dẫn thêm. Đối với cơ sở hạ tầng hiện có, khách hàng có thể thuê chuyên gia bên ngoài nghiên cứu về Sản xuất sạch/Tiết kiệm tài nguyên. Các nghiên cứu trên thường đề xuất biện pháp giảm giá thành mà không mất chi phí hoặc có chi phí thấp (mức tiết kiệm này thường thừa để trang trải chi phí nghiên cứu), cũng như để ra các biện pháp khác có hiệu quả cao về chi phí.

Hướng dẫn 13. Trong nhiều lĩnh vực công nghiệp và thương mại, nếu có thể xác định rõ đơn vị đầu ra, ví dụ như trong công nghiệp chế biến hoặc khi tài nguyên tiêu thụ chủ yếu là do dịch vụ xây dựng, thường có sản phẩm tiêu chí phổ biến để định lượng hiệu quả hoạt động. Ví dụ mức năng lượng tiêu thụ trên một tấn sản phẩm là một tiêu chí được chấp nhận phổ biến. Tương tự như vậy, tiêu chí trong xây dựng có thể nói tới mức tiêu thụ năng lượng hoặc nước trên đầu người khách/đêm trong khách sạn, hoặc mức tiêu thụ năng lượng cho một đơn vị khu vực đối với các công trình xây dựng khác tùy theo điều kiện khí hậu. Nếu có sẵn các tiêu chí như vậy, hoạt động của dự án đáp ứng được tiêu chí trên sẽ được

dùng để chứng minh là dự án đáp ứng quy định của Tiêu chuẩn hoạt động. Tuy nhiên, một số hoạt động công nghiệp và thương mại, ví dụ ngành lắp ráp hoặc chế tạo, thường không sẵn sàng đánh giá theo tiêu chí.

Hướng dẫn 14. Các quá trình dùng máy móc mới phải phản ánh được tập quán tốt được quốc tế công nhận trong ngành về mức tiết kiệm tài nguyên trong khi tính tới sự khác biệt chính đáng của từng dự án so với tập quán tốt nhất.^{HD3} Trong các ngành tiêu thụ nhiều năng lượng và khí máy móc được tổ chức quốc tế cung cấp, mức trông đợi là thiết kế sẽ đáp ứng được tập quán tốt nhất ở nơi được hình thành. Nếu khách hàng đầu tư vào hoạt động sản xuất đã có sẵn, hoặc dùng thiết bị đã qua sử dụng thì không phải lúc nào cũng có thể đáp ứng được tiêu chuẩn về tập quán tốt nhất vì hạn chế vật lý hoặc chi phí. Nên cân nhắc các biện pháp được đề xuất về tính khả thi về kỹ thuật và tài chính và hiệu quả chi phí.

Hướng dẫn 15. Nếu các bản chào về thiết bị cơ bản thay thế có sự khác biệt về khả năng tiết kiệm tài nguyên, khách hàng nên chứng minh phần phân tích phương án thay thế và quá trình lựa chọn có tính đến hiệu quả tiết kiệm tài nguyên và có nghiên cứu hiệu quả chi phí của bản chào thay thế. Điều này có nghĩa là khi so sánh giữa bản chào giá thấp với thiết bị không hiệu quả và bản chào giá cao hơn cho thiết bị hiệu quả hơn, khách hàng nên nghiên cứu về tỷ suất hồi vốn nội tại của mức tiết kiệm chi phí hoạt động của phương án có mức đầu tư cao hơn trong mức đầu tư phụ trội của phương án đó.

Khí nhà kính

7. Bên cạnh các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên, khách hàng nên xem xét các phương án thay thế và triển khai các phương án hiệu quả về chi phí và khả thi về mặt kỹ thuật cũng như tài chính để giảm phát thải khí nhà kính (GHG) từ hoạt động của dự án trong suốt quá trình thiết kế và vận hành dự án. Những phương án này có thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, việc lựa chọn địa điểm của dự án, áp dụng các nguồn năng lượng tái tạo hoặc nguồn năng lượng các-bon thấp, các thông lệ thực hành nông nghiệp, khai thác rừng và chăn nuôi bền vững, giảm phát thải và giảm sự lan tỏa của khí thải.

8. Đối với những dự án dự kiến có tạo ra hơn 25000 tấn CO₂ hoặc tương đương hàng năm,⁶ khách hàng sẽ lượng hóa phát thải trực tiếp từ cơ sở hoặc cơ sở kiểm

soát trong phạm vi thực tế của dự án,⁷ cũng như phát thải gián tiếp từ các hoạt động sản xuất năng lượng dùng cho dự án.⁸ Việc lượng hóa phát thải khí nhà kính được thực hiện hàng năm theo các phương pháp và thông lệ tốt được quốc tế công nhận.⁹

Hướng dẫn 16. Có một quan điểm phổ biến là những gì đáng để quản lý thì nên được đo đếm trước. Lượng hóa phát thải GHG là bước đầu tiên trong việc quản lý và cuối cùng là giảm sự phát thải trên một cách hiệu quả về chi phí như Tiêu chuẩn hoạt động 2 yêu cầu. Việc thu thập dữ liệu để khách hàng tính toán lượng GHG phát thải có thể sẽ làm cho tiêu thụ và giá thành của bên cung cấp được minh bạch hơn, cũng như giúp so sánh hiệu quả giữa các địa điểm dự án là những hoạt động vốn thúc đẩy kinh tế. Lượng hóa cũng trang bị cho khách hàng tham gia chương trình tài trợ các-bon, và chuẩn bị tham gia cơ chế mua bán phát thải có thể áp dụng sau này. Tiêu chuẩn hoạt động 3 cũng lưu ý tới doanh thu giảm dần của các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nên đã đặt ra hạn mức định, và nếu dưới mức đó thì không cần lượng hóa GHG. Từ quan điểm của quản lý lượng phát thải, lượng hóa GHG trong giai đoạn dự án là một tập quán tốt được quốc tế công nhận trong ngành. Tuy nhiên, việc lượng hóa trên thường được doanh nghiệp tiến hành trên cơ sở tự nguyện, tùy thuộc vào nhu cầu kinh doanh và không liên quan tới các thương thảo quốc tế về môi trường.

Hướng dẫn 17. Phát thải GHG trực tiếp do hoạt động của khách hàng và phát sinh trong ranh giới vật lý của dự án (bao gồm cả cơ sở vật chất có liên quan, nếu có) được coi là phát thải Quy mô 1, trong khi phát thải liên quan tới hoạt động sản xuất tiêu thụ năng lượng ngoài khu vực của dự án được coi là phát thải Quy mô 2. Có những trường hợp phát thải nảy sinh trong bên trong khu vực của khách hàng, nhưng không phải do hoạt động của khách hàng; phát thải như vậy không được tính trong quá trình lượng hóa GHG. Ví dụ bao gồm phát thải của máy bay sử dụng sân bay của khách hàng, hoặc phát thải của xe cộ sử dụng đường cao tốc. Tương tự như vậy, phát thải từ việc sau này đốt nhiên liệu hóa thạch sẽ không được quy cho nhà sản xuất nhiên liệu (ví dụ dự án khai thác hydro các-bon, giao thông hoặc lọc dầu). Lượng CO₂ phát thải từ việc dùng nhiên liệu hóa thạch có thể

⁶ Lượng hóa phát thải cần xem xét các nguồn phát thải khí nhà kính chủ yếu, gồm cả các nguồn phi năng lượng như methane hay nitrous oxide (N₂O).

⁷ Sự thay đổi về nồng độ các-bon trong đất hay sinh khối trên mặt đất và sự thoái hóa của các chất hữu cơ do dự án gây ra đều có thể tạo thành nguồn phát thải và cần được tính đến khi lượng hóa phát thải khí nhà kính một khi lượng phát thải từ nguồn này là đáng kể.

⁸ Chủ yếu để chỉ những hoạt động ngoài khu vực dự án nhằm tạo ra năng lượng điện, năng lượng làm nóng, làm lạnh mà dự án sẽ sử dụng.

⁹ Phương pháp ước tính được cung cấp bởi Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu, các tổ chức quốc tế và các cơ quan liên quan của nước sở tại.

được lượng hóa qua kiến thức sử dụng nhiên liệu. Cũng có các phương ước tính phát thải của các nguồn phát thải khác (Xem phụ lục A và Danh mục tham khảo).

Hướng dẫn 18. Phát thải gián tiếp liên quan tới việc bên khác sản xuất điện năng và cung cấp cho khách hàng sử dụng có thể được ước tính qua số liệu phát thải GHG trung bình cả nước đối với sản xuất điện năng (ví dụ phát thải CO₂ trung bình cả nước trên đơn vị điện năng được sản xuất cho quốc gia). Nên sử dụng cách tính phát thải GHG của điện năng sản sinh đặc thù cho dự án, nếu có (ví dụ mức phát thải CO₂ trung bình trên đơn vị điện của bên cung cấp mà dự án mua điện). Tương tự như vậy, số liệu đặc thù của dự án nên được sử dụng để tính lượng GHG phát thải liên quan tới năng lượng để sưởi ấm hoặc làm mát do bên thứ ba sản xuất. Xem thêm Danh mục tham khảo về một số nguồn cung cấp số liệu thống kê về phát thải GHG trung bình toàn quốc. Phụ lục A xác định năng suất sản sinh điện năng theo từng loại nhiên liệu liên quan tới việc phát thải 25000 tấn CO₂ tương đương.

Hướng dẫn 19. Mặc dù Tiêu chuẩn 3 không yêu cầu chính thức, nhưng khách hàng được khuyến khích công bố lượng GHG phát thải hàng năm trong báo cáo công ty, hoặc qua các cơ chế công bố thông tin tự nguyện khác mà khu vực tư nhân đang sử dụng quốc tế. Xem thêm Danh mục tham khảo.

Hướng dẫn 20. Có nhiều ví dụ về biện pháp giảm GHG hiệu quả về mặt chi phí. Phương án lựa chọn có thể bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi thay đổi sản phẩm để giảm nguyên liệu, ví dụ như dùng bao bì thủy tinh nhẹ, hoặc đúc khuôn ôm gọn trong công nghiệp, tập quán nông nghiệp bền vững (ví dụ gieo hạt trực tiếp thành luống và tối ưu hóa phân bón Ni-tơ trong nông nghiệp), tái sinh nguyên liệu (ví dụ kim loại, thủy tinh hoặc giấy), dùng phụ gia xi-măng, dùng nhiên liệu có hàm lượng các-bon thấp, loại bỏ hoặc giảm rò rỉ GHG, dùng hóa chất có tiềm năng làm nóng toàn cầu thấp (GWP)^{HD4}, giảm cháy khí, thu hồi và đốt khí bãi chứa chất thải, và nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng và dùng năng lượng tái tạo. Ví dụ về biện pháp tiết kiệm năng lượng bao gồm sản xuất điện hiệu quả hơn về năng lượng, sản xuất hỗn hợp nhiệt và năng lượng, đồng sản xuất nhiệt, năng lượng và làm mát, thu hồi nhiệt, thay đổi quy trình, tăng cường kiểm soát quy trình, loại trừ rò rỉ, cách nhiệt, và sử dụng thiết bị tiêu thụ năng lượng tiết kiệm hơn (ví dụ mô-tơ điện, máy nén, quạt, bơm, máy sưởi, đèn chiếu sáng, v.v...). Hướng dẫn EHS Chung cung cấp thêm thông tin hướng dẫn. Ví dụ về năng lượng tái tạo được bao gồm sản xuất hoặc đun nóng

bằng năng lượng mặt trời, năng lượng nước, gió, một số loại địa nhiệt, và khí đốt sinh học từ chất thải. Hệ thống năng lượng tái tạo dựa trên sinh khối có thể được kết hợp với thiết bị kiểm soát ô nhiễm (ví dụ tiêu hủy yếm khí chất thải lỏng) và có thể sản sinh năng lượng hữu ích từ chất thải hữu cơ. Điều này có thể giúp cho lượng các-bon có trong chất thải này thoát ra ngoài khí quyển dưới dạng đi-ô-xít các-bon chứ không phải mê-than là một loại khí thải GHG công hiệu hơn. Một số loại hình nông nghiệp và lâm nghiệp có thể cô lập lượng CO₂ lớn từ khí quyển. Việc thu hồi và lưu trữ Các-bon (CCS) có tiềm năng loại bỏ lượng đi-ô-xít các-bon lớn từ các nguồn phát thải tập trung như nhà máy điện hoặc lò xi-măng. Các biện pháp giảm GHG, ví dụ như tiêu hủy hoá chất có chỉ số GWP cao có thể trở nên hấp dẫn nếu được cơ chế tài trợ các-bon ủng hộ.

Hướng dẫn 21. Sáu loại GHG đáng lo ngại nhất theo Công ước Khung của Liên hợp quốc về Thay đổi khí hậu là:

- (i) Đi-ô-xít các-bon (CO₂) (GWP = 1)
- (ii) Mê-than (CH₄) (GWP = 21)
- (iii) Ô-xít ni-tơ (N₂O) (GWP = 310)
- (iv) Hi-đrô-flu-o Các-bon(HFCs) (GWP từ 140 đến 11700)
- (v) Pe-ro-flo các-bon (PFCs) (GWP từ 6500 đến 9200)
- (vi) Sun-phua héc-sa-flo-rít (SF6) (GWP - 23900)

Hướng dẫn 22. Đi-ô-xít các-bon là chất quan trọng nhất trong GHG ở trên, đóng góp 77 phần trăm lượng phát thải của con người. Chất GHG quan trọng tiếp theo là mê-than, đóng góp 14 phần trăm lượng phát thải của con người, tiếp theo là ô-xít ni-tơ với 8 phần trăm lượng phát thải của con người.^{HD5} HFC được dùng phổ biến làm chất làm mát và dung môi và đóng góp vào việc làm nóng trái đất khi được xả từ hệ thống chứa, ví dụ khí chất làm mát bị rò rỉ. PFC được dùng trong sản xuất điện tử và hình thành trong quá trình sản xuất nhôm. Sun-phua héc-sa-flo-rít được dùng làm trung gian điện môi trong công nghiệp điện và làm khí trơ trong công nghiệp ma-giê và trong mục đích công nghiệp chuyên dùng khác.

Hướng dẫn 23. Phát thải CO₂ chủ yếu do đốt nhiên liệu hóa thạch, nhưng CO₂ cũng phát sinh từ việc phá rừng và sự phân hủy của sinh khối, chuyển đổi đất đai và từ một số quy trình công nghiệp liên quan tới nung đá vôi (ví dụ sản xuất xi-măng) và ô-xi hóa các-bon (ví dụ luyện thép). Mê-than được sản sinh khi khai thác dầu, khí và than, lọc

^{HD4} Ví dụ nếu biết có vấn đề rò rỉ chất làm mát thì nên chỉ định chất làm mát có chỉ số GWP thấp.

^{HD5} Ủy ban liên chính phủ về Thay đổi khí hậu, 2007: Thay đổi khí hậu 2007: Biện pháp giảm nhẹ. Đóng góp của Nhóm công tác III trong Báo cáo Đánh giá thứ tư cho IPCC. Số liệu tham chiếu năm 2004.

và chế biến dầu, từ vật nuôi, trồng lúa và xử lý chất thải. Phần lớn phát thải ô-xít ni-tơ phát sinh do canh tác đất đai, mặc dù chất này cũng được sản sinh từ quá trình đốt và từ một số quy trình công nghiệp nhất định. Để có ví dụ minh họa về hoạt động dự án có tiềm năng phát thải GHG, xem thêm Phụ lục A.

Hướng dẫn 24. Ví dụ về lĩnh vực có tiềm năng phát thải GHG đáng kể bao gồm năng lượng, giao thông, công nghiệp nặng, vật liệu xây dựng, nông nghiệp, sản phẩm lâm nghiệp và xử lý chất thải. Khách hàng có thể cân nhắc phương án giảm và kiểm soát thay thế trong lĩnh vực trên và lĩnh vực khác, bao gồm: (i) tăng cường tiết kiệm năng lượng, (ii) bảo vệ và thúc đẩy nơi chứa GHG, (iii) xúc tiến loại hình nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững, (iv) xúc tiến, phát triển và tăng cường dùng năng lượng tái tạo, (v) công nghệ CCS, và (vi) hạn chế và/hoặc giảm phát thải mê-than thông qua việc thu hồi và sử dụng trong xử lý chất thải, cũng như trong sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng (than, dầu, và khí). Thay đổi sản phẩm có thể giảm đáng kể phát thải GHG, ví dụ trong xi-măng pha trộn thì cở-lanh-ke chứa nhiều GHG được thêm các chất khác. Cơ chế tài trợ các-bon có thể tạo ra nguồn tài chính bổ sung để thúc đẩy phương án giảm và kiểm soát.

Tiêu thụ nước

9. Khi dự án có tiềm năng sử dụng nhiều nước, bên cạnh việc áp dụng các yêu cầu về sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần áp dụng biện pháp để tránh hoặc giảm lượng nước sử dụng để việc tiêu thụ nước của dự án không đem lại tác động tiêu cực cho các đối tượng khác. Những biện pháp đó có thể là, nhưng không giới hạn, sử dụng các biện pháp bảo tồn nước khả thi về mặt kỹ thuật, sử dụng các nguồn cung cấp nước thay thế, bù lại phần nước tiêu thụ để giảm tổng lượng nước sử dụng và đánh giá các phương án khác nhau về vị trí của dự án.

Hướng dẫn 25. Ý nghĩa của khoản này trong Tiêu chuẩn hoạt động là dự án của khách hàng không được gây ra hoặc góp phần làm gia tăng sự căng thẳng không chấp nhận được về nguồn nước với bên thứ ba (bao gồm cả cộng đồng địa phương).

Hướng dẫn 26. Nếu dự án tiêu thụ nước đáng kể, hoặc góp phần làm hao tổn tài nguyên nước với mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự tiếp cận nước của bên thứ ba, thì khách hàng nên giảm lượng tiêu thụ nước xuống mức để có thể giảm nhẹ tác động tiêu cực một cách thích hợp, và mức này phải được xác định phù hợp thông qua quá

trình có sự tham gia của cộng đồng. Để đạt được mục đích trên, khách hàng có thể cân nhắc một số hoạt động, bao gồm nhưng không hạn chế bởi việc di chuyển địa điểm dự án, tăng cường biện pháp tiết kiệm trong khu vực dự án (ví dụ thu hồi nước với công nghệ thấm thấu ngược, làm mát khô), cộng thêm với các biện pháp cần thiết để đáp ứng yêu cầu của khoản 6 Tiêu chuẩn hoạt động 3, nguồn cung cấp nước thay thế, và bồi hoàn lượng nước tiêu thụ bên ngoài khu vực dự án. Trong bối cảnh của Tiêu chuẩn này, bồi hoàn lượng nước tiêu thụ được hiểu là các biện pháp để các bên khác giảm lượng nước tiêu thụ lấy từ cùng một nguồn với dự án, lượng nước giảm đó ở mức độ phù hợp để giảm nhẹ tác động tiêu cực được miêu tả ở phần trước của đoạn văn này. Ví dụ, doanh nghiệp công nghiệp có thể hỗ trợ cộng đồng giảm lượng nước tiêu thụ thông qua việc sửa chữa chỗ rò rỉ trong khi vẫn duy trì chất lượng dịch vụ, và bằng cách đó “để dành” nước để doanh nghiệp công nghiệp sử dụng.

Hướng dẫn 27. Nếu việc giảm nhẹ tác động tiêu cực một cách thích hợp tại khu vực đề xuất của dự án là không khả thi về mặt kỹ thuật thì nên lựa chọn địa điểm thay thế cho dự án. Nếu giá thành của các biện pháp kỹ thuật cần áp dụng để đáp ứng Tiêu chuẩn hoạt động làm cho dự án trở nên không khả thi thì nên lựa chọn địa điểm thay thế cho dự án.

Hướng dẫn 8. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này không loại trừ việc tiêu thụ nước ở mức nhiều hơn mức sản sinh. Tuy nhiên, nếu khách hàng đề xuất mức tiêu thụ nước như vậy thì phải chứng minh là tiêu thụ như vậy sẽ không gây ra tác động tiêu cực tới các bên dùng nước khác đang sống hoặc được dự kiến hợp lý là sẽ chuyển đến sống trong khu vực ảnh hưởng của dự án.

Phòng ngừa ô nhiễm

10. Các khách hàng sẽ tránh được việc thải các chất ô nhiễm hoặc, khi không tránh được, giảm thiểu hoặc kiểm soát cường độ hoặc lượng thải ra. Điều này áp dụng đối với việc thải các chất ô nhiễm thường xuyên, không thường xuyên hoặc ngẫu nhiên với tiềm năng tác động lên địa phương, khu vực và xuyên ranh giới.¹⁰ Khi có hiện tượng ô nhiễm từ trước như nhiễm bẩn nguồn đất và nguồn nước ngầm, khách hàng sẽ xem xét có phải trách nhiệm của mình phải thực hiện các biện pháp khắc phục hay không. Nếu trách nhiệm mang tính pháp lý này được đặt ra, khách hàng cần thực hiện trách nhiệm này theo quy định của pháp luật quốc gia hoặc nếu không có quy định liên quan trong pháp luật quốc gia thì theo thực hành công

¹⁰ Các chất gây ô nhiễm xuyên ranh giới, bao gồm cả những chất được đề cập theo Công ước về ô nhiễm không khí xuyên biên giới tầm xa.

ngiệp quốc tế tốt (GIIP).¹¹

11. Để xử lý những tác động tiêu cực có thể có của dự án đến môi trường xung quanh,¹² khách hàng cần xem xét các nhân tố liên quan, chẳng hạn như: (i) hiện trạng điều kiện xung quanh; (ii) khả năng đồng hóa có hạn của môi trường;¹³ (iii) sử dụng đất hiện tại và tương lai; (iv) khoảng cách từ dự án đến khu vực được coi là quan trọng cho đa dạng sinh học; và (v) tiềm năng có tác động tích lũy với các hậu quả không rõ và/hoặc không thể thay đổi. Ngoài việc áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khi dự án có khả năng trở thành một nguồn phát thải đáng kể ở một khu vực đã bị suy thoái, khách hàng cần xem xét áp dụng các chiến lược và biện pháp để tránh và giảm các ảnh hưởng tiêu cực. Các chiến lược này bao gồm, cũng không chỉ giới hạn ở, đánh giá vị trí dự án và phương án bù đắp phát thải.

Hướng dẫn 29. Khách hàng nên giám sát phát thải để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 3. Tần suất giám sát phát thải chất ô nhiễm nên phù hợp với đặc điểm, quy mô và sự khác biệt của tác động tiềm năng. Tần suất có thể là liên tục, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm hoặc thưa hơn. Trong cách tiếp cận quy trình giám sát và tần suất đề xuất để phù hợp với đặc điểm hoạt động, khách hàng có thể được hướng dẫn từ các nguồn khác nhau được quốc tế công nhận, bao gồm cả Hướng dẫn EHS (xem thêm Danh mục tham khảo). Giám sát phát thải có thể giúp khách hàng: (i) cho thấy khách hàng tuân thủ giấy phép môi trường hoặc các nghĩa vụ môi trường khác, (ii) cung cấp thông tin để đánh giá hoạt động dự án và xác định có cần áp dụng biện pháp điều chỉnh hay không, (iii) giúp xác định cơ hội để tiếp tục cải tiến, và (iv) chuẩn bị dữ liệu để phân tích tác động gia tăng thực tế đối với yếu tố xung quanh (đặc biệt là đối với các dự án có tác động tiềm năng đáng kể).

Hướng dẫn 30. Việc giám sát đặc biệt quan trọng đối với dự án lớn mà tác động có thể chưa rõ, có tiềm năng không đảo ngược được và như vậy cần được đánh giá thường xuyên hơn về mức phát thải hoặc điều kiện xung quanh. Ngoài ra, khách hàng phải tích hợp quy trình giám sát và các chỉ tiêu trong ESMS của mình để báo động về sự gia tăng đáng kể của phát thải chất ô nhiễm hoặc tác động đối với điều kiện xung quanh, là những yếu tố báo hiệu có vấn đề với quá trình sản xuất hoặc thiết bị kiểm soát ô

niêm và cần có hoạt động điều chỉnh (xem Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn đi kèm).

Hướng dẫn 31. ESMS cũng bao gồm yếu tố cải tiến liên tục, và khi áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 3, hệ thống này sẽ khuyến khích hoạt động ở mức độ cao hơn sự tuân thủ tiêu chuẩn về phát thải hoặc Hướng dẫn. Việc cải tiến có thể bao gồm nâng cao hiệu quả quá trình sản xuất với kết quả là hoạt động tốt hơn về vận hành, môi trường, hoặc tài chính, thông qua các biện pháp ví dụ như giảm lượng tiêu thụ năng lượng và/hoặc nước hoặc giảm lượng chất thải rắn/lỏng trên một đơn vị sản phẩm công nghiệp đầu ra.

Hướng dẫn 32. Việc đăng ký phát thải và vận chuyển chất ô nhiễm để thu thập và thông báo số liệu về việc phát thải và vận chuyển chất ô nhiễm từ cơ sở công nghiệp là biện pháp hiệu quả để khuyến khích giảm phát thải ô nhiễm trong một số lĩnh vực công nghiệp – đặc biệt nếu tất cả hoặc hầu hết cơ sở hạ tầng công nghiệp trong khu vực đăng ký tham gia và cộng đồng địa phương có thể tiếp cận thông tin. Nếu pháp luật không quy định phải đăng ký như vậy, thì ngoài việc đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn 1 về việc công bố tác động môi trường tiềm năng, khách hàng được khuyến khích tham gia các sáng kiến tự nguyện để xây dựng hệ thống chính thức đăng ký phát thải và vận chuyển chất ô nhiễm ở cấp độ quốc gia hoặc khu vực. Xem thêm Danh mục tham khảo để có thông tin bổ sung về đăng ký phát thải và vận chuyển chất ô nhiễm.

Hướng dẫn 33. Khách hàng phải giải quyết vấn đề nhiễm bẩn đất hoặc nước bề mặt ngay cả khi sự nhiễm bẩn này xảy ra từ nhiều năm trước. Nếu xác định có nhiễm bẩn, khách hàng phải làm rõ ai chịu trách nhiệm pháp lý để giải quyết sự nhiễm bẩn này. Trách nhiệm này khác nhau tùy theo hoàn cảnh. Khách hàng có thể phải chịu trách nhiệm này vì khách hàng đã gây ra hoặc không thực hiện nghĩa vụ, hoặc kế thừa trách nhiệm này khi mua đất. Trong các trường hợp khác, sự nhiễm bẩn đã được xác định và khách hàng được miễn trách nhiệm này về mặt pháp lý khi mua đất. Nếu khách hàng có trách nhiệm giải quyết sự nhiễm bẩn này, thì phải giải quyết theo cách thức đáp ứng mục tiêu Tiêu chuẩn hoạt động 3 để tránh hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực với sức khỏe con người và môi trường. Phương án lựa chọn cách quản lý nhiễm bẩn sẽ mang tính đặc thù của địa điểm, phải được xây dựng với sự tham vấn các bên liên quan, và có thể bao gồm việc kiểm chế chất ô nhiễm, khu vực có lập/vùng đệm và biện pháp giảm nhẹ.

Năng lực hấp thụ của Môi trường

Hướng dẫn 34. Khách hàng phải đánh giá năng lực hấp thụ của môi trường tiếp nhận dựa trên mục tiêu về chất lượng không khí và nước, nếu có.

¹¹ Việc này cần có sự phối hợp với cơ quan trung ương và địa phương, cộng đồng, và những đối tượng góp phần vào tình trạng nhiễm bẩn và đòi hỏi đánh giá phải sử dụng cách tiếp cận theo rủi ro, phù hợp với GIIP như đã được đề cập trong Hướng dẫn EHS.

¹² Như không khí, nước ngầm và nước bề mặt, và đất trồng.

¹³ Khả năng của môi trường hấp thụ một lượng ngày càng lớn các chất ô nhiễm mà vẫn giữ được ở mức không gây tổn hại đến sức khỏe con người và môi trường.

(i) *Xây dựng dự án mới (bao gồm cả việc mở rộng hoạt động hiện có)*

Hướng dẫn 35. Khi xây dựng dự án mới có tiềm năng phát thải chất ô nhiễm đáng kể, khách hàng phải đánh giá xem chỉ số nền của môi trường xung quanh có đáp ứng yêu cầu của hướng dẫn/tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh không. Tiêu chuẩn chất lượng môi trường xung quanh là các chỉ số được xác lập và công bố qua quy trình pháp lý và thể chế quốc gia hoặc địa phương, và hướng dẫn về chất lượng môi trường xung quanh nói tới chỉ số chất lượng môi trường xung quanh được tính toán dựa trên bảng chứng lâm sàng, độc tố, và dịch bệnh (như chỉ số do Tổ chức Y tế Thế giới công bố). Có thể xác định chất lượng nước đầu vào trên cơ sở từng khu vực và phụ thuộc vào mục tiêu chất lượng nước đầu vào.

Hướng dẫn 36. Nếu chỉ số môi trường xung quanh vượt quá mức của hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn liên quan về môi trường xung quanh (có nghĩa là điều kiện xung quanh đã xuống cấp sẵn rồi), khách hàng phải cho thấy là đã nghiên cứu, và nếu cần thì áp dụng hoạt động có tiêu chuẩn cao hơn so với tiêu chuẩn có thể được áp dụng trong môi trường ít xuống cấp hơn và có các biện pháp tiếp tục giảm nhẹ tác động (ví dụ điều chỉnh bồi hoàn phần phát thải, thay đổi lựa chọn địa điểm) để giảm thiểu sự tiếp tục xuống cấp của môi trường hoặc đạt được sự cải thiện. Nếu các chỉ số xung quanh phù hợp với hướng dẫn và/hoặc tiêu chuẩn về chất lượng xung quanh, dự án với mức độ phát thải ô nhiễm tiềm năng đáng kể phải được thiết kế để giảm tiềm năng làm môi trường xuống cấp đáng kể và đảm bảo liên tục đáp ứng. Xem Danh mục tham khảo về đường dẫn tới hướng dẫn và tiêu chuẩn chất lượng xung quanh được quốc tế công nhận (bao gồm hướng dẫn và tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới). Dự án thông thường không nên sử dụng hơn 25 phần trăm năng lực hấp thụ còn lại giữa hiện trạng trước dự án và mức tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh. Tiêu chuẩn EHS Chung có thông tin thêm về vấn đề này, bao gồm cả các trường hợp khi hướng dẫn về chất lượng xung quanh vượt trên so với giai đoạn trước dự án.

Hướng dẫn 37. Đối với các dự án phát thải chất thải lỏng vào vùng nước không còn năng lực hấp thụ, thì phải có hệ thống phát thải ở mức “không” và có hoạt động bồi hoàn.

(ii) *Hiện đại hóa và tân trang hạ tầng cơ sở hiện có:*

Hướng dẫn 38. Nếu dự án dự kiến có thể phát thải chất ô nhiễm đáng kể và có liên quan tới việc mở rộng hoặc tân trang hạ tầng cơ sở hiện có, khách hàng được

khuyến khích đánh giá điều kiện xung quanh hiện tại có phù hợp với hướng dẫn và/hoặc tiêu chuẩn về chất lượng xung quanh không. Nếu chỉ số đó vượt ngưỡng của hướng dẫn và/hoặc tiêu chuẩn về chất lượng xung quanh, và nếu cơ sở hạ tầng hiện tại là một trong những nguồn phát thải chính gây ra sự vượt ngưỡng này, khách hàng được khuyến khích đánh giá tính khả thi của phương án thay thế để giảm phát thải và áp dụng phương án được lựa chọn (ví dụ cải tạo hoạt động hiện có, sắp xếp việc giảm phát thải bên ngoài ranh giới dự án) để điều kiện vốn đã xuống cấp được cải thiện và hướng tới các hướng dẫn và/hoặc tiêu chuẩn về chất lượng xung quanh có liên quan.

(iii) *Dự án nằm trong hoặc gần khu vực nhạy cảm về môi trường:*

Hướng dẫn 39. Khách hàng có dự án với khu vực ảnh hưởng liên quan tới khu vực nhạy cảm về môi trường như công viên quốc gia hoặc nơi cung cấp dịch vụ môi trường sinh thái nên có các biện pháp tránh hoặc giảm tác động gia tăng của dự án.

Chất thải

12. Khách hàng sẽ tránh trong khả năng của mình việc thải ra môi trường các chất dù nguy hại hay không. Trường hợp phát sinh chất thải không thể tránh được, khách hàng sẽ giảm thiểu lượng thải, phục hồi và tái sử dụng chất thải theo cách không làm tổn hại đến sức khỏe con người và môi trường. Khi chất thải không thể được phục hồi hoặc tái sử dụng, khách hàng sẽ xử lý, hủy, và dọn đi sao cho thân thiện với môi trường bao gồm cả các biện pháp kiểm soát phát thải và các chất cận bã từ quá trình xử lý nguyên liệu thải. Nếu rác thải tạo ra là nguy hại,¹⁴ khách hàng cần áp dụng áp dụng các phương án thay thế theo GIIP đối với việc xả thải phù hợp với môi trường trong khi vẫn tuân thủ các giới hạn về lưu chuyển xuyên biên giới.¹⁵ Khi chất thải nguy hại do bên thứ ba xả ra, khách hàng nên sử dụng bên thứ ba có uy tín và hoạt động hợp pháp được cơ quan nhà nước cấp phép và có giấy tờ chứng minh chất thải được xử lý ở đầu cuối. Khách hàng cần đảm bảo các bãi rác thải có giấy phép và được vận hành theo các tiêu chuẩn chấp nhận được, biết rõ địa điểm của bãi rác thải trước khi quyết định sử dụng bãi rác đó. Nếu bãi rác đó không đạt yêu cầu, khách hàng cần giảm lượng thải chuyển đến bãi này và nghiên cứu các phương án xả thải khác, kể cả

¹⁴ Được quy định trong các công ước quốc tế hoặc luật pháp địa phương

¹⁵ Lưu chuyển các chất thải nguy hại xuyên biên giới cần tuân thủ với luật pháp quốc gia, khu vực và quốc tế, kể cả Công ước Basel về Kiểm soát việc Lưu chuyển các Chất độc hại. Xuyên biên giới và Xả thải và Công ước Luân Đôn về Ngăn ngừa ô nhiễm đại dương khi xả thải và các chất khác.

khả năng xây dựng cơ sở xử lý phục hồi và chôn lấp ngay trong khu vực dự án.

Hướng dẫn 40. Vì có rủi ro đối với môi trường và chi phí và trách nhiệm ngày càng tăng trong quản lý và/hoặc tiêu hủy chất thải, Tiêu chuẩn hoạt động 3 yêu cầu khách hàng phải xem xét các phương án tránh phát sinh chất thải, thu hồi chất thải và/hoặc tiêu hủy chất thải trong giai đoạn thiết kế và vận hành dự án. nỗ lực giải quyết yêu cầu này phụ thuộc vào rủi ro liên quan tới chất thải do dự án sản sinh. Khách hàng phải điều tra về nơi tiêu hủy chất thải cuối cùng và xem khu vực đó có được vận hành phù hợp với tiêu chuẩn chấp nhận không, ngay cả khi việc tiêu hủy là do bên thứ ba đảm nhiệm, và đặc biệt khi chất thải được coi là nguy hại đối với sức khỏe con người và môi trường. Nếu không có phương án tiêu hủy thích hợp nào có sẵn về mặt thương mại hoặc mặt khác, khách hàng nên giảm thiểu việc chuyển chất thải ra bên ngoài ranh giới dự án và cần nhắc có nên tự xây dựng cơ sở thu hồi hoặc cơ sở tiêu hủy hoặc làm việc thông qua hiệp hội ngành nghề của họ hoặc thông qua tổ chức khác để xác định phương án hoặc cách tiếp cận thay thế có tính khả thi. Thông tin bổ sung xem trong Hướng dẫn EHS Chung và Chuyên ngành.

Hướng dẫn 41. Nếu phương án thay thế được lựa chọn về xử lý, lưu trữ, và tiêu hủy chất thải có nguy cơ phát thải chất ô nhiễm hay tồn dư, khách hàng nên áp dụng kỹ thuật kiểm soát phù hợp để phòng tránh, giảm thiểu hoặc giảm nhẹ tương ứng với yêu cầu của khoản 12 và 13 của Tiêu chuẩn hoạt động 3. Thông tin bổ sung về cách thức xử lý và tiêu hủy chất thải lành mạnh về môi trường có trong Hướng dẫn EHS, cũng như trong nhiều ấn phẩm ủng hộ Hiệp định Ba-zen (Basel) về việc Vận chuyển Chất thải Nguy hại xuyên ranh giới và Hiệp định Stockholm về Chất ô nhiễm Hữu cơ Khó phân hủy (xem danh mục tham khảo).

Hướng dẫn 42. Yêu cầu về việc phải duy trì chuỗi hồ sơ giám sát có nghĩa là khách hàng phải có khả năng chứng minh được là mọi chất thải rắn của khu vực dự án sẽ do cơ quan được cấp phép vận chuyển tới cơ sở tiêu hủy cuối cùng có giấy phép theo phương thức đáp ứng mục tiêu Tiêu chuẩn hoạt động 3.

Quản lý vật liệu nguy hại

13. Nguyên liệu nguy hại đôi khi được sử dụng làm nguyên liệu thô hoặc là sản phẩm của dự án. Khách hàng sẽ tránh được việc thải các chất ô nhiễm hoặc, khi không tránh được, giảm thiểu hoặc kiểm soát cường độ hoặc lượng thải các chất thải nguy hại. Trong bối cảnh này, các hoạt động sản xuất, vận chuyển, xử lý,

lưu kho và sử dụng chất nguy hại cho các hoạt động của dự án cần được đánh giá. Khách hàng sẽ xem xét thay thế các nguyên liệu ít nguy hại khi nguyên liệu nguy hại là cần thiết cho quá trình sản xuất hay các quá trình khác của dự án. Các khách hàng sẽ tránh được việc sản xuất, thương mại, và sử dụng hóa chất và các chất độc hại bị quốc tế cấm ngay hoặc hạn chế sử dụng dẫn đến độ tinh cao của các chất này đối với các sinh vật sống, sự tồn tại của môi trường, tiềm năng tích lũy sinh học, hoặc khả năng làm suy yếu tầng ozone.¹⁶

Hướng dẫn 43. Phương pháp tốt nhất để phòng tránh thải chất nguy hại là tránh dùng chất đó ngay từ đầu. Vì vậy khách hàng phải nghiên cứu cơ hội trong suốt vòng đời dự án để dùng vật liệu không nguy hại thay cho vật liệu nguy hại. Điều này đặc biệt quan trọng khi khó có thể tránh hoặc giảm nhẹ được rủi ro của vật liệu này trong điều kiện sử dụng thông thường và/hoặc khi tiêu hủy cuối vòng đời dự án. Ví dụ là đã tìm được chất thay thế là a-mi-ăng trong vật liệu xây dựng, Bi-phenyl pô-li-clo-li-nát (PCB) trong thiết bị điện, chất thải hữu cơ khó phân hủy trong công thức thuốc trừ sâu, và chất phá hủy ô-zôn trong hệ thống làm lạnh. Xem thêm Danh mục tham khảo về hướng dẫn đối với chất phá hủy ô-zôn. Mối nguy hại của các chất hóa học được tổng kết trong Biểu Số liệu An toàn Vật chất (MSDS) và có thể lấy được dễ dàng từ nhà cung cấp hóa chất hoặc nguồn thông tin công cộng khác.

Hướng dẫn 44. Nếu dự án có tiềm năng thải chất độc hại, nguy hại, dễ cháy hoặc dễ nổ, hoặc nếu dự án có thể gây thương tật cho nhân viên nhà máy hoặc cộng đồng được xác định trong quá trình xác định rủi ro và tác động môi trường và xã hội, khách hàng nên tiến hành phân tích nguy hại các hoạt động của mình theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 và 4 và theo Hướng dẫn tương ứng. Phân tích nguy hại thường được tiến hành cùng với nghiên cứu Xác định Nguy hại (HAZID), nghiên cứu về Nguy hại và Vận hành (HAZOP), Quản lý Quy trình An toàn (PSM) và Phân tích Rủi ro Định lượng (QRA); các nghiên cứu này cho phép khách hàng định kỳ xác định hệ thống và quy trình có thể gây sự cố rò rỉ chất thải và lượng hóa rủi ro này trong chừng mực có thể, và cũng giúp xếp thứ tự ưu tiên việc phân bổ nguồn lực cho thiết bị và chương trình đào tạo ứng phó khẩn cấp.

Hướng dẫn 45. Khách hàng nên xem xét danh mục các hoạt chất được bao gồm trong Phụ lục A và B của Công

¹⁶ Phù hợp với các mục tiêu của Công ước Stockholm về các chất hữu cơ ô nhiễm khó phân hủy và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozon. Các cân nhắc tương tự sẽ được áp dụng với các loại thuốc trừ sâu theo phân loại của Tổ chức Y Tế Thế giới (WHO).

ước Stockholm và đảm bảo trong dự án không sản xuất, bán hoặc sử dụng hợp chất hóa học nào chủ các hoạt chất này, trừ khi đó là hoàn cảnh cực kỳ ngoại lệ được đề cập trong các phụ lục đó. Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy là hóa chất có năm đặc điểm cần quan tâm về sức khỏe môi trường và công chúng: đó là các chất độc hại, tồn tại lâu, và có khả năng lan truyền; các chất này tích lũy trong mô mỡ và được nhân lên trong chuỗi thực phẩm. Khả năng lan truyền cao làm hóa chất này mang tính toàn cầu, trong khi các đặc điểm khác cho thấy là hóa chất này nguy hại cho sức khỏe động vật và con người ngay với mức phơi nhiễm thấp. Nếu dự án có liên quan tới các chất này từ trước, bao gồm cả việc dự trữ các hóa chất lạc hậu hiện có, ESAP nên có kế hoạch loại bỏ để khách hàng có thể đáp ứng Tiêu chuẩn 3 trong khoảng thời gian hợp lý.

Hướng dẫn 46. Khách hàng cũng nên giảm thiểu sự sản sinh và phát thải vô ý thức các hóa chất được liệt kê trong Công ước Stockholm, ví dụ như qua quá trình thiêu hủy. Thông tin để xác định, lượng hóa và giảm phát thải các hóa chất trong Phụ lục C từ các nguồn tiềm năng đáng kể được đề cập trong các ấn phẩm phục vụ Công ước Stockholm (xem Danh mục tham khảo). Vì pol-vinyl clo-rít (PVC) có liên quan tới việc phát thải vô ý thức Chất ô nhiễm Hữu cơ khó phân hủy, chủ yếu thông qua việc thiêu hủy chất thải hỗn hợp có chứa sản phẩm PVC, nên khi xây dựng các dự án sản xuất sản phẩm PVC, khách hàng nên cân nhắc so sánh tổng lợi ích của dự án với chi phí, bao gồm cả chi phí với sức khỏe con người và môi trường.

Hướng dẫn 47. Khách hàng cũng nên xem xét danh mục hóa chất trong Phụ lục III của Công ước Rotterdam về Quy trình Tham vấn được Thông tin đầy đủ đối với một số loại Hóa chất và Thuốc trừ sâu Nguy hại nhất định trong Thương mại Quốc tế (xem Danh mục tham khảo) và cố gắng tránh sản xuất, buôn bán và sử dụng các hoạt chất trên. Việc sử dụng các hóa chất trên bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt bởi một hay nhiều cơ quan pháp lý nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Danh mục bao gồm một số hợp chất trừ sâu bị coi là vô cùng nguy hại do tác dụng nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc môi trường.

Hướng dẫn 48. Khách hàng cũng nên xem xét Nghị định thư Montreal về các Chất phá hủy tầng Ô-zôn. Khách hàng nên tránh sản xuất và tiêu thụ chất tổng hợp trong Phụ lục A và B - chloroflourocarbon (CFC), ha-lon, các-bon tê-tê-ra clo-rít và tê-ri clo-rô etan 1,1,1. Được phép tiếp tục sử dụng chất làm lạnh CFC đã có sẵn trong máy móc làm lạnh, tuy nhiên trong trường hợp đó giảm thiểu rò rỉ sẽ là tập quán tốt. Mặc dù Nghị

định thư Montreal không trông đợi việc hoàn toàn chấm dứt sử dụng chất làm lạnh hydrochloroflourocarbon (HCFC) đến năm 2040 tại các nước được đề cập trong mục 5, nhưng tại nhiều nước trên, các phương án thay thế không phá hủy ô-zôn có tiềm năng đã được chứng minh qua sử dụng, có hạ tầng cơ sở để hỗ trợ và được ưu tiên hơn HCFC.

Quản lý và Sử dụng Thuốc trừ sâu

14. Khách hàng sẽ, khi phù hợp, xây dựng và thực hiện cách tiếp cận quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và/hoặc quản lý sinh vật truyền bệnh tổng hợp (IVM) đối với các hoạt động quản lý dịch hại và sinh vật gây bệnh. Chương trình IVM và IPM của khách hàng sẽ dẫn đến việc sử dụng phối hợp thông tin dịch hại và môi trường cùng với các phương pháp kiểm soát dịch hại có sẵn, bao gồm các hoạt động văn hóa, sinh học, di truyền, và như một giải pháp cuối cùng, là hóa chất để ngăn ngừa mức độ thiệt hại sâu bệnh lớn và/hoặc sự lan truyền bệnh đến con người và loài vật khác.

15. Khi hoạt động quản lý dịch hại có sử dụng thuốc trừ sâu, khách hàng sẽ lựa chọn thuốc trừ sâu ít độc tính đối với con người, mà có hiệu quả chống lại các loài vật nhắm đến, và có tác động tối thiểu lên các loài không phải mục tiêu và môi trường. Khi khách hàng lựa chọn loại thuốc trừ sâu, việc lựa chọn sẽ được dựa trên liệu thuốc bảo vệ thực vật được đóng gói trong các thùng chứa an toàn, dán nhãn rõ ràng để sử dụng an toàn và thích hợp, và đã được sản xuất bởi một nhà sản xuất đang được cơ quan chức năng có liên quan cấp phép.

16. Các khách hàng sẽ thiết kế cho chế độ sử dụng thuốc trừ sâu để (i) tránh thiệt hại cho thiên địch của các loại dịch hại/sâu bệnh mục tiêu và khi không thể tránh thì giảm thiểu; (ii) tránh các rủi ro kèm theo khi có sự kháng thuốc của sâu bệnh và mầm bệnh, và khi không thể tránh thì giảm thiểu. Ngoài ra, thuốc trừ sâu sẽ được xử lý, lưu trữ, ứng dụng, hủy phù hợp với Quy tắc Ứng xử Quốc tế của Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực (FAO) về Phân phối và Sử dụng Thuốc Bảo vệ Thực vật hoặc thông lệ quốc tế ngành GIIP khác.

17. Khách hàng sẽ không sử dụng các sản phẩm mà theo Khuyến nghị Phân loại Thuốc trừ sâu theo Mức độ nguy của Tổ chức Y tế Thế giới gồm nhóm Ia (cực kỳ nguy hiểm) và Ib (rất độc hại). Khách hàng sẽ không sử dụng các sản phẩm thuộc nhóm II (độc hại vừa phải), trừ phi dự án có khả năng kiểm soát tốt việc sản xuất, mua hay phân phối và/hoặc sử dụng các sản phẩm này. Không được cho phép những nhân

viên chưa qua đào tạo, chưa được trang bị thiết bị và phương tiện thích hợp để xử lý, lưu trữ, áp dụng, và xử lý các sản phẩm này đúng cách tiếp cận các hóa chất này.

Hướng dẫn 49. Tiêu chuẩn hoạt động 2 quy định khách hàng phải coi việc sử dụng thuốc trừ sâu ở mức vừa đủ để đạt mục tiêu dự án là một phần của quản lý sâu bệnh tích hợp và quản lý định tuyến tích hợp, và chỉ sử dụng nếu các biện pháp quản lý sâu bệnh khác thất bại hoặc tỏ ra không hiệu quả. Trong trường hợp có phương án đề xuất sử dụng thuốc trừ sâu ngoài phạm vi cô lập hoặc sử dụng bổ sung như một khía cạnh trong hoạt động của khách hàng, khách hàng phải chứng minh sự cần thiết thông qua quá trình xác định rủi ro và tác động môi trường và xã hội, và miêu tả cách thức dự kiến sử dụng và người sử dụng, cũng như bản chất và mức độ của rủi ro liên quan. Trong hoàn cảnh đó, khách hàng cũng phải xem xét tác động tiềm năng (cả tích cực và tiêu cực) đối với sức khỏe và tài nguyên của cộng đồng xung quanh như được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 4 và Hướng dẫn đi kèm. Xem thêm Danh mục tham khảo về đường dẫn tới thông tin về hướng dẫn quốc tế liên quan tới hóa chất nguy hại.

Hướng dẫn 50. Khách hàng tham gia các hoạt động nông nghiệp có bên thứ ba sử dụng thuốc trừ sâu phải thúc đẩy sử dụng hệ thống quản lý sâu bệnh tích hợp và quản lý định tuyến tích hợp bằng các biện pháp phổ biến thông tin khả thi về các hệ thống quản lý nông nghiệp này.

Hướng dẫn 51. Khách hàng được mong đợi sẽ điều tra kỹ trong quá trình chọn lựa thuốc trừ sâu để thuốc trừ sâu được lựa chọn có thể đáp ứng được quy chuẩn kỹ thuật và khoa học của dự án. Khi chọn thuốc trừ sâu để sử dụng, khách hàng nên cân nhắc biện pháp để phòng cần thiết để tránh sử dụng thuốc trừ sâu không đúng cách và bảo vệ sức khỏe và an toàn của nhân viên dự án, các cộng đồng bị ảnh hưởng và môi trường phù hợp

với nguyên tắc và yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2, 4, và 6.

Hướng dẫn 52. Quy định về bao bì thuốc trừ sâu trong Tiêu chuẩn hoạt động 3 có mục đích bảo vệ sức khỏe và an toàn của những người tham gia vận chuyển, bảo quản và sử dụng thuốc trừ sâu, và giảm nhu cầu phải san trút sang bao bì khác hoặc đóng gói lại trong bao bì tự chế. Quy định về nhãn mác nên xác định rõ nội dung trong bao bì và bao gồm hướng dẫn sử dụng và thông tin an toàn. Bao bì và nhãn mác của thuốc trừ sâu nên được làm theo cách thức phù hợp với từng thị trường cụ thể, nhưng vẫn phải tuân thủ hướng dẫn về bao bì và nhãn mác thích hợp cho thuốc trừ sâu như được Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp ban hành (xem Danh mục tham khảo).

Hướng dẫn 53. Mua thuốc trừ sâu được sản xuất theo bản quyền làm tăng khả năng thuốc trừ sâu đáp ứng điều kiện tối thiểu về số lượng và độ tinh khiết phù hợp với mục đích sử dụng và tài liệu an toàn đi kèm. Khách hàng nên tham khảo và tuân thủ khuyến cáo và tiêu chuẩn tối thiểu được miêu tả trong hướng dẫn do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp ban hành.

Hướng dẫn 54. Việc lưu trữ, sử dụng, áp dụng, và tiêu hủy thuốc trừ sâu theo tập quán quốc tế tốt trong ngành phải bao gồm chương trình chấm dứt sử dụng thuốc trừ sâu được liệt kê trong Phụ lục A của Công ước Stockholm, và lưu trữ và tiêu hủy thuốc trừ sâu theo phương thức thân thiện với môi trường, đặc biệt khi thuốc trừ sâu đó bị coi là lạc hậu.

Hướng dẫn 55. Khách hàng nên cố gắng thúc đẩy hệ thống quản lý có trách nhiệm và sử dụng thuốc trừ sâu trong khuôn khổ hệ thống quản lý thuốc trừ sâu tích hợp và quản lý định tuyến tích hợp bằng cách phối hợp với các cơ quan cung cấp dịch vụ nông nghiệp hoặc cơ quan tương tự hoạt động trong khu vực. Xem thông tin hướng dẫn bổ sung trong Hướng dẫn EHS Chung và Chuyên ngành.

Phụ lục A

Tập quán Định lượng và Giám sát GHG được khuyến cáo

Phương pháp luận về phát thải GHG được khuyến cáo:

Có thể sử dụng nhiều phương pháp luận để ước tính phát thải GHG. Phương pháp luận có uy tín và được cập nhật nhất được đề cập trong Hướng dẫn về Lượng tồn Khí nhà kính Quốc gia năm 2006 của Ủy ban liên chính phủ về Thay đổi khí hậu. Tập 1 (Hướng dẫn và Báo cáo Chung), Tập 2 (Năng lượng), Tập 3 (Sử dụng Quy trình và Sản phẩm Công nghiệp), Tập 4 (Sử dụng đất đai cho Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Mục đích khác) và Tập 5 (Chất thải) cung cấp đề xuất về phương pháp luận ước tính cho một số hoạt động và lĩnh vực.

Hướng dẫn IPCC năm 2006 được xây dựng trên cơ sở Hướng dẫn IPCC sửa đổi năm 1996 và các báo cáo Tập quán tốt liên quan, và bao trùm nguồn phát thải và khí nhà kính mới, đồng thời cập nhật các phương pháp được xuất bản trước đó nếu kiến thức

kỹ thuật và khoa học được cải tiến. Khách hàng có dự án phát thải GHG đáng kể trước kia có dùng Hướng dẫn sửa đổi năm 1996 được khuyến cáo xem xét lại theo Hướng dẫn IPCC năm 2006 và tiếp tục giám sát sự phát triển của các hướng dẫn và tài liệu bổ sung mới của IPCC.

Ngoài hướng dẫn của IPCC, khách hàng có dự án phát thải GHG đáng kể có thể tham khảo một số phương pháp luận đánh giá GHG khác được quốc tế công nhận và được liệt kê trong Danh mục tham khảo. Tùy theo chủng loại và lĩnh vực của dự án nên sử dụng phương pháp luận thích hợp để có thể đáp ứng được mục tiêu ước tính và báo cáo GHG một cách tốt nhất.

Ví dụ minh họa của hoạt động dự án có thể phát thải GHG đáng kể (25000 tấn CO₂ tương đương một năm hoặc hơn) được liệt kê trong biểu dưới đây:

Lĩnh vực/dự án	Dự án có 25000 tấn CO ₂ tương đương một năm	Ước tính
A: Phát thải trực tiếp		
A-(i) Năng lượng (Đốt nhiên liệu hóa thạch)		
Cơ sở đốt than	Tiêu thụ than - 11000 tấn/năm (hoặc 260TJ/năm)	Hệ số phát thải - 96,9 tCO ₂ /TJ, phân số của các-bon ô-xi hóa - 0.98, Giá trị ca-lo thuần - 24,05TJ/1,000 tấn

Lĩnh vực/dự án	Dự án có 25000 tấn CO ₂ tương đương một năm	Ước tính
Cơ sở đốt dầu	Tiêu thụ dầu - 8000 tấn/năm (hoặc 320 TJ/năm)	Hệ số phát thải – 77,4 tCO ₂ /TJ, phân số của các-bon ôxy hóa – 0,99, Giá trị ca-lo thuần – 40,19 TJ/1000 tấn
Cơ sở đốt khí	Tiêu thụ khí - 9200 tấn/năm (hoặc 450TJ/năm)	Hệ số phát thải – 56,1 tCO ₂ /TJ, phân số của các-bon ôxy hóa – 0,995, Giá trị ca-lo thuần – 50,03 TJ/1,000 tấn
A-(ii) Năng lượng (Sản xuất điện)		
Sản xuất điện chạy than	Công suất phát điện – 4,5MW	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 901 gCO ₂ /kWh, phân số công suất hàng năm - 70%
Sản xuất điện chạy dầu	Công suất phát điện – 6,1MW	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 666 gCO ₂ /kWh, phân số công suất hàng năm - 70%
Sản xuất điện chạy khí	Công suất phát điện – 10,5MW	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 390 gCO ₂ /kWh, phân số công suất hàng năm - 70%
A-(iii) Năng lượng (Khai thác than)		
Khai thác than hầm lò	Công suất - 93000 tấn than/năm	Hệ số phát thải – 17,5m ³ CH ₄ /tấn than, 0,67 GgCH ₄ /triệu m ³
Khai thác than lộ thiên	Công suất - 650000 tấn than/năm	Hệ số phát thải – 2,45m ³ CH ₄ /tấn than, 0,67 GgCH ₄ /triệu m ³
A-(iv) Công nghiệp nặng		
Sản xuất xi-măng	Công suất xi-măng - 33000 tấn xi-măng/năm	Hệ số phát thải - 0,750 tCO ₂ /t xi-măng
Sản xuất sắt thép	Công suất sắt thép - 16000 tấn sắt hoặc thép/năm	Hệ số phát thải – 1,6 tCO ₂ /t sắt hoặc thép
A-(v) Nông nghiệp		
Gia súc (gia súc nuôi lấy sữa, châu Mỹ latinh)	Số vật nuôi - 14000 đầu gia súc	Hệ số phát thải - 63 kgCH ₄ /đầu/năm
Gia súc (gia súc nuôi lấy sữa, châu Phi)	Số vật nuôi - 20000 đầu gia súc	Hệ số phát thải - 40 kgCH ₄ /đầu/năm

Lĩnh vực/dự án	Dự án có 25000 tấn CO ₂ tương đương một năm	Ước tính
----------------	--	----------

A-(vi) Lâm nghiệp/Thay đổi mục đích sử dụng đất đai

Chuyển đổi rừng gỗ cứng nhiệt đới có tốc độ mọc nhanh	Diện tích chuyển đổi: 1100 ha	Tỷ lệ tích lũy chất rắn trung bình hàng năm thành sinh khối - 12,5 tấn dm/ha/năm, phân số các-bon của chất rắn - 0,5
Chuyển đổi rừng linh sam Douglass ôn đới	Diện tích chuyển đổi: 2300 ha	Tỷ lệ tích lũy chất rắn trung bình hàng năm thành sinh khối - 6,0 tấn dm/ha/năm, phân số các-bon của chất rắn - 0,5

A-(vii) Khai thác dầu khí (Cháy khí)

Khai thác khí tự nhiên	21000 triệu m ³ /năm	Hệ số phát thải CO ₂ của 1,2E-03 Gg trên triệu m ³ khí khai thác. Nguồn: Hướng dẫn của IPCC về Lượng tồn Khí nhà kính Quốc gia, Biểu 4.2.5 (2006)
Khai thác dầu	600000 triệu m ³ /năm	Hệ số phát thải CO ₂ của 4,1E-02 Gg trên nghìn m ³ dầu khai thác. Nguồn: Hướng dẫn của IPCC về Lượng tồn Khí nhà kính Quốc gia, Biểu 4.2.5 (2006)
Cháy khí đồng hành	350 triệu feet khối tiêu chuẩn	Phương pháp Ước tính Phát thải khí đốt của Viện dầu mỏ Mỹ, Biểu 4.8 (2004)

B: Phát thải gián tiếp (từ điện năng được mua)

Hỗn hợp phát điện trung bình	Tiêu thụ điện - 50 GWh/năm	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 504 gCO ₂ /kWh
Phát điện chạy than	Tiêu thụ điện - 28 GWh/năm	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 901 gCO ₂ /kWh
Phát điện chạy dầu	Tiêu thụ điện - 38 GWh/năm	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 666 gCO ₂ /kWh
Phát điện chạy khí	Tiêu thụ điện - 65 GWh/năm	Hệ số phát thải trung bình thế giới năm 2007-2009 - 390 gCO ₂ /kWh

Chú thích: Ước tính dựa trên (i) Hướng dẫn sửa đổi của IPCC năm 1996 và 2006 về Lượng tồn Khí nhà kính quốc gia, (ii) Thống kê của IEA - Phát thải CO₂ từ việc đốt nhiên liệu, ấn bản 2011, và (iii) Cẩm nang Thống kê Năng lượng của IEA, 2004. Mức trên chỉ nhằm mục đích minh họa và không được dùng để làm ngưỡng xác định dự án có vượt 25000 tấn CO₂ tương đương một năm hay không.

Đánh giá phát thải GHG:

Khách hàng có dự án với mức phát thải GHG đáng kể cần phải đánh giá (i) Quy mô Phát thải 1: phát thải trực tiếp từ cơ sở hạ tầng do khách hàng sở hữu hoặc kiểm

soát trong phạm vi vật lý của dự án và nếu có liên quan và khả thi, và (ii) Quy mô Phát thải 2: phát thải gián tiếp liên quan tới việc dự án sử dụng năng lượng nhưng phát sinh bên ngoài phạm vi dự án (ví dụ phát thải GHG từ việc mua dịch vụ điện, sưởi ấm hoặc làm mát).

Tài liệu tham khảo

Hướng dẫn chung

IFC (Tổ chức Tài chính Quốc tế). Năm 2007. Hướng dẫn chung về Môi trường, Y tế, và An toàn. Washington, DC: IFC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/EHSGuidelines>. Hướng dẫn Kỹ thuật về vấn đề được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động số 3 và các tiêu chuẩn hoạt động khác. Các phần riêng biệt mô tả việc khí toả ra và chất lượng không khí trong môi trường xung quanh, bảo tồn năng lượng, nước thải và chất lượng nước môi trường xung quanh, bảo tồn nước, quản lý vật liệu nguy hiểm, xử lý chất thải, tiếng ồn và đất bị ô nhiễm. Hướng dẫn kỹ thuật giúp độc giả có thông tin về cơ cấu chính sách mới liên quan đến sức khỏe, môi trường, và các vấn đề an toàn. Thông tin được trình bày cả dưới dạng thông tin chung và cụ thể cho 63 ngành công nghiệp và dịch vụ.

Ủy ban châu Âu, Trung tâm hợp tác nghiên cứu, Viện Nghiên cứu công nghệ tương lai. Năm 2011. “Văn bản tham khảo.” Ủy ban châu Âu, Seville, Tây Ban Nha. <http://eippcb.jrc.es/reference/>. Ủy ban châu Âu và Văn phòng kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm tổng hợp đã chuẩn bị tài liệu tham khảo (hoặc BREFs) cung cấp hướng dẫn kỹ thuật về quá trình hoạt động và lựa chọn - trong Liên minh châu Âu-được coi là ví dụ về kỹ thuật tốt nhất hiện hành (BAT). BREFs cũng nêu rõ các tác động tới môi trường, bao gồm cả tiêu chí chuẩn về hiệu quả tài nguyên trong các lĩnh vực được lựa chọn và có liên quan với BAT.

Thích ứng và giảm thiểu ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). 2011a. “Môi trường Kinh doanh.” IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/climatebusiness>. Trên trang web môi trường kinh doanh, IFC đã biên soạn nhiều loại tài liệu có liên quan để thích ứng và giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

2011b. “Tính toán khí nhà kính.” IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/climatebusiness.nsf/Content/GHGaccounting>. Trang web thảo luận về Công cụ Ước tính khí Các-bon toả ra (CEET) và cung cấp đường dẫn để tải công cụ CEET, là một bảng tính Excel. Thông tin này phù hợp với phương pháp báo cáo về khí thải các-bon trong Nghị định thư về khí nhà kính.

IPCC (Ban Hội thẩm liên chính phủ về biến đổi khí hậu). Năm 2006. 2006 IPCC Hướng dẫn cho kiểm kê quốc gia về khí nhà kính. Hayama, Nhật Bản: Viện Chiến lược môi trường toàn cầu. <http://www.ipcc-nggip.iges.or.jp/public/2006gl/index.htm>. Hướng dẫn trên giúp các Bên liên quan trong việc thực hiện các cam kết của mình theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu về báo cáo kiểm kê các loại khí thải do con người gây ra. Và loại bỏ bởi các bể hấp thụ khí nhà kính không được kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal, theo thỏa thuận của các Bên.

Pachauri, Rajendra K., và Andy Reisinger, Năm 2007. Biến đổi khí hậu năm 2007: Báo cáo tổng hợp. Đóng góp của Nhóm công tác I, II, và III cho Báo cáo đánh giá lần thứ tư của Hội đồng liên chính phủ về biến đổi khí hậu. Geneva: Ban Hội thẩm liên chính phủ về biến đổi khí hậu. http://www.ipcc.ch/publications_and_data/publications_ipcc_fourth_assessment_report_synthesis_report.htm.

Liên hợp quốc. Năm 1992. “Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu.” Liên Hợp Quốc, Bonn, Đức. http://unfccc.int/key_documents/the_convention/items/2853.php. Tài liệu thiết lập một khuôn khổ tổng thể cho những nỗ lực liên chính phủ để giải quyết những thách thức đặt ra do biến đổi khí hậu.

Năm 1998. “Nghị định thư Kyoto cho Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu.” Liên Hợp Quốc, Bonn, Đức. http://unfccc.int/essential_background/kyoto_protocol/items/2830.php. Nghị định thư thiết lập mục tiêu, ràng buộc về mặt pháp lý của cá nhân để hạn chế hoặc giảm việc thải khí gây hiệu ứng nhà kính để theo đuổi các mục tiêu Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). Điều 6 của nghị định thư định nghĩa “hợp tác thực thi,” cho phép bên liên quan trong Phụ lục I thực hiện dự án giảm lượng khí thải, hoặc dự án đẩy mạnh loại bỏ khí thải nhờ bể hấp thụ trên lãnh thổ của một bên khác trong Phụ lục I. Bên liên quan trong Phụ lục I sau đó có thể tính kết quả giảm khí thải hướng tới mục tiêu của Nghị định thư Kyoto. Để có thêm thông tin về hợp tác thực thi, vui lòng truy cập http://unfccc.int/kyoto_mechanisms/ji/items/1674.php. Điều 12 của nghị định thư định nghĩa Cơ chế phát triển sạch (CDM), hỗ trợ các bên không bao gồm trong Phụ lục I đạt được sự phát triển bền vững và góp phần vào mục tiêu cuối cùng của UNFCCC. CDM cũng hỗ trợ các bên bao gồm trong Phụ lục I để phù hợp với giới hạn và cam kết cắt giảm thải khí nhà kính. Để biết thêm thông tin về CDM, vui lòng truy cập vào http://unfccc.int/kyoto_mechanisms/cdm/items/2718.php.

Hướng dẫn về hiệu quả năng lượng và kỹ thuật giảm thiểu khí nhà kính

Nhiều nguồn có sẵn với các thông tin về hiệu quả năng lượng và các kỹ thuật giảm thiểu khí nhà kính (GHG): Các-bon Trust. Năm 2011. Trang chủ. Các-bon Trust, London. <http://www.cac-bontrust.co.uk/Pages/Default.aspx>. Các công ty phi lợi nhuận được thành lập bởi chính phủ Anh để giúp các doanh nghiệp và các tổ chức công giảm lượng khí thải các-bon dioxide vào khí quyển bằng cách cải thiện hiệu quả năng lượng và phát triển công nghệ thương mại các-bon thấp.

EPA (Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ). Năm 2011. “Chương trình Ngôi sao Năng lượng.” EPA, Washington, DC. <http://www.energystar.gov/index.cfm?c=home.index>. Chương trình cung cấp hướng dẫn về các cơ hội tăng hiệu quả năng lượng trong tại nơi ở, thương mại, và một số ngành công nghiệp.

IEA (Cơ quan Năng lượng quốc tế). Năm 2010. Phát thải CO₂ do đốt nhiên liệu. Paris: IEA. http://www.iea.org/Textbase/publications/free_new_Desc.asp?PUBS_ID=1825. Cuốn sách cung cấp dữ liệu để hỗ trợ việc tìm hiểu sự hình thành của khí thải các-bon dioxide tại hơn 140 quốc gia và vùng lãnh thổ theo lĩnh vực và theo các loại nhiên liệu.

OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) và IEA (Cơ quan Năng lượng quốc tế). Năm 2004. Thống kê Năng lượng. Paris: OECD và IEA.

http://epp.eurostat.ec.europa.eu/portal/page/portal/product_details/publication?p_product_code=NRG-2004.

Bộ Năng lượng Hoa Kỳ. “Quản lý Thông tin về Năng lượng Hoa Kỳ” của Bộ Năng lượng Mỹ, Washington, DC. <http://www.eia.doe.gov/environment.html>. Các trang chủ cung cấp đường dẫn đến dữ liệu về phát thải và các công cụ hữu ích khác của Hoa Kỳ.

Bộ Năng lượng Hoa Kỳ. Năm 2011. “Chương trình Kỹ thuật Công nghiệp”. Bộ Năng lượng Hoa Kỳ, Washington, DC. <http://www1.eere.energy.gov/industry/index.html>. Là chương trình hàng đầu của chính phủ Mỹ, Chương trình Kỹ thuật Công nghiệp đẩy mạnh hiệu quả năng lượng của ngành công nghiệp Hoa Kỳ. Trang web có rất nhiều tài liệu liên quan đến chủ đề năng lượng hiệu quả, bao gồm (a) Các trường hợp nghiên cứu, (b) thông tin kỹ thuật chung và thông tin kỹ thuật cho các ngành công nghiệp cụ thể, và (c) các công cụ phân mềm để phân tích lợi ích công nghiệp năng lượng phổ biến.

Yêu cầu tiêu chuẩn hoạt động liên quan đến thỏa thuận và hướng dẫn quốc tế

Một số các yêu cầu đặt ra trong tiêu chuẩn hoạt động liên quan đến các thỏa thuận và hướng dẫn quốc tế sau đây:

Hướng dẫn về Đăng ký và di chuyển chất gây ô nhiễm

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc). “Đăng ký và di chuyển chất gây ô nhiễm.” UNEP, Geneva. <http://www.chem.unep.ch/prtr/Default.htm>. Đăng ký quốc tế về hóa chất có khả năng độc hại của UNEP trình bày các dữ liệu về các chất thải ra môi trường và di chuyển hóa chất độc hại từ các cơ sở công nghiệp.

Hướng dẫn về việc xử lý ô nhiễm không khí xuyên biên giới trên diện rộng và sản phẩm sạch.

UNECE (Ủy ban Kinh tế Liên Hợp Quốc của Châu Âu). Năm 1979. “Công ước về ô nhiễm không khí xuyên biên giới trên diện rộng.” UNECE, Geneva. <http://www.unece.org/env/lrtap>. Công ước này cung cấp khung làm việc cho kiểm soát và giảm những thiệt hại đối với sức khỏe con người và môi trường gây ra bởi ô nhiễm không khí xuyên biên giới.

Ví dụ khác nhau của các sản phẩm sạch hơn đang được biên soạn bởi các tổ chức quốc tế như:

- APO (Tổ chức về Năng suất châu Á), Tokyo. <http://www.apo-tokyo.org>.

- UNEP (Chương trình Liên Hợp Quốc về Môi trường), Phòng Công nghệ, Công nghiệp và Kinh tế, Paris. <http://www.unep.fr/scp/cp/>.

- UNIDO (Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hiệp Quốc), Vienna, Áo. <http://www.unido.org>.

Hướng dẫn về chất thải và Vật liệu độc hại

IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế). Năm 1973. “Công ước Quốc tế về Phòng chống ô nhiễm do tàu biển (MARPOL). IMO, London. [http://www.imo.org/About/Conventions/ListOfConventions/Pages/International-Convention-for-the-Prevention-of-Pollution-from-Ships-\(MARPOL\).aspx](http://www.imo.org/About/Conventions/ListOfConventions/Pages/International-Convention-for-the-Prevention-of-Pollution-from-Ships-(MARPOL).aspx). Được sửa đổi qua các nghị định thư sau này, công ước bao gồm phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển do tàu thuyền từ nguyên nhân hoạt động hoặc tai nạn.

Institut International du Froid (Viện Quốc tế về điện lạnh). Năm 2005. “Bảng Tóm tắt thông tin về Nghị định thư Montreal.” Viện quốc tế về điện lạnh, Paris. <http://www.lindegas.hu/en/images/MontrealProtocol70-6761.pdf>

Ban thư ký Công ước Basel. Năm 1989. “Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chất thải nguy hại.” Ban thư ký Công ước Basel, Geneva. <http://archive.basel.int/index.html>. Công ước cung cấp trợ giúp và hướng dẫn về các vấn đề pháp lý và kỹ thuật, tập hợp các số liệu thống kê, và tiến hành đào tạo về quản lý một cách thích hợp chất thải nguy hại. Hỗ trợ thông tin cho Công ước Basel có sẵn trang web <http://basel.int/meetings/sbc/workdoc/techdocs.html>.

Ban thư ký Công ước Stockholm. Năm 2001. “Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.” Ban Thư ký Công ước Stockholm, Geneva. <http://chm.pops.int/>. Công ước thúc đẩy việc giảm hoặc loại bỏ các loại chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs) thông qua việc cố ý hoặc vô ý sản xuất và sử dụng hóa chất, cũng như từ kho dự trữ và chất thải.

Năm 2011. “Hướng dẫn về những kỹ thuật tốt nhất sẵn có và Hướng dẫn tạm thời về thực hành tốt nhất liên quan tới môi trường.” Ban Thư ký Công ước Stockholm, Geneva. <http://chm.pops.int/Programmes/BAT/BEP/Guidelines/tabid/187/language/en-US/Default.aspx>. Trang web cung cấp hướng dẫn có liên quan đến Điều 5 và Phụ lục C của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc). Năm 2000. “Nghị định thư Montreal về các chất làm suy yếu tầng ôzôn.” UNEP, Nairobi. <http://ozone.unep.org/pdfs/Montreal-Protocol2000.pdf>. Nghị định thư thiết lập mục tiêu cho việc giảm sản xuất và tiêu thụ các chất phá hủy tầng ozone.

Năm 2010. “Công ước Rotterdam về sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc thông báo trước cho một số hóa chất độc hại và thuốc trừ sâu trong thương mại quốc tế. UNEP, Nairobi. [http://archive.pic.int/INCS/CRC7/b2\)/English/K1063398CRC-7-2.pdf](http://archive.pic.int/INCS/CRC7/b2)/English/K1063398CRC-7-2.pdf). Trang web này trình bày các thủ tục đã sửa đổi về các hóa chất độc hại và thuốc trừ sâu trong thương mại quốc tế (Phụ lục III).

Hướng dẫn về Hạn chế tối đa Sự cố và ảnh hưởng có hại của tai nạn công nghệ và các trường hợp khẩn cấp liên quan đến Môi trường

OSHA (Quản lý Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp). Năm 2011. “Quy trình quản lý an toàn (PSM).” OSHA, Washington, DC. <http://www.osha.gov/SLTC/processsafetymanagement/index.html>. Trang web cung cấp hướng dẫn về quản lý quy trình an toàn.

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc). n.d. “Nhận thức và Chuẩn bị cho trường hợp khẩn cấp trên cấp độ địa phương (APELL).” Chi nhánh tiêu thụ và sản xuất Bên vững, UNEP, Paris. <http://www.unep.org/scp/sp/process/>. Trang web cung cấp các báo cáo kỹ thuật và các tài liệu khác hỗ trợ phòng chống thiên tai và lập kế hoạch phản ứng trong các lĩnh vực không được bảo vệ tốt.

Hướng dẫn và tiêu chuẩn công nhận Quốc tế Chất lượng môi trường xung quanh

Thêm vào các hướng dẫn trước đây, các yêu cầu đặt ra trong tiêu chuẩn hoạt động về điều kiện môi trường xung quanh cũng liên quan đến các mục sau.

Berglund, Birgitta, Thomas Lindvall, và Dietrich H. Schwela. Năm 1999. Hướng dẫn cho tiếng ồn. Geneva: WHO. <http://www.who.int/docstore/peh/noise/guidelines2.html>. Ấn phẩm này cung cấp hướng dẫn cho các cơ quan sức khỏe môi trường và các chuyên gia đang cố gắng để bảo vệ con người khỏi những tác động có hại của tiếng ồn trong môi trường phi công nghiệp.

IAEA (Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế). Năm 1996. “Tiêu chuẩn An toàn cơ bản quốc tế Bảo vệ chống bức xạ ion hóa và an toàn của các nguồn bức xạ.” Loạt bài về An toàn 115, IAEA, Vienna, Áo. http://www-pub.iaea.org/MTCD/publications/PDF/SS-115-Web/Pub996_web-1a.pdf. Báo cáo cung cấp yêu cầu cơ bản để bảo vệ chống lại những rủi ro liên quan đến sự bức xạ ion hóa và sự an toàn của nguồn bức xạ.

ICRP (Ủy ban Quốc tế Bảo vệ Phóng xạ). Năm 1991. “Biên niên sử của ICRP: Các khuyến cáo của Ủy ban Quốc tế về Bảo vệ bức xạ “. Ấn phẩm ICRP Xuất bản năm 60, Pergamon Press, Oxford, Vương quốc Anh <http://www.icrp.org/publication.asp?id=ICRPPublication60>. Các khuyến nghị nhằm giúp các cơ quan điều chỉnh và tư vấn đối phó với bức xạ ion hóa và bảo vệ của con người.

Ủy ban Quốc tế Bảo vệ bức xạ không ion hóa. Năm 1996. “Hướng dẫn về giới hạn phơi sáng biến thiên theo thời gian trong lĩnh vực điện, từ, điện từ (đến 300 GHz).” Y tế Vật lý 74 (4): 494-522. <http://www.icnirp.de/documents/emfgdl.pdf>. Điều khiển này thiết lập các hướng dẫn để hạn chế tiếp xúc với trường điện từ nhằm bảo vệ chống lại các ảnh hưởng và tác dụng phụ tối sức khỏe.

WHO (Tổ chức Y tế Thế giới). Năm 2003. Hướng dẫn an toàn cho môi trường nước, Phần 1: Vùng nước ven biển và nước ngọt. Geneva: WHO. http://www.who.int/water_sanitation_

[health/bathing/srwe1/en/](http://www.who.int/water_sanitation_health/bathing/srwe1/en/). Phần 1 mô tả kiến thức về tác động của việc sử dụng môi trường ven biển và nước ngọt trên sức khỏe của người sử dụng.

Năm 2004. Hướng dẫn về chất lượng nước uống, Phần 1: Kết hợp phụ lục đầu tiên và thứ hai với phiên bản thứ ba. Geneva: WHO. http://www.who.int/water_sanitation_health/dwq/gdwq3/en/. Cuốn sách tập hợp một cơ sở toàn cầu đối với quy định và tiêu chuẩn để đảm bảo sự an toàn của nước uống.

Năm 2006. “ Hướng dẫn Chất lượng không khí: Cập nhật năm toàn cầu 2005.” WHO, Geneva. http://www.who.int/peh/health_topics/outdoorair_agq/en/.

Bảo vệ bổ sung chống lại bức xạ

Ngoài ra, các yêu cầu đặt ra trong tiêu chuẩn hoạt động về thải khí nhà kính liên quan đến các hướng dẫn và các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận sau đây.

IAEA (Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế). Năm 2006. “Nguyên tắc an toàn cơ bản.” tiêu chuẩn an toàn IAEA đối với Bảo vệ người dân và Môi trường SF-1, IAEA, Vienna, Áo. http://www-pub.iaea.org/MTCD/publications/PDF/Pub1273_web.pdf. Ấn phẩm này cung cấp thông tin về các nguyên tắc an toàn cơ bản.

Phương pháp được Quốc tế công nhận về xử lý việc thải khí nhà kính

Nghị định thư về khí nhà kính là một sáng kiến chung của Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới về phát triển bền vững và Viện Tài nguyên Thế giới. Thông tin tổng quát về Nghị định thư khí nhà kính, vui lòng truy cập <http://www.ghgprotocol.org>. Trang web của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ về biến đổi khí hậu (<http://www.epa.gov/climatechange/index.html>) và trang web của Chương trình báo cáo về khí nhà kính <http://www.epa.gov/climatechange/emissions/ghg-rulemaking.html>), cung cấp thông tin bổ sung về phương pháp xử lý việc thải khí nhà kính. Các nguồn thông tin khác như sau:

API (Viện Dầu mỏ Hoa kỳ). Năm 2004. Bản tóm tắt về Các phương pháp xử lý việc thải khí nhà kính cho ngành công nghiệp dầu mỏ, khí tự nhiên. Austin, TX: API. http://www.api.org/ehs/climate/new/upload/2009_GHG_COMPENDIUM.pdf. Cuốn sách cung cấp cho các công ty ngành công nghiệp dầu mỏ và khí thiên nhiên những công cụ để đo lường và báo cáo việc thải khí nhà kính.

DECC (Cục Năng lượng và Biến đổi khí hậu Vương quốc Anh) và Defra (Cục Môi trường, Thực phẩm và Nông thôn Vương quốc Anh). Năm 2009. “Hướng dẫn Làm thế nào để đo lường và Báo cáo việc thải khí nhà kính của doanh nghiệp.” DECC và Defra, London. <http://www.defra.gov.uk/publications/2011/03/26/ghg-guidance-pb13309>. Báo cáo cung cấp một tập hợp các hướng dẫn và các giao thức cho người tham gia trực tiếp trong chương trình.

EPA (Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ). Năm 1999. “

Chương trình Kiểm kê cải thiện khí thải, Phần VIII: Ước tính việc thải khí nhà kính." EPA, Washington, DC. <http://www.epa.gov/ttnchie1/eiip/techreport/volume08>.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế) và NCASI (Hội đồng quốc gia về cải thiện không khí và dòng chảy). Năm 2011. "Công cụ đánh giá Công nghiệp rừng Các-bon (FICAT)." IFC và NCASI, Washington, DC. <http://www.ficatmodel.org/landing/index.html>. Các công cụ hỗ trợ của IFC mô tả cụ thể vòng đời tổng thể về tác động khí nhà kính (không chỉ là các-bon dioxide) của các cơ sở công nghiệp và các công ty sản xuất sản phẩm từ rừng.

IPIECA (Hiệp hội Bảo Tồn Môi Trường Công nghiệp dầu khí quốc tế). Năm 2003. "Hướng dẫn Công nghiệp Dầu khí về báo cáo việc thải khí nhà kính." IPIECA, London. <http://www.ipieca.org/publication/petroleum-industry-guidelines-reporting-greenhouse-gas-emissions>. Hướng dẫn được cung cấp trong báo cáo này tập trung cụ thể về kế toán và báo cáo các việc thải khí nhà kính, và dao động từ cấp cơ sở đến cấp độ doanh nghiệp.

ISO (Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế). Năm 2006. "Tiêu chuẩn ISO kế toán dự án khí nhà kính Phần 2." ISO 14064, ISO, Geneva. <http://www.iso.org/iso/en/CatalogueDetailPage.CatalogueDetail?CSNUMBER=38382&ICS1=13&ICS2=20&ICS3=40>. Các thông số kỹ thuật cung cấp hướng dẫn ở cấp độ dự án để định lượng, theo dõi và báo cáo cắt giảm hoặc loại bỏ sự gia tăng của việc thải khí nhà kính.

WBCSD (Hội đồng Kinh doanh thế giới vì sự phát triển bền vững) và WRI (Viện Tài nguyên Thế giới). Năm 2004. Nghị định thư về khí nhà kính: tiêu chuẩn kế toán và báo cáo của doanh nghiệp. Geneva, WBCSD, Washington, DC: WRI. <http://www.wri.org/publication/greenhouse-gas-protocol-corporate-accounting-and-reporting-standard-revised-edition>. Cuốn sách bao gồm hướng dẫn, nghiên cứu, phụ lục, và một chương mới bổ sung về việc thiết lập một mục tiêu của khí nhà kính.

Năm 2005. Nghị định thư về khí nhà kính của kế toán dự án. Geneva, WBCSD, Washington, DC: WRI. http://www.ghg-protocol.org/files/ghgp/ghg_project_protocol.pdf. Cuốn sách nhằm là một công cụ định lượng và báo cáo việc cắt giảm từ các dự án nhà kính. Sự độc đáo của nghị định thư nằm trong khả năng phân biệt giữa các quyết định về chính sách và các khía cạnh kế toán kỹ thuật.

Năm 2011. "Công cụ Tính toán". Geneva, WBCSD; Washington, DC: WRI. <http://www.ghgprotocol.org/calculation-tools/all-tools>. Trang web cung cấp thông tin tính toán khí nhà kính cho các hoạt động công nghiệp và thương mại nói chung chẳng hạn như (a) đốt huỷ văn phòng phẩm, (b) sử dụng điện, (c) các nguồn vận tải, di động, (d) nhà máy nhiệt kết hợp năng lượng, và (e) các hệ thống điện lạnh và điều hoà. Các công cụ này cũng tính toán lượng thải khí nhà kính từ các ngành công nghiệp sau: nhôm, xi măng, sắt thép, vôi, amoniac, axit nitric, chlorodifluoromethane (HCFC-22), bột giấy và giấy, và axit adipic. Hướng dẫn bổ sung cũng có sẵn sau khi đăng ký miễn phí.

Ví dụ của công bố khu vực tư nhân về thải khí nhà kính

Theo dự án tiết lộ thông tin về Các-bon, các nhà đầu tư cùng ký một yêu cầu toàn cầu duy nhất đòi hỏi công bố thông tin về việc thải khí gây hiệu ứng nhà kính. Để biết thêm thông tin về chương trình này, vui lòng truy cập <http://www.cdproject.net>.

Hướng dẫn Xử lý an toàn thuốc trừ sâu

FAO (Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên Hợp Quốc). Năm 1990. "Hướng dẫn bảo vệ cá nhân khi làm việc với thuốc trừ sâu ở vùng khí hậu nhiệt đới." FAO, Rome. <http://www.fao.org/ag/AGP/AGPP/Pesticid/Code/Download/PROTECT.pdf>. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về bảo vệ người sử dụng thuốc trừ sâu trong khi đảm bảo rằng họ có thể làm việc thoải mái và hiệu quả ở vùng khí hậu nhiệt đới.

Năm 1995. "Hướng dẫn thực tiễn ghi nhận tốt của thuốc trừ sâu." FAO, Rome. <http://www.bvds.paho.org/bvdstext/fao11/fao11.pdf>. Tài liệu cung cấp hướng dẫn về việc huấn luyện nhân mác và cung cấp hướng dẫn cụ thể về thành phần.

Năm 1996. "Lưu trữ và bảo quản thuốc trừ sâu." FAO, Rome. <http://www.fao.org/docrep/v8966e/v8966e00.htm>. Hướng dẫn sử dụng này rất hữu dụng ở nhiều nước, đặc biệt là liên quan đến việc kiểm soát quản lý và lưu trữ thuốc trừ sâu trong kho bãi.

Năm 1998. "Hướng dẫn về phân phối bán lẻ thuốc trừ sâu với tham khảo đặc biệt để lưu trữ và xử lý tại điểm cung cấp cho người sử dụng ở các nước đang phát triển." FAO, Rome. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn làm thế nào để lưu trữ và xử lý thuốc trừ sâu tại các điểm cung cấp cho người sử dụng. <http://www.fao.org/WAICENT/FAOINFO/AGRICULT/AGP/AGPP/Pesticid/Code/Download/retail.doc>.

Năm 1999. "Hướng dẫn quản lý Số lượng nhỏ thuốc trừ sâu không mong muốn và quá cũ." FAO Xử lý thuốc trừ sâu số mục 7, FAO, Rome. <http://www.fao.org/docrep/X1531E/X1531E00.htm>. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về việc xử lý một lượng nhỏ thuốc trừ sâu không sử dụng được trong kho, chất thải liên quan đến thuốc trừ sâu, và các thùng chứa bị ô nhiễm.

WHO (Tổ chức Y tế Thế giới). Năm 2010. WHO khuyến nghị Phân loại thuốc trừ sâu theo cấp độ nguy hại và hướng dẫn để phân loại 2009. "Chương trình Quốc tế về An toàn hóa chất, WHO, Geneva. http://www.who.int/ipcs/publications/pesticides_hazard/en. Tài liệu này cung cấp một hệ thống phân loại để phân biệt giữa các loại thuốc trừ sâu độc hại hơn và ít độc hại hơn trên cơ sở gây ảnh hưởng cấp tính tới sức khỏe con người.

Hướng dẫn 4

Sức khỏe, An ninh và An toàn Cộng đồng

Hướng dẫn 4 liên quan đến việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 4. Đề nghị tham chiếu thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 – 3 và 5 – 8, cũng như các Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn hoạt động 4 thừa nhận rằng các hoạt động, thiết bị và cơ sở hạ tầng dự án cũng có thể làm tăng khả năng tiếp xúc của cộng đồng với các rủi ro và tác động liên quan. Ngoài ra, đối với các cộng đồng đã bị ảnh hưởng bởi các tác động từ biến đổi khí hậu, họ có thể sẽ cảm nhận ảnh hưởng cộng hưởng do các hoạt động của dự án. Mặc dù phải thừa nhận vai trò của cơ quan chính quyền trong việc thúc đẩy sức khỏe, an toàn và an ninh cho công chúng, Tiêu chuẩn Hoạt động này chỉ ra trách nhiệm của khách hàng trong việc tránh hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động đến an toàn, y tế và an ninh của cộng đồng mà có thể phát sinh từ các hoạt động của dự án, đặc biệt đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Trong khu vực có xung đột và hậu xung đột, mức độ rủi ro và tác động được mô tả trong Tiêu chuẩn Hoạt động này có thể lớn hơn. Rủi ro mà một dự án có thể làm cho hiện trạng vốn đã nhạy cảm ở địa phương đó trở nên trầm trọng hơn và gây căng thẳng cho việc sử dụng các nguồn tài nguyên vốn đã khan hiếm phải được xem xét cẩn trọng vì có thể dẫn đến những xung đột lớn hơn.

Mục tiêu

- Để dự báo và tránh rủi ro và tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng trong vòng đời dự án trong cả các tình huống thường xuyên và bất thường
- Để đảm bảo rằng việc bảo vệ người và tài sản được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc về quyền con người và tránh hoặc giảm thiểu các rủi ro đối với an toàn và an ninh của cộng đồng bị ảnh hưởng

Hướng dẫn 1. Theo quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 1, quá trình xác định rủi ro và tác động môi trường và xã hội tạo cơ hội cho khách hàng xác định, đánh giá, và giải quyết rủi ro và tác động tiềm năng mà dự án có thể tạo ra đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng, và giảm rủi ro gây thương tật, bệnh tật, và tử vong do hoạt động của dự án. Các cộng đồng không có tính đồng nhất, và nên lưu ý là tác động có thể khác nhau với các nhóm, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, nữ giới, nam giới, thanh niên, người cao tuổi, người khuyết tật. Quy mô, độ chi tiết, và thể loại phân tích phải tương ứng với đặc điểm và cấp độ của rủi ro và tác động mà dự án được đề xuất có thể tạo ra đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương.

Hướng dẫn 2. Tiêu chuẩn hoạt động 4 cũng thừa nhận khách hàng có nghĩa vụ và quyền lợi hợp pháp trong việc bảo vệ nhân sự và tài sản của doanh nghiệp. Nếu khách hàng nhận định cần có nhân viên an ninh để bảo vệ, thì công tác an ninh phải được tiến hành theo cách thức không gây nguy hiểm cho an toàn và an ninh cộng đồng hoặc tổn hại đến quan hệ của doanh nghiệp trong cộng đồng. Việc này cũng phải tuân thủ với quy định quốc gia, bao gồm cả các điều luật quốc gia quy định cam kết của nước sở tại theo luật pháp quốc tế, và đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 4, như vậy sẽ phù hợp với tập quán quốc tế tốt.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.

4. Tiêu chuẩn Hoạt động này giải quyết những rủi ro và tác động tiềm năng đối với cộng đồng bị ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án. Các yêu cầu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động được

đề cập tại Tiêu chuẩn Hoạt động 2, và các tiêu chuẩn môi trường để ngăn chặn tác động đến sức khỏe con người và môi trường do ô nhiễm được đề cập trong Tiêu chuẩn Hoạt động 3.

Yêu cầu

An toàn và sức khỏe Cộng đồng

5. Các khách hàng sẽ đánh giá rủi ro và tác động đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng trong suốt vòng đời của dự án và sẽ thiết lập các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành (GIIP),¹ như Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng thế giới (Hướng dẫn EHS) hay các nguồn tài liệu quốc tế khác. Khách hàng sẽ xác định các rủi ro và tác động và đưa ra các biện pháp giải quyết chúng một cách tương xứng với những rủi ro và tác động xác định. Những biện pháp này sẽ ưu tiên cho việc phòng ngừa và tránh các rủi ro và tác động hơn là giảm thiểu và giảm nhẹ.

Hướng dẫn 3. Các vấn đề về sức khỏe và an toàn cộng đồng phải được giải quyết thông qua quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội và thể hiện qua Kế hoạch hành động được công bố cho các Cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án. Nếu dự án có liên quan tới các vấn đề sức khỏe và an toàn phức tạp, khách hàng có thể phải mời chuyên gia bên ngoài để đánh giá một cách độc lập và bổ sung cho quá trình xác định rủi ro và tác động theo quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 1. Chi tiết về quá trình Đánh giá Tác động Sức khỏe và ví dụ về các yếu tố thiết yếu được liệt kê trong Giới thiệu về Đánh giá Tác động Sức khỏe của IFC. Cuốn cẩm nang này cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách đánh giá tác động sức khỏe đối với các dự án có rủi ro cao về tác động sức khỏe, có mức độ phức tạp khác nhau liên quan tới các khía cạnh như tham vấn với cộng đồng về khía cạnh sức khỏe và an toàn, đánh giá điều kiện kỹ gốc, giám sát sức khỏe bởi doanh nghiệp tư nhân và chính quyền địa phương, đánh giá rủi ro sức khỏe, và các biện pháp giảm nhẹ đối với các hạng mục chính của rủi ro sức khỏe cộng đồng. Các nguồn thông tin hướng dẫn khác về quản lý khía cạnh sức khỏe và an toàn bao gồm các phần có liên quan của Hướng dẫn Chung về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Ngân hàng thế giới (ví dụ Mục 1.5, Quản lý Vật liệu Nguy hại). Nếu các biện pháp giảm nhẹ cần có sự tham gia của bên thứ ba, ví dụ như chính quyền trung ương hay địa phương, khách hàng nên, với sự đồng ý của cơ

¹ Được định nghĩa là phân thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu hoặc trong khu vực.

quan chính phủ liên quan, chuẩn bị phối hợp với bên thứ ba để tìm ra giải pháp đáp ứng được yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 4.

Hướng dẫn 4. Các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 4 về sự tham gia của cộng đồng có thể được đáp ứng bằng cách áp dụng quá trình có sự tham gia của cộng đồng được nêu tại khoản 22 tới 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 1, bao gồm cả tham vấn trên cơ sở có thông tin đầy đủ và với sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng, nếu dự án có tác động tiêu cực tiềm năng đáng kể ảnh hưởng tới họ.

Hướng dẫn 5. Quản lý sức khỏe và an toàn cộng đồng không chỉ là vấn đề kỹ thuật. Điều này cũng đòi hỏi phải hiểu rõ về các quá trình xã hội và văn hóa mà cộng đồng trải qua, cảm nhận, và ứng phó với rủi ro và tác động. Nhận thức của cộng đồng thường ít bị ảnh hưởng hơn bởi đánh giá kỹ thuật và định lượng, mà nhiều hơn bởi cách thức thành viên cộng đồng trải qua sự thay đổi trong môi trường của mình. Ví dụ thành viên của cộng đồng có thể có cảm nhận về rủi ro lớn hơn nếu nó không tự nguyện, phức tạp, vượt ra ngoài khả năng kiểm soát cá nhân của họ, hoặc nếu sự phân bố về rủi ro và quyền lợi được cho là không công bằng.

Thiết kế và An toàn Cơ sở hạ tầng và Thiết bị

6. Các khách hàng sẽ thiết kế, xây dựng và vận hành và ngừng hoạt động các kết cấu hoặc bộ phận cấu thành của dự án phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành, và sẽ xem xét cụ thể đến rủi ro an toàn cho bên thứ ba hoặc cho cộng đồng bị ảnh hưởng. Khi tòa nhà hay kết cấu mới sẽ mở cửa cho dân chúng, khách hàng cần xem xét các rủi ro lớn hơn khi dân chúng có khả năng gặp phải các tai nạn trong vận hành, và/hoặc hiểm họa tự nhiên, và tuân thủ với nguyên tắc khu vực công cộng. Các cấu trúc của dự án cần được thiết kế và xây dựng bởi những chuyên gia lành nghề, được chứng nhận và phê duyệt của cơ quan hoặc các chuyên gia có thẩm quyền. Khi các yếu tố kết cấu hoặc các bộ phận cấu thành, chẳng hạn như đập, đập chất thải, hoặc ao tro, nằm ở vị trí có nguy cơ cao, và thất bại hay sự cố của chúng có thể đe dọa sự an toàn của cộng đồng, khách hàng sẽ mời một hoặc nhiều chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm với các dự án tương tự, độc lập với nhóm những người chịu trách nhiệm cho việc thiết kế và xây dựng, tiến hành rà soát càng sớm càng tốt trong giai đoạn phát triển dự án và trong suốt các giai đoạn thiết kế dự án, xây dựng và vận hành và tháo dỡ. Đối với các dự án vận hành các thiết bị di động trên đường công cộng và các loại hình cơ sở hạ tầng

khác, khách hàng sẽ tìm cách ngăn chặn các sự cố và tai nạn liên quan đến hoạt động của thiết bị đó.

Hướng dẫn 6. Chuyên gia đủ năng lực và kinh nghiệm là những người có kinh nghiệm được chứng minh về thiết kế và xây dựng các dự án có độ phức tạp tương đương. Năng lực có thể được thể hiện qua sự kết hợp của đào tạo kỹ thuật chính quy và kinh nghiệm thực tế, hoặc thông qua việc đăng ký chuyên nghiệp chính thức hơn hoặc lấy chứng chỉ cấp quốc gia hoặc quốc tế.

Hướng dẫn 7. Các yếu tố kết cấu cần phải được cấp chứng chỉ và phê duyệt để đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 4, như vậy cần xem xét năng lực về an toàn thiết kế, bao gồm đặc tính kỹ thuật, kết cấu, điện, cơ khí, và cháy nổ. Khi xác định các yêu cầu trên, trong một số trường hợp là bổ sung hoặc vượt mức yêu cầu pháp lý địa phương, khách hàng được trông đợi là sẽ căn cứ vào rủi ro hoặc hệ quả tiêu cực tiềm năng tạo ra bởi đặc điểm và sự vận hành của các yếu tố kết cấu trên và điều kiện tự nhiên của khu vực (ví dụ khả năng có bão tố, động đất, lũ lụt, v.v...) Hướng dẫn thêm có thể được xem trong Hướng dẫn EHS Chung và Chuyên ngành.

Hướng dẫn 8. Các dự án có liên quan tới kết cấu và công trình dành cho nhân viên và công chúng cần được cấp chứng chỉ về an toàn kết cấu và phòng cháy bởi các chuyên gia thiết kế và phòng cháy có đăng ký chức năng cấp chứng chỉ với các tổ chức chuyên ngành của quốc gia hoặc quốc tế và/hoặc cơ quan quản lý phụ trách vấn đề trên. Công trình dành cho công chúng phải được thiết kế, xây dựng và vận hành phù hợp tuyệt đối với quy định xây dựng địa phương, quy định phòng cháy, quy định về pháp ý/bảo hiểm địa phương, và phù hợp với tiêu chuẩn an toàn tính mạng và phòng cháy được quốc tế công nhận (L&S). Ví dụ về các công trình bao gồm: cơ sở chăm sóc sức khỏe và giáo dục; khách sạn, trung tâm hội nghị; và công trình giải trí; cơ sở bán lẻ và thương mại; và sân bay, các công trình giao thông công cộng khác, và cơ sở chuyên tiếp. Điều 3.3 (L&FS) của Hướng dẫn chung EHS xác định rõ hơn quy định này về tiêu chuẩn phòng cháy và an toàn khác đối với các công trình mới và công trình cải tạo. Đối với các công trình dành cho công chúng hoặc các kết cấu có mức rủi ro cao khác, cần được cấp chứng chỉ trong giai đoạn thiết kế dự án và sau khi xây dựng. Trong một số trường hợp sẽ cần chứng chỉ vận hành nếu sự biến đổi tiềm năng về kết cấu trong thời gian vận hành là đáng kể. Trong mọi dự án liên quan tới rủi ro đối với nhân viên và công chúng, khách hàng nên xây dựng năng lực nội tại để giám sát khâu thiết kế và an toàn phòng cháy của các hoạt động của mình, bao gồm giám sát định kỳ và kiểm toán nội bộ.

Hướng dẫn 9. Các dự án lớn thường có các yếu tố kết cấu có mức độ rủi ro cao và thường bao gồm các yếu tố có thể đe dọa tính mạng con người trong trường hợp bị thất bại, ví dụ như các đập chắn nằm ở thượng nguồn của các cộng đồng. Trong trường hợp đó, ngoài các quy định về chứng chỉ thiết kế của địa phương, phải có thêm đánh giá rủi ro bởi các chuyên gia có thẩm quyền và chuyên gia bên ngoài. Một số loại đập chắn đặc trưng cần được đánh giá rủi ro và/hoặc kiểm định bởi chuyên gia bên ngoài bao gồm đập thủy điện; đập chứa chất thải mỏ; đập chắn của ao tro; đập tràn chất lỏng và đập chứa đất bùn; đập chứa nước và các loại chất lỏng khác; và đập nước thải và đập chắn để kiểm chế nước do bão. Phụ lục A có để cập tới ví dụ về tiêu chí rủi ro để đánh giá đập chắn.

Hướng dẫn 10. Theo yêu cầu của các quan ngại về an toàn của Hướng dẫn này và yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 đối với việc bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, cũng như yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 2 về không phân biệt đối xử và cơ hội công bằng, các công trình được thiết kế cho công chúng cũng phải giải quyết khả năng tiếp cận tự do và an toàn, và khả năng ra vào cho người khuyết tật. Nếu công trình mới dành cho công chúng tiếp cận, việc thiết kế phải phù hợp với nguyên tắc tiếp cận chung. Công ước về Quyền của Người khuyết tật quy định nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước về việc khuyến khích và bảo vệ quyền của người khuyết tật, bao gồm cả quyền tiếp cận chung. Một số rào cản văn hóa, pháp lý, và thể chế làm cho phụ nữ và các cô gái trẻ khuyết tật trở thành nạn nhân của sự phân biệt đối xử bị nhân đôi: voi tư cách phụ nữ và người khuyết tật. Vấn đề khả năng tiếp cận nằm trong số nguyên tắc cơ bản của Công ước và nên được đưa vào thiết kế và vận hành của công trình dành cho công chúng sử dụng. Khái niệm “Thiết kế Chung” được xác định trong Mục 2 của công ước Liên hợp quốc (UN) như sau: “thiết kế của sản phẩm, môi trường, chương trình và dịch vụ có thể được mọi người sử dụng với mức độ tối đa có thể, mà không cần phải sửa đổi hoặc thiết kế đặc biệt. “Thiết kế Chung” không được loại trừ các thiết bị hỗ trợ cho nhóm người khuyết tật cụ thể nếu cần thiết”. Khái niệm “Điều tiết Hợp lý” có thể được sử dụng trong trường hợp chỉ Thiết kế Chung là chưa đủ để loại bỏ rào cản cho sự tiếp cận. Công ước UN xác định “Điều tiết Hợp lý” là “sự sửa đổi và điều chỉnh cần thiết và phù hợp, không đem lại gánh nặng không tương xứng hoặc không cần thiết, cần thiết trong trường hợp cụ thể để đảm bảo cá nhân khuyết tật có thể hưởng thụ hoặc sử dụng ngang bằng với người khác trên cơ sở tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người”.

Hướng dẫn 11. Theo Báo cáo của Liên hợp quốc về Hiện trạng An toàn Đường bộ Toàn cầu (2009), khoảng 1,3 triệu người trên thế giới tử vong hằng năm do tai

nạn trên đường, và khoảng từ 20 đến 50 triệu người chịu thương tật không chết người. Tỷ lệ đáng kể của những ca tử vong và thương tật trên liên quan tới người đi bộ, xe đạp và xe máy. Doanh nghiệp tư nhân có hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào việc sử dụng đội ngũ xe của mình hoặc đi thuê để vận chuyển hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ có vai trò và trách nhiệm đặc biệt quan trọng trong việc phòng tránh tai nạn giao thông đường bộ để bảo vệ tính mạng của thành viên cộng đồng sống dọc theo tuyến giao thông, cũng như tính mạng của nhân viên của họ. Vai trò của các doanh nghiệp càng quan trọng hơn khi hạ tầng cơ sở có chất lượng kém (ví dụ thiếu hệ thống biển báo và chiếu sáng tốt, chất lượng mặt đường kém, thiếu phần đường dành cho người đi bộ và vị trí qua đường, ách tắc đô thị, v.v...), quy định và thực thi yếu kém đối với lái xe (ví dụ quy định và thực thi yếu kém về cấp bằng lái xe và thực thi yếu kém về quy định an toàn trên đường như giới hạn tốc độ), và hạ tầng ứng phó khẩn cấp không phù hợp (ví dụ thiếu xe cứu thương và chăm sóc chấn thương). Vì vậy, khách hàng phải có chương trình cho lái xe và an toàn giao thông tương xứng với quy mô và đặc điểm của hoạt động dự án và phù hợp với nguyên tắc được miêu tả trong Hướng dẫn Chung EHS (Mục 3.4 An toàn Giao thông). Nếu các hoạt động liên quan tới giao thông là do bên nhà thầu cung cấp, khách hàng phải có nỗ lực hợp lý về thương mại để đảm bảo an toàn đối với bên cung cấp dịch vụ, quy định trong hợp đồng về đánh giá rủi ro an toàn giao thông và chấp thuận và áp dụng chương trình an toàn cho lái xe. Chương trình quản lý phải bao gồm kế hoạch sẵn sàng ứng phó khẩn cấp để trong tình huống khẩn cấp có thể hỗ trợ cấp cứu cho lái xe hoặc bên thứ ba, đặc biệt trong các khu vực hẻm lách hoặc trong tình huống ít có khả năng giải quyết tình huống khẩn cấp liên quan tới cả chấn thương hoặc các thương tật nghiêm trọng khác.

An toàn cho Vật liệu độc hại

7. Các khách hàng sẽ ngăn chặn hoặc giảm thiểu khả năng tiếp xúc của cộng đồng với các chất và vật liệu độc hại có thể sẽ xuất hiện từ dự án. Trường hợp cộng đồng (bao gồm cả người lao động và gia đình của họ) có thể sẽ phải tiếp xúc với hiểm họa, đặc biệt là hiểm họa có thể đe dọa tính mạng, khách hàng sẽ thực hiện hoạt động đặc biệt cần trọng để tránh hoặc giảm thiểu tiếp xúc của họ bằng cách thay đổi, thay thế hoặc loại bỏ điều kiện hay chất gây ra mối nguy hiểm. Trường hợp vật liệu nguy hiểm là một phần của cơ sở hạ tầng hoặc các thành phần hiện có của dự án, khách hàng sẽ đặc biệt cần trọng khi tiến hành các hoạt động ngừng hoạt động dự án để ngăn chặn việc vật liệu tiếp xúc với cộng đồng. Ngoài ra, khách hàng

sẽ thực hiện các nỗ lực thương mại hợp lý để kiểm soát sự an toàn trong việc cung cấp nguyên liệu độc hại, vận chuyển và xử lý chất thải, và sẽ thực hiện các biện pháp để tránh hoặc kiểm soát việc thuốt trừ sâu tiếp xúc với cộng đồng phù hợp với các yêu cầu nêu tại Tiêu chuẩn Hoạt động 3.

Hướng dẫn 12. Ngoài việc giải quyết quá trình thải chất nguy hại theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 3, khách hàng còn phải đánh giá rủi ro và tác động do việc quản lý các chất nguy hại đem lại bên ngoài ranh giới của dự án và trong các khu vực mà cộng đồng sinh sống hay sử dụng. Khách hàng phải có các biện pháp phòng tránh hoặc giảm thiểu việc cộng đồng bị phơi nhiễm với hiểm nguy liên quan tới dự án. Một trong những cách đạt được mục tiêu trên là sử dụng các chất nguy hại ít hơn, nếu khả thi về mặt kỹ thuật và tài chính và hiệu quả về chi phí.

Hướng dẫn 13. Vì một số chất nguy hại có thể tạo ra rủi ro đáng kể với cộng đồng trong cuối vòng đời của mình, Tiêu chuẩn hoạt động 4 yêu cầu khách hàng phải có nỗ lực hợp lý để tránh sử dụng các chất đó, trừ khi không có phương án thay thế khả thi nào hoặc nếu khách hàng có thể đảm bảo sẽ quản lý các chất này an toàn. Ví dụ về các chất mà việc sử dụng không còn được coi là tập quán tốt bao gồm vật liệu xây dựng chứa amiăng hoặc PCB trong thiết bị điện. Quản lý an toàn các chất nguy hại phải được kéo dài trong giai đoạn chấm dứt hoạt động của dự án khi chất thải tồn dư, bao gồm cả chất thải phá dỡ, phải được quản lý an toàn phù hợp với quy định quản lý chất thải của Tiêu chuẩn hoạt động 3. Thông tin hướng dẫn thêm có trong Hướng dẫn Chung EHS (được miêu tả trong Mục 1.4 – Quản lý Chất nguy hại) và cả mục liên quan của Hướng dẫn EHS Chuyên Ngành. Việc đánh giá rủi ro tiềm năng vì bị phơi nhiễm với chất nguy hại cần tính đến các hoạt động khác biệt và sử dụng nguồn lực của các thành viên cộng đồng, lưu ý đến các thành viên của cộng đồng dễ bị tổn thương, chịu tác động, hoặc có khả năng bị phơi nhiễm nhất. Ví dụ, khi đánh giá mức độ môi trường bị phơi nhiễm với chất nhiễm bẩn, phụ nữ có thể là nhóm bị ảnh hưởng đáng kể nhất vì phơi nhiễm với nước nhiễm bẩn (khi giặt quần áo hoặc lấy nước) hoặc trẻ em bị phơi nhiễm với đất nhiễm bẩn trong khi chơi. Nếu cần phải đánh giá phơi nhiễm, việc đánh giá phải dựa trên khuôn khổ đánh giá rủi ro định lượng được quốc tế công nhận (Miêu tả trong Hướng dẫn Chung EHS, Mục 1.8 – Đất nhiễm bẩn).

Hướng dẫn 14. Ngay cả khi khách hàng không thể kiểm soát trực tiếp các hoạt động của nhà thầu chính và thầu phụ, khách hàng cũng phải có các biện pháp hợp lý về thương mại để điều tra năng lực giải quyết vấn đề an toàn của các nhà thầu, thông báo về kỳ vọng về

hoạt động an toàn của họ, và bằng cách khác ảnh hưởng tới thái độ của nhà thầu với vấn đề an toàn, đặc biệt là những nhà thầu liên quan tới việc vận chuyển chất nguy hại đi tới và rời từ khu vực dự án.

Các dịch vụ của hệ sinh thái

8. Tác động trực tiếp của dự án đến các dịch vụ sinh thái ưu tiên có thể mang đến những rủi ro và tác động tiêu cực đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong Tiêu chuẩn hoạt động này, dịch vụ sinh thái được hiểu chỉ là dịch vụ cung cấp và dịch vụ điều hành đã được định nghĩa tại khoản 2 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Chẳng hạn, việc thay đổi cách thức sử dụng đất hay làm mất vùng đệm tự nhiên như vùng đầm lầy, rừng đước, rừng trên núi để hạn chế ảnh hưởng của thiên tai như lũ lụt, lở đất và hỏa hoạn có thể làm trầm trọng hơn mức độ dễ bị tổn thương và mang lại những rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bị ảnh hưởng. Sự thu hẹp hoặc thoái hóa các nguồn tài nguyên thiên nhiên như tác động tiêu cực đến chất lượng, số lượng và sự sẵn có của nguồn nước ngọt,² có thể mang lại những rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn. Khi phù hợp và khả thi, khách hàng sẽ xác định những rủi ro này và những tác động tiềm năng lên các dịch vụ của hệ sinh thái mà có thể bị ảnh hưởng thêm từ biến đổi khí hậu. Những tác động tiêu cực cần có tránh, trong trường hợp không thể tránh thì khách hàng phải thực hiện các biện pháp khắc phục giảm thiểu tác động theo các quy định tại khoản 24 và 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Liên quan đến việc sử dụng và mất quyền tiếp cận với các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái, khách hàng cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu theo quy định tại khoản 25 đến 29 của Tiêu chuẩn hoạt động 5.

Hướng dẫn 15. Những quy định này chủ yếu áp dụng cho dự án có thể gây ra sự thay đổi đáng kể với môi trường vật lý, như vùng phủ xanh tự nhiên, địa hình hiện tại, và cơ chế thủy học bao gồm các dự án như khai khoáng, khu công nghiệp, đường xá, sân bay, đường ống dẫn, và dự án nông nghiệp mới. Trong trường hợp đó, phải áp dụng biện pháp để phòng đặc biệt để tránh sự bất ổn định về địa chất, quản lý dòng nước bao một cách an toàn, phòng tránh giảm lượng nước bề mặt và nước ngầm đối với mục đích sử dụng cho con người và nông nghiệp (phụ thuộc vào nguồn nước mà cộng đồng vẫn sử dụng một cách truyền thống), và phòng tránh chất lượng xuống cấp của các nguồn trên. Các yêu cầu trên cũng áp dụng cho nguồn đất đai mà cộng

đồng sử dụng với mục đích nông nghiệp hay mục đích khác. Dự án phụ thuộc vào khí hậu (ví dụ dự án có hoạt động liên quan mật thiết tới cơ chế thủy học địa phương hay khu vực) như thủy điện, cấp nước và vệ sinh, nông nghiệp và lâm nghiệp được tưới tiêu hoặc dùng nước mưa, dự án sử dụng nguồn nước ngọt trong quá trình sản xuất (ví dụ cho nhu cầu sản xuất hay làm mát) và các dự án có tiềm năng bị ảnh hưởng bởi nước sông hay nước biển dâng tràn hoặc lở đất, nên đánh giá tác động tiềm năng bị gây ra bởi sự thay đổi được dự đoán hay quan sát về thủy học, bao gồm việc đánh giá thông tin có thể có được một cách hợp lý về thủy học trong quá khứ (bao gồm tần suất và mức độ của hiện tượng thủy học) và các xu hướng được dự đoán khoa học. Đánh giá rủi ro liên quan tới khí hậu cần bao gồm việc thảo luận những thay đổi tiềm năng trong các kịch bản thủy học, và tác động tiềm năng bị gây ra và biện pháp giảm nhẹ được cân nhắc trong khi thiết kế và vận hành dự án. Việc đánh giá này phải tương xứng với dữ liệu có được và với quy mô của tác động tiềm năng.

Hướng dẫn 16. Theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 3, chất lượng của đất và nước cũng như của tài nguyên thiên nhiên khác như động và thực vật, đất rừng, lâm sản và nguồn tài nguyên biển cũng phải được bảo vệ để không tạo ra rủi ro không chấp nhận được với sức khỏe và an toàn con người và môi trường vì sự hiện diện của các chất ô nhiễm. Yêu cầu này cũng được áp dụng với giai đoạn chấm dứt hoạt động của dự án, khi đó khách hàng phải đảm bảo chất lượng các điều kiện xung quanh của khu vực dự án phù hợp với việc sử dụng sau này. Thông tin chung về quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo được đề cập trong khoản 21 tới 22 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và Hướng dẫn đi kèm.

Sự tiếp xúc của cộng đồng với nguồn gây bệnh

9. Các khách hàng sẽ ngăn chặn hoặc giảm thiểu nguy cơ tiếp xúc của cộng đồng với các loại bệnh từ nước, trong nước, liên quan đến nước, sinh vật truyền bệnh, và các bệnh truyền nhiễm có thể là kết quả của các hoạt động của dự án, có tính đến mức độ phơi nhiễm và mức độ nhạy cảm của các nhóm dễ bị tổn thương. Trường hợp bệnh cụ thể là đặc thù trong các cộng đồng trong vùng dự án ảnh hưởng, khách hàng được khuyến khích tìm kiếm các cơ hội, trong suốt vòng đời dự án, cải thiện điều kiện môi trường mà có thể giúp giảm tỷ lệ mắc bệnh của họ.

10. Khách hàng nên tránh hoặc giảm thiểu tình trạng lan truyền các bệnh truyền nhiễm có liên quan đến lực lượng lao động đến phục vụ tạm thời hay dài hạn cho dự án.

²Nước ngọt là một ví dụ minh họa cho các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái.

Hướng dẫn 17. Khoản 9 của Tiêu chuẩn hoạt động 4 được áp dụng chủ yếu cho các dự án có thể gây ra sự thay đổi đáng kể về cơ chế thủy học tự nhiên của khu vực, như đập chắn và hệ thống tưới tiêu hoặc dự án nằm trong khu vực chưa có hạ tầng đúng mức để tiêu thoát và xử lý nước thải. Bệnh dịch lây lan qua môi trường nước được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 4 và các hoạt động của dự án có thể góp phần vào việc phát sinh bệnh dịch được miêu tả chi tiết hơn trong Phụ lục B. Khách hàng được khuyến khích tìm cơ hội cải tiến điều kiện môi trường trong vòng đời dự án, như cải tiến mô hình xả thải của khu vực dự án để hạn chế môi trường tiềm năng cho các vật chủ trung gian của bệnh dịch lây lan qua môi trường nước hoặc liên quan đến nước, hoặc cải tiến nguồn nước uống hoặc thu hồi, xử lý hoặc xả thải nước thải sinh hoạt, đặc biệt là nếu các biện pháp này có thể được áp dụng với chi phí nhỏ đối với dự án. Tuy nhiên, tác động sức khỏe đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng nên được nghiên cứu diện rộng và không chỉ giới hạn với các bệnh truyền nhiễm.^{HD1} Trong nhiều trường hợp, sự thay đổi về cây xanh và môi sinh có tác động rõ rệt tới các bệnh dịch lây lan qua vật chủ trung gian. Hệ thống thoát nước bề mặt được thiết kế kém và các hố xây dựng và đất lún có thể có tác động tiêu cực tới cộng đồng địa phương gần đó. Việc phòng tránh cơ bản thông qua thiết kế và kỹ thuật xây dựng thích hợp có thể là chiến lược hết sức hiệu quả về chi phí nếu được áp dụng sớm ngay từ đầu chu kỳ thiết kế. Ngược lại, việc sửa đổi cơ sở hạ tầng và kết cấu vật lý thường đắt đỏ và khó khăn. Có thể đạt được sự cải tiến về sức khỏe đáng kể thông qua thiết kế cẩn thận và cải tiến xây dựng trong bốn lĩnh vực cơ bản: (i) nhà ở; (ii) nước và vệ sinh; (iii) giao thông; và (iv) cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông. Tác động đối với sức khỏe của công chúng, cả tích cực và tiêu cực, của các kết cấu vật lý thường bị xem nhẹ. Công trình và hoạt động xây dựng làm thay đổi môi sinh và có tiềm năng tạo ra hệ quả bệnh dịch ngắn hạn và dài hạn. Ví dụ cơ sở hạ tầng dùng để chứa nước có thể có hệ quả đáng kể đối với việc phân bố và lây truyền bệnh dịch qua vật chủ trung gian như sốt rét, bệnh giun sán, và sốt xuất huyết. Đánh giá tác động tiềm năng tới sức khỏe phải bao gồm việc xem xét khả năng thay đổi cơ chế thủy học như được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 16 ở trên.

Hướng dẫn 18. Xem xét các bệnh dịch lây truyền phổ biến cũng rất quan trọng. Bệnh lây truyền có thể gây rủi ro đối với sự tồn tại của doanh nghiệp vì ảnh hưởng tới nguồn cung lao động, năng suất của lực lượng lao động, hoặc thậm chí tới khách hàng. Bệnh lây truyền, còn được

gọi là bệnh truyền nhiễm, được miêu tả là các bệnh bị gây ra do vật thể trung gian truyền bệnh hoặc các sản phẩm độc hại của vật thể sản sinh ra thông qua sự lây truyền của các vật thể trên hoặc sản phẩm của vật thể đó từ con người, động vật, hoặc bề chứa vô sinh tới chủ thể nhạy cảm. Việc lây truyền có thể xảy ra trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua trung gian thực vật hoặc động vật mang bệnh, vật thể trung gian, hoặc môi trường vô sinh. Ví dụ về bệnh lây truyền bao gồm bệnh dịch sinh ra trong môi trường nước (ví dụ a-míp, tả, và thương hàn), bệnh liên quan tới nước (ví dụ sốt rét và bệnh do động vật chân đốt), liên quan tới thức ăn (ví dụ ngộ độc thịt, viêm gan A, và bệnh Creutzfeldt-Jakob), bệnh hô hấp (ví dụ cúm, SARS, và lao), và bệnh lây truyền qua đường tình dục (STIs) (ví dụ chlamydia, giang mai, HIV/AIDS, và lậu). Sự lây lan của một số bệnh lây truyền có thể khó kiểm soát nếu không có cách tiếp cận toàn diện với sự tham gia của thành viên cộng đồng, chính quyền trung ương và địa phương, và trong một số trường hợp, sự ủng hộ của các cơ quan y tế quốc tế. Ở cấp độ cộng đồng, khách hàng nên phối hợp với và kêu gọi phụ nữ trong cộng đồng giúp kiểm soát bệnh lây truyền, đặc biệt vì phụ nữ có vai trò chính trong việc chăm sóc gia đình và các thành viên cộng đồng bị bệnh, cũng như vì sự yếu thế và vì vai trò sản xuất và tái tạo của họ.

Hướng dẫn 19. Khách hàng nên có chương trình giám sát thích hợp để sàng lọc sức khỏe của nhân viên, việc đó có thể bao gồm việc lưu hồ sơ và báo cáo về bệnh tật hiện có theo yêu cầu của khoản 21 trong Tiêu chuẩn hoạt động 2. Nếu khách hàng đề xuất nhập lao động từ nước thế giới thứ ba để thực hiện hoạt động xây dựng ngắn hạn, nên sàng lọc cẩn thận trước khi tuyển dụng. Giám sát của nhiều loại bệnh lây truyền quan trọng (ví dụ sốt rét, lao, cúm) có thể có sự khác biệt lớn tùy theo từng khu vực trên thế giới. Mô hình kháng bệnh cũng có thể có sự khác biệt lớn (ví dụ lao kháng nhiều loại thuốc). Vì vậy, khách hàng nên có biện pháp tránh nhập loại bệnh mới hoặc bệnh có khả năng kháng thuốc cao một cách vô ý thức tới cộng đồng sở tại. Tương tự như vậy là hoàn cảnh ngược lại – cộng đồng sở tại truyền bệnh cho lực lượng lao động “ngây thơ” – những tình huống như vậy nên được dự đoán và phòng tránh. Trong cộng đồng địa phương (bao gồm cả người lao động và gia đình họ), khách hàng được khuyến khích có vai trò chủ động để phòng ngừa sự lây lan bệnh truyền nhiễm thông qua các chương trình thông tin và giáo dục với mục đích nâng cao nhận thức. Nếu lực lượng lao động của khách hàng chiếm tỷ lệ lớn trong số người sinh sống ở cộng đồng địa phương, họ sẽ là “nhóm giáo dục đồng cấp” lý tưởng để áp dụng chương trình y tế tích cực tại cộng đồng địa phương.

^{HD1} Có sự khác biệt rõ ràng giữa định nghĩa truyền thống về “sức khỏe cộng đồng” với tiêu điểm tập trung vào bệnh tật và “sức khỏe môi trường” với định nghĩa rộng hơn, bao hàm cả “môi trường sinh sống của con người” (xem Sức khỏe Môi trường: Vượt qua khoảng cách trong Danh mục tham khảo).

Hướng dẫn 20. Hoạt động của bên sử dụng lao động hoặc nhà thầu cũng có thể có tác động đáng kể về sức khỏe trong hai lĩnh vực chính: (i) lây truyền bệnh lây lan qua đường tình dục (STIs), bao gồm cả HIV/AIDS; và (ii) tử vong và thương tật. Ví dụ, trong phần lớn trường hợp, lái xe đường dài có tỷ lệ nhiễm bệnh STIs cao hơn đáng kể so với cộng đồng sở tại. Khách hàng phải thận trọng cân nhắc việc áp dụng các chương trình giáo dục và đào tạo cụ thể dành cho nhà thầu vận tải. Trong công nghiệp du lịch, đặc biệt là trong hoàn cảnh cộng đồng có sự hiện diện rộng rãi của STIs, khách hàng có thể có khả năng phòng ngừa sự tiếp tục lây lan của các bệnh truyền nhiễm sau giai đoạn xây dựng bằng cách tuân thủ tập quán tốt nhất về việc ngăn ngừa sự bóc lột tình dục trong ngành lữ hành và du lịch vốn có tác động cụ thể tới phụ nữ và trẻ em. Quy tắc Ứng xử để Bảo vệ Trẻ em tránh bị Bóc lột trong ngành Lữ hành và Du lịch cung cấp hướng dẫn thực tiễn cho các nhà cung cấp dịch vụ du lịch.

Hướng dẫn 21. Khách hàng cũng nên đảm bảo thông tin sức khỏe thu thập được trong quá trình phòng tránh việc lây lan bệnh truyền nhiễm, như thông qua việc áp dụng giám định y tế trước khi tuyển dụng và các biện pháp sàng lọc sức khỏe khác sẽ không bị sử dụng làm lý do để không tuyển dụng hoặc có hình thức phân biệt đối xử nào khác. Thông tin bổ sung về tập quán tốt để giải quyết vấn đề HIV/AIDS được đề cập trong Tập quán tốt về HIV/AIDS tại Nơi làm việc của IFC và Hướng dẫn Nguồn lực HIV/AIDS trong ngành Khai khoáng.

Chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp

11. Ngoài các yêu cầu về chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp được đề cập ở Tiêu chuẩn hoạt động 1, khách hàng cũng sẽ hỗ trợ và cộng tác với cộng đồng và các cơ quan chính quyền địa phương và các bên liên quan để chuẩn bị ứng phó hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là khi sự tham gia và hợp tác của họ là cần thiết để đối phó với các tình huống khẩn cấp như vậy. Nếu các cơ quan chính quyền địa phương có ít hoặc không có khả năng đối phó hiệu quả, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong việc chuẩn bị và ứng phó trường hợp khẩn cấp liên quan đến dự án. Các khách hàng sẽ lưu tài liệu về sự chuẩn bị ứng phó khẩn cấp và các hoạt động đối phó, các nguồn lực, và trách nhiệm, và sẽ cung cấp những thông tin thích hợp trong Kế hoạch hành động hoặc tài liệu khác có liên quan tới các cộng đồng bị ảnh hưởng và các cơ quan chính phủ và các bên có liên quan khác.

Hướng dẫn 22. Nếu hệ quả của các sự cố khẩn cấp có thể lan ra ngoài phạm vi khu vực dự án hoặc ngoài phạm vi Cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc phát sinh từ bên ngoài phạm vi khu vực dự án (ví dụ chất nguy hại bị tràn trong

khi vận chuyển trên đường công cộng), khách hàng phải xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp dựa trên mức độ rủi ro đối với sức khỏe và an toàn của Cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác. Kế hoạch khẩn cấp phải được xây dựng với sự phối hợp và tham vấn chặt chẽ của Cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan tiềm năng và phải bao gồm sự chuẩn bị chi tiết để bảo vệ sức khỏe và an toàn của nhân viên và cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp. Các yêu cầu và hướng dẫn bổ sung về vấn đề này, bao gồm một số yếu tố cơ bản của kế hoạch chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp được liệt kê trong Tiêu chuẩn hoạt động 1, và Hướng dẫn 1 đi kèm.

Hướng dẫn 23. Khách hàng phải cung cấp cho cơ quan địa phương liên quan, các bên cung cấp dịch vụ khẩn cấp, và Cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác thông tin về bản chất và mức độ tác động tới môi trường và sức khỏe con người có thể nảy sinh trong quá trình hoạt động thông thường và trường hợp khẩn cấp tại cơ sở dự án. Chiến dịch thông tin cần miêu tả cách ứng xử và biện pháp an toàn trong trường hợp sự cố, cũng như chủ động tìm kiếm quan điểm về quản lý rủi ro và khả năng sẵn sàng ứng phó của Cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc các bên liên quan khác. Ngoài ra, khách hàng nên xem xét để Cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác tham gia hoạt động đào tạo định kỳ (ví dụ mô phỏng, diễn tập, và tổng kết đào tạo và các hoạt động thực tế khác) để các bên làm quen với quy trình phù hợp trong trường hợp khẩn cấp. Kế hoạch khẩn cấp phải giải quyết được các khía cạnh sau của chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp:

- Quy trình ứng phó khẩn cấp cụ thể
- Nhóm ứng phó khẩn cấp được đào tạo
- Địa chỉ và hệ thống/quy trình liên lạc
- Quy trình cho việc phối hợp với cơ quan ứng phó khẩn cấp địa phương và khu vực và y tế
- Thiết bị và cơ sở hạ tầng có vị trí cố định (ví dụ trạm sơ cứu, bình/vòi cứu hỏa, hệ thống phun nước)
- Quy trình cho xe cứu hỏa, cứu thương, và các dịch vụ xe cộ khẩn cấp khác
- Tuyển sơ tán và địa điểm tập kết
- Diễn tập (hàng năm hoặc thường xuyên hơn nếu cần)

Hướng dẫn bổ sung được cung cấp trong Hướng dẫn Chung EHS (Mục 3.7 – Chuẩn bị và Ứng phó Khẩn cấp) và các mục liên quan trong Hướng dẫn EHS Chuyên ngành.

Các yêu cầu về Nhân sự An ninh

12. Khi khách hàng trực tiếp thuê hay sử dụng nhân viên của nhà thầu để bảo vệ người và tài sản của mình, họ sẽ đánh giá rủi ro đối với những người bên

trong và bên ngoài các địa điểm của dự án có thể gây ra bởi các thỏa thuận an ninh của họ. Trong khi thỏa thuận như vậy, khách hàng sẽ được hướng dẫn bởi các nguyên tắc tương xứng, thông lệ quốc tế tốt liên quan đến tuyển dụng, quy tắc ứng xử, đào tạo, trang bị và theo dõi các nhân viên này,³ và pháp luật hiện hành. Các khách hàng sẽ đưa ra yêu cầu hợp lý để đảm bảo rằng những nhân viên an ninh không liên quan đến các vụ việc lạm dụng trong quá khứ, sẽ đào tạo họ đầy đủ trong việc sử dụng vũ lực (và khi cần thì cả vũ khí) và cư xử thích hợp với người lao động và cộng đồng địa phương, và đòi hỏi họ phải hành động trong khuôn khổ pháp luật hiện hành. Các khách hàng sẽ không xử phạt việc sử dụng vũ lực cho mục đích phòng ngừa và tự vệ tương ứng với tính chất, mức độ của mối đe dọa. Một cơ chế khiếu nại cần được khách hàng thiết lập để cho phép các cộng đồng bị ảnh hưởng bày tỏ quan ngại về thỏa thuận an ninh và các hành vi của nhân viên an ninh.

13. Khách hàng sẽ đánh giá và lưu lại những rủi ro phát sinh từ việc sử dụng nhân viên an ninh chính phủ để cung cấp các dịch vụ an ninh cho mình. Khách hàng sẽ cần tìm cách đảm bảo nhân viên an ninh hành động phù hợp với khoản 12 trên đây, và khuyến khích các cơ quan công quyền có liên quan công bố việc thu xếp về an ninh cho các cơ sở của khách hàng đến công chúng, tùy theo mối quan tâm an ninh nào quan trọng hơn.

14. Các khách hàng sẽ điều tra bất kỳ cáo buộc đáng tin cậy nào về các hành vi trái pháp luật hoặc lạm dụng của các nhân viên an ninh, hành động (hoặc đôn đốc các bên thích hợp để có hành động) để ngăn ngừa tái phát, và báo cáo các hành vi bất hợp pháp và lạm dụng đến các cơ quan công quyền khi thích hợp.

Hướng dẫn 24. Việc bố trí an ninh để bảo vệ nhân sự và tài sản của khách hàng thường phụ thuộc phần nhiều vào rủi ro an ninh trong môi trường hoạt động, mặc dù các yếu tố khác như chính sách doanh nghiệp hoặc nhu cầu bảo vệ vô hữu trí tuệ hoặc vệ sinh trong hoạt động sản xuất cũng có thể ảnh hưởng tới quyết định an ninh. Để xác định về hoạt động và thiết bị an ninh cần thiết, khách hàng nên áp dụng nguyên tắc tương xứng. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần người trực đêm là đủ, và thêm việc đào tạo nhận thức về an ninh cơ bản cho nhân viên, có biển báo, hệ thống đèn chiếu sáng và hàng rào được bố trí hợp lý. Trong môi trường an ninh phức tạp hơn, khách hàng có thể phải trực tiếp tuyển dụng nhân viên an ninh bổ sung hoặc thuê công ty an ninh tư nhân, hoặc

thậm chí làm việc trực tiếp với lực lượng an ninh công.

Hướng dẫn 25. Điều quan trọng với khách hàng là đánh giá và hiểu đúng rủi ro liên quan tới hoạt động của họ dựa trên thông tin đáng tin cậy và được cập nhật thường xuyên. Đối với khách hàng có hoạt động quy mô nhỏ trong hoàn cảnh ổn định, việc đánh giá môi trường hoạt động có thể tương đối giản đơn. Đối với các hoạt động quy mô lớn hơn hoặc có môi trường không ổn định, việc đánh giá có thể phức tạp hơn, quá trình xác định rủi ro và tác động có thể phải cân nhắc diễn biến chính trị, kinh tế, pháp lý, quân sự, và xã hội, các mô hình và nguyên nhân bạo lực và nguy cơ xung đột trong tương lai. Khách hàng cũng có thể phải đánh giá kinh nghiệm và năng lực của cơ quan hành pháp và tư pháp trong việc phản ứng hợp pháp và thích hợp với tình huống bạo lực. Nếu có bất ổn xã hội hoặc xung đột trong khu vực ảnh hưởng của dự án, khách hàng không chỉ phải hiểu rủi ro liên quan tới hoạt động và nhân viên của mình, mà còn phải hiểu hoạt động của dự án có thể khởi tạo hoặc làm trầm trọng thêm xung đột hay không. Ngược lại, nếu hoạt động của khách hàng có liên quan tới việc sử dụng nhân viên an ninh một cách phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 4, họ có thể phòng tránh hoặc giảm nhẹ tác động tiêu cực đối với tình huống và góp phần cải thiện điều kiện an ninh xung quanh khu vực dự án. Khách hàng nên cân nhắc rủi ro an ninh liên quan tới toàn bộ hạng mục và giai đoạn hoạt động của mình, bao gồm nhân sự, sản phẩm, và vật tư được vận chuyển. Quá trình xác định rủi ro và tác động phải giải quyết được tác động tiêu cực tới nhân viên và cộng đồng xung quanh, như khả năng gia tăng căng thẳng trong cộng đồng vì sự có mặt của nhân viên an ninh hoặc rủi ro trộm cắp và lưu thông súng đạn do nhân viên an ninh sử dụng.

Hướng dẫn 26. Sự tham gia của cộng đồng là khía cạnh trung tâm của chiến lược an ninh phù hợp, vì quan hệ tốt giữa nhân viên dự án và cộng đồng có thể là đảm bảo an ninh tốt nhất. Khách hàng nên thông báo về hoạt động an ninh của mình cho nhân viên và Cộng đồng ảnh hưởng, tùy theo nhu cầu tổng thể về an toàn và an ninh, và để nhân viên và cộng đồng tham gia thảo luận về hoạt động an ninh trong quá trình có sự tham gia của cộng đồng được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Hướng dẫn 27. Đàn ông và phụ nữ thường có nhu cầu và kinh nghiệm an ninh khác nhau. Vì vậy, để cải thiện cơ hội thành công, nhân viên an ninh nên cân nhắc về tác động của hoạt động an ninh đối với phụ nữ, đàn ông, bé trai và bé gái. Nhận thức được về các vấn đề giới có đặc điểm văn hóa sẽ giúp nhân viên an ninh điều chỉnh phù hợp với Cộng đồng bị ảnh hưởng và có khả năng phản ứng nhanh nhạy hơn với môi trường xã hội mà họ làm việc, và như vậy sẽ giúp cho sự hiện diện của nhân viên

³ Bao gồm các thông lệ phù hợp với Quy tắc ứng xử của LHQ về các nhân viên thi hành luật và Nguyên tắc cơ bản của LHQ về việc sử dụng các lực lượng có vũ trang của các nhân viên thi hành luật.

an ninh tư nhân để được chấp nhận hơn. Khách hàng có thể cân nhắc có nhân viên an ninh nữ để không chỉ có thể khám xét nữ giới, mà còn có thể có phương thức tiếp cận khác để xác định và giải quyết rủi ro an ninh.

Hướng dẫn 28. Khách hàng phải yêu cầu nhân viên an ninh được tuyển dụng hay hợp tác có hành vi ứng xử thích hợp. Nhân viên an ninh phải được hướng dẫn rõ ràng về mục tiêu công việc và hành động được phép. Mức độ chi tiết của hướng dẫn phụ thuộc vào quy mô hoạt động được phép (đặc biệt là nếu nhân viên an ninh được phép sử dụng vũ lực và trong trường hợp đặc biệt dùng súng đạn) và số lượng nhân viên. Hướng dẫn phải dựa trên các điều khoản luật pháp được áp dụng và tiêu chuẩn ngành nghề. Hướng dẫn trên cũng phải được thông báo như một phần của điều khoản tuyển dụng và được củng cố qua đào tạo chuyên nghiệp định kỳ.

Hướng dẫn 29. Nếu nhân viên an ninh được phép dùng vũ lực, hướng dẫn phải rõ ràng về trường hợp và cách thức sử dụng vũ lực, nêu rõ nhân viên an ninh chỉ được sử dụng vũ lực như một biện pháp cuối cùng và chỉ với mục đích ngăn ngừa và phòng vệ ở mức độ tương xứng với đặc điểm và mức độ của mối đe dọa, và theo cách thức tôn trọng quyền con người (xem khoản Hướng dẫn 31 dưới đây).

Hướng dẫn 30. Hành vi ứng xử của nhân viên an ninh phải dựa trên nguyên tắc là việc đảm bảo an ninh và tôn trọng nhân quyền có thể và nên nhất quán. Ví dụ nếu thành viên cộng đồng quyết định liên kết, tập hợp, và phát biểu phản đối dự án, khách hàng nhân viên an ninh giao tiếp với họ phải tôn trọng quyền đó của cộng đồng địa phương. Hướng dẫn đối với nhân viên an ninh cũng phải nói rõ là nghiêm cấm việc sử dụng vũ lực một cách độc đoán hoặc lạm dụng vũ lực.

Hướng dẫn 31. Bên đảm bảo an ninh cũng quan trọng như cách thức đảm bảo an ninh. Khi tuyển dụng hoặc hợp tác với mọi nhân viên an ninh, khách hàng phải điều tra hợp lý về hồ sơ việc làm và các hồ sơ có sẵn khác, bao gồm hồ sơ hình sự của cá nhân hoặc doanh nghiệp và không nên tuyển dụng hoặc sử dụng cá nhân hoặc doanh nghiệp đã từng lạm dụng hoặc vi phạm quyền con người trong quá khứ. Khách hàng chỉ nên sử dụng chuyên gia an ninh đã được và đang tiếp tục được đào tạo thích hợp.

Hướng dẫn 32. Khách hàng nên lưu hồ sơ và điều tra về sự cố an ninh để xác định các biện pháp điều chỉnh hoặc phòng ngừa cần thiết. Để nâng cao trách nhiệm, khách hàng (hoặc các bên phù hợp khác như bên thầu an ninh hoặc cơ quan an ninh hoặc quân sự công phù hợp) phải có biện pháp điều chỉnh và/hoặc kỷ luật để

ngăn ngừa hoặc phòng tránh sự lặp lại nếu sự cố không được xử lý đúng hướng dẫn. Việc nhân viên an ninh có hành động phi pháp (dù là nhân viên, nhà thầu, hoặc lực lượng an ninh công) phải được báo cáo với cơ quan thích hợp (lưu ý là khách hàng có thể phải tự phân xét việc báo cáo vi phạm nếu khách hàng có quan ngại chính đáng về việc đối xử với cá nhân bị giam giữ). Khách hàng phải tiếp tục xử lý các hoạt động phi pháp bằng cách tích cực giám sát tình trạng của quá trình điều tra và thúc giục có cách xử lý thích hợp. Cơ chế khiếu nại theo quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 1 là một cách thức khác để nhân viên, Cộng đồng bị ảnh hưởng và bên liên quan khác có thể giải quyết quan ngại về hoạt động hoặc nhân viên an ninh trong vòng kiểm soát hoặc ảnh hưởng của khách hàng.

Hướng dẫn 33. Có thể có trường hợp chính phủ quyết định triển khai lực lượng an ninh công để bảo vệ hoạt động của khách hàng, dù là trên cơ sở thường kỳ hoặc theo yêu cầu. Tại các nước cấm việc triển khai lực lượng an ninh tư nhân, khách hàng có thể không có lựa chọn nào khác ngoài việc hợp tác với lực lượng an ninh công để bảo vệ tài sản và con người của mình. Chính phủ có trách nhiệm chính để duy trì luật pháp và trật tự và có quyền quyết định về việc triển khai lực lượng. Tuy nhiên, khách hàng có tài sản được lực lượng an ninh công bảo vệ có lợi ích trong việc khuyến khích lực lượng trên ứng xử phù hợp với yêu cầu và nguyên tắc được quy định đối với nhân viên an ninh tư nhân để duy trì và thúc đẩy quan hệ tốt với cộng đồng, lưu ý rằng lực lượng an ninh công có thể không có thiện chí chấp nhận hạn chế quyền hạn được sử dụng vũ lực của mình trong trường hợp họ thấy cần thiết. Khách hàng được trông đợi thông báo nguyên tắc ứng xử của mình với lực lượng an ninh công, và thể hiện nguyện vọng là an ninh nên được đảm bảo theo cách thức phù hợp với tiêu chuẩn trên và được thực thi bởi nhân viên an ninh được đào tạo thích hợp và hiệu quả. Khách hàng phải đề nghị chính phủ công bố thông tin về các hoạt động liên quan tới khách hàng và cộng đồng, tùy theo nhu cầu tổng thể về an toàn và an ninh. Nếu khách hàng được đề nghị hoặc yêu cầu đền bù cho lực lượng an ninh công hoặc trang bị thiết bị cho họ, và nếu khách hàng không có phương án từ chối hoặc không muốn từ chối, khách hàng có thể chọn việc đền bù bằng hiện vật, ví dụ cung cấp thực phẩm, trang phục, hoặc xe cộ thay vì thanh toán tiền hoặc cung cấp vũ khí giết người. Khách hàng cũng nên cố gắng áp dụng các hạn chế, kiểm soát, và giám sát ở mức cần thiết trong hoàn cảnh cho phép để ngăn ngừa việc sử dụng thiết bị không tương xứng hoặc theo cách thức không phù hợp với nguyên tắc và yêu cầu được quy định ở trên.

Phụ lục A

Ví dụ về Tiêu chí Rủi ro trong Đánh giá Đập chắn

Trong trường hợp có đập chắn và bể ngăn, chuyên gia bên ngoài nên đánh giá mức độ an toàn dựa trên tiêu chí rủi ro cụ thể. Chuyên gia bên ngoài đầu tiên nên tham chiếu quy định và phương pháp luận quốc gia. Nếu quốc gia đó không có quy định trên, nên tham chiếu và ứng dụng phù hợp với điều kiện địa phương các phương pháp luận hiện có, được xây dựng tốt và được ban hành bởi các cơ quan tại các nước có chương trình an toàn về đập chắn hoàn chỉnh. Theo nghĩa rộng, tiêu chí rủi ro có thể bao gồm những khía cạnh sau:

- Thiết kế lũ lụt
- Thiết kế động đất (sự cố có cấp độ tối đa đáng tin cậy)

- Đặc điểm quá trình xây dựng và đặc điểm vật liệu xây dựng
- Triết lý thiết kế
- Điều kiện nền móng
- Chiều cao đập chắn và khối lượng vật liệu được chứa
- Quản lý chất lượng trong xây dựng
- Năng lực quản lý của khách hàng/bên vận hành
- Điều khoản trách nhiệm tài chính và chấm dứt
- Nguồn lực tài chính cho vận hành và bảo dưỡng, bao gồm việc chấm dứt nếu thích hợp
- Dân số ở hạ lưu của đập chắn chịu rủi ro
- Giá trị kinh tế của tài sản chịu rủi ro trong trường hợp đập chắn bị hỏng

Phụ lục B

Định nghĩa về Thủy Bệnh

Bệnh do nước	Bệnh dựa trên môi trường nước	Bệnh có liên quan tới nước	Bệnh rửa trôi bằng nước
Bệnh do nước là bệnh bị gây ra vì sử dụng nước bị nhiễm bẩn bởi chất thải của con người, động vật hoặc hóa chất. Bệnh này đặc biệt phổ biến tại các vùng thiếu cơ sở vệ sinh phù hợp, và bao gồm tiêu chảy, tả và thương hàn.	Bệnh dựa trên môi trường nước bị gây ra bởi ký sinh trùng có ít nhất một giai đoạn vòng đời trong môi trường nước. Bao gồm giun guinea và sán lá.	Bệnh có liên quan tới nước là bệnh bị gây ra bởi các vật trung gian sống hoặc sinh sản trong hoặc gần nước. Vật trung gian và côn trùng hoặc động vật chứa và truyền ký sinh trùng giữa người và động vật bị bệnh. Chúng loại bệnh này bao gồm sốt rét do muỗi truyền bệnh.	Bệnh rửa trôi bằng nước là bệnh có thể được phòng ngừa bằng cách thường xuyên rửa tay và tắm, bao gồm đau mắt hột và onchocerca.
Tiêu dùng nước nhiễm bẩn có thể gây ra các bệnh do nước bao gồm viêm gan siêu vi trùng, thương hàn, tả, kiết lỵ và các bệnh khác gây tiêu chảy	Các bệnh dựa trên môi trường nước và bệnh do vật trung gian có liên quan tới nước có thể được sản sinh bởi các dự án cấp nước (bao gồm đập chắn và kết cấu tưới tiêu) vì dự án vô tình tạo môi trường sống cho muỗi và ốc là chủ thể trung gian cho ký sinh trùng gây bệnh sốt rét, sán lá, giun chỉ, onchocerca và viêm não Nhật bản	Các bệnh do vật trung gian có liên quan tới nước có thể được sản sinh ra từ các dự án cấp nước (bao gồm đập chắn và kết cấu tưới tiêu) vì vô tình tạo ra môi trường sống cho muỗi là vật chủ trung gian cho ký sinh trùng gây bệnh sốt rét, giun chỉ, và viêm não Nhật bản	<ul style="list-style-type: none">• Ascariasis (nhiễm giun tròn)• Ancylostomiasis (nhiễm giun móc)

Tài liệu tham khảo

Một số quy định được nêu trong tiêu chuẩn hoạt động căn cứ trên nguyên tắc được đề cập trong các thỏa thuận quốc tế và hướng dẫn liên quan:

GRI (Sáng kiến báo cáo toàn cầu) và IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). 2009. “Đưa vấn đề giới vào báo cáo bền vững: Hướng dẫn cho bên thực hành.” GRI, Amsterdam, và IFC, Washington DC > http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Report_GenderSustainabilityReporting. Báo cáo 90 trang này giúp các tổ chức đưa vấn đề giới của Khuôn khổ báo cáo bền vững của GRI vào trong báo cáo bền vững.

ICMM (Hội đồng khai thác khoáng sản và kim loại quốc tế). 2010. Hướng dẫn tập quán tốt về đánh giá tác động sức khỏe. London: ICMM <http://www.icmm.com/library/hia>. Báo cáo 90 trang này cung cấp một loạt công cụ để hỗ trợ các bên thực hành đánh giá và giải quyết rủi ro do nguy hại trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và kim loại.

IFC (Công ty tài chính quốc tế). 2002. “HIV/AIDS tại nơi làm việc,” Hướng dẫn tập quán tốt 2, IFC, Washington DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_GPN_HIVAIDS. Hướng dẫn này nói tới chi phí giải quyết vấn đề HIV/AIDS đối với doanh nghiệp và cung cấp tư vấn cụ thể về thiết kế và áp dụng chương trình nơi làm việc.

2004. “Hướng dẫn về HIV/AIDS cho ngành khai thác mỏ: Nguồn để Bên liên quan phát triển năng lực và tuân thủ trong cộng đồng khai thác mỏ ở Nam Phi.” IFC, Washington DC. Hướng dẫn về nguồn HIV/AIDS này cung cấp các bước tiến hành để phát triển năng lực của bên liên quan trong ngành khai thác mỏ. Tài liệu này cũng giới thiệu khuôn khổ mới để quản lý chiến lược và ngăn ngừa tại nơi làm việc, và chương trình chăm sóc và vượt tới cộng đồng để chống lại căn bệnh trên.

2007a. “3.0 Sức khỏe và an toàn cộng đồng.” Trong Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn chung của IFC, 77-88. Washington DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/AttachmentsByTitle/gui_EHSGuidelines2007_GeneralEHS_3/FILE/3+Community+Health+and+ Safety.pdf. Hướng dẫn về an toàn tính mạng và phòng cháy với công trình mới dành cho công chúng được đề cập trong Tiểu mục 3.3, “An toàn tính mạng và phòng cháy.”

2007b. “Hướng dẫn Chung về Môi trường, Sức khỏe, và An toàn.” IFC, Washington DC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/EHSGuidelines>. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật này thông báo những câu phần của chính sách mới có liên quan tới vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn.

2009a. “Giải quyết khiếu nại của cộng đồng bị ảnh hưởng từ dự án. Hướng dẫn đối với các dự án và doanh nghiệp xây dựng cơ chế khiếu nại.” Hướng dẫn tập quán tốt 7, IFC, Washington DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_GPN_Grievances. Hướng dẫn về tập quán tốt này

cung cấp hướng dẫn chi tiết cho các doanh nghiệp về nguyên tắc cơ bản về quản lý khiếu nại.

2009b. “Giới thiệu về đánh giá tác động sức khỏe.” IFC, Washington DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_HealthImpactAssessment. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn chi tiết về đánh giá tác động tới sức khỏe cộng đồng do phát triển dự án.

INDEPTH (Mạng lưới quốc tế về đánh giá dân số về nhân khẩu học và sức khỏe tại các nước đang phát triển). <http://www.indepth-network.org>. Thành viên INDEPTH đánh giá sức khỏe và nhân khẩu học tuyến tính của người dân tại các nước có thu nhập thấp và trung bình. Mục tiêu của tổ chức là nâng cao năng lực toàn cầu của hệ thống theo dõi sức khỏe và nhân khẩu. Chương trình này hiệu quả về chi phí được xây dựng tốt, có thể thu thập và đánh giá một cách minh bạch và tuyến tính một loạt số liệu điều tra xã hội, sức khỏe, và kinh tế.

Cảnh báo quốc tế. 2005. “Tập quán kinh doanh nhạy cảm với xung đột: Hướng dẫn cho công nghiệp khai khoáng.” Cảnh báo quốc tế, London. http://www.international-alert.org/sites/default/files/publications/conflict_sensitive_business_practice-foreword.pdf. Tài liệu 15 trang này cung cấp một loạt công cụ cho các doanh nghiệp quan tâm tới việc cải thiện tác động tới nước sở tại. Tài liệu hỗ trợ doanh nghiệp tư duy sáng tạo hơn về việc hiểu rõ và giảm thiểu rủi ro và đóng góp tích cực cho hòa bình.

IPIECA (Hiệp hội bảo vệ môi trường quốc tế của ngành dầu khí) và OGP (Hiệp hội quốc tế của các nhà sản xuất dầu và khí). 2005. “Hướng dẫn đánh giá tác động sức khỏe trong ngành dầu khí”. IPIECA và OGP, London. [http://www.ipieca.org/library?tid\[\]=9&lang\[\]=28&datefilter\[value\]\[year\]=2005&keys=Health+Impact+Assessment&x=16&y=9&=Apply](http://www.ipieca.org/library?tid[]=9&lang[]=28&datefilter[value][year]=2005&keys=Health+Impact+Assessment&x=16&y=9&=Apply). Cấm nang bỏ túi này nêu các danh mục tổng hợp các hoạt động phải cân nhắc khi đánh giá tác động sức khỏe.

2006. “Hướng dẫn chương trình quản lý sốt rét trong ngành dầu khí.” IPIECA và OGP, London. [http://www.ipieca.org/library?date_filter\[value\]\[year\]=2006&keys=Malaria+management+programmes&x=17&y=7&=Apply](http://www.ipieca.org/library?date_filter[value][year]=2006&keys=Malaria+management+programmes&x=17&y=7&=Apply). Cấm nang bỏ túi này sơ lược và miêu tả khái niệm khoa học, tính hợp lý, và giá trị của chương trình quản lý sốt rét (MMPs). Tài liệu này cung cấp toàn cảnh sơ lược của MMPs và khuôn mẫu như danh mục các việc phải thực hiện và quy trình kiểm toán, thường đó là hoạt động chủ yếu khi thực hiện MMPs trong ngành dầu khí.

Listorti, James A., và Fadi M. Doumani. 2001. “Sức khỏe môi trường: Thu hẹp khoảng cách.” Tham luận 422, Ngân hàng thế giới, Washington DC. Tài liệu này do chuyên gia tư vấn của Ngân hàng thế giới soạn thảo và cung cấp phân tích chi tiết về cách tiếp cận đánh giá sức khỏe môi trường.

OGP (Hiệp hội quốc tế của các nhà sản xuất dầu và khí). 2000.

“Quản lý sức khỏe chiến lược: Nguyên tắc và hướng dẫn cho ngành dầu khí.” Báo cáo số 6.88/307, OGP, London. <http://www.ogp.org.uk/pubs/307.pdf>. Báo cáo này cung cấp cơ sở để khách hàng cân nhắc vấn đề sức khỏe của lực lượng lao động và cộng đồng trong khi thiết kế và quản lý dự án.

Tepelus, Camelia, 2006. “Hướng tới Du lịch có trách nhiệm xã hội: Quy tắc ứng xử để bảo vệ trẻ em không bị bóc lột tình dục trong lễ hành và du lịch.” Ban thư ký Quy tắc ứng xử, Chấm dứt tình dục trẻ em, Khiêu dâm trẻ em và Buôn bán trẻ em với mục đích tình dục (ECPAT), New York. <http://www.thecode.org/>. Quy tắc ứng xử này được xây dựng với sự hỗ trợ của ECPAT, Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc, và Tổ chức Du lịch thế giới của Liên hợp quốc.

Liên hợp quốc. 1979. “Quy tắc ứng xử đối với Cán bộ thi hành luật pháp.” <http://www2.ohchr.org/english/law/codeofconduct.htm>. Tài liệu này được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn và quy định quy tắc ứng xử mà cán bộ thi hành luật pháp phải tuân thủ khi phục vụ và bảo vệ người dân khỏi các hành động trái luật pháp.

1990. “Nguyên tắc cơ bản đối với cán bộ thi hành luật pháp khi sử dụng vũ lực và súng đạn.” <http://www2.ohchr.org/english/law/firearms.htm>. Tài liệu này được thông qua tại Đại hội 8 của Liên hợp quốc về phòng tránh tội phạm và xử lý người vi phạm, và cung cấp nguyên tắc và quy định về việc cán bộ thực thi pháp luật sử dụng súng đạn.

2006. “Công ước Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật.” Liên hợp quốc, New York. <http://www.un.org/disabilities/convention/conventionfull.shtml>. Công ước này được phê chuẩn năm 2006 và có hiệu lực quốc tế từ 2008. Mục tiêu của công ước là thúc đẩy, bảo vệ, và đảm bảo mọi quyền con người và tự do cơ bản đầy đủ và công bằng cho mọi người khuyết tật và khuyến khích việc tôn trọng phẩm giá vốn có của họ.

UNEP. Chương trình môi trường của Liên hợp quốc. “APELL: Nhận thức và Sẵn sàng ứng phó khẩn cấp ở cấp độ địa phương.” http://www.pnuma.org/industria_ing/emergencias_i.php. Qua trang web này, UNEP cung cấp báo cáo kỹ thuật và các tài liệu khác để hỗ trợ việc phòng tránh thiên tai và kế hoạch ứng phó ở các vùng dễ bị tác động.

Cơ quan kết nối toàn cầu Liên hợp quốc. 2010. “Hướng dẫn về doanh nghiệp có trách nhiệm trong khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và có rủi ro cao: Nguồn lực cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.” Cơ quan kết nối toàn cầu Liên hợp quốc, New York. http://www.unglobalcompact.org/docs/issues_doc/Peace_and_Business/Guidance_RB.pdf. Tài liệu hướng dẫn 45 trang này có mục đích hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tập quán

kinh doanh có trách nhiệm tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và rủi ro cao.

UN-INSTRAW (Viện nghiên cứu và đào tạo quốc tế Liên hợp quốc về phát triển phụ nữ và DCAF (Trung tâm Geneva về Kiểm soát dân chủ lực lượng vũ trang). 2008. “Doanh nghiệp quân sự và an ninh tư nhân và giới.” Hướng dẫn thực hành 10, UN-INSTRAW, New York, và DCAF Geneva. http://se2.dcaf.ch/serviceengine/Files/DCAF/47482/ipublication-document_singledocument/74834401-5D00-4FA5-AD26-BB5A1A6A89E7/en/Practice%2BNote%2B10.pdf. Hướng dẫn thực hành này giới thiệu sơ lược về lợi ích khi xét đến vấn đề giới trong doanh nghiệp an ninh tư nhân, cũng như thông tin thực tiễn trong việc áp dụng.

Chính phủ Vương quốc Anh và Hoa Kỳ. 2000. “Nguyên tắc tự nguyện về an ninh và quyền con người.” <http://www.voluntaryprinciples.org/>. Những nguyên tắc này cân đối giữa nhu cầu an ninh với việc tôn trọng quyền con người. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về đánh giá rủi ro, quan hệ với an ninh công, và quan hệ với an ninh tư nhân.

Ủy ban tiếp cận của Hoa Kỳ. 2002. Hướng dẫn tiếp cận cho công trình và cơ sở hạ tầng (ADAAG), Washington DC: Ủy ban tiếp cận của Hoa Kỳ. <http://www.access-board.gov/adaag/html/adaag.htm>. Tài liệu này xác định phạm vi và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công trình và cơ sở hạ tầng để người khuyết tật có thể tiếp cận theo Luật Người Mỹ khuyết tật năm 1990.

WHO (Tổ chức Y tế thế giới). 2009. Báo cáo hiện trạng về an toàn đường bộ. WHO: Geneva. <http://www.un.org/ar/road-safety/pdf/roadsafetyreport.pdf> Cuốn sách 287 trang này lần đầu tiên đánh giá an toàn đường bộ tại 178 nước với số liệu lấy từ các điều tra tiêu chuẩn hóa năm 2008.

WHO Hệ thống thống kê và thông tin y tế (cơ sở dữ liệu). Tổ chức Y tế thế giới, Geneva. http://www.who.int/health-info/global_burden_disease/en/index.html. Hệ thống thông tin này giới thiệu Hệ số điều chỉnh tuổi thọ do khuyết tật (DALY), là biện pháp tính toán điều chỉnh tuổi thọ bình quân có thể bị giảm đi do chết sớm và tính đến số năm tương đương của cuộc sống khỏe mạnh bị mất đi do sức khỏe yếu hoặc bị khuyết tật.

Ngân hàng thế giới. 2009. “Hướng dẫn Tập quán tốt – Vấn đề Sức khỏe nghề nghiệp và Cộng đồng.” Ngân hàng thế giới, Washington DC. <http://siteresources.worldbank.org/EXT-POPS/Resources/AsbestosGuidanceNoteFinal.pdf>. Tài liệu 17 trang này thảo luận rủi ro sức khỏe liên quan tới việc phơi nhiễm với a-mi-ăng và cung cấp thông tin về tập quán quốc tế tốt nhất.

Hướng dẫn 5

Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện

Hướng dẫn 5 liên quan đến việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 5. Đề nghị tham chiếu thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 - 4 và 6 - 8 cũng như các Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn hoạt động 5 thừa nhận việc thu hồi đất và hạn chế sử dụng đất liên quan tới dự án có thể có những tác động tiêu cực đến cộng đồng và những người sử dụng đất. Tái định cư không tự nguyện bao hàm dời chuyển vật lý (chuyển hoặc mất nơi trú ẩn) và dời chuyển kinh tế (mất tài sản hoặc khả năng tiếp cận tài sản dẫn đến mất nguồn thu nhập hoặc phương kế sinh nhai)¹ do thu hồi đất phục vụ dự án.² Tái định cư được coi là không tự nguyện khi các cá nhân hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng không có quyền từ chối việc thu hồi đất hay hạn chế về sử dụng đất mà dẫn tới việc di dời vật lý hay kinh tế. Điều này xảy ra trong các trường hợp: (i) tước đoạt quyền sở hữu hoặc hạn chế một cách hợp pháp việc sử dụng đất và (ii) đàm phán tái định cư, trong đó người mua có thể tước đoạt quyền sở hữu hoặc áp đặt các hạn chế pháp lý trong sử dụng đất nếu đàm phán với người bán không đạt kết quả.

2. Trừ khi được quản lý tốt, tái định cư không tự nguyện có thể dẫn đến tình trạng nghèo khổ lâu dài cho người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng, cũng như thiệt hại về môi trường và hậu quả tiêu cực về kinh tế xã hội ở các khu vực mà họ đi khỏi. Vì những lý do đó, tái định cư không tự nguyện là việc cần tránh. Tuy nhiên, khi không thể tránh, các biện pháp thích hợp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu lên người và cộng đồng sống ở tại phải đi đôi³ nên được lên kế hoạch và thực

hiện cẩn thận. Chính phủ thường đóng một vai trò trung tâm trong quá trình thu hồi đất và tái định cư, bao gồm cả khâu quyết định tiền bồi thường, do đó là bên thứ ba quan trọng trong nhiều tình huống. Kinh nghiệm cho thấy rằng sự tham gia trực tiếp của khách hàng trong hoạt động tái định cư có thể giúp việc triển khai các hoạt động này hiệu quả về chi phí và kịp thời, cũng như trong việc giới thiệu các tiếp cận sáng tạo để cải thiện sinh kế của những người bị ảnh hưởng bởi tái định cư.

3. Nhằm tránh tình trạng phải tước đoạt quyền sở hữu và loại bỏ sự cần thiết phải sử dụng cơ quan công quyền để cưỡng chế di dời người dân, khách hàng nên sử dụng tái định cư đàm phán mà đáp ứng được các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, ngay dù họ có hỗ trợ về pháp lý để giành đất mà không cần sự đồng ý của người bán.

Hướng dẫn 1. Nhiều thập kỷ nghiên cứu về tái định cư cho thấy tái định cư không tự nguyện liên quan tới các dự án công và tư thường làm cho các hộ gia đình và cộng đồng chịu ảnh hưởng bị nghèo đi. Rủi ro kinh tế - xã hội chính liên quan tới tái định cư không tự nguyện - là những rủi ro nhà đầu tư phải giải quyết - được liệt kê trong Mô hình rủi ro nghèo đói và tái thiết (Cernea, 1997, 2000) được sử dụng rộng rãi như sau:

- Không đất đai (khoản 27 - 28)
- Không việc làm (khoản 28)
- Không nhà ở (khoản 20 - 21)
- Bị yếu thế (khoản 8 và 19)
- Mất an ninh lương thực
- Gia tăng bệnh tật và tỷ lệ tử vong (không được nêu cụ thể trong Tiêu chuẩn hoạt động 5; Tiêu chuẩn hoạt động 1, khoản 7 quy định quá trình xác định rủi ro và tác động phải nghiên cứu mọi rủi ro và tác động môi trường và xã hội liên quan)
- Không quyền tiếp cận tài sản và dịch vụ công (khoản 5 và 28)
- Tách biệt khỏi xã hội (khoản 20)

¹ "Phương kế sinh nhai" được hiểu là các cách mà cá nhân, gia đình, cộng đồng sử dụng để kiếm sống, chẳng hạn như làm công ăn lương, nông nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, và các phương kế sinh nhai dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, buôn bán lát vật, trao đổi hàng hóa.

² Thu hồi đất bao gồm cả việc mua sắm hoàn toàn tài sản và mua quyền tiếp cận, chẳng hạn như quyền đi lại.

³ Cộng đồng sống ở tại là cộng đồng tiếp nhận những người di cư.

Hướng dẫn 2. Thông qua việc lập kế hoạch và thực hiện dự án đúng cách, khách hàng có thể phòng tránh hoặc giảm thiểu rủi ro một cách có hệ thống, và nếu có thể, nâng cao hiệu quả tác động phát triển của dự án bằng cách hỗ trợ các hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia kế hoạch tái định cư trên cơ sở tham vấn và tham gia được thông tin đầy đủ (ICP), và chia sẻ lợi ích khác nhau của dự án, và bằng cách đó cải thiện mức sống của họ. Đầu tư vào phát triển kinh tế và xã hội địa phương có thể đem lại lợi ích cho khách hàng vì nâng cao thiện chí của cộng đồng bị ảnh hưởng và cộng đồng sở tại, và nâng cao uy tín doanh nghiệp. Ngược lại, nếu không có công tác kế hoạch và quản lý đúng cách, tái định cư không tự nguyện có thể dẫn tới hậu quả làm giảm tác động phát triển của dự án và ảnh hưởng xấu tới uy tín của khách hàng.

Hướng dẫn 3. Việc mất quyền tiếp cận tài sản và tài nguyên thiên nhiên chung là một yếu tố quan trọng phải cân nhắc khi đánh giá tác động của dự án tới sinh kế của cộng đồng và hộ gia đình bị ảnh hưởng như được nêu tại Hướng dẫn 1 trên. Loại hình tài sản có thể mất quyền tiếp cận có thể bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi, bãi chôn thả, cây ăn quả, cây thuốc, vật liệu sợi, gỗ củi, và các tài nguyên rừng không khai thác gỗ, đất canh tác, đất hoang hóa, lò rừng, và ngư trường. Mặc dù các tài nguyên trên không thuộc sở hữu của các hộ gia đình đơn lẻ, nhưng quyền tiếp cận tài nguyên thường là yếu tố then chốt đối với sinh kế của các hộ gia đình bị ảnh hưởng, và nếu thiếu quyền đó thì các hộ gia đình phải đối mặt với rủi ro nghèo đói do dự án gây ra.

Hướng dẫn 4. Cơ quan chính phủ thường có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện việc di dời vật lý và kinh tế để chuẩn bị cho các dự án tư nhân hoặc thực hiện việc trên với tư cách nhà tài trợ trực tiếp của dự án. Một số nước có luật pháp quốc gia hướng dẫn quá trình tái định cư. Cơ quan chính phủ đáp ứng quy định pháp lý quốc gia, trong khi khách hàng được yêu cầu phải đảm bảo quá trình tái định cư được tiến hành thay mặt khách hàng phải tuân thủ luật pháp quốc gia và thỏa mãn mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Điều này có thể đòi hỏi phải bổ sung cho các nỗ lực của Chính phủ về một số phương diện như được nêu trong phần tái định cư của Chính phủ dưới đây (khoảng Hướng dẫn 68 - Hướng dẫn 74).

Mục tiêu

- Để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu việc tái định cư không tự nguyện khi có thể có những phương án thiết kế khác cho dự án.
- Tránh hoạt động cưỡng chế người dân ra khỏi đất.
- Để dự báo và tránh, hoặc nếu không tránh được

thì giảm thiểu tác động xấu về xã hội và kinh tế từ việc thu hồi hay hạn chế sử dụng đất bằng cách: (i) bồi thường thiệt hại mất tài sản bằng chi phí di dời,⁴ và (ii) đảm bảo rằng các hoạt động tái định cư được thực hiện với việc công bố thông tin, tham vấn thích hợp, và sự tham gia có hiểu biết của những người bị ảnh hưởng.

- Để cải thiện hoặc ít nhất là phục hồi sinh kế và mức sống cho những người phải di dời.
- Để cải thiện điều kiện sống cho những người phải di dời thông qua việc cung cấp chỗ ở với đảm bảo quyền nắm giữ hợp pháp⁵ tại địa điểm tái định cư.

Hướng dẫn 5. Doanh nghiệp được khuyến khích tránh việc thu hồi đất đai nếu việc này dẫn tới sự di dời vật lý hoặc kinh tế của con người. Điều này đòi hỏi khách hàng phải nghiên cứu kỹ các phương án thay thế khả thi, bao gồm cả chi phí xã hội và dự án liên quan tới việc di dời. Nếu không tránh được việc di dời, phải giảm thiểu tác động tiêu cực tới cá nhân và cộng đồng thông qua việc điều chỉnh tuyến đường hoặc địa điểm của cơ sở hạ tầng của dự án (ví dụ đường ống, đường tiếp cận, nhà máy, kho bãi, v.v...)

Hướng dẫn 6. Nếu không tránh được việc di dời, mọi sự cưỡng chế liên quan tới dự án phải tuân thủ luật pháp quốc gia và phải được tiến hành theo cách thức phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Hướng dẫn cụ thể hơn được nêu trong khoản Hướng dẫn 55 dưới đây. Ngoài hướng dẫn trong khoản Hướng dẫn 55, nguyên tắc về nhân quyền quốc tế được nêu trong Nguyên tắc hướng dẫn của Liên hợp quốc về di dời nội địa – đặc biệt là trong Phần III: Nguyên tắc liên quan đến việc bảo vệ trong di dời – sẽ là hướng dẫn bổ ích về các quyền và bảo vệ đối với con người bị di dời.¹⁰¹

Hướng dẫn 7. Có một số trường hợp phải lưu ý đặc biệt nếu việc thu hồi đất đai liên quan tới dự án nảy sinh trong khu vực có sự tranh chấp phổ biến về đất đai hoặc tại đất nước/khu vực/trung/lãnh thổ vừa trải qua xung đột và người dân bị trục xuất (hoặc tự rời đi) vì xung đột, và nếu quyền sở hữu đất đai chưa rõ ràng tại thời điểm thu hồi. Khách hàng phải biết rõ là việc thu hồi đất đai trong những trường hợp như vậy làm tăng thêm độ phức tạp đối với các thách thức thường có trong thu hồi đất đai

⁴ Chi phí di dời là thường tính theo giá trị thị trường của tài sản cộng thêm chi phí giao dịch. Khi áp dụng phương pháp định giá tài sản này, thường không tính đến khấu hao tài sản. Giá trị thị trường được tính theo giá trị mà cho phép cộng đồng bị ảnh hưởng hay người dân mua tài sản thay thế với giá trị tương tự. Phương pháp định giá chi phí thay thế cần được ghi chép đầy đủ và đưa vào kế hoạch Tái định cư và/hoặc Phục hồi Phương kế sinh nhai (xem thêm khoản 18 và 25).

⁵ Đảm bảo quyền nắm giữ hợp pháp là khi đảm bảo được cho những người tái định cư không bị ép di dời nhà trong thời gian đó.

¹⁰¹ Văn phòng cao ủy Liên hợp quốc về nhân quyền: Nguyên tắc hướng dẫn về di dời nội địa: Báo cáo của Đại diện của Tổng thư ký, ông Francis M. Deng (Tháng 2 1998), E/CN

và tái định cư không tự nguyện, và có tiềm năng làm trầm trọng xung đột đất đai hiện có. Trong trường hợp phải di dời vì xung đột nảy sinh trước khi khách hàng tham gia, Hướng dẫn này khuyến khích việc áp dụng Nguyên tắc hướng dẫn nêu trên của Liên hợp quốc.

Hướng dẫn 8. Việc đền bù cho đất đai và các tài sản khác nên được tính toán theo giá thị trường cộng thêm chi phí giao dịch liên quan tới việc phục hồi tài sản. Về thực tế, những đối tượng phải chịu tác động xã hội và kinh tế tiêu cực vì dự án thu hồi đất đai và/hoặc hạn chế sử dụng đất đai, thường bao gồm những đối tượng có quyền sở hữu hoặc đòi hỏi được pháp luật công nhận về đất đai; những đối tượng có đòi hỏi về đất đai theo phong tục, và những đối tượng không có đòi hỏi được pháp luật công nhận, cũng như các đối tượng sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo mùa vụ như người chăn thả, gia đình đánh bắt cá, người đi săn và hái lượm là những đối tượng có thể có quan hệ kinh tế phụ thuộc lẫn nhau với các cộng đồng trong khu vực dự án. Sự khác biệt tiềm năng về loại hình đất đai và những đối tượng có đòi hỏi về đất đai làm cho việc tính toán tổng chi phí di dời trong những trường hợp trên trở nên khó khăn và phức tạp.

Hướng dẫn 9. Vì lý do trên, trong quá trình đánh giá rủi ro pháp lý, xã hội và uy tín liên quan tới việc thu hồi và hạn chế sử dụng đất đai, khách hàng phải xác định và tham vấn với các cá nhân và cộng đồng bị di dời do việc thu hồi và/hoặc hạn chế sử dụng đất đai, cũng như với các cộng đồng sở tại tiếp nhận những người bị di dời để có đủ thông tin về quyền sở hữu, các đòi hỏi và việc sử dụng đất đai. Mọi thành phần các hộ gia đình và cộng đồng phải được tham vấn, dù trên cơ sở cá nhân hoặc thông qua đại diện điển hình nếu số lượng người là lớn, và đặc biệt lưu ý tới những nhóm dễ bị tổn thương. Quá trình tham vấn phải tập hợp ý kiến và mối quan ngại của phụ nữ và nam giới. Ngoài ra, khách hàng phải đảm bảo mọi hộ gia đình và cộng đồng được thông báo sớm trong quá trình lập kế hoạch về các phương án lựa chọn và quyền lợi của họ liên quan tới việc di dời và đền bù. Các hộ gia đình và cộng đồng cũng phải có cơ hội được tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ trong các giai đoạn then chốt của kế hoạch tái định cư để việc giảm nhẹ tác động tiêu cực của dự án được thực hiện phù hợp và lợi ích tiềm năng của việc tái định cư được bền vững. Thông tin bổ sung về tham vấn và tham gia của hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn đi kèm.

Hướng dẫn 10. Nhiều quốc gia có mức đền bù được pháp luật quy định về hoa màu và/hoặc đất đai. Khách hàng được khuyến cáo đánh giá mức đền bù do chính

phủ quy định và điều chỉnh nếu cần thiết để đáp ứng mức đền bù tiêu chuẩn. Việc đánh giá mức đền bù trên tốt nhất là nên được tiến hành bằng cách thuê chuyên gia nông học có kinh nghiệm hoặc chuyên gia đủ năng lực tương đương có kinh nghiệm thực tế về hệ thống đền bù và định giá nông nghiệp của nước sở tại.

Hướng dẫn 11. Chỉ riêng việc đền bù thì không đảm bảo phục hồi hoặc cải thiện sinh kế và phúc lợi xã hội của các hộ gia đình và cộng đồng bị di dời. Việc phục hồi và cải thiện sinh kế thường có thể bao gồm nhiều loại tài sản liên kết với nhau như quyền tiếp cận đất đai (sản xuất, canh tác, và chăn thả), tài nguyên biển và nước (ngư trường), quyền tiếp cận mạng lưới xã hội, tiếp cận tài nguyên thiên nhiên như sản phẩm rừng lấy gỗ và không lấy gỗ, cây thuốc, khu vực săn bắn và hái lượm, chăn thả và thu hoạch, nước ngọt, cũng như việc làm, và vốn. Các thách thức chính liên quan tới tái định cư nông thôn bao gồm việc phục hồi sinh kế dựa trên việc sử dụng đất đai hoặc tài nguyên thiên nhiên và nhu cầu không gây ảnh hưởng tới sự tiếp diễn về mặt xã hội hoặc văn hóa của Cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả cộng đồng sở tại tiếp nhận dân cư di dời tới tái định cư. Tái định cư tới khu vực đô thị hoặc cận đô thị thường ảnh hưởng tới nhà ở, việc làm và kinh doanh. Thách thức chính liên quan tới tái định cư ở đô thị là phục hồi sinh kế dựa trên tiền công hoặc kinh doanh có liên quan đến địa điểm (ví dụ như vị trí gần nơi làm việc, khách hàng và thị trường).

Hướng dẫn 12. Dưới đây là tổng hợp các khuyến nghị đối với quá trình thiết kế các biện pháp để nâng cao hiệu quả và phục hồi sinh kế dựa trên địa điểm, tiền công và kinh doanh:

Sinh kế dựa trên địa điểm: Tùy theo loại hình di dời kinh tế và/hoặc địa điểm tiếp nhận phụ nữ và đàn ông bị di dời, những người đó có thể hưởng lợi từ: (i) hỗ trợ về việc tiếp nhận hoặc được quyền tiếp cận đất đai được đền bù, bao gồm quyền tiếp cận đất chăn thả, canh tác, rừng, tài nguyên thiên liệu và nước; (ii) chuẩn bị đất nông nghiệp về mặt vật lý (ví dụ giải phóng, làm nền, đường tiếp cận và ổn định đất); (iii) rào chắn cho bãi chăn thả hoặc canh tác; (iv) yếu tố đầu vào nông nghiệp (ví dụ hạt giống, cây giống, phân bón, tưới tiêu); (v) chăm sóc thú y; (vi) tài chính quy mô nhỏ, bao gồm ngân hàng gạo, ngân hàng gia súc và vay tiền mặt; và khả năng tiếp cận thị trường (ví dụ bằng các phương tiện vận tải và cải thiện khả năng tiếp cận thông tin về cơ hội trên thị trường).

Sinh kế dựa trên tiền công: Những người làm công ăn lương trong các hộ gia đình và cộng đồng có thể hưởng lợi từ đào

tạo kỹ năng và giới thiệu việc làm, các điều khoản trong hợp đồng ký với các nhà thầu dự án về tuyển dụng lao động tạm thời hoặc dài hạn hơn cho người lao động địa phương, và tín dụng quy mô nhỏ để khởi sự doanh nghiệp. Người làm công ăn lương có thu nhập bị ảnh hưởng trong thời gian di dời vật lý phải được đền bù tái định cư để trang trải các chi phí này và chi phí ẩn khác. Phụ nữ và nam giới bị ảnh hưởng phải có được cơ hội như nhau để hưởng lợi từ các điều khoản trên. Vị trí của nhà ở tái định cư, trong trường hợp của những người bị di dời về mặt vật lý, có thể là yếu tố đóng góp đáng kể để đạt được sự ổn định về kinh tế - xã hội. Nên thận trọng cân nhắc khả năng của những người làm công ăn lương được tiếp tục tiếp cận nơi làm của mình trong và sau khi tái định cư; nếu khả năng này bị suy giảm thì cần áp dụng các biện pháp giảm nhẹ để đảm bảo sự tiếp diễn và tránh tổn thất thuan về phúc lợi đối với hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng.

Sinh kế dựa trên kinh doanh: Các doanh nhân (đã có doanh nghiệp hoặc đang khởi sự) và thợ thủ công có thể hưởng lợi từ tín dụng hoặc đào tạo (ví dụ lập kế hoạch kinh doanh, tiếp thị, quản lý kho và chất lượng) để mở rộng công việc kinh doanh và tạo việc làm địa phương. Khách hàng có thể hỗ trợ doanh nghiệp địa phương bằng cách mua hàng hóa và dịch vụ cho dự án của họ từ các nhà cung cấp địa phương.

Hướng dẫn 13. Tiêu chuẩn hoạt động 5 quy định phải có điều khoản về nhà ở và sự đảm bảo quyền sở hữu phù hợp đối với những người bị di dời tại địa điểm tái định cư. Nhà ở hoặc nơi ở phù hợp có thể được đánh giá về chất lượng, mức độ an toàn, kích thước, số phòng, khả năng trang trải, khả năng sinh sống, sự phù hợp về văn hóa, khả năng tiếp cận,^{HD2} mức độ đảm bảo về quyền sở hữu và đặc điểm địa phương. Nhà ở phù hợp phải tạo điều kiện tiếp cận cơ hội việc làm, thị trường, và các phương tiện sinh kế khác như đất nông nghiệp hoặc rừng, và có hạ tầng cơ sở và dịch vụ cơ bản như nước, điện, vệ sinh, chăm sóc y tế, và giáo dục tùy theo điều kiện địa phương và tùy vào việc các dịch vụ này có thể được hỗ trợ và duy trì. Địa điểm phù hợp không được bị ảnh hưởng bởi lũ lụt hoặc các mối nguy hiểm khác. Nếu có thể, khách hàng nên có nỗ lực cải thiện các khía cạnh về nhà ở được nêu trong khoản này, bao gồm mức độ đảm bảo về quyền sở hữu, để có thể tạo điều kiện sống tốt hơn tại địa điểm tái định cư, đặc biệt là đối với những đối tượng không có quyền hoặc đòi hỏi được pháp luật công nhận về vùng đất họ sinh sống, như những người định cư không chính thức (Tiêu chuẩn hoạt động 5, khoản 17 (iii) và/hoặc những người dễ bị tổn thương như được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt

động 1). Việc bố trí các phương án cải thiện và sắp xếp thứ tự ưu tiên đối với các phương án cải thiện đó tại địa điểm tái định cư nên được tiến hành với sự tham gia của những người bị di dời cũng như với cộng đồng sở tại nếu thích hợp.

Hướng dẫn 14. Đảm bảo quyền sở hữu là yếu tố quan trọng đối với nhà ở phù hợp. Đảm bảo sở hữu với mức độ cao nhất có nghĩa là những người sinh sống là chủ sở hữu được pháp luật công nhận của đất đai và công trình của họ và có quyền tự do mua bán hoặc thế chấp tài sản của họ. Với mức độ tối thiểu, đảm bảo sở hữu có nghĩa là bảo vệ người sinh sống khỏi bị trục xuất. Trục xuất có nghĩa là di dời con người và tài sản của họ ra khỏi đất đai và công trình ngược với ý muốn của họ mà không có sự bảo vệ về luật pháp hay bảo vệ theo phương thức khác nào. Cải thiện mức độ đảm bảo về sở hữu có thể có tác động tích cực tới mức sống của người bị di dời. Như được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 5, khoản 17, những người bị di dời có thể có quyền lợi hợp pháp đối với vùng đất đó, họ có thể có quyền lợi được thừa nhận nhưng không được pháp luật công nhận chính thức đối với vùng đất (ví dụ đòi hỏi về đất đai theo phong tục truyền thống hoặc sở hữu tập thể về khu đất tập thể); hoặc họ có thể không có quyền lợi nào được pháp luật công nhận về vùng đất họ chiếm hữu (ví dụ người định cư không chính thức hoặc định cư cơ hội). Ngoài ra, những người bị di dời có thể là người thuê để ở theo mùa vụ hoặc dài hạn, những người di cư trả tiền và không trả tiền hoặc di cư theo mùa vụ. Đảm bảo quyền sở hữu đối với mỗi loại người sinh sống có thể khác nhau như được nêu trong Nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản của Liên hợp quốc về trục xuất và di dời liên quan tới phát triển (Điều tra viên đặc biệt của Liên hợp quốc về quyền có nhà ở, 2007).^{HD3}

Hướng dẫn 15. Những người bị di dời có đặc điểm được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 5, khoản 17 (ii) là những đối tượng dễ bị tổn thương vì có thể bị nhà nước hoặc tổ chức khác trục xuất và di dời trong tương lai, đặc biệt nếu họ đã nhận tiền đền bù nhưng không có nơi nào để di chuyển đến. Vì vậy, nên cân nhắc có biện pháp bảo vệ bổ sung. Những biện pháp này được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 45. Trong một số trường hợp, người thuê có thể đủ điều kiện để được thay thế nhà ở và trong trường hợp khác có thể được tái định cư tại nhà ở tương tự với điều kiện sở hữu cải thiện hoặc tương đương.

Phạm vi áp dụng

^{HD2} Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về nhân quyền: Nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản về trục xuất và di dời liên quan tới phát triển: báo cáo của điều tra viên đặc biệt về nhà ở phù hợp với vai trò là yếu tố cấu thành quyền về mức sống thỏa đáng, ông Miloon Kothari, 11 tháng 7 năm 2007, A/HRC/4/18.

4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn Hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1.

5. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng với việc di dời về vật lý và/hoặc kinh tế xuất phát từ các loại giao dịch đất đai như sau:

- Quyền sở hữu đất và sử dụng đất có được thông qua tước đoạt hoặc các thủ tục cưỡng chế khác theo hệ thống pháp luật của nước sở tại.
- Quyền sở hữu đất và sử dụng đất có được thông qua đàm phán tái định cư với chủ sở hữu tài sản hoặc những người có quyền lợi hợp pháp đối với đất, nếu việc thất bại trong đàm phán có thể dẫn đến việc phải tước đoạt hoặc cưỡng chế;⁶
- Những dự án mà việc hạn chế sử dụng đất và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tự nguyện làm cho một cộng đồng hay một số nhóm trong cộng đồng mất quyền tiếp cận sử dụng một số nguồn tài nguyên mà những quyền này đã được công nhận theo truyền thống.⁷
- Một số dự án đòi hỏi phải cưỡng chế di dời đối với người dân không có quyền lợi hợp pháp hay truyền thống đối với khu đất họ đang sử dụng;⁸
- Hạn chế tiếp cận đất hay sử dụng các nguồn tài nguyên khác bao gồm cả tài sản của cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên thủy hải sản, các sản phẩm lâm nghiệp từ gỗ và phi gỗ, nguồn nước ngọt, được thực vật, khu vực săn bắt và tập trung, các khu trồng trọt và chăn nuôi.⁹

6. Tiêu chuẩn Hoạt động này không áp dụng đối với tái định cư từ các giao dịch đất tự nguyện (tức là giao

dịch thị trường mà người bán không có nghĩa vụ phải bán và người mua không thể tước đoạt quyền sở hữu hoặc thực hiện các thủ tục bắt buộc khác dựa vào hệ thống pháp luật và lực lượng công quyền nếu đàm phán thất bại). Tiêu chuẩn này không áp dụng cho những tác động đến sinh kế nếu dự án không làm thay đổi việc sử dụng đất của cộng đồng hay nhóm người bị ảnh hưởng.¹⁰

7. Nếu những tác động tiêu cực của dự án lên đất, tài sản và quyền tiếp cận tài sản trở nên đáng kể ở bất kỳ giai đoạn nào của dự án, khách hàng cần xem xét áp dụng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này, kể cả trường hợp không có việc thu hồi đất ban đầu nào được tính đến.

Hướng dẫn 16. Tiêu chuẩn hoạt động 5 được áp dụng cho các giao dịch khi bên mua thu hồi đất hoặc quyền sử dụng đất thông qua việc đàm phán trực tiếp với bên bán, nhưng bên mua có thể nhờ đến cơ quan chính phủ để có được quyền tiếp cận đất hoặc áp đặt việc hạn chế sử dụng đất (ví dụ như quyền địa dịch hoặc quyền có lối đi) nếu bên mua và bên bán không thỏa thuận được về giá cả, hoặc nếu việc đàm phán thất bại. Trong trường hợp đó, bên bán không có quyền giữ lại đất đai. Bên bán phải chấp nhận bản chào tốt nhất của bên mua hoặc phải đối mặt với sự tước đoạt hoặc quy trình pháp lý khác dựa trên quyền sung công. Quá trình thu hồi đất của chính phủ thường được biết đến dưới dạng công hữu hóa, thu hồi bắt buộc hoặc quyền sung công. Tiêu chuẩn hoạt động 5 có mục đích bảo vệ bên bán khỏi một loạt rủi ro khi giao dịch đàm phán trong hoàn cảnh đó. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 5 không liên quan tới việc khách hàng hoặc chính phủ đứng ra đàm phán (trực tiếp hoặc qua bên thứ ba), vì bên bán có thể cảm thấy bị ép buộc phải chấp nhận việc đền bù không thỏa đáng nếu bên bán biết rằng phương án lựa chọn khác (công hữu hóa) còn kém hấp dẫn hơn, hoặc nếu bên bán không được tiếp cận thông tin đầy đủ về giá cả thị trường. Bên bán cũng có thể bị ép buộc nhận tiền hỗ trợ định cư trong những trường hợp không có phương án cung cấp nơi ở thay thế hoặc không có đất đền bù có giá trị tương đương. Để việc thu hồi đất có thể được coi là "thuận mua/vừa bán", khi các hộ gia đình bị ảnh hưởng tự nguyện bán bất động sản và tài sản của mình, khách hàng không được quyền thu hồi bắt buộc, và phải áp dụng các điều kiện sau: (i) có thị trường đất đai hoặc có cơ hội đầu tư sản xuất khác cho số tiền thu được từ việc bán; (ii) quá trình giao dịch được tiến hành khi bên bán đồng ý trên cơ sở thông tin đầy đủ; và (iii) bên bán nhận được mức đền bù công bằng dựa trên giá trị thị trường phổ biến. Các nguyên tắc trên phải được áp dụng đối với

⁶ Loại giao dịch này bao gồm cả quyền được công nhận theo phong tục hay truyền thống hoặc được công nhận theo luật pháp của nước sở tại. Đàm phán thường được thực hiện bởi một cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp (trong một số trường hợp doanh nghiệp này có thể là do cơ quan nhà nước thuê).

⁷ Trong những tình huống này, người bị ảnh hưởng thường không có quyền hợp pháp. Nguồn tài nguyên ở đây có thể là môi trường nước ngọt và môi trường biển. Tiêu chuẩn Hoạt động này cũng có thể áp dụng cho những khu vực đa dạng sinh học hay những vùng đệm được pháp luật công nhận mà khách hàng không mua lại để phục vụ dự án.

⁸ Mặc dù một số người không có quyền trên khu đất họ chiếm giữ, Tiêu chuẩn hoạt động này yêu cầu phải đảm bảo giữ lại, thay thế hoặc bồi thường cho những tài sản trên đất, di dời đến những địa điểm đảm bảo quyền chiếm giữ đất hợp pháp; và phương kế sinh nhai được phục hồi.

⁹ Tài sản tài nguyên thiên nhiên được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động này cũng tương đương với các dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái sẽ được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

¹⁰ Những tác động chung đến cộng đồng và một số nhóm người dân đã được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 1. Chẳng hạn, việc gián đoạn trong tiếp cận trữ lượng khoáng đối với người khai thác mỏ riêng lẻ được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.

các đơn vị thu gom, hợp nhất hoặc đầu tư đất đai để đảm bảo giao dịch tài sản được công bằng.

Hướng dẫn 17. Như được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 5, khoản 23, khách hàng không bắt buộc phải đền bù hoặc hỗ trợ cho những người định cư cơ hội xâm lấn khu vực dự án sau ngày chuyển giao quyền sở hữu. Tuy vậy, khách hàng vẫn phải hỗ trợ cho cá nhân và các nhóm không có mặt lúc đăng ký nhưng có quyền lợi hợp pháp với tư cách thành viên Cộng đồng bị ảnh hưởng. Các nhóm trên có thể bao gồm các thành viên vắng mặt của gia đình đang tham gia lao động di cư hoặc chăn nuôi di cư vốn sử dụng tài nguyên địa phương theo mùa vụ. Nếu có khoảng thời gian chênh lệch đáng kể giữa thời điểm hoàn tất sự đồng thuận và thời điểm thực thi việc tái định cư hoặc thực thi kế hoạch phục hồi sinh kế, các nhà hoạch định kế hoạch phải tính đến việc di cư của dân chúng và sự tăng trưởng dân số tự nhiên, có thể phải có được sự đồng thuận lần nữa để giải quyết những thay đổi đó. Tương tự như vậy, khách hàng phải tính đến những người có thể không sinh sống tại khu vực mà dự án cần tới tại thời điểm kiểm kê, ví dụ dân tỵ nạn hoặc các cá nhân khác bị di dời trong nước do xung đột nội chiến và không có khả năng hoặc mong muốn quay trở về địa điểm dự án để thực thi quyền lợi của mình đối với đất đai sau xung đột. Kịch bản trên thường xảy ra trong hoàn cảnh hậu xung đột và khách hàng được khuyến nghị nên tham khảo ý kiến tư vấn của chuyên gia phát triển có kinh nghiệm về tình hình đất nước.

Hướng dẫn 18. Các tình huống dự án liên quan tới việc hạn chế không tự nguyện quyền sử dụng đất và quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên và làm cho cộng đồng hoặc các nhóm trong cộng đồng mất quyền tiếp cận tài nguyên mà họ vốn có quyền sử dụng theo truyền thống hoặc đã được công nhận có thể bao gồm, ví dụ như việc mất quyền tiếp cận tài nguyên tài sản tập thể như rừng, đất chăn thả hoặc khu vực đánh bắt cá. Trong các trường hợp như vậy, tác động của sự hạn chế quyền tiếp cận tài nguyên do dự án gây ra thường có tác dụng trực tiếp, tiêu cực và không thể phân biệt được với tác động của việc thu hồi đất. Như được nêu trong Hướng dẫn 1 ở trên, việc mất quyền tiếp cận tài nguyên tài sản tập thể được xác định là một trong những rủi ro chính dẫn tới nghèo đói có liên quan tới tái định cư không tự nguyện và đòi hỏi phải có biện pháp giảm nhẹ thận trọng.

Hướng dẫn 19. Trong trường hợp dự án tạo tác động từ các hoạt động khác ngoài việc thu hồi đất hoặc hạn chế quyền sử dụng đất, quá trình xác định rủi ro và tác động xã hội và môi trường của khách hàng theo Tiêu chuẩn hoạt động 1 phải nêu rõ các rủi ro và tác động trên sẽ được khách hàng phòng tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ

hoặc đền bù thế nào. Các ví dụ bao gồm việc mất quyền khai thác khoáng sản dưới lòng đất của thợ thủ công tại khu vực thuộc sở hữu nhà nước, và/hoặc ô nhiễm hoặc ảnh hưởng tới quyền tiếp cận nguồn nước trên vùng đất không phải do dự án sở hữu hoặc không phải do dự án trực tiếp hạn chế. Mặc dù Tiêu chuẩn hoạt động 5 không áp dụng với những trường hợp trên, khách hàng phải cân nhắc biện pháp giảm nhẹ đối với những người bị ảnh hưởng phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 1 (xem Hướng dẫn 1). Ngay cả khi việc đánh giá của khách hàng cho thấy ngay từ đầu là có lẽ sẽ không có tác động đáng kể nào của dự án, nhưng điều kiện dự án có thể thay đổi sau này và ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng địa phương (ví dụ việc ô nhiễm sau này liên quan tới dự án, hoặc việc di dân vùng nước ảnh hưởng tới tài nguyên nước mà cộng đồng sử dụng). Nếu và khi xảy ra hoàn cảnh trên trong tương lai, khách hàng nên cân nhắc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 1. Nếu trong bất kỳ giai đoạn nào của dự án tác động của dự án trở nên đáng kể tới mức cộng đồng liên quan không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc tái định cư hoặc bị di dời về kinh tế, khách hàng nên áp dụng quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5 ngay cả khi từ ban đầu không có hoạt động thu hồi đất nào liên quan tới dự án. Trong trường hợp đó, khách hàng có thể lựa chọn thu hồi đất liên quan có khả năng chịu tác động tiêu cực đáng kể, và áp dụng quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5.

Hướng dẫn 20. Các tác động không liên quan trực tiếp tới giao dịch đất đai, như hạn chế quyền sử dụng đất liên quan tới việc tạo vùng đệm cho dự án hoặc khu vực đa dạng sinh học, cũng như việc di dời kinh tế liên quan tới ngư trường nước ngọt và biển được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 5 và nên có biện pháp giảm nhẹ và đền bù theo tinh thần của Tiêu chuẩn hoạt động này. Ví dụ về vùng đệm có thể bao gồm việc hạn chế tiếp cận khu vực đánh bắt cá xung quanh cảng, ụ tàu hoặc tuyến hàng hải; tạo vùng an toàn xung quanh mỏ hoặc khu nổ mìn; hoặc vùng xanh xung quanh nhà máy công nghiệp. Mặc dù có thể không cần có quyền sở hữu về đất đai hoặc quyền đối với vùng nước ngọt/biển, nhưng việc hạn chế quyền sử dụng tài nguyên vùng nước ngọt/biển có thể gây ra sự di dời vật lý và/hoặc kinh tế không thể tách rời khỏi sự di dời liên quan tới giao dịch thu hồi đất và phải được giải quyết phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này. Vùng đệm tác động tới khoáng sản ngầm được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Các yêu cầu

Yêu cầu chung

Thiết kế dự án

8. Các khách hàng sẽ xem xét phương án thiết kế dự án khả thi thay thế để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu việc di dời về vật lý hoặc kinh tế, trong khi cân đối chi phí và lợi ích tài chính, môi trường, xã hội và đặc biệt chú trọng tác động đến người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương.

Đền bù và Quyền lợi của những người phải di dời

9. Khi việc di dời là không thể tránh được, khách hàng sẽ bồi thường người di dời và các cộng đồng cho tài sản bị mất với toàn bộ chi phí di dời và có các trợ giúp khác¹¹ để họ cải thiện hoặc ít nhất là khôi phục lại mức sống hoặc sinh kế, theo quy định tại Tiêu chuẩn Hoạt động này. Các chuẩn đền bù phải rõ ràng và nhất quán cho tất cả các nhóm cộng đồng và người dân phải di dời. Trường hợp sinh kế của người di dời là tính theo đất,¹² hoặc khi đất thuộc sở hữu tập thể, khách hàng sẽ cung cấp bồi thường theo đất, nếu có thể.¹³ Khách hàng chỉ sở hữu đất và các tài sản liên quan khi đã hoàn thành việc đền bù¹⁴ và tùy trường hợp, khi các khu vực tái định cư và trợ cấp di dời được cung cấp cho đối tượng phải di dời - ngoài phần chi phí di dời đã xác định.¹⁵ Các khách hàng sẽ tạo cơ hội cho người và cộng đồng di dời để họ được hưởng lợi ích phát triển thích hợp từ dự án.

Hướng dẫn 21. Chi phí tiềm năng của các biện pháp giảm nhẹ đối với sự di dời kinh tế và vật lý nên được xác định quy mô sớm từ giai đoạn thiết kế dự án và được tích hợp trong khâu thiết kế và phát triển dự án. Biện pháp giảm nhẹ và đền bù cho việc di dời vật lý và kinh tế có thể tốn kém. Cần đánh giá chi phí sớm để xác định tính khả thi của phương án thiết kế, công nghệ, tuyến đường, hoặc vị trí thay thế của dự án.

Hướng dẫn 22. Mức độ đền bù cho tài sản bị mất phải được tính toán với chi phí thay thế đầy đủ (là giá thị trường của tài sản cộng với chi phí giao dịch). Quá trình được sử dụng để xác định giá trị đền bù phải minh bạch và dễ hiểu đối với người bị ảnh hưởng của dự án. Mức đền bù phải được điều chỉnh, và tối thiểu bằng chỉ số lạm phát hàng năm. Đối với tổn thất khó tính giá trị

hoặc đền bù bằng tiền, có thể phải đền bù bằng hiện vật. Tuy nhiên, việc đền bù như vậy phải được thực hiện bằng hàng hóa hoặc tài nguyên có giá trị tương đương hoặc lớn hơn, phù hợp về mặt văn hóa và có khả năng được cộng đồng duy trì bền vững. Đối với đất đai và tài sản, chi phí thay thế được định nghĩa như sau:

- *Đất nông nghiệp hoặc chăn thả:* đất có giá trị sản xuất hoặc tiềm năng tương đương, có vị trí lân cận với đất bị ảnh hưởng hoặc khu vực nhà ở mới, cộng thêm chi phí chuẩn bị mặt bằng tương đương hoặc tốt hơn so với đất bị ảnh hưởng, và chi phí giao dịch như thuế đăng ký và chuyển nhượng hoặc phí thông thường. Nếu các lô đất đền bù được khách hàng xác định trong khu vực không nằm tiếp giáp trực tiếp với đất bị ảnh hưởng, khách hàng phải xác định sự khác biệt giữa quyền sử dụng hiện nay và quyền sử dụng tiềm năng để đảm bảo đất đền bù có tiềm năng tương đương. Thông thường điều này đòi hỏi đánh giá độc lập về năng lực sản xuất và năng lực duy trì của đất (ví dụ khảo sát chất đất, lập bản đồ năng lực nông nghiệp). Việc đền bù đất bị ảnh hưởng bằng lô đất có tiềm năng sản xuất thấp hơn có thể ảnh hưởng tới việc phục hồi sinh kế và đòi hỏi có chi phí đầu vào cao hơn so với lúc trước khi di dời. Chiến lược đền bù trên cơ sở đất đai là hình thức được ưa chuộng khi đền bù cho các hộ gia đình làm nông nghiệp.
- *Đất hoang hóa:* giá trị thị trường của đất đai có giá trị sản xuất tương đương nằm gần kề đất bị ảnh hưởng. Nếu không thể xác định được giá trị hoặc không đền bù đất bằng lô đất khác được, nên cân nhắc đền bù tập thể bằng hiện vật.
- *Đất trong khu vực đô thị:* giá trị thị trường của lô đất có diện tích và mục đích sử dụng tương đương, có hạ tầng cơ sở và dịch vụ tương tự hoặc tốt hơn, tốt nhất là nằm gần kề với khu vực bị ảnh hưởng, cộng thêm chi phí giao dịch như thuế đăng ký và chuyển nhượng.
- *Nhà cửa và kết cấu khác (bao gồm kết cấu công cộng như trường học, bệnh viện và công trình tôn giáo):* chi phí để mua hoặc xây dựng kết cấu thay thế, có diện tích và chất lượng tương đương hoặc tốt hơn kết cấu bị ảnh hưởng, hoặc chi phí sửa chữa kết cấu bị ảnh hưởng một phần, bao gồm chi phí nhân công và giám sát xây dựng và chi phí giao dịch như thuế đăng ký, chuyển giao và phí đi chuyển.
- *Mất quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên:* Giá trị thị trường của tài nguyên thiên nhiên, có thể bao gồm cây thuốc, gỗ củi, và sản phẩm lâm nghiệp không phải là gỗ khác, thịt hoặc cá. Tuy nhiên đền bù bằng tiền mặt hiếm khi là phương thức đền bù hiệu quả đối với việc mất quyền tiếp cận tài

¹¹ Được mô tả ở khoản 19 và 26.

¹² Thuật ngữ "phụ thuộc vào đất" bao gồm những hoạt động kiếm sống như nuôi trồng để ăn cũng như thu hoạch tài nguyên thiên nhiên.

¹³ Tham khảo khoản 26 của Tiêu chuẩn Hoạt động này để biết thêm các yêu cầu cụ thể.

¹⁴ Trong một số trường hợp có thể không khả thi để thanh toán hết tiền đền bù cho tất cả những đối tượng bị ảnh hưởng trước khi tiếp nhận đất, chẳng hạn trong trường hợp quyền sở hữu mảnh đất còn đang tranh chấp. Những trường hợp này cần được xác định và thỏa thuận theo từng trường hợp, và quỹ đền bù cần sẵn sàng, chẳng hạn được để trong một tài khoản bảo chứng (escrow account) trước khi diễn ra sự di dời.

¹⁵ Trừ phi việc tái định cư cho nhà nước thực hiện và khách hàng không có ảnh hưởng trực tiếp đến thời hạn thanh toán đền bù. Những trường hợp này thường được xử lý theo khoản 27-29 của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thanh toán đền bù chậm có thể xảy ra khi việc trả hết tiền đền bù một lần có thể làm hỏng mục tiêu xã hội và/hay mục tiêu tái định cư hoặc khi những tác động đến các hoạt động sinh kế vẫn đang diễn ra.

nguyên thiên nhiên - như được đề cập tại Hướng dẫn 22 - 23 và Hướng dẫn 56 - 66 dưới đây - và nên cố gắng đảm bảo hoặc hỗ trợ để có quyền tiếp cận tài nguyên tương đương ở chỗ khác, và bằng cách đó giảm thiểu nhu cầu đền bù bằng tiền mặt.

Hướng dẫn 23. Nên thực hiện đền bù đất đai và tài sản trước khi khách hàng tiếp quản sở hữu đất đai hoặc tài sản và nếu có thể thì người dân nên được tái định cư tại nơi ở mới và được thanh toán chi phí di dời trước đó. Tuy nhiên, có thể có trường hợp khi việc chậm thanh toán đền bù là hợp lý hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của khách hàng. Ngoài ra, một số hoạt động, ví dụ như nghiên cứu địa chấn có thể dẫn tới việc gián đoạn tạm thời các hoạt động kinh tế và tổn hại hoặc phá hủy tài sản, những việc đó chỉ có thể được đánh giá và đền bù sau khi kết thúc nghiên cứu và khi đã lượng hóa được mức độ tổn thất. Trong trường hợp đó, có thể chấp nhận được việc đền bù sau khi sự kiện xảy ra. Cũng có thể có trường hợp các tác động kinh tế phải được tính toán sau một giai đoạn thời gian, ví dụ việc trồng lại hoa mầu và xác định năng suất sau khi bị tạm thời gián đoạn lúc đặt đường ống; như vậy có thể chấp nhận được việc chậm thanh toán đền bù dựa trên tác động được đo lường.

Hướng dẫn 24. Theo nguyên tắc chung của Tiêu chuẩn hoạt động 5, phải ưu tiên chiến lược tái định cư dựa trên đất đai đối với những người bị di dời về mặt vật lý và kinh tế nếu sinh kế của họ phụ thuộc vào đất đai. Khi hộ gia đình hoặc cộng đồng chịu tác động bị di dời về vật lý, các chiến lược này có thể bao gồm việc tái định cư trên đất công với sự đồng ý của chính phủ hoặc trên đất tư nhân được mua cho việc tái định cư. Nếu để xuất đất tái định cư, các đặc điểm tổng hợp của đất đai, như tiềm năng sản xuất, lợi thế về vị trí, và mức độ đảm bảo của quyền sở hữu, cũng như đặc điểm pháp lý của quyền sở hữu hoặc sử dụng đất tối thiểu phải tương đương với đặc điểm của vùng đất cũ. Nếu đất đai không phải là sự lựa chọn ưu tiên của người bị di dời, hoặc nếu không có khu đất phù hợp, nên nghiên cứu thêm các phương án không liên quan tới đất đai như cơ hội việc làm hoặc hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp ngoài phương án đền bù bằng tiền mặt cho đất đai và các tài sản bị ảnh hưởng khác. Chuyển đổi những người bị di dời từ sinh kế dựa trên đất đai sang sinh kế không dựa trên đất đai là quá trình có nhiều thách thức. Trong trường hợp di dời kinh tế, ưu tiên sử dụng chiến lược dựa trên đất đai có nghĩa là việc đền bù, sự hỗ trợ theo đối tượng, và hỗ trợ chuyển đổi được cung cấp cho người bị di dời về kinh tế phải phù hợp với sinh kế dựa trên đất đai của họ. Để có thêm thông tin bổ sung, xem khoản Hướng dẫn 57 - 66 dưới đây. Những cá nhân được xác định là dễ bị tổn thương nên được hỗ trợ để hiểu rõ các phương án lựa chọn của

họ về việc tái định cư và đền bù, và được khuyến khích chọn phương án có mức rủi ro thấp nhất.

Hướng dẫn 25. Có thể đền bù bằng tiền mặt cho những người không muốn tiếp tục duy trì sinh kế dựa trên đất đai hoặc cho những người ưu tiên tự mua đất cho bản thân. Khi xem xét đền bù bằng tiền mặt, nên cân nhắc kỹ năng lực của người dân bị ảnh hưởng về việc sử dụng tiền mặt để phục hồi tiêu chuẩn sống. Vì việc tiêu hết số tiền đền bù trong thời gian ngắn có thể gây khó khăn cho nền kinh tế tự cung tự cấp hoặc các hộ gia đình nghèo hơn, nên việc đền bù bằng hiện vật (ví dụ gia súc hoặc tài sản có thể di chuyển/chuyển giao khác) hoặc phiếu mua hàng hóa và dịch vụ có thể có thể sẽ thích hợp hơn. Hướng dẫn chi tiết về cơ hội tạo ra các quyền lợi phát triển thích hợp của dự án được liệt kê trong Cẩm nang chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư của IFC.

Tham vấn

10. Khách hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, bao gồm cả các cộng đồng sở tại theo quy trình có sự tham gia của các bên liên quan được mô tả trong Tiêu chuẩn Hoạt động 1. Quy trình ra quyết định liên quan đến tái định cư và phục hồi phương kế sinh nhai nên tính đến nhiều phương án thay thế nếu có thể. Cung cấp thông tin liên quan và sự tham gia của cộng đồng và người dân bị ảnh hưởng sẽ tiếp tục trong quá trình lập kế hoạch, thi hành, theo dõi và đánh giá việc đền bù, các hoạt động phục hồi sinh kế và tái định cư để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này.¹⁶ Một số khoản áp dụng cho việc tham vấn Thổ dân cần phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Cơ chế khiếu nại

11. Khách hàng sẽ thiết lập một cơ chế khiếu nại phù hợp với yêu cầu ở Tiêu chuẩn Hoạt động 1 càng sớm càng tốt trong giai đoạn phát triển dự án. Cơ chế này giúp khách hàng tiếp nhận và giải quyết các mối quan tâm cụ thể về bồi thường và tái định cư được những người phải di dời hoặc các thành viên của cộng đồng sở tại nêu, bao gồm một cơ chế truy đòi được thiết lập để giải quyết tranh chấp không thiên vị.

Hướng dẫn 26. Kế hoạch tái định cư thành công đòi hỏi phải tham vấn và có sự tham gia thường xuyên của các

¹⁶ Quá trình tham vấn cần đảm bảo có ý kiến của phụ nữ cũng như lợi ích của nhóm này được tính đến trong các hoạt động lập kế hoạch và triển khai dự án. Giải quyết những vấn đề về tác động đến sinh kế cần có những phân tích ở cấp hộ gia đình nếu phương thức kiếm sống của phụ nữ và nam giới trong một gia đình có thể bị ảnh hưởng khác nhau. Mong muốn của nhóm phụ nữ và nam giới đối với các vấn đề như cơ chế đền bù, đền bù hiện vật thay vì tiền cũng nên được xem xét.

bên liên quan rộng rãi của dự án. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 5, nhóm các bên liên quan là các cá nhân và cộng đồng sở tại bị di dời về kinh tế và/hoặc vật lý, cũng như mọi cơ quan chính phủ hoặc các bên khác có trách nhiệm phê chuẩn và/hoặc thực hiện kế hoạch và hỗ trợ liên quan tới tái định cư. Việc trao đổi thông tin sớm sẽ giúp quản lý sự trông đợi của công chúng đối với tác động của dự án và các quyền lợi được dự kiến. Sự tham gia từ sớm này là rất quan trọng nếu dự kiến có tái định cư để đảm bảo những hộ gia đình, cộng đồng và các bên liên quan bị ảnh hưởng khác hiểu rõ về hiệu quả của tác động trên đối với cuộc sống của họ và tham gia tích cực trong quá trình lập kế hoạch liên quan hoặc quyết định chọn đại diện được tin tưởng để tham gia đại diện cho họ. Trong khi việc thành lập ủy ban tái định cư có thể hỗ trợ cho kế hoạch và nỗ lực trao đổi thông tin tái định cư, nên có các biện pháp đảm bảo mọi người dân có thể bị di dời được thông báo và được mời tham gia trong quá trình quyết định liên quan tới tái định cư.

Hướng dẫn 27. Như được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1, sự tham gia trên cơ sở thông tin đầy đủ bao gồm sự tham vấn được tổ chức và được lặp đi lặp lại để khách hàng có thể tích hợp vào quá trình quyết định các quan điểm của hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng về các vấn đề liên quan trực tiếp tới họ, như việc xác định hoặc các phương án thay thế của dự án để giảm thiểu nhu cầu tái định cư, các cột mốc trong kế hoạch tái định cư và biện pháp giảm nhẹ (ví dụ phương án lựa chọn địa điểm tái định cư thay thế, tiêu chí hợp pháp, thiết kế và sơ đồ nhà ở và tiện nghi xã hội thay thế, thời gian di dời và xác định cá nhân dễ bị tổn thương trong Cộng đồng bị ảnh hưởng), chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, kế hoạch phục hồi sinh kế và các vấn đề liên quan tới thực hiện tái định cư. Khách hàng phải lưu hồ sơ về quá trình tham vấn và tham gia trên cơ sở thông tin đầy đủ trong Kế hoạch tái định cư và/hoặc phục hồi sinh kế. Kế hoạch tái định cư và/hoặc phục hồi sinh kế phải chỉ rõ các hộ gia đình và cộng đồng (bao gồm cả cộng đồng sở tại) bị ảnh hưởng trực tiếp sẽ được tham gia thế nào trong quá trình tiếp diễn sự tham vấn được tổ chức và lặp đi lặp lại trong suốt quá trình lập kế hoạch, thực hiện và giám sát tái định cư. Như được miêu tả trong Hướng dẫn 41 và Hướng dẫn 47 dưới đây, quá trình tham gia phải được điều chỉnh để mối quan ngại của phụ nữ được ghi nhận và tích hợp đúng mức trong mọi giai đoạn quan trọng của kế hoạch và thực hiện tái định cư.

Hướng dẫn 28. Việc công bố tiêu chuẩn để được di dời và quyền lợi di dời bao gồm các gói đền bù và phục hồi sinh kế phải được thực hiện sớm tại thời điểm phù hợp trong quá trình lập kế hoạch dự án để những người có thể bị di dời có đủ thời gian nghiên cứu các phương án

của họ. Sự tham gia của chuyên gia bên thứ ba để cung cấp thông tin bổ sung về điều kiện và quyền lợi của Kế hoạch hành động tái định cư liên quan tới quyền lợi của những người bị ảnh hưởng có thể cải thiện sự mất cân đối trong cán cân quyền lực và kiến thức giữa khách hàng và cộng đồng. Phải áp dụng điều khoản đặc biệt đối với Người dân bản địa (xem Tiêu chuẩn hoạt động 7), cũng như đối với cá nhân của các nhóm dễ bị tổn thương. Để có thông tin về quy định và hướng dẫn về quá trình tham vấn và tham gia trên cơ sở thông tin đầy đủ (ICP), xem thêm phần về Sự tham gia của các bên liên quan, khoản 25 đến 33 của Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn 1 đi kèm. Có thể xem thông tin hướng dẫn thêm về tham vấn công chúng hiệu quả trong ấn phẩm của IFC Sự tham gia của bên liên quan: Cẩm nang các tập quán tốt cho doanh nghiệp kinh doanh tại thị trường mới nổi.

Hướng dẫn 29. Những nhóm dễ bị tổn thương hoặc “chịu rủi ro” bao gồm những người do đặc điểm về giới, dân tộc, độ tuổi, khuyết thân thể hay trí tuệ, sự yếu thế kinh tế hoặc địa vị xã hội nên có thể bị tác động tiêu cực nhiều hơn bởi việc di dời so với người khác, và có thể bị hạn chế về khả năng đòi hỏi hoặc tận dụng sự hỗ trợ tái định cư và các quyền lợi phát triển đi kèm. Các nhóm dễ bị ảnh hưởng trong bối cảnh di dời cũng bao gồm những người sống dưới mức nghèo đói, những người không đất đai, người cao tuổi, hộ gia đình do phụ nữ và trẻ em làm chủ, Người dân bản địa, dân tộc thiểu số, cộng đồng sống phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên hoặc các cá nhân bị di dời khác có thể không được hưởng sự bảo vệ của hệ thống đền bù đất đai hoặc công nhận quyền sở hữu đất đai của quốc gia. Các nhóm trên phải được xác định hoặc thông qua Đánh giá tác động môi trường và xã hội (Tiêu chuẩn hoạt động 1) hoặc thông qua yếu tố nghiên cứu số liệu xã hội ban đầu của kế hoạch tái định cư. Các biện pháp đặc biệt có thể bao gồm các nhóm trọng tâm với các nhóm dễ bị tổn thương hoặc chịu rủi ro, đảm bảo ủy ban tái định cư có thành viên của các nhóm dễ bị tổn thương, chịu rủi ro và yếu thế, và đảm bảo nhân viên Dự án có đại diện của các nhóm trên (như phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật). Trong một số trường hợp cần có nỗ lực đặc biệt để đảm bảo thành viên dễ bị tổn thương được tiếp cận sự kiện tham vấn hoặc diễn đàn thảo luận. Ví dụ về cách thức tiến hành bao gồm việc cung cấp phương tiện đi lại và đến thăm hộ gia đình cá thể. Những cá nhân được xác định là dễ bị tổn thương nên được hỗ trợ để hiểu rõ về phương án lựa chọn của họ đối với việc tái định cư và đền bù, và được khuyến khích lựa chọn phương án có mức rủi ro thấp nhất.

Hướng dẫn 30. Một cách độc lập với quy mô, tái định

cư không tự nguyện có thể làm gia tăng khiếu nại từ phía hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng đối với các vấn đề khác nhau, từ mức độ nhẹ và điều kiện để được hưởng đến vị trí của đất tái định cư và chất lượng dịch vụ tại các nơi đó. Việc giải quyết các khiếu nại một cách kịp thời thông qua cơ chế khiếu nại hiệu quả và minh bạch là rất quan trọng đối với việc tái định cư thỏa đáng và hoàn thành dự án đúng tiến độ.

Hướng dẫn 31. Khách hàng nên hết sức nỗ lực để giải quyết tranh chấp ở cấp độ cộng đồng mà không cần trở sự tiếp cận các biện pháp xử lý tư pháp hoặc hành chính có thể có. Khách hàng nên đảm bảo nhân viên được chỉ định xử lý khiếu nại được đào tạo và sẵn sàng tiếp nhận khiếu nại và điều phối các nỗ lực giải quyết khiếu nại thông qua các kênh thích hợp, có tính đến các phương pháp giải quyết khiếu nại theo phong tục và truyền thống trong Cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong quá trình tham vấn, các hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng nên được thông báo về quá trình đăng ký khiếu nại, phải có quyền tiếp cận cơ chế khiếu nại trên, và được biết về các cơ hội hiện có để có thể nhờ cậy về mặt pháp luật. Như đối với Kế hoạch hành động tái định cư (xem khoản 19 của Tiêu chuẩn hoạt động 5), quy mô cơ chế khiếu nại có thể thay đổi tùy theo cấp độ và mức độ phức tạp của dự án và sự di dời liên quan. Cơ chế phải cho phép mọi người tiếp cận dễ dàng và có cách giải quyết khiếu nại một cách công bằng, minh bạch và kịp thời và có điều khoản đặc biệt để phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và bị yếu thế có thể nêu các quan ngại của họ hoặc khiếu nại. Hướng dẫn bổ sung về quá trình thiết lập quy trình khiếu nại được nêu trong Hướng dẫn tập quán tốt của IFC - Giải quyết khiếu nại của cộng đồng bị ảnh hưởng của dự án (2009).

Lập kế hoạch và thực hiện việc tái định cư và phục hồi phương kế sinh nhai

12. Trường hợp tái định cư không tự nguyện là không thể tránh khỏi, dù là kết quả của giải quyết bằng đàm phán hay thực hiện tước đoạt, khách hàng sẽ thực hiện một cuộc điều tra dân số với các dữ liệu kinh tế - xã hội thích hợp cơ bản để xác định những người sẽ phải di dời, để xác định ai sẽ có đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ,¹⁷ và để ngăn người không đủ điều kiện, như những người “định cư cơ hội”, không được đòi bồi thường và hỗ trợ nói trên. Nếu chính phủ sở

tại không có các thủ tục như vậy, khách hàng sẽ tự quy định thời hạn cuối cùng để xác minh người được bồi thường và hỗ trợ. Thông tin về ngày cuối cùng để hoàn tất việc xác minh tư cách hưởng bồi thường và hỗ trợ sẽ được làm thành tài liệu cần thận và thông báo rộng khắp trong toàn bộ khu vực dự án.

13. Trong trường hợp những người bị ảnh hưởng từ chối nhận khoản để bù mà đã phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, dẫn đến việc phải tiến hành cưỡng chế hoặc các thủ tục pháp lý khác, khách hàng nên tìm cơ hội để hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nếu được phép của cơ quan này, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện và theo dõi việc tái định cư (xem thêm khoản 30-32).

14. Khách hàng sẽ thiết lập quy trình để theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế (xem thêm khoản 19 và 25) và thực hiện các biện pháp sửa chữa khi cần thiết. Mức độ theo dõi cần tương xứng với rủi ro và tác động của dự án. Đối với những dự án có rủi ro cao về tái định cư không tự nguyện, khách hàng có thể thuê chuyên gia về tái định cư chuyên nghiệp tư vấn về việc tuân thủ với Tiêu chuẩn Hoạt động này và cũng đánh giá lại những thông tin theo dõi của khách hàng. Những đối tượng bị ảnh hưởng cần được tham vấn trong quá trình theo dõi.

15. Thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế được coi là hoàn thành khi các tác động tiêu cực của tái định cư được giải quyết theo cách phù hợp với kế hoạch liên quan và với mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Khách hàng cũng cần thuê thực hiện một kiểm toán độc lập về việc hoàn thành của Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế để đánh giá liệu các điều khoản của kế hoạch có thực hiện được hết không, phụ thuộc vào quy mô và/hoặc tính phức tạp của việc di dời vật lý và kinh tế liên quan đến dự án. Kiểm toán hoàn thành này nên được thực hiện khi tất cả các biện pháp khắc phục giảm thiểu đã được hoàn thành và khi mà đối tượng di dời được cho là đã được cung cấp cơ hội và trợ giúp đầy đủ để phục hồi kế sinh kế. Kiểm toán hoàn thành nên do chuyên gia tái định cư chuyên nghiệp thực hiện sau khi thời hạn theo dõi thỏa thuận kết thúc. Kiểm toán hoàn thành cần bao gồm, tối thiểu là việc rà soát tổng thể các biện pháp khắc phục do khách hàng thực hiện, so sánh các kết quả thực hiện với mục tiêu đặt ra và kết luận xem thời hạn theo dõi đã kết thúc chưa.¹⁸

16. Trong trường hợp bản chất hay quy mô của việc

¹⁷ Giấy tờ sở hữu hay các giấy tờ liên quan đến đất đai cần được phát hành dưới tên của hai vợ chồng hoặc chủ hộ, và các trợ giúp khác về tái định cư như đào tạo tay nghề, tiếp cận tín dụng và cơ hội việc làm cũng cần được cung cấp cho cả nhóm nữ và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của họ. Nếu pháp luật quốc gia và hệ thống sở hữu đất đai không công nhận quyền của phụ nữ trong việc nắm giữ hay giao dịch bất động sản, nên xem xét các biện pháp để phụ nữ được bảo vệ đến mức tối đa với mục tiêu có được cơ hội bình đẳng với nhóm nam giới.

thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất liên quan đến dự án mà có thể dẫn đến di dời vật lý và/hoặc kinh tế chưa thể xác định được do giai đoạn phát triển của dự án, khách hàng sẽ xây dựng một Kế hoạch khung Tái định cư và/hoặc Phục hồi Sinh kế phác thảo những nguyên tắc chung tương ứng với Tiêu chuẩn Hoạt động này. Khi các cấu phần cụ thể của dự án được xây dựng cụ thể và thông tin cần thiết đã có, thì Kế hoạch Khung có thể được cụ thể hóa thành Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế và các quy trình tương ứng với khoản 19 và 25 dưới đây.

Hướng dẫn 32. Kế hoạch tái định cư thành công phải đạt được sự đồng thuận của những người bị di dời và liệt kê danh mục đất đai và tài sản bị ảnh hưởng ở cấp độ hộ gia đình, doanh nghiệp, và cộng đồng. Thời điểm đạt được sự đồng thuận và liệt kê xong danh mục tài sản chính là ngày cuối cùng. Những cá nhân tới định cư trong khu vực dự án sau ngày cuối cùng không được đền bù hoặc hỗ trợ tái định cư, miễn là ngày cuối cùng được thông báo, lưu hồ sơ và phổ biến rộng rãi. Tương tự như vậy, tổn thất đối với tài sản cố định (như kết cấu xây dựng, hoa mầu, cây ăn quả, và lò rừng lấy gỗ) hình thành sau ngày cuối cùng sẽ không được đền bù. Vấn đề phức tạp hay gặp đối với ngày cuối cùng thường liên quan tới ngày cuối cùng “lich sử” được hình thành vào thời điểm dự án sẵn sàng để triển khai, nhưng do dự án bị chậm trễ nên thời hạn để bị lãng quên hoặc trở nên lỗi thời. Trong trường hợp như vậy, sự gia tăng dân số tự nhiên trong các hộ gia đình đủ điều kiện được đền bù sẽ dẫn tới sự hình thành của hộ gia đình “mới” chưa được liệt kê trong nghiên cứu ban đầu - những hộ gia đình trên phải được coi là đủ điều kiện để hưởng lợi ích và hỗ trợ tái định cư. Vấn đề phức tạp khác là quá trình của chính phủ đối với việc xác định ngày cuối cùng có được lưu hồ sơ và phổ biến thích hợp tới hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng trong khu vực dự án hay không. Nếu việc này chưa được coi là đã hoàn thành hoặc nếu sự đồng thuận liên quan của những người bị ảnh hưởng bị lỗi thời hoặc bằng cách nào đó không được coi là phù hợp, phải tiếp tục nghiên cứu để đánh giá lại những đối tượng đủ điều kiện hưởng lợi theo Tiêu chuẩn hoạt động 5. Đối tượng sử dụng tài nguyên theo mùa vụ, như người chăn thả di cư có thể không có mặt trong khu vực dự án vào thời điểm tìm kiếm đồng thuận, nên phải đặc biệt cân nhắc đòi hỏi của những đối

tượng sử dụng này.

Hướng dẫn 33. Việc áp dụng các hạn chế đối với hoạt động như xây dựng, hoạt động nông nghiệp, và nâng cấp nhà ở sau ngày hạn cuối cùng (cut-off date) có thể gây khó khăn với mức độ trung bình hoặc mức độ lớn đối với hộ gia đình hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng. Thường có sự chậm trễ từ khi quyết định ngày hạn cuối cùng (và việc áp dụng các hạn chế tiếp theo đó) và triển khai dự án, bao gồm đền bù cho tổn thất và tái định cư của hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng. Nên hạn chế thời gian kéo dài từ khi quyết định ngày cuối cùng và lúc đền bù cho các cá nhân và cộng đồng bị di dời. Các tổn thất phát sinh do hạn chế sử dụng đất đai nên được khách hàng đền bù. Khách hàng cũng nên cân nhắc cách thức giảm thiểu tác động của các hạn chế áp dụng sau ngày hạn cuối cùng, như lập kế hoạch cho các hoạt động phát triển, để nông dân bị ảnh hưởng có thể thu hoạch mùa màng trước khi bị di dời. Ngoài ra, cũng phải tôn trọng lịch trình chắc chắn hoặc khách hàng phải sẵn sàng thanh toán đền bù và sự chậm trễ. Ví dụ nếu cộng đồng không gieo trồng vì chuẩn bị di dời, nhưng việc di dời bị chậm trễ thì cộng đồng có thể cần được hỗ trợ về nhu cầu lương thực vì họ không thu hoạch được mùa màng năm đó.

Hướng dẫn 34. Nếu các hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng từ chối đề nghị đền bù của khách hàng phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5, và do đó dẫn tới việc sung công hoặc các quy trình pháp lý khác, các cơ quan chính phủ liên quan có thể đề nghị đền bù cho hộ gia đình hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng dựa trên giá trị được đánh giá của đất đai. Vấn đề có thể dẫn tới sự tranh chấp và có thể mất một số năm để giải quyết. Quyết định cuối cùng của tòa án có thể xác nhận sự đền bù dựa trên giá trị được đánh giá. Vì có rủi ro gây ra sự nghèo đói vì mất nguồn thu nhập hoặc mất sinh kế của những người hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng do quá trình xử lý kéo dài và mức đền bù bị hạ thấp, khách hàng nên đảm bảo trong các trường hợp như vậy chính phủ hoặc tòa án đánh giá giá trị của sự sung công phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 5 bằng cách yêu cầu có thông tin về mức đền bù do chính phủ đề nghị và quy trình được sử dụng để đánh giá giá trị của việc sung công. Khách hàng cũng có thể được yêu cầu phải kiểm tra xem mức đền bù trên có phù hợp với giá trị thay thế của tài sản liên quan trên thị trường hiện nay không. Tiền đền bù cho những đối tượng bị ảnh hưởng của tái định cư có thể được giữ tại tài khoản độc lập do khách hàng mở dành riêng cho số tiền đền bù cho đến khi quyết định xong về thời điểm và số tiền phải thanh toán. Khách hàng phải tham gia quá trình sung công trên và hỗ trợ kết quả phù hợp với mục tiêu

¹⁸ Kiểm toán hoàn thành Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế cần được chuyển giao tái định cư độc lập thực hiện khi thời hạn theo dõi theo thỏa thuận kết thúc và nên là một đánh giá sâu hơn mức bình thường về các hoạt động theo dõi quá trình tái định cư, ít nhất cũng phải gồm có một rà soát về tất cả những biện pháp khác phục liên quan đến di dời vật lý và/hoặc kinh tế do khách hàng thực hiện, so sánh các kết quả thực hiện với mục tiêu đặt ra và kết luận xem thời hạn theo dõi đã kết thúc chưa, và nếu cần thiết, một kế hoạch hành động sửa chữa liệt kê những hành động còn tồn đọng cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.

của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Việc khách hàng có được phép đóng vai trò tích cực không phụ thuộc một phần vào luật pháp quốc gia được áp dụng và quá trình và tập quán tư pháp và hành chính của cơ quan nhà nước có trách nhiệm. Để có thêm thông tin hướng dẫn trong các trường hợp trên, xem thêm Hướng dẫn 63 - 69 dưới đây liên quan tới trách nhiệm của khu vực tư nhân đối với việc tái định cư của chính phủ.

Hướng dẫn 35. Khách hàng có trách nhiệm tiến hành Kiểm toán hoàn thành tái định cư trong trường hợp nếu tái định cư có thể tạo rủi ro tác động xã hội tiêu cực đáng kể, tức là trong các dự án được phân loại “A” hoàn toàn hoặc một phần gắn liền với tác động tái định cư dự kiến. Rủi ro xã hội tăng cao liên quan tới quy định về kiểm toán lúc hoàn thành tái định cư có thể phụ thuộc vào quy mô tái định cư, mức độ bị tổn thương của hộ gia đình bị ảnh hưởng (ví dụ Người dân bản địa hoặc những đối tượng khác có mối ràng buộc chặt chẽ với vùng đất và/hoặc tài nguyên thiên nhiên cụ thể), hoặc phụ thuộc vào các yếu tố xã hội và/hoặc chính trị khác được chuyên gia khoa học xã hội có thẩm quyền xác định dựa trên cơ sở từng dự án. Như được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 5, khoản 15, kiểm toán hoàn thành tái định cư phải do chuyên gia tái định cư đủ năng lực tiến hành sau khi kết thúc giai đoạn giám sát được thỏa thuận. Mục tiêu chính của kiểm toán là xác định liệu nỗ lực của khách hàng để phục hồi mức sống của người dân bị ảnh hưởng đã được nhận thức và thực hiện đúng cách chưa. Kiểm toán cần xác thực mọi yếu tố đầu vào vật lý của Kế hoạch hành động tái định cư đã được hoàn thành và mọi dịch vụ được cung cấp. Ngoài ra, kiểm toán nên đánh giá các biện pháp giảm nhẹ được nêu trong Kế hoạch hành động tái định cư có đạt được kết quả mong muốn không. Tiêu chuẩn văn hóa xã hội và sinh kế của người dân bị ảnh hưởng trong trường hợp tối ưu nên được so sánh với điều kiện kỳ gốc của người dân trước khi tái định cư và phải được cải thiện hoặc tối thiểu là phục hồi ở mức bằng mức trước dự án. Để có thêm hướng dẫn, xem Phụ lục B: Nội dung kiểm toán hoàn thành tái định cư.

Hướng dẫn 36. Kiểm toán hoàn thành tái định cư phải được tiến hành sau khi đã thực hiện mọi cam kết chính trong Kế hoạch hành động tái định cư (bao gồm mọi hoạt động phục hồi sinh kế cũng như các cam kết phát triển khác). Thời điểm kiểm toán sẽ hỗ trợ khách hàng hoàn thành các hoạt động điều chỉnh theo lịch trình và theo cách thức được kiểm toán khuyến nghị, nếu có. Trong phần lớn các trường hợp, việc hoàn thành các hoạt động điều chỉnh được nêu trong kiểm toán hoàn thành có thể giúp khách hàng kết thúc các trách nhiệm

đối với tái định cư, đền bù, phục hồi sinh kế, và thực hiện lợi ích phát triển.

Hướng dẫn 37. Trong trường hợp việc thu hồi đất được dựa trên thỏa thuận được đàm phán và không dẫn tới sự di dời vật lý của người dân, khách hàng nên cung cấp cho người dân bị ảnh hưởng thông tin về giá trị tài sản hiện hành và phương pháp định giá tài sản. Khách hàng nên lưu hồ sơ về quy trình xác định và thanh toán đền bù theo Khuôn khổ phục hồi sinh kế mà: (i) xác định mọi người dân bị ảnh hưởng; (ii) liệt kê danh mục tài sản bị ảnh hưởng; (iii) miêu tả phương pháp được áp dụng để định giá đất đai và tài sản bị ảnh hưởng khác với chi phí thay thế đầy đủ; (iv) chỉ định mức đền bù được thanh toán; (v) hoạch định lịch trình tiếp quản đất và thanh toán đền bù và phương pháp nhận tiền thanh toán; và (vi) miêu tả quá trình mà những người bị ảnh hưởng có thể dùng để khiếu nại về định giá tài sản nếu họ coi việc định giá chưa phù hợp. Khách hàng nên tổng kết thông tin này để công bố rộng rãi và đảm bảo những người bị ảnh hưởng hiểu rõ về quy trình thu hồi đất và biết rõ sẽ phải trông đợi điều gì trong các giai đoạn khác nhau của quá trình giao dịch (ví dụ khi họ nhận được đề nghị, thời gian để phản hồi là bao lâu, cơ chế khiếu nại, quy trình pháp lý được áp dụng nếu đàm phán không thành công). Khách hàng phải tạo cơ hội cho hộ gia đình và cộng đồng được tham gia đàm phán dựa trên các quy trình đã hình thành.

Hướng dẫn 38. Việc đền bù dựa trên đất đai phải được đề nghị với những người bị ảnh hưởng trong trường hợp sinh kế của họ phụ thuộc vào đất đai và nếu đất đai được đề xuất thu hồi là đáng kể tới mức làm cho việc giữ đất không duy trì được về kinh tế.^{HD5} Nếu không thể đề xuất đất đai thay thế (trong trường hợp đối với những cá nhân bị di dời theo khoản 17 (i) hoặc 17 (ii) của Tiêu chuẩn hoạt động 5), khách hàng phải tạo cơ hội cho bên bán đất được phục hồi sinh kế và mức sống ở mức tương đương, hoặc tốt hơn so với mức được duy trì tại thời điểm bán đất. Các cá nhân được xác định là dễ bị tổn thương (như những đối tượng trong khoản 17 (iii) dưới đây) nên được hỗ trợ để hiểu rõ về các phương án đền bù của họ, và được khuyến khích lựa chọn phương án có mức rủi ro thấp nhất. Thông tin miêu tả chi tiết về cách thức để đạt được sự phục hồi như vậy phải được nêu trong Kế hoạch hành động tái định cư và/hoặc Kế hoạch phục hồi sinh kế.

^{HD5} Trong OP 4.12, Tái định cư không tự nguyện, Ngân hàng thế giới, chú thích 18, Nguyên tắc chung được áp dụng nền đất bị thu hồi chiếm hơn 20 phần trăm của tổng diện tích sản xuất.

Di dời

17. Người di dời có thể được phân nhóm thành: (i) những người có quyền pháp lý chính thức với khu đất và tài sản họ đang chiếm hữu hoặc sử dụng, (ii) những người không có quyền pháp lý chính thức với đất và tài sản, nhưng có chủ quyền trên khu đất họ đang chiếm giữ được công nhận hay coi như được công nhận theo luật pháp quốc gia;¹⁹ hoặc (iii) những người đã không có quyền được công nhận hợp pháp và cũng không có tuyên bố chủ quyền với phần đất họ sử dụng. Cuộc điều tra dân số sẽ phân nhóm những người di dời.

18. Việc thu hồi đất cho dự án có thể sẽ dẫn tới việc di dời về vật lý và kinh tế của người dân. Do đó, các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này đối với việc di dời cả về kinh tế và vật lý có thể sẽ được áp dụng đồng thời.²⁰

Hướng dẫn 39. Nếu không thể tránh được việc di dời vật lý, việc tái định cư nên được lập kế hoạch và thực hiện theo phương thức đảm bảo cho cá nhân bị di dời có cơ hội tham gia quá trình lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tái định cư để cải thiện hoặc ít nhất phục hồi mức sống của họ. Tình trạng kỹ gốc – được xác định trước khi tái định cư – có thể bao gồm nghiên cứu kinh tế - xã hội, điều tra dân số và liệt kê tài sản các hộ gia đình. Kế hoạch và thực hiện tái định cư tối thiểu phải tập trung vào việc phục hồi sinh kế của người dân; cụ thể hơn, khi xét đến rủi ro nghèo đói chính được xác định trong Hướng dẫn 1, “phục hồi” phải nhằm tới việc giải quyết tổng thể các yếu tố sau (nếu thích hợp): cung cấp đất đai nông nghiệp phù hợp và hỗ trợ đầy đủ để đất đai có thể sản xuất được nếu sinh kế phụ thuộc vào đất đai; đảm bảo không có tổn thất thuần về việc làm đối với hộ gia đình bị ảnh hưởng vì tái định cư (tức là tìm hoặc tạo ra cơ hội có việc làm nếu cần); cải thiện nhà ở và sự tiếp cận với dịch vụ xã hội cho người bị ảnh hưởng như giáo dục và chăm sóc y tế; cân nhắc kỹ về mạng lưới xã hội và cách thức tái tạo mạng lưới tại địa điểm tái định cư, đặc biệt là đối với người dễ bị tổn thương; cân nhắc và hỗ trợ từ phía dự án đối với kết cấu thể chế địa phương cần để thực hiện và hỗ trợ tái định cư; thiết kế biện pháp giảm nhẹ cụ thể để giải quyết an ninh lương thực, đặc biệt là trong giai đoạn đầu khi thực hiện tái định cư (bao gồm cả việc cung cấp trực tiếp nếu cần); và đảm bảo quyền tiếp cận thích hợp đối với tài sản tập thể và tài nguyên thiên nhiên

¹⁹ Những quyền này có thể xuất phát từ việc sở hữu bất hợp pháp hoặc từ tập quán pháp hay phong tục pháp.

²⁰ Trong trường hợp dự án yêu cầu phải có di dời cả về vật lý và kinh tế, các yêu cầu của khoản 25 và 26 (về di dời kinh tế) cần được đưa vào Kế hoạch Hành động hay Kế hoạch khung về tái định cư (tức là không cần tách biệt Kế hoạch hành động tái định cư hay Kế hoạch Phục hồi sinh kế).

thay thế. Ngoài việc phục hồi sinh kế, khách hàng được khuyến khích nghiên cứu và áp dụng nguyên tắc chia sẻ lợi ích đối với các hộ gia đình tái định cư để cải thiện sinh kế của người bị ảnh hưởng, nếu có thể.

Hướng dẫn 40. Trong những trường hợp không thể tránh khỏi tái định cư, thì tối thiểu phải thực hiện các bước sau: (i) hợp tác hiệu quả để thông báo cho những người bị ảnh hưởng biết về các lựa chọn và quyền lợi của họ đối với việc di dời và để họ tham gia trong quá trình cân nhắc phương án thay thế cho dự án để giảm thiểu sự di dời; (ii) cung cấp các phương án tái định cư khả thi về kỹ thuật và kinh tế thông qua quá trình tham vấn và tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ của những người bị ảnh hưởng và đánh giá các phương án tái định cư thay thế; (iii) đền bù nhanh chóng và hiệu quả cho những người bị di dời với đầy đủ giá trị thay thế đối với mọi tổn thất về tài sản do dự án gây ra; (iv) hỗ trợ di dời (xem thêm ở dưới); và (v) cung cấp nơi ở tạm thời (nếu cần thiết), vị trí xây nhà vĩnh viễn, và nguồn (bằng tiền mặt hoặc hiện vật) để xây dựng nơi ở vĩnh viễn bao gồm mọi loại phí, thuế, công tăng theo phong tục, và phí kết nối với các loại dịch vụ.

Hướng dẫn 41. Phụ nữ thường là đối tượng đầu tiên bị tổn hại nếu quá trình tái định cư được lập kế hoạch hoặc thực hiện kém chất lượng vì họ thường đóng góp tỷ lệ mất cân đối trong số người nghèo; bị hạn chế hơn về quyền tiếp cận với tài nguyên, cơ hội và dịch vụ công so với nam giới; và do đó phụ nữ phụ thuộc nhiều hơn vào mạng lưới hỗ trợ không chính thức trong cộng đồng hiện tại của họ. Quá trình tái định cư phải đặc biệt tính đến hoàn cảnh của phụ nữ, điều chỉnh quá trình tham gia ở mức cần thiết để phụ nữ có vai trò trong quá trình quyết định. Nên có nỗ lực đặc biệt để xác định cho phụ nữ: (i) phương tiện tạo nguồn thu và sinh kế, bao gồm các hoạt động không chính thức như thu lượm tài nguyên thiên nhiên, kinh doanh và trao đổi dịch vụ và sản phẩm; (ii) mạng lưới xã hội và kinh tế bao gồm quan hệ gia đình mở rộng; và (iii) quyền sở hữu về tài sản bị ảnh hưởng bao gồm đất đai và mùa màng để đến bù cho chủ sở hữu một cách thích hợp. Ví dụ phụ nữ có thể đặc biệt chú trọng sự tiếp diễn về mặt xã hội của cộng đồng bị di dời.

Di dời vật lý

19. Trong trường hợp di dời vật lý, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch hành động tái định cư cung cấp, ở mức tối thiểu, những yêu cầu áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này cho dù số người bị ảnh hưởng là bao nhiêu. Kế hoạch này cần bao gồm khoản đền bù toàn bộ chi phí di dời cho đất và tài sản bị mất. Kế hoạch sẽ được thiết kế để khắc phục những tác động tiêu cực

của di dời; xác định cơ hội phát triển; thiết lập ngân sách và lộ trình tái định cư; và thiết lập quyền lợi và sự hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng di dời (kể cả cộng đồng sở tại). Cần đặc biệt chú ý đến nhu cầu của đối tượng nghèo và dễ tổn thương. Khách hàng cũng sẽ lưu lại đầy đủ các giao dịch mua quyền sở hữu đất cũng như các biện pháp đền bù và hoạt động di dời.

20. Nếu những người sống trong vùng dự án phải di chuyển đến một vị trí khác, khách hàng sẽ: (i) đưa ra các lựa chọn di dời khả thi cho người tái định cư, bao gồm cả nhà ở thay thế phù hợp hoặc bồi thường tiền mặt hợp lý, và (ii) cung cấp hỗ trợ tái định cư phù hợp với nhu cầu của từng nhóm người di dời. Nơi ở mới cho dân tái định cư cần đảm bảo điều kiện sống tốt hơn. Mong muốn của các đối tượng di dời để được đến những nơi có cộng đồng và nhóm người dân đã có từ trước cần được xem xét. Những thể chế văn hóa và xã hội có sẵn của người dân bị di dời và của các cộng đồng sở tại cần được tôn trọng.

21. Với những người di dời vật lý như quy định trong khoản 17 (i) hoặc (ii), khách hàng sẽ đưa ra các lựa chọn tài sản thay thế giá trị bằng hoặc cao hơn, có đặc tính tương đương hoặc và lợi thế của vị trí tốt hơn, hoặc bồi thường tiền mặt giá trị cho toàn bộ việc di dời ở những khâu hợp lý. Bồi thường bằng hiện vật cũng có thể xem xét bằng tiền. Bồi thường tiền cần phải đủ để mua được một khu đất và tài sản tương đương theo giá trị trường.²¹

Hướng dẫn 42. Tiêu chuẩn hoạt động 5 quy định phải đền bù cho tất cả đất đai được thu hồi từ cá nhân và cộng đồng có các đòi hỏi được pháp luật công nhận đối với khu đất đó. Điều kiện này được áp dụng cho chủ sở hữu hợp pháp theo 17 (i) của Tiêu chuẩn hoạt động: là những đối tượng trước ngày cuối cùng đã có quyền sở hữu pháp lý chính thức đối với đất. Điều kiện này cũng được áp dụng cho các bên đòi hỏi quyền lợi theo 17 (ii) là những đối tượng trước ngày hạn cuối cùng không có quyền sở hữu pháp lý chính thức đối với đất nhưng đã có đòi hỏi đối với đất hoặc tài sản đó.

Hướng dẫn 43. Kế hoạch hành động tái định cư phải được chuẩn bị cho mọi dự án gây ra sự di dời vật lý, tức là các dự án liên quan tới việc di dời của con người khỏi nơi ở của họ. Khách hàng có các dự án đòi hỏi có sự thu hồi đất đai nhưng không gây ra sự di dời vật lý của con người phải chuẩn bị Kế hoạch phục hồi sinh

kế như được nêu trong khoản 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Quy mô và mức độ chi tiết của Kế hoạch phục hồi sinh kế có thể thay đổi tùy theo mức độ di dời và độ phức tạp của các biện pháp cần để giảm nhẹ tác động tiêu cực. Trong mọi trường hợp, Kế hoạch hành động tái định cư phải miêu tả cách thức được áp dụng để đạt mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Tối thiểu thì Kế hoạch hành động tái định cư phải: (i) xác định mọi người dân bị di dời; (ii) chứng minh là không thể tránh được sự di dời; (iii) miêu tả các nỗ lực được dùng để giảm nhẹ tái định cư; (iv) miêu tả khuôn khổ thể chế; (v) miêu tả quá trình tham vấn và tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ của những người bị ảnh hưởng liên quan tới các phương án tái định cư có thể chấp nhận được, và mức độ tham gia của họ trong quá trình quyết định; (vi) miêu tả quyền lợi đối với mọi đối tượng người dân bị di dời và đánh giá rủi ro đối với các nhóm dễ bị tổn thương được hưởng các quyền lợi khác nhau; (vii) định mức đền bù đối với tài sản bị tổn thất, miêu tả việc đền bù được căn cứ thế nào và chứng minh mức đền bù trên là phù hợp, tức là tối thiểu là bằng chi phí thay thế tài sản bị tổn thất; (viii) cung cấp chi tiết về nơi ở thay thế; (ix) sơ lược kế hoạch phục hồi sinh kế nếu thích hợp; (x) miêu tả hỗ trợ được cung cấp cho việc di dời; (xi) sơ lược trách nhiệm thể chế đối với việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư và quy trình giải quyết khiếu nại; (xii) cung cấp chi tiết về hoạt động giám sát và đánh giá và sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng trong giai đoạn này; và (xiii) cung cấp lịch trình và ngân sách để thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư. Thông tin hướng dẫn chi tiết hơn được miêu tả trong Cẩm nang IFC để chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư. Sơ lược của Kế hoạch hành động tái định cư được nêu trong Phụ lục A.

Hướng dẫn 44. Phải có hỗ trợ di dời cho những người bị di dời vật lý bởi dự án. Sự hỗ trợ có thể bao gồm phương tiện giao thông, thực phẩm, nơi cư trú, và dịch vụ xã hội được cung cấp cho những người bị ảnh hưởng trong thời gian di dời tới địa điểm mới. Phải thiết kế các biện pháp bổ sung, như cung cấp dịch vụ cấp cứu y tế đối với các nhóm dễ bị tổn thương trong thời gian di dời vật lý, cụ thể là phụ nữ mang thai, trẻ em, người lớn tuổi, và người khuyết tật. Sự hỗ trợ có thể bao gồm khoản tiền mặt cho người bị ảnh hưởng để đền bù về sự bất tiện liên quan tới tái định cư và thanh toán phí tổn tái định cư tới địa điểm mới, như chi phí cho những ngày di chuyển và ngày làm việc bị mất.

Hướng dẫn 45. Trong trường hợp những người bị di dời vật lý không có quyền lợi chính thức hoặc theo phong tục đối với đất đai của họ, như được nêu trong khoản 17 (iii), khách hàng có thể cải thiện sự đảm bảo

²¹ Đền bù tài sản bị mất thường trong trường hợp: (i) sinh kế không dựa trên đất; (ii) sinh kế là dựa trên đất nhưng đất cho dự án là một phần nhỏ của tài sản bị ảnh hưởng và phần đất còn lại vẫn có thể sinh lợi, hoặc (iii) có thị trường về đất đai, nhà ở, và lao động tương đối sôi động, người di dời sử dụng thị trường như vậy, và họ có đủ đất và nhà ở.

về quyền sở hữu của họ bằng cách chính thức hóa tư cách sở hữu của họ đối với đất đền bù. Điều này có thể bao gồm hỗ trợ cho những người bị ảnh hưởng của dự án bằng cách đăng ký pháp lý quyền sở hữu, tranh tài phí giao dịch liên quan tới quyền sở hữu, và cung cấp kiến thức và tài nguyên pháp lý để hỗ trợ quá trình đăng ký quyền sở hữu.

Hướng dẫn 46. Kế hoạch hành động tái định cư phải bao gồm biện pháp đảm bảo để hồ sơ về quyền sở hữu hoặc cư trú, như chứng thư sở hữu và thỏa thuận cho thuê, và việc đền bù (bao gồm cả tài khoản ngân hàng được lập ra để thanh toán đền bù) được để tên cả hai vợ chồng hoặc tên phụ nữ độc thân là chủ hộ, tùy theo trường hợp liên quan. Trong trường hợp luật pháp quốc gia và hệ thống quyền sở hữu theo phong tục địa phương không cho phụ nữ có cơ hội hoặc quyền lợi ngang bằng đối với tài sản, phải có điều khoản đảm bảo phụ nữ được tiếp cận quyền sở hữu tương đương với nam giới và không làm phụ nữ bị yếu thế thêm.

Hướng dẫn 47. Để tuân thủ Tiêu chuẩn hoạt động 5, khách hàng phải có trách nhiệm đảm bảo hoàn cảnh của phụ nữ không bị xấu đi do dự án so với thời điểm trước dự án. Khách hàng không bị yêu cầu phải tham gia quá trình xây dựng luật nhưng được khuyến khích quan tâm hơn tới các vấn đề liên quan đến giới khi đàm phán với cơ quan chính phủ và các nhóm khác trong quá trình lập kế hoạch tái định cư, và bằng cách đó khuyến khích sự đối xử công bằng hơn đối với phụ nữ bị ảnh hưởng.

22. Với những người di dời vật lý như quy định của khoản 17 (iii), khách hàng sẽ đưa ra cho họ các tùy chọn về nhà ở với quyền đầy đủ để họ có thể tái định cư hợp pháp mà không phải đối mặt với nguy cơ bị cưỡng chế rời khỏi đó. Trường hợp những người di dời sở hữu và sử dụng kết cấu hạ tầng, khách hàng sẽ bồi thường cho sự mất mát tài sản không phải là đất, chẳng hạn như nhà ở và đầu tư khác trên đất, với toàn bộ chi phí di dời, miễn là những người này sử dụng các khu vực dự án trước ngày cuối cùng để xác minh họ hội đủ điều kiện. Trên cơ sở tham khảo ý kiến với người di dời, khách hàng sẽ hỗ trợ tái định cư đủ cho họ để khôi phục lại mức sống của họ tại địa điểm tái định cư.²²

23. Khách hàng không phải bồi thường hoặc hỗ trợ những người xâm phạm vào khu vực dự án sau ngày cuối cùng để xác minh họ hội đủ điều kiện được đền bù.

24. Các biện pháp cưỡng chế ra khỏi khu đất²³ sẽ không được thực hiện nếu không tuân theo các quy

định về luật pháp và yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Hướng dẫn 48. Những người bị di dời vật lý không có quyền lợi hoặc đòi hỏi được pháp luật công nhận đối với mảnh đất họ đang cư trú (khoản 17 (iii) trên của Tiêu chuẩn hoạt động 5) được quyền hưởng nhà ở phù hợp với quyền sở hữu được bảo đảm. Những đối tượng trên thường nằm trong các nhóm dễ bị tổn thương nhất trong xã hội. Xem thêm miêu tả về nhà ở phù hợp và quyền sở hữu được đảm bảo trong khoản Hướng dẫn 13 – Hướng dẫn 14 ở trên. Các phương án đảm bảo quyền sở hữu phụ thuộc vào luật pháp quốc gia và hệ thống sở hữu, nhưng có thể bao gồm những hình thức sau:

- Quyền sở hữu đối với đất đai do khách hàng sở hữu
- Quyền sở hữu đối với đất đai do chính phủ địa phương hiến tặng
- Quyền sở hữu cộng đồng
- Cơ chế “trả tiền để sở hữu” được cơ quan nhà ở tài trợ
- Hợp đồng thuê dài hạn hoặc thỏa thuận cư trú
- Nhà ở hợp tác xã

Hướng dẫn 49. Nếu thỏa thuận về quyền sở hữu không được xác định rõ trong hệ thống pháp lý hoặc tập quán quốc gia, khách hàng có thể không có phương án lựa chọn nào trong số các phương án trên vì không có hình thức sở hữu và chuyển giao đất đai cần thiết. Trong các trường hợp đó, khách hàng phải nỗ lực di dời những người bị ảnh hưởng tới vùng đất không có nguy cơ bị trục xuất trong tương lai có dự kiến được, và nếu thích hợp, khách hàng nên giám sát tình trạng của những người bị di dời trong khoản thời gian hợp lý.

Hướng dẫn 50. Địa điểm tái định cư phải được lựa chọn theo lợi thế về vị trí để có các dịch vụ cơ bản và cơ hội việc làm và cho phép những người bị di dời cải thiện hoặc ít nhất là phục hồi sinh kế và mức sống. Các phương án trên nên được xây dựng qua sự tham vấn với những người bị di dời để các ưu tiên và lựa chọn của họ được tính đến trong các phương án đó và người bị di dời có thể lựa chọn. Những nhóm dễ bị tổn thương và những người có nguy cơ bị nghèo đi phải được khuyến khích lựa chọn những phương án có mức rủi ro thấp nhất.

²² Việc tái định cư cho những người di dời không chính thức ở các khu đô thị thường phải đánh đổi lợi ích. Ví dụ, gia đình di dời có được quyền hợp pháp với mảnh đất tái định cư thì có thể bắt lợi về địa điểm. Những thay đổi vị trí chỗ ở mà có thể ảnh hưởng đến cơ hội kiếm sống cần được giải quyết theo các nguyên tắc của Tiêu chuẩn hoạt động này (xem cụ thể tại khoản 25).

²³ Được hiểu là việc ép buộc tạm thời hoặc vĩnh viễn các cá nhân, gia đình, và/hoặc cộng đồng ra khỏi nhà/đất mặc dù họ không mong muốn mà không cung cấp hay cho tiếp cận một hình thức bảo hộ pháp lý hay bảo hộ nào khác.

Hướng dẫn 51. Những người không có quyền lợi hoặc đòi hỏi được pháp luật công nhận không được đền bù về đất đai, nhưng phải được đền bù về kết cấu mà họ sở hữu và dùng để cư trú, và được đền bù về mọi sự cải thiện về đất đai với mức chi phí thay thế đầy đủ. Ngoài ra, họ phải được hỗ trợ di dời ở mức đủ để khôi phục mức sống của họ tại nơi sinh sống thay thế thích hợp. Các phương án tái định cư nên được xây dựng qua sự tham vấn với những người bị di dời và phân ánh được các ưu tiên và lựa chọn của họ. Các điều khoản trên được áp dụng cho những người đang cư trú tại khu vực dự án trước ngày hạn cuối cùng.

Hướng dẫn 52. Quá trình xây dựng và nâng cấp các dự án hạ tầng cơ sở trong bối cảnh đô thị thường đòi hỏi phải di dời các cấu trúc nhà ở và thương mại khỏi khu vực mà theo luật pháp phải được giải phóng không có người cư trú, như đường sử dụng chung và đường dây tải điện, hệ đường, công viên, và khu vực nguy hiểm. Các gia đình sinh sống hoặc kinh doanh trong các khu vực trên phải được quyền lựa chọn di dời tới các nơi có thể cư trú hợp pháp. Việc đền bù bằng hiện vật để hỗ trợ sự di dời tới địa điểm mới (mua đất trả góp, cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng hạ tầng cơ sở cơ bản tại địa điểm mới, v.v...) có khả năng dẫn tới các giải pháp lâu dài về nhà ở dễ hơn so với việc đền bù bằng tiền mặt. Đền bù bằng tiền mặt cho cư dân bất hợp pháp thường được dùng để chi tiêu dùng và có thể dẫn đến sự tái định cư không chính thức ở các địa điểm không an toàn khác hoặc tại khu vực công cộng. Việc thiếu cơ hội để di dời tới địa điểm tái định cư thay thế có thể thúc đẩy những người bị di dời tái định cư tại các địa điểm tái định cư không chính thức ở chỗ khác, không làm thay đổi tư cách không chính thức của họ và làm nảy sinh các địa điểm phi pháp tiềm năng ở khu vực mới. Khi thiết kế kế hoạch tái định cư cho cư dân hợp pháp và cư dân không chính thức ở khu vực tư nhân hoặc công cộng, khách hàng nên thận trọng để không khuyến khích về kinh tế đối với người dân bị di dời chiếm cứ khu vực công cộng hoặc nguy hiểm, hoặc xâm chiếm và cư trú đất đai được sở hữu tư nhân hoặc công cộng. Như được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 5, khoản 23 và miêu tả chi tiết trong Hướng dẫn 17 ở trên, khách hàng không phải đền bù hoặc hỗ trợ đối tượng định cư cơ hội xâm lấn khu vực dự án sau ngày cuối cùng.

Hướng dẫn 53. Nếu Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa bị di dời khỏi khu vực được sở hữu tập thể hoặc theo phong tục, khách hàng phải tuân theo quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 7 ngoài các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5 về Kế hoạch hành động tái định cư và/hoặc Kế hoạch phục hồi sinh kế và việc thực hiện các kế hoạch đó. Nếu các thành viên cá

thể của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa có quyền sở hữu pháp lý, hoặc nếu luật pháp quốc gia liên quan công nhận quyền lợi theo phong tục đối với cá nhân thì khách hàng phải áp dụng quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5 hơn là Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Hướng dẫn 54. Sự bất cập về xã hội, như được nêu tại Hướng dẫn 1 ở trên có thể là rủi ro đáng kể đối với nhiều kịch bản tái định cư. Xác định và tôn trọng thể chế xã hội và văn hóa hiện tại; và các mối liên kết giữa những người bị di dời và các thành viên của cộng đồng sở tại thường là yếu tố then chốt của quá trình lập kế hoạch và thực hiện tái định cư thành công, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Các mối liên kết xã hội bị ảnh hưởng bởi sự tái định cư có thể là quan hệ họ hàng, láng giềng, hoặc mối quan hệ đặc thù của làng xóm (ví dụ những người biết và tin tưởng nhau muốn ở lại với nhau); thỏa thuận lãnh đạo (để người dân biết phải đến gặp ai tại khu vực tái định cư); mối liên kết tôn giáo hoặc dân tộc và văn bản.

Hướng dẫn 55. Thuật ngữ “trục xuất cưỡng bức” được định nghĩa bởi Văn phòng cao ủy Liên hợp quốc về Nhân quyền là “sự di dời vĩnh viễn hoặc tạm thời ngược với ý muốn của cá nhân, gia đình và/hoặc cộng đồng ra khỏi nhà ở và/hoặc vùng đất họ cư trú, mà không cung cấp hoặc không cho quyền tiếp cận các hình thức bảo vệ về luật pháp hoặc bảo vệ theo hình thức khác.”^{HD6} Tuy vậy, theo Liên hợp quốc, việc cấm hoặc trục xuất cưỡng bức không được áp dụng cho sự trục xuất bằng vũ lực trong khuôn khổ pháp luật và tuân theo các điều khoản của Công ước quốc tế về nhân quyền.^{HD7} Tiêu chuẩn hoạt động 5 bao gồm nhiều biện pháp bảo vệ cơ bản và có quy trình đối với việc tái định cư không tự nguyện được tiến hành mà không cần dùng tới trục xuất cưỡng bức. Nếu không thể tránh được sự trục xuất như vậy, sự trục xuất nên tuân thủ mọi quy định của tiêu chuẩn hoạt động này. Ngoài ra, Văn phòng cao ủy Liên hợp quốc liệt kê các biện pháp bảo vệ về quy trình như sau: (a) cơ hội tham vấn trước sự với những đối tượng bị ảnh hưởng; thông báo trước một cách thích hợp và hợp lý với mọi cá nhân bị ảnh hưởng trước ngày trục xuất theo hạn định; (c) thông tin về sự trục xuất được đề xuất, và nếu thích hợp thì thông tin về mục đích sử dụng thay thế của vùng đất hoặc nhà ở phải được cung cấp với khoảng thời gian hợp lý tới đối tượng bị ảnh hưởng; (d) đặc biệt nếu có sự liên quan của những nhóm người, quan chức chính phủ hoặc đại diện của họ phải có mặt trong quá trình trục xuất; (e) xác định chuẩn xác những người sẽ tiến hành trục xuất; (f) sự trục xuất sẽ không được tiến hành trong điều kiện thời tiết đặc biệt xấu

^{HD6} Quyền được hưởng nhà ở phù hợp (Điều 11.1): trục xuất cưỡng bức: 05/20/1997. Nhận xét chung CESCR 7, khoản 3, trong văn bản E/1998/22, phụ lục IV.

^{HD7} như trên.

hoặc ban đêm trừ khi người bị ảnh hưởng ưng thuận; (g) cung cấp giải pháp pháp lý; và (h) nếu có thể thì cung cấp sự hỗ trợ về pháp lý cho những người cần sự hỗ trợ để tìm kiếm sự bồi thường qua tòa án. Ngay cả trong các trường hợp như vậy, khách hàng nên tránh tham gia trực tiếp vào các hoạt động trực xuất và nên thận trọng và giám sát sự trực xuất một cách cẩn thận để quản lý rủi ro về uy tín và vận hành liên quan. Sử dụng sự giám sát của bên thứ ba độc lập được khuyến cáo trong các hoàn cảnh như vậy để đảm bảo sự theo dõi độc lập và quản lý rủi ro hiệu quả.

Di dời Kinh tế

25. Trong trường hợp dự án chỉ liên quan đến di dời kinh tế, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch Phục hồi Sinh kế để đền bù cho những đối tượng và cộng đồng bị ảnh hưởng và cung cấp những hỗ trợ cần thiết khác để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Kế hoạch Phục hồi Sinh kế thường thiết lập quyền lợi của những đối tượng và cộng đồng bị ảnh hưởng và đảm bảo họ được hưởng những quyền này một cách công khai, minh bạch, đồng nhất và công bằng. Các biện pháp khắc phục di dời kinh tế được coi là hoàn thành khi các đối tượng và cộng đồng bị ảnh hưởng nhận được tiền đền bù và các hỗ trợ khác theo yêu cầu đặt ra trong Kế hoạch phục hồi sinh kế và Tiêu chuẩn Hoạt động này, và được coi là đã cung cấp cơ hội đầy đủ để thiết lập lại phương thức kiếm sống.

26. Nếu thu hồi đất hay hạn chế sử dụng đất dẫn đến di dời kinh tế như tổn thất về tài sản và/hoặc phương thức kiếm sống, cho dù là đối tượng đó có phải di dời vật lý hay không, khách hàng vẫn cần tuân thủ các yêu cầu ở khoản 27-29 dưới đây khi phục hồi.

27. Bồi thường kịp thời người phải di dời kinh tế cho tài sản mất mát hoặc khả năng tiếp cận các tài sản theo toàn bộ chi phí di dời.

28. Trong trường hợp thu hồi đất ảnh hưởng đến cấu trúc thương mại, bồi thường chủ doanh nghiệp bị ảnh hưởng cho các chi phí tái lập hoạt động thương mại ở những nơi khác, cho thu nhập ròng bị mất trong thời kỳ quá độ, và cho các chi phí của việc di dời và lắp đặt lại nhà máy, máy móc, thiết bị khác.

29. Cung cấp tài sản thay thế (ví dụ, về nông nghiệp hoặc các địa điểm thương mại) có giá trị bằng hoặc lớn hơn, hoặc bồi thường tiền mặt theo toàn bộ chi phí di dời nếu thích hợp, cho những người có quyền lợi hợp pháp hoặc có tuyên bố sử dụng đất được công nhận hay có thể được công nhận theo luật pháp quốc

gia (xem khoản 17 (i) và (ii)).

30. Bồi thường những người di dời kinh tế mà không có tuyên bố quyền sử dụng đất được công nhận một cách hợp pháp (xem khoản 17 (iii)) đối với tài sản bị mất (chẳng hạn như cây trồng, hạ tầng thủy lợi và đầu tư khác vào đất) không phải là đất, cho toàn bộ chi phí di dời. Khách hàng không phải bồi thường hoặc hỗ trợ những kê tài định cư cơ hội mà xâm phạm vào khu vực dự án, sau ngày xác minh tư cách nhận bồi thường cuối cùng.

31. Ngoài khoản đền bù cho tổn thất về tài sản, nếu có, theo yêu cầu của khoản 26, những đối tượng bị di dời có mức thu nhập và phương thức kiếm sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, có thể được cung cấp thêm cơ hội để cải thiện, hoặc ít nhất là phục hồi, phương thức kiếm sống, mức độ sản xuất và mức sống:

32. Đối với những đối tượng mà phương thức kiếm sống dựa vào đất đai, việc cung cấp đất thay thế mà có tiềm năng về năng suất, lợi thế vị trí và các nhân tố khác tương đương cần phải là ưu tiên hàng đầu.

33. Đối với những đối tượng mà phương thức kiếm sống dựa vào nguồn tài nguyên và khi những hạn chế của dự án về quyền tiếp cận như đề cập tại khoản 5, cần triển khai các biện pháp hỗ trợ để họ vẫn được tiếp cận với các nguồn tài nguyên đó hoặc với nguồn tài nguyên thay thế có tiềm năng để kiếm sống và tiếp cận tương đương. Khi phù hợp, quyền lợi và tiền đền bù liên quan đến sử dụng tài nguyên thiên nhiên có thể thuộc về tập thể hơn là của từng cá nhân hay hộ gia đình.

34. Nếu có trường hợp khách hàng không thể cung cấp đất hay nguồn lực tương tự như kể trên, khách hàng có thể cung cấp cơ hội tạo thu nhập thay thế như tín dụng, đào tạo, tiền và cơ hội việc làm. Tuy nhiên nếu chỉ đến bù bằng tiền có thể không đủ để phục hồi sinh kế.

35. Cung cấp hỗ trợ chuyển tiếp cho người di dời kinh tế, theo nhu cầu chính đáng, dựa trên ước tính hợp lý về thời gian cần thiết để khôi phục lại khả năng tạo thu nhập, trình độ sản xuất và mức sống của họ.

Hướng dẫn 56. Kế hoạch phục hồi sinh kế phải xác định mọi tác động ảnh hưởng tới sinh kế nẩy sinh từ việc dự án thu hồi đất hoặc hạn chế quyền sử dụng đất, xác định cá nhân bị ảnh hưởng và cung cấp kế hoạch chi tiết về đền bù và phục hồi sinh kế. Tối thiểu thì Kế hoạch cũng phải cung cấp thông tin sau: (i) giới thiệu về dự án; (ii) tổng kết tác động của dự án; (iii) tổng kết thông tin ban đầu (kỳ gốc) về xã hội; (iv) khuôn khổ quản lý; (v) kết quả của

sự tham gia của các bên liên quan; (vi) tiêu chuẩn về việc đủ điều kiện; (vii) ma trận các quyền lợi; (viii) thời gian biểu thực hiện; (ix) năng lực tổ chức; (x) giám sát, đánh giá, và báo cáo; và (xi) ngân sách và nguồn lực.

Hướng dẫn 57. Sự di dời kinh tế là kết quả của các hoạt động làm gián đoạn hoặc loại bỏ quyền tiếp cận của người dân tới việc làm hoặc tới tài sản sản xuất, dù người bị ảnh hưởng có phải di dời tới địa điểm khác hay không. Nói cách khác, sự di dời kinh tế có thể nảy sinh nếu có hoặc không có sự di dời vật lý. Mặc dù việc dự án thu hồi đất hoặc hạn chế quyền sử dụng đất không nhất thiết kéo theo sự di dời của những người cư trú hoặc sử dụng đất đai, việc đó vẫn có thể ảnh hưởng tới thu nhập, mức sống và sinh kế của những người phụ thuộc vào nguồn tài nguyên nằm trong hoặc xung quanh khu vực đó. Ví dụ một gia đình làm nông có thể mất một phần đất đai cho dự án mà không phải từ bỏ trang trại. Tuy vậy, việc bị mất ngay cả một phần đất đai cũng có thể giảm tổng năng suất của trang trại đó. Rủi ro đó càng lớn hơn đối với một số cư dân sống bằng nông nghiệp có những khu trại diện tích nhỏ và thường bị phân tán trên diện rộng, hoặc khi người dân canh tác không sở hữu những đất đai đó (ví dụ những người chia sẻ hoa màu).

Hướng dẫn 58. Khi có sự di dời kinh tế do thu hồi đất, việc đền bù phải được tiến hành nhanh chóng và nếu có thể thì trước khi xảy ra tác động để giảm thiểu tác động tiêu cực đối với dòng thu nhập của người bị di dời. Trong trường hợp cơ quan có trách nhiệm của chính phủ trả tiền đền bù, khách hàng phải phối hợp với cơ quan đó để thúc đẩy quá trình thanh toán. Nếu không thể thanh toán tiền đền bù nhanh chóng vì chính sách của chính phủ hoặc do tập quán, khách hàng nên nghiên cứu các phương án hỗ trợ tái định cư như có tiền hỗ trợ di chuyển cho người di dời trong thời gian cần để khôi phục thu nhập bị mất.

Hướng dẫn 59. Nếu sự thu hồi đất ảnh hưởng tới các cấu trúc thương mại, chủ sở hữu doanh nghiệp bị ảnh hưởng có quyền được đền bù chi phí tái thiết hoạt động kinh doanh ở địa điểm khác, đền bù thu nhập bị mất trong thời gian di chuyển, và đền bù cho chi phí di chuyển và lắp đặt lại nhà máy, máy móc, hoặc thiết bị khác. Cũng phải hỗ trợ cho nhân viên doanh nghiệp vì mất việc tạm thời.

Hướng dẫn 60. Ngoài ra, việc thu hồi đất có thể hạn chế quyền tiếp cận của cộng đồng đối với tài sản tài nguyên thiên nhiên được sở hữu tập thể như bãi chăn thả, đồng cỏ, đất hoang, và tài nguyên rừng không phải gỗ (là cây thuốc, vật liệu xây dựng và thủ công mỹ nghệ), khu rừng lấy gỗ và củi đốt, hoặc khu vực săn bắt cá ven sông.

Khách hàng có thể đền bù dựa trên đất đai, theo hình thức cung cấp đất thay thế thích hợp, hoặc cấp quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên khác để bù đắp cho việc cộng đồng mất tài nguyên trên. Sự hỗ trợ như vậy có thể được thực hiện bằng hình thức các sáng kiến nâng cao năng suất của những tài nguyên còn lại mà cộng đồng còn được tiếp cận (ví dụ các tập quán quản lý tài nguyên hoặc đầu vào được cải thiện để nâng cao năng suất của cơ sở tài nguyên), đền bù bằng hiện vật hoặc tiền mặt cho tài sản bị mất, hoặc cung cấp quyền tiếp cận nguồn tài nguyên khác để thay thế nguồn tài nguyên bị mất.

Hướng dẫn 61. Trong chú thích 9 của Tiêu chuẩn hoạt động 5, tài sản tài nguyên thiên nhiên liên quan tới khái niệm về dịch vụ môi sinh được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 6. Dịch vụ môi sinh là quyền lợi mà người dân, bao gồm cả doanh nghiệp, được hưởng từ môi trường sinh thái như được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6, khoản 2 và 3, trong đó phần quan trọng nhất được tham chiếu là “dịch vụ duy trì sinh hoạt” - các sản phẩm con người có được từ môi trường sinh thái. Ví dụ về các dịch vụ duy trì sinh hoạt bao gồm hoa màu, động vật nuôi, thủy sản đánh bắt và nuôi thả, thực phẩm hoang dã, sản phẩm gỗ và sợi gỗ, vật liệu sợi khác, nhiên liệu từ khí sinh học, nước ngọt, tài nguyên gen gốc và dược phẩm tự nhiên. Việc mất quyền tiếp cận các dịch vụ trên phải được cân nhắc kỹ lưỡng trong Kế hoạch phục hồi sinh kế, đặc biệt là khi đánh giá tính phù hợp của đất đai thay thế và/hoặc quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên của dân tái định cư.

Hướng dẫn 62. Nếu khả thi, khách hàng nên cho phép cộng đồng địa phương và Người dân bản địa được hưởng quyền tiếp cận trước đó và quyền sử dụng đất đai do khách hàng quản lý. Tuy nhiên, việc sử dụng các quyền trên phụ thuộc vào các biện pháp hợp lý của khách hàng nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho nhân viên theo Tiêu chuẩn hoạt động 2, các biện pháp bảo hộ đối với sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng theo Tiêu chuẩn hoạt động 4, và quy định vận hành hợp lý của khách hàng.

Hướng dẫn 63. Ví dụ người dân du mục có thể có quyền - về pháp lý hoặc theo phong tục - được đi qua đất đai do khách hàng quản lý một cách định kỳ hay theo mùa vụ để thực hiện các hoạt động mưu sinh hoặc truyền thống. Quyền lợi của họ có thể liên quan tới một số tài nguyên thiên nhiên nhất định như ốc đảo hoặc suối nước, đàn động vật di cư hoặc cây cối mọc tự nhiên và chỉ có thể thu hoạch vào một thời điểm nhất định trong năm. Trong khả năng điều tra chi tiết của mình, khách hàng nên xác định liệu người dân du mục có các quyền lợi như vậy hay không, và nếu có thể thì trong

khôn khổ các biện pháp an toàn của mình khách hàng nên cho phép người dân đó được thực hiện các quyền lợi của mình trên đất đai do công ty quản lý.

Hướng dẫn 64. Ngoài ra, nếu khách hàng mua hoặc thuê đất đai có tài nguyên quan trọng đối với sinh kế hoặc sự tồn tại của cộng đồng địa phương (ví dụ nước, gỗ, hoặc cây cối được dùng làm thuốc chữa bệnh tự nhiên), tùy theo các biện pháp bảo hộ nên trên, khách hàng nên có biện pháp để bảo vệ quyền tiếp cận của cộng đồng địa phương tới tài nguyên trên tại vùng đất đó hoặc cung cấp quyền tiếp cận thay thế đối với tài nguyên hoặc dịch vụ môi sinh trên.

Hướng dẫn 65. Trong trường hợp dự án thu hồi đất ảnh hưởng tới sinh kế hoặc thu nhập của những đối tượng không có quyền sở hữu hợp pháp hoặc không có đòi hỏi được công nhận đối với đất đai, những đối tượng trên thường được quyền hưởng một số hỗ trợ, bao gồm đền bù cho tài sản bị thiệt hại và các cấu trúc trên đất đai đó, cũng như sự hỗ trợ theo dõi tượng và hỗ trợ trong giai đoạn chuyển giao. Đặc điểm và mức độ hỗ trợ phụ thuộc một phần vào việc sinh kế của họ dựa trên đất đai, tiến công hoặc kinh doanh (xem hướng dẫn ở khoản Hướng dẫn 12 ở trên). Việc đền bù gắn liền với đất đai trong các trường hợp trên không nhất thiết có nghĩa là quyền sở hữu đất đai, mà có thể bao gồm quyền tiếp tục được tiếp cận đất đai theo thỏa thuận sở hữu tương tự để đảm bảo những người bị ảnh hưởng có thể duy trì sinh kế dựa trên đất đai của họ. Cần phải điều chỉnh sự đền bù và phương án sở hữu để phù hợp với nhu cầu những người bị di dời. Trong trường hợp việc thu hồi đất không gây ra tổn thất về sinh kế hoặc thu nhập, khách hàng sẽ thực hiện đền bù công bằng đối với đất đai thu hồi và tài sản bị tổn thất trên đất đó nếu thích hợp và theo giá trị thay thế của tài sản đó.

Hướng dẫn 66. Phải lưu ý đặc biệt tới những người dễ bị tổn thương và/hoặc bị yếu thế bị di dời về kinh tế vì các nhóm trên thường ít có khả năng phục hồi hơn khi phải gánh chịu sự thay đổi và có thể bị tổn thương hơn bởi tác động của dự án. Các nhóm trên có thể bao gồm các hộ gia đình do phụ nữ hoặc trẻ em làm chủ, người khuyết tật, người bản cùng, người cao tuổi và nhóm chịu sự phân biệt đối xử về xã hội và kinh tế, bao gồm Người dân bản địa và thiểu số. Thành viên các nhóm dễ bị tổn thương có thể cần được hỗ trợ tái định cư bổ sung vì họ ít có khả năng thích nghi hơn với việc di dời so với nhóm xã hội chủ đạo. Ví dụ nông dân cao tuổi có thể không dọn sạch được cánh đồng thay thế, khoảng cách từ nhà tới cánh đồng nông nghiệp lớn hơn có thể có nghĩa là nông dân khuyết tật không đi bộ được quãng đường xa hơn. Cộng đồng bản địa có

thể gắn bó hơn với vùng đất theo phong tục của họ, tài nguyên thiên nhiên và/hoặc đặc điểm vật lý độc đáo của khu vực bị ảnh hưởng hơn các nhóm khác. Các gói đền bù và khôi phục đối với người dễ bị tổn thương phải bao gồm các hình thức hỗ trợ bổ sung, và phải ưu tiên những phương án giảm nhẹ có mức rủi ro thấp hơn nếu có thể, tức là đền bù bằng hiện vật hơn là bằng tiền mặt. Tập quán tốt là khi việc xác định hộ gia đình và cá nhân dễ bị tổn thương được giao cho hoặc ít nhất được xác nhận bởi lãnh đạo cộng đồng, các tổ chức cộng đồng (CBO, ví dụ nhóm đi lễ nhà thờ) và/hoặc tổ chức phi chính phủ (NGO), là những đối tượng có thể có kiến thức đáng tin cậy hơn về thực tế kinh tế - xã hội địa phương hoặc có thể cung cấp bối cảnh địa phương quan trọng để bổ sung cho kết quả nghiên cứu theo khuôn mẫu tiêu chuẩn do tư vấn bên ngoài thực hiện.

Hướng dẫn 67. Trong trường hợp Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa bị di dời về vật lý hoặc kinh tế bởi việc thu hồi đất đai, ngoài việc tuân thủ quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5, khách hàng nên tuân thủ quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 7 trong Kế hoạch hành động tái định cư và/hoặc Kế hoạch phụ hồi sinh kế và trong quá trình thực hiện. Trong một số trường hợp nhất định, điều này có nghĩa là bao gồm việc đạt được sự Đồng thuận tự nguyện, từ trước và trên cơ sở thông tin đầy đủ (FPIC) của Người dân bản địa trước khi việc di dời được thực hiện. Các trường hợp cần có FPIC được miêu tả trong khoản 13 tới 22 của Tiêu chuẩn hoạt động 7.

Trách nhiệm của khu vực tư nhân trong Tái định cư do Chính phủ quản lý

36. Trường hợp thu hồi đất và tái định cư là trách nhiệm của chính quyền sở tại, khách hàng sẽ phối hợp với các cơ quan chính phủ có trách nhiệm, trong phạm vi cho phép của các cơ quan đó, để đạt được kết quả phù hợp với các mục tiêu của Tiêu chuẩn Hoạt động này. Ngoài ra, khi khả năng của chính phủ là có giới hạn, khách hàng sẽ đóng một vai trò tích cực trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện và giám sát tái định cư, như mô tả dưới đây.

37. Trong trường hợp mua lại quyền sử dụng đất thông qua tước đoạt quyền sở hữu hoặc tái định cư thông qua thương lượng liên quan đến di dời vật lý, khách hàng sẽ xác định và mô tả²⁴ các biện pháp tái định cư của chính phủ. Nếu các biện pháp này không đáp ứng được những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động

²⁴ Tài liệu của chính phủ, khi có, được sử dụng để xác định các biện pháp này.

này, khách hàng sẽ xây dựng Kế hoạch tái định cư bổ sung, cùng với các tài liệu chuẩn bị của cơ quan chính phủ có trách nhiệm, giải quyết các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Hoạt động này (Các Yêu cầu Chung, và các yêu cầu đối với di dời Vật lý và Kinh tế nêu trên). Khách hàng có thể cần phải đưa vào kế hoạch bổ sung của mình: (i) đối tượng di dời và tác động; (ii) mô tả các hoạt động theo quy định, bao gồm quyền lợi của người di dời theo quy định của pháp luật hiện hành; (iii) các biện pháp bổ sung để thực hiện các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này được đề cập trong khoản 19-29 mà được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lịch trình thực hiện cho phép; và (iv) trách nhiệm tài chính và thực hiện của khách hàng đối với kế hoạch bổ sung này.

38. Trong trường hợp chỉ liên quan đến việc di dời về kinh tế, khách hàng sẽ xác định và mô tả các biện pháp mà đại diện có trách nhiệm của chính phủ có kế hoạch sử dụng để đền bù cho những người và cộng đồng bị ảnh hưởng. Nếu các biện pháp này không đáp ứng các yêu cầu liên quan của Tiêu chuẩn Hoạt động này, khách hàng sẽ xây dựng một Kế hoạch hành động Môi trường và Xã hội để bổ sung các biện pháp của chính phủ. Kế hoạch này có thể có phần đền bù bổ sung cho tổn thất về tài sản và các nỗ lực khác để phục hồi sinh kế khi phù hợp.

Hướng dẫn 68. Chính phủ sở tại thường có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện việc di dời vật lý và kinh tế, tiến hành thu hồi đất, thanh toán đền bù và tái định cư để chuẩn bị cho dự án khu vực tư nhân hoặc cho dự án mà chính phủ đầu tư trực tiếp. Kết quả của các hoạt động này phải nhất quán với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Trong các trường hợp đó, khách hàng phải có vai trò tích cực trong việc chuẩn bị, thực hiện và giám sát quá trình và phải phối hợp với các cơ quan chính phủ liên quan trong các khía cạnh có thể được thực hiện hiệu quả hơn bởi khách hàng hoặc các cơ quan khác như tổ chức tư vấn hoặc xã hội dân sự. Việc khách hàng có được phép đóng vai trò tích cực hay không phụ thuộc một phần vào luật pháp quốc gia được áp dụng, các quá trình tư pháp và hành chính và thông lệ của cơ quan chính phủ có trách nhiệm. Một số nước có hệ thống luật pháp hướng dẫn về quá trình tái định cư, mặc dù hệ thống này có thể không đáp ứng được toàn bộ các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này. Các cơ quan chính phủ tuân theo quy định luật pháp quốc gia, trong khi khách hàng phải đảm bảo việc tái định cư được tiến hành thay mặt khách hàng phải đáp ứng được mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khách hàng phải đánh giá khả năng hợp tác của mình với cơ quan chính phủ liên quan và thỏa thuận về kết quả chính cần đạt được để đảm bảo phù

hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 5. Nếu khách hàng xác định được là kết quả của quá trình tái định cư do chính phủ tiến hành có thể sẽ không đáp ứng được quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5, và khách hàng không đủ khả năng hoặc không được phép bổ sung những chỗ thiếu để đáp ứng những quy định đó, nên cân nhắc để không triển khai dự án.

Hướng dẫn 69. Vì quá trình tái định cư do chính phủ tiến hành có thể liên quan tới sự tước đoạt kéo dài và tiến đến bù thấp và đem lại nguy cơ bị nghèo hóa do tác động tới nguồn thu nhập hoặc sinh kế của hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng, khách hàng nên đánh giá sự tước đoạt để đảm bảo tuân thủ Tiêu chuẩn hoạt động 5.

Hướng dẫn 70. Trong một số hoàn cảnh nhất định, cơ quan chính phủ hoặc cơ quan khác có thể cung cấp cho khách hàng địa điểm dự án không có người cư trú, không bị vướng vào đòi hỏi nào trong hiện tại, những người cư trú hoặc sử dụng trước đó đã được di dời. Nếu việc di dời khỏi địa điểm được thực hiện để dời chờ dự án nhưng không xảy ra ngay trước khi triển khai dự án, khách hàng nên quyết định xem những đối tượng bị tái định cư đã được đền bù một cách phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5 chưa, và nếu chưa thì có biện pháp điều chỉnh nào khả thi để giải quyết vấn đề. Trong hoàn cảnh như vậy, nên cân nhắc các yếu tố sau: (i) thời gian của giai đoạn can thiệp từ lúc thu hồi đất tới lúc triển khai dự án; (ii) quá trình tái định cư được tiến hành theo quy trình, quy định luật pháp và bằng các hoạt động nào; (iii) số lượng người bị ảnh hưởng và mức độ tác động của thu hồi đất; (iv) quan hệ giữa bên khởi xướng việc thu hồi đất và khách hàng; và (v) tình trạng và địa điểm hiện tại của những người bị ảnh hưởng. Nếu biện pháp điều chỉnh là khả thi và có thể cải thiện mức sống của những người bị di dời, khách hàng nên tiến hành biện pháp điều chỉnh trước khi triển khai dự án.

Hướng dẫn 71. Nếu tái định cư là do chính phủ thực hiện, khách hàng nên phối hợp với các cơ quan hữu quan để xây dựng biện pháp xác định và cung cấp đền bù phù hợp đối với những người bị ảnh hưởng trong Khuôn khổ hoặc Kế hoạch hành động tái định cư. Nếu luật pháp hoặc chính sách quốc gia không quy định đền bù chi phí thay thế đầy đủ, hoặc nếu có khoảng trống giữa luật pháp hoặc chính sách quốc gia và quy định đối với người bị di dời của Tiêu chuẩn hoạt động 5, khách hàng nên có biện pháp thay thế để đạt được kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Các biện pháp trên có thể dao động từ việc thanh toán hoặc hỗ trợ để thanh toán trợ cấp bổ sung bằng tiền mặt hoặc hiện vật, đến việc bố trí các dịch vụ hỗ trợ riêng. Các

khoảng trống và biện pháp trên phải được giải quyết trong Kế hoạch hành động bổ sung.

Hướng dẫn 72. Khách hàng nên phối hợp với cơ quan chính phủ địa phương để phân phối tiền đến bù. Những đối tượng đủ điều kiện được đến bù phải được thông báo trước về ngày giờ, thời gian và địa điểm thanh toán thông qua việc công bố rộng rãi. Hóa đơn phải được những người nhận trợ cấp đến bù ký nhận và lưu lại để kiểm toán. Trong trường hợp có vấn đề về trình độ đọc viết, phải xác định quy trình thông tin và ký nhận thay thế được chấp nhận về mặt văn hóa (ví dụ điểm chỉ bằng ngón tay). Thanh toán tiền đến bù và hỗ trợ tái định cư phải được giám sát và thẩm tra bởi đại diện của khách hàng và đại diện của Cộng đồng bị ảnh hưởng, và thường có thể bao gồm CBO. Khách hàng và cơ quan chính phủ có thể nhờ đến dịch vụ của công ty kiểm toán được đăng ký để giám sát thanh toán đến bù.

Hướng dẫn 73. Nếu cơ quan chính phủ có trách nhiệm tạo cơ hội cho khách hàng tham gia việc giám sát những người bị ảnh hưởng, khách hàng nên thiết kế và thực

hiện chương trình giám sát và đặc biệt lưu ý tới những đối tượng nghèo và dễ bị tổn thương để giám sát mức sống của họ và hiệu quả của việc đến bù tái định cư, hỗ trợ và phục hồi sinh kế. Vì việc tái định cư có thể tạo áp lực với cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng, nên tái định cư có thể có hậu quả khác nhau theo giới về dinh dưỡng và tình trạng sức khỏe, cụ thể là đối với trẻ em. Khách hàng và cơ quan có trách nhiệm phải thỏa thuận để phân bổ trách nhiệm về kiểm toán hoàn thành và các biện pháp điều chỉnh. Nếu khách hàng không được giám sát một cách thích hợp quá trình triển khai Kế hoạch tái định cư và có thể có rủi ro và Kế hoạch sẽ không được giám sát theo quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5, khách hàng có thể quyết định không triển khai dự án.

Hướng dẫn 74. Mặc dù cơ quan chính phủ thường được quyền lãnh đạo các hoạt động tái định cư, kinh nghiệm cho thấy thường có cơ hội để khách hàng gây ảnh hưởng tới hoặc bổ sung cho khâu lập kế hoạch, thực hiện và giám sát quá trình tái định cư do chính phủ tiến hành nhằm đạt được kết quả phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 5.

Phụ lục A

Đề cương Kế hoạch hành động tái định cư

Miêu tả dự án: Miêu tả chung về dự án và xác định khu vực dự án.

Tác động tiềm năng: Xác định:

Cấu phần hoặc các hoạt động của dự án dẫn tới tái định cư;

Khu vực tác động của cấu phần hoặc hoạt động dự án; Các phương án thay thế được cân nhắc nhằm phòng tránh hoặc giảm thiểu tái định cư;

Cơ chế được xây dựng để giảm thiểu tái định cư trong quá trình triển khai dự án, với chừng mực có thể.

Mục tiêu và các nghiên cứu được tiến hành: Mục tiêu cơ bản của chương trình tái định cư và tổng hợp các nghiên cứu được tiến hành để hỗ trợ quá trình lập kế hoạch/triển khai tái định cư, ví dụ nghiên cứu thăm dò sự đồng thuận, nghiên cứu kinh tế - xã hội, các buổi gặp gỡ, nghiên cứu lựa chọn địa điểm, v.v.....

Khuôn khổ pháp lý: Các điều luật liên quan của nước sở tại, chính sách và quy trình của khách hàng, tiêu chuẩn hoạt động.

Khuôn khổ thể chế: Cơ cấu chính trị, NGO (tổ chức phi chính phủ).

Sự tham gia của các bên liên quan: Tổng hợp quá trình tham vấn và công bố thông tin cho công chúng liên quan tới việc lập kế hoạch tái định cư, bao gồm sự tham gia của các hộ gia đình bị ảnh hưởng, cơ quan trung ương và/hoặc địa phương, CBO và NGO liên quan và các bên liên quan khác được xác định, bao gồm cả cộng đồng sở tại. Phần này tối thiểu phải bao gồm danh sách các bên liên quan được xác định, quy trình được tuân thủ (gặp gỡ, nhóm nghiên cứu theo đối tượng, v.v...), các vấn đề được nêu, thông tin phản hồi, các khiếu nại đáng kể (nếu có) và kế hoạch cho sự tham gia tiếp diễn thông qua quá trình triển khai tái định cư.

Đặc điểm kinh tế - xã hội: Kết quả của nghiên cứu kinh tế xã hội được tiến hành trong giai đoạn đầu khi chuẩn bị cho dự án và với sự tham gia của những người có khả năng bị di dời, bao gồm cả điều tra về các hộ gia đình và thăm dò sự đồng thuận, thông tin về các nhóm dễ bị tổn thương, thông tin về sinh kế và mức sống, quyền sở hữu đất và hệ thống chuyển giao, sử dụng tài nguyên thiên

nhiên, mô hình giao lưu xã hội, dịch vụ xã hội và cơ sở hạ tầng công cộng.

Đủ điều kiện: Định nghĩa về những người bị di dời và tiêu chí xác định đối tượng được hưởng đền bù và sự hỗ trợ tái định cư khác, bao gồm cả ngày cuối cùng liên quan.

Đánh giá và đền bù thiệt hại: Phương pháp luận được dùng để đánh giá thiệt hại và xác định giá trị thay thế; miêu tả loại hình và cấp độ đền bù theo luật pháp địa phương và các biện pháp bổ sung cần thiết để đạt được giá trị thay thế đối với tài sản bị thiệt hại.

Cấp độ di dời: Tổng hợp số lượng các cá nhân, hộ gia đình, kết cấu, công trình công cộng, doanh nghiệp, đất hoa màu, nhà thờ, v.v.... bị ảnh hưởng.

Khuôn khổ quyền lợi: Phân loại những người bị ảnh hưởng và nêu rõ những đối tượng đó có phương án lựa chọn nào, tốt nhất là được tổng hợp dưới dạng bảng biểu.

Biện pháp phục hồi sinh kế: Các biện pháp khác nhau được dùng để cải thiện hoặc phục hồi sinh kế của những người bị di dời.

Địa điểm tái định cư: Bao gồm lựa chọn địa điểm, chuẩn bị mặt bằng, và di dời, nghiên cứu các địa điểm di dời khác và giải trình về những địa điểm được lựa chọn, tác động đối với cộng đồng sở tại.

Nhà ở, hạ tầng cơ sở, và dịch vụ xã hội: Kế hoạch để cung cấp (hoặc tài trợ việc cung cấp cho đối tượng tái định cư) nhà ở, hạ tầng cơ sở (ví dụ nước, đường nhánh), và dịch vụ xã hội (ví dụ trường học, chăm sóc y tế); kế hoạch đảm bảo dịch vụ ở mức tương đương cho cộng đồng sở tại; sự phát triển khu vực liên quan, bản vẽ kỹ thuật và kiến trúc của cơ sở vật chất.

Quy trình khiếu nại: Quy trình có khả năng tiếp cận và duy trì để bên thứ ba xử lý tranh chấp nảy sinh từ tái định cư; cơ chế khiếu nại trên phải tính đến các giải pháp tư pháp và cơ chế giải quyết tranh chấp của cộng đồng và theo truyền thống.

Trách nhiệm tổ chức: Khuôn khổ tổ chức để triển khai tái định cư, bao gồm việc xác định các cơ quan có trách nhiệm đối với việc thực hiện biện pháp tái định cư và cung cấp dịch vụ; biện pháp đảm bảo sự

phối hợp cần thiết giữa các cơ quan và quy định liên quan tới việc triển khai; và mọi biện pháp (bao gồm hỗ trợ kỹ thuật) cần để củng cố năng lực của cơ quan triển khai trong việc thiết kế và thực hiện hoạt động tái định cư; điều khoản chuyển giao trách nhiệm cho cơ quan địa phương hoặc bản thân đối tượng tái định cư về việc vận hành cơ sở vật chất và dịch vụ được cung cấp trong khuôn khổ dự án và chuyển giao trách nhiệm khác từ phía cơ quan thực hiện tái định cư, nếu phù hợp.

Lịch trình thực hiện: Lịch trình thực hiện liệt kê mọi hoạt động tái định cư từ việc chuẩn bị cho đến triển khai, bao gồm thời hạn để ra để đạt được lợi ích được trông đợi đối với đối tượng tái định cư và sở tại, và thực hiện các hình thức hỗ trợ khác nhau. Lịch trình nên cho thấy các hoạt động tái định cư được kết nối thế nào với quá trình triển khai của toàn bộ dự án.

Phụ lục B

Mục lục kiểm toán kết thúc

Tóm tắt: Tóm tắt ngắn gọn quá trình tái định cư diễn ra tới thời điểm đó, nhu cầu đối với tái định cư tiếp diễn, mức độ di dời, các hoạt động được triển khai, khiếu nại và các vấn đề chính được giải quyết, quá trình giám sát và đánh giá còn tồn đọng và tiếp diễn và khuyến nghị chính.

Thông tin bối cảnh: Miêu tả sơ bộ về quá trình giám sát tới thời điểm đó đối với dự án và cộng đồng bị ảnh hưởng, mức độ di dời, tác động tái định cư và sinh kế chính, khuôn khổ pháp lý, tiêu chí đủ tiêu chuẩn và khuôn khổ quyền lợi, thời gian thực hiện các cấu phần di dời vật lý và kinh tế, hoạt động tái định cư và/hoặc phục hồi sinh kế và đền bù và các vấn đề hoặc khiếu nại lớn hoặc tồn đọng.

Mục tiêu đánh giá: Sơ lược mục tiêu chính của kế hoạch tái định cư và/hoặc phục hồi sinh kế và tổng hợp các nghiên cứu và hoạt động được thực hiện để hỗ trợ tái định cư và phục hồi sinh kế (tham vấn sơ bộ và tiếp diễn, lập bản đồ các bên liên quan và thăm dò sự đồng thuận, điều tra tài sản, nghiên cứu kỹ gốc rễ kinh tế - xã hội, gặp gỡ lập kế hoạch cho sự tham gia của các bên, nghiên cứu lựa chọn địa điểm, cơ cấu tổ chức để triển khai), và đánh giá quá trình và thăm định kết quả (bao gồm giám sát tham gia và phương pháp luận đánh giá

Chi phí và ngân sách: Bảng biểu liệt kê dự trù chi phí đối với mọi hoạt động tái định cư, bao gồm trợ cấp về lạm phát, tăng trưởng dân số, và dự trù khác; thời gian chi trả; nguồn vốn, đảm bảo dòng vốn kịp thời, và tài trợ cho tái định cư tại khu vực bên ngoài sự kiểm soát của cơ quan thực hiện, nếu có.

Giám sát, đánh giá và báo cáo: Bố trí giám sát hoạt động tái định cư của cơ quan thực hiện, bổ sung giám sát độc lập để đảm bảo có thông tin đầy đủ và khách quan; tiêu chí giám sát hoạt động để đánh giá đầu vào, đầu ra và kết quả của hoạt động tái định cư, sự tham gia của những người bị di dời trong quá trình giám sát, đánh giá tác động của tái định cư trong khoảng thời gian hợp lý sau khi hoàn thành tái định cư và các hoạt động phát triển liên quan; sử dụng kết quả giám sát tái định cư để làm hướng dẫn trong việc triển khai sau đó.

được sử dụng)

Kết quả chính: Các vấn đề cần được cân nhắc có thể bao gồm, trong số các vấn đề khác:

Mức độ thông tin và tham vấn công chúng trước khi thu hồi đất, và mức độ thích hợp của quá trình tham vấn tiếp diễn

Loại hình đền bù được cung cấp và mức độ phù hợp của đền bù (ví dụ có đủ để bù chi phí thay thế đối với tài sản thiệt hại, điều kiện nhà ở, đền bù/quyền lợi, biện pháp phục hồi thu nhập và sinh kế bền vững).

Mức độ tham gia của những người bị ảnh hưởng trong quá trình quyết định liên quan tới mức đền bù, địa điểm của nơi tái định cư mới và phương án lựa chọn phục hồi sinh kế

Mức độ phù hợp của nhà ở thay thế về kết cấu vật lý, địa điểm, và quyền tiếp cận nguồn lực và dịch vụ (ví dụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nước và vệ sinh, giao thông, an ninh xã hội và y tế, đất đai nông nghiệp và chăn thả, cơ hội việc làm và đào tạo và sáng kiến phát triển cộng đồng);

- Hiệu quả của biện pháp phục hồi sinh kế

- Hội nhập vào cộng đồng sở tại
- Tác động đối với tài sản văn hóa
- Biện pháp được áp dụng để bảo vệ cá nhân và nhóm dễ bị tổn thương (bị ảnh hưởng)
- Mức độ phù hợp của quá trình giải quyết khiếu nại và kết quả
- Quá trình và kết quả giám sát và đánh giá

Kết luận và khuyến nghị/Hoạt động điều chỉnh: Tổng hợp tóm tắt kết luận và khuyến nghị, đối với chỗ còn thiếu hoặc vấn đề tồn đọng, xác định Kế hoạch hành động điều chỉnh với Hoạt động chính theo lịch trình thời gian, Nguồn nhân lực được dành cho việc đó, đề xuất Thời gian biểu hoàn thành và Ngân sách.

Tài liệu tham khảo

Cernea, Michael M. 1997. “Rủi ro và mô hình xây dựng lại cho người dân di dời tái định cư.” *Tổ chức nghiên cứu Phát triển Thế giới* 25 (10): 1569-87.

Năm 2000. “Rủi ro, bảo vệ, và Tái thiết: Một mô hình về giải toả người dân và tái định cư.” Trong cuốn sách *Rủi ro và xây dựng lại: Kinh nghiệm của người dân tái định cư* và cuốn sách: người tị nạn, thay đổi nội dung bởi Michael M. Cernea và Chris McDowell, 11-55. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới.

GRI (Sáng kiến báo cáo toàn cầu) và IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). Đưa giới tính vào Báo cáo phát triển bền vững: Hướng dẫn thực hành. Amsterdam: GRI, Washington, DC: IFC. Cuốn sách 77 trang mô tả vai trò của giới tính và các quyền khác nhau tại các quốc gia khác nhau. Xem thêm cơ sở dữ liệu về Phụ nữ, Kinh doanh và Luật tại trang web <http://wbl.worldbank.org/> và tìm hiểu thêm về các chủ đề này.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). Năm 2001. *Sổ tay cho việc chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư*. Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_RAP. Cuốn sách với 100 trang cung cấp các bước hướng dẫn chi tiết thông qua quá trình lập kế hoạch tái định cư và bao gồm các công cụ thiết thực như danh sách kiểm tra thực hiện, biên bản điều tra mẫu, và các khuôn khổ giám sát. Cuốn sách cũng cung cấp hướng dẫn chi tiết về các cơ hội để nhận được những lợi ích phát triển phù hợp từ dự án.

Năm 2007. *Cam kết của các bên liên quan: Sổ tay hướng dẫn thực tiễn tốt cho các công ty kinh doanh tại thị trường mới nổi*. Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_StakeholderEngagement. Cuốn sách với 201 trang giải thích những cách tiếp cận mới và các hình thức tham gia với cộng đồng địa phương, bao gồm cả hướng dẫn về cơ chế khiếu nại và sự tham gia của phụ nữ.

2009. “Giải quyết khiếu nại từ những cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án: Hướng dẫn xây dựng cơ chế khiếu nại cho các dự án và doanh nghiệp”. Lưu ý về Thực tiễn tốt số 7, IFC, Washington, DC. [http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/AttachmentsByTitle/p_GrievanceMechanisms/\\$FILE/IFC+Grievance+Mechanisms.pdf](http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/AttachmentsByTitle/p_GrievanceMechanisms/$FILE/IFC+Grievance+Mechanisms.pdf).

UN-HABITAT (Chương trình Liên Hiệp Quốc về ổn định chỗ

ở cho người dân). Năm 2003. *Sổ tay về thực tiễn tốt nhất, bảo vệ việc chiếm hữu và tiếp cận đất đai*. Nairobi: UN-HABITAT. <http://www.unhabitat.org/list.asp?typeid=15&catid=24>. Cuốn sách 117 trang này xác định những đổi mới gần đây ở cấp độ toàn cầu trong lĩnh vực quản lý đất đai, và các xu hướng chiếm hữu đất đai.

Năm 2004. *Chiến dịch toàn cầu về bảo vệ việc chiếm hữu: công cụ Vận động việc cung cấp nơi cư trú đầy đủ cho người nghèo tại các đô thị*. Nairobi: UN-HABITAT. <http://www.unhabitat.org/list.asp?typeid=15&catid=24>. Cuốn sách 80 trang cung cấp khung làm việc nhằm cải thiện các điều kiện sống và làm việc của người dân trong các khu nhà ổ chuột và khu định cư trên toàn thế giới.

2005a. *Quyền của người dân bản địa để có nơi cư trú đầy đủ: Tổng quan toàn thế giới*. Nairobi: UN-HABITAT. <http://www.unhabitat.org/list.asp?typeid=15&catid=24>. Cuốn sách với 219 trang bao gồm một bộ tài liệu tổng hợp các khuyến nghị về cải thiện điều kiện nhà ở và sinh hoạt của người dân bản địa, và kêu gọi sự quan tâm hơn nữa cho các quyền then chốt này của người dân.

2005b. *Những lựa chọn cho phụ nữ về chia sẻ chiếm hữu*. Nairobi: UN-HABITAT. <http://www.unhabitat.org/pmss/listItemDetails.aspx?publicationID=2304>.

OHCHR (Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hiệp Quốc). Năm 1997. *Quyền có nơi cư trú đầy đủ (Điều 11.1): cưỡng chế giải toả: 05/20/1997*. Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội, và Văn hóa, Diễn giải tổng quát số 7, khổ 3, có trong tài liệu E/1998/22, phụ lục IV. Geneva: OHCHR. <http://www.unhchr.ch/tbs/doc.nsf/0/959f71e476284596802564c3005d8d50?OpenDocument>.

Năm 1998. “Hướng dẫn chung về di tản nội bộ” Báo cáo của Francis M. Deng, đại diện của Tổng thư ký, tháng 2 năm 1998, E / CN. Geneva: OHCHR.

Năm 2007. “Các nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản về di tản và cưỡng chế di dời dựa trên cơ sở phát triển.” Phụ lục 1 trong báo cáo của Miloon Kothari, báo cáo viên đặc biệt về nơi cư trú đầy đủ, và là một phần của tiêu chuẩn sống đầy đủ, ngày 11 Tháng 6 năm 2007, A/HRC/4/18. Geneva: OHCHR. http://www2.ohchr.org/english/issues/housing/docs/guidelines_en.pdf.

2001. Sách hướng dẫn hoạt động. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới <http://go.worldbank.org/GM0OEIY580>. Xem trong phần OP đặc biệt số 4.12 - tái định cư không tự nguyện, chú giải số 18. Chú giải này giải thích các nguyên tắc chung sẽ áp dụng nếu diện tích đất đai bị lấy chiếm hơn 20% tổng diện tích sản xuất.

Năm 2004. Sách về Tái định cư không tự nguyện: Kế hoạch và thực hiện trong các dự án phát triển. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. http://publications.worldbank.org/e-commerce/catalog/product?item_id=2444882. Cuốn sách 468 trang hướng dẫn về việc sắp xếp, thực hiện, giám sát việc tái định cư; và thảo luận về vấn đề tái định cư đặc biệt cho các dự án phát triển thuộc các lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn

như phát triển đô thị, quản lý tài nguyên thiên nhiên, và xây dựng đập nước.

Ngân hàng Thế giới. Năm 2008. Thiết kế: Những gợi ý cho hoạt động của Ngân hàng. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. http://siteresources.worldbank.org/DISABILITY/Resources/Universal_Design.pdf. Nhà ở hoặc nơi cư trú mới, khi thích hợp, nên tuân theo khái niệm về thiết kế phổ thông và cần phải loại bỏ các rào cản vật lý ngăn chặn người khuyết tật (bao gồm cả người cao tuổi, người ốm tạm thời, và trẻ em) tham gia đầy đủ đời sống xã hội và kinh tế như Ngân hàng Thế giới đã khảo sát tỉ mỉ và công bố.

Hướng dẫn 6

Bảo tồn đa dạng sinh học và Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững

Hướng dẫn 6 liên quan đến Tiêu chuẩn hoạt động 6. Để nghị tham chiếu thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 – 5 và 7 – 8, cũng như các Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 6 thừa nhận rằng bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì các dịch vụ của hệ sinh thái và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững là vấn đề quan trọng của phát triển bền vững. Những yêu cầu đặt ra trong Tiêu chuẩn hoạt động này chủ yếu dựa vào Công ước về Đa dạng Sinh học, trong đó đa dạng sinh học được định nghĩa là sự đa dạng của sự sống trong mọi hình thức, bao gồm giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi, bao gồm: các hệ sinh thái trên cạn, sinh thái đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần trong đó; đa dạng sinh học có thể gồm cả đa dạng trong cùng một loài, giữa các loài và của các hệ sinh thái.

2. Các dịch vụ của hệ sinh thái là những lợi ích mà con người, kể cả doanh nghiệp, có được từ hệ sinh thái. Dịch vụ hệ sinh thái được chia làm bốn loại: (i) dịch vụ cung cấp, là những sản phẩm con người có được từ hệ sinh thái; (ii) dịch vụ điều hành, là những lợi ích con người có được từ những quy định về quy trình của hệ sinh thái; (iii) dịch vụ văn hóa, là những lợi ích phi vật chất con người có được từ hệ sinh thái; và (iv) dịch vụ hỗ trợ, là những quy trình tự nhiên để duy trì các dịch vụ khác.¹

3. Các dịch vụ của hệ sinh thái mà con người cần thường được củng cố bởi đa dạng sinh học. Tác động lên đa dạng sinh học do đó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung ứng các dịch vụ của hệ sinh thái. Tiêu

chuẩn hoạt động này sẽ phản ánh cách thức khách hàng có thể quản lý và khắc phục các tác động đến đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái một cách bền vững trong suốt vòng đời dự án.

Hướng dẫn 1. Các quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và sự diễn giải quy định đó trong Hướng dẫn này tuân theo Công ước về đa dạng sinh học (CBD), bao gồm cả Kế hoạch chiến lược CBD về đa dạng sinh học 2011 – 2020 và Mục tiêu đa dạng sinh học Aichi.^{HD1} Như được nhấn mạnh trong Chương trình đa dạng sinh học cho phát triển của CBD, mất đa dạng sinh học có thể dẫn tới sự giảm sút nghiêm trọng về các hàng hóa và dịch vụ do hệ sinh thái trái đất cung cấp, và mọi yếu tố đó đóng góp vào sự thịnh vượng kinh tế và phát triển con người. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nước đang phát triển vì ở các nước đó sinh kế chủ yếu được dựa trên tài nguyên thiên nhiên.

Hướng dẫn 2. Định nghĩa về dịch vụ của hệ sinh thái được nêu trong khoản 2 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 xuất phát từ báo cáo Đánh giá hệ sinh thái thiên nhiên kỹ.^{HD2} Bốn loại hình dịch vụ hệ sinh thái (cung cấp, điều hành, văn hóa và hỗ trợ) đều được ghi nhận trong Tiêu chuẩn hoạt động này. Tiêu chuẩn hoạt động 6 ghi nhận rằng không thể có được sự phát triển bền vững nếu các hoạt động phát triển gây tổn thất hoặc làm suy thoái đa dạng sinh học hoặc dịch vụ hệ sinh thái. Trong khi ghi nhận rằng hai khía cạnh này có mối liên hệ không thể tách rời, Tiêu chuẩn hoạt động 6 cũng đưa ra các yêu cầu riêng đối với khách hàng về đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Nguyên nhân một phần là vì việc quản lý đa dạng sinh học đòi hỏi kinh nghiệm và kiến thức khoa học mà chủ yếu cộng đồng các nhà sinh thái học thực hành và sinh học bảo tồn mới có, trong khi việc triển khai các chương trình đánh giá, giảm nhẹ và quản lý dịch vụ hệ sinh thái thường đòi hỏi phải có kinh nghiệm của chuyên gia xã hội và các chuyên gia khác (ví dụ nông học, địa

^{HD1} Mục tiêu đa dạng sinh học sửa đổi và cập nhật của Kế hoạch chiến lược 2011 – 2020 của Công ước về đa dạng sinh học; Quyết định X/2 của Hội nghị 10 của các bên (COP - 10).

^{HD2} Website này đăng tải báo cáo Đánh giá thiên nhiên kỹ, bao gồm cả Hệ sinh thái và phúc lợi con người: Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp và ngành (2006), có đường dẫn tới báo cáo đầy đủ và tóm tắt cũng như các nguồn về đồ họa, thuyết trình, và video và các nguồn có ích khác. <http://www.maweb.org>

chất, thủy văn và thủy địa chất, chuyên gia quản lý đất và xói mòn, chuyên gia quản lý nước, v.v...) và sự phối hợp trực tiếp với Cộng đồng bị ảnh hưởng.

Hướng dẫn 3. Đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái đặc biệt quan trọng trong các lĩnh vực phát triển tài nguyên thiên nhiên sống thành hàng hóa, như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, và chăn nuôi. Tập quán quản lý bền vững trong nhiều lĩnh vực như trên đã được quy định mã hiệu trong các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Vì lý do trên, đã có thêm quy định bổ sung đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực chủ yếu sử dụng tài nguyên thiên nhiên sống để sản xuất hàng hóa.

Mục tiêu

- Để bảo vệ và bảo tồn sự đa dạng sinh học.
- Để duy trì các lợi ích của dịch vụ hệ sinh thái.
- Để thúc đẩy việc quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua việc áp dụng các hoạt động thực tiễn tích hợp các nhu cầu bảo tồn và ưu tiên phát triển.

Phạm vi áp dụng

4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

5. Dựa trên quá trình đánh giá rủi ro và tác động, các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này được áp dụng cho các dự án (i) được đặt ở môi trường sống điều chỉnh, tự nhiên và quan trọng; (ii) có tác động tiềm năng đến hoặc phụ thuộc vào các dịch vụ hệ sinh thái mà khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hay có ảnh hưởng có ý nghĩa; hoặc (iii) những dự án có sản xuất từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên (như nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt và lâm nghiệp).

Hướng dẫn 4. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 6 được phân định trong quá trình xác định rủi ro và tác động xã hội và môi trường. Quy định cơ bản đối với khách hàng trong quá trình này được nêu trong khoản 7 - 12 của Tiêu chuẩn hoạt động 1, và hướng dẫn liên quan được nêu trong Hướng dẫn 15 - Hướng dẫn 28 của Hướng dẫn 1. Quá trình xác định rủi ro và tác động phải bao gồm việc hoạch định phạm vi của các vấn đề tiềm năng liên quan tới đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Hoạch định phạm vi có thể được thực hiện

dưới dạng phân tích ban đầu tại nơi làm việc và nghiên cứu tài liệu liên quan, bao gồm cả việc đánh giá nghiên cứu và đánh giá khu vực, sử dụng các công cụ sàng lọc toàn cầu hoặc khu vực ví dụ như Công cụ đánh giá đa dạng sinh học tích hợp (IBTA) và điều tra hiện trường. Hoạch định phạm vi dịch vụ sinh học có thể được tiến hành qua tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng như một phần của quy định về Sự tham gia của bên liên quan được nêu trong khoản 25 - 33 trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và hướng dẫn đi kèm (xem khoản Hướng dẫn 19 - Hướng dẫn 105 trong Hướng dẫn 1).

Hướng dẫn 5. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động có thể khác nhau tùy theo đặc điểm và quy mô của dự án. Ở mức tối thiểu, khách hàng phải sàng lọc và đánh giá rủi ro và tác động tiềm năng đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái trong khu vực ảnh hưởng của dự án, có tính tới các yếu tố sau: (i) địa điểm và quy mô của hoạt động dự án, bao gồm cả hoạt động của các cơ sở vật chất liên quan; (ii) chuỗi cung ứng của dự án (theo yêu cầu của khoản 30 của Tiêu chuẩn hoạt động 6); (iii) khoảng cách từ dự án tới khu vực được biết có giá trị về đa dạng sinh học hoặc khu vực được biết là cung cấp dịch vụ hệ sinh thái; và (iv) loại công nghệ được sử dụng (ví dụ khai thác hầm lò hoặc lộ thiên, khoan ngang có sự kết nối nhiều giếng hoặc khoan thẳng nhiều giếng với mật độ cao trên một diện tích đất trong khai thác khí tự nhiên, máy ngưng làm mát bằng không khí hoặc tháp làm mát dùng nước, v.v...) và hiệu quả của thiết bị được đề xuất. Tiêu chuẩn hoạt động 6 không áp dụng nếu quá trình sàng lọc này cho thấy không có rủi ro được xác định đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, bao gồm cả rủi ro liên quan tới việc thiếu hụt kiến thức tiềm năng.

Hướng dẫn 6. Đối với các dịch vụ hệ sinh thái, Tiêu chuẩn hoạt động 6 sẽ được áp dụng trong phần lớn các trường hợp nếu đối tượng hưởng lợi trực tiếp (chính) của các dịch vụ trên là Cộng đồng bị ảnh hưởng như được xác định trong khoản 1 của Tiêu chuẩn hoạt động 1.¹⁰³ Tiêu chuẩn hoạt động 6 sẽ không áp dụng trong các trường hợp nếu khách hàng với dự án của mình không trực tiếp quản lý hoặc có quyền ảnh hưởng đáng kể đối với dịch vụ trên, như các dịch vụ quản lý hệ sinh thái, trong đó lợi ích của các dịch vụ trên được tiếp nhận trên quy mô toàn cầu (ví dụ tích trữ các-bon hoặc quản lý khí hậu). Tác động với quy mô trên được xét đến trong quá trình xác định rủi ro và tác động trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và hướng dẫn bổ sung được nêu trong khoản Hướng dẫn 31 - Hướng dẫn 35 của Hướng dẫn đi kèm. Quy định đối với khách hàng về

¹⁰³ Hướng dẫn bổ sung về định nghĩa này được nêu trong khoản HD92 của Hướng dẫn 1.

phát thải Khí nhà kính được nêu trong khoản 7 và 8 của Tiêu chuẩn hoạt động 3 và khoản Hướng dẫn 16 - Hướng dẫn 26 của Hướng dẫn đi kèm.

Hướng dẫn 7. Đối với tài nguyên thiên nhiên sống, Tiêu chuẩn hoạt động 6 được áp dụng đối với mọi dự án có liên quan tới việc sản xuất chủ yếu dựa trên tài nguyên thiên nhiên sống trên.

Yêu cầu

Yêu cầu chung

6. Quá trình đánh giá rủi ro và tác động được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 nên xem xét các tác động mà dự án có thể có trực tiếp và gián tiếp lên đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái cũng như xác định các ảnh hưởng để lại mà có ý nghĩa. Quá trình này sẽ xem xét những mối đe dọa liên quan đến đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, đặc biệt tập trung vào những tổn thất của môi trường sống, sự suy thoái và sự phân rã, các loài sinh vật ngoại lai xâm nhập, khai thác quá mức, thay đổi thủy văn, sức tải chất dinh dưỡng và ô nhiễm. Quá trình này cũng cần tính đến các giá trị thay đổi gắn liền với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái của cộng đồng bị ảnh hưởng và khi phù hợp của các đối tượng liên quan khác. Khi khoản 13-19 được áp dụng, khách hàng nên xem xét các tác động đến các vùng đất và biển bị ảnh hưởng.

7. Về mặt ưu tiên, khách hàng nên tránh những tác động đến đa dạng sinh học hay dịch vụ của hệ sinh thái. Nếu không thể tránh, các biện pháp giảm thiểu tác động và khôi phục đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái cần được triển khai. Do sự phức tạp trong dự báo những tác động của dự án lên đa dạng sinh học hay dịch vụ của hệ sinh thái, khách hàng nên thực hiện chiến lược quản lý thích nghi trong đó các biện pháp khắc phục và quản lý có thể phản ứng nhanh với những điều kiện thay đổi và những kết quả theo dõi trong suốt vòng đời dự án.

8. Khi các khoản 13-15 cần được áp dụng, khách hàng nên thuê chuyên gia để hỗ trợ thực hiện quá trình đánh giá rủi ro và tác động. Khi khoản 16-19 cần được áp dụng, khách hàng nên thuê chuyên gia độc lập với kinh nghiệm phù hợp ở cấp độ vùng để hỗ trợ xây dựng hệ thống phân cấp để tuân thủ với Tiêu chuẩn hoạt động này và rà soát việc triển khai các biện pháp đó.

Hướng dẫn 8. Khoản 6 - 8 liên quan tới tính đầy đủ của quá trình xác định rủi ro và tác động một khi đã

xác định được là Tiêu chuẩn hoạt động 6 được áp dụng cho dự án cụ thể. Quá trình xác định rủi ro và tác động có thể được thực hiện với hình thức Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) và nên được tiếp diễn như một phần của Hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS). Phạm vi của việc đánh giá phụ thuộc vào đặc điểm và quy mô của dự án và tính nhạy cảm về yếu tố đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Đối với đa dạng sinh học, khách hàng phải tham chiếu hướng dẫn và các tài liệu tham chiếu liên quan khác về đánh giá và quản lý đa dạng sinh học, trong đó có một số tài liệu được nhắc tới trong Danh mục tham khảo. Đối với dịch vụ hệ sinh thái, khách hàng phải tham chiếu khoản Hướng dẫn 126 - Hướng dẫn 142 với hướng dẫn về đánh giá dịch vụ hệ sinh thái và miêu tả trong quá trình Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái (ESR).

Hướng dẫn 9. Như một phần của ESIA, nghiên cứu kỹ gốc phải được tiến hành đối với các yếu tố đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Nghiên cứu kỹ gốc phải bao gồm sự kết hợp của nghiên cứu tài liệu, sự tham gia và tham vấn của các bên liên quan, điều tra hiện trường và các đánh giá liên quan khác. Phạm vi của nghiên cứu yếu tố kỹ gốc phụ thuộc vào đặc điểm và quy mô của dự án. Đối với các địa điểm có tiềm năng tác động đáng kể đối với môi trường sinh sống và dịch vụ hệ sinh thái thiên nhiên quan trọng, nghiên cứu yếu tố kỹ gốc phải bao gồm điều tra hiện trường trong nhiều mùa vụ và được tiến hành bởi chuyên gia có thẩm quyền và chuyên gia bên ngoài nếu cần. Điều tra/đánh giá hiện trường phải được tiến hành mới đây, số liệu thu thập phải được lấy từ địa điểm thực tế của cơ sở vật chất của dự án, bao gồm cơ sở vật chất liên quan, và từ khu vực ảnh hưởng của dự án.

Hướng dẫn 10. Nghiên cứu kỹ gốc phải lấy thông tin qua nghiên cứu tài liệu và nghiên cứu ban đầu ở văn phòng. Phạm vi nghiên cứu tài liệu phụ thuộc vào tính nhạy cảm của các yếu tố đa dạng sinh học liên quan tới khu vực ảnh hưởng của dự án và dịch vụ hệ sinh thái có thể bị ảnh hưởng. Nghiên cứu tài liệu có thể bao gồm một loạt nguồn như tạp chí chuyên ngành, đánh giá khu vực, tài liệu quy hoạch quốc gia hoặc khu vực (ví dụ Chiến lược đa dạng sinh học quốc gia và Kế hoạch hành động (NBSAP) và Kế hoạch hành động đa dạng sinh học địa phương (LBAP)), các đánh giá và nghiên cứu hiện có của khu vực dự án và khu vực ảnh hưởng của dự án, dữ liệu trên mạng như thông tin được cung cấp trong Danh mục đỏ về các loài có nguy cơ tuyệt chủng của Hiệp hội quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (IUCN), chương trình ưu tiên bảo vệ thẳng cảnh, bao gồm cả đánh giá kế hoạch bảo tồn và kế hoạch bảo tồn, và luận văn thạc sĩ/tiến sĩ, và các tài liệu khác.

Hướng dẫn 11. Tùy theo đặc điểm và quy mô của dự án, dữ liệu về không gian và bản đồ về thắng cảnh có thể là một phần của quá trình nghiên cứu tài liệu và nghiên cứu sơ bộ ở văn phòng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án có địa điểm trong môi trường sinh sống thiên nhiên và môi trường sinh sống quan trọng. Điều này bao gồm việc phân loại đất đai và bản đồ sử dụng đất đai, hình ảnh chụp từ vệ tinh hoặc máy bay, chủng loại cây xanh và bản đồ môi trường sinh thái, bản đồ địa trắc và thủy văn như lưu vực và khu vực giao nhau của các lưu vực. Một loạt các nỗ lực lập bản đồ môi sinh khu vực đã được hoàn thành hoặc đang được tiến hành bởi các cơ quan hàn lâm hoặc chính phủ, tổ chức liên chính phủ, và tổ chức phi chính phủ (NGO) (ví dụ Chương trình môi trường của Liên hợp quốc thuộc Trung tâm bảo tồn thế giới (UNEP-WCMC); Giám sát dữ liệu đại dương;^{HD4} Đánh giá tài nguyên rừng của Tổ chức lương thực và nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO); Tổ chức bảo tồn thiên nhiên; NatureServe (Bản đồ môi sinh trên đất liền của Nam Mỹ); Tổ chức giám sát rừng thế giới; Tổ chức Bảo tồn quốc tế; BirdLife International (Tổ chức quốc tế về bảo vệ các loài chim); Công cụ đánh giá đa dạng sinh học tích hợp (IBTA); Hiệp hội quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (IUCN); Nhóm quan sát trái đất (GEO) của Hệ thống toàn cầu của các hệ thống quan sát trái đất (GEOSS); v.v...). Thông tin này có thể được dùng trực tiếp cho ESIA và các đánh giá liên quan về tính nguyên vẹn của cảnh quan, phân tích về phát triển và quản lý tài nguyên, đánh giá dịch vụ hệ sinh thái, và báo cáo và dự đoán xu hướng môi trường.

Hướng dẫn 12. Sự tham gia và tham vấn của các bên liên quan là một trong các biện pháp chính để hiểu rõ tác động đối với đa dạng sinh học và xác định phản ứng đối phù hợp với các tác động trên. ESIA hoặc các đánh giá đa dạng sinh học/dịch vụ hệ sinh thái liên quan tiếp theo khác phải tính đến các giá trị khác nhau liên quan tới đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái của Cộng đồng bị ảnh hưởng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án có thể ảnh hưởng tới dịch vụ hệ sinh thái liên quan tới Người dân bản địa.^{HD5} Đối với dịch vụ hệ sinh thái, quá trình này sẽ là một phần của ESR và được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 135 - Hướng dẫn 142. Đối với đa dạng sinh học, khách hàng nên tính đến các giá trị khác nhau liên quan tới các yếu tố đa dạng sinh học cụ thể của các bên địa phương, quốc gia và quốc tế liên quan. Quy điểm đối với đa dạng sinh học có thể khác nhau tùy theo bên liên quan và sẽ khác nhau tùy theo khu vực. Nên lưu ý là đối với môi trường sinh sống quan trọng, các giá trị đa dạng sinh học tối thiểu phải

được xem xét được nêu trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Các bên liên quan phải được tham vấn bao gồm Cộng đồng bị ảnh hưởng, quan chức chính phủ, cơ quan hàn lâm và nghiên cứu, chuyên gia bên ngoài được công nhận đối với các yếu tố đa dạng sinh học liên quan, và các tổ chức bảo tồn phi chính phủ quốc gia và quốc tế nếu phù hợp. Tổng hợp lại, nghiên cứu tài liệu, sự tham gia và tham vấn của các bên liên quan và điều tra/đánh giá hiện trường phải hình thành danh mục chính của “giá trị đa dạng sinh học”, danh mục này sẽ là cơ sở cho đánh giá tác động và định nghĩa biện pháp giảm nhẹ và quản lý. Điều tương tự được áp dụng đối với các dịch vụ hệ sinh thái, mặc dù ESR sẽ là nguồn thông tin chính.

Hướng dẫn 13. Đối với một số dự án, có thể có nhiều giá trị đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái liên quan tới địa điểm dự án, và khách hàng có thể hưởng lợi từ việc ưu tiên cho những đặc điểm trên. Đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái có thể được ưu tiên theo hai hướng: (i) dựa trên một số lựa chọn về mặt không gian còn lại ở những nơi có thể bảo tồn (là giới hạn về không gian hoặc tính chất không thể thay thế được của đặc điểm trên); và (ii) dựa trên thời gian còn lại cho việc bảo tồn trước khi đặc điểm đó bị mất đi (là sự hạn chế tạm thời bị gây ra bởi mối đe dọa đối với đặc điểm liên quan, điều này là cơ sở giải thích cho khả năng dễ bị tổn thương của đặc điểm đó). Khái niệm trên có thể được áp dụng cho cả đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Ví dụ hồ linh thiêng có thể có tầm quan trọng độc nhất đối với cộng đồng địa phương, một khu rừng có thể cung cấp loại chất liệu sợi hoặc cây thuốc mà nơi khác không thể tìm thấy, một dãy đồi của vùng đất có thể điều tiết lũ lụt hiệu quả, một loài sinh vật có thể được trưng cho một vùng đất duy nhất hoặc hệ sinh thái có thể là duy nhất trong khu vực cảnh quan. Các yếu tố đó đều là giá trị đa dạng sinh học/dịch vụ hệ sinh thái giới hạn về không gian, và hầu như không thể thay thế được trong cảnh quan. Khái niệm về mối đe dọa hoặc khả năng dễ bị tổn thương cũng được áp dụng tương tự: khả năng một số loài sinh vật có thể bị mất đi trong khoảng thời gian nhất định được lượng hóa bởi danh mục các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng như danh mục của IUCN, tốc độ tổn thất của dịch vụ hệ sinh thái như khả năng thụ phấn hoặc điều tiết lũ, và sự xói mòn tiếp diễn của vùng đất có giá trị văn hóa của Người dân bản địa bởi việc di cư đến vùng đất - đó đều là các vi dụ về sự hạn chế thời gian hoặc mối đe dọa. Tầm quan trọng của sự bảo tồn đối với đặc điểm đó như một phần của hoạt động dự án có thể được xác định bởi hiện trạng của hai khía cạnh sau của cảnh quan vùng đất/vùng biển và khả năng dễ bị tổn thương nếu để tồn tại ở vùng đất đó.

^{HD4} Công cụ lập bản đồ của UNEP-WCMC đối với khu vực được bảo vệ được nêu trong khoản HD114 và thông tin bổ sung được nêu trong Danh mục tham khảo.

^{HD5} Xem Tiêu chuẩn hoạt động 7 và Hướng dẫn 7 về quy định đối với Người dân bản địa.

Hướng dẫn 14. Khoản 6 liệt kê một loạt mối đe dọa đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái mà khách hàng nên cân nhắc như một phần của ESIA và ESMS. Các mối đe dọa khác cũng nên được cân nhắc tùy theo hoàn cảnh khu vực/địa phương. Khách hàng nên liệt kê chính xác các mối đe dọa, bao gồm các mối đe dọa ở cấp độ khu vực liên quan tới khu vực dự án và khu vực ảnh hưởng của dự án. Khách hàng nên miêu tả các mối đe dọa đã có trước dự án và khả năng của dự án làm trầm trọng thêm các mối đe dọa này. Nên phân tích các mối đe dọa để cung cấp thông tin cho quá trình đánh giá tác động. Ví dụ nếu việc săn bắn trong rừng hoặc khai thác gỗ trái phép đang diễn ra thì liệu việc dự án cải thiện khả năng tiếp cận có làm gia tăng sự việc trên không?

Hướng dẫn 15. ESIA phải nêu rõ tác động trực tiếp, gián tiếp và tồn dư của dự án đối với người dân, các loài sinh vật và hệ sinh thái và dịch vụ hệ sinh thái được xác định trong nghiên cứu kỹ gốc. Tác động trực tiếp có thể bao gồm tổn thất đối với môi trường sinh sống và nhiễu loạn (âm thanh, ánh sáng, đất đai hoặc giao thông đường thủy), phát thải khí và chất lỏng, sự biến đổi về thủy văn bề mặt và hình thái đất đai, tác động bên rìa và khoảng trống giữa rừng, tổn thất về việc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái hoặc khả năng tiếp cận dịch vụ trên, xuống cấp của dịch vụ quản lý, văn hóa và hỗ trợ của hệ sinh thái, v.v... Tác động gián tiếp có thể bao gồm việc du nhập và phân tán một cách vô tình các loài sinh vật thôn tính, khả năng tiếp cận của bên thứ ba do dự án đem lại, di cư đến và tác động liên quan đối với việc sử dụng tài nguyên. Phải xác định biện pháp giảm nhẹ và quản lý để giải quyết các tác động được xác định là tiêu cực đối với đa dạng sinh học hoặc dịch vụ hệ sinh thái. Tác động tồn dư là tác động đáng kể liên quan tới dự án có thể còn tiếp diễn sau khi đã áp dụng các biện pháp giảm nhẹ (phòng tránh, kiểm soát quản lý, làm dịu, phục hồi, v.v...). Trong các môi trường sinh sống quan trọng, mọi tác động tồn dư đáng kể phải được làm giảm nhẹ bằng việc bồi hoàn đa dạng sinh học. Nên lưu ý là để xác định một cách đáng tin cậy tác động tồn dư đối với đa dạng sinh học, phải tính đến việc các biện pháp giảm nhẹ chưa chắc đã đem lại được kết quả. Điều này đặc biệt liên quan tới quá trình phục hồi và khả năng của khách hàng đảm bảo sự phục hồi đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái một cách phù hợp. Nếu sự không chắc chắn trên là đáng kể, khách hàng nên có cách tiếp cận thận trọng khi xác định mức độ tác động tồn dư. Đối với tác động tích lũy, khách hàng có trách nhiệm giải quyết các tác động trên theo khoản 8 của Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn đi kèm.

Hướng dẫn 16. Khách hàng phải thực hiện đầy đủ thứ tự ưu tiên giảm nhẹ như được định nghĩa trong Mục

tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 và được miêu tả kỹ hơn trong khoản 7 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và khoản này (Hướng dẫn 16). Tiêu chuẩn hoạt động 6 nhấn mạnh tới việc phòng tránh tác động đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Điều này được phản ánh trong câu đầu tiên của khoản 7. Phòng tránh tác động đôi khi là biện pháp duy nhất để ngăn ngừa tổn thất không thay thế được đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái liên quan; nhấn mạnh việc phòng tránh trong thứ tự ưu tiên giảm nhẹ nên tương ứng với mức độ không thể thay thế được và khả năng dễ bị tổn thương của đa dạng sinh học/dịch vụ hệ sinh thái như được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 13. Để thực hiện thứ tự ưu tiên giảm nhẹ theo Tiêu chuẩn hoạt động 6, phải sử dụng kết quả của quá trình đánh giá hạ tầng cơ sở của dự án và cảnh quan hiện tại trong quá trình xác định, sàng lọc và thiết kế phương án thay thế như một hình thức phòng tránh. Các phương án thay thế có thể được thực hiện dưới hình thức các phương án khác nhau để bố trí cơ sở vật chất của dự án, giải pháp thiết kế và quy trình sản xuất và tập quán xây dựng thay thế, lựa chọn địa điểm khác hoặc định hướng cơ sở vật chất tuyến tính, và lựa chọn các nhà cung cấp thay thế thông qua quá trình sàng lọc để xác định những nhà cung cấp có hệ thống quản lý rủi ro môi trường/xã hội phù hợp. Thứ hai, sau khi đã lựa chọn được phương án ưu tiên, có thể giảm thiểu tác động bằng cách cải tiến hệ thống tiêu thoát, phương pháp xây dựng đường (ví dụ để giảm bụi và tiếng ồn), mô hình phát quang cây xanh, lựa chọn cách xử lý ô nhiễm khác nhau, thực hiện các biện pháp quản lý xói mòn và lắng đọng, xây dựng tuyến đường đi qua cho động vật hoang dã (ví dụ mương hoặc cầu trong trường hợp dự án tuyến tính) và phương án bố trí hạ tầng cơ sở. Các biện pháp giảm nhẹ được đề cập kỹ hơn trong khoản Hướng dẫn 46 đối với môi trường sinh sống tự nhiên. Thứ ba, nếu có sự ảnh hưởng tới đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, có thể có các biện pháp giải quyết dưới hình thức khôi phục^{HD6} và phục hồi.^{HD7} Điều này có thể bao gồm việc khôi phục cây xanh (quản lý xói mòn và hỗ trợ sự tái sinh tự nhiên của hệ sinh thái); phục hồi hình thái môi trường sống ban đầu (nếu biết được hoặc có thể xây dựng được kỹ thuật phù hợp); và phục hồi dịch vụ cơ bản của hệ sinh thái, như hỗ trợ dòng chảy bằng nước thu hồi được từ các hoạt động khai thác mỏ. Biện pháp giảm nhẹ phải

^{HD6} Khôi phục được định nghĩa là ổn định địa hình, đảm bảo an toàn công cộng, cải thiện về cảm quan, và hoàn trả đất đai về tình trạng mà theo hoàn cảnh địa phương được coi là sử dụng được một cách có ích. Xanh hóa có thể bao gồm việc khôi phục một loài duy nhất hoặc một số loài. Khôi phục được đúng tương đương với thuật ngữ "cải tạo" trong Hướng dẫn này.

^{HD7} Phục hồi được định nghĩa là quá trình hỗ trợ sự hồi phục của hệ sinh thái mà trước đó bị suy thoái, tổn hại, hoặc tổn thất. Hệ sinh thái được coi là đã hồi phục khi đã có đủ nguồn tài nguyên sinh vật và vô sinh để tiến tục phát triển mà không cần tiếp tục hỗ trợ hoặc trợ cấp. Hệ sinh thái phải tự tồn tại về cơ cấu và chức năng, cho thấy có khả năng kháng sức ép và nhiễu loạn môi trường thông thường, và giao thoa với các hệ sinh thái tiếp giáp về các loài sinh vật và vô sinh và giao lưu về văn hóa.

được thiết kế hoặc kiểm tra bởi chuyên gia sinh học hoặc thiết kế phù hợp để đảm bảo các biện pháp giảm nhẹ được tối ưu hóa phù hợp với thứ tự ưu tiên. Đối với tác động tới đa dạng sinh học, thứ tự ưu tiên giảm nhẹ phải bao gồm việc bồi hoàn đa dạng sinh học.

Hướng dẫn 17. Như được đề cập trong khoản 6 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, trong các môi trường sinh sống tự nhiên và quan trọng, khách hàng nên cân nhắc tới tác động của dự án đối với cảnh quan mặt đất hay mặt biển. Nên lưu ý là thuật ngữ “cảnh quan mặt đất” bao gồm cả môi trường sinh sống nước ngọt tồn tại trong tổng quan cảnh quan. Thuật ngữ “cảnh quan mặt đất/mặt biển” không nhất thiết liên quan tới một đơn vị được xác định trước hoặc khoảng không địa lý nhất định nào. Đó là một thuật ngữ được định nghĩa rộng có thể liên quan tới khu vực môi trường, hệ sinh thái chính, hoặc bất kỳ đơn vị khoảng không đáng kể nào ở cấp độ khu vực (tức là không đặc thù cho địa điểm cụ thể). Trong một số trường hợp đơn vị “cảnh quan mặt đất/mặt biển” có thể được định nghĩa về ranh giới hành chính hoặc khu vực hoặc khu vực có ranh giới cụ thể và có vùng nước quốc tế. Trong mọi trường hợp, mục tiêu của quy định này là khách hàng xác định tác động liên quan tới dự án, đặc biệt là tác động tới các mối liên kết của môi trường sinh sống và/hoặc khu vực giữ nước hạ lưu bên ngoài ranh giới dự án. Nghiên cứu về cảnh quan “mặt đất/mặt biển” là một bước cơ bản để xác định các phương án giảm nhẹ phù hợp về môi trường và phù hợp với các nỗ lực bảo tồn chung trong khu vực. Các nghiên cứu trên sẽ hỗ trợ quá trình quyết định về việc nên phòng tránh hoặc có thể bồi hoàn tác động, và hỗ trợ sự lựa chọn và thiết kế chiến lược giảm nhẹ, bao gồm giảm nhẹ bồi hoàn để đóng góp cho mục tiêu bảo tồn ở cấp độ khu vực hơn là thuần túy giải quyết tác động ở cấp độ dự án. Nghiên cứu cảnh quan “mặt đất/mặt biển” không nhất thiết có nghĩa là thu thập dữ liệu thực địa bên ngoài khu vực dự án. Đánh giá tại văn phòng, bao gồm bài tập lập bản đồ và tư vấn với chuyên gia khu vực có thể giúp khách hàng hiểu về địa điểm dự án trong bối cảnh của cảnh quan mặt đất/mặt biển diện rộng. Loại hình nghiên cứu này đặc biệt quan trọng để phòng ngừa sự xuống cấp và phân khúc của môi trường sinh sống tự nhiên, đặc biệt là từ tác động tích lũy.

Hướng dẫn 18. Những dự án có quy mô lớn và phức tạp, có liên quan tới rủi ro và tác động đáng kể tới nhiều giá trị đa dạng sinh học và dịch vụ môi trường sẽ được hưởng lợi từ việc áp dụng “cách tiếp cận theo hệ sinh thái” để hiểu rõ môi trường của dự án. Công ước về đa dạng sinh học (CBD) có nêu cách tiếp cận theo hệ sinh thái là “chiến lược quản lý tích hợp về đất đai, nước và tài nguyên sống để thúc đẩy bảo tồn và sử dụng bền

vững theo cách thức công bằng”. CBD định nghĩa “hệ sinh thái” là “tổ hợp năng động của các quần thể cây cối, động vật và vi sinh vật và môi trường vô sinh tương tác như một tổng thể hoạt động”. Định nghĩa này không quy định về tổng thể hoặc quy mô không gian cụ thể nào. Thay vào đó, CBD khuyến nghị là quy mô phân tích và hoạt động phải phụ thuộc vào vấn đề cần giải quyết. Tiêu chuẩn hoạt động 6 cũng có cách tiếp cận tương tự khi định nghĩa “môi trường sống”.

Hướng dẫn 19. Cách tiếp cận theo hệ sinh thái tập trung vào mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành và quá trình của hệ sinh thái. Các tiếp cận này xác nhận việc nhiều yếu tố cấu thành của đa dạng sinh học điều tiết nơi tích trữ và dòng chảy của năng lượng, nước và chất dinh dưỡng, và điều này tạo nên khả năng đề kháng đối với sự xáo trộn lớn. Kiến thức về cơ cấu và chức năng của hệ sinh thái giúp hiểu rõ về khả năng đề kháng của hệ sinh thái, hệ quả của tổn thất đối với đa dạng sinh học và phân đoạn môi trường sống. Cách tiếp cận theo hệ sinh thái xác nhận đa dạng sinh học đang hoạt động trong hệ sinh thái đem lại nhiều sản phẩm và dịch vụ có giá trị kinh tế và xã hội (là dịch vụ hệ sinh thái). Khách hàng nên cân nhắc cách tiếp cận này trong quá trình xác định rủi ro và tác động, vì quá trình này thường nghiên cứu tác động một cách biệt lập với nhau và miêu tả các biện pháp giảm nhẹ cũng tách biệt như vậy. Khách hàng nên cân nhắc áp dụng cách tiếp cận tích hợp, sáng tạo và hiện thực để đánh giá môi trường sinh thái xã hội, đặc biệt là đối với các dự án có quy mô lớn và phức tạp, có tác động đặc thù, phức hợp và/hoặc đa chiều đáng kể.

Hướng dẫn 20. Một trong những yếu tố quan trọng trong cách tiếp cận theo hệ sinh thái, và là một trong những yêu cầu đối với khách hàng nêu trong khoản 7 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 là việc áp dụng tập quán quản lý có tính thích nghi. Tiền đề của quản lý có tính thích nghi là việc hệ thống quản lý hệ sinh thái phải bao gồm quá trình học hỏi để có thể điều chỉnh phương pháp luận và tập quán theo cách thức quản lý và giám sát hệ thống trên. Đối với khu vực tự nhiên, quản lý có tính thích nghi phải là khái niệm nền móng đối với ESMS của khách hàng. Đối với quá trình xác định rủi ro và tác động tới đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, việc thiếu hụt dữ liệu là phổ biến ngay cả trong trường hợp có giai đoạn thu thập dữ liệu rất dài, hoặc thiếu hụt vì điều kiện thay đổi. Chiến lược giảm nhẹ tác động của khách hàng được thiết kế dựa trên những dữ liệu được biết tại thời điểm hoàn thành ESIA hoặc sau khi nghiên cứu bổ sung. Trong khi chiến lược giảm nhẹ tác động của khách hàng phải được thiết kế trong khả năng tối đa của khách hàng, và cần có giải pháp ứng phó rủi ro để đảm bảo kết quả của các biện pháp, ESMS

của khách hàng cũng nên có tính linh hoạt để các biện pháp giảm nhẹ và quản lý của khách hàng có thể được điều chỉnh theo kết quả thông tin mới. Thông tin mới có thể có được từ chương trình giám sát của khách hàng hoặc là thông tin từ nguồn độc lập. Trong mọi trường hợp, khách hàng phải có trách nhiệm cập nhật phương thức tiếp cận của mình để liên tục cải tiến công tác quản lý hiện có về đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và nguồn tài nguyên thiên nhiên sống.

Hướng dẫn 21. Khách hàng có trách nhiệm tìm các chuyên gia có thẩm quyền đủ năng lực để xác định giá trị đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái và đề xuất phương án giảm nhẹ. Có thể cần nhiều chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, và nhiều loại kỹ năng khác nhau. Ví dụ như chuyên gia môi trường có kinh nghiệm đặc trưng cho khu vực, chuyên gia sinh vật học về một lớp sinh vật, và các nhà sinh vật học tiến hóa hoặc cảnh quan phù hợp với việc xác định một số giá trị đa dạng sinh học nhất định. Chuyên gia quản lý đa dạng sinh học có kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan (ví dụ chuyên gia công nghiệp khai thác so với chuyên gia lâm nghiệp hoặc lĩnh vực nông nghiệp khác) sẽ đem lại kỹ năng khác nhau trong việc xác định các phương án giảm nhẹ phù hợp với tập quán quốc tế tốt trong lĩnh vực đó. Một dự án có thể cần phối hợp với chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau để xác định đặc điểm chiến lược môi trường và biện pháp giảm nhẹ phù hợp. Quá trình đánh giá dịch vụ hệ sinh thái có thể cần có nhiều chuyên gia tùy thuộc vào dịch vụ được xem xét (ví dụ chuyên gia quản lý đất và xói mòn, địa chất và thủy văn, nông nghiệp, chuyên gia môi trường về bãi chôn lấp tự nhiên, chuyên gia đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên thiên nhiên, chuyên gia tái định cư và xã hội có kinh nghiệm về sinh kế dựa trên tài nguyên thiên nhiên, v.v...).

Hướng dẫn 22. Đối với các dự án nằm trong môi trường sinh sống quan trọng (bao gồm cả những khu vực được pháp luật bảo vệ/công nhận), khách hàng phải đảm bảo có sự tham gia của chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm khu vực về đa dạng sinh học và/hoặc đánh giá môi trường sống quan trọng. Nếu môi trường sống có tầm quan trọng vì sự có mặt của các loài có nguy cơ Tuyệt chủng và Tuyệt chủng cao, phải đảm bảo sự tham gia của chuyên gia được công nhận về loài sinh vật đó (ví dụ thành viên của các Nhóm chuyên gia của ủy ban bảo vệ các loài sắp tuyệt chủng của IUCN). Trong khu vực môi trường sống quan trọng, khách hàng nên cân nhắc việc thành lập cơ chế đánh giá bên ngoài đối với quá trình xác định rủi ro và tác động và chiến lược giảm nhẹ của dự án. Điều này đặc biệt quan trọng nếu dự án có tính bất ổn cao, nếu tác động tiềm năng là phức tạp và/hoặc đang bị tranh cãi và/hoặc chưa có tiền lệ về các biện pháp giảm nhẹ được đề xuất (ví dụ như một số biện pháp bồi hoàn). Cơ chế trên nên khuyến khích việc

chia sẻ các tập quán quốc tế tốt giữa các dự án và cải thiện tính minh bạch trong quá trình quyết định.

Hướng dẫn 23. Khách hàng được khuyến khích xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức bảo tồn và/hoặc cơ quan nghiên cứu khoa học có uy tín và được công nhận. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án tiềm năng trong môi trường sống tự nhiên hoặc môi trường sống quan trọng. Các tổ chức hợp tác này có thể đem lại kinh nghiệm khu vực trong quản lý đa dạng sinh học mà các công ty đa quốc gia thường thiếu. Các tổ chức hợp tác cũng có ích trong việc xác định chuyên gia về giống loài, thiết kế chương trình đánh giá nhanh và chương trình giám sát đa dạng sinh học, xây dựng Kế hoạch hành động đa dạng sinh học (BAP), hoặc quản lý quan hệ với các nhóm xã hội dân sự và các bên liên quan khác của địa phương.

Bảo vệ và Bảo tồn Đa dạng sinh học

9. Môi trường sống được định nghĩa một đơn vị địa lý trên cạn, nước ngọt hay nước mặn hay đường không hỗ trợ việc nhóm họp của các sinh vật và tương tác của chúng với môi trường vô tri. Với mục đích thực hiện Tiêu chuẩn Hoạt động này, môi trường sống được chia thành môi trường điều chỉnh, tự nhiên và quan trọng. Môi trường sống quan trọng là một bộ phận của môi trường sống điều chỉnh và tự nhiên.

10. Để bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, hệ thống phân cấp phải gồm các bù đắp đa dạng sinh học, sau khi các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục đã được áp dụng.² Biện pháp bù đắp đa dạng sinh học cần được thiết kế và triển khai để đạt được những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được,³ mà kết quả cuối cùng là không có tổn thất tịnh hay tốt hơn là mang lại lợi ích tịnh về đa dạng sinh học; tuy nhiên lợi ích tịnh là bắt buộc đối với môi trường sống quan trọng. Thiết kế của một biện pháp bù đắp đa dạng sinh học cần tuân thủ nguyên tắc “tương đương hoặc tốt hơn”⁴ và cần được thực hiện trên cơ sở có nguồn

² Bù đắp đa dạng sinh học là những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được từ các hành động/biện pháp được thiết kế để bồi hoàn những tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học phát sinh do sự phát triển của dự án và tồn tại ngay cả khi các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục phù hợp đã được áp dụng.

³ Những thành quả bảo tồn có thể đo đạc được đối với đa dạng sinh học cần được thể hiện tại chỗ và trên một phạm vi địa lý thích hợp (ví dụ như địa phương, một khu đất, quốc gia, vùng).

⁴ Nguyên tắc “tương đương hoặc tốt hơn” để chỉ các bù đắp đa dạng sinh học cần được thiết kế để bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học tương tự đã bị ảnh hưởng của dự án (gọi là bù đắp “bằng hiện vật” - “in-kind” offset). Tuy nhiên, trong một số tình huống cụ thể, các khu vực đa dạng sinh học bị ảnh hưởng của dự án có thể không phải là ưu tiên của quốc gia hay của địa phương, và có những khu vực đa dạng sinh học khác với giá trị tương đương lại cần được ưu tiên hơn để bảo tồn và sử dụng bền vững, và đang có nguy cơ cao hoặc cần phải được bảo vệ hay quản lý hiệu quả ngay. Trong những tình huống đó, nên xem xét các biện pháp bù đắp khác (“out-of-kind” offset) như trao đổi giá cao (khi các mục tiêu bù đắp các đa dạng sinh học đang được ưu tiên hơn so với những đa dạng sinh học bị ảnh hưởng của dự án) mà đối với môi trường sống quan trọng thì cần đáp ứng các yêu cầu ở khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

thông tin tốt nhất và các thông lệ tốt nhất. Khi một khách hàng đang xem xét xây dựng một biện pháp bù đắp trong chiến lược khắc phục của mình, khách hàng nên mời các chuyên gia độc lập có kiến thức chuyên môn về thiết kế và triển khai các biện pháp bù đắp tham gia vào quá trình này.

Hướng dẫn 24. Khi thiết kế yêu cầu đối với đa dạng sinh học, Tiêu chuẩn hoạt động 6 được hướng dẫn bởi và hỗ trợ việc áp dụng điều luật quốc tế và công ước được áp dụng, bao gồm:

- Công ước đa dạng sinh học, 1992 (CBD).
- Công ước bảo tồn các loài sinh vật hoang dã di cư, 1979 (Công ước Bonn).
- Công ước về Thương mại quốc tế đối với các loài động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng, 1975 (CITES).
- Công ước về vùng ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt như Môi trường chim nước, 1971 (Công ước Ramsar).
- Công ước bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên thế giới, 1972 (Công ước di sản thế giới của UNESCO).

Hướng dẫn 25. Danh mục tham khảo cung cấp thông tin tóm tắt đối với hướng dẫn phương pháp tích hợp đa dạng sinh học vào quá trình đánh giá tác động và quản lý đa dạng sinh học. Khách hàng nên sử dụng tài liệu tham chiếu trên nếu dự kiến là dự án sẽ tác động tới đa dạng sinh học. Có nhiều tài liệu về chủ đề này, và thông tin tham khảo trên chỉ có tính chất định hướng. Có nhiều thông tin hướng dẫn phong phú về khu vực và ngành^{HD8} và các nghiên cứu tình huống. Có thể tham khảo thêm nguồn của các tạp chí khoa học về đánh giá tác động môi trường.

Hướng dẫn 26. Khoản 9 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 có chủ đích cung cấp định nghĩa diện rộng về môi trường sống như đơn vị địa lý (bao gồm khu vực biển và nước ngọt cũng như tuyến đường trên không), đó là định nghĩa khác với định nghĩa cổ điển về môi trường sống (là địa điểm hoặc loại hình khu vực nảy sinh có thể sống hoặc quần thể một cách tự nhiên). Môi trường sống điều chỉnh, tự nhiên hoặc quan trọng để cập tới giá trị đa dạng sinh học của khu vực được xác định bởi các giống loài, hệ sinh thái và quá trình môi trường.

Hướng dẫn 27. Trên thực tiễn, môi trường sống tự nhiên và điều chỉnh tồn tại một cách tiếp diễn, có thể bao gồm môi trường sống tự nhiên phần lớn chưa bị

đụng chạm, hoang sơ, đến môi trường sống điều chỉnh được quản lý đáng kể. Về mặt thực tế, khu vực dự án thường nằm giữa các môi trường sống xen kẽ có mức độ can thiệp về nhân loại học và/hoặc tự nhiên khác nhau. Khách hàng có trách nhiệm điều chỉnh khu vực dự án để phù hợp tối đa với môi trường điều chỉnh và tự nhiên. Quá trình xác định trên phải dựa trên mức độ can thiệp do con người gây ra (ví dụ sự hiện diện của các loài xâm lấn, mức ô nhiễm, mức độ phân tách môi trường sống, khả năng sống sót của quần thể các loài sinh vật tồn tại tự nhiên hiện có, mức phù hợp của cơ chế hoạt động và cơ cấu của hệ sinh thái hiện hữu với điều kiện trước đây trong lịch sử, mức độ của sự xuống cấp khác của môi trường sống, v.v...) và giá trị đa dạng sinh học của khu vực (ví dụ các loài và hệ sinh thái có nguy cơ tuyệt chủng, đặc điểm đa dạng sinh học quan trọng về văn hóa, quá trình sinh thái cần để duy trì môi trường quan trọng gần đó). Khi thiết kế môi trường sống điều chỉnh và tự nhiên, khách hàng không nên tập trung vào khu vực dự án một cách tách biệt. Mức độ tác động về mặt nhân loại học phải được xác định trong mối liên quan với quang cảnh mặt đất/mặt biển diện rộng của dự án. Nói cách khác, liệu dự án (hoặc bộ phận dự án) có nằm trong khu vực bị xáo trộn trên nền của quang cảnh phần lớn còn nguyên vẹn? Liệu dự án (hoặc bộ phận dự án) có là ốc đảo của môi trường sống tự nhiên nằm giữa quang cảnh bị xáo trộn hoặc quản lý với mức độ đáng kể? Liệu dự án có nằm gần khu vực có giá trị đa dạng sinh học lớn (khu vực trú ngụ, tuyến di cư của động vật hoang dã hoặc khu vực được bảo vệ)? Hoặc liệu dự án có nằm giữa một loạt các môi trường sống điều chỉnh hoặc tự nhiên với mức độ giá trị đa dạng sinh học khác nhau và có tầm quan trọng cần bảo tồn? Khách hàng phải sẵn sàng xác định đặc điểm của khu vực dự án về khía cạnh trên trong quá trình xác định rủi ro và tác động.

Hướng dẫn 28. Môi trường sống tự nhiên và điều chỉnh đều có thể có các giá trị đa dạng sinh học cao để có thể được phân loại là môi trường sống quan trọng. Tiêu chuẩn hoạt động 6 không giới hạn định nghĩa về môi trường sống tự nhiên trong khuôn khổ môi trường sống tự nhiên quan trọng. Khu vực đó cũng có thể là môi trường sống điều chỉnh quan trọng. Mức độ điều chỉnh do con người đem lại đối với môi trường sống không nhất thiết là tiêu chí xác định giá trị đa dạng sinh học hoặc sự hiện diện của môi trường sống quan trọng.

Hướng dẫn 29. Như được nêu trong khoản 10 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, sự bồi hoàn đa dạng sinh học chỉ có thể được xem xét sau khi đã “áp dụng biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và phục hồi thích hợp”. Vì vậy, việc áp dụng biện pháp bồi hoàn đa dạng sinh học không bao giờ

^{HD8} Ví dụ có thể xem Hướng dẫn của IFC về đa dạng sinh học đối với khu vực tư nhân trong các vấn đề đa dạng sinh học đặc trưng cho ngành http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/BiodiversityGuide_Sectors. Trang web này cũng cung cấp thêm bài học kinh nghiệm và các nghiên cứu tình huống.

được coi là phương án thay thế cho việc áp dụng tập quán quản lý tốt đối với khu vực dự án thực tế. Chỉ nên áp dụng biện pháp bồi hoàn đa dạng sinh học nếu vẫn còn tác động tồn dư đáng kể sau khi đã đánh giá và áp dụng đầy đủ các biện pháp giảm thiểu theo thứ tự phân cấp.

Hướng dẫn 30. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học có thể là biện pháp quản lý rủi ro đối với chủ đầu tư có dự án gây tác động tới đa dạng sinh học. Nó bao gồm tổ hợp các hoạt động bảo tồn được thỏa thuận hoặc “kết quả bảo tồn có thể đo đếm được” để cho thấy các tổn thất về đa dạng sinh học do dự án tạo ra được bồi hoàn thể nào bởi các lợi ích đa dạng sinh học tương đương. Biện pháp bồi hoàn có thể được triển khai như một dự án hoặc nhiều dự án. Trong mọi trường hợp, khách hàng phải lượng hóa tổn thất và lợi ích tương đương về đa dạng sinh học một cách khả thi. Nếu không thể áp dụng các tiếp cận được lượng hóa, cần có đánh giá của chuyên gia để xác định sự bồi hoàn phù hợp tùy theo đặc điểm và quy mô dự án. Các hoạt động đem lại lợi ích đa dạng sinh học phải được thiết kế để đem lại kết quả “tại chỗ” lâu dài, thường là trong một hoặc nhiều khu vực bồi hoàn nằm trong cùng khu vực nhưng nhìn chung là bên ngoài ranh giới dự án. Kết quả phải cho thấy không có tổn thất thuần về đa dạng sinh học (hoặc lợi ích thuần trong môi trường sống quan trọng) liên quan tới tác động của dự án và phải vượt trội so với các biện pháp hỗ trợ bảo tồn hiện có. Trong chú thích 3 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, thuật ngữ “tại chỗ” được dùng thay thế cho thuật ngữ “cùng địa điểm”. Một cách khác để thể hiện quan điểm trên có thể là “tại hiện trường”. Các thuật ngữ trên có mục đích nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thể hiện kết quả bảo tồn có thể đo đếm được và có thể được áp dụng trong môi trường tự nhiên và với quy mô địa lý thích hợp đối với giá trị đa dạng sinh học cụ thể. Việc tổ chức đào tạo hoặc xây dựng năng lực hoặc tài trợ nghiên cứu ít khi được coi là thể hiện kết quả “tại chỗ”. Nên lưu ý “cùng địa điểm” không nên được hiểu là trong “khu vực dự án”, mà nên được hiểu là “trong môi trường tự nhiên” và có quy mô tương ứng về môi trường đối với giá trị đa dạng sinh học được xem xét.

Hướng dẫn 31. Các hoạt động không gây tổn thất thuần/cũng không mang lại lợi ích thuần về mặt bảo tồn đối với dự án phát triển cụ thể bao gồm một hoặc một số hoạt động hỗ trợ sau: (i) hỗ trợ quản lý bảo tồn tích cực, như phục hồi, tăng cường, hoặc kim hãm sự xuống cấp của các cấu phần đa dạng sinh học tại các địa điểm bồi hoàn thích hợp; (ii) xây dựng hoặc tái tạo hệ sinh thái tương đương về mặt sinh thái và giá trị đa dạng sinh học liên quan, nếu khả thi; (iii) hỗ trợ ngăn ngừa rủi ro để bảo vệ đa dạng sinh học tại chỗ ở khu vực có nguy cơ sắp bị hoặc dự kiến bị tổn thất về đa dạng sinh học (bị gây ra bởi các yếu tố không thuộc về

dự án đang được xem xét). Ngoài ra, nếu có liên quan tới mục đích sử dụng đa dạng sinh học về mặt kinh tế xã hội và văn hóa, quá trình bồi hoàn của đa dạng sinh học có thể bao gồm các gói đền bù đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng chịu tác động của dự án phát triển và các hoạt động bồi hoàn. Lưu ý là dịch vụ hệ sinh thái được đề cập trong khoản 24 và 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, và đền bù dịch vụ hệ sinh thái được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 5, 7, và 8.

Hướng dẫn 32. Các bước và cấu phần của quá trình thiết kế hoạt động bồi hoàn đa dạng sinh học bao gồm: (i) đảm bảo dự án phát triển tuân thủ tất cả các điều luật, quy định và chính sách được áp dụng đối với bồi hoàn đa dạng sinh học; (ii) xây dựng quá trình hiệu quả để Cộng đồng bị ảnh hưởng tham gia thiết kế và triển khai bồi hoàn đa dạng sinh học; (iii) miêu tả quy mô và tác động dự kiến của dự án đối với đa dạng sinh học, áp dụng và lưu hồ sơ về các bước được tiến hành theo thứ tự ưu tiên của các biện pháp giảm nhẹ nhằm hạn chế các tác động trên, trong khi tính đến các nguồn có thể gây bất ổn khác nhau (ví dụ kết quả phục hồi) và sử dụng biện pháp đo lường được dùng để bảo vệ đa dạng sinh học và tính toán tác động tồn dư; (iv) xác định cơ hội thích hợp trong bối cảnh cảnh quan mặt đất/mặt biển (địa điểm bồi hoàn, hoạt động và cơ chế tiềm năng) để đạt được lợi ích đa dạng sinh học “có giá trị tương đương hoặc tốt hơn” để bù đắp tổn thất do dự án tạo ra; (v) đo đếm (sử dụng cùng biện pháp đo lường được dùng để tính tổn thất) hoặc, tùy theo đặc điểm và quy mô dự án áp dụng cách tiếp cận bán - lượng hóa kết hợp với ý kiến chuyên gia để chứng minh là lợi ích đa dạng sinh học cần thiết không có kết quả đem lại tổn thất thuần/lợi ích thuần, và lựa chọn địa điểm và hoạt động được ưu tiên để đạt được lợi ích trên; và (vi) đưa hoạt động và địa điểm bồi hoàn cụ thể vào trong kế hoạch quản lý bồi hoàn đa dạng sinh học để hướng dẫn quá trình triển khai. Thiết kế các hoạt động bồi hoàn đa dạng sinh học có chất lượng tốt phải tuân thủ các tập quán được quốc tế công nhận, ví dụ Nguyên tắc bồi hoàn đa dạng sinh học¹¹⁹⁹ do Chương trình Doanh nghiệp và bồi hoàn đa dạng sinh học xây dựng (BBOP). BBOP và các tổ chức khác có xuất bản các bộ tài liệu hướng dẫn thiết kế và triển khai bồi hoàn đa dạng sinh học.

Hướng dẫn 33. Cấu phần quan trọng của quá trình triển khai bồi hoàn đa dạng sinh học thành công và đảm bảo kết quả bảo tồn lâu dài bao gồm: xác định vai trò và trách nhiệm của tất cả các bên liên quan; hoàn thành thủ tục pháp lý để tiếp nhận khu vực bồi hoàn đa dạng sinh học; xây dựng kế hoạch bồi hoàn đa dạng sinh học hoàn chỉnh; thiết lập cơ chế tài chính phù hợp, ví dụ

¹¹⁹⁹ Xem <http://bbop.forest-trends.org/guidelines/principles.pdf>.

như kỹ thuật bảo tồn hoặc phương án không dùng quỹ để đảm bảo dòng tài chính đầy đủ và bền vững cho hoạt động bồi hoàn và đảm bảo đạt được mọi lợi ích cần thiết; và xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá và quản lý có tính thích nghi để triển khai hoạt động bảo tồn cần thiết cho bồi hoàn.

Hướng dẫn 34. Tùy theo đặc điểm và quy mô của dự án, khách hàng nên cân nhắc thêm các cơ hội cải thiện môi trường sống và bảo tồn đa dạng sinh học trong các hoạt động của mình. Trong khi lợi ích thuần của đa dạng sinh học là yêu cầu của môi trường sống quan trọng (xem khoản 18 của Tiêu chuẩn hoạt động 6), khách hàng nên có nỗ lực triển khai biện pháp bổ sung đối với môi trường sống điều chỉnh và môi trường sống tự nhiên; ví dụ trong môi trường sống điều chỉnh, phục hồi giá trị đa dạng sinh học liên quan hoặc các biện pháp cải thiện môi trường sống khác, như loại bỏ các loài xâm lấn. Đối với môi trường sống tự nhiên, có thể lấy ví dụ về việc phát triển khuôn khổ chiến lược với các doanh nghiệp khách và/hoặc với chính phủ thông qua việc thiết kế các biện pháp giảm nhẹ. Khách hàng cũng có thể lựa chọn phương án kêu gọi tài trợ từ các nhà tài trợ thứ ba để cơ quan chính phủ liên quan hoặc đối tác trong chương trình nghiên cứu cùng với trường đại học địa phương tiến hành công tác quy hoạch đất đai theo cách thức thích hợp và tổng thể. Các sáng kiến trên phải được xây dựng với sự hợp tác của chuyên gia

có thẩm quyền. Khách hàng phát triển dự án trong mọi môi trường sống được khuyến khích chứng minh họ có ý định và sẵn sàng trở thành người cầm lái tốt trong môi trường của họ thông qua cách thức tiếp cận trên và thông qua các sáng kiến khác.

Hướng dẫn 35. Một số lĩnh vực nhất định, đáng kể nhất là nông và lâm nghiệp, nên tham chiếu Giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value - HCV) để xác định giá trị bảo tồn của vùng đất hoặc đơn vị quản lý. Mạng lưới nguồn HCV là một tổ chức được quốc tế công nhận, bao gồm các tổ chức phi chính phủ về môi trường và xã hội, cơ quan phát triển, cơ quan kiểm định, bên cung cấp và tiêu thụ sản phẩm gỗ tròn và sản phẩm lâm nghiệp, và các nhà quản lý rừng cung cấp thông tin và thúc đẩy áp dụng ngày càng rộng rãi HCV để đảm bảo cách tiếp cận nhất quán. Mạng lưới công nhận sáu loại HCV dựa trên đa dạng sinh học và dịch vụ môi trường. Vì giá trị đa dạng sinh học nội tại của khu vực và giá trị con người (hoặc giá trị nhân loại học) về khía cạnh dịch vụ hệ sinh thái được đề cập riêng trong Tiêu chuẩn hoạt động 6 nên các lĩnh vực của HCV không tương ứng trực tiếp với định nghĩa của Tiêu chuẩn hoạt động 6 về môi trường sống điều chỉnh, tự nhiên hoặc quan trọng. Tuy nhiên để thuận tiện, mỗi loại HCV được miêu tả dưới đây với mức độ hướng dẫn tương ứng gần nhất với Tiêu chuẩn hoạt động 6:

- Loại giá trị bảo tồn cao và Tiêu chuẩn hoạt động 6

Loại HCV	Tiêu chuẩn hoạt động
<p>HCV 1: Khu vực tập trung giá trị đa dạng sinh học đáng kể có quy mô toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia <i>HCV 1.1: Khu vực bảo vệ</i> <i>HCV 1.2: Các loài hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc nguy cơ tuyệt chủng cao</i> <i>HCV 1.4: Tập trung các loài theo mùa vụ</i></p>	<p>Trong phần lớn các trường hợp là khu vực quan trọng. Xem thêm hướng dẫn trong khoản Hướng dẫn 55 – Hướng dẫn 112.</p>
<p>HCV 2: Khu vực có quang cảnh có quy mô đáng kể toàn cầu, khu vực hoặc quốc gia có các phần lớn hoặc toàn bộ quần thể các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại với sự mô hình phân bố và mật độ tự nhiên.</p>	<p>Môi trường sống tự nhiên, và có thể là môi trường sống quan trọng nếu khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao như được xác định trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6.</p>
<p>HCV3: Khu vực nằm trong hoặc bao gồm hệ sinh thái hiếm có nguy cơ tuyệt chủng hoặc nguy cơ tuyệt chủng cao</p>	<p>Môi trường sống quan trọng</p>
<p>HCV 4: Khu vực cung cấp dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong hoàn cảnh quan trọng <i>HCV 4.1: Khu vực quan trọng đối với quá trình hứng nước</i> <i>HCV 4.2: Khu vực quan trọng đối với quản lý xói mòn</i> <i>HCV 4.3: Khu vực là rào cản quan trọng để ngăn cháy</i></p>	<p>Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên như được xác định trong khoản 24 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Xem thêm hướng dẫn trong khoản Hướng dẫn 126 - Hướng dẫn 142.</p>

Loại HCV

HCV 5: Khu vực nền tảng để thỏa mãn nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương

HCV 6: Khu vực quan trọng đối với bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có tầm quan trọng về văn hóa, môi trường, kinh tế hoặc tôn giáo được xác định với sự hợp tác của cộng đồng địa phương đó).

Tiêu chuẩn hoạt động

Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên như được xác định trong khoản 24 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Áp dụng thêm quy định đối với khách hàng trong Tiêu chuẩn hoạt động 5. Xem thêm hướng dẫn trong khoản Hướng dẫn 126 - Hướng dẫn 142.

Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên như được xác định trong khoản 24 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Áp dụng thêm quy định đối với khách hàng trong Tiêu chuẩn hoạt động 8. Xem thêm hướng dẫn trong khoản Hướng dẫn 126 - Hướng dẫn 142.

Hướng dẫn 36. Tài liệu về tập quán tốt để đánh giá HCV được liệt kê trong Danh mục tham khảo.

Môi trường sống điều chỉnh

11. Môi trường sống điều chỉnh là khu vực có một lượng lớn các loài thực vật và/hoặc động vật không có nguồn gốc bản xứ (ngoại lai) và/hoặc các hoạt động của con người làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản và cấu trúc loài của khu vực đó.⁵ Môi trường sống điều chỉnh bao gồm những khu vực phục vụ nông nghiệp, trồng rừng, vùng ven biển và đầm lầy được cải tạo/khai hoang.⁶

12. Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng cho những khu vực môi trường sống điều chỉnh có giá trị đa dạng sinh học đáng kể được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động theo Tiêu chuẩn hoạt động 1. Khách hàng nên giảm thiểu tác động đến loại đa dạng sinh học này và triển khai các biện pháp khắc phục khi phù hợp.

Hướng dẫn 37. Có nhiều định nghĩa khác nhau về khu vực điều chỉnh hoặc bị xuống cấp và đôi khi định nghĩa này được xác định trước bởi quy định về sử dụng đất của quốc gia và hệ thống cấp phép khai thác. Vì dự án có thể nằm trong nhiều hình thái môi trường sống khác nhau nên không thể có sẵn một hệ thống đo lường để xác định khu vực đó có được coi là khu vực điều chỉnh hay không. Khách hàng nên xác định các hoạt động của con người điều chỉnh tới mức nào cơ cấu sinh thái và chức năng của môi trường sống và đa dạng sinh học nảy sinh tự nhiên của nó. Điều được công nhận là bản thân thuật ngữ “nảy sinh tự nhiên” là không chính xác,

⁵ Môi trường này không tính đến môi trường sống đã được thay đổi trong khuôn khổ dự trữ của dự án.

⁶ Cải tạo/khai hoang trong ngữ cảnh này là quá trình tạo một vùng đất mới từ biển hay các vùng nước khác để phục vụ sản xuất.

vì một số hệ sinh thái như thảo nguyên đã tiến hóa qua các vụ cháy do con người tạo ra, vì vậy có thể có tranh luận về những gì được coi là “tự nhiên”. Để nhắc lại, không hề có công thức nào để suy diễn và kết luận liệu cơ chế can thiệp về môi trường sống và sự tập hợp của giống loài có thể được coi là diễn ra tự nhiên hay không. Việc kết luận về loại hình này có thể khác nhau tùy theo địa điểm và nên được thông báo bởi chuyên gia có thẩm quyền và tham chiếu các quy định và hệ thống cấp phép sử dụng đất được áp dụng.

Hướng dẫn 38. Đối với môi trường sống điều chỉnh, Tiêu chuẩn hoạt động 6 chỉ được áp dụng nếu “khu vực môi trường sống điều chỉnh... có giá trị đa dạng sinh học đáng kể” được kết luận thông qua quá trình xác định rủi ro và tác động” (khoản 12 của Tiêu chuẩn hoạt động 6). Có hai nguyên nhân của điều khoản loại trừ này. Thứ nhất, Tiêu chuẩn hoạt động 6 được thiết kế để bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học (ngoài các mục tiêu được liệt kê khác). Thứ hai, vì hầu như mọi khu vực chuyển đổi có thể được coi là “điều chỉnh” nên nếu không có điều khoản này thì Tiêu chuẩn hoạt động 6 có thể bị áp dụng cho hầu như mọi dự án mà không phụ thuộc vào giá trị đa dạng sinh học của khu vực.

Hướng dẫn 39. Tuy nhiên, nhìn chung khách hàng nên cố gắng bố trí cơ sở vật chất, hạ tầng cơ sở và cơ sở vật chất liên quan của dự án trong khu vực môi trường sống điều chỉnh thay cho môi trường sống tự nhiên, và chứng minh cho nỗ lực của mình thông qua việc phân tích các phương án thay thế trong quá trình xác định rủi ro và tác động. Trong quá trình đó, khách hàng có trách nhiệm xác định xem các yếu tố đa dạng sinh học liên quan tới môi trường sống điều chỉnh có thể được coi là “giá trị đa dạng sinh học đáng kể” không. Giá trị đa dạng sinh học đáng kể (hoặc giá trị bảo tồn) là thuật ngữ chung có mục đích bao hàm các yếu tố đa dạng sinh học có thể có giá trị nội tại như được xác định về

mặt khoa học (ví dụ khu vực ven sông, giống loài bảo trợ) hoặc giá trị văn hóa (động hoặc thực vật có giá trị đáng kể đối với cộng đồng địa phương). Một số môi trường sống điều chỉnh có thể có giá trị hoặc khu vực đa dạng sinh học cao có ý nghĩa lớn đối với việc xác định môi trường sống quan trọng, như tường rào cổ đại trong cảnh quan nông nghiệp châu Âu, đồn điền cao su tembawang ở Kalimantan hoặc khu vực khảo cổ ven sông trên tuyến bay của loài di cư. Trong mọi trường hợp, giá trị đa dạng sinh học phải được xác định dựa trên ưu điểm hoặc giá trị khoa học được xác định bởi các bên liên quan, như cộng đồng địa phương, cơ quan chính phủ và phi chính phủ (NGO).

Hướng dẫn 40. Trong quá trình quản lý cảnh quan như khu vực nông nghiệp hay lâm nghiệp, khách hàng có thể phải có trách nhiệm đánh giá Giá trị bảo tồn cao (HCV) theo quy định của nhiều tiêu chuẩn tự nguyện (ví dụ Hội đồng quản lý rừng (FSC), Bàn tròn về cây cọ dầu bền vững (RSPO), Sáng kiến cây mía tốt đẹp hơn (Bonsucro), hoặc Mạng lưới nông nghiệp bền vững (SAN)) để xác định giá trị đa dạng sinh học ngoài việc xác định dịch vụ hệ sinh thái quan trọng.

Hướng dẫn 41. Khoản 12 quy định khách hàng phải giảm thiểu tác động đối với giá trị đa dạng sinh học được xác định và triển khai các biện pháp giảm nhẹ “với mức độ thích hợp”. Biện pháp giảm nhẹ có thể khác biệt rất nhiều và mức độ nghiêm ngặt của các biện pháp phụ thuộc vào giá trị được xem xét của đa dạng sinh học. Biện pháp giảm nhẹ có thể có hình thức dựng hàng rào hoặc biện pháp kiểm soát vật lý khác, biện pháp quản lý xói mòn và lắng đọng, xử lý chất thải lỏng, giảm ánh sáng và tiếng ồn, hoặc phục hồi môi trường sống. Điều quan trọng là phải tính đến việc môi trường sống điều chỉnh có thể khác biệt lớn về giá trị bảo tồn đa dạng sinh học. Một thái cực là nhiều cảnh quan nông nghiệp hiện đại, đặc biệt là khu vực độc canh có quy mô lớn, phần lớn chứa rất ít giống loài nói chung và không có loài nào có giá trị bảo tồn. Thái cực khác là hệ thống nông nghiệp hoặc nông-lâm nghiệp tạo môi trường sống thay thế cho nhiều giống loài hoang dã, bao gồm một số loài có giá trị bảo tồn. Ví dụ nông trường cà-phê và ca-cao mọc trong bóng râm, khi được trồng dưới tán cây tương đối dày đặc của các loài cây hỗn hợp và có chiều cao khác nhau có thể là nơi trú ngụ cho nhiều loài động và thực vật sống trong rừng. Trong số các loài đó có thể có một số loài không thể tồn tại được nếu thiếu môi trường sống điều chỉnh này; trường hợp được nhắc đến là chim Gravetiro chân hồng (*Acrobatornis fonsecai*), một loài chim sống trong rừng ca-cao trong bóng râm ở khu vực nhỏ phía đông bắc Bra-xin, nơi mà rừng nguyên sinh hầu hết không còn. Mặt khác, cà-phê trồng ở khu vực quang quẻ

hoặc khu vực có bóng râm tối thiểu thì có mức đa dạng sinh học thấp. Tương tự như vậy, một số giống lúa có vai trò là vùng nước thay thế cho nhiều loài chim và các loài thủy sinh khác, trong khi hệ thống trồng giống lúa khác không đóng góp cho bảo tồn đa dạng sinh học. Trong các môi trường nông nghiệp hoặc điều chỉnh có giá trị đa dạng sinh học nhất định đó, nên áp dụng biện pháp giảm nhẹ “với mức độ thích hợp” để duy trì hoặc cải thiện giá trị đa dạng sinh học đó.

Hướng dẫn 42. Chú thích 5 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 nêu vấn đề “sự xuống cấp của môi trường sống phải diễn ra trong vòng bao nhiêu lâu thì môi trường sẽ được coi là “điều chỉnh?”. Nói cách khác, nếu khu vực mới bị điều chỉnh đáng kể năm ngoài, liệu khu vực đó có được coi là môi trường sống điều chỉnh? Môi trường sống sẽ được coi là bị điều chỉnh nếu nó tồn tại trong điều kiện đó trong khoảng thời gian kéo dài và không thể phục hồi cách khác để trở về tình trạng tự nhiên. Môi trường sống sẽ không bị coi là điều chỉnh nếu hoạt động của bản thân khách hàng là nguyên nhân tạo điều chỉnh đáng kể để chuẩn bị tiếp nhận đầu tư. Tương tự như vậy, môi trường sống trước kia nguyên vẹn vừa mới chịu tác động của các hoạt động sử dụng đất đai phi bền vững của bên thứ ba sẽ không làm cho khu vực đó được coi là môi trường sống điều chỉnh. Sự bất ổn tự nhiên như cháy rừng, bão hoặc lốc xoáy ảnh hưởng tới môi trường sống tự nhiên cũng không làm cho khu vực được coi là môi trường sống điều chỉnh. Cũng như vậy, liên quan tới phần Quản lý bền vững đối với tài nguyên thiên nhiên sống của Tiêu chuẩn hoạt động 6, Tiêu chuẩn hoạt động 6 sẽ tôn trọng ngày cuối cùng đối với việc bảo tồn môi trường sống tự nhiên theo sự xác định của tiêu chuẩn tự nguyện được quốc tế công nhận như FSC và RSPO.

Môi trường sống tự nhiên

13. Môi trường sống tự nhiên là nơi tập hợp những loại thực vật và/hoặc động vật bản xứ và/hoặc các hoạt động của con người không làm thay đổi cơ bản chức năng sinh thái cơ bản và cấu trúc loài của khu vực đó. Khách hàng được coi là không làm thay đổi hay suy thoái⁷ môi trường sống tự nhiên một cách đáng kể nếu không xảy ra tất cả những tình trạng sau:

- Không có biện pháp thay thế khả thi nào trong vùng để có thể phát triển dự án ở môi trường sống điều chỉnh;

⁷ Chuyển đổi hay suy thoái đáng kể là (i) loại bỏ hoặc giảm đáng kể tình trạng của một môi trường sống do những thay đổi lâu dài và/hoặc lớn trong sử dụng đất và nước; hoặc (ii) thay đổi mà giảm thiểu khả năng môi trường sống để duy trì dân số các loài bản địa

- Tham vấn có ý kiến của các bên liên quan, kể cả cộng đồng bị ảnh hưởng, về mức độ chuyển đổi và suy thoái;⁸
- Bất kỳ sự chuyển đổi hay suy thoái nào đã được giải quyết theo hệ thống phân cấp.

14. Trong các khu vực môi trường sống tự nhiên, các biện pháp giảm nhẹ khi có thể sẽ được thiết kế để đa dạng sinh học không bị giảm đi.⁹ Các biện pháp thích hợp chẳng hạn như:

- Tránh những tác động lên đa dạng sinh học qua quá trình xác định và bảo hộ nguồn dự trữ;¹⁰
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự phân rã môi trường sống như hành lang sinh vật;
- Phục hồi môi trường sống sau quá trình hoạt động; Thực hiện các bù đắp đa dạng sinh học.

Hướng dẫn 43. Như được nêu trong khoản Hướng dẫn 37 trong phần về môi trường sống điều chỉnh, không có hệ thống đo lường được xác định trước để phân định thế nào là môi trường sống tự nhiên. Việc xác định môi trường sống tự nhiên sẽ được tiến hành dựa trên quá trình phân tích khoa học đáng tin cậy và thông tin tốt nhất có thể có. Phải tiến hành đánh giá và so sánh điều kiện hiện nay và lịch sử, và nên sử dụng kiến thức và kinh nghiệm địa phương. Không nên hiểu môi trường sống tự nhiên là môi trường sống chưa bị đụng chạm hoặc nguyên sơ. Nên hiểu là phần lớn các môi trường sống được xác định là tự nhiên đã từng chịu tác động nhân loại học trước kia trong lịch sử hoặc mới đây. Vấn đề là mức độ tác động. Nếu môi trường sống phần lớn vẫn giữ được đặc điểm chính và yếu tố cấu thành cơ bản của hệ sinh thái, như độ phức tạp, cơ cấu và sự đa dạng, thì khu vực đó nên được coi là môi trường sống tự nhiên mà không phụ thuộc vào sự hiện diện của một số loài xâm lấn, rừng thứ cấp, nơi ở của con người hoặc sự thay đổi khác do con người gây ra.

Hướng dẫn 44. Việc chuyển đổi hoặc xuống cấp đáng kể của môi trường sống tự nhiên sẽ chưa diễn ra cho tới khi khách hàng chứng minh đã đáp ứng tất cả ba yêu cầu trong khoản 14, và doanh nghiệp chứng minh được là mọi hoạt động để xuất tuân thủ quy định về sử dụng

đất đai và cấp phép. Điểm đầu tiên là không có phương án lựa chọn địa điểm dự án trong môi trường điều chỉnh (trong khu vực đó). Điều này đặc biệt quan trọng đối với dự án nông nghiệp khi trong một số trường hợp có thể ưu tiên lựa chọn địa điểm cho dự án trong khu vực bị chuyển đổi và đã xuống cấp đáng kể hơn là trong những khu vực vừa mới bị chặt phá rừng hoặc trong khu vực có hình thức môi trường sống tự nhiên khác (ví dụ thảo nguyên nhiệt đới). Trong các trường hợp đó, phải tiến hành nghiên cứu địa điểm thay thế một cách kỹ lưỡng để xem xét các phương án có thể có cho dự án trong môi trường sống điều chỉnh. Thuật ngữ “có thể có” bao gồm, nhưng không bị hạn chế bởi các phương án khả thi về kỹ thuật và tài chính. Trong phần lớn các trường hợp, nghiên cứu này cũng với nghiên cứu phương án thay thế sẽ là một phần của quá trình xác định rủi ro và tác động. Nghiên cứu này cũng phải kỹ lưỡng hơn đáng kể so với nghiên cứu thông thường trong ESIA, và phải cung cấp chi tiết về phương án thay thế địa điểm phát triển dự án, cũng như bảng kê chi phí phụ trội khi phát triển môi trường sống điều tiết thay cho môi trường sống tự nhiên.

Hướng dẫn 45. Điểm thứ hai trong khoản 14 liên quan tới sự tham gia và tham vấn của các bên liên quan. Nếu dự án có tiềm năng dẫn tới việc chuyển đổi hoặc xuống cấp đáng kể của môi trường sống tự nhiên, nhóm các bên liên quan phải được tham gia trong đổi thay chặt chẽ, công bằng và cân đối với sự hiện diện của nhiều bên liên quan. Yêu cầu với khách hàng trong sự tham gia của các bên liên quan được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1, hướng dẫn liên quan được nêu trong Hướng dẫn 1. Đặc biệt các bên liên quan phải được tham gia trong các vấn đề liên quan tới (i) mức độ chuyển đổi và xuống cấp; (ii) nghiên cứu phương án thay thế; (iii) đa dạng sinh học và giá trị dịch vụ hệ sinh thái trong môi trường sống tự nhiên; (iv) phương án giảm nhẹ, bao gồm cả phần được dành riêng và bồi hoàn đa dạng sinh học; và (v) xác định cơ hội bổ sung cho sự bảo tồn đa dạng sinh học (xem khoản Hướng dẫn 34). Khách hàng phải lưu hồ sơ về các hoạt động tham gia và tham vấn này và chứng minh là đã xem xét và lưu ý tới các quan điểm trên trong quá trình thiết kế dự án. Các bên liên quan phải có nhiều quan điểm khác nhau, ngoài các Cộng đồng bị ảnh hưởng còn bao gồm các chuyên gia khoa học và kỹ thuật, các cơ quan/tổ chức liên quan chịu trách nhiệm bảo tồn đa dạng sinh học hoặc điều phối/quản lý dịch vụ môi trường, và thành viên cộng đồng NGO về bảo tồn quốc tế.

Hướng dẫn 46. Điểm thứ ba trong khoản 14 một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng phải chứng minh đã áp dụng thứ tự ưu tiên đối với các biện pháp giảm nhẹ. Hướng dẫn chung về thứ tự ưu tiên giảm nhẹ được cung cấp trong

⁸ Được thực hiện trong quá trình tham vấn lấy ý kiến các bên liên quan theo Tiêu chuẩn hoạt động 1.

⁹ Không có tổn thất tinh thể được hiểu là ở điểm mà tác động của dự án lên đa dạng sinh học được cân bằng bởi các biện pháp tránh và giảm thiểu tác động của dự án, phục hồi tại chỗ và cuối cùng bù đắp lại những hậu quả để lại nếu có ở một phạm vi địa lý phù hợp (ví dụ như địa phương, một khu đất, quốc gia, vùng).

¹⁰ Dự trữ là những vùng đất trong khuôn khổ dự án hay những khu vực mà khách hàng có quyền kiểm soát và được loại trừ khỏi quá trình phát triển của dự án và được dùng để thực hiện các biện pháp tăng cường bảo tồn. Dự trữ có thể có những giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa và/hoặc cung cấp dịch vụ hệ sinh thái quan trọng ở cấp địa phương, quốc gia, và/hoặc vùng. Dự trữ nên được định nghĩa theo phương pháp luận được quốc tế công nhận (ví dụ Giá trị bảo tồn cao, lập kế hoạch bảo tồn có hệ thống).

khoản Hướng dẫn 16; tuy nhiên thông tin hướng dẫn bổ sung được nêu tại khoản này liên quan tới việc áp dụng các biện pháp giảm nhẹ tại chỗ như biện pháp giảm nhẹ sự xuống cấp của môi trường sống, và điều này đặc biệt quan trọng đối với các hoạt động trong môi trường sống tự nhiên. Đối với các biện pháp giảm nhẹ tại chỗ, có thể có nhiều biện pháp, và tốt nhất là nên được lựa chọn bởi các kỹ sư môi trường, chuyên gia quản lý xói mòn và phục hồi, và chuyên gia quản lý đa dạng sinh học. Về tổng thể, khách hàng nên cố gắng giảm thiểu sự xuống cấp của môi trường sống bằng cách tuân thủ nguyên tắc giảm thiểu đầu án để lại trong suốt vòng đời dự án. Sự xuống cấp của môi trường sống là một trong những mối đe dọa đáng kể nhất đối với đa dạng sinh học liên quan tới các dự án có sự phát triển đất đai đáng kể. Ngoài việc giảm thiểu đầu án, khách hàng nên áp dụng chiến lược phục hồi môi trường thích hợp, bao gồm việc phục hồi vật chất, lập kế hoạch và có biện pháp cải tạo và phủ xanh lại (hoặc phục chế) trong giai đoạn sớm nhất có thể của kế hoạch dự án. Nguyên tắc cơ bản nên bao gồm (i) bảo vệ lớp đất phủ và hồi phục lớp phủ xanh càng sớm càng tốt sau giai đoạn xây dựng hoặc tác động; (ii) phục hồi môi trường sống nguyên gốc trở về điều kiện trước khi xây dựng hoặc tác động; (iii) biện pháp giảm nhẹ bao gồm kiểm soát quản lý và đào tạo lực lượng lao động; và (iv) nếu giống loài bản địa (đặc biệt là loài được bảo vệ) không thể được lưu giữ tại chỗ thì phải cân nhắc biện pháp bảo tồn như di chuyển/di dời. Biện pháp giảm nhẹ tại chỗ phải được bao gồm trong Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học hoặc quản lý môi trường (xem thêm Phụ lục A).

Hướng dẫn 47. Như được nêu trong khoản 15 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, trong một khu vực của môi trường sống tự nhiên, không phụ thuộc vào triển vọng của việc chuyển đổi và xuống cấp đáng kể, khách hàng phải thiết kế biện pháp giảm nhẹ để “không có tổn thất thuần” đối với đa dạng sinh học nếu khả thi, bằng cách áp dụng các biện pháp giảm nhẹ tại chỗ và bồi hoàn. “Không có tổn thất thuần” được định nghĩa trong chú thích 9 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 là “một điểm khi tác động do dự án tạo ra đối với đa dạng sinh học được cân bằng bởi các biện pháp nhằm phòng tránh và giảm thiểu tác động của dự án, phục hồi tại chỗ và cuối cùng là bồi hoàn tác động tồn dư đáng kể, nếu có, trên quy mô địa lý thích hợp (ví dụ địa phương, cấp độ cảnh quan, quốc gia, khu vực).” Không có tổn thất thuần để cập tới giá trị đa dạng sinh học liên quan tới khu vực cụ thể của dự án và được bảo tồn với quy mô môi trường phù hợp. Yếu tố quy mô này được nhấn mạnh nhiều lần trong Tiêu chuẩn hoạt động (ví dụ chú thích 3 (bồi hoàn), chú thích 12 (môi trường sống quan trọng)) và một số lần trong Hướng dẫn. Có nhiều phương pháp để tính toán tổn thất đối với giá trị được xác định của đa dạng sinh học và lượng hóa tổn

thất tồn dư. Các biện pháp trên cần phải đi đôi với việc đánh giá để xác định xem các tổn thất đó có thể được bù đắp bởi các lợi ích đạt được qua các biện pháp giảm nhẹ, bao gồm biện pháp giảm nhẹ bồi hoàn, Biện pháp và phương thức đo lường thích hợp có thể khác biệt tùy khu vực, và khách hàng phải có các chuyên gia có thẩm quyền để chứng minh là có thể không để xảy ra tổn thất thuần. Tùy theo đặc điểm và quy mô của dự án, cũng như cấp độ của môi trường sống tự nhiên, việc tính toán tổn thất/lợi ích để xác định biện pháp giảm nhẹ bồi hoàn có thể được thay thế bởi quyết định của chuyên gia khi xác định mức độ thích hợp của sự bồi hoàn.

Hướng dẫn 48. Khoản 15 miêu tả một số biện pháp giảm nhẹ tiềm năng phù hợp với thứ tự ưu tiên giảm nhẹ liên quan cụ thể tới việc không để xảy ra tổn thất thuần trong môi trường sống tự nhiên. Điểm đầu tiên xác định khu vực “dành riêng”, là những địa điểm thông thường nằm trong khu vực dự án hoặc trong khu vực liên kế mà khách hàng có quyền quản lý, và được “tách riêng khỏi dự án và được dành cho việc áp dụng các biện pháp tăng cường bảo tồn” (chú thích 10). Khu vực dành riêng là một hình thức biện pháp giảm nhẹ phổ biến trong lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp. Thuật ngữ này ít được biết hơn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, dầu và khí, các lĩnh vực công nghiệp khác (ví dụ sản xuất xi-măng và khai thác vật liệu xây dựng), và lĩnh vực phát triển nhà ở và cơ sở hạ tầng. Khu vực dành riêng cũng có thể là khu vực Giá trị bảo tồn cao (HCV) (xem khoản Hướng dẫn 35). Thuật ngữ “dành riêng” được dùng trong phiên bản 2011 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 để nhất quán hơn với một số văn bản luật pháp của chính phủ và với nhiều tiêu chuẩn tự nguyện quốc tế đã và đang hình thành, như Hội đồng quản lý rừng (FSC) và Bản tròn về đầu cọ bền vững (RSPO). Mặc dù các lĩnh vực công nghiệp/phát triển hạ tầng khác thường không áp dụng thuật ngữ “dành riêng”, nhưng tập quán của những ngành đó là tương đồng về khía cạnh là các khu vực có giá trị đa dạng sinh học tương đối cao trong khu vực dự án hoặc khu vực khai thác được tránh và dành riêng cho mục đích bảo tồn.

Hướng dẫn 49. Khu vực dành riêng và sự bồi hoàn đa dạng sinh học là hai khái niệm liên quan nhưng khác biệt. Bồi hoàn đa dạng sinh học có mục đích đền bù cho tác động tồn dư đáng kể, và phải chứng minh là không gây tổn thất thuần, và nếu có thể thì có lợi ích thuần tích cực về đa dạng sinh học. Khu vực dành riêng tương đương với biện pháp phòng tránh theo thứ tự giảm nhẹ ưu tiên và đôi khi do chính phủ quy định về tỷ lệ nhất định (ví dụ 20 phần trăm) của khu vực sẽ chuyển đổi. Không giống như khu vực dành riêng, việc thiết kế sự bồi hoàn đa dạng sinh học đòi hỏi bên thực hiện phải đánh giá xem tổn thất về đa dạng sinh học tại chỗ có

được đền bù bằng lợi ích về đa dạng sinh học trong khu vực dành riêng không. Xem khoản 10 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và hướng dẫn liên quan về khu vực dành riêng trong khoản Hướng dẫn 29 - Hướng dẫn 33.

Hướng dẫn 50. Điểm hai của khoản 15 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 nhấn mạnh việc khách hàng phải cân nhắc các biện pháp giảm nhẹ để giảm sự phân đoạn của môi trường sống. Sự phân đoạn của môi trường sống là một trong những tác động lan tỏa nhất đối với đa dạng sinh học trong môi trường sống tự nhiên và thường dẫn tới sự xuống cấp lâu dài của môi trường sống vì có tác động bền lâu, gia tăng sự tiếp cận của bên thứ ba tới những khu vực trước kia không bị đụng đến, và đôi khi vì có lặp quanh thể động thực vật về mặt di truyền. Nếu dự án nằm trong khu hoang dã nguyên vẹn rộng lớn, khách hàng phải xác định các biện pháp hạn chế sự phân đoạn, như thiết kế hành lang cho động thực vật hoang dã hoặc có biện pháp khác để đảm bảo sự liên hệ giữa các môi trường sống hoặc quần thể khuynh tâm. Quy định này cũng liên quan tới quy định trong khoản 6 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 về sự cân nhắc đối với cảnh quan mặt đất/mặt biển (xem thêm khoản Hướng dẫn 17). Nghiên cứu ở cấp độ cảnh quan mặt đất/mặt biển sẽ giúp khách hàng xác định biện pháp giảm nhẹ có giá trị trên quy mô lớn hơn. Tác động gián tiếp liên quan tới sự tiếp cận của bên thứ ba có thể đặc biệt có hại đối với đa dạng sinh học và liên quan tới vấn đề phân đoạn môi trường sống. Khách hàng xây dựng hạ tầng cơ sở tuyến tính và/hoặc đường tiếp cận nên ưu tiên phát triển biện pháp quản lý việc bên thứ ba sử dụng khu vực trên. Biện pháp giảm nhẹ nên được thảo luận đầy đủ với các nhà quản lý xây dựng và vận hành dự án để đảm bảo có cách tiếp cận được điều phối lâu dài. Chính phủ cũng nên được biết đầy đủ về cam kết của dự án vì có thể quan tâm tới việc duy trì tuyến đường tiếp cận của dự án cho mục đích công cộng sau giai đoạn xây dựng và/hoặc kết thúc dự án. Biện pháp giảm nhẹ này tốt nhất nên được thực hiện quan Kế hoạch quản lý tiếp cận gia tăng.

Hướng dẫn 51. Đối với điểm ba khoản 15 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, xem thêm hướng dẫn liên quan trong khoản 16 về phục hồi môi trường sống. Hai quá trình phòng tránh và phục hồi môi trường sống đặc biệt quan trọng đối với khu vực có rừng các-bon cao cũng như môi trường sống biển và ven biển dễ bị tổn thương bởi tác động của thay đổi khí hậu hoặc khu vực đóng góp cho việc giảm nhẹ thay đổi khí hậu, như vùng cây đước, vùng than bùn, đầm lầy nước mặn theo thủy triều, rừng táo bẹ và vùng táo biển.

Hướng dẫn 52. Cuối cùng, liên quan tới điểm bốn khoản

15 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, việc bồi hoàn đa dạng sinh học là một trong những biện pháp quan trọng để khách hàng có thể không gây tổn thất thuần cho đa dạng sinh học trong môi trường sống tự nhiên. Hướng dẫn về bồi hoàn đa dạng sinh học được nêu trong khoản Hướng dẫn 29 - Hướng dẫn 33. Nếu có cơ chế đáng tin cậy và liên quan về bồi hoàn đa dạng sinh học/ngân hàng bảo tồn, việc khách hàng đầu tư và các chương trình trên có tiềm năng đáp ứng yêu cầu bồi hoàn. Khách hàng phải chứng minh các sáng kiến trên là đáng tin cậy và lâu dài, và chính các quy định nêu trong khoản 10 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 về bồi hoàn đa dạng sinh học sẽ được áp dụng trong những trường hợp như vậy (ví dụ thay thế tương đương hoặc tốt hơn, chứng minh kết quả có thể đo đếm tại chỗ, hoặc tại hiện trường, v.v...)

Hướng dẫn 53. Điều đặc biệt liên quan, nhưng không bị giới hạn bởi công nghiệp khai thác, là khách hàng phải xây dựng cơ chế tài chính cho quá trình hoàn nguyên^{HD10} đối với dự án trong môi trường sống tự nhiên và có tiềm năng có tác động đáng kể về dấu ấn của mình, dấu ấn của cơ sở vật chất liên quan và sự chuyển đổi đất đai liên quan. Chi phí liên quan tới hoàn nguyên và/hoặc hoạt động sau khi kết thúc dự án phải được đưa trên nghiên cứu khả thi kinh doanh trong giai đoạn lập kế hoạch và thiết kế. Tối thiểu thì cũng phải cân nhắc là có đủ mọi nguồn tài chính cần thiết, qua các cơ chế tài chính phù hợp, để trang trải chi phí hoàn nguyên và chấm dứt dự án trong bất cứ giai đoạn nào của vòng đời dự án, bao gồm cả việc hoàn nguyên sớm hay tạm thời hoặc chấm dứt dự án. Cơ chế tài chính cho hoàn nguyên đã được xây dựng hoàn chỉnh trong công nghiệp khai mỏ và được miêu tả trong Phần 1.4 của Hướng dẫn môi trường, sức khỏe và an toàn đối với ngành khai mỏ của Nhóm Ngân hàng thế giới. Cơ chế tương tự phải được thiết lập nếu áp dụng biện pháp bồi hoàn đa dạng sinh học.

Hướng dẫn 54. Biện pháp giảm nhẹ liên quan tới đa dạng sinh học và môi trường phải được liệt kê trong ESMS của khách hàng. Nếu biện pháp bồi hoàn đa dạng sinh học là một phần của chiến lược giảm nhẹ hoặc nếu các biện pháp khác chưa được tích hợp đầy đủ trong ESMS của khách hàng, phải xây dựng Kế hoạch hành động đa dạng sinh học. Xem thêm hướng dẫn trong phụ lục A.

^{HD10} Định nghĩa được nêu trong chú thích 4 khoản HD16 của Hướng dẫn này

¹¹ Như theo định nghĩa của danh sách đỏ của IUCN về các loài đang bị đe dọa. Việc xác định môi trường sống quan trọng dựa vào một số yếu tố khác như sau: (i) nếu loài được quốc gia hay vùng liệt vào danh sách các loài đang bị đe dọa hay đe dọa nghiêm trọng, ở những nước tuân thủ hướng dẫn của IUCN, việc xác định môi trường sống quan trọng sẽ tùy theo từng dự án có sự tư vấn của chuyên gia có năng lực; và (ii) ở những nước hay khu vực mà danh sách các loài đang bị đe dọa hay đe dọa nghiêm trọng không tương ứng với danh sách của IUCN (ví dụ một số nước chỉ phân loại "cần được bảo vệ" và "hạn chế") thì cần thực hiện đánh giá để xác định lý do và mục đích của phân loại này. Trong trường hợp đó, việc xác định môi trường sống quan trọng sẽ dựa vào đánh giá đó.

Môi trường sống quan trọng

15. Môi trường sống quan trọng là những khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, bao gồm (i) môi trường sống cần thiết cho sự sống còn của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng,¹¹ (ii) các khu vực có ý nghĩa đặc biệt đối với các loài đặc hữu hoặc bị hạn chế; (iii) những nơi rất quan trọng toàn cầu cho sự sống còn của các loài di cư và/hoặc loài bầy đàn, (iv) khu vực có tập hợp các hệ sinh thái đang bị đe dọa hay độc đáo; và/hoặc (v) các khu vực liên quan đến các quá trình tiến hóa.

Định nghĩa về môi trường sống quan trọng

Hướng dẫn 55. Định nghĩa về môi trường sống quan trọng nêu trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 phù hợp với tiêu chí của một loạt các định nghĩa về môi trường sống ưu tiên đối với bảo tồn đa dạng sinh học mà cộng đồng bảo tồn đang sử dụng và được đưa vào các văn bản pháp luật và quy định của chính phủ. Môi trường sống quan trọng là khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, có thể bao gồm ít nhất một hoặc nhiều giá trị trong số năm giá trị được nêu trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và/hoặc các giá trị đa dạng sinh học cao được công nhận khác. Để dễ tham chiếu, các giá trị trên được nhắc tới như tiêu chí môi trường sống quan trọng trong văn bản này. Mỗi tiêu chí được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 71 - Hướng dẫn 79. Tiêu chí của môi trường sống quan trọng được đề cập dưới đây và nên được sử dụng làm cơ sở cho mọi quá trình đánh giá môi trường sống quan trọng:

- *Tiêu chí 1: Loài có Nguy cơ tuyệt chủng cao (CR) và/hoặc có Nguy cơ tuyệt chủng (EN)*
- *Tiêu chí 2: Loài đặc hữu và/hoặc có phạm vi sống giới hạn*
- *Tiêu chí 3: Loài di cư và/hoặc loài tập trung có số lượng lớn*
- *Tiêu chí 4: Hệ sinh thái bị đe dọa ở mức cao và/hoặc độc đáo*
- *Tiêu chí 5: Quá trình tiến hóa then chốt*

Hướng dẫn 56. Tuy nhiên, định nghĩa về môi trường sống quan trọng không nhất thiết bị giới hạn bởi những tiêu chí này. Các giá trị cao khác được công nhận về đa dạng sinh học cũng có thể hỗ trợ thêm cho việc xác định môi trường sống quan trọng, và mức độ phù hợp của quyết định này sẽ được đánh giá trên cơ sở từng trường hợp. Ví dụ bao gồm:

- Khu vực có nhu cầu phải tái phân bố các loài có nguy cơ tuyệt chủng cao (CR) và có nguy cơ tuyệt

chủng (EN) và nơi trú ngụ cho các loài trên (môi trường được sử dụng trong giai đoạn khó khăn (ví dụ lũ lụt, hạn hán hoặc cháy).

- Hệ sinh thái được biết là có giá trị đặc biệt đối với các loài EN hoặc CR với mục đích thích nghi.
- Nơi hội tụ các loài dễ bị tổn thương (VU) trong trường hợp chưa rõ về việc phân loại danh sách, và sự phân loại thực tế của các loài có thể là EN hoặc CR.
- Khu vực có rừng nguyên sinh/lưu niên/nguyên gốc và/hoặc khu vực khác có mức đa dạng đặc biệt cao của các loài.
- Môi trường sống cần thiết cho sự sống sót của các loài then chốt.^{11D11}
- Khu vực có giá trị khoa học cao, như khu vực có sự tập trung của các loài còn mới và/hoặc ít được biết đối với khoa học.

Hướng dẫn 57. Nhìn chung, những khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao được quốc tế và/hoặc quốc gia công nhận có khả năng được công nhận là môi trường sống quan trọng, và ví dụ bao gồm:

- Khu vực đáp ứng yêu cầu của Tiêu chí quản lý khu vực bảo vệ Ia, Ib và II của IUCN, mặc dù khu vực đáp ứng yêu cầu của Tiêu chí quản lý III-IV cũng có thể được công nhận tùy theo giá trị đa dạng sinh học đặc hữu cho khu vực đó.
- Khu vực di sản thiên nhiên thế giới UNESCO được công nhận về Giá trị toàn cầu vượt bậc.
- Phần lớn các khu vực đa dạng sinh học then chốt (KBA),^{11D12} trong đó có bao gồm Khu vực Ramsar, Khu vực loài chim quan trọng (IBA), Khu vực thực vật quan trọng (IPA) và Liên minh khu vực không xảy ra tuyệt chủng (AZE).
- Khu vực được xác định là không thể thay thế được hoặc có mức ưu tiên/tầm quan trọng cao dựa trên các kỹ thuật lập kế hoạch bảo tồn có hệ thống, được tiến hành trên quy mô cảnh quan và/hoặc khu vực bởi các cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu khoa học được công nhận và/hoặc các tổ chức liên quan đủ năng lực khác (bao gồm các NGO được quốc tế công nhận).
- Khu vực được khách hàng xác định có Giá trị bảo tồn cao (HCV) thông qua các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận, trong đó các tiêu chí áp dụng nhất quán với giá trị đa dạng sinh học cao như được nêu trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6.

^{11D11} Định nghĩa này liên quan tới các loài có tác động không tương xứng về sinh khối đối với môi trường, và nếu loài bỏ loài đó sẽ gây ra sự thay đổi đáng kể về cơ cấu hệ sinh thái và tồn tại về đa dạng sinh học.

^{11D12} Khu vực đa dạng then chốt là các khu vực trên bản đồ quốc gia có tầm quan trọng toàn cầu đối với bảo tồn đa dạng sinh học được lựa chọn dựa trên tiêu chí theo tiêu chuẩn quốc tế và dựa trên giới hạn của khuôn khổ về tính dễ bị tổn thương và khả năng không thể thay thế được sử dụng rộng rãi trong quá trình lập kế hoạch bảo tồn có hệ thống. Xem Langhammer, P. F. và những người khác, 2007 trong Danh mục tham khảo.

Cấp độ môi trường sống quan trọng

Hướng dẫn 58. Có nhiều cấp độ của môi trường sống quan trọng hoặc tiếp diễn của mức độ đa dạng sinh học liên quan tới môi trường sống quan trọng dựa trên khả năng dễ bị tổn thương tương đối (cấp độ đe dọa) và không thể thay thế được (độ hiếm hoặc độc đáo) của khu vực. Thang bậc cấp độ hoặc tiếp diễn mức độ quan trọng được áp dụng đối với tất cả các tiêu chí như được nêu trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Ngay trong cùng một khu vực được xác định là môi trường sống quan trọng, có thể có các đặc điểm của môi trường sống hoặc nhiều môi trường sống với giá trị đa dạng sinh học cao hơn hoặc thấp hơn. Cũng có thể có các trường hợp dự án nằm trong khu vực diện rộng được công nhận là môi trường sống quan trọng, nhưng bản thân khu vực dự án bị điều chỉnh với mức độ cao.

Hướng dẫn 59. Để hỗ trợ quá trình quyết định, có các giới hạn lượng hóa đối với ba tiêu chí đầu tiên của môi trường sống quan trọng (là loài CR/EN; loài đặc hữu/có phạm vi giới hạn; loài di cư/tập trung có số lượng lớn). Giới hạn được nêu trong Hướng dẫn này xuất phát từ các giới hạn lượng hóa có tiêu chuẩn toàn cầu do IUCN xuất bản trong Hướng dẫn tập quán tốt nhất cho khu vực bảo vệ.^{HD13} Đối với đoạn này, nội dung trích dẫn được nêu trong nội dung văn bản để dễ tham khảo.

Hướng dẫn 60. Mức giới hạn hình thành nên cơ sở cho cách tiếp cận theo tầng lớp, bằng cách vận dụng giới hạn lượng hóa để phân bổ Tiêu chí 1 đến 3 về Cấp 1 hoặc Cấp 2 của môi trường sống quan trọng. Thông tin tổng hợp về các cấp với giới hạn đối với mỗi tiêu chí được cung cấp trong bảng ngay sau khoản Hướng dẫn 89. Khoản Hướng dẫn 71 - Hướng dẫn 97 bàn chi tiết về mỗi tiêu chí liên quan tới các cấp. Phải nhấn mạnh là cả giới hạn và các cấp liên quan có tính chất định hướng và được dùng với tư cách hướng dẫn trong quá trình quyết định. Không có công thức chung hoặc tự động nào để xác định về môi trường sống quan trọng. Sự tham gia của chuyên gia bên ngoài và đánh giá cụ thể về dự án là quan trọng nhất, đặc biệt nếu trong phần lớn các trường hợp dữ liệu bị hạn chế.

Hướng dẫn 61. Môi trường sống Cấp 1 và Cấp 2 có thể được coi là quan trọng nhưng khả năng dự án đầu tư vào môi trường sống Cấp 1 nhìn chung bị coi là thấp hơn so với môi trường sống Cấp 2. Tuy nhiên, khi xét đến tính nhạy cảm của môi trường sống Cấp 1, nếu dự án nằm trong môi trường đó, hoặc môi trường có tầm quan trọng tương đối với Tiêu chí 4 và 5, thì khách hàng

^{HD13} Xem Langhammer, P. F. và những người khác, 2007. Xác định và Nghiên cứu thông tin còn thiếu của khu vực đa dạng sinh học then chốt Mục tiêu của hệ thống khu vực bảo vệ toàn diện. Loạt sách hướng dẫn về tập quán tốt nhất đối với khu vực được bảo vệ số 15, IUCN, Gland, Thụy Sĩ.

thường ít khả năng đáp ứng yêu cầu khoản 17 - 19 của Tiêu chuẩn hoạt động 6.

Hướng dẫn 62. Đối với Tiêu chí 4 và 5, chưa hình thành đầy đủ các giới hạn lượng hóa được quốc tế công nhận. Mặc dù việc áp dụng giới hạn có thể là phù hợp, đặc biệt là đối với hệ sinh thái có nguy cơ tuyệt chủng cao và/hoặc độc đáo (Tiêu chí 4), nhưng chưa có sự đồng thuận quốc tế về tiêu chuẩn duy nhất. Tuy vậy, hiện đang có nỗ lực để xây dựng các phương pháp trên và Ủy ban IUCN về quản lý hệ sinh thái đang phát động sáng kiến xây dựng tiêu chí và hạng mục đối với hệ sinh thái có nguy cơ tuyệt chủng và quý hiếm.^{HD14,HD15} Trước khi các tiêu chí và hạng mục trên được hình thành chắc chắn hơn và có khả năng được tiếp cận hơn bởi đa số các tổ chức thực hành, sẽ phải sử dụng thông tin khoa học và ý kiến chuyên gia tốt nhất hiện có để hỗ trợ quá trình quyết định đối với tầm "quan trọng" của môi trường sống liên quan tới các tiêu chí trên. Tuy nhiên phải nhấn mạnh là trong quá trình xác định môi trường sống quan trọng, mỗi tiêu chí được cân nhắc có giá trị ngang nhau về mức độ phù hợp tiềm năng với khoản 17 - 19 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Không có tiêu chí nào quan trọng hơn tiêu chí nào trong quá trình xác định môi trường sống quan trọng hoặc khi xác định mức độ phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 6. Các tiêu chí theo Cấp độ (Tiêu chí 1 đến 3) và không theo cấp độ (Tiêu chí 4 và 5) có giá trị như nhau về khía cạnh này.

Hướng dẫn 63. Khi tính đến quy mô của hệ sinh thái (ví dụ môi trường sống rừng, đồng cỏ, sa mạc, vùng nước ngọt và biển), hình thái khác nhau của môi trường sống quan trọng (ví dụ môi trường sống cần thiết cho sự sinh tồn của các loài có nguy cơ tuyệt chủng và di cư, khu vực có quá trình tiến hóa độc đáo) và chủng loại các loài (ví dụ sinh vật đáy, cây cỏ, côn trùng, chim, bò sát/lưỡng cư, nhiều loại động vật lớn) được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 6, các phương pháp đánh giá đa dạng sinh học cụ thể sẽ có tính đặc thù cho dự án và khu vực. Vì vậy Tiêu chuẩn hoạt động 6 sẽ không cung cấp phương pháp luận cho việc đánh giá đa dạng sinh học. Thay vào đó, có ba bước để định hướng chung cho khách hàng trong việc thiết kế quy mô chung cho việc đánh giá môi trường sống quan trọng.

Hướng dẫn 64. Phải nhấn mạnh là các đơn vị cảnh quan

^{HD14} Xem thêm thông tin: http://www.iucn.org/about/union/commissions/comm/cem_work/tg_red_list/

^{HD15} Xem Rodriguez, J.P. và người khác, 2011. Xây dựng tiêu chí danh sách đỏ của IUCN về hệ sinh thái có nguy cơ tuyệt chủng. Sinh vật học bảo tồn 25(1): 21 - 29; và Rodriguez, J.P. và người khác, 2007. Đánh giá nguy cơ tuyệt chủng nếu thiếu dữ liệu ở cấp độ giống loài: tiêu chí lượng hóa đối với hệ sinh thái trái đất. Đa dạng sinh học và bảo tồn 16(1): 183 - 209.

mặt đất và mặt biển có quy mô tương đối rộng lớn có thể được xác định là môi trường sống quan trọng. Vì vậy, quy mô của việc đánh giá môi trường sống quan trọng sẽ phụ thuộc vào đặc điểm đa dạng sinh học cụ thể đang được xem xét và các quá trình môi trường cần thiết để duy trì đa dạng sinh học đó. Việc đánh giá môi trường sống quan trọng không nên chỉ tập trung vào khu vực dự án. Khách hàng phải chuẩn bị để nghiên cứu tại văn phòng, tham vấn chuyên gia và các bên liên quan khác để hiểu rõ được tầm quan trọng tương đối hoặc tính độc đáo của khu vực trong mối tương quan về quy mô khu vực và thậm chí toàn cầu, và/hoặc tiến hành điều tra hiện trường vượt ra ngoài ranh giới khu vực dự án. Công tác này phải là một phần của nghiên cứu cảnh quan mặt đất/mặt biển như được nêu trong khoản 6 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và khoản Hướng dẫn 17.

Hướng dẫn 65. Đối với Tiêu chí 1 đến 3, dự án phải xác định ranh giới nhạy cảm (về môi trường hoặc chính trị) để xác định khu vực môi trường sống được nghiên cứu trong Đánh giá môi trường sống quan trọng. Đó được gọi là “đơn vị quản lý riêng rẽ”, là khu vực với ranh giới được xác định, trong đó các quần thể sinh học và/hoặc các vấn đề quản lý có mối quan hệ tương đồng chặt chẽ với nhau hơn so với khu vực liền kề (vay mượn từ định nghĩa về sự riêng rẽ của Liên minh khu vực không xảy ra tuyệt chủng). Đơn vị quản lý riêng rẽ có thể có hoặc không có ranh giới quản lý thực tế (ví dụ khu vực được pháp luật bảo vệ, khu vực Di sản thế giới, KBA, IBA, tài nguyên dự trữ của cộng đồng) nhưng cũng có thể được xác định bởi ranh giới khác nhạy cảm về môi trường (ví dụ lưu vực, nơi giao nhau của các dòng sông, khoảng rừng nguyên sinh với một số môi trường sống điều chỉnh xem kẽ, môi trường sống rong biển, dải san hô, khu vực nước dâng tập trung, v.v...). Việc hoạch định đơn vị quản lý phụ thuộc vào giống loài (và đôi khi vào loài lớp dưới) đang được xem xét.

Hướng dẫn 66. Ba bước được mô tả dưới đây để tổng kết các phương pháp cơ bản dùng trong việc xác định và miêu tả đặc điểm môi trường sống quan trọng. Lưu ý là loại hình dự án, tác động và chiến lược giảm nhẹ của dự án không liên quan tới việc thực hiện Bước 1 đến 3. Việc xác định môi trường sống quan trọng và tác động của dự án cụ thể là hai khái niệm không liên quan. Việc xác định môi trường sống quan trọng dựa trên sự hiện diện của giá trị đa dạng sinh học cao không phụ thuộc vào việc dự án có được triển khai trong môi trường đó hay không. Khách hàng không nên lập luận rằng họ không nằm trong môi trường sống quan trọng trên cơ sở dấu ấn hoặc tác động của dự án. Ví dụ nếu giá trị đa dạng sinh học được dùng để xác định môi trường sống quan trọng là quần thể bò sát có nguy cơ tuyệt chủng có

giá trị khu vực (Tiêu chí 1), và khách hàng đang phát triển nhà máy điện gió trong môi trường sống quan trọng đó, dự án của khách hàng được coi là nằm trong môi trường sống quan trọng không phụ thuộc vào tác động) hoặc “không tác động”) của nhà máy điện gió đó. Trong mọi trường hợp, khách hàng có trách nhiệm tôn trọng giá trị đa dạng sinh học hiện có của khu vực dự án. Các bước được liệt kê ở dưới tập trung vào nội dung này. Bước tiếp theo là xây dựng chiến lược giảm nhẹ phù hợp. Hướng dẫn về nội dung này có trong khoản Hướng dẫn 98 - Hướng dẫn 112.

Bước 1 - Tham vấn các bên liên quan/Nghiên cứu tài liệu ban đầu

Mục tiêu: Đạt được sự hiểu biết về đa dạng sinh học trong phạm vi cảnh quan từ quan điểm của mọi bên liên quan.

Quá trình: Hoạt động tham vấn thực địa và nghiên cứu ở văn phòng.

Hướng dẫn 67. Nghiên cứu tài liệu ban đầu một cách kỹ lưỡng và tham vấn với các bên liên quan bao gồm các tổ chức bảo tồn đã được thành lập, chính phủ hoặc các cơ quan liên quan khác, viện nghiên cứu khoa học và chuyên gia bên ngoài được công nhận, bao gồm chuyên gia về giống loài, là thiết yếu trong việc xác định xem dự án có nằm trong môi trường sống quan trọng không. Tham vấn các bên liên quan/nghiên cứu tài liệu phải cung cấp thông tin về giá trị đa dạng sinh học liên quan tới khu vực ảnh hưởng của dự án. Bước này giống hướng dẫn trong khoản Hướng dẫn 10 - Hướng dẫn 12 của quy định chung đối với khách hàng của Tiêu chuẩn hoạt động 6, nhưng phải tiến hành một cách kỹ lưỡng hơn đối với các dự án nằm trong môi trường sống quan trọng. Giai đoạn đánh giá này không nên tập trung vào việc xem xét giá trị đa dạng sinh học có đủ để xác định môi trường sống là quan trọng hay không và/hoặc liệu dự án có tác động tới giá trị đa dạng sinh học cụ thể không. Mục tiêu của giai đoạn sơ bộ này là để hiểu được một cách khách quan về giá trị đa dạng sinh học của cảnh quan mặt đất/mặt biển. Nên lưu ý là việc xác định môi trường sống quan trọng phải phù hợp với các cơ chế ưu tiên cảnh quan hiện có trong bảo tồn đa dạng sinh học của hệ thống các tổ chức bảo tồn trong nước, các nhóm bảo tồn quốc tế, viện nghiên cứu và/hoặc chính quyền địa phương/quốc gia. Vì vậy, trong giai đoạn này phải tham khảo cả kết quả đánh giá kế hoạch bảo tồn có hệ thống của các cơ quan nhà nước, các viện nghiên cứu khoa học được công nhận và/hoặc các tổ chức đủ năng lực khác (bao gồm cả NGO được quốc tế công nhận). Việc tham khảo này có thể cung cấp thông tin về hệ sinh thái bị đe dọa, chủng loài thực vật và cấp độ đất đai.

Bước 2: Thu thập dữ liệu tại hiện trường và xác nhận thông tin hiện có

Mục tiêu: Thu thập dữ liệu hiện trường và xác nhận thông tin chi tiết hiện có cần thiết để đánh giá môi trường sống quan trọng.

Quá trình: Có sự tham gia của chuyên gia đủ năng lực để thu thập dữ liệu cần thiết bên trong và bên ngoài khu vực dự án/khu vực quản lý riêng rẽ.

Hướng dẫn 68. Dữ liệu đa dạng sinh học hiện trường có thể đã được thu thập trong quá trình ESIA chung của dự án như được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 8 - Hướng dẫn 9. Trong trường hợp dữ liệu là không đủ hoặc nếu dữ liệu/hệ đo lường lượng hóa chưa tổng hợp không được coi là một phần của ESIA, khách hàng phải thu thập dữ liệu trên bằng cách kết hợp các phương pháp, ví dụ nghiên cứu kỹ gốc về đa dạng sinh học, nghiên cứu sinh thái, tham vấn chuyên gia và thu thập dữ liệu từ tài liệu khoa học mới nhất và từ Chiến lược và Kế hoạch hành động đa dạng sinh học quốc gia (NBSAP)^{HD16} nếu thích hợp. Phải thu thập thông tin về loài, môi trường sống, hệ sinh thái, quá trình tiến hóa và quá trình sinh thái - cả trong khu vực ảnh hưởng của dự án và ra ngoài bối cảnh rộng hơn của quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu nếu liên quan. Lưu ý là dữ liệu được thu thập riêng biệt nhưng có liên quan. Việc phối hợp và chia sẻ thông tin với chuyên gia xã hội có thể là quan trọng đối với một số dự án, đặc biệt nếu Cộng đồng bị ảnh hưởng có sinh kế dựa trên tài nguyên thiên nhiên. Đối với các loài, khách hàng phải tham khảo phiên bản hiện nay của Danh sách đỏ của các loài có nguy cơ tuyệt chủng, mọi Sách đỏ và Danh sách đỏ trong nước và thông tin khoa học tốt nhất.

Bước 3: Xác định môi trường sống quan trọng

Mục tiêu: Xác định dự án có nằm trong môi trường sống quan trọng không

Quá trình: Nghiên cứu và diễn giải của dữ liệu thu thập từ nghiên cứu văn phòng và thực địa

Hướng dẫn 69. Dựa trên tổng thể dữ liệu đa dạng sinh học thu thập được qua Bước 1 và 2, phải sàng lọc thông tin và dữ liệu theo tiêu chí và giới hạn về môi trường sống quan trọng, nếu phù hợp. Việc nghiên cứu dữ liệu trên phải được tiến hành trong khuôn khổ chung khi xác định tính không thể thay thế được và khả năng dễ bị tổn thương

tương đối của mọi giá trị đa dạng sinh học liên quan tới Tiêu chí 1 tới 5 theo thang độ liên quan về môi trường như được nêu trong chú thích 12 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 (xem thêm khoản Hướng dẫn 13). Nên lưu ý là thang bậc được dùng để xác định môi trường sống quan trọng có thể là khác nhau đối với từng giá trị đa dạng sinh học. Đối với Tiêu chí 1 đến 3, dữ liệu về các loài phải được sàng lọc qua giới hạn lượng hóa. Ví dụ, khi đánh giá theo Tiêu chí 1, thông tin liên quan có thể bao gồm hiện trạng bị đe dọa của loài, quy mô quần thể và phạm vi ở cấp độ toàn cầu, quốc gia và dự án và các địa điểm ngụ cư được ước đoán của loài đó. Xét tính chất khan hiếm của thông tin khoa học đối với các loài ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là đối với loài không xương sống và loài nước ngọt và biển, sẽ cần có ý kiến của chuyên gia và nhận định chuyên môn để có quyết định cuối cùng liên quan tới giới hạn. Khách hàng sẽ phải tham vấn các chuyên gia được công nhận về loài đó, là những người có khả năng tiếp cận dữ liệu cụ thể hoặc đủ năng lực có nhận định chuyên môn về sự phân bố và sự xuất hiện ước đoán của loài đó, cũng như tham vấn cơ quan, viện nghiên cứu hoặc tổ chức liên quan được biết là có thông tin đáng tin cậy về đa dạng sinh học.

Hướng dẫn 70. Bằng cách thực hiện những bước trên, khách hàng sẽ đủ khả năng xác định liệu dự án có nằm trong môi trường sống quan trọng hay không dựa trên những giá trị đa dạng sinh học cao được xác định. Theo tinh thần của quá trình xác định độc lập với loại hình và biện pháp giảm nhẹ của dự án, khách hàng phải chứng minh được liệu dự án có phù hợp và phù hợp thể nào với yêu cầu của khoản 17 - 19 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 trong một giai đoạn thời gian dài trong khuôn khổ những biện pháp giảm nhẹ và quản lý được áp dụng. Hướng dẫn về khoản 17 - 19 được nêu trong khoản Hướng dẫn 98 - Hướng dẫn 112.

Hướng dẫn theo tiêu chí

Tiêu chí 1: Các loài có nguy cơ tuyệt chủng và nguy cơ tuyệt chủng cao

Hướng dẫn 71. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng trên phạm vi toàn cầu và được xếp hạng CR và EN trong Danh sách đỏ của các loài có nguy cơ tuyệt chủng của IUCN phải được coi là một phần của Tiêu chí 1.^{HD17} Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cao đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng về cùng cao trong thiên nhiên hoang dã. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng rất cao trong thiên nhiên hoang dã.

Hướng dẫn 72. Như được miêu tả trong chú thích 11

^{HD16} Xem <http://www.cbd.int/nbsap>

^{HD17} Thông tin có trên www.iucnredlist.org

của Tiêu chuẩn hoạt động 6, việc bao gồm các loài trong Tiêu chí 1 được liệt kê là CR hoặc EN trên phạm vi quốc gia/khu vực tại các nước tuân thủ hướng dẫn IUCN phải được xác định dựa trên cơ sở từng dự án. Điều tương tự được áp dụng trong các trường hợp hạng mục của quốc gia hoặc khu vực không tương ứng với hạng mục của IUCN^{HD18, HD19} (ví dụ một số nước chỉ quy định chung các loài là được bảo vệ hoặc hạn chế), mặc dù trong các trường hợp trên việc đánh giá được tiến hành dựa trên tính hợp lý và mục đích của danh sách. Trong mọi trường hợp, quá trình quyết định này phải được tiến hành với sự tham vấn của chuyên gia có thẩm quyền.

Hướng dẫn 73. Khách hàng phải xác định khu vực dự án nằm trong Lớp 1 hoặc Lớp 2 của môi trường sống quan trọng khi xét đến Tiêu chí 1.

Hướng dẫn 74. Hạng mục Lớp 1 của Tiêu chí 1 được định nghĩa như sau:^{HD20}

Môi trường sống cần thiết để duy trì ≥ 10 phần trăm quần thể toàn cầu của CR hoặc EN trong danh sách đỏ của IUCN tại các địa điểm được biết, xuất hiện thường xuyên^{HD21} của các loài và nơi môi trường sống đó được coi là đơn vị quản lý dành riêng^{HD22} đối với loài đó.^{HD23}

Môi trường sống được biết có sự xuất hiện thường xuyên của loài CR hoặc EN nếu môi trường sống là một trong 10, hoặc ít hơn 10, khu vực quản lý dành riêng toàn cầu cho loài đó.

Hướng dẫn 75. Hạng mục Lớp 2 của Tiêu chí 1 được xác định như sau:

^{HD18} Xem www.nationalredlist.org/site.aspx

^{HD19} IUCN. 2003. Hướng dẫn áp dụng Tiêu chí của danh sách đỏ của IUCN ở quy mô khu vực: Phiên bản 3.0. Ủy ban sinh tồn các loài của IUCN, Gland, Thụy sĩ và Cambridge, Anh.

^{HD20} Trong định nghĩa về môi trường sống Lớp 1, phải đặc biệt cần nhắc các loài động vật EN và CR to lớn, có phạm vi sinh sống rộng ít khi liên quan tới giới hạn của Lớp 1 trong phạm vi áp dụng quan niệm đơn vị quản lý dành riêng. Ví dụ phải đặc biệt cần nhắc loài linh trưởng lớn (tức là gia đình Hominidae) vì tầm quan trọng về nhân chủng học và tiến hóa, ngoài các lý do cần nhắc về đạo đức. Nếu có quần thể lớn của các loài linh trưởng lớn của CR và EN, có thể xác định môi trường sống Lớp 1 mà không phụ thuộc vào quan niệm về đơn vị quản lý dành riêng.

^{HD21} Sự xuất hiện thường xuyên: Xuất hiện liên tục trong môi trường sống (ví dụ nơi sinh sống vật lý), theo mùa hoặc chu kỳ (ví dụ khu vực di cư) hoặc có tính thời điểm (ví dụ khu vực nước tạm thời). Sự xuất hiện thường xuyên không bao gồm các loài lang thang, sự xuất hiện bên lề và ghi chép lịch sử hoặc bằng chứng truyền miệng chưa được xác nhận, nhưng có bao gồm các loài di cư trong quá trình di chuyển. Được chuyển thể từ định nghĩa của "sự xuất hiện thường xuyên" trong Langhammer và những người khác, (2007).

^{HD22} Như được nêu trong Hướng dẫn 65, đơn vị quản lý dành riêng được xác định là khu vực có ranh giới được xác định, trong đó đặc tính của quần thể đa dạng sinh học và/hoặc các vấn đề quản lý có mối quan hệ tương đồng chặt chẽ với nhau hơn so với khu vực liên kế (chuyển thể từ định nghĩa "dành riêng" của AZE). Đơn vị quản lý dành riêng có thể có hoặc không có ranh giới quản lý thực tế (ví dụ khu vực được pháp luật bảo vệ, khu vực Di sản thế giới, KBA, IBA, tài nguyên dự trữ của cộng đồng) nhưng cũng có thể được xác định bởi ranh giới khác nhau cảm về môi trường (ví dụ lưu vực, nơi giao nhau của các sông, khoảng rừng nguyên sinh với một số môi trường sống điều chỉnh xem kỹ, môi trường sống rừng biến, dải san hô, khu vực nước dâng tập trung, v.v.). Việc hoạch định đơn vị quản lý phụ thuộc vào giống loài (và đôi khi vào loài lớp dưới) đang được xem xét.

- Môi trường sống duy trì sự xuất hiện thường xuyên của một loài cá thể CR trong Danh sách đỏ của IUCN và/hoặc môi trường sống có sự tập trung quan trọng trong khu vực của loài EN trong Danh sách đỏ của IUCN, trong đó môi trường sống được coi là đơn vị quản lý dành riêng đối với loài đó.
- Môi trường sống có tầm quan trọng đối với loài CR hoặc EN có khu vực sinh sống rộng rãi và/hoặc loài chưa được biết rõ về sự phân bố của quần thể và nếu tổn thất của môi trường sống trên có tiềm năng tác động tới sự tồn tại lâu dài của loài đó.
- Nếu thích hợp, là môi trường sống có sự tập trung của loài EN, CR hoặc loài tương đương được liệt kê trong danh mục của quốc gia/khu vực có tầm quan trọng đối với quốc gia/khu vực.

Hướng dẫn 76. Trong trường hợp đặc biệt, và thông qua sự tham vấn với chuyên gia được công nhận về loài, hướng dẫn trong Tiêu chí 1 có thể được áp dụng rộng rãi cho một số phân loài. Việc xác định này được tiến hành trên cơ sở từng trường hợp và đòi hỏi có phán quyết dựa trên sự đồng thuận nghiêm túc và không thể đơn giản là ý kiến của một chuyên gia phân loài. Điều này được áp dụng cho Tiêu chuẩn 1 tới 3.

Hướng dẫn 77. Nếu không ước tính được số lượng toàn cầu và/hoặc số lượng địa phương của giống loài (hoặc không thể có được thông qua các biện pháp hợp lý khác trong quá trình đánh giá hiện trường trong trường hợp quần thể địa phương), khách hàng phải dùng ý kiến chuyên gia để xác định tầm quan trọng của đơn vị quản lý dành riêng trong mối tương quan với số lượng toàn cầu. Phương pháp tính thay thế cho số lượng quần thể (ví dụ phạm vi xuất hiện,^{HD24} ước tính tổng diện tích các khu vực được biết, ước tính khu vực sinh sống đang sử dụng) sẽ là quan trọng trong quá trình quyết định. Điều này được áp dụng cho Tiêu chuẩn 1 tới 3.

Hướng dẫn 78. Khách hàng phải luôn tham chiếu Danh sách đỏ các loài có nguy cơ tuyệt chủng của IUCN; tuy nhiên, Danh sách đỏ này có hạn chế, đặc biệt là đối với những sinh vật ngoài loài có vú, chim và lưỡng cư. Nhất

^{HD23} Lưu ý là tất cả các khu vực AZE tự động được xác định là môi trường sống quan trọng Lớp 1 theo Tiêu chí 1 vì giới hạn của AZE được đặt ra ở mức 95% của loài CR và EN (trong khu vực quản lý dành riêng). Xem Ricketts, T. H., và những người khác, 2005. Định vị và ngăn ngừa sự tuyệt chủng hiện hữu. Tài liệu của Viện khoa học quốc gia - Mỹ. 51: 18497 - 18501.

^{HD24} Phạm vi xuất hiện được định nghĩa là khu vực nằm trong ranh giới liên tục ngắn nhất có thể được xác định để bao gồm khu vực được biết, phỏng đoán hoặc dự kiến có sự xuất hiện của loài, ngoại trừ trường hợp lang thang. Biện pháp này có thể loại trừ sự đứt đoạn hoặc mất liên kết với tổng sự phân bố của phân loài đó (ví dụ khu vực rộng của môi trường rõ ràng là không thích hợp để sống). Phạm vi sự xuất hiện thường có thể được đo lường bằng hình da giác lồi (da giác nhỏ nhất không có góc nào quá 180 độ và bao gồm mọi khu vực xuất hiện). Xem định nghĩa trong Phân loại và Tiêu chí Danh sách đỏ của IUCN (2001): phiên bản 3.1. IUCN, Gland và Cambridge.

thiết phải tham vấn các chuyên gia về giống loài. Ngoài ra, nhiều loài đặc hữu, có phạm vi giới hạn, chưa được khoa học miêu tả có thể chưa được IUCN đánh giá, có thể có liên quan. Nếu các loài trên có thể chịu tác động của dự án, trong một số trường hợp khách hàng phải thuê chuyên gia giống loài phù hợp để đánh giá loài trên theo tiêu chí đánh giá của Danh sách đỏ. Những loài được xác định đáp ứng yêu cầu để được coi là loài CR hoặc CN sẽ được coi là sống trong môi trường sống quan trọng và quyết định sau đó phải được đưa ra như trong trường hợp loài đó được liệt kê trong Danh sách đỏ thực tế.

Tiêu chí 2: Loài đặc hữu và có phạm vi giới hạn

Hướng dẫn 79. Loài đặc hữu được định nghĩa là một trong các loài có ≥ 95 phần trăm phạm vi sinh sống toàn cầu trong quốc gia hoặc khu vực nghiên cứu.^{HD25}

Hướng dẫn 80. Loài có phạm vi giới hạn được định nghĩa như sau:

- Đối với loài không xương sống trên cạn, loài có phạm vi giới hạn được định nghĩa là loài có phạm vi xuất hiện^{HD26} là 50 000km² hoặc ít hơn.
- Đối với hệ biển, các loài có phạm vi giới hạn tạm thời được coi là những loài có phạm vi xuất hiện trong 100 000 km² hoặc ít hơn.
- Đối với hệ nước ngọt, chưa có giới hạn được tiêu chuẩn hóa toàn cầu. Tuy nhiên, nghiên cứu của IUCN^{HD27} về đa dạng sinh học nước ngọt châu Phi áp dụng giới hạn 20 000 km² cho loài cua, cá và nhuyễn thể và 50 000 km² đối với bộ chuẩn chuẩn (chuẩn chuẩn và chuẩn chuẩn kim). Những giới hạn này có thể được dùng làm hướng dẫn định hướng, mặc dù chưa rõ về khả năng áp dụng của giới hạn này đối với các loài và khu vực khác.
- Đối với loài cây, các loài có phạm vi giới hạn có thể được liệt kê trong văn bản luật pháp của quốc gia. Cây cối được tham chiếu là “đặc hữu” thường xuyên hơn, và được áp dụng định nghĩa trong khoản Hướng dẫn 79.^{HD28} Nên đặc biệt chú ý tới cây đặc hữu của những quốc gia nhỏ, vì theo định nghĩa những cây này có thể hiếm gặp hơn trên toàn cầu và vì vậy có thể có mức ưu tiên tổng thể cao hơn.

Hướng dẫn 81. Liên quan tới Tiêu chí 2, khách hàng phải xác định khu vực dự án nằm trong môi trường

^{HD25} Lưu ý là “khu vực” cũng có thể là cảnh quan mặt đất/mặt biển hoặc đơn vị địa lý nhạy cảm khác trong đất nước hoặc trong môi trường sống ven biển hoặc ngoài khơi.

^{HD26} Định nghĩa được nêu trong chú thích 24 của Hướng dẫn này.

^{HD27} Holland, R. A., Darwall, W. R. T. và Smith, K. G. (Nghiên cứu). Ưu tiên bảo tồn đối với đa dạng sinh học nước ngọt: xác định và thử nghiệm phương thức tiếp cận đối với khu vực đa dạng sinh học then chốt đối với lục địa châu Phi.

^{HD28} Cây có quốc tế. 2004. Xác định và bảo vệ khu vực cây quan trọng nhất trên thế giới. Salisbury, Anh.

sống Lớp 1 hoặc Lớp 2.

Hướng dẫn 82. Hạng mục Lớp 1 của Tiêu chí 2 được định nghĩa như sau:

- Môi trường sống được biết là duy trì ≥ 95 phần trăm quần thể toàn cầu của loài đặc hữu hoặc có phạm vi giới hạn, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng đối với loài đó (ví dụ đặc hữu cho một khu vực duy nhất).

Hướng dẫn 83. Hạng mục Lớp 2 của Tiêu chí 2 được định nghĩa như sau:

- Môi trường sống được biết là duy trì ≥ 1 phần trăm nhưng < 95 phần trăm quần thể toàn cầu của loài đặc hữu hoặc có phạm vi giới hạn, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng đối với loài đó, và dữ liệu phù hợp là sẵn có và/hoặc dựa trên phán quyết của chuyên gia.

Hướng dẫn 84. Xem thêm khoản Hướng dẫn 78 về thiếu hụt dữ liệu đối với Danh sách đỏ của IUCN và loài đặc hữu.

Tiêu chí 3: Loài di cư và tập trung có số lượng lớn

Hướng dẫn 85. Loài di cư được định nghĩa là mọi loài có tỷ lệ đáng kể của quần thể di chuyển một cách có chu kỳ và có thể dự đoán được từ một khu vực địa lý tới khu vực khác (bao gồm cả trong cùng hệ sinh thái).

Hướng dẫn 86. Các loài tập trung có số lượng lớn được định nghĩa là các loài có các cá thể tập trung thành nhóm lớn theo chu kỳ hoặc trên cơ sở thường xuyên và/hoặc có thể dự đoán khác; ví dụ bao gồm:

Loài hình thành bầy đàn.

16. Loài hình thành bầy đàn với mục đích giao phối và/hoặc khi số lượng lớn các cá thể tập trung cùng lúc ngoài mục đích giao phối (ví dụ ăn cỏ, ngủ).

Loài di chuyển qua khu vực thất nút khi số lượng lớn các cá thể cùng loài di chuyển qua khu vực trong khoảng thời gian tập trung (ví dụ trong lúc di cư).

Loài có sự phân bố lớn nhưng kết thành từng khối trong đó số lượng lớn các cá thể có thể tập trung tại một hoặc một số nơi trong khi các cá thể còn lại phân bố diện rộng (ví dụ sự phân bố của loài linh dương đầu bò).

17. Quần thể nguồn khi một số địa điểm nhất định có sự hiện diện của một số quần thể của loài đó, và đóng

góp bất thường cho việc thu hút thêm các loài từ nơi khác (đặc biệt quan trọng đối với loài sinh vật biển).

Hướng dẫn 87. Khách hàng phải xác định địa điểm dự án có nằm trong môi trường sống Lớp 1 hoặc Lớp 2 liên quan tới Tiêu chí 3.

Hướng dẫn 88. Hạng mục Lớp 1 của Tiêu chí 3 được định nghĩa như sau:

- Môi trường duy trì, trên cơ sở chu kỳ hoặc thường xuyên khác, ≥ 95 phần trăm tổng số lượng của loài di cư hoặc loài tập trung có số lượng lớn trên toàn cầu tại bất kỳ thời điểm nào của chu kỳ sống của loài đó, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó.

Hướng dẫn 89. Hạng mục Lớp 2 của Tiêu chí 3 được định nghĩa như sau:

- Môi trường duy trì, trên cơ sở chu kỳ hoặc thường xuyên khác, ≥ 1 phần trăm nhưng < 95 phần trăm tổng số lượng của loài di cư hoặc loài tập trung có số lượng lớn trên toàn cầu tại bất kỳ thời điểm nào

của chu kỳ sống của loài đó, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó, nếu có dữ liệu đầy đủ và/hoặc dựa trên phán quyết của chuyên gia.

- Đối với loài chim, là môi trường đáp ứng Tiêu chuẩn A4 của tổ chức Cuộc sống loài chim quốc tế về sự tập trung và/hoặc Tiêu chí 5 hoặc 6 của Ramsar về Xác định vùng nước có tầm quan trọng quốc tế.^{HD29, HD30}
- Đối với loài có sự phân bố lớn nhưng kết thành từng khối, giới hạn tạm thời được đặt ra ở mức ≥ 5 phần trăm của tổng số lượng toàn cầu đối với loài trên cạn và dưới nước.
- Địa điểm nguồn đóng góp ≥ 1 phần trăm số lượng toàn cầu các loài được thu hút.

Giới hạn lượng hóa^{HD31} đối với Lớp 1 và 2 của Tiêu chí 1 đến 3 của môi trường sống quan trọng.

^{HD29} Xem tiêu chí toàn cầu IBA <http://www.birdlife.org/datazone/info/ibacriteria>

^{HD30} Xem http://www.ramsar.org/cda/en/ramsar-about-faqs-what-are-criteria/main/ramsar/1-36-37%5E7726_4000_0_

^{HD31} Giới hạn trên dựa trên giới hạn về số lượng được tiêu chuẩn hóa toàn cầu của IUCN như Hướng dẫn tập quán tốt nhất đối với khu vực bảo vệ. Xem Langhammer, P. F. Và những người khác, 2007. Xác định và nghiên cứu dữ liệu thiếu hụt về khu vực đa dạng sinh học then chốt: Mục tiêu đối với hệ thống khu vực bảo vệ toàn diện. Loạt tài liệu Hướng dẫn về tập quán tốt nhất đối với khu vực bảo vệ số 15. IUCN, Gland, Thụy Sĩ.

Tiêu chí	Lớp 1	Lớp 2
Có nguy cơ tuyệt chủng cao (CR)/Có nguy cơ tuyệt chủng (EN)	(a) Môi trường cần thiết để duy trì ≥ 10 phần trăm của tổng số lượng loài/phân loài CR hoặc EN tại các nơi được biết có loài đó, có sự hiện diện thường xuyên của loài đó và trong trường hợp môi trường sống được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó. Môi trường sống được biết có sự xuất hiện thường xuyên của loài CR hoặc EN, nếu môi trường sống đó là một trong số 10, hoặc ít hơn 10, khu vực quản lý dành riêng cho loài đó trên toàn cầu.	(c) Môi trường sống duy trì sự xuất hiện thường xuyên của cá thể đơn lẻ của loài CR và/hoặc môi trường có sự tập trung quan trọng cho khu vực của loài EN trong Danh sách đỏ, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài/phân loài đó. Môi trường sống có tầm quan trọng đáng kể đối với loài CR hoặc EN được phân bố rộng rãi và/hoặc nếu sự phân bố của loài chưa được hiểu rõ và nếu tồn tại đối với môi trường sống có tiềm năng tác động tới sự tồn tại lâu dài của loài đó.
Loài đặc hữu/có phạm vi giới hạn	Môi trường sống được biết là duy trì ≥ 95 phần trăm của tổng số lượng toàn cầu của loài đặc hữu hoặc có phạm vi giới hạn, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó (ví dụ đặc hữu của khu vực duy nhất).	Môi trường sống được biết là duy trì ≥ 1 phần trăm nhưng < 95 phần trăm tổng số lượng của loài đặc hữu hoặc có phạm vi giới hạn, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó, nếu có dữ liệu và/hoặc dựa trên sự phán quyết của chuyên gia.

<p>Loài di cư/tập trung có số lượng lớn</p>	<p>Môi trường sống được biết là duy trì, trên cơ sở chu kỳ hoặc thường xuyên khác, ≥ 95 phần trăm tổng số lượng toàn cầu của loài di cư hoặc loài tập trung có số lượng lớn tại bất kỳ thời điểm nào của chu kỳ sống của loài đó, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó.</p>	<p>Môi trường sống được biết là duy trì ≥ 1 phần trăm nhưng < 95 phần trăm tổng số lượng của loài di cư hoặc loài tập trung có số lượng lớn tại bất kỳ thời điểm nào của chu kỳ sống của loài đó, trong đó môi trường sống có thể được coi là đơn vị quản lý dành riêng cho loài đó, nếu có dữ liệu và/hoặc dựa trên sự phán quyết của chuyên gia.</p> <p>Đối với loài chim, môi trường sống Tiêu chuẩn A4 của tổ chức Cuộc sống loài chim quốc tế về sự tập trung và/hoặc Tiêu chí 5 hoặc 6 của Ramsar về Xác định vùng nước có tầm quan trọng quốc tế.</p> <p>Đối với loài có sự phân bố lớn nhưng kết thành khối, giới hạn tạm thời được đặt ra ở mức ≥ 5 phần trăm tổng số lượng toàn cầu đối với loài trên cạn và dưới nước.</p> <p>Địa điểm nguồn đóng góp ≥ 1 phần trăm số lượng toàn cầu các loài được thu hút.</p>
---	--	---

Tiêu chí 4: Hệ sinh thái bị đe dọa ở mức cao và/hoặc độc đáo

Hướng dẫn 90. Hệ sinh thái bị đe dọa ở mức cao hoặc độc đáo là hệ sinh thái (i) chịu rủi ro bị giảm đáng kể về diện tích hoặc chất lượng; (ii) có không gian nhỏ; và/hoặc (iii) có sự tập hợp độc đáo của loài, bao gồm sự tập hợp hoặc tập trung của các loài bị giới hạn về sinh trắc. Khu vực được xác định là không thể thay thế được hoặc có tầm quan trọng có mức ưu tiên/tầm quan trọng cao dựa trên kỹ thuật kế hoạch bảo tồn có hệ thống trên quy mô cảnh quan và/hoặc quy mô khu vực của các cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu khoa học được công nhận và/hoặc các tổ chức có năng lực khác (bao gồm NGO được quốc tế công nhận) hoặc các tổ chức được công nhận như vậy trong kế hoạch khu vực hoặc quốc gia hiện có, như NBSAP, thì sẽ được công nhận là môi trường sống quan trọng theo Tiêu chí 4. Ví dụ về môi trường sống độc đáo có thể là hệ sinh thái xuất hiện với số lượng rất hạn chế trong khu vực, ví dụ như rừng cây họ đậu hai cánh duy nhất ở vùng đất thấp. Ví dụ về hệ sinh thái bị đe dọa ở mức cao có thể là hệ sinh thái đang bị tổn thất diện tích hàng năm ở mức cao.

Hướng dẫn 91. Hệ sinh thái bị đe dọa ở mức cao hoặc độc đáo được định nghĩa bởi sự kết hợp của một số yếu tố xác định tầm quan trọng đối với việc bảo tồn. Việc xếp hạng ưu tiên đối với hệ sinh thái hiếm gặp và bị đe dọa đòi hỏi phải có các yếu tố tương tự như đối với Danh

sách đỏ của các loài có nguy cơ tuyệt chủng của IUCN. Các yếu tố xếp hạng ưu tiên của hệ sinh thái bao gồm xu hướng dài hạn, độ hiếm gặp, điều kiện môi trường và mức độ bị đe dọa. Tất cả các giá trị trên đóng góp cho đa dạng sinh học và giá trị bảo tồn tương đối của hệ sinh thái cụ thể. Ủy ban quản lý hệ sinh thái của IUCN đang dẫn đầu về sáng kiến tập hợp các tiêu chí và hạng mục đối với các hệ sinh thái bị đe dọa.^{HD32, HD33}

Hướng dẫn 92. Đối với việc triển khai bảo tồn ở quy mô khu vực, các hệ sinh thái được phân hạng và lập bản đồ với tỷ lệ cụ thể, tập trung vào cơ cấu và thành phần cây xanh, mức độ che phủ mặt đất, và yếu tố vô sinh then chốt. Dữ liệu được dùng để lập bản đồ quy mô khu vực như vậy thường bao gồm bản đồ cây xanh và sử dụng đất, và các yếu tố chủ đạo khác của môi trường như khí hậu, thủy văn, hóa địa chất và vị trí cảnh quan (cao độ và hướng).

Hướng dẫn 93. Để áp dụng được tiêu chí này, khách hàng phải tiến hành nghiên cứu tài liệu kỹ lưỡng và tham vấn các tổ chức bảo tồn có tên tuổi hoặc các cơ quan liên quan khác trong lĩnh vực quan tâm để đảm bảo hình thành bản đồ hệ sinh thái tiêu chuẩn hóa đối

^{HD32} Xem thêm http://www.iucn.org/about/union/commissions/cem/cem_work/tg_red_list/

^{HD33} Xem Rodriguez, J. P. Và những người khác, 2011. Thiết lập tiêu chí danh sách đỏ đối với hệ sinh thái bị đe dọa, sinh học bảo tồn 25 (1): 21-29, và Rodriguez, J. P. Và những người khác, 2007. Đánh giá rủi ro tuyệt chủng trong trường hợp thiếu dữ liệu cấp độ loài: tiêu chí lượng hóa đối với hệ sinh thái mặt đất. Đa dạng sinh học và bảo tồn 16 (1): 183-209.

với khu vực có bao gồm địa điểm dự án. Nếu chưa lập được bản đồ hệ sinh thái khu vực của vùng được quan tâm, và/hoặc tùy theo đặc điểm và quy mô của dự án, khách hàng cũng có thể sử dụng ý kiến chuyên gia để xác định tính độc đáo và/hoặc độ hiếm gặp của hệ sinh thái đang được xem xét trên quy mô quốc gia, khu vực và/hoặc quốc tế.

Tiêu chí 5: Quá trình tiến hóa then chốt

Hướng dẫn 94. Các yếu tố kết cấu của khu vực, như địa trắc, địa lý, chất đất, nhiệt độ và cây xanh và sự kết hợp của các yếu tố biến thiên trên có thể ảnh hưởng tới quá trình tiến hóa của hình thái các loài và đặc điểm môi trường của khu vực. Trong một số trường hợp, đặc điểm không gian độc đáo hoặc khu biệt của cảnh quan có liên quan tới quần thể và tiểu quần thể của cây cỏ và loài vật độc đáo về di truyền. Đặc điểm vật lý hoặc không gian được miêu tả là yếu tố thay thế hoặc chất xúc tác không gian đối với quá trình tiến hóa và môi trường, và các đặc điểm trên thường liên quan tới sự đa dạng hóa của các loài. Việc duy trì các quá trình tiến hóa then chốt trên với tư cách là thuộc tính đặc hữu của cảnh quan và các loài phụ thuộc (hoặc tiểu quần thể các loài) đã trở thành tâm điểm chính của công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong những thập niên qua, đặc biệt là bảo tồn đa dạng di truyền. Việc bảo tồn đa dạng di truyền trong cảnh quan, các quá trình chi phối sự hình thành các loài, cũng như đa dạng di truyền bên trong các loài sẽ đảm bảo tính linh hoạt về tiến hóa của hệ thống, đó là điều đặc biệt quan trọng trong môi trường khí hậu thay đổi nhanh chóng.

Hướng dẫn 95. Vì vậy tiêu chí này được định nghĩa bởi: (i) đặc điểm vật lý của cảnh quan có thể liên quan tới quá trình tiến hóa cụ thể; và/hoặc (ii) tiểu quần thể của loài riêng biệt về chủng loại và hình thái di truyền và có thể có ý nghĩa bảo tồn đặc biệt vì lịch sử tiến hóa riêng biệt. Yếu tố sau bao gồm các đơn vị có giá trị về tiến hóa (ESU)^{HD34} và các loài tiến hóa đặc biệt và loài có nguy cơ tuyệt chủng toàn cầu (EDGE).^{HD35}

Hướng dẫn 96. Với mục đích minh họa, một số ví dụ về đặc điểm không gian liên quan tới quá trình tiến hóa bao gồm:

- Khu vực biệt lập (ví dụ đảo, đỉnh núi, hồ) liên quan tới các quần thể riêng biệt về chủng loại.
- Khu vực có mức đặc hữu cao thường bao gồm động vật và/hoặc thực vật có lịch sử tiến hóa độc đáo (lưu ý trùng lặp với Tiêu chí 2, các loài đặc

^{HD34} Theo định nghĩa của Crandall, K.A. và những người khác. 2000. Đánh giá quá trình tiến hóa trong sinh học bảo tồn. TREE 15(7): 290-295.

^{HD35} Theo định nghĩa của Hội đồng vật học London (ZSL). <http://www.edgeofexistence.org/index.php>.

hữu và có phạm vi giới hạn).

- Cảnh quan có tính không đồng nhất cao về không gian là yếu tố thúc đẩy sự hình thành loài khi các loài được chọn lọc tự nhiên dựa trên khả năng thích nghi và đa dạng hóa.
- Cấp độ môi trường, còn được biết đến là đối chuyển tiếp sinh thái, cung cấp môi trường sống chuyển tiếp liên quan tới quá trình hình thành loài và sự đa dạng cao về giống loài và di truyền.
- Phân cách thổ nhưỡng là sự liên kết cụ thể của các loại đất (ví dụ vết lộ uốn khúc, trữ lượng đá vôi và thạch cao) đã chi phối sự hình thành quần thể cây xanh độc đáo về mặt hiếm gặp và đặc hữu.
- Mối liên kết giữa các môi trường sống (ví dụ hành lang sinh học) đảm bảo sự di cư và dòng di truyền của các loài, đó là điều đặc biệt quan trọng đối với môi trường sống phân đoạn và bảo tồn quần thể quần thể biến tính. Điều này cũng bao gồm hành lang sinh học cắt ngang các cấp độ về độ cao và khí hậu và từ “đỉnh núi tới bờ biển”.
- Địa điểm chứng minh tầm quan trọng đối với khả năng thích nghi với thay đổi khí hậu của loài hoặc hệ sinh thái cũng được bao gồm trong Tiêu chí này.

Hướng dẫn 97. Tầm quan trọng của các yếu tố kết cấu trong cảnh quan có khả năng ảnh hưởng tới quá trình tiến hóa sẽ được xác định trên cơ sở từng trường hợp, và việc xác định môi trường sống theo Tiêu chí này phụ thuộc phần lớn vào kiến thức khoa học. Trong phần lớn các trường hợp, tiêu chí này sẽ được áp dụng trong các khu vực đã được điều tra trước đó và được biết hoặc phỏng đoán là có liên quan tới quá trình tiến hóa độc đáo. Tuy có các phương pháp đo lường và xếp mức ưu tiên các quá trình tiến hóa trong cảnh quan, thường các phương pháp này vượt ra ngoài sự mong đợi hợp lý của các nghiên cứu do khu vực tư nhân tiến hành. Tuy nhiên, tối thiểu thì khách hàng cũng phải nhận thức được về những yếu tố hình thành “quá trình tiến hóa then chốt” (là đặc điểm cảnh quan và/hoặc tiểu quần thể của loài có lịch sử tiến hóa độc đáo) để khía cạnh này được bao gồm trong quá trình đánh giá thông qua việc nghiên cứu tài liệu, và được bổ sung bởi đánh giá thực địa nếu cần thiết.

Ở những môi trường sống quan trọng, khách hàng sẽ không triển khai hoạt động dự án, trừ phi tất cả các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- Không có biện pháp thay thế khả thi nào trong vùng để có thể phát triển dự án ở môi trường sống điều chỉnh hay tự nhiên mà không phải môi trường sống quan trọng;
- Dự án không đem lại những tác động tiêu cực có

thể đo đạc được đến các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng và đến các quá trình sinh thái hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học này;¹²

- Dự án không dẫn đến tổn thất tịnh về số lượng¹³ toàn cầu, và/hoặc quốc gia/vùng của các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng trong một khoảng thời gian nhất định hợp lý;¹⁴
- Một chương trình theo dõi và đánh giá toàn diện và lâu dài về đa dạng sinh học, được thiết kế hợp lý đã được lồng ghép vào chương trình quản lý của khách hàng.
- Trong những trường hợp khách hàng có thể đáp ứng những yêu cầu ở khoản 17, chiến lược khắc phục của dự án sẽ được mô tả trong Kế hoạch hành động đa dạng sinh học và sẽ được thiết kế để đạt được lợi ích tịnh¹⁵ về các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng.
- Trong những trường hợp các biện pháp bù đắp được đưa vào chiến lược khắc phục, khách hàng cần thể hiện được thông qua đánh giá những tác động còn lại của của dự án đến đa dạng sinh học sẽ được khắc phục hợp lý và phù hợp với yêu cầu của khoản 17.

Quy định đối với khách hàng liên quan tới môi trường sống quan trọng

Hướng dẫn 98. Điểm đầu tiên của khoản 17 nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cố gắng tránh né môi trường sống quan trọng như biện pháp đầu tiên khi tuân thủ thứ tự ưu tiên giảm nhẹ. Đó là yêu cầu đối với mọi dự án được đề xuất trong môi trường sống quan trọng mà không phụ thuộc vào quy mô đầu ấn của dự án.

Hướng dẫn 99. Hình thức cụ thể của các biện pháp cho phép đạt được mục tiêu của khoản 17 Tiêu chuẩn hoạt động 6 và chiến lược quản lý cần thiết để triển khai được các biện pháp như vậy về dài hạn phụ thuộc vào từng dự án. Việc lựa chọn biện pháp giảm nhẹ nên tính đến các nguy cơ hiện có đối với giá trị đa dạng sinh học

¹² Giá trị đa dạng sinh học và các quy trình sinh thái hỗ trợ chúng được xác định theo phạm vi liên quan.

¹³ Tổn thất tịnh là tổn thất một hay một số cá thể có tác động lên khả năng tồn tại của loài trên phạm vi toàn cầu, và/hoặc vùng/quốc gia cho nhiều thế hệ trong một khoảng thời gian dài nhất định. Mức độ của tổn thất (toàn cầu, và/hoặc vùng/quốc gia) được quyết định dựa trên sự phân loại của loài trong sách đỏ của IUCN (toàn cầu) và/hoặc các danh sách của vùng/quốc gia. Đối với những loài được liệt kê trong sách đỏ của IUCN và danh sách của vùng/quốc gia, tổn thất tịnh sẽ dựa vào dân số của quốc gia/vùng.

¹⁴ Khung thời gian mà khách hàng cần chứng minh không làm giảm "tịnh" các loài sinh vật bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng được xác định theo từng trường hợp cụ thể với sự tư vấn của chuyên gia độc lập.

¹⁵ Lợi ích "tịnh" là những thành quả bảo tồn có được cho các giá trị đa dạng sinh học của môi trường sống quan trọng. Lợi ích tịnh thường đạt được nhờ vào các biện pháp bù đắp đa dạng sinh học và/hoặc chẳng hạn khi khách hàng đáp ứng các yêu cầu ở khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này mà không cần các biện pháp bù đắp đa dạng sinh học, khách hàng nên đạt được lợi ích tịnh nhờ việc triển khai chương trình tại chỗ để cải thiện môi trường sống và bảo tồn đa dạng sinh học.

nằm ngoài dự án (ví dụ săn bắn động vật rừng cây bụi, xâm lấn nông nghiệp, chăn thả súc vật không bền vững, các loài xâm lấn, thu hoạch quá mức, thay đổi khí hậu, v.v...). Xem thêm khoản Hướng dẫn 14.

Hướng dẫn 100. Để đưa ra quyết định, có nhiều yếu tố liên quan tới năng lực của khách hàng đáp ứng quy định của khoản 17 – 19 Tiêu chuẩn hoạt động 6. Quan trọng nhất là:

- Tính không thể thay thế được và dễ bị tổn thương tương đối của giá trị đa dạng sinh học (xem khoản Hướng dẫn 13);
- Chất lượng công tác đánh giá đa dạng sinh học và/hoặc đánh giá môi trường sống quan trọng;
- Loại hình dự án;
- Năng lực quản lý, tính cam kết và lưu hồ sơ của khách hàng, bao gồm cả tính toàn diện của ESMS của dự án;
- Tính toàn diện của chiến lược giảm nhẹ của khách hàng và cân nhắc sự bối hoàn đa dạng sinh học;
- Mức độ tin tưởng vào công tác dự đoán và đảm bảo kết quả của các biện pháp trong thứ tự ưu tiên của các biện pháp giảm nhẹ;
- Thời điểm của các biện pháp trong bối cảnh có mức rủi ro và bất ổn cao;
- Thiện chí của khách hàng để có sự tham gia của chuyên gia, tư vấn bên ngoài và/hoặc có hội đồng khoa học khác;
- Thiện chí của khách hàng thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược hiệu quả, dài hạn với chính phủ, viện khoa học và cơ quan nghiên cứu, Cộng đồng bị ảnh hưởng và/hoặc NGO bảo tồn được quốc tế công nhận;
- Năng lực của chính phủ sở tại; và
- Mức độ bất ổn về thông tin.

Hướng dẫn 101. Điểm thứ hai của khoản 17 được áp dụng cho mọi giá trị đa dạng sinh học và đòi hỏi không có tác động tiêu cực được lượng hóa nào”. Có các định nghĩa sau:

- **Lượng hóa được:** được đo đếm bằng chương trình giám sát đa dạng sinh học được lượng hóa hoặc bán lượng hóa trong suốt vòng đời dự án.
- **Tác động tiêu cực:** tác động trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới dự án làm thay đổi môi trường sống một cách không thể đảo ngược và làm giảm đáng kể khả năng duy trì giá trị đa dạng sinh học và quá trình sinh thái được xác định của môi trường sống quan trọng.
- **Quá trình sinh thái:** quá trình lý sinh (chế độ thủy văn, chế độ khí hậu khu vực, hóa học đất/

tuần hoàn chất dinh dưỡng, cháy, lũ lụt và các chế độ nhiễu động thiên nhiên khác, sự ăn cỏ, săn mồi, hành lang sinh thái, tuyến di cư) cần thiết đối với môi trường sống quan trọng để tồn tại trong cảnh quan mặt đất hoặc mặt biển một cách dài hạn.^{HD36}

Hướng dẫn 102. Khách hàng có trách nhiệm chứng minh là không có tác động được lượng hóa nào đối với giá trị đa dạng sinh học quyết định việc xác định môi trường sống quan trọng, và không có tác động đối với quá trình sinh thái hỗ trợ các giá trị trên như được nêu trong điểm thứ hai của khoản 17 Tiêu chuẩn hoạt động 6. Quy định này tập trung cụ thể vào giá trị đa dạng sinh học quyết định việc xác định môi trường sống quan trọng như một phương thức nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cân nhắc giá trị đa dạng sinh học trên quy mô sinh thái liên quan, bao gồm cả quy mô cảnh quan mặt đất/mặt biển. Có nhiều trường hợp các yêu cầu tương tự được diễn giải theo nghĩa không xảy ra tác động tiêu cực được lượng hóa nào bên trong khu vực dự án, và điều đó về mặt sinh thái thường là không có ý nghĩa. Vì vậy, mục đích của yêu cầu trên là khuyến khích dự án hợp tác với chuyên gia sinh thái bên ngoài và chuyên gia giống loài có uy tín trong việc xác định môi trường sống quan trọng dựa trên giá trị đa dạng sinh học quyết định việc xác định môi trường sống quan trọng, chứ không dựa trên ranh giới ảo của dự án trong cảnh quan mặt đất/mặt biển (tức là địa điểm dự án/khu vực được quyền khai thác). Trong mọi trường hợp, điểm thứ hai của khoản 17 bao gồm các quá trình sinh thái hỗ trợ giá trị đa dạng sinh học trên. Việc bảo tồn quá trình sinh học cần thiết để duy trì môi trường sống quan trọng rõ ràng là quan trọng như sự bảo tồn bản thân giá trị cá thể đó. Ngoài ra, nhiều giá trị đa dạng sinh học có quan hệ tương hỗ và không thể được bảo tồn một cách tách biệt với nhau.^{HD37}

Hướng dẫn 103. Điểm thứ ba của khoản 17 chỉ được áp dụng đối với Tiêu chí 1 (loài CR và EN). Các dự án sẽ không dẫn tới sự suy giảm thuần của các loài này trên quy mô quốc gia/khu vực. Sự suy giảm thuần được định nghĩa trong chú thích 13 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Chú thích 13 cũng cung cấp thêm nội dung về việc “và/hoặc” có nghĩa gì, tức là khi nào tính phù hợp được xác định trên quy mô quần thể toàn cầu và khi nào được xác định trên quy mô quốc gia/khu vực. Điều này đầu tiên phụ thuộc vào việc liệt kê danh mục các loài liên quan tới việc xác định môi trường sống quan trọng.

Điều này được giải thích trong chú thích 11 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Trong phần lớn các trường hợp, môi trường sống được xác định là quan trọng dựa trên Danh sách đỏ của IUCN, và trong các trường hợp đó, sự suy giảm thuần được xác định căn cứ theo số lượng toàn cầu. Trong trường hợp môi trường sống được xác định là quan trọng theo Tiêu chí 1 dựa trên danh mục các loài có nguy cơ tuyệt chủng của khu vực và/hoặc quốc gia, sự suy giảm thuần được xác định theo số lượng khu vực và/hoặc quốc gia. Quá trình quyết định như vậy phải được thực hiện với sự tham vấn của chuyên gia có thẩm quyền, bao gồm các thành viên của Nhóm chuyên gia của Ủy ban sinh tồn các loài của IUCN.

Hướng dẫn 104. Điểm thứ ba của khoản 17 cũng sử dụng thuật ngữ “trong một khoảng thời gian nhất định hợp lý.” Điều này liên quan tới câu hỏi là khi nào khách hàng có khả năng chứng minh là không có tổn thất thuần. Khung thời gian phụ thuộc vào từng dự án. Điều này phụ thuộc vào loại hình của loài (và điều quan trọng là phụ thuộc vào khả năng sinh sôi của loài) cũng như chiến lược giảm nhẹ do khách hàng lựa chọn (cần nhắc giữa biện pháp bảo vệ tại hiện trường hoặc di chuyển hoặc bồi hoàn). Điều này cũng có thể phụ thuộc vào việc khách hàng lựa chọn chỉ tiêu giám sát. Sự suy giảm có thể chấp nhận được về quần thể cũng không nên được hiểu là sự sinh tồn của mỗi cá thể tại hiện trường. Mặc dù điều này có thể xảy ra trong một số trường hợp, ví dụ như đối với một số loài CR gần tuyệt chủng trong thiên nhiên hoang dã, không có sự suy giảm thuần sẽ phụ thuộc vào “khả năng sinh tồn của loài trên quy mô toàn cầu và/hoặc khu vực/quốc gia trong nhiều thế hệ hoặc trong khoảng thời gian dài” (chú thích 13 của Tiêu chuẩn hoạt động 6).

Hướng dẫn 105. Chương trình giám sát và đánh giá đa dạng sinh học là khía cạnh cơ bản của việc đảm bảo tuân thủ khoản 17 và là quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 6 như được nêu trong điểm thứ tư của khoản này. Chương trình giám sát và đánh giá phải được thiết kế theo hai cấp độ: (i) giám sát tại hiện trường về giá trị đa dạng sinh học liên quan (ví dụ các loài, hệ sinh thái); và (ii) giám sát triển khai (và qua đó giám sát hiệu quả) của biện pháp giảm nhẹ và kiểm soát quản lý (như một phần của ESMS của khách hàng). Trong một số trường hợp, dự án cũng nên giám sát hiện trạng các nguy cơ tiếp diễn trong vòng lặp cân nhắc như tình trạng săn bắn thú trong rừng bụi và sự xâm lấn nông nghiệp. Nếu sự bồi hoàn đa dạng sinh học là một phần của chiến lược giảm nhẹ, nên thiết kế chương trình riêng để giám sát và đánh giá thành công của chương trình bồi hoàn. Chương trình giám sát phải được lượng hóa hoặc bán lượng hóa và nếu có thể thì nên có khả năng

^{HD36} Lưu ý là không nên nhầm lẫn quá trình sinh thái/lý sinh với dịch vụ môi trường sinh thái trừ khi có một nhóm cá nhân được xác định là cũng hưởng lợi trực tiếp từ quá trình đó.

^{HD37} Xem Phương thức tiếp cận hệ sinh thái trong khoản Hướng dẫn 18 và Hướng dẫn 19.

chứng minh bằng thống kê. Trong một số trường hợp, như trong rừng nhiệt đới, có thể sẽ thực tế hơn (và có ý nghĩa hơn) nếu dùng các tiêu chí thay cho cách tiếp cận “Quản lý tác động trước và sau” bởi vì tính không đồng nhất của cảnh quan có thể làm cho quá trình giám sát dựa trên cơ sở kỳ gốc trước khi xây dựng trở nên khó khăn hoặc bất khả thi. Trong mọi trường hợp, khách hàng nên xây dựng bộ tiêu chí có ý nghĩa (hệ đo lường) đối với mỗi giá trị đa dạng sinh học và quá trình sinh thái hỗ trợ giá trị trên. Các tiêu chí nên được xây dựng với sự tham vấn của chuyên gia bên ngoài và các bên liên quan khác. Phải xây dựng thang bậc biến thiên có thể chấp nhận được đối với mỗi giá trị đa dạng sinh học, và giá trị đó có thể là tác nhân đóng góp thực tế làm cho môi trường trở nên quan trọng (ví dụ loài CR/EN, loài di cư) hoặc đại diện cho các tác nhân đó (ví dụ lớp phủ xanh). Phải phối hợp với chuyên gia có năng lực bên ngoài để xác định giới hạn trên. Kết quả lượng hóa vượt quá giới hạn được xác định trong khoảng thời gian quy định có nghĩa là không đáp ứng khoản 17. Để tham khảo, xem thêm ấn phẩm của Sáng kiến năng lượng và đa dạng sinh học: Chỉ tiêu đa dạng sinh học đối với giám sát tác động và hoạt động bảo tồn (2003).

Hướng dẫn 106. Chương trình giám sát và đánh giá đa dạng sinh học phải được tích hợp trong ESMS tổng thể của dự án. Theo cách đó, kết quả của chương trình có thể được liên kết cụ thể với hoạt động quản lý, dù đó là hoạt động điều chỉnh hoặc thích nghi. Điều này cũng phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 1, tiêu chuẩn đó nhấn mạnh hệ thống quản lý theo cách “lập kế hoạch, kiểm tra và hành động”. Khách hàng nên đảm bảo kết quả giám sát được sử dụng để đánh giá hiệu quả chiến lược giảm nhẹ. Khoản Hướng dẫn 20 miêu tả yêu cầu chung của Tiêu chuẩn hoạt động 6 về việc xây dựng biện pháp giảm nhẹ và giám sát thông qua cách quản lý có tính thích ứng cao. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án nằm trong môi trường sống quan trọng.

Hướng dẫn 107. Ngoài yêu cầu trong khoản 17, trong khu vực có môi trường sống quan trọng, khách hàng phải chứng minh đạt được lợi ích thuận (còn được biết là “lợi ích tích cực thuận”) của giá trị đa dạng sinh học liên quan tới việc xác định môi trường sống quan trọng như được nêu trong khoản 18 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Lợi ích thuận được định nghĩa trong chú thích 15 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 và có thể được coi là “ưu thế không có tổn thất thuận”, vì vậy, yêu cầu được xác định đối với môi trường sống quan trọng căn cứ trên và phát triển thêm các yêu cầu được xác định đối với môi trường sống tự nhiên. Chiến lược giảm nhẹ của khách hàng phải được thiết kế để đáp ứng khoản 17 và đạt được lợi ích

thuần, và phải được miêu tả trong Kế hoạch hành động đa dạng sinh học (BAP). Nếu khách hàng đã chuẩn bị Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học (hoặc sinh thái) (BMP) miêu tả các biện pháp giảm nhẹ phù hợp tại hiện trường, thì BAP có thể được dành cho việc miêu tả kế hoạch đạt lợi ích thuận của khách hàng. Xem Phụ lục A giải thích về sự khác biệt giữa BMP và BAP và hướng dẫn xây dựng hai tài liệu trên. Lợi ích thuận có thể đạt được bằng các biện pháp bồi hoàn đa dạng sinh học, và trong trường hợp bồi hoàn đa dạng sinh học không nằm trong chiến lược giảm nhẹ của khách hàng (tức là không có tác động tồn dư đáng kể), có thể đạt được lợi ích thuận bằng cách xác định cơ hội bổ sung để cải thiện môi trường sống và bảo tồn đa dạng sinh học (xem thêm khoản Hướng dẫn 34). Như được miêu tả trong chú thích 15 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, lợi ích thuận về giá trị đa dạng sinh học phải bao gồm kết quả bảo tồn bổ sung có thể đo đếm được. Các lợi ích như vậy phải được chứng minh trên quy mô địa lý phù hợp (là địa phương, quy mô cảnh quan, quốc gia, khu vực) theo nhận định của chuyên gia bên ngoài. Nói cách khác, yêu cầu “tại chỗ” và “thay thế tương đương hoặc hơn” đối với bồi hoàn đa dạng sinh học cũng được áp dụng đối với các biện pháp được đề xuất khác nhằm đạt được lợi ích thuận đối với giá trị đa dạng sinh học liên quan.

Hướng dẫn 108. Nhìn chung, các dự án có dấu ấn lớn, quy mô rộng có môi trường sống thuộc Lớp 1 hoặc Lớp 2 sẽ khó có thể (hoặc không thể) đáp ứng yêu cầu khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Đối với tác động liên quan tới dự án nằm trong môi trường sống thuộc Lớp 1 của Tiêu chí 1 đến 3, phần lớn các tác động được coi là không thể bồi hoàn được. Tác động đối với môi trường sống quan trọng theo Tiêu chí 4 và 5 cũng khó (hoặc không thể) được bồi hoàn. Trong mọi trường hợp, điều này sẽ được quyết định trên cơ sở từng dự án.

Hướng dẫn 109. Mọi biện pháp bồi hoàn dự kiến trong môi trường sống quan trọng phải được xác định, thiết kế và quản lý theo tập quán quốc tế tốt nhất và phải có tính bền vững dài hạn. Nếu bồi hoàn đa dạng sinh học là một phần của chiến lược giảm nhẹ của khách hàng, khách hàng phải chứng minh sự bồi hoàn phải có tiềm năng bù đắp cho tác động tồn dư đáng kể đối với môi trường sống quan trọng. Để đạt được điều trên, lợi ích bồi hoàn đa dạng sinh học phải được lượng hóa hoặc bán lượng hóa bằng phương pháp đo lường có cơ sở khoa học và phản ánh chính xác các giá trị đa dạng sinh học được xem xét. Khi thiết kế biện pháp bồi hoàn cho tác động tồn dư trong môi trường sống quan trọng, khách hàng được khuyến cáo nên tuân theo tập quán tốt nhất hiện hành được quốc tế công nhận. Ví dụ, thành viên Chương trình doanh nghiệp và bồi hoàn đa dạng

sinh học (BBOP) là người đầu tiên phát triển bộ Nguyên tắc bồi hoàn đa dạng sinh học được quốc tế công nhận.^{HD38} Hướng dẫn về bồi hoàn đa dạng sinh học nêu trong khoản Hướng dẫn 29 - Hướng dẫn 33 cũng được áp dụng đối với môi trường sống quan trọng.

Hướng dẫn 110. Đảm bảo sự ủng hộ của chính phủ, trong trường hợp tốt nhất là dưới hình thức cam kết ràng buộc về pháp lý, là yếu tố vô cùng quan trọng để đảm bảo tính bền vững lâu dài của bồi hoàn đa dạng sinh học. Sự tham gia của khách hàng trong các mục tiêu bảo tồn rộng lớn, có quy mô khu vực của chính phủ sẽ hỗ trợ quá trình này. Một yếu tố có tầm quan trọng tương đương là việc đánh giá chính xác chi phí thực tế cần thiết để triển khai sự bồi hoàn lâu dài. Để thực hiện được điều này, phải đánh giá công tác bảo tồn về mặt tài chính đối với chi phí hoạt động và hành chính cho sự bồi hoàn. Quá trình đánh giá cũng phải tính đến một loạt các điều kiện thị trường như lạm phát, dao động tỷ giá, nghiên cứu tỷ suất hoàn vốn, lợi nhuận đầu tư và giảm nguồn tài chính nếu dự kiến có đầu tư có bản trong nguồn vốn. Vì khó có thể dự trù chi phí chính xác cho sự bồi hoàn trước khi thiết kế đầy đủ, khách hàng cũng nên cân nhắc thành lập cơ chế vốn cho bồi hoàn tương tự như cơ chế vốn cho khai hoang như được miêu tả trong khoản Hướng dẫn 53. Sự hợp tác với tổ chức/cơ quan liên quan, có uy tín và kinh nghiệm khoa học trong việc lập kế hoạch, thiết kế và quản lý bồi hoàn được hết sức khuyến khích.

Hướng dẫn 111. Việc xây dựng “bồi hoàn tích lũy” được đặc biệt khuyến khích. Bồi hoàn tích lũy được định nghĩa là kết quả bảo tồn có thể đo đếm của các hoạt động được điều phối và được thiết kế để bù đắp cho tổng thể tác động tiêu cực tồn dư xuất phát từ nhiều dự án phát triển trong khu vực địa lý cụ thể (sau khi đã áp dụng các biện pháp phòng tránh và giảm thiểu thích hợp). Đối với các khu vực có nhiều doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong cùng một cảnh quan liên quan tới giá trị đa dạng sinh học (ví dụ khi chính phủ cấp quyền sử dụng cho nhiều doanh nghiệp trong cảnh quan đó), các doanh nghiệp được khuyến khích phối hợp nỗ lực và xây dựng chương trình bồi hoàn hỗn hợp (hoặc “tích lũy”). Trong trường hợp như vậy, biện pháp bồi hoàn có thể được tích lũy trong quá trình lập kế hoạch cảnh quan hoặc khu vực hiện có.

Hướng dẫn 112. Khách hàng nên nhận thức là nếu cộng đồng địa phương không được tham gia đầy đủ trong quá trình lựa chọn và thiết kế biện pháp bồi hoàn, việc xây dựng biện pháp bồi hoàn có thể dẫn tới tác

động tiêu cực đối với cộng đồng, đặc biệt là nếu quyền sử dụng của cộng đồng không được pháp luật công nhận. Trong trường hợp đó, phải áp dụng quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 5 đối với khách hàng như được nêu cụ thể trong chú thích 7 của Tiêu chuẩn hoạt động. Khách hàng nên tham vấn Cẩm nang Chi phí - Lợi ích^{HD39} trong bộ tài liệu BBOP được áp dụng đối với chủ đề này.

Các khu vực được luật pháp bảo vệ

18. Trong trường hợp một dự án được đề xuất nằm trong một khu vực được bảo vệ về mặt pháp lý,¹⁶ hay khu vực được quốc tế công nhận,¹⁷ khách hàng cần đáp ứng các yêu cầu ở khoản từ 13 đến 19 của Tiêu chuẩn hoạt động này khi phù hợp. Ngoài ra khách hàng cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Thể hiện rõ là việc đề xuất phát triển dự án ở những khu vực này đã được pháp luật cho phép;
- Hành động một cách phù hợp với kế hoạch quản lý của chính phủ đối với khu vực được bảo vệ;
- Tham vấn các nhà tài trợ và quản lý khu bảo tồn, các cộng đồng địa phương, và các bên liên quan trọng khác về dự án đề xuất, nếu thích hợp;
- Triển khai thực hiện các chương trình bổ sung, nếu thích hợp, để thúc đẩy và tăng cường mục tiêu bảo tồn của khu vực được bảo vệ.¹⁸

Hướng dẫn 113. Khoản 20 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 được áp dụng đối với khu vực được pháp luật bảo vệ phù hợp với định nghĩa của IUCN như được nêu trong chú thích 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, và “khu vực được quốc tế công nhận”, đó là các khu vực có giá trị được công nhận đối với bảo tồn đa dạng sinh học nhưng không phải lúc nào cũng được pháp luật bảo vệ. Khu vực đủ tiêu chuẩn “được quốc tế công nhận” theo Tiêu chuẩn hoạt động 6 được định nghĩa cụ thể trong chú thích 17. Tiêu chuẩn hoạt động 6 vận dụng thuật ngữ “khu vực được quốc tế công nhận” thay cho “khu vực được quốc tế chỉ định”, vì thuật ngữ “chỉ định” thường được dùng để miêu tả các khu vực được chính phủ chỉ

¹⁶ Tiêu chuẩn hoạt động này thừa nhận các khu vực được pháp luật bảo hộ theo định nghĩa của IUCN: “là một không gian địa lý phân định rõ ràng, được thừa nhận, quản lý thông qua các biện pháp pháp lý hoặc biện pháp khác, để đạt được sự bảo tồn thiên nhiên lâu dài với các dịch vụ của hệ sinh thái và giá trị văn hóa đi kèm.” Trong khuôn khổ của Tiêu chuẩn hoạt động này, khu vực này bao gồm cả những khu vực do chính phủ đề xuất để thực hiện nhiệm vụ trên.

¹⁷ Được định nghĩa là các khu di sản thiên nhiên của thế giới được UNESCO công nhận, khu bảo tồn sinh quyển và con người được UNESCO công nhận, các khu đa dạng sinh học chủ chốt, và các khu đầm lầy được quy định trong Công ước về Đầm lầy có tầm quan trọng đối với quốc tế (Công ước Ramsar).

¹⁸ Thực hiện thêm một số chương trình có thể không cần thiết đối với những dự án không để lại dấu vết mới.

^{HD39} Xem <http://bbop.forest-trends.org/guidelines/chb.pdf>.

^{HD38} Xem <http://bbop.forest-trends.org/guidelines/principles.pdf>

định. Về thuật ngữ chỉ định quốc tế, các công ước có sự khác biệt về thuật ngữ (ví dụ miêu tả, áp dụng, chỉ định, được công nhận, v.v...) nên thuật ngữ có ý nghĩa chung “được công nhận” được coi là thích hợp hơn.

Hướng dẫn 114. Nếu dự án nằm trong hoặc gần khu vực được pháp luật bảo vệ hoặc được quốc tế công nhận, khách hàng nên tham khảo nguồn thông tin sau do UNEP-WCMC xây dựng:

- Cơ sở dữ liệu thế giới về khu vực được bảo vệ.^{HD40} Cơ sở dữ liệu thế giới về khu vực được bảo vệ (WDPA) là kho dữ liệu toàn cầu về khu vực được bảo vệ. Thông tin được cung cấp cho WDPA từ chính phủ quốc gia, NGO, công ước quốc tế và đối tác khu vực. Cơ sở được quản lý và xây dựng qua sự hợp tác giữa UNEP-WCMC và IUCN.
- Từ A đến Z về tầm quan trọng của đa dạng sinh học.^{HD41} Từ A đến Z là bản hướng dẫn trực tuyến với thông tin chi tiết về một số hệ thống được công nhận để xếp hạng ưu tiên và bảo vệ các khu vực có giá trị đa dạng sinh học và được chia theo hai hạng mục: khu vực được hưởng chế độ bảo vệ và được hỗ trợ bởi các cơ quan quốc gia và địa phương, các công ước và chương trình quốc tế; và cơ chế xếp hạng ưu tiên toàn cầu được các tổ chức hàn lâm và bảo tồn xây dựng.

Hướng dẫn 115. Đối với các biện pháp giảm nhẹ, khách hàng phải đáp ứng quy định về môi trường sống tự nhiên hoặc quan trọng, tùy theo giá trị đa dạng sinh học hiện hữu tại khu vực được pháp luật bảo vệ (bao gồm cả các khu vực chính thức đề nghị được bảo vệ) hoặc quốc tế công nhận. Việc này sẽ được dựa trên quá trình xác định rủi ro và tác động của khách hàng, bao gồm cả ESIA, đánh giá đa dạng sinh học và/hoặc đánh giá môi trường sống quan trọng. Trong danh mục các khu vực được công nhận có giá trị đa dạng sinh học cao nêu trong khoản Hướng dẫn 57, khu vực được pháp luật bảo vệ thuộc Hạng mục quản lý IUCN Ia, Ib và II, Khu vực di sản thiên nhiên thế giới của UNESCO và khu vực Ramsar sẽ được coi là môi trường sống quan trọng. Khu vực đa dạng sinh học then chốt (KBA) phù hợp với định nghĩa về môi trường sống quan trọng theo khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 cũng sẽ được coi là môi trường sống quan trọng. Khu vực đáp ứng yêu cầu của Hạng mục quản lý IUCN III-VI hoặc hạng mục khu vực khác được hưởng mức độ bảo vệ nhất định về luật pháp, hạn chế sử dụng và/hoặc quản lý (ví dụ khu dự trữ rừng) cũng có thể đáp ứng yêu cầu trở thành môi trường sống quan trọng nếu các khu vực đó hỗ trợ giá

trị đa dạng sinh học cao như được nêu trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Cần phải tiến hành đánh giá để xác định môi trường sống có được coi là quan trọng không.

Hướng dẫn 116. Nếu dự án nằm trong khu vực được pháp luật bảo vệ và được quốc tế công nhận, khách hàng nên đảm bảo hoạt động của dự án phù hợp với mục đích sử dụng đất của quốc gia, sử dụng tài nguyên, và tiêu chí quản lý (bao gồm Kế hoạch quản lý khu vực bảo vệ, Chiến lược đa dạng sinh học và Kế hoạch hành động quốc gia (NBSAP) hoặc tài liệu tương tự). Điều này đòi hỏi có sự phê chuẩn cần thiết từ các cơ quan chính phủ liên quan, và phải tham vấn với các nhà tài trợ cho khu vực bảo vệ và Cộng đồng bị ảnh hưởng, Người dân bản địa và các bên liên quan khác. Nên lưu ý là cần có sự tham gia và tham vấn với các bên liên quan đối với mọi dự án nằm trong khu vực được pháp luật bảo vệ và khu vực được quốc tế công nhận. Thuật ngữ “thích hợp” trong điểm thứ ba của khoản 20 Tiêu chuẩn hoạt động 6 liên quan đến mức độ thích hợp/liên quan của các nhóm liên quan để tham gia vào quá trình này. Đối với khu vực được quốc tế công nhận nhưng không được luật pháp bảo vệ, khách hàng sẽ phải tham vấn với cơ quan bảo tồn chịu trách nhiệm về việc công nhận. Yêu cầu đối với khách hàng về sự tham gia của các bên liên quan được miêu tả trong khoản 26 - 33 của Tiêu chuẩn hoạt động 1 và hướng dẫn liên quan được nêu trong khoản Hướng dẫn 91 - Hướng dẫn 105 của Hướng dẫn 1. Yêu cầu đối với khách hàng được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 7 liên quan tới Người dân bản địa, trong Tiêu chuẩn hoạt động 8 liên quan tới di sản văn hóa, và các Hướng dẫn đi kèm theo đó.

Hướng dẫn 117. Dự án được đề xuất trong khu vực được pháp luật bảo vệ hoặc khu vực được quốc tế công nhận phải đem lại lợi ích hữu hình về mục đích bảo tồn của khu vực đó, và sự hiện diện của dự án phải đem lại lợi ích bảo tồn rõ rệt. Điều này có thể đạt được, ví dụ thông qua việc triển khai các chương trình hỗ trợ quản lý công viên, giải quyết sinh kế thay thế cho Cộng đồng bị ảnh hưởng, hoặc hỗ trợ và/hoặc tiến hành nghiên cứu cần thiết cho mục đích bảo tồn của khu vực bảo vệ. Ngoại lệ duy nhất có thể là các dự án không tạo dấu ấn mới (xem chú thích 18 của Tiêu chuẩn hoạt động 6).

Hướng dẫn 118. Nếu không có kế hoạch quản lý đối với khu vực được bảo vệ hoặc chỉ định, khách hàng có thể cân nhắc hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch đó cùng với cơ quan chính phủ và tổ chức bảo tồn phù hợp. Loại hình hoạt động này cũng có thể được coi là “chương trình bổ sung” như được nêu trong điểm thứ tư của khoản

^{HD40} Xem <http://www.protectedplanet.net>.

^{HD41} Xem <http://www.biodiversity-a-z.org>.

20 Tiêu chuẩn hoạt động 6 nếu được xây dựng và/hoặc triển khai với sự ủng hộ của các bên liên quan.

Các loài ngoại lai xâm lấn

19. Việc cố ý hoặc vô tình đưa các loài thực vật và động vật ngoại lai hoặc phi bản địa vào các khu vực nơi mà không thường thấy có thể là một mối đe dọa lớn đối với đa dạng sinh học, vì một số các loài ngoại lai có thể trở thành xâm lấn, lan rộng nhanh chóng và cạnh tranh áp đảo với các loài bản địa.

20. Các khách hàng sẽ không cố ý đưa bất kỳ sinh vật ngoại lai mới nào (không hiện hữu ở quốc gia hoặc khu vực của dự án) trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện có. Ngay cả như vậy, khách hàng sẽ không cố tình đưa bất kỳ sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm lấn cao trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện có. Việc đưa các loài sinh vật ngoại lai vào cần được đánh giá rủi ro cẩn thận (trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của khách hàng) để quyết định tiềm năng của hành vi xâm lấn. Khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp để tránh khả năng đưa vào một cách tình cờ hoặc không lường trước các loài sinh vật ngoại lai kể cả việc vận chuyển các chất nền và vật chủ (như đất trồng, đá balat và các nguyên liệu thực vật) có thể có các sinh vật ngoại lai ẩn náu.

21. Khi sinh vật ngoại lai đã có sẵn trong quốc gia hoặc vùng mà có dự án để xuất, khách hàng sẽ thực hiện biện pháp thận trọng để không làm chúng lan rộng ra các khu vực chưa có. Khách hàng sẽ sử dụng các biện pháp thanh trừng các sinh vật này trong môi trường sống tự nhiên mà họ có quyền kiểm soát.

Hướng dẫn 119. Loài thực vật hoặc động vật ngoại lai hoặc phi bản địa là loài được đem ra ngoài ranh giới phân bố nguyên gốc. Loài ngoại lai xâm lấn là loài phi bản địa có thể trở nên xâm lấn hoặc lan rộng nhanh chóng bằng cách cạnh tranh áp đảo loài động thực vật bản địa khác khi được đem tới môi trường sống mới mà thiếu các yếu tố kiểm soát theo quá trình tiến hóa tự nhiên. Loài xâm lấn ngoại lai hiện nay được coi là mối đe dọa lớn toàn cầu đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái.

Hướng dẫn 120. Việc đưa các loài ngoại lai trong quá trình hoạt động của khách hàng phải được đánh giá về mức độ phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện có của nước sở tại đối với việc đó. Khách hàng sẽ không cố ý đưa bất cứ loài ngoại lai mới nào (tức là các loài hiện tại không hiện hữu tại nước hoặc khu vực mà dự án hoạt động) trừ khi điều này được thực hiện phù hợp với

khuôn khổ pháp lý hiện có, nếu có khuôn khổ đó. Nếu không có khuôn khổ, phải đánh giá rủi ro về khả năng xâm lấn của loài đó và phối hợp với chuyên gia có thẩm quyền và có kiến thức về loài cụ thể đó. Không nên đưa loài ngoại lai được biết là có rủi ro xâm lấn trong mọi trường hợp, ngay cả khi việc đưa đó không bị cấm bởi khuôn khổ pháp lý của nước sở tại.

Hướng dẫn 121. Mặc dù có việc đánh giá rủi ro và có khuôn khổ pháp lý, nhưng rất khó có thể dự đoán trước việc vô tình đưa các loài động thực vật xâm lấn. Khách hàng nên áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa để giảm rủi ro vận chuyển hoặc truyền dẫn loài thực vật hoặc động vật ngoại lai xâm lấn, vật nuôi và vật gây bệnh trong các hoạt động của khách hàng. Trong các khu vực được biết là loài xâm lấn có thể tạo rủi ro đáng kể đối với môi trường sống tự nhiên và quan trọng, phải có nghiên cứu và đánh giá đối với loài xâm lấn trong nghiên cứu kỹ gốc của khách hàng trước khi xây dựng, và phải giám sát sự lan rộng tiềm năng của loài đó trong suốt vòng đời dự án. Trong các trường hợp đó, phải xây dựng kế hoạch quản lý riêng (Kế hoạch quản lý loài xâm lấn, vật nuôi và vật gây bệnh), với biện pháp phòng ngừa và giảm nhẹ như quy trình kiểm tra, tẩy rửa và cách ly được thiết kế riêng để kiểm soát sự lan truyền của loài xâm lấn. Kế hoạch quản lý loại này đặc biệt liên quan tới các dự án nằm trong môi trường sống quan trọng và nếu sự lan truyền của loài xâm lấn trong môi trường đó tạo rủi ro đáng kể. Theo phương án khác, và tùy thuộc vào mức độ rủi ro, các biện pháp giảm nhẹ có thể được tích hợp trong Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học hoặc môi trường có tính tổng quát hơn (xem Phụ lục A).

Hướng dẫn 122. Các biện pháp phòng ngừa và giảm nhẹ là thiết yếu nếu dự án có hạ tầng cơ sở tuyến tính, như đường ống dẫn, đường truyền tải, xây dựng đường bộ hoặc đường sắt vì đường đi lại có thể làm cho một số môi trường sống được kết nối và đi ngang qua nhau bằng một hành lang, tạo điều kiện lý tưởng cho các loài lan rộng nhanh chóng trong khu vực. Trong một số trường hợp, và đặc biệt là đối với các dự án hoạt động trong môi trường sống phần lớn là nguyên sinh, khách hàng phải dự tính các điều khoản trong hợp đồng với các nhà cung cấp nhằm phòng ngừa việc các loài ngoại lai được đem vào trong nước nếu hàng hóa được vận chuyển từ nước ngoài. Điều này có thể bao gồm các yêu cầu về kiểm tra và cách ly công-te-nơ và thiết bị hạng nặng nếu cần. Thiết bị khi tới nơi phải “sạch như mới” để phòng ngừa rủi ro đem tới các loài xâm lấn.

Hướng dẫn 123. Đối với việc vận chuyển hàng hóa và dịch vụ quốc tế, khách hàng phải tuân thủ cam kết phù hợp theo khuôn khổ Công ước quốc tế về kiểm soát và quản

lý nước dẫn tàu (ba-lát) và Công ước về chất lắng đọng (Công ước quản lý nước dẫn tàu). Khách hàng cũng phải tham chiếu Hướng dẫn về kiểm soát và quản lý nước dẫn tàu để giảm thiểu các thủy sinh vật và vật gây bệnh có hại do Tổ chức hàng hải quốc tế^{HD42} xuất bản (1997).

Hướng dẫn 124. Trong nhiều trường hợp, các loài xâm lấn đã có thể hiện hữu từ trước trong khu vực của dự án. Trong trường hợp đó, khách hàng có trách nhiệm triển khai các biện pháp phòng ngừa để loài đó không tiếp tục lan rộng tới các khu vực mà loài đó chưa hiện diện. Ví dụ trong trường hợp hạ tầng cơ sở tuyến tính, loài cỏ xâm lấn có thể lan rộng tới môi trường sống có rừng, đặc biệt là nếu tán lá của rừng không có khả năng tự phục hồi (ví dụ bảo dưỡng đường đi lại với mục đích hoạt động). Việc này có thể trở nên trầm trọng nếu các hoạt động nông nghiệp hoặc đốn gỗ cơ hội sẽ tiếp tục mở rộng tuyến đường, và qua đó gia tăng sự lan rộng. Trong các trường hợp đó, khách hàng phải xác định mức độ trầm trọng của mối đe dọa và phương thức lan rộng của loài đó. Tình hình phải được giám sát như một phần của ESMS, và khách hàng phải có các biện pháp giám nhẹ hiệu quả và phối hợp với cơ quan địa phương và quốc gia.

Hướng dẫn 125. Các sinh vật sống đã bị biến đổi (LMO) cũng được coi là loài ngoại lai, có tiềm năng tương tự về sự xâm lấn cũng như tiềm năng đem lại dòng di truyền tới các loài liên quan. Mọi việc đem tới các sinh vật như vậy phải được đánh giá phù hợp với Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học.

Quản lý dịch vụ hệ sinh thái

22. Khi dự án có khả năng có tác động tiêu cực đến dịch vụ hệ sinh thái, như đã được xác định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động, khách hàng sẽ thực hiện rà soát có hệ thống để xác định các dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên. Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên chia làm hai loại: (i) những dịch vụ mà hoạt động của dự án có khả năng có tác động nhất và do đó sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực đến cộng đồng bị ảnh hưởng; và/hoặc (ii) những dịch vụ mà dự án phải dựa vào để hoạt động (như nước). Khi cộng đồng bị ảnh hưởng có khả năng bị tác động, họ phải tham gia vào quá trình quyết định đầu là những dịch vụ sinh thái cần được ưu tiên phù hợp với quy trình lấy ý kiến các bên liên quan trong Tiêu chuẩn hoạt động 1.

23. Đối với những tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái được coi là ưu tiên đối với cộng đồng bị ảnh hưởng và khi khách hàng có quyền kiểm soát trực

tiếp hoặc ảnh hưởng quan trọng đến các dịch vụ đó, cần tránh những tác động này. Nếu không thể tránh được, khách hàng cần giảm thiểu tác động và thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm duy trì giá trị và tính năng của các dịch vụ ưu tiên đó. Đối với những tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái mà dự án cần cho hoạt động của mình, khách hàng cần giảm thiểu tác động đến các dịch vụ mà thực hiện các biện pháp tăng tính hiệu quả trong sử dụng nguồn tài nguyên đó, như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 3. Các điều khoản khác của dịch vụ hệ sinh thái được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 4, 5, 7 và 8.¹⁹

Hướng dẫn 126. Tiêu chuẩn hoạt động 6 định nghĩa dịch vụ hệ sinh thái là “lợi ích mà con người, kể cả doanh nghiệp, có được từ hệ sinh thái” (khoản 2), phù hợp với định nghĩa trong Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ.^{HD43} Như được nêu trong khoản 2 và chú thích 1 của Tiêu chuẩn hoạt động 6, dịch vụ hệ sinh thái được phân thành bốn hạng chính:

- Các dịch vụ của hệ sinh thái là những lợi ích mà con người, kể cả doanh nghiệp, có được từ hệ sinh thái. Dịch vụ hệ sinh thái được chia làm bốn loại: (i) dịch vụ cung cấp, là những sản phẩm con người có được từ hệ sinh thái; (ii) dịch vụ điều hành, là những lợi ích con người có được từ những quy định về quy trình của hệ sinh thái; (iii) dịch vụ văn hóa, là những lợi ích phi vật chất con người có được từ hệ sinh thái; và (iv) dịch vụ hỗ trợ, là những quy trình tự nhiên để duy trì các dịch vụ khác
- Dịch vụ cung cấp của hệ sinh thái bao gồm, trong số các yếu tố khác (i) sản phẩm nông nghiệp, hải sản và thú săn, thực phẩm hoang dã và thực vật dân tộc; (ii) nước cho mục đích để uống, tưới tiêu và công nghiệp; (iii) khu vực rừng là cơ sở cho nhiều vật liệu dược sinh học, vật liệu xây dựng, và sinh khối làm nhiên liệu cho năng lượng tái tạo được.
- Dịch vụ điều hành của hệ sinh thái bao gồm, trong số các yếu tố khác (i) điều tiết khí hậu và tích trữ và cô lập các-bon; (ii) phân hủy và khử độc rác thải; (iii) lọc sạch nước và khí; (iv) kiểm soát vật nuôi, dịch bệnh và thụ phấn; (v) giảm nhẹ hiểm nguy tự nhiên.
- Dịch vụ văn hóa bao gồm, trong số các yếu tố khác (i) địa điểm tinh thần và linh thiêng; (ii) mục đích giải trí như thể thao, săn bắn, câu cá, du lịch sinh thái; (iii) thám hiểm khoa học và giáo dục.
- Dịch vụ hỗ trợ là quá trình tự nhiên để duy trì các dịch

¹⁹ Tham khảo thêm về dịch vụ hệ sinh thái tại Tiêu chuẩn hoạt động 4, khoản 8 và Tiêu chuẩn hoạt động 5 khoản 5 và khoản 25-29; Tiêu chuẩn hoạt động 7, khoản 13-17 và 20; và Tiêu chuẩn hoạt động 8 khoản 11.

^{HD43} Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ, hệ sinh thái và xã hội loài người: Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp và ngành nghề (2006).

^{HD42} Xem <http://globallast.imo.org/868%20english.pdf>.

vụ khác như (i) hấp thụ và tái sinh chất dinh dưỡng; (ii) sản xuất cơ bản; (iii) luồng trao đổi di truyền.

Hướng dẫn 127. Tiêu chuẩn hoạt động 6 cũng công nhận tầm quan trọng của sáng kiến Tinh kinh tế của hệ sinh thái và đa dạng sinh học (TEEB), là nghiên cứu dài hạn dựa trên kinh nghiệm trên thế giới để đánh giá chi phí tổn thất về đa dạng sinh học và sự suy thoái liên quan về dịch vụ hệ sinh thái trên toàn thế giới. Sáng kiến TEEB định nghĩa dịch vụ hệ sinh thái là “đóng góp trực tiếp và gián tiếp của hệ sinh thái đối với loài người”. TEEB cũng tham chiếu khái niệm về vốn tự nhiên của khía cạnh kinh tế của các dòng dịch vụ hệ sinh thái với vai trò là các lợi ích mà xã hội được hưởng từ vốn tự nhiên, và việc duy trì quỹ vốn tự nhiên sẽ cho phép duy trì sự cung cấp bền vững của các dòng dịch vụ hệ sinh thái, và qua đó đảm bảo duy trì phúc lợi con người.

Hướng dẫn 128. Dịch vụ hệ sinh thái quả thật là các dịch vụ bởi vì có bên hưởng lợi (con người) được xác định (tức là bên dùng). Dịch vụ hệ sinh thái liên quan tới các quá trình lý sinh trong môi trường, nhưng nếu chưa có người hoặc nhóm người hưởng lợi từ quá trình đó thì chưa được coi là dịch vụ. Bên hưởng lợi có thể ở quy mô địa phương, khu vực hoặc thậm chí toàn cầu. Ví dụ thực phẩm hoang dã và nước ngọt do cộng đồng địa phương thu gom đem lại lợi ích ở quy mô địa phương; năng lực của hệ sinh thái làm giảm nhẹ tổn thất do thiên tai gây ra như bão và lốc xoáy có thể đem lại lợi ích cho các bên thụ hưởng lợi ích của các dịch vụ đó ở quy mô khu vực (cũng như quy mô địa phương); và rừng nguyên sinh hấp thụ và lưu trữ đi-ô-xit các-bon và điều tiết khí hậu có thể đem lại lợi ích cho bên thụ hưởng các dịch vụ đó ở quy mô toàn cầu.

Hướng dẫn 129. Trong những năm gần đây một số báo cáo, tài liệu hướng dẫn, công cụ lập bản đồ đã được xây dựng làm nguồn hỗ trợ cho quá trình áp dụng các khái niệm trên. Nhiều tài liệu về Trang trải dịch vụ hệ sinh thái (PES) đã tồn tại nhiều năm nhưng không áp dụng trực tiếp cho Tiêu chuẩn hoạt động 6 và vì thế không được tham chiếu trong Hướng dẫn này. Quy định đối với khách hàng được tập trung vào việc giảm nhẹ tác động đối với dịch vụ hệ sinh thái và lợi ích mà dịch vụ hệ sinh thái có thể đem lại với doanh nghiệp nhiều hơn là vào việc đánh giá khía cạnh kinh tế của các dịch vụ trên. Nếu có cơ chế PES bên trong hoặc gắn khu vực hoạt động kinh doanh của khách hàng, khách hàng nên biết rõ về việc đó để tuân thủ mọi khuôn khổ luật pháp và/hoặc các sáng kiến tiếp diễn hiện có.

Hướng dẫn 130. Hiện đã có tài liệu hướng dẫn và công cụ để đánh giá dịch vụ hệ sinh thái ngoài PES. Một số

tập trung vào việc xây dựng chính sách, lập kế hoạch, giáo dục và nâng cao nhận thức khu vực, trong khi tài liệu khác có thể có ích đối với việc áp dụng thực tế cho doanh nghiệp. Khách hàng nên vận dụng tài liệu hướng dẫn và công cụ lập bản đồ liên quan và phù hợp nếu dịch vụ hệ sinh thái là tâm điểm chính của dự án, trong khi hiểu rõ là không phải công cụ nào cũng được kiểm tra kỹ lưỡng trong quá trình triển khai dự án trong khu vực tư nhân. Công cụ cụ thể có thể phù hợp với giai đoạn khác nhau của vòng đời dự án, và nhiều công cụ có thể được kết hợp sử dụng với nhau để tích hợp mục đích môi trường và xã hội của dịch vụ hệ sinh thái vào trong quá trình đánh giá, giảm nhẹ tác động và lập kế hoạch quản lý.^{HD44} Danh mục nguồn (miêu tả đối với mỗi công cụ/tài liệu) liên quan tới dịch vụ hệ sinh thái theo Tiêu chuẩn hoạt động 6 được cung cấp trong Danh mục tham khảo. Ngoài các tài liệu khác, danh mục trên bao gồm:

- Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái doanh nghiệp: Hướng dẫn xác định rủi ro kinh doanh và cơ hội có được từ sự thay đổi hệ sinh thái (2008) được xây dựng bởi Viện tài nguyên thế giới (WRI), Hội đồng doanh nghiệp thế giới vì phát triển bền vững (WBSCSD) và Viện Meridian.
- Nghiên cứu dịch vụ hệ sinh thái để đánh giá tác động (2011) của WRI.
- Hướng dẫn về dịch vụ hệ sinh thái: Hướng dẫn và danh mục đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái (2011), được soạn thảo bởi Hiệp hội công nghiệp dầu khí vì bảo tồn môi trường (IPECA).
- Tài liệu và công cụ liên quan của Sáng kiến giá trị thiên nhiên (NVI), sáng kiến của Tổ chức động thực vật quốc tế, sáng kiến UNEP-Tài chính, Trường tổng hợp kinh doanh Nyenrode, Hiệp hội nhà đầu tư vì sự phát triển bền vững Hà lan và Trường kinh doanh Bra-xin FGV.
- Báo cáo liên quan của TEEB, bao gồm Tinh kinh tế của hệ sinh thái và đa dạng sinh học: Coi trọng tinh kinh tế của thiên nhiên (2010).

Hướng dẫn 131. Sự suy thoái và tổn thất của dịch vụ hệ sinh thái có thể tạo rủi ro về vận hành, tài chính và uy tín đối với tính bền vững của dự án. Về mặt rủi ro, dịch vụ hệ sinh thái về cơ bản có thể được nhóm lại như sau: (i) dịch vụ có thể tạo rủi ro tiềm năng đối với khách hàng nếu có tác động của dự án đối với dịch vụ trên; và (ii) dịch vụ tạo cơ hội cho khách hàng nếu hoạt động kinh doanh của khách hàng phụ thuộc trực tiếp vào những dịch vụ trên (ví dụ nước trong dự án thủy

^{HD44} Ví dụ xem thêm báo cáo của Doanh nghiệp vì trách nhiệm xã hội (BSR) được nêu trong Danh mục tham khảo, trong đó có đánh giá công cụ cụ thể.

điện). Ngoài ra, hệ sinh thái ngày càng được công nhận và bảo vệ về mặt luật pháp và khuôn khổ pháp lý. Một số nước đã đưa dịch vụ hệ sinh thái vào trong văn bản pháp lý ở cấp độ quốc gia và địa phương. Khách hàng nên biết rõ về quy định luật pháp trên của các nước mà dự án hoạt động.

Hướng dẫn 132. Dịch vụ hệ sinh thái là chủ đề liên quan tới nhiều lĩnh vực; vì vậy, chủ đề này được đề cập trong một loạt Tiêu chuẩn hoạt động. Đối với dịch vụ hệ sinh thái cung cấp và văn hóa, chính cộng đồng những chuyên gia thực hành về phát triển xã hội (đặc biệt là chuyên gia tái định cư và phục hồi sinh kế) và chuyên gia di sản văn hóa là những người biết rõ nhất về việc nhận định và đánh giá đối với chủ đề này; điều này đặc biệt rõ ràng nếu xét đến tầm quan trọng của việc tham gia và tham vấn của các bên liên quan. Mặt khác, chuyên gia quản lý đa dạng sinh học và kỹ sư môi trường có thể là những người thích hợp nhất để đánh giá phương án kỹ thuật giảm nhẹ để điều tiết dịch vụ hệ sinh thái. Trong mọi trường hợp, dịch vụ hệ sinh thái là chủ đề kinh tế - xã hội, đòi hỏi có sự phối hợp giữa chuyên gia môi trường và xã hội của khách hàng. Như đã nêu trong khoản Hướng dẫn 21, riêng việc đánh giá có thể cần có nhiều chuyên gia, tùy thuộc vào loại dịch vụ được xem xét; có thể bao gồm chuyên gia về năng lực đất đai và kiểm soát xói mòn đất, nhà địa chất và thủy văn, nông học, chuyên gia môi trường đất chăn thả, chuyên gia lập kế hoạch sử dụng đất đai và tái định cư có kinh nghiệm về sinh kế dựa trên tài nguyên thiên nhiên, chuyên gia phục hồi sinh kế và nhân loại học văn hóa.

Hướng dẫn 133. Quan niệm về dịch vụ hệ sinh thái được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 4 (Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng), Tiêu chuẩn hoạt động 5 (Thu hồi đất và định cư không tự nguyện), Tiêu chuẩn hoạt động 7 (Người dân bản địa) và Tiêu chuẩn hoạt động 8 (Di sản văn hóa). Tiêu chuẩn hoạt động 3 (Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm) cũng có liên quan về khía cạnh những dịch vụ hệ sinh thái mà hoạt động của khách hàng phụ thuộc vào (ví dụ phần về Tiết kiệm nguồn tài nguyên, khoản 6 - 9). Bảng tổng hợp trong Phụ lục B trình bày cách thức chủ đề này được tích hợp trong các Tiêu chuẩn hoạt động và mối quan hệ đối với Tiêu chuẩn hoạt động 6.

Hướng dẫn 134. Yêu cầu đối với khách hàng trong Tiêu chuẩn hoạt động 6 về dịch vụ hệ sinh thái chỉ được áp dụng khi khách hàng có “quyền kiểm soát trực tiếp hoặc mức độ chi phối đáng kể” đối với dịch vụ trên. Vì vậy, nếu những bên thụ hưởng dịch vụ hệ sinh thái có quy mô toàn cầu, và đôi khi có quy mô khu vực,^{HD45} thì dịch vụ hệ sinh thái sẽ không được xét theo Tiêu chuẩn hoạt động 6. Những dịch vụ này bao gồm dịch vụ điều hành, ví dụ

dịch vụ lưu trữ các-bon hoặc điều tiết khí hậu, trong đó lợi ích của dịch vụ này được thụ hưởng trên quy mô toàn cầu. Trong trường hợp khách hàng không có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc mức độ chi phối đáng kể, thì tác động liên quan tới dự án đối với dịch vụ hệ sinh thái sẽ được đánh giá theo Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Hướng dẫn 135. Như đã nêu trong khoản Hướng dẫn 4 - Hướng dẫn 6, quá trình xác định rủi ro sẽ bao gồm việc xác định quy mô dịch vụ hệ sinh thái, việc này chủ yếu được tiến hành thông qua nghiên cứu tài liệu và tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng trong quá trình Tham gia của các bên liên quan được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 1. Sự tham gia của các bên liên quan được nêu trong khoản Hướng dẫn 91 - Hướng dẫn 105 của Tiêu chuẩn hoạt động 1. Đặc biệt liên quan tới dịch vụ hệ sinh thái là sự tham gia của cộng đồng nghèo và dễ bị tổn thương, đặc biệt là Người dân bản địa (xem quy định về dịch vụ hệ sinh thái liên quan trong Tiêu chuẩn hoạt động 7). Đặc biệt nên nhấn mạnh tới sự tham gia của phụ nữ vì nhóm này thường là đối tượng hay sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhất. Nếu xác định được rủi ro tiềm năng đáng kể đối với dịch vụ hệ sinh thái, khách hàng phải có trách nhiệm xác định dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên. Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên được xác định trong khoản 24 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 là (i) những dịch vụ mà hoạt động dự án có khả năng tạo tác động lớn nhất, và vì vậy có thể tạo tác động tiêu cực đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng; và/hoặc (ii) những dịch vụ mà dự án phụ thuộc trực tiếp về mặt hoạt động (ví dụ nước). Dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên có thể được xác định bằng cách đánh giá và xếp hạng ưu tiên có hệ thống (khoản 24 của Tiêu chuẩn hoạt động 6). Trong khuôn khổ Hướng dẫn này, quá trình này được gọi là Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái (ESR).^{HD46}

Hướng dẫn 136. Trong khuôn khổ áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 6 và ESR, dịch vụ hệ sinh thái được phân làm hai loại:

- *Loại I:* Dịch vụ hệ sinh thái cung cấp, điều hành, văn hóa và hỗ trợ mà khách hàng quản lý trực tiếp hoặc có ảnh hưởng đáng kể, và tác động tới dịch vụ này có thể ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng.
- *Loại II:* Dịch vụ hệ sinh thái cung cấp, điều hành, văn hóa và hỗ trợ mà khách hàng quản lý trực tiếp

^{HD45} Quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 6 có thể được áp dụng đối với dịch vụ hệ sinh thái có các bên thụ hưởng ở quy mô khu vực, như các dự án có đầu án rất lớn, có thể tác động tới dịch vụ hệ sinh thái khu vực (ví dụ vùng ngập nước lớn hoặc khu vực bờ biển cần cho sự giám nhẹ môi nguy hại thiên nhiên). Khách hàng, thông qua các biện pháp giảm nhẹ, có thể có quyền kiểm soát đáng kể đối với dịch vụ trên.

^{HD46} Thuật ngữ ESR được Viện tài nguyên thế giới (WRI) xây dựng trong ấn phẩm Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái doanh nghiệp. Việc sử dụng thuật ngữ này trong Hướng dẫn này không có nghĩa là sao chép chính xác cách thức WRI sử dụng thuật ngữ này. Phương pháp ESR của WRI là một trong những phương pháp được khuyến cáo mà khách hàng có thể sử dụng để đánh giá chủ đề này.

hoặc có ảnh hưởng đáng kể, và hoạt động của dự án phụ thuộc trực tiếp vào dịch vụ này (ví dụ về loại dịch vụ hệ sinh thái này được liệt kê bên dưới trong khoản Hướng dẫn 142).

Hướng dẫn 137. Nếu dự án có thể có tác động tới dịch vụ hệ sinh thái, ESR phải sàng lọc mọi loại dịch vụ hệ sinh thái Loại I và II trong khu vực hoạt động của dự án và khu vực ảnh hưởng của dự án và xếp hạng ưu tiên đối với dịch vụ hệ sinh thái dựa trên: (i) khả năng của dự án tác động tới dịch vụ trên; và (ii) quyền quản lý trực tiếp hoặc ảnh hưởng của dự án đối với dịch vụ trên.

Hướng dẫn 138. Dịch vụ hệ sinh thái Loại I sẽ được xét mức ưu tiên trong hoàn cảnh sau:

- Hoạt động của dự án có thể tạo tác động đáng kể tới dịch vụ hệ sinh thái;
- Sẽ có tác động tiêu cực trực tiếp tới sinh kế, sức khỏe, an toàn và/hoặc di sản văn hóa của Cộng đồng bị ảnh hưởng;
- Dự án quản lý trực tiếp hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới dịch vụ trên.

Hướng dẫn 139. Dịch vụ hệ sinh thái Loại II sẽ được xét mức ưu tiên trong hoàn cảnh sau:

- Hoạt động chủ đạo của dự án phụ thuộc trực tiếp vào dịch vụ trên;
- Dự án quản lý trực tiếp hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới dịch vụ trên.

Hướng dẫn 140. Đối với dịch vụ hệ sinh thái Loại I, phải tiến hành ESR như một phần của quá trình có sự tham gia tham vấn của các bên liên quan. Chuyên gia xã hội sẽ là những người triển khai tham vấn chính, và các quy định được nêu rõ trong khoản 25 - 33 của Tiêu chuẩn hoạt động 1; hướng dẫn liên quan được nêu trong khoản Hướng dẫn 91 - Hướng dẫn 105 của Hướng dẫn 1. Trong ESR, khách hàng nên cân nhắc:

- Đánh giá đặc điểm và quy mô của dịch vụ hệ sinh thái trong khu vực hoạt động của dự án và khu vực ảnh hưởng của dự án
- Xác định điều kiện, xu hướng và mối đe dọa bên ngoài (phi dự án) đối với dịch vụ trên
- Nêu rõ bên hưởng lợi của những dịch vụ trên
- Đánh giá mức độ phụ thuộc của dự án đối với dịch vụ hoặc mức độ ảnh hưởng tới dịch vụ
- Đánh giá tầm quan trọng của dịch vụ đối với sinh kế, sức khỏe, an toàn và di sản văn hóa
- Xác định rủi ro xã hội, vận hành. Tài chính, quản lý và uy tín chính có liên quan

- Xác định hướng hoạt động và biện pháp giảm nhẹ có thể làm giảm rủi ro được xác định.

Hướng dẫn 141. Đối với dịch vụ hệ sinh thái Loại I được xác định là dịch vụ ưu tiên, khách hàng phải triển khai thứ tự biện pháp giảm nhẹ ưu tiên để phòng tránh tác động, và nếu tác động là không thể phòng tránh được thì khách hàng phải giảm thiểu tác động và có các biện pháp giảm nhẹ để duy trì “giá trị và khả năng vận hành của dịch vụ ưu tiên” như được nêu trong khoản 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Xét đến việc có thể có nhiều biện pháp giảm nhẹ khác nhau được áp dụng để đạt được mục tiêu trên, các biện pháp giảm nhẹ không được liệt kê chi tiết trong Hướng dẫn này. Các biện pháp trên phải được xác định khi phối hợp với chuyên gia môi trường và xã hội liên quan. Nên lưu ý là quy định đền bù đối với sinh kế dựa trên tài nguyên thiên nhiên và quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên được nêu trong Tiêu chuẩn hoạt động 5. Khách hàng phải chứng minh đã áp dụng thứ tự ưu tiên trong các biện pháp giảm nhẹ, về mặt phòng tránh, giảm thiểu và khôi phục trước khi cân nhắc việc đền bù.

Hướng dẫn 142. Đối với dịch vụ hệ sinh thái Loại II được xác định là dịch vụ ưu tiên, khách hàng phải giảm thiểu tác động đối với dịch vụ hệ sinh thái và áp dụng biện pháp tăng tính hiệu quả đối với tài nguyên trong các hoạt động của mình như được nêu trong khoản 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6. Quy định này liên quan tới các hoạt động mà khách hàng có thể triển khai trong môi trường tự nhiên để duy trì các dịch vụ mà hệ sinh thái cung cấp cho hoạt động kinh doanh. Ví dụ duy trì sự phủ xanh trên các triển đồi có rừng có thể cải thiện năng lực chứa nước của lòng hồ và tăng công suất đầu ra đối với dự án thủy điện, duy trì cây thuốc hoặc hệ sinh thái gần bờ biển để tạo môi trường sống cho cá con và các loài thủy sinh vật khác có thể tạo lợi ích cho việc nuôi cá và các hoạt động thủy sản khác, bảo vệ vùng san hô và tài nguyên biển khác sẽ cải thiện giá trị giải trí của tài nguyên bờ biển quan trọng đối với công nghiệp du lịch. Tất cả các hoạt động trên là phương thức tối ưu hóa sự phụ thuộc của doanh nghiệp đối với dịch vụ hệ sinh thái cung cấp, quản lý và văn hóa. Các quy định liên quan tới, nhưng khác biệt với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 3, trong đó có nêu việc tiết kiệm tài nguyên đối với năng lượng và tiêu thụ nước như một phần của quá trình thiết kế dự án và sản xuất (là biện pháp tiết kiệm “nội bộ”).

Quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

24. Khách hàng tham gia vào sản xuất cơ bản từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên như khai thác rừng tự

nhiên hoặc phát triển rừng trồng, nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản sẽ cần tuân thủ các yêu cầu của khoản 26-30, bên cạnh các yêu cầu khác của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khi phù hợp, khách hàng sẽ xác định vị trí các dự án trồng rừng trên đất trống hoặc đất đã được chuyển đổi. Khách hàng tham gia vào các ngành này cần quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo cách thích hợp thông qua việc áp dụng các thông lệ quản lý tốt và các công nghệ sẵn có. Nếu các thông lệ sản xuất cơ bản này được quy định thành tiêu chuẩn cấp toàn cầu, vùng, quốc gia, khách hàng cần thực hiện các thông lệ quản lý bền vững theo một trong số các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín và phải được chứng nhận độc lập cho quá trình này.

Hướng dẫn 143. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động này, sản xuất cơ bản được xác định là sự nuôi trồng thực vật và động vật với mục đích tiêu thụ và sử dụng cho con người hay động vật, cả trong thiên nhiên hoang dã và trong hoàn cảnh nuôi trồng. Quá trình này bao gồm: mọi hình thức canh tác lâm nghiệp, dù trong rừng tự nhiên hoặc rừng trồng, cũng như các sản phẩm không phải gỗ thịt có thể được thu hoạch từ rừng tự nhiên, mọi hình thức canh tác nông nghiệp, bao gồm thu hoạch hàng năm và lưu niên và chăn nuôi, bao gồm cả vật nuôi; và thủy sản hoang dã và nuôi thả, bao gồm mọi loại sinh vật biển và nước ngọt, cả loài có xương sống và không xương sống. Quy mô này được hoạch định có phạm vi đủ rộng để bao quát mọi trường hợp khi tài nguyên thiên nhiên sống được khách hàng quản lý với mục đích lợi ích công cộng.

Hướng dẫn 144. Nguyên tắc bao hàm là khách hàng tham gia trong các hoạt động trên phải quản lý tài nguyên một cách bền vững. Điều này có nghĩa là tài nguyên đất đai hoặc nước duy trì được năng lực sản sinh theo thời gian, và tập quán nông nghiệp và thủy sản không làm môi trường xung quanh xuống cấp. Quản lý bền vững cũng đảm bảo những người phụ thuộc vào tài nguyên trên được tham vấn đầy đủ, được quyền tham gia quá trình phát triển, và được chia sẻ lợi ích của sự phát triển trên một cách bình đẳng.

Hướng dẫn 145. Khoản 26 của Tiêu chuẩn hoạt động 6 nêu rằng có thể đạt được quản lý bền vững thông qua tập quán tốt trong ngành và thông qua kỹ thuật hiện có. Tùy theo lĩnh vực ngành và khu vực địa lý, khách hàng nên tham khảo một loạt các nguồn thông tin. Phải tập trung chính vào khía cạnh sức khỏe và an toàn môi trường và ngành nghề, mặc dù khía cạnh xã hội ngày càng được giải quyết nhiều hơn. Hướng dẫn EHS, và Lưu ý tập quán tốt của IFC và tài liệu liên quan là nguồn thông tin tham khảo hữu ích với khách hàng. Hướng

dẫn cụ thể của ngành là rất linh hoạt và thường xuyên có tài liệu mới được xuất bản. Việc tìm kiếm kỹ lưỡng trên Internet sẽ cho thấy một loạt các nguồn thông tin hữu ích và cập nhật. hai nguồn thông tin rất tốt cập nhật các tiêu chuẩn và tập quán quản lý bao gồm Bản đồ tiêu chuẩn trung tâm thương mại^{HD47} và Mạng lưới các nhà thực hành.^{HD48}

Hướng dẫn 146. Trong những năm gần đây một số ngành đã xây dựng và/hoặc áp dụng tiêu chuẩn chính thức về môi trường và bền vững xã hội được tích hợp các tập quán tốt về môi trường và xã hội. Việc tuân theo các tiêu chuẩn trên, bao gồm các nguyên tắc, tiêu chuẩn và chỉ tiêu đặc trưng cho nhu cầu của ngành hoặc khu vực địa lý sau này có thể được kiểm toán độc lập và xác nhận về việc tuân thủ. Trong ngành lâm nghiệp, các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững bao gồm các tiêu chuẩn của Hội đồng quản lý rừng (FSC), cũng như một loạt các tiêu chuẩn rừng quốc gia (ví dụ Sáng kiến rừng bền vững (SFI) của Hoa Kỳ; Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Hiệp hội tiêu chuẩn Canada (CSA); Programa Brasileiro de Certificação Florestal (CERFLOR) ở Brazil; Sistema Chileno de Certificación de Manejo Forestal Sustentable (CERTFOR) ở Chile; v.v...). Mạng lưới nông nghiệp thích hợp (SAN) được thành lập năm 1992 và hiện được áp dụng cho nhiều loại cây trồng có giá trị cao. Có nhiều sáng kiến cho các mặt hàng tiêu dùng cụ thể với sự tham gia của nhiều bên liên quan được xây dựng gần đây ví dụ như Bàn tròn dầu cọ bền vững (RSPO). Được áp dụng năm 2008, RSPO có tiêu chuẩn dựa trên Nguyên tắc và Tiêu chuẩn đối với sản xuất dầu cọ, và có các sáng kiến tương tự đang được xây dựng đối với các lĩnh vực hàng tiêu dùng khác (đường mía, bông, đậu nành, v.v...). Nếu lĩnh vực được xem xét đã có tiêu chuẩn bền vững “phù hợp” (như được định nghĩa dưới đây) về môi trường và xã hội, Tiêu chuẩn hoạt động 6 yêu cầu khách hàng phải áp dụng các tiêu chuẩn trên và được xác nhận hoặc kiểm định độc lập là khách hàng tuân thủ tiêu chuẩn đó trong mọi hoạt động mà khách hàng sở hữu trực tiếp hoặc có quyền quản lý.

Hướng dẫn 147. Khoản 26 cũng nêu rõ là “khi phù hợp, khách hàng sẽ xác định vị trí các dự án nông nghiệp và trồng rừng trên đất trống hoặc đất đã được chuyển đổi.” Yêu cầu này phải được thực hiện cùng với khoản 14 (điểm thứ nhất) Tiêu chuẩn hoạt động 6 (xem môi trường sống tự nhiên), yêu cầu đó đòi hỏi khách hàng phải chứng minh là “không có sự lựa chọn khả thi nào khác trong khu vực để phát triển dự án trong môi trường sinh sống điều chỉnh”.

^{HD47} Xem www.standardsmap.org

^{HD48} Xem www.tradestandards.org

25. Những tiêu chuẩn toàn cầu, vùng, quốc gia về quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên là những tiêu chuẩn (i) khách quan và có thể đạt được; (ii) dựa trên quá trình tham vấn nhiều bên liên quan; (iii) khuyến khích việc cải thiện liên tục và từng bước; và (iv) cung cấp chứng nhận độc lập bởi cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đối với những tiêu chuẩn đó.²⁰

Hướng dẫn 148. Mặc dù có nhiều tiêu chuẩn được đề xuất, nhưng nhiều tiêu chuẩn thiếu sự đề cập phù hợp đối với các vấn đề bền vững liên quan, hoặc không đủ khả năng được áp dụng một cách độc lập và nhất quán. Một tiêu chuẩn muốn được coi là phù hợp cho việc áp dụng phải:

- *Khách quan và khả thi* - dựa trên phương thức tiếp cận khoa học để xác định các vấn đề, và có tính thực tiễn trong việc đánh giá cách giải quyết vấn đề tại thực địa trong nhiều hoàn cảnh thực tế.
- *Được xây dựng hoặc duy trì bằng một quá trình tham vấn tiếp diễn với các bên liên quan* - phải cân bằng thông tin đầu vào từ nhóm các bên liên quan, bao gồm nhà sản xuất, kinh doanh, gia công, tài chính, người dân và cộng đồng địa phương, Người dân bản địa, và tổ chức xã hội dân sự đại diện cho người tiêu dùng, lợi ích môi trường và xã hội, trong đó không có nhóm nào được có sự áp đảo không thích đáng hoặc quyền phủ quyết về mặt nội dung.
- *Khuyến khích sự cải tiến từng bước và liên tục* - cả về tiêu chuẩn và về áp dụng tập quán quản lý tốt hơn, và yêu cầu phải xây dựng mục tiêu có ý nghĩa và có cột mốc cụ thể để đánh dấu tiến độ trong mối tương quan với nguyên tắc và tiêu chuẩn theo thời gian.
- *Có khả năng được xác nhận một cách độc lập hoặc chứng nhận bởi cơ quan xác nhận* - với quy trình đánh giá được xác định và nghiêm ngặt để tránh mâu thuẫn quyền lợi và phù hợp với hướng dẫn ISO về quy trình thẩm định và xác nhận.

Hướng dẫn 149. Nhìn chung, các tiêu chuẩn tuân theo Tập quán tốt về tiêu chuẩn xã hội và môi trường của ISEAL^{11D49} và Tập quán tốt về chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn xã hội và môi trường của ISEAL sẽ phù hợp với quy định trên.

²⁰ Một hệ thống chứng nhận thích hợp sẽ là một hệ thống độc lập, hiệu quả về chi phí, dựa trên mục tiêu và tiêu chuẩn hiệu suất có thể đo lường và được phát triển thông qua tham vấn với các bên có liên quan, chẳng hạn như người dân và cộng đồng địa phương, người dân bản địa, tổ chức xã hội dân sự đại diện cho người tiêu dùng, nhà sản xuất, và các lợi ích bảo tồn. Một hệ thống như vậy có các thủ tục công bằng, minh bạch, quy trình ra quyết định độc lập tránh xung đột lợi ích.

^{11D49} Xem <http://www.isealliance.org/code>

Hướng dẫn 150. Tiêu chuẩn hoạt động 6 yêu cầu có sự chứng nhận hoặc xác nhận từ bên ngoài về mức độ tuân thủ tiêu chuẩn tự nguyện phù hợp, đó là cách thức đảm bảo bổ sung là khách hàng giải quyết các vấn đề bền vững về môi trường và xã hội một cách phù hợp. Trong khi yêu cầu phải có sự xác nhận hoặc chứng nhận từ bên ngoài về quản lý tài nguyên bền vững (nếu có các tiêu chuẩn phù hợp), Tiêu chuẩn hoạt động 6 không khẳng định một tiêu chuẩn cụ thể nào là đáp ứng yêu cầu của nó, bởi vì các tiêu chuẩn có thể thay đổi cả về mặt nội dung và áp dụng thực địa theo thời gian. Tiêu chuẩn được xem xét áp dụng tùy theo từng trường hợp để xác định xem liệu tiêu chuẩn đó và hệ thống xác nhận hoặc chứng nhận nhìn chung có phù hợp với quy định trên hay không.

Hướng dẫn 151. Xác nhận hoặc chứng nhận đáp ứng nhiều tiêu chuẩn có thể là không cần thiết nếu một tiêu chuẩn đã bao hàm những vấn đề chính, nhưng khách hàng có thể lựa chọn để được chứng nhận về một số tiêu chuẩn tùy thuộc vào nhu cầu của bản thân khách hàng về quản lý rủi ro, tính phức tạp của chuỗi cung ứng, và nhu cầu của thị trường đối tượng. Khách hàng được khuyến khích lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp với quy định nêu trên và hỗ trợ để giảm thiểu rủi ro môi trường và xã hội.

Hướng dẫn 152. Nếu không có một tiêu chuẩn và tiêu chí duy nhất có khả năng bao quát đối với một mặt hàng cụ thể, Tiêu chuẩn hoạt động 6 cho phép được xác nhận hoặc chứng nhận một tập hợp các tiêu chuẩn để bao hàm các khía cạnh đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và có thể được kết hợp với các tiêu chuẩn khác bao hàm các vấn đề môi trường và xã hội khác như sức khỏe và an toàn ngành, vấn đề xã hội và lao động, chất lượng sản phẩm và quản lý môi trường.

Khi có các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín, nhưng khách hàng chưa được chứng nhận việc áp dụng các tiêu chuẩn này, khách hàng cần thực hiện tiến đánh giá về sự tuân thủ của mình đối với các tiêu chuẩn đó và thực hiện các biện pháp để đạt được chứng nhận độc lập trong một khoảng thời gian thích hợp.

Hướng dẫn 153. Trong trường hợp có tiêu chuẩn liên quan, nhưng khách hàng chưa đạt được sự chứng nhận hoặc xác nhận thì từ giai đoạn đầu của thiết kế dự án khách hàng phải đánh giá sơ bộ hoặc đánh giá những chỗ còn thiếu hụt về mức độ phù hợp với tiêu chuẩn được lựa chọn, và việc đánh giá này phải do tổ chức thực hành có kinh nghiệm phù hợp tiến hành để xác định những lĩnh vực khách hàng cần phải tập hợp tài liệu và xây dựng quá trình và cải thiện thực tiễn trước khi lập kế hoạch cho quá trình kiểm toán chính thức

để được xác nhận hoặc chứng nhận. Việc đánh giá sơ bộ sẽ là cơ sở cho kế hoạch hành động để giải quyết các vấn đề trên theo lịch trình phù hợp. Khi thỏa thuận về lịch trình phù hợp để đáp ứng tiêu chuẩn, cũng như đạt được sự xác nhận hoặc chứng nhận, phải cân nhắc thêm đặc điểm và quy mô của hoạt động của khách hàng và khả năng của khách hàng về nhân lực.

Nếu chưa có các tiêu chuẩn liên quan và có uy tín toàn cầu, vùng, quốc gia đối với một loại tài nguyên thiên nhiên cụ thể, khách hàng sẽ:

- Cam kết áp dụng nguyên tắc quốc tế tốt về hoạt động ngành, các thông lệ quản lý và công nghệ quốc tế tốt;
- Tham gia và hỗ trợ tích cực cho quá trình xây dựng một tiêu chuẩn quốc gia, khi phù hợp, kể cả những nghiên cứu có thể góp phần tạo nên hoặc chứng minh các thông lệ bền vững.

Hướng dẫn 154. Nếu tiêu chuẩn liên quan chưa được xây dựng, hoặc sự diễn giải của quốc gia về tiêu chuẩn chung toàn cầu chưa được phê duyệt để áp dụng tại khu vực địa lý hoặc đất nước cụ thể, khách hàng phải hoạt động theo tinh thần của tập quán tốt trong ngành được quốc tế công nhận (như được tham chiếu trong khoản Hướng dẫn 145 và Hướng dẫn 146 ở trên) và thường được bao hàm trong tiêu chuẩn. Mục đích là khách hàng sẽ dùng giai đoạn này để chuẩn bị cho quá trình xác nhận hoặc chứng nhận sau này. Hơn nữa, khách hàng phải tích cực tham gia quá trình xây dựng tiêu chuẩn liên quan với mức độ phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của mình. Sự tham gia trên có thể bao gồm, trong số các hoạt động khác, việc đăng cai và/hoặc tham gia hội thảo địa phương, hoặc kiểm nghiệm tại thực địa về các yêu cầu cụ thể được dự kiến áp dụng trong tiêu chuẩn. Khi xây dựng tiêu chuẩn, khách hàng phải đăng ký và cố gắng đạt được sự xác nhận hoặc chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn đó đối với mọi hoạt động mà khách hàng sở hữu trực tiếp hoặc có quyền quản lý.

Chuỗi cung ứng

26. Khi khách hàng đang mua các sản phẩm cơ bản (nhất là và không loại trừ thức ăn và các hàng hóa từ sợi) được sản xuất trong vùng có nguy cơ chuyển đổi môi trường sống tự nhiên và/hoặc môi trường sống quan trọng, cần phải có hệ thống và quy trình thẩm tra đánh giá nhà cung cấp trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng.²¹ Hệ thống và quy

²¹ Nhà cung cấp cơ bản là những nhà cung cấp thường xuyên các sản phẩm từ tài nguyên thiên nhiên, hàng hóa và nguyên liệu cần thiết cho quá trình vận hành của dự án.

trình này sẽ: (i) xác định nguồn cung từ đâu và loại môi trường sống của vùng này; (ii) cung cấp và soát thường xuyên về các chuỗi cung ứng cơ bản của khách hàng; (iii) chỉ giới hạn mua từ các nhà nhà cung cấp có thể chứng minh họ không góp phần làm chuyển đổi đáng kể môi trường sống tự nhiên và/hoặc môi trường sống quan trọng (có thể chứng minh bằng việc cung cấp những sản phẩm được chứng nhận hay tiến trình để được chứng nhận với một tổ chức uy tín cho một số hành hóa cụ thể và/hoặc khu vực cụ thể); và (iv) khi phù hợp, yêu cầu thực hiện các hành động để chuyển đổi chuỗi cung ứng cơ bản của khách hàng sang những nhà cung cấp có thể chứng minh họ không gây ảnh hưởng tiêu cực gì đến các khu vực này. Khả năng của khách hàng để xử lý các rủi ro này phụ thuộc vào mức độ kiểm soát hay mức ảnh hưởng của khách hàng đến nhà cung cấp cơ bản.

Hướng dẫn 155. Khách hàng có thể mua thực phẩm, vật liệu sợi, gỗ, động vật và sản phẩm động vật, và hàng hóa liên quan để tiếp tục gia công hoặc kinh doanh mà không tham gia trực tiếp vào việc trồng hoặc thu hoạch các sản phẩm trên. Ngoài ra, các sản phẩm trên có thể sẽ qua một loạt trung gian trước khi được khách hàng mua. Khách hàng nên biết là có thể có rủi ro đáng kể đối với uy tín của mình liên quan tới sự tham gia của khách hàng trong chuỗi cung ứng như vậy nếu xác định được tác động tiêu cực đáng kể đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình sản xuất các sản phẩm trên.

Hướng dẫn 156. Mỗi quan ngại và tác động tiêu cực bao gồm các khu vực và tình huống khi có sự chuyển đổi đáng kể của môi trường sống tự nhiên và quan trọng như được nêu trong khoản 13 và 16 tương ứng của Tiêu chuẩn hoạt động 6, và/hoặc thu hoạch quá mức đối với quần thể thực vật và động vật để dẫn tới sự suy thoái của dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên và dẫn tới hậu quả đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng, bản thân nguồn tài nguyên thiên nhiên sống, hoặc quá trình vận hành liên tục của khách hàng.

Hướng dẫn 157. Khách hàng tham gia gia công hoặc kinh doanh hàng hóa trên phải xây dựng và triển khai chính sách và quy trình phù hợp như một phần của ESMS của họ để xác định rủi ro trong chuỗi cung ứng, và để đánh giá khả năng mắc phải các rủi ro trên về mặt vận hành và uy tín. Khách hàng phải có hệ thống đảm bảo chất lượng và khả năng truy tìm phù hợp để có thể xác định một cách chính xác nguồn và gốc của sản phẩm của họ. Hệ thống truy tìm hoặc chuỗi giám hộ như vậy phải phù hợp để cho phép khách hàng loại trừ sản phẩm hoặc nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu chính sách và quy trình của khách hàng và gây ra rủi ro

đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái.

Hướng dẫn 158. Trong trường hợp xác định được mối quan ngại như vậy, khách hàng phải xác định cách thức giải quyết và giảm rủi ro theo cách thức phù hợp với mức độ kiểm soát và khả năng ảnh hưởng của họ đối với chuỗi cung ứng. Cụ thể, khách hàng phải xác định nhà cung cấp chính, là những đơn vị cung cấp phần lớn tài nguyên thiên nhiên sống, hàng hóa và vật tư thiết yếu đối với quá trình sản xuất cơ bản của khách hàng trên cơ sở thường xuyên.

Hướng dẫn 159. Khách hàng phải phối hợp với những nhà cung cấp chính trên để khuyến khích và hỗ trợ họ trong việc xác định rủi ro và mối quan ngại trong chuỗi cung ứng của họ, và nếu có thể, cả trong việc xác định nhà cung cấp chính trên có thể thay đổi ở đâu và cách

nào để phòng tránh sự chuyển đổi và/hoặc suy thoái đáng kể của môi trường sống tự nhiên và quan trọng và đảm bảo quá trình quản lý bền vững đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên sống thông qua việc áp dụng tập quán quản lý tốt và công nghệ hiện có trong ngành. Như một phần trong ESMS của họ, khách hàng phải xây dựng và áp dụng hoặc triển khai công cụ giám sát, hệ đo lường và phương pháp để lượng hóa hoạt động hiện tại của các nhà cung cấp chính, nếu phù hợp.

Hướng dẫn 160. Nếu tại nước sở tại đã có sẵn hệ thống xác nhận và chứng nhận phù hợp đối với quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững, khách hàng được khuyến khích cân nhắc mua những sản phẩm được chứng nhận và chứng minh sự xác nhận hoặc chứng nhận trong khuôn khổ chuỗi giám hộ có uy tín liên quan tới hàng hóa hoặc sản phẩm được xem xét.

Phụ lục A

Xây dựng kế hoạch hành động đa dạng sinh học Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học

Trong trường hợp giá trị đa dạng sinh học có giá trị bảo tồn liên quan tới địa điểm hoặc khu vực ảnh hưởng của dự án, Kế hoạch hành động đa dạng sinh học (BAP) và/hoặc Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học (BMP)¹ sẽ là cách thức hữu hiệu để tập trung biện pháp giảm nhẹ và chiến lược quản lý của dự án. Việc xây dựng BAP/BMP có thể là theo yêu cầu của chính sách đa dạng sinh học của bản thân doanh nghiệp, hoặc Viện tài chính quốc tế (IFI hoặc “Bên cho vay”) có thể yêu cầu có BAP/BMP để chứng minh sự tuân thủ với tiêu chuẩn của Bên cho vay. Các bên khác, ví dụ như cơ quan chính phủ, cơ quan bảo tồn hoặc Cộng đồng bị ảnh hưởng cũng có thể quan tâm tới việc xây dựng BAP/BMP để giải quyết vấn đề quan tâm cụ thể.

BAP/BMP độc lập là một tín hiệu rõ ràng gửi tới các bên liên quan để không chỉ cho thấy chiến lược giảm nhẹ do doanh nghiệp lựa chọn mà còn là tín hiệu về triết lý làm việc và khả năng của doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm đối với giá trị bảo tồn được biết. Doanh nghiệp có thể quyết định tích hợp biện pháp giảm nhẹ và các biện pháp quản lý liên quan tới đa dạng sinh học vào trong Kế hoạch quản lý môi trường hoặc Kế hoạch hành động khác có tính phổ quát hơn. Trong những trường hợp như vậy, có thể có rủi ro là tính cam kết của doanh nghiệp sẽ khó được nhận thấy hơn hoặc bị lẫn chung với nhiều yếu tố khác, và có thể ít được tập trung hơn. Xây dựng BAP là quy định bắt buộc của Tiêu chuẩn hoạt động 6 nếu dự án hoạt động trong môi trường sống quan trọng và nên được tiến hành nếu dự án hoạt động trong môi trường sống tự nhiên. Trong cả hai trường hợp, việc xây dựng BMP được khuyến khích. BAP/BMP cũng có thể có ích trong môi trường sống điều chỉnh nếu giá trị đa dạng sinh học quan trọng đối với việc bảo tồn liên quan tới khu vực đó.

Xây dựng Kế hoạch hành động đa dạng sinh học

Nhìn chung, BAP có thể bao gồm số lượng bất kỳ các hoạt động liên quan tới đa dạng sinh học, các hoạt động này cần được doanh nghiệp triển khai để đáp ứng quy định, yêu cầu hoặc sự mong đợi cụ thể (tuân thủ quy định của Bên cho vay, quy định pháp lý, đáp ứng mối quan ngại của bên liên quan). BAP thường được xây

dựng trong trường hợp ESIA hoặc ESMS của dự án có chỗ thiếu hụt thông tin. Thông tin thiếu hụt liên quan tới quản lý đa dạng sinh học thường bao gồm: (i) dữ liệu kỹ gốc thiếu hoặc không đủ (thường do hạn chế về thời gian và/hoặc mùa vụ trong thời gian thu thập dữ liệu kỹ gốc); (ii) không xử lý dữ liệu hoặc xử lý chưa đủ để xác định rõ giá trị đa dạng sinh học cao; (iii) sự tham gia và tham vấn chưa đầy đủ của các bên liên quan, đặc biệt là chuyên gia bên ngoài; (iv) chưa đạt tiêu chuẩn trong việc đánh giá tác động và thiếu phân tích tác động được lượng hóa; (v) xác định chưa đầy đủ biện pháp giảm nhẹ, bao gồm cả các biện pháp để giảm nhẹ tác động tồn dư đáng kể; và, (vi) thiếu hoặc chưa đủ quy trình giám sát. Trong bất kỳ trường hợp nào thì chức năng của BAP là xác định biện pháp hoạt động điều chỉnh và khuôn khổ triển khai các biện pháp đó.

BAP cũng có thể là biện pháp để chứng minh tập quán tiên phong đối với các doanh nghiệp quyết định tuân thủ trên cả mức quy định. Trong trường hợp đó, các cơ hội bảo tồn bổ sung được xác định trong quá trình tham vấn với các bên liên quan có thể được triển khai qua BAP.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất của BAP là việc xác định mục đích bao trùm và được hỗ trợ bởi một loạt các mục tiêu. Ví dụ nếu chủ đích của BAP là giảm nhẹ tác động tồn dư đáng kể trong môi trường sống quan trọng thì mục đích có thể sẽ là thiết kế sự bồi hoàn đa dạng sinh học nhằm đạt được lợi ích thuận về giá trị đa dạng sinh học liên quan, và mục tiêu sẽ cho thấy cách thức để đạt được mục đích đó. BAP không nên bao gồm mục đích xa vời để nhằm thúc đẩy hoạt động dự án hoặc xoa dịu các bên liên quan bên ngoài. Mục đích/mục tiêu phải thực tế và phải dựa trên chỉ tiêu phấn đấu có thể đo đếm được. Mỗi mục tiêu phải vạch ra một loạt các hoạt động và bao gồm tiêu chí hoàn thành hoặc chỉ tiêu giám sát, chỉ ra bên chịu trách nhiệm và khuôn khổ thời gian. Mọi quá trình trên phải được xây dựng với sự tham vấn của các bên liên quan, bao gồm chính phủ, chuyên gia bên ngoài, tổ chức bảo tồn địa phương/quốc tế và Cộng đồng bị ảnh hưởng.

Có nhiều thông tin hướng dẫn đối với việc xây dựng BAP của khu vực công, nhưng thông tin này có giá trị hạn chế đối với khu vực tư nhân. Hiệp hội bảo tồn môi

¹ Có thể có nhiều tên gọi, bao gồm Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) hoặc Kế hoạch quản lý Động vật và thực vật.

trường trong công nghiệp dầu khí quốc tế (IPIECA) có hướng dẫn có thể sử dụng được^{2,3}, nhưng ngoài ra thì có ít tài liệu hướng dẫn về vấn đề này được phổ biến cho công chúng. Điều này một phần là vì khu vực tư nhân rất đa dạng, trong khi mục đích phổ quát của BAP về mặt nội tại phụ thuộc vào từng nội dung và dự án cụ thể. Ngay cả trong cùng một doanh nghiệp, điều kiện dự án và quá trình đánh giá là khác nhau, và BAP được sử dụng để đáp ứng nhu cầu khác nhau. Hơn nữa, thuật ngữ “BAP” chưa được định nghĩa rõ ràng cho mục đích sử dụng trong khu vực tư nhân, và chưa có khuôn khổ được công nhận rộng rãi và có khả năng áp dụng trong nhiều lĩnh vực để sử dụng (ví dụ như đối với Kế hoạch hành động tái định cư).

Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học

BMP được xây dựng khi dữ liệu kỹ gốc, quá trình đánh giá tác động và biện pháp giảm nhẹ được xây dựng phù hợp và chỉ còn có việc tổng hợp thông tin trên thành Kế hoạch quản lý có khả năng được triển khai và kiểm toán. Kế hoạch phải nêu rõ biện pháp giảm nhẹ, các bên có trách nhiệm triển khai (là doanh nghiệp, nhà thầu, chính phủ), giám sát quy định và lịch trình giám sát (hành tuần, tháng hoặc hai lần một năm). Cũng giống như các Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội khác, BMP phải được tích hợp trong ESMS của doanh nghiệp và được nằm ngoài hệ thống. Xem tham khảo Tích hợp đa dạng sinh học vào trong hệ thống quản lý môi trường do Sáng kiến năng lượng và đa dạng sinh học xuất bản.⁴ Trong trường hợp bồi hoàn đa dạng sinh học, Kế hoạch quản lý có thể ở dưới dạng Kế hoạch triển khai chi tiết hơn, và sẽ cần có chuyên gia bên ngoài để xây dựng (đặc biệt là nếu sự bồi hoàn là do bên thứ ba quản lý). Xem Cẩm nang thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học do Chương trình Doanh nghiệp và bồi hoàn đa dạng sinh học (Xu thế rừng, 2009) để tham khảo.⁵

Có sự khác biệt trong quy định giám sát trong BMP so với Chương trình giám sát và đánh giá đa dạng sinh học. BMP là tập quán hoạt động tiêu chuẩn đối với mọi Kế hoạch quản lý, trong đó quy định giám sát đối với việc triển khai các biện pháp giảm nhẹ được xác định bên trong Kế hoạch. Đối với dự án có tác động tiêu cực đáng kể và chưa có tiền lệ, các chỉ tiêu hoạt động chính thường được xác định trong mọi Kế hoạch làm cơ sở giám sát. Tuy nhiên, Chương trình giám sát và đánh giá đa dạng sinh học là quan niệm và phạm trù kỹ thuật khác trong lĩnh vực sinh vật học bảo tồn. Quá trình giám sát đa dạng sinh học không thể chỉ căn cứ vào các biện pháp được tiêu chuẩn hóa như các biện pháp đã được xác định đối với việc giám sát không khí, tiếng ồn hoặc nước thải. Chương trình giám sát và đánh giá đa dạng sinh học (để sử dụng tại hiện trường trong khu vực tư nhân) đòi hỏi phải xây dựng hệ đo lường để giám sát, ví dụ như sự tồn tại của loài cụ thể trong cảnh quan mặt đất/mặt biển hoặc sự sinh tồn của quần thể động thực vật dưới tác động liên quan tới dự án. Trong bối cảnh đa dạng của các loài và hệ sinh thái, việc xây dựng hệ đo lường chuẩn xác đòi hỏi kinh nghiệm của chuyên gia. Cũng giống như đối với BAP, điều có ý nghĩa cơ bản đối với Chương trình giám sát và đánh giá đa dạng sinh học là việc xác định mục đích và mục tiêu. Đối với dự án khu vực tư nhân, mục đích/mục tiêu luôn phải gắn liền với giá trị đa dạng sinh học có thể được đo lường và chịu tác động của dự án. Xem thêm Chỉ tiêu đa dạng sinh học để giám sát tác động và có biện pháp bảo tồn do Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học xuất bản.⁶

Vì tính phức tạp của môi trường sống tự nhiên (và nhiều môi trường sống điều chỉnh), quản lý đa dạng sinh học phải được cân nhắc để có tính thích nghi cao. Doanh nghiệp phải nghiên cứu kết quả của chương trình giám sát và điều chỉnh biện pháp quản lý và giảm nhẹ ở mức cần thiết để bảo vệ được các giá trị đa dạng sinh học được xem xét một cách hiệu quả.

² Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động đa dạng sinh học cho ngành dầu khí (2005). Xem <http://www.ipecia.org/publication/guide-developing-biodiversity-action-plans-oil-and-gas-sector>.

³ Xem tham luận của Maguire và những người khác, 2010. Xây dựng kế hoạch hành động đa dạng sinh học thông qua cách tiếp cận được phân đoạn tích hợp. Hội các kỹ sư dầu khí (SPE) Hội nghị quốc tế về sức khỏe và môi trường (HSE) trong thăm dò và khai thác dầu khí, 12-14 tháng 4 2010, Rio de Janeiro, Brazil; Tham luận số 127208-MS (miêu tả kinh nghiệm của dự án LNG Peru, Hunt Oil); và Croucher, T và Dholoo, E. 2010. Tiến tới BAP hoặc không BAP? Thách thức và cơ hội trong việc áp dụng kế hoạch hành động đa dạng sinh học trong ngành dầu khí. Hội nghị quốc tế SPE về HSE trong thăm dò và khai thác dầu khí, 12-14 tháng 4 2010, Rio de Janeiro, Brazil; Tham luận số 127133-MS.

⁴ <http://www.theebi.org/products.html> Xem thêm hệ thống quản lý đa dạng sinh học: Đề xuất về quản lý đa dạng sinh học tích hợp tại khu vực Holcim, IUCN, Gland, Thụy sỹ (2010) về ví dụ trong ngành xi-măng. http://cmsdata.iucn.org/downloads/biodiversity_management_system_final.pdf

⁵ <http://bbop.forest-trends.org/guidelines/>.

⁶ <http://www.theebi.org/products.html>

Phụ lục B

Tham chiếu dịch vụ hệ sinh thái trong các Tiêu chuẩn hoạt động khác

Tiêu chuẩn hoạt động	Điều khoản	Tham chiếu và mối quan hệ với Tiêu chuẩn hoạt động 6
1	Khoản 8/điểm thứ nhất	Đối với định nghĩa về khu vực ảnh hưởng của dự án, phải tính đến tác động gián tiếp của dự án đối với đa dạng sinh học hoặc dịch vụ hệ sinh thái mà sinh kế của Cộng đồng bị ảnh hưởng phụ thuộc vào.
4	Khoản 8	Miêu tả trách nhiệm của khách hàng phải tính đến tác động trực tiếp của dự án đối với dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên mà có thể tạo tác động tiêu cực về sức khỏe và an toàn đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng. Dịch vụ hệ sinh thái được giới hạn về dịch vụ cung cấp và dịch vụ điều hành. Trách nhiệm của khách hàng liên quan tới khoản 25 của Tiêu chuẩn hoạt động 6.
5	Khoản 1/chú thích 1	Chú thích điển giải sinh kế dựa trên tài nguyên thiên nhiên được coi là “sinh kế” theo Tiêu chuẩn hoạt động 5.
	Khoản 5/điểm thứ 3	Lưu ý là Tiêu chuẩn hoạt động 5 được áp dụng nếu sự di dời về mặt kinh tế do các hạn chế của dự án về quyền sử dụng đất và quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên khiến cho cộng đồng mất quyền sử dụng tài nguyên.
	Khoản 5/chú thích 9	Khẳng định thuật ngữ “tài sản tài nguyên thiên nhiên” như được tham chiếu trong Tiêu chuẩn hoạt động 5 tương đương với thuật ngữ dịch vụ hệ sinh thái cung cấp của Tiêu chuẩn hoạt động 6.
	Khoản 27	Miêu tả trách nhiệm chung của khách hàng đối với những cá nhân bị di dời và bị tổn thất tài sản hoặc mất quyền tiếp cận tài sản, bao gồm cả tài sản tài nguyên thiên nhiên.
	Khoản 28/điểm thứ hai	Miêu tả trách nhiệm bổ sung của khách hàng đối với việc phục hồi sinh kế đối với những cá nhân có sinh kế dựa trên tài nguyên thiên nhiên và nếu dự án hạn chế quyền tiếp cận tài nguyên thiên nhiên, những trường hợp như vậy được coi là dịch vụ hệ sinh thái cung cấp có tính ưu tiên liên quan tới Cộng đồng bị ảnh hưởng theo Tiêu chuẩn hoạt động 6.
6	Khoản 11/chú thích 5	Khẳng định thuật ngữ “tài nguyên thiên nhiên và vùng tự nhiên có giá trị văn hóa” như được tham chiếu trong Tiêu chuẩn hoạt động 7 tương đương với thuật ngữ dịch vụ hệ sinh thái cung cấp và văn hóa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.
	Khoản 13/chú thích 6	Khẳng định thuật ngữ “tài sản tài nguyên thiên nhiên” như được tham chiếu trong Tiêu chuẩn hoạt động 7 là tương đương với thuật ngữ dịch vụ hệ sinh thái cung cấp trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

7	Khoản 14	Miêu tả quy định đối với khách hàng nếu khách hàng đề xuất đặt dự án hoặc khai thác thương mại tài nguyên thiên nhiên trên vùng đất do Người dân bản địa sở hữu theo truyền thống hoặc sử dụng theo phong tục.
	Khoản 14/chú thích 9	Khẳng định thuật ngữ “tài nguyên thiên nhiên và khu vực tự nhiên có giá trị” như được tham chiếu trong Tiêu chuẩn hoạt động 7 tương đương với dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên như được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6. Chú thích này hơi khác với chú thích 5 ở chỗ khẳng định là nếu tác động đối với tài nguyên thiên nhiên và vùng tự nhiên có giá trị dẫn tới việc khách hàng phải áp dụng quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 7, các dịch vụ này sẽ được coi là dịch vụ hệ sinh thái ưu tiên theo Tiêu chuẩn hoạt động 6.
	Khoản 16/chú thích 13	Miêu tả quy định đối với khách hàng liên quan tới tác động đối với di sản văn hóa quan trọng của Người dân bản địa. Chú thích 13 giải thích là điều này bao gồm “vùng tự nhiên với giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần” và sẽ được coi là dịch vụ hệ sinh thái văn hóa ưu tiên theo Tiêu chuẩn hoạt động 6.
8	Khoản 13	Giải thích là “đặc điểm thiên nhiên độc đáo hoặc vật thể hữu hình mang giá trị văn hóa” (như rừng thiêng, đá thiêng, hồ và thác thiêng) được bao gồm trong Tiêu chuẩn hoạt động 8 (trừ khi đó là khu vực văn hóa của Người dân bản địa, trong trường hợp đó sẽ được bao gồm trong khoản 16 của Tiêu chuẩn hoạt động 7). “Đặc điểm thiên nhiên độc đáo hoặc vật thể hữu hình mang giá trị văn hóa” tương đương với thuật ngữ dịch vụ hệ sinh thái văn hóa dùng trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.
	Khoản 11 và 12	Miêu tả quy định đối với khách hàng đối với di sản văn hóa “Có thể tái tạo” và “Không thể tái tạo”. Dịch vụ hệ sinh thái văn hóa đáp ứng định nghĩa 3(ii) trong khoản 3 của Tiêu chuẩn hoạt động 8 sẽ được bao gồm trong quy định của khoản 11 hoặc 12 tùy theo mức độ phù hợp. Định nghĩa về di sản văn hóa “Có thể tái tạo” và “Không thể tái tạo” được cung cấp trong chú thích 3 và 5 của Tiêu chuẩn hoạt động 8.
	Khoản 11/chú thích 4	Miêu tả trách nhiệm của khách hàng đối với di sản văn hóa “Có thể tái tạo” và bao gồm phân cấp của biện pháp giảm nhẹ khi được áp dụng trong Tiêu chuẩn hoạt động 8. Quy định này nhấn mạnh “duy trì hoặc phục hồi mọi quá trình môi trường cần để hỗ trợ (di sản văn hóa).” Thuật ngữ “quá trình môi trường” thực tế tương đương với dịch vụ hệ sinh thái điều hành ưu tiên như được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

Phụ lục C

Ví dụ về Mẫu Rà soát Dịch vụ Hệ Sinh thái

Dưới đây một ví dụ minh hoạ của mẫu Rà soát Dịch vụ Hệ Sinh thái (ESR). Về cơ bản, các thủ tục của ESR là mới mẻ và năng động, những loại dịch vụ ưu tiên sau đây sẽ cung cấp một khung làm việc tiềm năng. Loại dịch vụ ưu tiên

số I dựa trên Mức độ Ảnh hưởng, Liên quan tới Các Cộng đồng Bị Ảnh hưởng và Mức độ Kiểm soát Quản lý. Loại dịch vụ ưu tiên số II dựa trên Mức độ Phụ thuộc (vào hoạt động của dự án) và Mức độ Kiểm soát Quản lý.

Dịch vụ Hệ Sinh thái	Mức độ Ảnh hưởng (Loại I)	Mức độ Phụ thuộc (Loại II)	Liên quan tới Cộng đồng Bị Ảnh hưởng (Loại I)	Mức độ kiểm soát Quản lý (Loại I/II)
Nguồn cung cấp				
Thu hoạch mùa vụ				
Vật nuôi				
Đánh bắt thủy sản				
Nuôi trồng thủy sản				
Các loại thực phẩm hoang dã				
Gỗ và các loại sợi gỗ				
Các loại sợi khác (như bông, gai dầu, lụa)				
Nhiên liệu sinh khối				
Nước ngọt				
Nguồn gen				
Hoá sinh, thuốc chữa bệnh có nguồn gốc thiên nhiên, và dược phẩm				
Quy định				
Quy định về chất lượng không khí				
Quy định về khí hậu toàn cầu				
Quy định về khí hậu khu vực/ địa phương				
Quy định về nước				
Quy định về xói mòn				
Quy định về lọc nước và xử lý chất thải				
Quy định về dịch bệnh				
Quy định về các loài gây hại				
Sự thụ phấn				
Quy định về những mối nguy hiểm thiên nhiên				
Văn hoá				
Những địa điểm thiêng liêng hoặc tôn giáo				
Những khu vực được sử dụng cho mục đích tôn giáo				
Hỗ trợ				
Hấp thụ và tái sinh chất dinh dưỡng				
Sản xuất sơ cấp				
Tuyển trao đổi di truyền				

Tài liệu tham khảo

Các Hiệp định Quốc tế

Một số các yêu cầu đặt ra khi thực hiện Tiêu chuẩn hoạt động số 6 liên quan đến các tiêu chuẩn được thiết lập bởi các thỏa thuận quốc tế sau đây:

Ban Thư ký CMS (Công ước về các loài di cư) và UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc). Năm 1979. “Công ước về Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư” Ban Thư ký CMS, Bonn, Đức, và UNEP, Nairobi. <http://www.cms.int/index.html>. Được biết đến như Công ước Bonn, thỏa thuận liên chính phủ này cố gắng bảo tồn các loài động vật di cư trên mặt đất, dưới biển, và trên không; môi trường sống của các loài; và các tuyến đường di cư của các loài.

IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế). Năm 2004. “Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dằn và cặn lắng của tàu biển.” IMO, Luân Đôn. [http://www.imo.org/About/Conventions/ListOfConventions/Pages/International-Convention-for-the-Control-and-Management-of-Ships'-Ballast-Water-and-Sediments-\(BWM\).aspx](http://www.imo.org/About/Conventions/ListOfConventions/Pages/International-Convention-for-the-Control-and-Management-of-Ships'-Ballast-Water-and-Sediments-(BWM).aspx). Quy ước này nhằm ngăn chặn sự lây lan của sinh vật biển gây hại được di chuyển từ vùng này sang vùng khác do nước dằn tàu biển.

IUCN (Liên hiệp Bảo tồn Thiên nhiên quốc tế). Năm 1975. “Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã đang gặp nguy hiểm”. IUCN, Gland, Thụy Sĩ. <http://www.cites.org>. Thỏa thuận quốc tế này nhằm mục đích đảm bảo việc buôn bán quốc tế các động vật, thực vật hoang dã không đe dọa sự sống còn của chúng.

Ban Thư ký Ramsar. Năm 1971. “Công ước về tầm quan trọng quốc tế của Đất ngập nước, đặc biệt là môi trường của các loài chim nước.” Ban Thư ký Ramsar, Gland, Thụy Sĩ. <http://www.ramsar.org>. Công ước quốc tế liên chính phủ này cung cấp khung làm việc cho hoạt động của và hợp tác quốc tế của quốc gia nhằm bảo tồn và sử dụng khôn ngoan các vùng đất ngập nước và các nguồn tài nguyên.

Ban Thư ký CBD (Công ước về Đa dạng sinh học). Năm 1992. “Công ước về Đa dạng sinh học.” Ban Thư ký, CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/>. Công ước được phát triển từ các thỏa thuận đã thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất tại Rio de Janeiro năm 1992. CBD là hiệp ước quốc tế nhằm duy trì sự đa dạng của cuộc sống trên trái đất. Mục tiêu chính của công ước là bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững các thành phần sinh học, và chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền.

2000. “Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học đối với Công ước về Đa dạng sinh học.” Ban Thư ký, CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/biosafety/default.html>. Nghị định thư là một sự bổ sung cho Công ước về Đa dạng sinh học. Mục tiêu của nghị định thư nhằm đảm bảo xử lý, vận chuyển, và sử dụng

an toàn những sinh vật biến đổi gen do công nghệ sinh học hiện đại mà có thể gây ảnh hưởng xấu đến tính đa dạng sinh học hoặc các rủi ro gây ra cho sức khỏe con người.

2011. “Nghị định thư Nagoya về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng và bình đẳng các lợi ích phát sinh từ sử dụng nguồn gen đối với Công ước về Đa dạng sinh học.” Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/abs>. Thỏa thuận quốc tế này nhằm mục đích chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền một cách công bằng và bình đẳng, bao gồm cả việc tiếp cận phù hợp với nguồn gen di truyền và chuyển giao công nghệ có liên quan. Nghị định thư Nagoya sẽ được các bên tham gia công ước ký từ ngày 2 tháng 2 năm 2011 đến ngày 01 tháng 2 năm 2012.

UNESCO (Tổ chức liên hiệp quốc về Giáo dục, Khoa học, và Văn hóa). Năm 1972. “Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa và tự nhiên thế giới.” UNESCO, Paris. <http://whc.unesco.org/en/conventiontext>. Được biết đến như Công ước Di sản Thế giới, thỏa thuận quốc tế này nhằm hướng đến việc định rõ và bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới. Danh sách Di sản Thế giới gồm các trang web về văn hóa và thiên nhiên có giá trị rất cao.

Bảo tồn và Quản lý Đa dạng sinh học

Nguồn thông tin sau đây cung cấp các hướng dẫn và tài liệu tham khảo khác liên quan đến bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học:

Kế hoạch hoạt động của Đa dạng sinh học

Nhằm hướng dẫn việc phát triển kế hoạch hoạt động đa dạng sinh học, xem các nguồn sau:

Croucher, Toby, và Erica Dholoo. 2010. “Lập kế hoạch hoạt động Đa dạng sinh học hay không? Những thách thức và cơ hội trong việc Thông qua Kế hoạch hoạt động Đa dạng sinh học cho ngành Dầu khí.” Tài liệu 127.133-MS được trình bày tại Hội nghị kỹ sư dầu khí quốc tế về các vấn đề Y tế, An toàn và Môi trường trong thăm dò và sản xuất dầu khí, Rio de Janeiro, ngày 12- 14 tháng 4.

IPIECA (Hiệp hội Bảo tồn Môi trường Công nghiệp Dầu khí Quốc tế) Năm 2005. IPIECA, London “Hướng dẫn Xây dựng Kế hoạch hoạt động Đa dạng sinh học cho ngành Dầu khí.” <http://www.ipeca.org/publication/guide-developing-biodiversity-action-plans-oil-and-gas-sector>.

Maguire, Simon, Carolina Casaretto, David Vexler, Richard Kingham, và Scott Rolseth. 2010. “Phát triển Kế hoạch Hoạt động Đa dạng sinh học thông qua phương pháp tích hợp theo giai đoạn”. Tài liệu 127208-MS trình bày tại Hội nghị kỹ sư

dầu khí quốc tế về sức khỏe, an toàn, và môi trường trong thăm dò và sản xuất dầu khí, Rio de Janeiro, ngày 12-14 tháng tư.

Đa dạng sinh học và đánh giá tác động môi trường

Nhằm hướng dẫn về đa dạng sinh học và đánh giá tác động sinh thái, xem các nguồn sau:

Ban Thư ký CMS (Công ước về các loài di cư) và UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc). Năm 2002. “Công ước về Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư: Nghị quyết số 7.2-Đánh giá tác động và các loài di cư.” Ban Thư ký CMS, Bonn, Đức, và UNEP, Nairobi. http://www.cms.int/bodies/COP/cop7/proceedings/pdf/en/part_1/Res_Rec/RES_7_02_Impact_Assessment.pdf.

IEEM (Viện quản lý Sinh thái và môi trường). Năm 2006. “Hướng dẫn đánh giá tác động sinh thái ở Vương quốc Anh.” IEEM, Winchester, Vương quốc Anh <http://www.ieem.net/ecia/EcIA%20Approved%207%20July%2006.pdf>.

Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học. 2003c. “Đo lường tác động và hành động Đa dạng sinh học.” Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học và Phát triển Dầu khí, 43-46. Washington, DC: Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học. http://www.theebi.org/pdfs/ebi_report.pdf. Tài liệu và chương này đưa ra thêm thông tin về đo lường các giá trị đa dạng sinh học đối với các tác động liên quan đến dự án.

Ban Thư ký Ramsar. Năm 2007. “Sổ tay Ramsar cho việc sử dụng khôn ngoan vùng đất ngập nước, Tập 13: Đánh giá tác động.” Ban Thư ký Ramsar, Gland, Thụy Sĩ. http://www.ramsar.org/pdf/lib/lib_handbooks2006_e13.pdf.

Năm 2008. “Công ước Ramsar về Đất ngập nước, Nghị quyết số X.17, Đánh giá tác động môi trường và Đánh giá Môi trường Chiến lược: Cập nhật Hướng dẫn kỹ thuật và khoa học.” Ban Thư ký Ramsar, Gland, Thụy Sĩ. http://www.ramsar.org/pdf/res/key_res_x_17_e.pdf.

Ban Thư ký CBD (Công ước về Đa dạng sinh học). 2006a. “Đa dạng sinh học trong việc đánh giá tác động: tài liệu cơ bản về Quyết định số VIII/28 của Công ước về Đa dạng sinh học: Hướng dẫn tự nguyện về đánh giá tác động đa dạng sinh học.” Chuỗi khoa học số 26, Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/doc/publications/cbd-ts-26-en.pdf>.

2006b. “Hướng dẫn Tự nguyện về đánh giá tác động đa dạng sinh học.” Quyết định số VIII/28, Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/doc/decisions/cop-08-dec-28-en.pdf>.

Slootweg, Roel, Asha Rajvanshi, Vinod Mathur, và Arend Kolhoff. Năm 2009. Đa dạng sinh học trong việc Đánh giá Môi trường: Mở rộng Các dịch vụ hệ sinh thái phục vụ đời sống con người. Cambridge, Vương quốc Anh: Tập chí Đại học Cambridge.

Treweek, Jo. Năm 1999. Đánh giá tác động sinh thái. Oxford, Vương quốc Anh: Khoa học Blackwell.

Ngân hàng Thế giới. 2000. “Công cụ đánh giá môi trường và Đa dạng sinh học.” Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. <http://go.worldbank.org/QPXINZOES0>.

Hệ thống Quản lý Đa dạng sinh học

Nhằm hướng dẫn về sự phát triển của hệ thống quản lý đa dạng sinh học, xem các nguồn sau:

Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học. Năm 2003. “Lồng ghép đa dạng sinh học vào hệ thống quản lý môi trường.” Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học và Phát triển Dầu khí. Washington, DC: Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học. <http://www.theebi.org/products.html>.

Bộ Bảo tồn Môi trường, Thiên nhiên và An toàn hạt nhân liên bang. 2010. “Sổ tay Quản lý đa dạng sinh học trong doanh nghiệp”. Bộ Bảo tồn Môi trường, Thiên nhiên và An toàn hạt nhân liên bang, Berlin <http://www.bmu.de/english/nature/downloads/doc/46144.php>. Sổ tay cung cấp cho các doanh nghiệp công cụ thiết thực để thực hiện một hệ thống quản lý đa dạng sinh học. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập website về Sáng kiến đa dạng sinh học trong doanh nghiệp, <http://www.business-and-biodiversity.de>.

IUCN (Liên hiệp quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên). 2010. Hệ thống quản lý Đa dạng sinh học: Đề xuất về quản lý tổng hợp đa dạng sinh học tại Trang web của Holcim. Gland Thụy Sĩ: IUCN. http://cmsdata.iucn.org/downloads/biodiversity_management_system_final.pdf. Nhóm Chuyên gia độc lập của Tập đoàn Holcim-IUCN đã phát triển hệ thống này. Toàn bộ tài liệu đã được chuẩn bị cho ngành xi măng, nhưng có liên quan đến quản lý đa dạng sinh học trong tất cả các lĩnh vực.

Quan hệ đối tác

Các tài liệu mẫu sau đây về quan hệ đối tác giữa các tổ chức bảo tồn đa dạng sinh học và khu vực doanh nghiệp tư nhân cung cấp cho các ngành công nghiệp khai thác mỏ, dầu khí, và xi măng:

Holcim. 2010. “Hợp tác đa dạng sinh học: xây dựng đa dạng sinh học thành một phần của doanh nghiệp.” Jona, Thụy Sĩ, Holcim. http://www.holcim.com/holcimcms/uploads/CORP/partnership_for_biodiversity/index.html

ICMM (Hội đồng Quốc tế về khai thác mỏ và kim loại). “Chương trình làm việc: Tài nguyên cho quan hệ đối tác.” ICCM, Luân Đôn. <http://www.icmm.com/mpd/resources>.

IPIECA (Hiệp hội Bảo Tồn Môi Trường Công nghiệp dầu khí quốc tế). Năm 2006. Quan hệ đối tác trong ngành công nghiệp dầu khí. London: IPIECA. <http://www.ipieca.org/publication/partnerships-oil-and-gas-industry>.

Tài nguyên khác

Bảo tồn loài chim Mỹ. 2011. “Liên minh để không còn sự tuyệt

chúng.” Bảo tồn loài chim Mỹ, Washington, DC. <http://www.zeroextinction.org>. Liên minh để không còn sự tuyệt chủng (AZE) là một sáng kiến toàn cầu của các tổ chức bảo tồn đa dạng sinh học. Liên minh xác định những địa điểm cần phải được bảo vệ, che chở để ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài sinh vật. Thông tin về địa điểm AZE, loài, và tiêu chí lựa chọn có sẵn tại Taylor H. Ricketts, Eric Dinerstein, Tim Boucher, Thomas M. Brooks, Stuart HM Butchart, Michael Hoffmann, John F. Lamoreux, John Morrison, Mike Parr, John D. Pilgrim, Ana SL Rodrigues, Wes Sechrest, George E. Wallace, Ken Berlin, John Bielby, Neil D. Burgess, Don R. Church, Neil Cox, David Knox, Colby Loucks, Gary W. Luck, Lawrence L. Myster, Robin Moore; Robin Naidoo, Robert Ridgely, George E. Schatz, Gavin Shire, Holly Strand, Wes Wettengel, và Eric Wikramanayak, năm 2005, “Xác định rõ và Ngăn chặn sự tuyệt chủng sắp xảy ra,” Biên bản của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia 102 (51): 18497 - 501.

BBOP (Chương trình Kinh doanh và đa dạng sinh học). Trang chủ. Forest Trends, Washington, DC. <http://bbop.forest-trends.org>. Hướng dẫn và các nguyên tắc của BBOP thiết lập một khuôn khổ cho việc xây dựng và thực hiện chương trình đa dạng sinh học và đo lường kết quả bảo tồn. Nhiều ấn phẩm, hướng dẫn, và tài liệu tham khảo về đa dạng sinh học và các chủ đề liên quan có trong thư viện và công cụ trực tuyến của BBOP. Xem thêm BBOP, 2005, “BBOP phần 1: Tổng quan, nguyên tắc, hướng dẫn tạm thời, và các tài liệu hỗ trợ” BBOP, Washington, DC, <http://bbop.forest-trends.org/guidelines>, và BPOP “Nguyên tắc đa dạng sinh học” BBOP, Washington, DC, <http://bbop.forest-trends.org/guidelines/principles.pdf>.

Tổ chức Quốc tế về bảo tồn các loài chim BirdLife. Trang chủ. BirdLife, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.birdlife.org>. Tổ chức quốc tế về bảo tồn các loài chim BirdLife là quan hệ đối tác toàn cầu của các tổ chức bảo tồn chuyên sâu trong lĩnh vực bảo tồn các loài chim, môi trường sống của chim, và đa dạng sinh học toàn cầu. BirdLife cung cấp dữ liệu sẵn có về các loài chim có nguy cơ tuyệt chủng và các khu vực quan trọng cần được bảo tồn (IBA) thông qua các ấn phẩm của BirdLife và cơ sở dữ liệu trực tuyến. Để tìm các hạng mục IBA, vui lòng xem BirdLife International, “Dữ liệu vùng BirdLife International”, BirdLife, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.birdlife.org/datazone/info/ibacriteria>.

Bishop, Joshua, Sachin Kapila, Frank Hicks, Paul Mitchell, và Vorhies Francis. Năm 2008. Xây dựng kinh doanh đa dạng sinh học. London: Tổ chức quốc tế Shell; Gland, Thụy Sĩ: Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên. <http://data.iucn.org/dbtw-wpd/edocs/2008-002.pdf>. Ấn phẩm này đề cập đến những lĩnh vực khác nhau, như lâm nghiệp, nông nghiệp, và các bon.

Bảo tồn Quốc tế. 2011. “Bộ Công cụ Chương trình đánh giá nhanh RAP Tool Kit” <https://learning.conservation.org/biosurvey/RAP/Toolkit/Pages/default.aspx#>. Bộ công cụ RAP (Chương trình đánh giá nhanh) cung cấp thông tin, nguồn lực, và các công cụ liên quan để đánh giá đa dạng sinh học một cách nhanh chóng.

Viện Theo dõi trái đất Earthwatch (Châu Âu). 2011. “Trung tâm tài nguyên đa dạng sinh học và Kinh doanh.” <http://www>.

businessandbiodiversity.org/index.html. Trang web này cung cấp nguồn tài nguyên dồi dào về lĩnh vực cụ thể trong quản lý đa dạng sinh học.

Edgar, J. Graham, Penny F. Langhammer, Gerry Allen, Thomas M. Brooks, Juliet Brodie, William Crosse, Naamal De Silva, Lincoln DC Fishpool, Matthew N. Foster, David H. Knox, John E. McCosker, Roger McManus, Alan JK Millar, và Robinson Mugo. Năm 2009. “Các khu vực đa dạng sinh học quan trọng tương tự như các Địa điểm mục tiêu lớn của toàn cầu nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển.” Bảo tồn thủy sản: Các hệ sinh thái biển và nước ngọt 18 (6): 969-83. Ấn phẩm này thảo luận về các khu vực quan trọng đa dạng sinh học biển.

Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học. 2003a. “Quyết định nơi làm việc.” Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học vào Phát triển Dầu khí, 38-42. Washington, DC: Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học. http://www.theebi.org/pdfs/ebi_report.pdf.

2003b. “Thực tiễn tốt phòng chống và giảm nhẹ các những tác động ban đầu và tiếp theo của đa dạng sinh học.” Sáng kiến Năng lượng và đa dạng sinh học, Washington, DC. <http://www.theebi.org/pdfs/practice.pdf>.

Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực (FAO) của Liên Hiệp Quốc. Trang chủ. FAO, Rome. <http://www.fao.org>. FAO chuyên sâu về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2010. Đánh giá Tài nguyên rừng toàn cầu năm 2010. Rome: FAO. <http://www.fao.org/forestry/fra/en>. Đánh giá được dựa trên dữ liệu do các quốc gia cung cấp cho FAO thông qua việc trả lời các câu hỏi khảo sát.

2011a. “Đa dạng sinh học cho một thế giới không còn đói nghèo.” FAO, Rome. <http://www.fao.org/biodiversity>. Trang web đa dạng sinh học của FAO cung cấp thông tin về các khía cạnh đa dạng sinh học trong thực phẩm và nông nghiệp, bao gồm các vấn đề liên quan đến hệ sinh thái nông nghiệp và công nghệ sinh học.

2011b. “Giám sát và Đánh giá Rừng Quốc gia NFMA.” FAO, Rome. <http://www.fao.org/forestry/nfma/en>. Trang web này cung cấp đường dẫn liên kết với thông tin chương trình đánh giá và giám sát rừng quốc gia và toàn cầu của FAO về hiện trạng tài nguyên rừng và những thay đổi theo thời gian.

GEO (Nhóm Theo dõi Trái đất). Trang chủ. http://www.geoportal.org/web/guest/geo_home. GEO nỗ lực và phối hợp với các tổ chức quốc tế để xây dựng một hệ thống theo dõi toàn bộ trái đất (GEOSS). Trang web cung cấp truy cập tới nhiều công cụ và hệ thống để theo dõi và dự báo thay đổi môi trường toàn cầu, bao gồm một điểm truy cập internet để truy cập cơ sở dữ liệu và công thông tin toàn cầu hiện có. Để biết thêm thông tin về GEOSS, <http://www.earthobservations.org/geoss.shtml>.

GISP (Chương trình các loài xâm hại toàn cầu). Trang chủ. GISP, Nairobi. <http://www.gisp.org>. GISP được thành lập vào năm 1997 để giải quyết các mối đe dọa toàn cầu gây ra bởi sự xâm hại của các loài lạ và hỗ trợ việc thực hiện Điều 8 (h) của Công ước về Đa dạng sinh học. Trang web của GISP đưa ra các

đường dẫn liên kết với cơ sở dữ liệu và thông tin liên quan đến các loài xâm hại.

Trang chủ Mạng lưới tài nguyên HCV (Giá trị bảo tồn cao). Trang chủ. Tài nguyên mạng HCV, Oxford, Vương quốc Anh <http://www.hcvnetwork.org>. Trang web cung cấp hướng dẫn sử dụng, công cụ, và nghiên cứu để đánh giá những khu vực có giá trị bảo tồn cao. Vui lòng vào trang web: <http://www.hcvnetwork.org/resources> để biết thêm thông tin.

Holland, Robert A., William RT Darwall, và Kevin Smith. “Ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học nước ngọt: Phương pháp tiếp cận chủ chốt khu vực đa dạng sinh học đã được hoàn thiện và thử nghiệm cho Lục địa Châu Phi.” Bảo tồn sinh học.

IAIA (Hiệp hội quốc tế về đánh giá tác động). Trang chủ. IAIA, Fargo, <http://www.iaia.org>. IAIA cung cấp nhiều nguồn về quá trình đánh giá tác động. Trang web IAIA Wiki cung cấp các thông tin về đa dạng sinh học; hệ sinh thái và các dịch vụ hệ sinh thái; xem xét và tiếp cận đánh giá tác động: [http://www.iaia.org/IAIAWiki/\(X\(1\)S\(50zqs2rmpcdul55maeu1545\)\)/Default.aspx?Page=biodiv&NS=&AspxAutoDetectCookieSupport=1](http://www.iaia.org/IAIAWiki/(X(1)S(50zqs2rmpcdul55maeu1545))/Default.aspx?Page=biodiv&NS=&AspxAutoDetectCookieSupport=1).

Năm 2005. “Đa dạng sinh học trong việc đánh giá tác động”. Ấn phẩm đặc biệt số 3, IAIA, Fargo, ND.

IBAT (Công cụ đánh giá đa dạng sinh học tích hợp). Trang chủ. <https://www.ibatforbusiness.org>. IBAT là một dự án hợp tác của Tổ chức bảo tồn các loài chim quốc tế BirdLife, Tổ chức Bảo tồn Quốc tế, Liên hiệp Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên, và Trung tâm Theo dõi bảo tồn Thế giới của Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc. IBAT cho phép người dùng truy cập thông tin về đa dạng sinh học và hệ sinh thái, bao gồm các địa điểm được ưu tiên cao cho việc bảo tồn, chẳng hạn như các khu bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học trọng yếu.

ICMM (Hội đồng Quốc tế Khai thác mỏ và kim loại). Trang chủ. ICMM, London. <http://www.icmm.com>. Chương trình làm việc về môi trường ICMM cung cấp các thông tin cụ thể về quản lý đa dạng sinh học, bao gồm ấn phẩm và những tài liệu thảo luận khác về đa dạng sinh học. Vui lòng xem HYPER-LINK “<http://www.icmm.com/biodiversity>”<http://www.icmm.com/biodiversity>.

Năm 2006. Hướng dẫn thực tiễn tốt về khai thác mỏ và Đa dạng sinh học. London: ICMM.

2010. Khai thác mỏ và Đa dạng sinh học: Bộ sưu tập nghiên cứu các tình huống 2010. London: ICMM.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). Năm 2007. “Hướng dẫn về Môi trường, Y tế, và an toàn cho khai thác mỏ.” IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/EHSGuidelines>.

2011. “Hướng dẫn về Đa dạng sinh học cho khu vực doanh nghiệp tư nhân: vấn đề đa dạng sinh học và Tạo giá trị kinh doanh” IFC, Washington, DC. <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/BiodiversityGuide>. Hướng dẫn trực tuyến này được xây dựng để giúp các công ty đang hoạt động

tại các thị trường mới nổi để hiểu rõ hơn về mối quan hệ với các vấn đề đa dạng sinh học và làm thế nào họ có thể quản lý hiệu quả những vấn đề nhằm cải thiện hiệu suất kinh doanh và hưởng lợi từ đa dạng sinh học. Hướng dẫn trực tuyến này cũng cung cấp một nguồn thông tin hữu ích về vấn đề quản lý đa dạng sinh học trong các lĩnh vực cụ thể.

IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế). Năm 1997. “Hướng dẫn kiểm soát và quản lý nước dằn tàu biển nhằm giảm thiểu sự di chuyển của các sinh vật dưới nước và tác nhân gây bệnh nguy hại.” IMO, London. <http://globallast.imo.org/868%20english.pdf>. Tài liệu cung cấp cho các cơ quan liên quan hướng dẫn về phương pháp cải thiện việc quản lý nước dằn tàu biển và ngăn chặn sinh vật dưới nước và các mầm bệnh không mong muốn.

IPIECA (Hiệp hội Bảo Tồn Môi Trường Công nghiệp dầu khí quốc tế). Trang chủ. IPIECA, London. <http://www.ipieca.org>. Đa dạng sinh học là một trong những lĩnh vực trọng tâm chính của IPIECA. Thông tin cụ thể về quản lý đa dạng sinh học đã được phát triển bởi IPIECA – Nhóm làm việc về đa dạng sinh học của Hiệp hội quốc tế các nhà sản xuất Dầu khí.

2010. “Loài xâm hại lạ và ngành công nghiệp dầu khí: Hướng dẫn phòng, chống và quản lý” IPIECA, London. http://www.ipieca.org/sites/default/files/publications/alien_invasive_species.pdf. Tài liệu này đưa ra thông tin thiết thực cho nhân viên mặt đất tại các dự án và hoạt động trong và ngoài nước, giúp họ xác định các vấn đề và giải pháp quan trọng; để xem xét một cách tích cực các loài ngoại lai xâm lấn (AIS) ngay từ giai đoạn đầu của dự án.

IUCN (Liên hiệp quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên). Năm 2003. “Hướng dẫn áp dụng Tiêu chuẩn Danh sách Đỏ của IUCN tại cấp độ khu vực: Phiên bản 3.0.” Ủy ban vì sự sống còn của các loài IUCN, Gland, Thụy Sĩ. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về việc áp dụng các tiêu chuẩn Danh sách đỏ ở cấp độ khu vực.

2011a. “Ủy ban vì sự sống còn của các loài.” http://www.iucn.org/about/work/programmes/species/about_ssc. Trang web này bao gồm thông tin về Ủy ban vì sự sống còn của các loài và công việc ủy ban, với liên kết tới các ấn phẩm và hướng dẫn kỹ thuật, cũng như thư mục và hồ sơ nhóm chuyên gia.

2011 b “Danh sách đỏ hệ sinh thái”. IUCN, Gland Thụy Sĩ. http://www.iucn.org/about/union/commissions/cem/cem_work/tg_red_list. Để tìm thông tin về sáng kiến thành lập tiêu chuẩn và chủng loại cho những hệ sinh thái độc đáo hoặc đang bị đe dọa, vui lòng xem <http://www.iucn.org/about/union/commissions/cem/>.

2001c. “Kinh doanh toàn cầu và Chương trình Đa dạng sinh học”. IUCN, Gland, Thụy Sĩ. http://www.iucn.org/about/work/programmes/business/bbp_aboutus. Kinh doanh toàn cầu và Chương trình Đa dạng sinh học được thành lập để chi phối và hỗ trợ các đối tác tư nhân trong việc giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội. Ưu tiên chính của chương trình, dựa trên chiến lược đã được phê duyệt bởi Hội đồng IUCN, là tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh có tác động lớn đến nguồn tài nguyên thiên nhiên và đời sống. Nhiều nguồn thông tin liên quan, bao gồm cả các dự án khu vực tư nhân của IUCN, có thể được tìm thấy trên trang web của IUCN.

2011d. Danh sách đỏ các loài bị đe dọa của IUCN. <http://www.iucnredlist.org>. Trang web cung cấp dữ liệu toàn diện liên quan đến nguy cơ tuyệt chủng và tình trạng bảo tồn của các loài thực vật và động vật.

2011e. “Danh mục quản lý khu vực được bảo tồn”. IUCN, Gland, Thụy Sĩ. http://www.iucn.org/about/work/programmes/pa/pa_products/wcpa_categories. Trang web tóm tắt các định nghĩa của sáu loại hình quản lý khu vực bảo tồn và liên kết đến tài liệu đầy đủ của các hướng dẫn cho Danh mục quản lý khu vực được bảo tồn.

Langhammer, Penny F., Mohamed I Bakarr, Leon A. Bennun, Thomas M. Brooks, Rob P. Clay, Will Darwall, Naamal De Silva, Graham J. Edgar, Güven Eken, Lincoln DC Fishpool, Gustavo AB da Fonseca, Matthew N. Foster, David H. Knox, Paul Matiku, Elizabeth A. Radford, Ana SL Rodrigues, Paul Salaman, Wes Sechrest, và Andrew W. Tordoff. Năm 2007. “Xác định và Phân tích khoảng trống giữa các khu vực đa dạng sinh học chính: hướng tới hệ thống khu vực bảo tồn toàn diện”. Thực tiễn tốt nhất về Hướng dẫn khu vực bảo tồn số 15, Liên hiệp Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên, Gland, Thụy Sĩ. Ấn phẩm này thảo luận về các vấn đề đa dạng sinh học trọng yếu nói chung.

Miranda, Marta, Philip Burriss, Jessie Froy Bincang, Phil Shearman, José Oliver Briones, Antonio La Viña, và Stephen Menard. Năm 2003. “Khai thác mỏ và các hệ sinh thái quan trọng: Lập bản đồ rủi ro”. Viện Tài nguyên Thế giới, Washington, DC. Ấn phẩm này đã được thực hiện với sự phối hợp của Tổ chức Khoa học môi trường đối với biến đổi xã hội và Nhóm quan sát Môi trường Phi chính phủ của Papua New Guinea.

NatureServe. Cơ sở dữ liệu NatureServe. NatureServe, Arlington, VA. <http://www.natureserve.org/getData/LACecologyData.jsp>. Trang web này cho phép truy cập đến các tài liệu đã hoàn thành hoặc đang hoàn thiện của các hệ sinh thái trên mặt đất tại châu Mỹ Latinh và vùng Caribê.

Tổ chức Plantlife International. Năm 2004. “Xác định và bảo vệ những khu vực thực vật quan trọng nhất của thế giới”. Plantlife International, Salisbury, Vương quốc Anh. Ấn phẩm đưa ra những thảo luận về khu vực thực vật đa dạng sinh học trọng yếu.

Ban Thư ký Ramsar. Năm 2009. “Tiêu chuẩn xác định các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế”. Ban Thư ký Ramsar, Gland, Thụy Sĩ. http://www.ramsar.org/cda/en/ramsar-about-faqs-what-are-criteria/main/ramsar/1-36-37%5E7726_4000_0. Trang web này cung cấp thông tin tổng quát về các tiêu chuẩn áp dụng cho việc xác định các địa điểm Ramsar.

Rodriguez, Jon Paul, Jennifer K. Balch, và Kathryn M. Rodriguez-Clark. Năm 2007. “Đánh giá nguy cơ tuyệt chủng khi thiếu dữ liệu về các loài: Tiêu chuẩn định lượng cho hệ sinh thái trên mặt đất”. Đa dạng sinh học và bảo tồn 16 (1): 183-209.

Rodriguez, Jon Paul, Kathryn M. Rodriguez-Clark, Jonathan EM Baillie, Neville Ash, John Benson, Timothy Boucher, Claire Brown, Neil D. Burgess, Ben Collen, Michael Jennings, David A. Keith, Emily Nicholson, Carmen Revenga, Belinda Reyers, Mathieu Rouget, Tammy Smith, Mark Spalding, Andrew Taber,

Matt Walpole, Irene Zager, và Tara Zamin. 2011. “Thiết lập tiêu chuẩn Danh sách Đỏ của IUCN cho hệ sinh thái đang bị đe dọa”. Bảo tồn Sinh học 25 (1): 21-29.

Ban Thư ký CBD (Công ước về Đa dạng sinh học). Năm 2002. “Các nguyên tắc hướng dẫn cho việc ngăn chặn giới thiệu, và giảm thiểu ảnh hưởng của các loài lạ đe dọa hệ sinh thái, môi trường sống, hoặc các loài”. Quyết định số VI/23 trong Hội nghị lần thứ sáu của các Bên (COP-6) tham gia CBD, Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/doc/decisions/cop-06-dec-23-en.pdf>.

2004a. “Nguyên tắc và Hướng dẫn Addis Ababa để sử dụng bền vững đa dạng sinh học”. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/doc/publications/addis-gdl-en.pdf>. Những hướng dẫn này được phát triển như là một phần của công ước CBD.

2004b Hướng dẫn Akwé: Kon. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/doc/publications/akwe-brochure-en.pdf>. Những hướng dẫn này được phát triển như là một phần của Công ước về Đa dạng sinh học.

2004c. “Hướng dẫn về phát triển du lịch và Đa dạng sinh học”. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/doc/publications/tou-gdl-en.pdf>. Xem thêm tài liệu sử dụng đính kèm, Quản lý Du lịch và đa dạng sinh học: tài liệu sử dụng về Hướng dẫn CBD trong phát triển du lịch và đa dạng sinh học (Montreal: CBD), <http://www.cbd.int/doc/programmes/tourism/tourism-manual-en.pdf>.

2008a. “Đa dạng sinh học cho Chương trình phát triển”. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/development>. Trang web của chương trình cung cấp các tài liệu khác nhau về vai trò của đa dạng sinh học trong việc xóa đói giảm nghèo và phát triển, bao gồm những trường hợp nghiên cứu và các tài liệu thực tiễn tốt nhất.

2008b. “Sáng kiến của doanh nghiệp về Đa dạng sinh học”. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.business-and-biodiversity.de/en/about-the-initiative.html>. Sáng kiến này được phát triển theo Quyết định số IX/26 trong Hội nghị lần thứ 9 của các Bên (COP-9) tham gia CBD và là sáng kiến với sự tham gia của các tổ chức quốc tế thuộc CBD. Các ấn phẩm khác nhau về sáng kiến này được cung cấp trên trang web.

2010 “Mục tiêu Đa dạng sinh học Aichi”. Ban thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/decision/cop/?id=12268>. Các mục tiêu đa dạng sinh học sửa đổi và cập nhật được cung cấp cho Kế hoạch chiến lược 2011-2020 của Công ước về Đa dạng sinh học, cụ thể Quyết định số X / 2 của Hội nghị lần thứ 10 của các Bên (COP-10).

2011a. “Tiếp cận Hệ sinh thái”. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/ecosystem>. Trang web này cung cấp thông tin về Chương trình tiếp cận Hệ sinh thái của CBD, bao gồm tài liệu hướng dẫn tổng quát và thực hiện, và các trường hợp nghiên cứu, và “Sách hướng dẫn Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái”.

2011b. “Chiến lược và Kế hoạch hoạt động Quốc gia về đa dạng sinh học (NBSAPs)”. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://>

www.cbd.int/nbsap. Trang web này cho phép truy cập đến NBSAPs và các văn bản liên quan cho việc thực hiện công ước CBD tại cấp quốc gia.

SER (Tổ chức Phục hồi sinh thái quốc tế). Trang chủ. SER, Washington, DC. <http://www.ser.org>. SER hoạt động trong lĩnh vực phục hồi sinh thái bằng việc tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại giữa các nhà phục hồi sinh thái, khuyến khích nghiên cứu, nâng cao nhận thức, góp phần thảo luận chính sách công, và thúc đẩy phục hồi sinh thái. Trang web cung cấp nhiều nguồn thông tin về phục hồi sinh thái.

SPE (Hội kỹ sư dầu khí). Cơ sở dữ liệu OnePetro. SPE, Richardson, TX. <http://www.onepetro.org>. Thư viện gồm nhiều hội này được SPE tổ chức thay mặt cho người tham gia, và cho phép người sử dụng tìm kiếm và mua các tài liệu của những tổ chức trong lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt chỉ qua 1 lần giao dịch. Nếu tìm từ khóa “đa dạng sinh học” sẽ hiện ra nhiều ấn phẩm có liên quan về quản lý đa dạng sinh học trong lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt.

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc) Sáng kiến Tài chính. Trang chủ. UNEP, Geneva. <http://www.unepfi.org>. Đây là Chương trình hợp tác toàn cầu giữa UNEP và các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính. Hơn 190 tổ chức, bao gồm các ngân hàng, các doanh nghiệp bảo hiểm, và các nhà quản lý quỹ, làm việc với UNEP để hiểu thêm về tác động của vấn đề môi trường và xã hội trong các hoạt động tài chính. Thông qua mạng lưới ngân hàng, nghiên cứu và đào tạo, Sáng kiến Tài chính UNEP thúc hiện sứ mệnh của mình để xác định, thúc đẩy và thực hiện việc áp dụng các thực tiễn tốt nhất về môi trường và bền vững ở tất cả các cấp của hoạt động tổ chức tài chính.

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc)-WCMC (Trung tâm Giám sát bảo tồn thế giới). “Danh mục từ A đến Z của các khu vực có tầm quan trọng đa dạng sinh học.” UNEP-WCMC, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.biodiversity-a-z.org>. Danh sách trực tuyến này chứa thông tin chi tiết của một số hệ thống đã được công nhận nhằm ưu tiên và bảo vệ những khu vực có tầm quan trọng đa dạng sinh học rơi vào hai loại hình chính: (a) khu vực thuộc khuôn khổ khu vực được bảo hộ của các tổ chức quốc gia và các chương trình và công ước quốc tế và (b) các đề án ưu tiên toàn cầu được phát triển bởi các tổ chức học thuật và bảo tồn.

Công ước CITES (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã đang gặp nguy hiểm) Cơ sở dữ liệu thương mại. UNEP-WCMC, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.unep-wcmc.org/citestrade/trade.cfm>. Công ước CITES là một nguồn thông tin độc đáo và hiện đang nắm giữ hơn 10 triệu hồ sơ của việc buôn bán động vật hoang dã và 50.000 tên khoa học của các nhóm loài. Hơn 750.000 hồ sơ buôn bán trong danh sách các loài sinh vật hoang dã của CITES được báo cáo hàng năm.

“Dụng cụ Quan sát dữ liệu đại dương.” UNEP-WCMC, Cambridge, Vương quốc Anh <http://data.unep-wcmc.org>. Phát triển bởi UNEP-WCMC, trang web này cung cấp các dữ liệu tổng quan và cho phép truy cập vào một loạt các dữ liệu, bao gồm cơ sở dữ liệu Thế giới về Những Khu vực Bảo tồn và các công ước

liên quan đến việc bảo tồn đa dạng sinh học biển và ven biển.

Cơ sở dữ liệu Thế giới về Những Khu vực Bảo tồn – biển. UNEP-WCMC, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.wdpa-marine.org>. Được UNEP-WCMC phát triển, cơ sở dữ liệu này nhằm cung cấp các dữ liệu đầy đủ nhất về các khu vực biển được bảo tồn.

UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc)-WCMC (Trung tâm Giám sát bảo tồn thế giới) và IUCN (Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên). “Bảo vệ hành tinh.” UNEP-WCMC, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.protectedplanet.net>. Được UNEP-WCMC và IUCN phát triển, Bảo vệ Hành tinh là bộ mặt mới của cơ sở dữ liệu Thế giới về các khu bảo tồn, là sáng kiến chung của IUCN và UNEP-WCMC. Trang web này cho phép người xem tìm kiếm thông tin về các khu bảo tồn bằng tất cả các ngôn ngữ.

WBCSD (Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới về Phát triển bền vững) Sáng kiến bền vững trong ngành công nghiệp xi măng. Trang chủ. WBCSD, Geneva, Thụy Sĩ. <http://www.wbcscement.org>. Sáng kiến bền vững trong ngành công nghiệp xi măng (CSI) là sáng kiến toàn cầu của các nhà sản xuất xi măng hàng đầu thế giới nhằm quản lý và giảm thiểu tác động từ việc sản xuất xi măng. Cài đặt lại các mỏ đá là một trong những chủ đề trọng tâm của CSI.

WWF (Quỹ động vật hoang dã thế giới) và Ngân hàng Thế giới. “Rừng: Liên minh của WWF/Ngân hàng Thế giới” <http://www.worldwildlife.org/what/globalmarkets/forests/worldbankalliance.html>. WWF, Washington, DC. Trang web này bao gồm thông tin về việc xác định và bảo tồn các khu rừng có giá trị bảo tồn cao và các hệ thống chứng chỉ rừng.

ZSL (Hội động vật học tại London). 2011. “Danh sách đỏ quốc gia.” ZSL, London. <http://www.nationalredlist.org/site.aspx>. Trang web này cung cấp dữ liệu về tình trạng bảo tồn của các loài động vật ở cấp độ khu vực và quốc gia.

ZSL (Hội động vật học tại London) Chương trình tồn tại EDGE. Trang chủ. ZSL, London. <http://www.edgeofexistence.org/index.php>. Chương trình này dựa vào khoa học để xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng và tiến hoá nhất của thế giới (EDGE). Chương trình tồn tại EDGE là sáng kiến bảo tồn tầm cỡ toàn cầu duy nhất, chương trình tập trung cụ thể vào các loài bị đe dọa đại diện cho một số lượng lớn của lịch sử tiến hóa độc đáo. Để biết thêm thông tin về quá trình tiến hóa và bảo tồn, vui lòng xem Keith A. Crandall, Olaf RP Bininda-Emonds, Georgina M. Mace, và Robert K. Wayne, 2000, “Xem xét quá trình tiến hóa trong bảo tồn sinh vật học,” Xu hướng Sinh thái và Tiến hóa 15 (7): 290-95.

Đánh giá và quản lý các dịch vụ hệ sinh thái

Hướng dẫn, công cụ và tài liệu tham khảo khác đối với việc đánh giá và quản lý các dịch vụ hệ sinh thái bao gồm những điều sau đây:

ARIES Consortium. Trang chủ. <http://ariesonline.org>. Trang web này được phát triển bởi một tập hợp của các nhóm bao

gồm các tổ chức Đại học Vermont's Gund, Viện Kinh tế sinh thái, bảo tồn quốc tế, và Kinh tế Trái đất, cũng như các chuyên gia tại Đại học Wageningen. Hệ thống hỗ trợ việc đưa ra quyết định và mô hình máy tính nhằm mục đích hỗ trợ các nhà lãnh đạo và các nhà nghiên cứu tính toán và dự báo các dịch vụ hệ sinh thái và phạm vi giá trị kinh tế trong khu vực cụ thể.

BBOP (Chương trình Kinh doanh và đa dạng sinh học). Năm 2009. "Cẩm nang về chi phí – lợi ích Đa dạng sinh học". BBOP, Washington, DC. Cẩm nang này đề cập đến quản lý đa dạng sinh học và các kế hoạch chính cho năng suất bền vững của các dịch vụ sinh thái đặc biệt ảnh hưởng đến các cộng đồng phụ thuộc lẫn nhau.

BSR (kinh doanh dịch vụ, công cụ môi trường Trách nhiệm xã hội, và nhóm làm việc thị trường). Trang chủ. HYPERLINK "<http://www.bsr.org>" <http://www.bsr.org>. BSR, San Francisco, CA. Báo cáo bao gồm nhận dạng của một loạt các công cụ dịch vụ hệ sinh thái và đánh giá chuyên sâu của các công cụ chính liên quan đặc biệt tới khu vực doanh nghiệp tư nhân.

IPIECA (Hiệp hội Bảo Tồn Môi Trường Công nghiệp dầu khí quốc tế). 2011. "Hướng dẫn về dịch vụ hệ sinh thái: danh sách kiểm tra và hướng dẫn về đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái." http://www.ipieca.org/sites/default/files/publications/ecosystem_services_guidance_8.pdf. Tài liệu này giải thích mối quan hệ giữa đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt. Tài liệu cung cấp danh sách kiểm tra nhằm giúp xác định sự phụ thuộc và tác động của dịch vụ hệ sinh thái trong việc phát triển dầu khí. Tài liệu cũng nhấn mạnh những rủi ro và cơ hội liên quan tới các doanh nghiệp dầu mỏ và khí đốt, và cung cấp hướng dẫn về các biện pháp tiềm năng để quản lý.

Đánh giá Hệ sinh thái Thiên niên kỷ. Trang chủ. <http://www.maweb.org>. Trang web cung cấp các báo cáo Đánh giá Thiên niên kỷ, bao gồm đánh giá hệ sinh thái Thiên niên kỷ, năm 2006; hệ sinh thái và đời sống con người; Cơ hội và thách thức cho các ngành kinh doanh và công nghiệp; và các liên kết đến các báo cáo tổng hợp đầy đủ, các tài liệu đồ họa, thuyết trình, và video.

Dự án Vốn Quốc gia. "Tích hợp thẩm định giá của dịch vụ và cân bằng hệ sinh thái (InVEST)". Dự án Vốn Quốc gia, Đại học Stanford, Stanford, CA. <http://www.naturalcapitalproject.org>. InVEST là một tập hợp công cụ lập kế hoạch trực tuyến được phát triển bởi Dự án Vốn Thiên nhiên, là liên doanh của Viện nghiên cứu Môi trường Woods của Đại học Stanford, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên, Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới, và Viện nghiên cứu Môi trường của Đại học Minnesota. Các công cụ trợ giúp việc đưa ra quyết định sắp xếp và ước tính các dịch vụ hệ sinh thái và đánh giá cân bằng liên quan tới quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác nhau.

NVI (Sáng kiến Giá trị Thiên nhiên). Trang chủ. <http://www.naturalvalueinitiative.org>. Tổ chức Thực vật và Động vật Quốc tế, Cambridge, Vương quốc Anh. Sáng kiến được đưa ra bởi tổ chức thực vật và động vật quốc tế, Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc, Trường Đại học Kinh doanh Nyenrode, Hiệp hội Các nhà đầu tư Hà Lan và sự

phát triển bền vững, và Trường Kinh tế FGV Brazil. Sáng kiến cho phép khu vực tài chính (a) đánh giá các ngành thực phẩm, nước giải khát, và thuốc lá đang quản lý rủi ro và cơ hội của đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái tốt đến đâu và (b) tham gia với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực trên nhằm giảm nguy cơ rủi ro thông qua quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách có trách nhiệm.

Bộ công cụ NVI bao gồm "Chuẩn dịch vụ hệ sinh thái: công cụ cho các nhà đầu tư Đánh giá việc Quản lý rủi ro và cơ hội của Đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái trong doanh nghiệp với một chuỗi cung ứng nông nghiệp," Tổ chức Thực vật và Động vật Quốc tế, Cambridge, Vương quốc Anh <http://www.naturalvalueinitiative.org>.

2011. "Xử lý Thận trọng: Quản lý Rủi ro và cơ hội của Đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái trong ngành công nghiệp khai khoáng." http://www.naturalvalueinitiative.org/download/documents/Publications/NVI%20Extractive%20Report_Tread%20lightly_LR.pdf.

Ban Thư ký CBD (Công ước Đa dạng sinh học). 2010. "Hội nghị quốc tế về Đa dạng sinh học và Văn hóa: Tính đa dạng cho phát triển - phát triển để đa dạng." Montreal, ngày 08- 10 tháng sáu <http://www.cbd.int/meetings/icbcd/>. Hội nghị là nơi các nhóm liên quan gặp gỡ, bao gồm đại diện của dân bản địa và địa phương, nhằm trao đổi kiến thức và thực hành liên quan đến đa dạng sinh học và văn hóa. Các tài liệu khác liên quan đến dịch vụ hệ sinh thái văn hóa, bao gồm các địa điểm linh thiêng, được có sẵn trên trang web của hội nghị.

2011. Quy tắc ứng xử đạo đức để đảm bảo sự tôn trọng đối với Di sản văn hóa và trí tuệ của cộng đồng bản địa và địa phương Tkarihwai:ri - COP-10, Quyết định X/42. Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/decision/cop/?id=12308>. Quy tắc ứng xử này liên quan đến các dịch vụ hệ sinh thái văn hóa.

TEEB (Kinh tế học về hệ sinh thái và đa dạng sinh học). Trang chủ. TEEB, Geneva. <http://www.teebweb.org>. Trang web bao gồm các báo cáo và thông tin cho các doanh nghiệp; chính sách địa phương và khu vực liên quan đến việc đánh giá các dịch vụ hệ sinh thái; chi phí kinh tế khi mất đa dạng sinh học; và các chi phí và lợi ích của hành động giảm thiểu tổn thất.

Viện Kinh tế sinh thái Đại học Vermont Gund. Mô hình tích hợp nhiều mức độ của dịch vụ hệ sinh thái (MIMES). Burlington, VT. <http://www.uvm.edu/giee/mimes/>. MIMES gồm các mô hình tích hợp nhiều mức độ cho phép người đọc hiểu thêm về những đóng góp của dịch vụ hệ sinh thái bằng cách định lượng các tác động của điều kiện môi trường khác nhau xuất phát từ việc thay đổi mục đích sử dụng đất. Các mô hình đánh giá việc thay đổi mục đích sử dụng đất và các hiệu ứng tiếp theo về dịch vụ hệ sinh thái trên mức độ toàn cầu, khu vực và địa phương.

WBCSD (Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự phát triển bền vững). Trang chủ. WBCSD, Geneva. <http://www.wbcsd.org>. Các hệ sinh là một trong bốn lĩnh vực trọng tâm của WBCSD. WBCSD lập luận trường hợp kinh doanh đối với việc bảo tồn các hệ sinh thái. Trang web cung cấp các ấn phẩm liên quan

về dịch vụ hệ sinh thái và thảo luận về rủi ro kinh doanh liên quan gắn liền với sự mất mát và suy thoái của hệ sinh thái mà các doanh nghiệp phụ thuộc.

WBCSD (Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển bền vững), IUCN (Liên hiệp quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên), Công ty PricewaterhouseCoopers, và Tổ chức Quản lý tài nguyên môi trường. 2011. "Hướng dẫn về Đánh giá Hệ sinh thái: Một khuôn khổ để cải thiện việc đưa ra quyết định trong doanh nghiệp". WBCSD, Geneva. Tài liệu này định rõ việc đánh giá giá trị hệ sinh thái của doanh nghiệp (CEV) như một quá trình giúp cải thiện việc đưa ra quyết định kinh doanh tốt hơn bằng cách đánh giá rõ ràng cả sự suy thoái hệ sinh thái và những lợi ích có được nhờ dịch vụ hệ sinh thái. Tài liệu này cung cấp một tập hợp các câu hỏi sàng lọc cho các doanh nghiệp để xác định sự cần thiết phải thực hiện CEV như một phương pháp cơ bản.

WRI (Viện Tài nguyên Thế giới), WBCSD (Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển bền vững), và Viện Meridian. Năm 2008. "Rà soát Dịch vụ hệ sinh thái doanh nghiệp: Hướng dẫn Xác định rủi ro và cơ hội kinh doanh phát sinh từ thay đổi hệ sinh thái" WRI, Washington, DC; WBCSD, Geneva, Thụy Sĩ và Viện Meridian, Washington, DC. <http://www.wri.org/publication/corporate-ecosystem-services-review>. Tài liệu đưa ra phương pháp giúp các nhà quản lý chủ động phát triển các chiến lược để quản lý rủi ro và cơ hội kinh doanh phát sinh từ sự phụ thuộc và tác động của doanh nghiệp đối với hệ sinh thái. Cho đến nay, tài liệu này được cho là một trong những tài liệu gắn gũi nhất với doanh nghiệp tư nhân về khái niệm dịch vụ hệ sinh thái và tích hợp khái niệm này vào đánh giá môi trường và xã hội.

2011 Rà soát dịch vụ hệ sinh thái để đánh giá tác động. <http://www.wri.org/publication/ecosystem-services-review-for-impact-assessment>. Rà soát dịch vụ hệ sinh thái để đánh giá tác động (ESR for IA) cung cấp hướng dẫn thiết thực cho các nhà nghiên cứu môi trường và xã hội về việc làm thế nào để kết hợp dịch vụ hệ sinh thái với đánh giá tác động môi trường và xã hội.

Hội nghị bàn tròn về hàng hóa và trang web thiết lập tiêu chuẩn

Các trang web sau đây cung cấp thông tin về hội nghị bàn tròn về hàng hóa và thiết lập các tiêu chuẩn:

AWS (Liên minh Quản lý nước). Trang chủ. <http://www.allianceforwaterstewardship.org>. AWS hướng tới thiết lập một chương trình quản lý nước tầm cỡ toàn cầu nhằm tìm ra và trao giải thưởng cho những nhà quản lý và người sử dụng nước có trách nhiệm bằng việc tạo ra cơ hội để mở rộng chỗ đứng cộng đồng và lợi thế cạnh tranh.

BAP (Thực tiễn nuôi trồng thủy sản tốt nhất) Trang chủ. BAP. CrystalRiver, FL. <http://www.aquaculturecertification.org>. Hệ thống chứng nhận này kết hợp kiểm tra tận nơi và lấy mẫu nước thải với các điều kiện vệ sinh, kiểm soát điều trị, và truy xuất nguồn gốc.

Bonsucro (Sáng kiến để đường mía tốt hơn). Trang chủ. Bonsucro, London. <http://www.bonsucro.com>. Bonsucro được dành riêng để giảm tác động môi trường và xã hội khi sản xuất đường mía.

CERFLOR (Đề án chứng nhận lâm nghiệp quốc gia Brazil). Trang chủ. CERFLOR, Brasília. <http://www.inmetro.gov.br/qualidade/cerflor.asp~v>. CERFLOR là đề án chứng nhận rừng quốc gia của Brazil.

CSA (Hiệp hội tiêu chuẩn Canada). Trang chủ. <http://www.csa-international.org>. Hiệp hội CSA quốc tế cung cấp dịch vụ thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm.

FSC (Hội đồng Quản lý Rừng). Trang chủ. FSC, Minneapolis. <http://www.fsc.org/>. FSC thúc đẩy việc quản lý rừng trên thế giới một cách có trách nhiệm.

GAA (Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu). Trang chủ. <http://www.gaalliance.org>. GAA là một hiệp hội thương mại quốc tế phi lợi nhuận dành riêng để thúc đẩy nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường và có tính trách nhiệm xã hội; và GAA đã phát triển Tiêu chuẩn Chứng nhận Thực tiễn Nuôi trồng Thủy sản tốt nhất.

GlobalG.A.P. Trang chủ. GlobalG.A.P. Cologne, Đức. <http://www.globalgap.org>. GlobalG.A.P. đặt ra các tiêu chuẩn tự nguyện cho việc chứng nhận quy trình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp trên toàn cầu.

IFOAM (Liên đoàn quốc tế của phong trào nông nghiệp hữu cơ). Trang chủ. IFOAM, Bonn, Đức. <http://www.ifoam.org>. IFOAM thúc đẩy việc thông qua các hệ thống dựa trên các nguyên tắc nông nghiệp hữu cơ.

Trung tâm Thương mại quốc tế. "Bản đồ Tiêu chuẩn." <http://www.standardsmap.org>. Công cụ trực tuyến này cho phép phân tích và so sánh các tiêu chuẩn tư nhân và tự nguyện. Các công cụ phân tích bản đồ có thể được truy cập bởi tất cả người dùng đã đăng ký.

Liên minh ISEAL. "Mã thực hành tốt ISEAL". Liên minh ISEAL, London. <http://isealalliance.org/code>. ISEAL là hiệp hội toàn cầu vì các tiêu chuẩn xã hội và môi trường. Làm việc với các hệ thống tiêu chuẩn tự nguyện đã thành lập và mới nổi, ISEAL hướng dẫn và giúp tăng cường hiệu quả và tác động của các tiêu chuẩn này.

ISO (Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế). "Phát triển các Tiêu chuẩn". ISO, Geneva. http://www.iso.org/iso/standards_development.htm.

Học viện Leonardo. "Tiêu chuẩn Nông nghiệp bền vững." Học viện Leonardo, Madison. <http://www.leonardoacademy.org/programs/standards/agstandard/development.html>. Xem thêm Thư viện các Tài liệu tham khảo về Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững của Học viện Leonardo tại <https://sites.google.com/a/leonardoacademy.org/sustainableag-referencelibrary/standards>.

MSC (Hội đồng Quản lý Đường Biển). Trang chủ. MSC, London. <http://www.msc.org>. Chương trình chứng nhận Ngư nghiệp của MSC và Thủy sản của chương trình chứng nhận MSC và nhân sinh thái thủy sản công nhận và khen thưởng nghề đánh cá bền vững.

PEFC (Chương trình Xác nhận Giấy chứng nhận rừng). Trang chủ. PEFC, Geneva. <http://www.pefc.org>. PEFC thúc đẩy việc quản lý rừng bền vững.

Liên minh Rừng mưa nhiệt đới (Rainforest Alliance). “Tiêu chuẩn cho nông nghiệp bền vững.” Rainforest Alliance, New York. <http://www.rainforest-alliance.org/agriculture/standards>.

RSB (Hội nghị bàn tròn về Nhiên liệu sinh học bền vững). Trang chủ. RSB, Lausanne, Thụy Sĩ. <http://rsb.epfl.ch>. RSB là một sáng kiến quốc tế, là nơi gặp gỡ của nông dân, các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các chuyên gia, chính phủ, và các cơ quan liên chính phủ liên quan đến việc bảo đảm tính bền vững của việc sản xuất và chế biến nhiên liệu sinh học.

RSPO (Hội nghị bàn tròn về dầu cọ bền vững). Trang chủ. RSPO, Kuala Lumpur. <http://www.rspo.org>. RSPO thúc đẩy sự phát triển và sử dụng các sản phẩm dầu cọ bền vững thông qua các tiêu chuẩn toàn cầu đáng tin cậy và sự tham gia của các bên liên quan.

RTRS (Hội nghị bàn tròn về Hiệp hội đậu nành). Trang chủ. RTRS, Buenos Aires. <http://www.responsiblesoy.org>. Sáng kiến

của nhiều bên liên quan này nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đối thoại toàn cầu về sản xuất đậu nành một cách kinh tế, xã hội công bằng, và thân thiện môi trường.

SAN (Mạng lưới Nông nghiệp bền vững). Trang chủ. SAN, San José, Costa Rica. <http://sanstandards.org/sitio>. SAN đẩy mạnh hiệu quả và sản xuất nông nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học, và phát triển cộng đồng bền vững bằng việc tạo ra các tiêu chuẩn xã hội và môi trường.

SFI (Sáng kiến lâm nghiệp bền vững). Trang chủ. SFI, Washington, DC. <http://www.sfiprogram.org>. SFI duy trì, giám sát, và cải thiện chương trình chứng nhận lâm nghiệp bền vững được quốc tế công nhận.

TSPN (Mạng lưới Tiêu chuẩn Kinh doanh) Trang chủ, Eschborn, Đức. <http://www.tradestandards.org/en/Index.aspx>. Sứ mệnh của TSPN là nhằm cải thiện hiệu quả của các sáng kiến hỗ trợ sự tham gia và năng lực của các nước đang phát triển trong việc phát triển và thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến xã hội, môi trường, các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và các biện pháp liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp và đánh bắt thủy sản, tập trung vào các tiêu chuẩn tự nguyện.

WWF (Quỹ vì Động vật Hoang dã trên trái đất.) “Đối thoại Nuôi trồng Thủy sản” WWF, Washington, DC. <http://www.worldwildlife.org/what/globalmarkets/aquaculture/aquaculturaldialogues.html>.

Hướng dẫn 7

Người dân bản địa

Hướng dẫn 7 liên quan đến việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 7. Để nghị tham chiếu thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 - 6 và 8 cũng như các Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn Hoạt động 7 thừa nhận rằng người dân bản địa, với tư cách là nhóm xã hội với bản sắc khác biệt với các nhóm chiếm ưu thế trong một quốc gia, thường nằm trong số các nhóm bị thiệt thòi và yếu thế. Trong nhiều trường hợp, tình trạng kinh tế, xã hội và pháp lý của họ thường giới hạn khả năng của họ trong việc bảo vệ quyền lợi của họ, và quyền tiếp cận đất đai và tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, và có thể hạn chế khả năng của họ tham gia vào và hưởng lợi từ sự phát triển. Họ đặc biệt yếu thế nếu đất đai và tài nguyên của họ bị cải tạo, xâm phạm từ bên ngoài, hoặc bị suy thoái đáng kể. Ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh của họ, và các tổ chức cũng có thể bị đe dọa. Những đặc điểm này khiến người dân bản địa yếu thế trước các loại rủi ro khác nhau và mức độ nghiêm trọng của tác động, bao gồm cả việc mất đi bản sắc, văn hóa, sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên, cũng như nguy cơ bản địa hóa và bệnh tật.

2. Các dự án khu vực tư nhân có thể tạo ra cơ hội cho người dân tộc bản địa tham gia vào và hưởng lợi từ các hoạt động liên quan đến dự án có thể giúp họ thực hiện nguyện vọng của họ trong phát triển kinh tế và xã hội. Ngoài ra, người dân tộc bản địa có thể đóng một vai trò trong phát triển bền vững bằng cách thúc đẩy và quản lý các hoạt động và doanh nghiệp với tư cách là các đối tác trong phát triển. Chính phủ thường đóng vai trò trung tâm trong quản lý các vấn đề của người dân bản địa, và khách hàng nên phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để quản lý rủi ro và tác động của các hoạt động này.¹

¹ Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này, khách hàng cần tuân thủ các quy định của pháp luật quốc gia liên quan kể cả những luật thực thi các nghĩa vụ của nước sở tại theo pháp luật quốc tế.

Mục tiêu

- Để đảm bảo rằng quá trình phát triển thúc đẩy tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, nhân quyền, nguyện vọng, văn hóa và sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên của người dân tộc bản địa;
- Để dự báo và tránh những tác động tiêu cực của dự án lên cộng đồng của người dân tộc bản địa, hoặc khi không thể tránh được thì giảm thiểu, và/hoặc bồi thường cho các tác động đó.
- Để thúc đẩy các lợi ích và cơ hội phát triển bền vững cho người dân tộc bản địa một cách thích hợp về văn hóa.
- Để thiết lập và duy trì một mối quan hệ thường xuyên thông qua quá trình tham vấn toàn diện (ICP) với những người dân tộc bản địa bị ảnh hưởng bởi dự án trong suốt thời gian hoạt động của dự án
- Để đảm bảo những người dân tộc bản địa bị ảnh hưởng hiểu rõ và không bị ép buộc (gọi là FPIC - Free, Prior and Informed Consent) khi xảy ra các tình huống được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động này.
- Để tôn trọng và bảo tồn văn hóa, kiến thức và sinh hoạt thực tiễn của người dân tộc bản địa.

Hướng dẫn 1. IFC thừa nhận các Công ước về nhân quyền của Liên hợp quốc (xem Danh mục tham khảo) hình thành nên cốt lõi công cụ quốc tế để xây dựng khuôn khổ các quyền đối với thành viên các dân tộc bản địa trên thế giới. Ngoài ra, một số nước đã thông qua quy định pháp luật hoặc phê chuẩn công ước quốc tế hoặc khu vực để bảo vệ Người bản địa, ví dụ như Công ước 169 của Tổ chức Lao động Thế giới được 17 nước phê chuẩn.¹⁰¹ Ngoài ra, một số tuyên bố và nghị quyết cũng giải quyết quyền của Người thiểu số bản địa, bao gồm Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của Người bản địa (2007). Trong khi các công cụ trên đề cập tới trách nhiệm của nhà nước, khu vực tư nhân ngày càng được trông đợi sẽ hướng các hoạt động của mình theo cách thức để tôn trọng các quyền trên và không cản trở nghĩa vụ của nhà nước theo các cam kết trên. Xét môi trường kinh doanh mới nổi như vậy nên các dự án khu

¹⁰¹ Xem ILO 169 và Khu vực tư nhân, Hướng dẫn thực tiễn của IFC đối với khách hàng IFC có hoạt động tại các nước phê chuẩn ILO 169.

vực tư nhân ngày càng được trông đợi sẽ thúc đẩy sự tôn trọng nhân quyền, nhân phẩm, nguyện vọng, văn hóa và tập quán sinh hoạt của Người bản địa.

Hướng dẫn 2. Văn hóa và bản sắc của nhiều Dân tộc bản địa không thể tách rời khỏi vùng đất họ sinh sống và tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc vào. Trong nhiều trường hợp, văn hóa, bản sắc, kiến thức truyền thống, và lịch sử truyền miệng của họ được gắn liền với và được duy trì bởi việc sử dụng và mối quan hệ với vùng đất và tài nguyên thiên nhiên đó. Vùng đất và tài nguyên đó có thể là vùng đất và tài nguyên linh thiêng hoặc có giá trị tinh thần. Việc sử dụng khu vực linh thiêng và các địa điểm khác có giá trị văn hóa có thể bao gồm những chức năng để bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên vốn được dân tộc bản địa trồng cấy vào để duy trì sinh hoạt và phúc lợi của họ. Vì vậy, tác động của dự án tới đất đai, nước, cuộc sống hoang dã, và tài nguyên thiên nhiên khác có thể ảnh hưởng tới thể chế, sinh hoạt, phát triển kinh tế, và năng lực của họ về việc duy trì và phát triển bản sắc và văn hóa. Tiêu chuẩn hoạt động 7 để ra các quy định cụ thể đối với dự án có tác động tới các mối quan hệ này.

Hướng dẫn 3. Mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 7 nhấn mạnh nhu cầu phòng tránh tác động tiêu cực của dự án tới cộng đồng Người bản địa sống trong khu vực ảnh hưởng của dự án, hoặc trong trường hợp không thể tránh được tác động thì phải giảm thiểu và/hoặc bù đắp cho những tác động trên theo cách thức tương ứng với quy mô của rủi ro và tác động của dự án, với khả năng bị tổn thương của Cộng đồng bị ảnh hưởng của dân tộc bản địa, và bằng phương thức được điều chỉnh phù hợp với đặc tính cụ thể và nhu cầu được nêu rõ của họ.

Hướng dẫn 4. Khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa phải thành lập mối quan hệ tiếp diễn trong suốt tuổi đời dự án. Để đạt được mục tiêu này, Tiêu chuẩn hoạt động 7 quy định khách hàng phải duy trì quá trình tham vấn và có sự tham gia của cộng đồng trên cơ sở được thông tin đầy đủ (ICP). Trong trường hợp đặc biệt được miêu tả trong khoản 13 - 17 của Tiêu chuẩn hoạt động 7, quá trình tham gia của khách hàng phải đảm bảo có sự đồng thuận tự nguyện, được thông báo trước và đầy đủ (FPIC) của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Như Tiêu chuẩn hoạt động 7 đã đề cập, không có định nghĩa chung nào cho FPIC và vì vậy, trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 1, 7 và 8 FPIC có ngữ nghĩa được miêu tả trong khoản 12 của Tiêu chuẩn hoạt động 7. Ngữ nghĩa này được phát triển thêm trong khoản Hướng dẫn 24 - 26. Việc tính đến nhận thức của Người dân bản địa về các thay đổi do dự án đem lại sẽ giúp xác định được tác

động tích cực và tiêu cực. Tương tự như vậy, hiệu quả của các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ và đền bù sẽ được nâng cao nếu tính đến quan điểm của Người dân bản địa về các vấn đề ảnh hưởng tới họ và tích hợp quan điểm đó trong quá trình quyết định về dự án.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1.

4. Không có một định nghĩa chung nào trên toàn cầu cho khái niệm “Người dân bản địa.” Người dân bản địa có thể được hiểu ở các nước khác nhau bằng các thuật ngữ như “dân tộc thiểu số bản địa,” “thổ dân,” “bộ lạc,” “dân tộc thiểu số,” “các bộ lạc thổ địa,” “quốc gia đầu tiên,” hoặc “nhóm bộ tộc.”

5. Trong Tiêu chuẩn Hoạt động này, “người dân tộc bản địa” được sử dụng trong một ý nghĩa chung chung để chỉ một nhóm xã hội và văn hóa khác biệt có các đặc điểm sau ở các mức độ khác nhau:

- Tự xác định là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được những người khác công nhận danh tính này
- Gắn bó tập thể với vùng địa lý riêng biệt hoặc vùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các môi trường sống và vùng lãnh thổ này
- Các tổ chức văn hóa, kinh tế, xã hội, hoặc chính trị tách biệt khỏi các nhóm chiếm ưu thế về xã hội hoặc văn hóa
- Một ngôn ngữ bản địa hay phương ngữ, thường là khác ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay khu vực

Tiêu chuẩn hoạt động này áp dụng cho các cộng đồng và nhóm dân tộc bản địa duy trì sự gắn kết tập thể, chẳng hạn như gắn liền với bản sắc của một nhóm hay một cộng đồng, đến một môi trường sống hay lãnh thổ tổ tiên khác biệt và nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đó. Tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho các cộng đồng và nhóm mà bị mất sự gắn kết tập thể đến một môi trường sống hay lãnh thổ tổ tiên khác biệt trong khu vực dự án, xảy ra trong vòng đời của các thành viên nhóm đó do sự cắt đứt bắt buộc, xung đột, các chương trình tái định cư của chính phủ, tước đoạt đất, thiên tai hoặc đô thị hóa.

Khách hàng nên lấy ý kiến của chuyên gia khi xem xét liệu một nhóm cụ thể nào đó có được coi là người dân tộc bản địa theo mục đích của Tiêu chuẩn hoạt động này hay không.

Hướng dẫn 5. Trong vòng 20 năm qua, trong luật pháp quốc tế và hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia, “Người dân bản địa” đã nổi lên như một nhóm riêng biệt của những cộng đồng con người. Tuy nhiên, chưa có định nghĩa được quốc tế công nhận về “Người dân bản địa”. Hơn nữa, thuật ngữ “bản địa” có thể bị coi là nhạy cảm trong một số trường hợp. Vì nguyên nhân này, Tiêu chuẩn hoạt động 7 không định nghĩa, sử dụng, hoặc yêu cầu sử dụng thuật ngữ “Dân tộc thiểu số bản địa” để xác định việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 7. Nhiều thuật ngữ bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các thuật ngữ như dân tộc thiểu số bản địa, bộ lạc thổ địa, dân tộc thiểu số, quốc gia đầu tiên và nhóm bộ lạc đều có thể được dùng để xác định Người dân bản địa. Tương tự như vậy, trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động này, việc áp dụng được xác định dựa trên cơ sở bốn đặc điểm miêu tả trong khoản 5 của Tiêu chuẩn hoạt động 7. Mỗi đặc điểm được đánh giá độc lập, và không đặc điểm nào có giá trị hơn các đặc điểm còn lại. Ngoài ra, Tiêu chuẩn hoạt động 7 chủ yếu được áp dụng đối với các nhóm hoặc cộng đồng hơn là với cá nhân. Việc xác định một nhóm hoặc cộng đồng là bản địa trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 7 không ảnh hưởng tới vị thế chính trị hoặc luật pháp của nhóm hoặc cộng đồng trên tại một đất nước hoặc quốc gia cụ thể. Thay vào đó, việc xác định trên giúp khách hàng đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 7 về phòng tránh tác động và thực hiện quá trình tham gia và quản lý các trường hợp có mức độ rủi ro tiềm năng cao.

Hướng dẫn 6. Khách hàng cần tự xác định xem một nhóm hoặc cộng đồng có được coi là “bản địa” không trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 7. Để xác định được như vậy, khách hàng có thể tiến hành một số hoạt động, bao gồm việc điều tra luật pháp và quy định quốc gia được áp dụng (bao gồm các điều luật thể hiện cam kết của nước sở tại theo luật pháp quốc tế), nghiên cứu tài liệu lưu trữ, nghiên cứu dân tộc học (bao gồm lưu hồ sơ về văn hóa, nghi lễ, thể chế, luật theo tục lệ, v.v...), và có cách tiếp cận đánh giá với sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng của người dân bản địa. Việc được công nhận về luật pháp và tiền lệ trong việc công nhận nhóm hoặc cộng đồng là bản địa phải được cân nhắc kỹ lưỡng, nhưng không phải là các yếu tố quyết định để áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 7. Khách hàng nên có các chuyên gia có thẩm quyền để hỗ trợ việc xác định này.

Hướng dẫn 7. Tiêu chuẩn hoạt động này được áp dụng cho nhóm hoặc cộng đồng Người dân bản địa nào duy trì được việc gắn bó tập thể với môi trường hoặc lãnh thổ tổ tiên cụ thể, và gắn với tài nguyên thiên nhiên ở khu vực đó. Việc này có thể bao gồm:

- Cộng đồng Người dân bản địa sinh sống trong khu vực bị ảnh hưởng của dự án và những người du mục hoặc cộng đồng người di cư theo mùa với khoảng cách ngắn, và có mối quan hệ gắn kết với lãnh thổ tổ tiên một cách định kỳ hoặc theo mùa;
- Cộng đồng Người dân bản địa không sinh sống trên vùng đất bị ảnh hưởng bởi dự án, nhưng duy trì mối gắn kết với vùng đất đó thông qua quan hệ sở hữu truyền thống và/hoặc sử dụng theo tục lệ, bao gồm cả việc sử dụng theo mùa hoặc chu kỳ. Những đối tượng này có thể bao gồm Người dân bản địa sinh sống trong môi trường đô thị nhưng duy trì mối gắn kết với khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án;
- Cộng đồng Người dân bản địa bị mất sự gắn kết tập thể với vùng đất và lãnh thổ trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án, nảy sinh trong vòng đời của thành viên của nhóm liên quan do sự cắt đứt bắt buộc, xung đột, chương trình tái định cư bắt buộc của chính phủ, bị tước đất đai, thiên tai hoặc khi đất đai bị nhập vào khu vực đô thị nhưng vẫn duy trì mối gắn kết với vùng đất bị ảnh hưởng bởi dự án.
- Nhóm Người dân bản địa sinh sống trong khu vực định cư hỗn hợp, khi Cộng đồng Người dân bản địa chỉ là một phần của cộng đồng được xác định ở quy mô rộng hơn;
- Cộng đồng Người dân bản địa có sự gắn kết tập thể với lãnh thổ tổ tiên nằm trong khu vực đô thị.

Hướng dẫn 8. Tiêu chuẩn hoạt động này được áp dụng đối với các nhóm và/hoặc cộng đồng Người dân bản địa, do vị thế kinh tế, xã hội, và pháp lý và/hoặc do thể chế, phong tục, văn hóa và/hoặc ngôn ngữ có thể được coi là khác biệt với nhóm chiếm ưu thế và vì bản sắc của mình có thể bị yếu thế trong quá trình phát triển. Các dự án có tác động tới Người dân bản địa sinh sống trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án và là những người hình thành một bộ phận của cộng đồng Người dân bản địa lớn hơn trong khu vực, hoặc những người đã hội nhập đáng kể vào nhóm chiếm ưu thế vẫn phải đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Tuy nhiên, trong trường hợp đó thì các biện pháp giảm nhẹ (như được miêu tả trong các phần tiếp theo) phải được điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 9. Tiêu chuẩn hoạt động 7 giải quyết khả năng dễ bị tổn thương của Người dân bản địa. Các nhóm dễ bị tổn thương khác về kinh tế, xã hội hoặc môi trường bởi tác động của dự án được giải quyết thông qua quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội, và thông qua quá trình quản lý tác động môi trường và xã hội được quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn 1.

Các yêu cầu

Yêu cầu chung

Tránh các tác động tiêu cực

6. Khách hàng sẽ xác định, thông qua một quá trình đánh giá môi trường và xã hội, tất cả các cộng đồng của người dân tộc thiểu số mà có thể bị ảnh hưởng bởi dự án, cũng như bản chất và mức độ của các tác động trực tiếp và gián tiếp dự kiến về xã hội, văn hoá (bao gồm cả di sản văn hoá²) và môi trường đối với họ.

7. Các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa bị ảnh hưởng cần phải tránh khi có thể. Khi các biện pháp thay thế đã được xem xét và khi các tác động tiêu cực là không thể tránh, khách hàng sẽ giảm thiểu, khôi phục hoặc bồi thường cho những tác động này một cách phù hợp với văn hóa của họ và tương xứng với bản chất và quy mô của các tác động cũng như mức độ yếu thế của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Hành động theo đề xuất của khách hàng sẽ được thực hiện với sự tham gia với nhận thức cao của người dân bản địa bị ảnh hưởng qua trình tham vấn toàn diện (ICP) trong đó có một kế hoạch cụ thể về thời gian, kiểu như một Kế hoạch Phát triển Người dân Bản địa, hoặc một kế hoạch phát triển cộng đồng rộng hơn với các cấu phần riêng cho người dân bản địa.³

Hướng dẫn 10. Giai đoạn sàng lọc của quá trình đánh giá tác động môi trường và xã hội phải xác định được sự hiện diện của cộng đồng Người dân bản địa trong khu vực dự án có ảnh hưởng (như được định nghĩa trong khoản 7 và 8 của Tiêu chuẩn hoạt động 1) có tiềm năng bị ảnh hưởng bởi dự án của khách hàng. Nếu giai đoạn sàng lọc cho thấy có thể có tác động tiêu cực tiềm năng tới Người dân bản địa, cần phải phân tích tiếp để thu thập số liệu kỳ gốc về các cộng đồng trên, bao gồm cả các khía cạnh môi trường và văn hóa xã hội chính có

thể bị ảnh hưởng bởi dự án. Việc phân tích cũng phải xác định tác động tích cực và lợi ích tiềm năng đối với Người dân bản địa và cân nhắc cách thức cải thiện. Hướng dẫn bổ sung về cách tiếp cận đối với tác động xã hội tiềm năng và biện pháp giảm nhẹ được liệt kê trong Hướng dẫn tập quán tốt: Giải quyết khía cạnh xã hội đối với các dự án tư nhân của IFC, và hướng dẫn về cách thức đánh giá tác động về văn hóa, môi trường, và xã hội được nêu trong Hướng dẫn Akwé: Kon.

Hướng dẫn 11. Phạm vi, chiều sâu, và loại hình đánh giá nên tương xứng với đặc điểm và mức độ tác động tiềm năng của dự án được đề xuất tới Cộng đồng bị ảnh hưởng và khả năng bị tổn thương của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Phân tích khả năng tổn thương phải bao gồm việc cân nhắc các yếu tố sau của Người dân bản địa: (i) vị thế kinh tế, xã hội và pháp luật; (ii) thể chế, phong tục, văn hóa và/hoặc ngôn ngữ; (iii) mức độ phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên; và (iv) quan hệ trong quá khứ và hiện tại với các nhóm chủ đạo và kinh tế chiếm ưu thế. Khi được dùng trong bối cảnh nêu trên, khả năng dễ bị tổn thương nói tới khả năng dễ bị tổn thương ở cấp độ của nhóm và/hoặc cộng đồng được xác định bởi đặc điểm mối quan hệ giữa Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa với nhóm chiếm ưu thế hơn là các chỉ tiêu tổn thương ở cấp độ hộ gia đình hoặc cá nhân. Phải có chuyên gia có thẩm quyền để phân tích mức độ dễ bị tổn thương trong quá trình đánh giá của dự án. Việc phân tích trên phải áp dụng cách tiếp cận với sự tham gia của các bên và phản ánh quan điểm của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa về rủi ro, tác động và lợi ích được trông đợi của dự án.

Hướng dẫn 12. Dự án có khả năng tác động tiêu cực tới bản sắc, sinh hoạt dựa trên tài nguyên thiên nhiên, an ninh lương thực và sự tồn tại văn hóa của Người dân bản địa. Vì lý do trên, khách hàng phải phòng tránh những tác động như vậy. Thay vào đó, khách hàng nên nghiên cứu phương án thiết kế thay thế cho dự án, tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa, và tranh thủ ý kiến tư vấn của chuyên gia có thẩm quyền nhằm tránh những tác động trên.

Hướng dẫn 13. Nếu không thể tránh được tác động tiêu cực, khách hàng phải giảm thiểu hoặc bù đắp cho những tác động đó theo cách thức tương xứng với đặc điểm và mức độ tác động và khả năng bị tổn thương của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Khách hàng phải chuẩn bị Kế hoạch Người dân bản địa (IPP) để đề ra các hoạt động nhằm giảm thiểu và/hoặc bù đắp cho tác động tiêu cực theo cách thức phù hợp về văn hóa. Tùy theo điều kiện địa phương, có thể chuẩn bị IPP độc lập, hoặc đó có thể là một cấu phần của kế hoạch phát triển

² Các yêu cầu thêm về bảo vệ di sản văn hóa được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 8

³ Việc xác định kế hoạch thích hợp sẽ cần phải tham khảo ý kiến của chuyên gia có năng lực chuyên môn. Một kế hoạch phát triển cộng đồng có thể thích hợp khi người dân tộc thiểu số là một bộ phận của các cộng đồng lớn hơn bị ảnh hưởng.

cộng đồng rộng lớn hơn, nếu Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa sinh sống trong cùng một khu vực với Cộng đồng bị ảnh hưởng tương tự khác hoặc nếu Người dân bản địa hội nhập trong cộng đồng bị ảnh hưởng cơ quy mô lớn hơn. Kế hoạch nên chi tiết hóa các hoạt động nhằm giảm thiểu và/hoặc bù đắp cho các tác động tiêu cực về xã hội và kinh tế, và xác định cơ hội và hoạt động nhằm cải thiện tác động tích cực của dự án đối với Người dân bản địa. Nếu thích hợp, kế hoạch cũng có thể bao gồm các biện pháp thúc đẩy bảo tồn và quản lý bền vững về tài nguyên thiên nhiên mà Người dân bản địa sử dụng, theo cách thức phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 6, hoặc bao gồm các biện pháp của dự án để quản lý việc Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa sử dụng đất. Kế hoạch cũng nên phân định rõ vai trò và trách nhiệm, nguồn vốn và tài nguyên, kế hoạch hoạt động theo thời gian, và ngân sách. Xem thêm Phụ lục 1 về nội dung được khuyến cáo của IPP. Hướng dẫn bổ sung về chương trình phát triển cộng đồng được nêu trong Hướng dẫn phát triển cộng đồng của IFC: Đầu tư vào con người: Duy trì Cộng đồng thông qua các tập quán kinh doanh cải thiện.

Sự tham gia và đồng thuận

8. Các khách hàng sẽ thiết lập một mối quan hệ thường xuyên với các cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng theo yêu cầu Tiêu chuẩn hoạt động 1. Quá trình này gồm các khâu như: phân tích các đối tượng có liên quan và lập kế hoạch thiết lập quan hệ, công bố thông tin, tham vấn và có sự tham gia theo cách thức phù hợp về mặt văn hóa. Ngoài ra quá trình này sẽ:

- Cần có các tổ chức đại diện cho người dân tộc thiểu số tham gia (như hội đồng trưởng lão hay hội đồng làng) cũng như các thành viên của cộng đồng những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng;
- Dành một khoảng thời gian thích hợp cho quá trình ra quyết định của người dân tộc thiểu số.⁴

9. Cộng đồng những người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng có thể bị tổn thương hơn đối với những mất mát, phải rời bỏ hay bóc lột trên đất đai của họ và khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa.⁵ Để thừa nhận sự tổn thương này, bên cạnh những yêu cầu chung của Tiêu chuẩn hoạt động này,

⁴ Quá trình ra quyết định nội bộ nói chung nhưng không phải luôn luôn mang tính tập thể. Có thể có sự không đồng tình và quyết định có thể còn có những thắc mắc bởi một số cá nhân trong cộng đồng. Quá trình tham vấn cần tính đến yếu tố này và cho phép đủ thời gian để quá trình ra quyết định nội bộ có được kết luận cuối cùng có tính hợp pháp đối với những thành viên tham gia.

⁵ Nguồn tài nguyên thiên nhiên và khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với những dịch vụ cung cấp và văn hóa của hệ sinh thái được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

khách hàng nên có được FPIC (đồng thuận không bị ép buộc) của cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong những trường hợp được đề cập ở khoản 13-17 của Tiêu chuẩn hoạt động này. FPIC cần áp dụng từ khâu thiết kế, triển khai dự án và những thành quả mong đợi liên quan đến tác động đến cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Khi một trong những trường hợp này được áp dụng, khách hàng nên mời chuyên gia độc lập hỗ trợ quá trình đánh giá các rủi ro và tác động của dự án.

10. Không có định nghĩa chuẩn toàn cầu nào đối với FPIC. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 1, 7 và 8, FPIC được định nghĩa như sau. FPIC xây dựng trên và mở rộng quy trình ICP được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và được thiết lập qua đàm phán có thiện chí giữa khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Khách hàng cần lưu ý: (i) quá trình đồng thuận giữa khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng, và (ii) bằng chứng về thỏa thuận giữa các bên về kết quả của đàm phán. FPIC không nhất thiết phải có sự thống nhất hoàn toàn và có thể đạt được ngay cả khi các cá nhân hay các nhóm trong cộng đồng có ý kiến khác nhau.

Nguyên tắc chung của sự tham gia

Hướng dẫn 14. Khách hàng phải phối hợp với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án thông qua quá trình công bố thông tin và ICP. Đặc điểm cơ bản của sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn đi kèm, và được chi tiết hóa dưới đây khi được áp dụng cho Người dân bản địa.¹⁰²

Hướng dẫn 15. Quá trình ICP bao gồm sự tham vấn trên cơ sở tự do và tự nguyện, không bị chi phối, can thiệp hoặc ép buộc từ bên ngoài, và không bị đe dọa. Ngoài ra, Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa phải được tiếp cận thông tin liên quan của dự án trước khi quyết định về những vấn đề sẽ ảnh hưởng tới họ, bao gồm thông tin về các tác động tiêu cực tiềm năng về môi trường và xã hội ảnh hưởng tới họ trong mỗi giai đoạn thực hiện dự án (tức là thiết kế xây dựng, vận hành và chấm dứt sản xuất). Để đạt được mục tiêu trên, phải tiến hành quá trình tham vấn trước và trong khi kế hoạch dự án.

Hướng dẫn 16. Quá trình tham gia phải tính đến các quá trình hiện hữu về cơ cấu xã hội, lãnh đạo và quyết

¹⁰² Hướng dẫn bổ sung về quá trình tham gia được nêu trong (i) Sự tham gia của các bên liên quan: Cẩm nang tập quán tốt cho doanh nghiệp kinh doanh ở các thị trường mới nổi, và (ii) Người dân bản địa và Khai mỏ, Hướng dẫn tập quán tốt, ICMM 2010.

định cũng như các đặc điểm xã hội như giới và độ tuổi, và nhận thức được về các yếu tố, trong đó có:

- Sự tồn tại của các truyền thống gia trưởng và tiêu chuẩn và giá trị xã hội có thể ngăn cản phụ nữ có vai trò lãnh đạo và tham gia quá trình quyết định;
- Nhu cầu bảo vệ và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của phụ nữ bản địa;
- Khả năng các nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương bị hạn chế khi thực thi các quyền lợi kinh tế và xã hội của mình do nghèo đói và hạn chế về tiếp cận tài nguyên kinh tế, dịch vụ xã hội, hoặc quá trình quyết định.

Hướng dẫn 17. Khách hàng nên áp dụng cách tiếp cận ICP dựa trên thể chế và quá trình quyết định theo tập quán hiện có mà Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa đang sử dụng. Tuy nhiên, khách hàng nên đánh giá năng lực xử lý của thể chế và quá trình quyết định hiện có đối với nhiều loại vấn đề mới mà dự án đem lại. Trong nhiều trường hợp, dự án đem lại những vấn đề mà thể chế và quá trình quyết định hiện có không đủ năng lực để giải quyết. Không đủ năng lực và kinh nghiệm có thể dẫn tới các quyết định và hậu quả gây thiệt hại cho Cộng đồng bị ảnh hưởng và mối quan hệ của họ với dự án. Cụ thể là các quá trình, quyết định và kết quả kém cỏi có thể tạo ra thách thức với thể chế, quá trình quyết định hiện có, với lãnh đạo được công nhận, và gây ra sự bất đồng khi thỏa thuận giữa Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa và dự án. Xây dựng nhận thức và năng lực để giải quyết các vấn đề có thể được dự đoán trước một cách hợp lý có thể củng cố cả Cộng đồng bị ảnh hưởng và thỏa thuận của họ với dự án. Việc xây dựng năng lực như vậy có thể được thực hiện bằng nhiều cách, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi việc phối hợp với các tổ chức địa phương như các tổ chức xã hội dân sự (CSO) hoặc các tổ chức phát triển của chính phủ, hợp đồng với tổ chức hàn lâm hoặc nghiên cứu về nghiên cứu ứng dụng hoặc thực hành với sự tham gia của cộng đồng; kết nối với các chương trình hỗ trợ hiện có đối với cộng đồng địa phương do chính phủ hoặc các tổ chức khác tiến hành; và cung cấp tài nguyên và hỗ trợ kỹ thuật cho chính quyền địa phương bằng cách thuận lợi hóa sự tham gia của cộng đồng và củng cố.

Hướng dẫn 18. Khách hàng nên lưu ý là cộng đồng Người dân bản địa không nhất thiết là đồng nhất và trong cộng đồng có thể có quan điểm và ý kiến khác nhau. Kinh nghiệm cho thấy: Quan điểm của người cao tuổi hoặc lãnh đạo truyền thống có thể khác với những người được đi học chính quy; quan điểm của người cao tuổi có thể khác với giới trẻ; và quan điểm của đàn ông

có thể khác với phụ nữ. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, cộng đồng người cao tuổi hoặc lãnh đạo có vai trò quyết định, mặc dù họ không nhất thiết là quan chức được cộng đồng bầu ra. Hơn nữa, một số thành phần của cộng đồng như phụ nữ, giới trẻ, và người cao tuổi có thể dễ bị tổn thương hơn bởi tác động của dự án so với người khác. Quá trình tham vấn nên tính đến quyền lợi của những thành phần trong cộng đồng, trong khi vẫn hiểu rõ là cách tiếp cận văn hóa truyền thống có thể tách những thành phần trên của cộng đồng ra khỏi quá trình quyết định.

Hướng dẫn 19. Quá trình ICP với và bên trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa thường kéo dài trong một giai đoạn thời gian. Việc cung cấp thông tin đúng mức cho thành viên cộng đồng bản địa về tác động tiêu cực tiềm năng của dự án và các biện pháp giảm thiểu và đền bù được đề xuất có thể cần đến quá trình tham gia tích cực của của nhiều thành phần trong cộng đồng. Vì vậy, (i) quá trình tham vấn nên được bắt đầu càng sớm càng tốt trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động; (ii) quá trình phối hợp của khách hàng nên cố gắng đảm bảo toàn bộ thành viên của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa nhận thức và hiểu rõ về rủi ro và tác động liên quan tới phát triển dự án; (iii) thông tin dự án nên được cung cấp dưới hình thức dễ hiểu, có sử dụng ngôn ngữ bản địa nếu thích hợp; (iv) cộng đồng nên có đủ thời gian để hình thành sự đồng thuận và có cách xử lý các vấn đề của dự án có tác động tới cuộc sống và sinh hoạt của họ; và (v) khách hàng nên dành đủ thời gian để cân nhắc và giải quyết đầy đủ mối quan ngại và khuyến nghị của Người dân bản địa về dự án trong giai đoạn thiết kế và thực thi dự án.

Hướng dẫn 20. Việc đánh giá năng lực của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa tham gia trong quá trình ICP nên được tích hợp trong quá trình tham gia. Khách hàng có thể cân nhắc chương trình trao đổi thông tin và xây dựng năng lực hữu hiệu để nâng cao hiệu quả của quá trình ICP với Người dân bản địa và sự tham gia của họ trên cơ sở được thông tin đầy đủ trong các khía cạnh thiết yếu của dự án. Ví dụ, khách hàng có thể:

- Tranh thủ sự tham gia tích cực của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa trong suốt các giai đoạn then chốt của quá trình đánh giá rủi ro và tác động về các vấn đề gắn liền với họ.
- Có thể tạo cơ hội cho thành viên Cộng đồng bị ảnh hưởng để đánh giá rủi ro và tác động tiềm năng liên quan tới phát triển dự án bằng cách để họ thăm chéo các dự án tương tự.
- Có thể hỗ trợ Người dân bản địa được tiếp cận tư

vấn pháp lý về các quyền lợi và quyền hạn của họ về đền bù, quy trình pháp lý, và lợi ích theo luật pháp quốc tế.

- Nên đảm bảo quan điểm của tất cả các nhóm được đại diện một cách thích hợp trong quá trình quyết định.
- Nên hỗ trợ quá trình quyết định thích hợp về văn hóa đối với các cộng đồng chưa hình thành quá trình quyết định hoặc không có lãnh đạo.
- Có thể thúc đẩy nâng cao năng lực và sự tham gia trong các lĩnh vực như tham gia giám sát và phát triển cộng đồng.

Hướng dẫn 21. Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa nên có quyền nêu lên và được khách hàng phân hồi về than phiền và khiếu nại. Khách hàng có thể sử dụng cơ chế khiếu nại của dự án phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 hoặc cơ chế khiếu nại được dành riêng cho Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 1 để đạt được mục tiêu này. Cơ chế khiếu nại nên được thiết kế với sự tham vấn của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Có chế khiếu nại phải phù hợp về văn hóa và không được cản trở các quy trình hoặc thể chế hiện có mà Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa sử dụng để giải quyết sự tranh chấp nội bộ. Cơ chế khiếu nại nên đảm bảo việc giải quyết khiếu nại một cách công bằng, minh bạch, và kịp thời mà không mất chi phí, và nếu cần thì có các điều khoản đặc biệt dành cho phụ nữ, giới trẻ và người cao tuổi. Trong quá trình tham gia, mọi thành viên của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa nên được thông báo về cơ chế khiếu nại của khách hàng.

Hướng dẫn 22. Để có được kết quả tốt đẹp và có lợi cho mọi bên tham gia, điều quan trọng là các bên phải chia sẻ quan điểm về quá trình thực hiện ICP, và nếu thích hợp thì cả FPIC. Các quá trình này phải đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của Người dân bản địa trong quá trình quyết định, tập trung vào việc đạt được thỏa thuận trong khi không ban quyền phủ quyết cho cá nhân hoặc các nhóm nhỏ, hoặc bắt khách hàng phải đồng ý về những khía cạnh nằm ngoài tầm kiểm soát của họ. Khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa nên thỏa thuận về quá trình tham gia và tham vấn thích hợp càng sớm càng tốt, phù hợp với mức độ tác động và khả năng bị tổn thương của cộng đồng. Trong trường hợp lý tưởng, quá trình này nên được tiến hành thông qua văn bản hoặc kế hoạch khung xác định đại diện của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa, quá trình và quy trình tham vấn được thỏa thuận, trách nhiệm tương hỗ của các bên trong quá trình tham gia và phương án viện dẫn trong

trường hợp bế tắc (xem Hướng dẫn 23). Nếu thích hợp, tài liệu khung cũng nên xác định thể nào là sự đồng thuận của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Khách hàng nên lưu hồ sơ về sự ủng hộ của người dân bị ảnh hưởng đối với quá trình được thống nhất.

Hướng dẫn 23. Doanh nghiệp phải có trách nhiệm hợp tác với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa để đảm bảo có quá trình tham gia có ý nghĩa, bao gồm việc đạt được FPIC nếu thích hợp. Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa cũng được trông đợi tương tự là hợp tác với khách hàng để hình thành quá trình tham gia có thể chấp nhận được và tham gia trong quá trình đó. Điều được nhận thức là có thể có sự khác biệt về ý kiến, trong một số trường hợp sự khác biệt này có thể làm gián đoạn hoặc chậm trễ việc đạt thỏa thuận. Ngay từ đầu các bên nên thỏa thuận về cách thức kiểm tra hoặc phương án viện dẫn hợp lý để áp dụng trong các trường hợp như vậy. Điều này có thể bao gồm việc tìm kiếm sự trung gian hoặc lời khuyên của bên thứ ba được các bên chấp nhận. Như được nêu trong Hướng dẫn 26, quá trình tham gia giữa khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động là tách biệt với quá trình và quyết định của chính phủ liên quan tới dự án.

Định nghĩa về sự đồng thuận tự nguyện, từ trước và được thông tin đầy đủ

Hướng dẫn 24. Điều được công nhận là không có định nghĩa được chấp nhận chung về FPIC, và định nghĩa và tập quán liên quan tới FPIC vẫn đang phát triển. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động này, FPIC được định nghĩa trong Khoản 12 của Tiêu chuẩn hoạt động 7 và phát triển tiếp dưới đây.

Hướng dẫn 25. FPIC bao gồm quá trình và kết quả. Quá trình được xây dựng trên cơ sở các yêu cầu đối với ICP (bao gồm quy định về sự tham vấn và tham gia tự nguyện, từ trước và được thông tin đầy đủ) và yêu cầu thêm Đàm phán thiện chí (GFN) giữa khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. GFN quy định tất cả các bên: (i) có mong muốn tham gia quá trình và sẵn sàng gặp gỡ tại thời điểm và với tần suất hợp lý; (ii) cung cấp thông tin cần thiết cho quá trình đàm phán trên cơ sở được thông tin đầy đủ; (iii) nghiên cứu về các vấn đề quan trọng thiết yếu; (iv) áp dụng quy trình đàm phán được cả hai bên chấp thuận; (v) sẵn sàng thay đổi quan điểm ban đầu và thay đổi bản chào nếu có thể; và (vi) cung cấp đủ thời gian để quyết định. Trong trường hợp GFN thành công, kết quả sẽ là sự thỏa thuận và chứng cứ cho quá trình này.

Hướng dẫn 26. Nhà nước có quyền quyết định về việc phát triển tài nguyên theo luật pháp quốc gia được áp dụng, bao gồm cả những điều luật thực hiện nghĩa vụ của nước sở tại theo luật quốc tế. Tiêu chuẩn hoạt động 7 không mâu thuẫn với quyền của nhà nước về việc phát triển tài nguyên quốc gia. Nhà nước có thể có nghĩa vụ hoặc cam kết đảm bảo phải có sự đồng thuận của Người dân bản địa một cách tự nguyện, từ trước và được thông tin đầy đủ về những vấn đề liên quan tới sự phát triển toàn diện của lãnh thổ bản địa. Nghĩa vụ ở cấp độ nhà nước khác với quy định ở cấp độ dự án của FPIC được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 7. Như được miêu tả trong Hướng dẫn 62-65, trong trường hợp các quá trình của chính phủ liên quan tới quyết định và hoạt động ở cấp độ dự án, khách hàng phải đánh giá mức độ phù hợp của các quá trình này với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động và nếu khả thi thì giải quyết các vấn đề thiếu sót được xác định.

Yêu cầu đối với sự đồng thuận tự nguyện, từ trước và được thông tin đầy đủ

Hướng dẫn 27. Ngoài những yêu cầu về ICP đối với các dự án có tác động tiêu cực tới Người dân bản địa, các dự án phải thực hiện quá trình FCIP với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa liên quan tới thiết kế, thực thi dự án và kết quả được mong đợi, nếu những yếu tố này liên quan tới bất cứ tác động tiêu cực tiềm năng nào được xác định dưới đây:

- Tác động tới vùng đất và tài nguyên thiên nhiên được sở hữu truyền thống hoặc được sử dụng theo phong tục;
- Di dời Người dân bản địa khỏi vùng đất và tài nguyên được sở hữu truyền thống hoặc được sử dụng theo phong tục;
- Tác động đáng kể tới di sản văn hóa thiết yếu có ý nghĩa quyết định với bản sắc và/hoặc khía cạnh văn hóa, nghi lễ, hoặc tinh thần của cuộc sống Người dân bản địa, bao gồm khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần như khu rừng linh thiêng, vùng nước và đường thủy linh thiêng, cây linh thiêng, và đá linh thiêng;^{HD3}
- Sử dụng di sản văn hóa, bao gồm kiến thức, sáng kiến hoặc tập quán của Người dân bản địa với mục đích thương mại.

Áp dụng sự đồng thuận tự nguyện, từ trước và được thông tin đầy đủ

^{HD3} Khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa tương đương với các dịch vụ hệ sinh thái chủ yếu theo định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6 theo nghĩa các yếu tố đó có thể là trung tâm đối với bản sắc và/hoặc khía cạnh văn hóa, nghi lễ, hoặc tinh thần của cuộc sống của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 28. FPIC được áp dụng đối với những khía cạnh của thiết kế, hoạt động và kết quả dự án có liên quan tới tác động tiêu cực tiềm năng cụ thể được miêu tả trong Hướng dẫn 27, và có tác động trực tiếp tới cộng đồng Người dân bản địa. Trong một số trường hợp, quy mô của FPIC có thể hạn chế và tập trung vào một số khu vực đất đai hoặc khía cạnh dự án cụ thể. Ví dụ về FPIC tập trung như vậy bao gồm: (i) dự án tuyển tính xuyên qua nhiều môi trường sinh sống của con người chỉ cần có FPIC đối với yếu tố đi xuyên qua lãnh thổ của Người dân bản địa; (ii) dự án có nhiều cơ sở hạ tầng và/hoặc bao gồm nhiều dự án nhỏ, một số dự án nhỏ đó nằm trên lãnh thổ của Người dân bản địa và chỉ cần có FPIC đối với cơ sở hạ tầng hoặc dự án nhỏ nào nằm trên lãnh thổ của Người dân bản địa; (iii) đối với dự án liên quan tới việc mở rộng cơ sở hạ tầng hiện tại, FPIC chỉ cần tập trung vào những hoạt động mới của dự án với chừng mực có thể.

Hướng dẫn 29. Trong một số trường hợp có thể không xác định được tất cả các khía cạnh của dự án và vị trí địa lý, không xác định được Cộng đồng bị ảnh hưởng (bao gồm cả Người dân bản địa) và xem xét quá trình đánh giá môi trường và xã hội và kế hoạch giảm nhẹ của dự án trước khi quyết định về khía cạnh thiết kế của dự án (ví dụ hoạt động trong giai đoạn thăm dò trong công nghiệp khai khoáng). Nếu thiếu các yếu tố trên, việc đạt được FPIC trước khi dự án được phê duyệt có thể là không khả thi và/hoặc không có ý nghĩa vì việc xác định phải được gắn kết mật thiết với tác động được xác định của dự án đó tới Cộng đồng bị ảnh hưởng. Thứ tự các bước phù hợp để đạt được FPIC thường là đạt được thỏa thuận về nguyên tắc cơ bản thông qua khung tổng thể trước, và sau đó tham vấn về các khía cạnh cụ thể khi thiết kế được triển khai tiếp và địa điểm được xác định. Trong trường hợp đó, khách hàng nên (i) xây dựng chiến lược có sự tham gia của các bên liên quan hướng tới phía trước và đảm bảo các bên liên quan biết về lộ trình phát triển tiềm năng; (ii) đảm bảo các bên liên quan có nhận thức, hiểu rõ và được tiếp cận thông tin liên quan tới các quyền về tài nguyên của họ (đất đai, rừng, đất phát canh, khuôn khổ đến bù được thiết lập của chính phủ, v.v...) và (iii) cam kết thực hiện quá trình FPIC đối với mọi sự phát triển của dự án có tác động tiêu cực tới Người dân bản địa theo cách thức được miêu tả trong Hướng dẫn 27 một khi các tác động này đã được biết. Tài liệu cần nộp trong quá trình thực hiện FPIC có thể bao gồm thỏa thuận khung về việc tham gia và tham vấn, các thỏa thuận chứng minh FPIC và IPP.

Hướng dẫn 30. Tương tự như vậy, có thể có trường hợp quy mô và địa điểm dự án được biết trước, nhưng quá trình tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người

dân bản địa chưa được triển khai tới mức đủ để đạt được FPIC tại thời điểm phê duyệt dự án. Trong trường hợp đó, nguyên tắc bao trùm và quá trình tham gia, và tiêu chí đạt được FPIC phải được thỏa thuận trước khi dự án được phê duyệt. Ở mức tối thiểu, FPIC phải được thực hiện trước khi phát sinh các tình huống yêu cầu phải có FPIC.

Hướng dẫn 31. Có thể có trường hợp khi dự án được yêu cầu phải đạt được cả ICP đối với cộng đồng chủ đạo bị tác động của dự án, và FPIC đối với Người dân bản địa bị tác động của dự án, ví dụ như các dự án tuyến tính xuyên qua lãnh thổ của cả những người không phải là dân bản địa và Người dân bản địa; và dự án được triển khai ở khu vực có cộng đồng chủ đạo và Người dân bản địa sống gần nhau nhưng trong các cộng đồng tách biệt hoặc sống trong cộng đồng phức hợp. Vì việc đạt được ICP và FPIC với vai trò các quá trình riêng biệt đối với các nhóm khác nhau trong cộng đồng hoặc giữa các cộng đồng sống gần nhau có thể là rất khó và trong một số trường hợp có thể là nguyên nhân gây chia rẽ trong cộng đồng, thường nên có quá trình tham gia duy nhất để đạt được một thỏa thuận chung. Trong trường hợp đó, quá trình và thỏa thuận nên tham chiếu các tiêu chuẩn cao hơn (là GFN và thỏa thuận chứng minh FPIC). Việc thỏa thuận có bao gồm lợi ích khác nhau đối với các nhóm bị tác động khác nhau không phụ thuộc vào hoàn cảnh của dự án, Cộng đồng bị ảnh hưởng và đặc điểm tác động của dự án.

Hướng dẫn 32. Nếu quá trình quyết định của chính phủ được áp dụng trực tiếp tại cấp độ dự án (ví dụ mua đất đai, tái định cư), khách hàng nên điều tra chi tiết để đánh giá các quá trình trên có được thực hiện theo cách thức phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động không, và nếu không thì liệu có thể có hoạt động điều chỉnh nào khả thi để giải quyết vấn đề (xem Hướng dẫn 63). Nếu các quyết định then chốt của dự án ví dụ như mua đất đai và tái định cư không phải do khách hàng tiến hành, thì khách hàng có thể không có khả năng đạt được mọi yếu tố của Tiêu chuẩn hoạt động này, bao gồm cả yêu cầu của FPIC (xem thêm Hướng dẫn 23). Trong trường hợp đó, khách hàng phải đánh giá rủi ro chung khi tiến hành dự án khi không đạt được các khía cạnh của Tiêu chuẩn hoạt động.

Hướng dẫn 33. Quá trình và kết quả FPIC không yêu cầu phải có sự ủng hộ toàn phần của mọi thành viên trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. FPIC phải được xem là quá trình cho phép và hỗ trợ Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa xây dựng và thống nhất về quan điểm tập thể đối với sự phát triển được đề xuất, có tính đến việc cá nhân hoặc nhóm

bên trong Cộng đồng bị ảnh hưởng có thể có quan điểm khác về một số vấn đề liên quan tới sự phát triển được đề xuất. Sự “đồng thuận cộng đồng” tập thể nên xuất phát từ nhóm các Cộng đồng bị ảnh hưởng với tư cách một tập thể, và đại diện cho quan điểm của họ đối với sự phát triển được đề xuất. Như vậy, thỏa thuận FPIC bao hàm sự đồng thuận diện rộng của Cộng đồng bị ảnh hưởng đối với tính hợp pháp của quá trình tham gia và các quyết định đạt được.

Hướng dẫn 34. FPIC bao gồm sự đồng thuận đối với hoạt động, tác động và biện pháp giảm nhẹ cụ thể của dự án theo phương án được dự đoán tại thời điểm đạt được sự đồng thuận. Mặc dù thỏa thuận nên có giá trị trong suốt thời gian dự án, đối với các dự án có thời gian vận hành kéo dài, tập quán tốt là giám sát IPP hoặc các kế hoạch hành động tương tự và có tính mềm dẻo trong việc áp dụng nếu cần trong hoàn cảnh thay đổi, trong khi vẫn duy trì nguyên tắc, cam kết, và trách nhiệm chung của các bên như thống nhất trong thỏa thuận.

Hướng dẫn 35. Để đạt được FPIC, khách hàng cần phải giải quyết cả hai quá trình (là GFN) và kết quả (là chứng cứ thỏa thuận). Khách hàng phải lưu hồ sơ về (i) sự tham gia và quá trình đàm phán được các bên chấp nhận giữa khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa; và (ii) chứng cứ thỏa thuận giữa các bên về kết quả đàm phán. Tác động đối với nhóm dễ bị tổn thương trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa phải được đánh giá thích hợp trong quá trình đàm phán và trong các văn bản liên quan.

Hướng dẫn 36. Thiết kế quá trình để đạt được FPIC đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa phải tính đến các yếu tố sau trong tổng thể các yếu tố:

- Mặc dù quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án thường xác định khu vực ảnh hưởng của dự án và dân số của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa, trong một số trường hợp các nhà lãnh đạo và cơ quan quyết định chính thức và không chính thức của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa có thể nằm ngoài khu vực đó;
- Cũng giống như đối với nhiều cộng đồng, cộng đồng của Người dân bản địa có thể bị ảnh hưởng bởi các vấn đề liên quan tới quản lý, lãnh đạo và đại diện. Việc đánh giá các vấn đề trên phải được bao gồm trong quá trình tham gia và đàm phán. Nếu hệ thống hành chính và truyền thống chấp nhận nhiều lãnh đạo khác nhau, nếu lãnh đạo bị chi phối về chính trị ở mức cao và/hoặc chỉ đại diện ở mức thấp cho dân số bị ảnh hưởng hoặc

nếu có nhiều nhóm đại diện cho nhiều quyền lợi, FPIC nên dựa vào việc xác định, chấp nhận và tham gia của số lượng lớn hoặc có sự đại diện của nhiều nhóm nhỏ của các bên liên quan;

- Nếu có xung đột - trong quá khứ hoặc hiện tại - trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa hoặc giữa Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa và các bên liên quan khác (ví dụ những người không phải Người dân bản địa, doanh nghiệp, và/hoặc nhà nước) thì phải đánh giá bản chất của xung đột, các nhóm lợi ích khác nhau và cách tiếp cận của Cộng đồng bị ảnh hưởng đối với việc giải quyết xung đột và cơ chế xử lý;
- Vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các bên liên quan bên ngoài có quyền lợi được đảm bảo trong kết quả;
- Khả năng có các tập quán không chấp nhận được (bao gồm hối lộ, tham nhũng, quấy rối, bạo lực, và ép buộc) của bất cứ bên liên quan có quyền lợi nào cả bên trong và bên ngoài Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 37. Quá trình thực hiện FPIC đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa có thể yêu cầu phải đầu tư vào việc xây dựng thể chế liên quan, xây dựng quá trình quyết định và năng lực của Cộng đồng bị ảnh hưởng. Khách hàng nên tiếp cận việc thực hiện FPIC từ góc độ phát triển với sự ưu tiên dành cho tính bền vững của các hoạt động phát triển được triển khai trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 38. FPIC phải được xây dựng thông qua quá trình GFN giữa khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Đối với GFN thành công, thỏa thuận cần lưu hồ sơ về vai trò và trách nhiệm của các bên và các cam kết cụ thể. Thỏa thuận có thể bao gồm: (i) thỏa thuận tham gia và quá trình tham vấn; (ii) quản lý môi trường, xã hội và văn hóa (bao gồm quản lý đất đai và tài nguyên); (iii) khuôn khổ hoặc thỏa thuận đền bù và phân bổ; (iv) cơ hội tuyển dụng và hợp đồng; (v) thỏa thuận quản trị; (vi) các cam kết khác ví dụ như cam kết liên quan tới việc tiếp tục được tiếp cận đất đai, đóng góp cho phát triển, v.v...^{HD4} và (vii) thỏa thuận về cơ chế áp dụng/ thực hiện để hoàn thành cam kết của các bên. Thỏa thuận giữa các bên phải bao gồm quy định về việc xây dựng kế hoạch thực hiện theo lịch trình thời gian ví dụ như Kế hoạch phát triển cộng đồng hoặc IPP. Ví dụ về các thỏa thuận này bao gồm biên bản ghi nhớ, thư bày tỏ ý định, và tuyên bố chung về nguyên tắc.

Hướng dẫn 39. Xác nhận ủng hộ các thỏa thuận là bước quan trọng để đạt được thỏa thuận. Các thỏa thuận phải cho thấy sự ủng hộ của cộng đồng được xác định qua quá trình xác định rủi ro và tác động, đó cũng là cộng đồng được hướng tới trong quá trình tham gia và trong GFN. Tuy nhiên, như được nêu trong Hướng dẫn 33, quá trình và kết quả FPIC không yêu cầu sự ủng hộ toàn phần của mọi thành viên trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Việc lưu hồ sơ của thỏa thuận (Hướng dẫn 41) phải bao gồm chứng cứ ủng hộ của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Nếu không đạt được quá trình tham gia hoặc thỏa thuận thích hợp, nên cân nhắc có bên thứ ba làm tư vấn và trung gian như được nêu trong Hướng dẫn 23.

Hướng dẫn 40. Như được nêu trong Hướng dẫn 33, chỉ cần có FPIC tại một thời điểm duy nhất. Các dự án có chu kỳ tuổi đời kéo dài có thể xây dựng thỏa thuận bao gồm các cam kết được thực hiện thông qua các kế hoạch phát triển định kỳ (ví dụ IPP) đối với từng giai đoạn kế hoạch dự án được xác định. Sự tiến triển của các thỏa thuận trên đặc trưng cho từng dự án và hoàn cảnh. Tuy vậy, thông thường các thỏa thuận trên sẽ tiến triển từ việc tập trung vào các biện pháp giảm nhẹ tác động của dự án và phát triển tới các mô hình phát triển do Người dân bản địa quản lý và được hỗ trợ bởi việc đóng góp có xác định của dự án hoặc cơ chế chia sẻ lợi ích.

Hướng dẫn 41. Các loại văn bản, kế hoạch và thỏa thuận khác nhau thường xuất hiện trong các giai đoạn khác nhau của dự án. Quá trình Đánh giá tác động môi trường và xã hội như được miêu tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 thường được coi là quá trình tiếp diễn, có tính lặp đi lặp lại kết hợp công việc phân tích và chẩn đoán; sự tham gia của các bên liên quan; và việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động cụ thể với cơ chế giám sát thích hợp. Nguyên tắc chung để hướng dẫn nên được xây dựng làm sao để dù các tài liệu trên có thể được chuẩn bị bất cứ lúc nào trong chu kỳ dự án, nhưng việc thực hiện kế hoạch hành động như thỏa thuận IPP hoặc áp dụng biện pháp giảm nhẹ phải được thực hiện trước khi xuất hiện các tác động tiêu cực trực tiếp tới Cộng đồng của Người dân bản địa. Tài liệu cơ bản được xây dựng thường bao gồm:

- Tài liệu khung bao gồm, trong số các yếu tố khác, nguyên tắc tham gia, thiết kế dự án và quá trình thực hiện trong mối tương quan với Cộng đồng Người dân bản địa, và nguyên tắc để đạt FPIC nếu cần (xem thêm ở dưới).

^{HD4} Tham chiếu ICMM 2010, Người dân bản địa và khai mỏ, Hướng dẫn tập quán tốt để có thêm hướng dẫn về các khía cạnh khác nhau của các thỏa thuận trên.

IPP hoặc kế hoạch hành động tương tự.

11. Thỏa thuận FPIC phản ánh sự đồng thuận của các bên đối với quá trình và hoạt động được khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa đề xuất. Thỏa thuận này có thể liên quan tới và áp dụng IPP được đề xuất hoặc kế hoạch hành động tương tự, nhưng cũng có thể xác định là cần xây dựng hoặc thống nhất IPP hoặc kế hoạch hành động tương tự sau khi thỏa thuận được về FPIC.

Những trường hợp cần có FPIC

Các tác động lên vùng đất truyền thống hoặc có tính phong tục đang được sử dụng

12. Người dân tộc thiểu số thường gắn chặt với vùng đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên của họ trên những vùng đất này.⁶ Thông thường, những vùng đất này được sở hữu theo truyền thống hoặc theo phong tục.⁷ Trong khi các dân tộc thiểu số có thể không có quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia đối với những mảnh đất đó, việc sử dụng những vùng đất này, bao gồm cả sử dụng theo mùa vụ hoặc theo chu kỳ, của cộng đồng người dân tộc thiểu số cho cuộc sống của họ, hoặc các mục đích văn hóa, nghi lễ, hoặc tinh thần mà đã tạo nên danh tính và cộng đồng của riêng họ, có thể thường được chứng minh và lưu trữ tài liệu.

13. Nếu khách hàng đề xuất xây dựng một dự án tại, hoặc phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng trên vùng đất đang thuộc sở hữu truyền thống của dân tộc thiểu số hay đang được họ sử dụng và có thể sẽ có những tác động tiêu cực,⁸ khách hàng cần thực hiện những bước sau:

- Lưu tài liệu những nỗ lực của mình để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu diện tích vùng đất quy hoạch

⁶ Ví dụ như các nguồn tài nguyên dưới nước và ở biển, gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp phi gỗ khác, cây lâm thuốc, các khu săn bắn và tập trung, khu chăn thả và trồng trọt. Tài sản nguồn tài nguyên thiên nhiên được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với các dịch vụ cung cấp và văn hóa của hệ sinh thái được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

⁷ Việc thu mua đất và/hoặc thuê đất có quyền sở hữu hợp pháp được đề cập trong Tiêu chuẩn hoạt động 5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện.

⁸ Những tác động bất lợi như vậy có thể bao gồm tác động từ mất khả năng tiếp cận vào tài sản hoặc các nguồn tài nguyên, hoặc hạn chế về sử dụng đất, do các hoạt động của dự án.

⁹ "Tài nguyên thiên nhiên và các vùng tự nhiên có ý nghĩa quan trọng được nhắc đến trong Tiêu chuẩn hoạt động này tương đương với những dịch vụ ưu tiên của hệ sinh thái trong Tiêu chuẩn hoạt động 6. Thuật ngữ này để chỉ những dịch vụ mà khách hàng có quyền kiểm soát trực tiếp hay có mức độ ảnh hưởng quan trọng, và những dịch vụ rất nhiều khả năng trở thành nguồn rủi ro chính của các tác động đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

¹⁰ Trong khi Tiêu chuẩn Hoạt động này đòi hỏi bằng chứng và tài liệu của việc sử dụng đất, các khách hàng cũng nên ý thức được rằng đất có thể đã được sử dụng cho các mục đích khác, theo chỉ định của chính phủ sở tại.

cho dự án;

- Lưu tài liệu những nỗ lực của mình để tránh hoặc ít nhất là giảm thiểu tác động lên tài nguyên thiên nhiên và các vùng tự nhiên có ý nghĩa quan trọng⁹ đối với dân tộc thiểu số bản địa;
- Xác định và rà soát các lợi ích về tài sản và việc sử dụng truyền thống các nguồn tài nguyên trước khi mua hoặc thuê đất.
- Đánh giá và lưu tài liệu về việc sử dụng tài nguyên của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng mà không làm tổn hại đến việc đòi bồi thường đất của họ.¹⁰ Việc đánh giá việc sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên khác cần đảm bảo có sự tham gia của cả hai giới nam và nữ và nên đặc biệt xem xét vai trò của phụ nữ trong quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên này;
- Đảm bảo các cộng đồng người thiểu số bản địa bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về quyền của họ đối với những vùng đất này theo quy định của pháp luật quốc gia, bao gồm bất kỳ luật pháp quốc gia công nhận quyền sở hữu hoặc sử dụng theo tập quán;

14. Đảm bảo đền bù cho người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cùng với quyền hợp pháp khác trong trường hợp dự án phát triển đất và tài nguyên thiên nhiên cho mục đích thương mại cũng với những cơ hội phát triển bền vững phù hợp về mặt văn hóa, và gồm có:

- Cung cấp đền bù trên đất cũng như đền bù hiện vật thay cho tiền mặt khi phù hợp;¹¹
- Bảo đảm việc được tiếp tục tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xác định các nguồn thay thế tương đương, hoặc, là phương án cuối cùng, cung cấp đền bù và tìm ra các phương thức sinh kế khác nhau việc phát triển dự án dẫn đến việc mất quyền tiếp cận hay sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên độc lập khỏi việc thu hồi đất của dự án;
- Bảo đảm chia sẻ các quyền lợi từ việc sử dụng nguồn tài nguyên của dự án một cách công bằng và cân xứng nếu khách hàng định sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên đang là trung tâm của sinh kế và bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng và việc sử dụng này đang làm rõ về sinh kế trăm trọng hơn.
- Cung cấp cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng quyền tiếp cận, sử dụng và đi lại trên mảnh đất dự án đang phát triển phụ thuộc vào các vấn đề quan trọng hơn như an ninh, an toàn và sức khỏe.

¹¹ Trong trường hợp khách hàng không thể đền bù bằng một mảnh đất tương đương, khách hàng cần giải thích và đưa ra bằng chứng cho việc này. Trong những trường hợp này khách hàng sẽ cung cấp cơ hội tạo thu nhập không dựa trên đất đai bằng hoặc hơn mức đền bù bằng tiền cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

Hướng dẫn 42. Nếu các vấn đề liên quan tới sử dụng đất đai như được nêu trong khoản 14 của Tiêu chuẩn hoạt động 7 được xác định trong giai đoạn sàng lọc, khách hàng phải sử dụng chuyên gia có thẩm quyền để tiến hành quá trình đánh giá được xác định đó với sự tham gia tích cực của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Quá trình đánh giá phải miêu tả hệ thống sở hữu đất đai và tài nguyên truyền thống của Người dân bản địa (cả sở hữu cá nhân và tập thể) trong khu vực bị ảnh hưởng của dự án. Quá trình đánh giá cũng phải xác định và lưu hồ sơ về mọi phương thức sử dụng đất đai và tài nguyên theo phong tục, bao gồm sử dụng với mục đích văn hóa, nghi lễ hoặc tinh thần, và với mọi mục đích sử dụng đặc biệt, theo mùa vụ hoặc theo chu kỳ (ví dụ để săn bắn, đánh bắt cá, chăn thả, hoặc khai thác sản phẩm rừng), và mọi tác động tiêu cực tiềm năng của việc sử dụng trên. Việc sử dụng đất đai và tài nguyên theo phong tục để cấp tới mô hình sử dụng đất đai và tài nguyên lâu dài của cộng đồng theo lệ luật, giá trị, phong tục, và truyền thống của Người dân bản địa, bao gồm việc sử dụng theo mùa vụ hoặc theo chu kỳ nhiều hơn là để cấp tới quyền sở hữu đất đai và tài nguyên chính thức theo luật pháp do nhà nước cấp phép. Mục đích sử dụng về văn hóa, nghi lễ, và tinh thần là một phần không thể tách rời của quan hệ của Người dân bản địa với đất đai và tài nguyên của họ, được gắn kết với hệ thống kiến thức và lòng tin độc đáo, và là yếu tố then chốt đối với tính nguyên vẹn về văn hóa của họ. Việc sử dụng trên có thể ngắt quãng, có thể diễn ra tại các địa điểm nằm xa so với nơi định cư, và có thể không gắn liền với địa điểm cụ thể. Mọi tác động tiêu cực tiềm năng tới việc sử dụng như vậy phải được lưu hồ sơ và giải quyết trong bối cảnh các hệ thống đó. Mọi thông tin trong quá trình đánh giá của khách hàng giúp xác định sự hiện diện của môi trường sinh sống thiết yếu và tài nguyên văn hóa thiết yếu phù hợp với Tiêu chuẩn hoạt động 6 và 8 trong khu vực ảnh hưởng của dự án sẽ là thông tin có liên quan trong quá trình phân tích và phải được tính đến. Các đòi hỏi của Người dân bản địa đối với đất đai và tài nguyên không được sở hữu về pháp lý theo luật quốc gia cũng phải được lưu hồ sơ trong quá trình đánh giá. Khách hàng phải đảm bảo là việc thiếu hồ sơ lưu về các đòi hỏi đối với đất đai, hoặc việc không có đòi hỏi về đất đai sẽ không là yếu tố định kiến đối với việc Người dân bản địa tiến hành thủ tục pháp lý về quyền sở hữu pháp lý trong thời gian hiện tại hoặc trong tương lai.

Hướng dẫn 43. Mục tiêu ưu tiên của quá trình đánh giá là xác định biện pháp phòng tránh tác động tiêu cực tới đất đai và tài nguyên trên, cũng như tới việc sử dụng của Người dân bản địa. Nếu việc phòng tránh là không khả thi, phải xây dựng các biện pháp giảm nhẹ, và/hoặc đến

bù để đảm bảo Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa vẫn còn có và được tiếp cận đất đai và tài nguyên để duy trì sinh kế và sự tồn tại về văn hóa. Nền ưu tiên việc đền bù dựa trên đất đai, với điều kiện có đất đai thích hợp. Ngoài ra, khách hàng nên tuân thủ quy trình thích đáng đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa, như có thông báo thích hợp và phản hồi đối với yêu cầu. Trong một số trường hợp, đất đai mà Người dân bản địa đòi hỏi có thể đã được chính phủ sở tại chỉ định cho mục đích sử dụng khác, có thể bao gồm trữ lượng thiên nhiên, khu vực được quyền khai thác mỏ, hoặc là các khu đất cá nhân của những người đã được cấp quyền sử dụng đất. Trong trường hợp đó, khách hàng phải có nỗ lực tranh thủ sự tham gia của cơ quan chính phủ liên quan trong quá trình tham vấn và đàm phán với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 44. Việc dự án có nên tiến hành những hoạt động có thể tạo ra tác động tiêu cực tới vùng đất trên hay không phụ thuộc vào việc có đạt được FPIC với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Trong một số trường hợp, khách hàng có khả năng làm việc với cơ quan chính phủ quốc gia để giúp cho quá trình công nhận về mặt pháp lý quyền sở hữu đất đai mà Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa đòi hỏi hoặc sử dụng trong khuôn khổ chương trình cấp quyền sở hữu đất đai của chính phủ. Khách hàng có thể căn cứ vào thông tin về việc sở hữu đất đai theo phong tục thu thập được trong quá trình đánh giá và giúp Cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc thành viên Cộng đồng bị ảnh hưởng theo đuổi quyền sở hữu đất đai, nếu Người dân bị ảnh hưởng có yêu cầu, và giúp họ tham gia các chương trình trên.

Tái định cư những người dân tộc thiểu số ra khỏi những vùng đất truyền thống hoặc phong tục của họ

15. Khách hàng sẽ xem xét các thiết kế dự án khả thi để tránh di dời dân tộc thiểu số bản địa khỏi những vùng đất và nguồn tài nguyên truyền thống và hương sử dụng theo phong tục. Nếu việc di dời như vậy là không thể tránh được, khách hàng sẽ không tiến hành dự án, trừ khi có đàm phán thiện chí FPIC với các cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng được đề cập ở trên. Bất kỳ việc di dời nào đối với người dân tộc thiểu số sẽ phải đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động 5. Nếu khả thi,

¹² Diễn hình là quyền được đền bù và tiếp cận, sử dụng đất và các nguồn tài nguyên theo phong tục và truyền thống, phần lớn sẽ tạo thành trao quyền sở hữu tài sản chung. Những đền bù truyền thống cho đất và nguồn tài nguyên có thể không được công nhận trong pháp luật quốc gia. Trong trường hợp các thành viên của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng có quyền hợp pháp cá nhân hay pháp luật quốc gia công nhận quyền của các cá nhân này theo phong tục thì những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 5 cần được áp dụng hơn là các yêu cầu trong khoản 17 của Tiêu chuẩn hoạt động này.

người dân tộc thiểu số được di dời sẽ có thể quay trở lại vùng đất truyền thống hoặc phong tục của họ, một khi lý do chuyển địa điểm của họ không còn nữa.

Hướng dẫn 45. Vì việc di dời Người dân bản địa về mặt vật lý rất phức tạp và có thể tạo tác động tiêu cực đáng kể và không đảo ngược được tới sự tồn tại của họ về mặt văn hóa, khách hàng nên hết sức nỗ lực nghiên cứu các phương án thiết kế dự án thay thế để phòng tránh việc di dời Người dân bản địa về mặt vật lý khỏi những vùng đất thuộc sở hữu chung theo truyền thống hoặc được sử dụng theo phong tục. Việc di dời có thể phát sinh từ việc dự án mua vùng đất, hoặc có sự hạn chế hoặc thay đổi đối với việc sử dụng đất đai hoặc tài nguyên (ví dụ nếu vùng đất thuộc sở hữu chung theo truyền thống hoặc sử dụng theo phong tục của Người dân bản địa bị cơ quan chính phủ liên quan phân bổ cho mục đích sử dụng khác liên quan tới dự án được đề xuất, như thiết lập khu vực được bảo vệ với mục đích bảo tồn tài nguyên). Chỉ được tính đến việc di dời vật sau khi khách hàng xác định được là không có phương án thay thế khả thi nào khác ngoài việc di dời và sau khi khách hàng đã đạt được FPIC với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa dựa trên quá trình tham gia được thông tin đầy đủ.

Hướng dẫn 46. Trong trường hợp chính phủ sở tại quyết định di dời Người dân bản địa, khách hàng nên tham vấn với quan chức chính phủ liên quan để hiểu được lý do di dời và xác định đã thực hiện và hoàn thành thành công GFN với sự tham gia được thông tin đầy đủ của Người dân bản địa đối với các khía cạnh của dự án và đối với việc di dời Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Khách hàng có thể được yêu cầu phải giải quyết những vấn đề bị bỏ sót trong quá trình và kết quả khi những vấn đề này được xác định.

Hướng dẫn 47. Sau khi kết thúc quá trình FPIC đối với việc di dời Người dân bản địa, khách hàng phải chuẩn bị Kế hoạch tái định cư/Kế hoạch phục hồi sinh kế theo tinh thần đàm phán và phù hợp với khoản 19-24 và 25-29 tương ứng của Tiêu chuẩn hoạt động 5. Khách hàng nên tuân theo Khoản 9 của Tiêu chuẩn hoạt động 5 về mức độ đền bù cho đất đai. Kế hoạch trên phải bao gồm điều khoản cho phép Cộng đồng bị ảnh hưởng, trong chừng mực có thể và khả thi, được trở về vùng đất của họ khi không còn lý do cho việc di dời nữa.

Hướng dẫn 48. Mục đích của quy định trong Tiêu chuẩn hoạt động 7, khoản 15 là để áp dụng trong trường hợp khi đất đai được sở hữu theo truyền thống hoặc sử dụng theo phong tục được Người dân bản địa sở hữu và sử dụng chung. Nếu cá nhân thành viên Cộng

đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa có quyền sở hữu pháp lý, hoặc nếu luật pháp quốc gia có liên quan công nhận quyền sở hữu cá nhân theo phong tục, thì quy định của Tiêu chuẩn 5 được áp dụng. Tuy nhiên, ngay cả khi cá nhân trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa nắm quyền sở hữu cá nhân về pháp lý, khách hàng nên biết rõ là quyết định của cá nhân về việc nhượng quyền sở hữu và di dời có thể vẫn phụ thuộc vào quá trình quyết định dựa trên ý kiến tập thể, vì vùng đất đó có thể không được coi là tài sản cá nhân mà là được coi là vùng đất của tổ tiên.

Tài nguyên văn hóa

16. Trường hợp dự án có khả năng có tác động lớn đến các di sản văn hóa quan trọng¹³ đối với bản sắc và/hoặc các phương diện văn hóa, lễ nghi và tinh thần của đời sống dân tộc thiểu số, cần ưu tiên để tránh những tác động này. Khi các tác động của dự án lên các di sản văn hóa quan trọng là không thể tránh được, khách hàng cần có cam phán thiện chí FPIC với cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

17. Trường hợp dự án đề xuất sử dụng các nguồn tài nguyên văn hóa, kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ của các cộng đồng địa phương cho mục đích thương mại, khách hàng sẽ thông báo cho các cộng đồng này: (i) các quyền của mình theo quy định của pháp luật quốc gia, (ii) phạm vi và tính chất của sự khai thác thương mại dự kiến, và (iii) các hậu quả tiềm năng của việc phát triển như vậy; và (iv) đàm phán có thiện chí FPIC. Khách hàng cũng cần đảm bảo chia sẻ công bằng và tương xứng những lợi ích có được từ thương mại hóa các kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ đó phù hợp với phong tục và tập quán của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

Hướng dẫn 49. Kiến thức, sáng kiến, và tập quán của Người dân bản địa thường được coi là kiến thức truyền thống và bao gồm các hình thức văn học dân gian hoặc văn hóa truyền thống. Kiến thức trên được coi là di sản văn hóa phi vật thể. Ngoài ra, kiến thức, sáng kiến, và tập quán của Người dân bản địa thường được dùng với mục đích linh thiêng hoặc nghi lễ, và có thể được cộng đồng hoặc thành viên được chỉ định giữ bí mật. Việc phát triển di sản văn hóa phi vật thể về mặt thương mại đang được quốc tế thảo luận, và các tiêu chuẩn quốc tế đang dần được hình thành. Một ngoại lệ là việc sử dụng về mặt thương mại tài nguyên di truyền và kiến

¹³ Bao gồm các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần như khu rừng linh thiêng, khu nước hay kênh rạch linh thiêng, cây cối hay hòn đá linh thiêng. Khu vực tự nhiên với giá trị văn hóa tương đương với dịch vụ văn hóa được ưu tiên của hệ sinh thái đã được định nghĩa trong Tiêu chuẩn hoạt động 6.

thức truyền thống liên quan của các cộng đồng bản địa hoặc cộng đồng truyền thống như được nêu trong Công ước về Đa dạng sinh học, trong đó có nhắc tới vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học. Thông tin hướng dẫn bổ ích có thể tham khảo trong Hướng dẫn Bonn về tiếp cận tài nguyên gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng tài nguyên một cách công bằng và tương xứng và Hướng dẫn Akwé và Quy tắc ứng xử đạo đức Tkarihwaie:ri để đảm bảo tôn trọng di sản văn hóa và trí tuệ của Cộng đồng bản địa và địa phương được ban hành theo Công ước về Đa dạng sinh học (xem Danh mục tham khảo). Ví dụ về phát triển thương mại bao gồm việc thương mại hóa kiến thức y học truyền thống hoặc các kỹ thuật linh thiêng hoặc truyền thống khác để chế biến cây cỏ, vật liệu sợi hoặc kim loại. Các hình thái văn hóa truyền thống như việc bán nghệ thuật hoặc âm nhạc sẽ được áp dụng theo luật pháp quốc gia và tập quán quốc tế đang hình thành.

Hướng dẫn 50. Khách hàng phải tuân thủ pháp luật quốc gia được áp dụng, nếu có, đối với việc sử dụng kiến thức, sáng kiến hoặc tập quán của Người dân bản địa với mục đích thương mại. Vì thông tin, quy trình, và vật liệu trên có thể được dùng với mục đích linh thiêng hoặc nghi lễ của cộng đồng Người dân bản địa, và trong một số trường hợp được cộng đồng hoặc thành viên được chỉ định giữ bí mật, khách hàng phải có được sự đồng thuận trên cơ sở được thông tin đầy đủ của chủ sở hữu trước khi sử dụng hoặc công bố, và trong mọi trường hợp, tạo điều kiện cho cộng đồng liên quan được tiếp tục sử dụng vật liệu di truyền cho mục đích phong tục hoặc nghi lễ.

Hướng dẫn 51. Nếu dự án đề xuất khai thác và phát triển di sản văn hóa phi vật thể bao gồm kiến thức, sáng kiến hoặc tập quán của Người dân bản địa, khách hàng phải: (i) điều tra xem di sản văn hóa bản địa do cá nhân hoặc tập thể sở hữu trước khi thỏa thuận với người nắm giữ di sản văn hóa ở địa phương; (ii) đạt được sự đồng thuận được thông tin đầy đủ từ người nắm giữ di sản văn hóa bản địa về việc sử dụng; và (iii) chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng một cách phù hợp với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Khách hàng nên sử dụng chuyên gia và thông tin không thiên lệch để đạt được FPIC với người nắm giữ di sản văn hóa bản địa, ngay cả khi quyền sở hữu đang bị tranh chấp. Ngoài việc tuân thủ quy định của pháp luật quốc gia, khách hàng phải lưu hồ sơ về FPIC đối với cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa về đề xuất phát triển thương mại. Nếu dự kiến chia sẻ lợi ích, lợi ích phải được xác định theo các điều khoản được các bên chấp thuận trong quá trình đàm phán FPIC. Ví dụ lợi ích có thể bao gồm lợi

ích phát triển dưới hình thức việc làm, đào tạo nghề, và lợi ích theo sự phát triển cộng đồng và chương trình tương tự, cũng như lợi ích từ việc chế tạo, tiếp thị và cấp bản quyền về một số hình thái thể hiện văn hóa truyền thống. Khách hàng nên lưu ý về các yêu cầu có sự đồng thuận cụ thể theo các công ước quốc tế hoặc pháp luật quốc gia liên quan, và có thể phải giải quyết những vấn đề bị bỏ sót.

Hướng dẫn 52. Khách hàng nên lưu ý là việc sử dụng tên tuổi, hình ảnh, và các vật thể bản địa khác thể hiện người bản địa và môi trường mà họ sống có thể có tính nhạy cảm. Khách hàng nên đánh giá chuẩn mực và ưu tiên địa phương, và tham vấn cộng đồng liên quan trước khi sử dụng các vật thể trên với các mục đích như đặt tên cho khu vực dự án hoặc thiết bị.

Hướng dẫn 53. Khách hàng nên tham khảo quy định và hướng dẫn tương tự trong Tiêu chuẩn hoạt động 8 và Hướng dẫn 8 đối với di sản văn hóa của các cộng đồng ngoài cộng đồng của Người dân bản địa.

Biện pháp giảm nhẹ và lợi ích phát triển

19. Khách hàng và cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cần xác định các biện pháp giảm nhẹ phù hợp với hệ thống phân cấp được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 cũng như những cơ hội về lợi ích phát triển bền vững và phù hợp với văn hóa của họ. Khách hàng sẽ đảm bảo thực hiện các biện pháp đã thỏa thuận đúng lúc và hợp lý đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng.

20. Việc xác định, thực hiện và phân phát đền bù và các biện pháp chia sẻ lợi ích khác đến cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng cần tính đến pháp luật, thể chế và phong tục của các cộng đồng này cũng như mức độ tương tác của họ với xã hội nói chung. Việc xác định tình trạng đủ tư cách để được nhận đền bù có thể theo cá nhân hoặc tập thể hoặc kết hợp cả hai.¹⁴ Nếu đền bù thực hiện theo tập thể, cần thiết kế và triển khai cơ chế xúc tiến việc thực hiện và phân phát đền bù cho tất cả thành viên đủ tư cách của nhóm đó.

21. Các yếu tố khác như, nhưng không giới hạn ở, bản chất của dự án, hoàn cảnh của dự án, mức độ yếu thế của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng sẽ quyết định mức độ lợi ích mà cộng đồng này được hưởng từ dự án. Các cơ hội được xây dựng cần nhằm vào mục đích đạt được những mục tiêu và đáp ứng những lựa

¹⁴ Trong trường hợp kiểm soát nguồn lực, tài sản và quá trình ra quyết định đều mang tính tập thể, cần có nỗ lực đảm bảo khi thích hợp những lợi ích và đền bù cũng mang tính tập thể và có tính đến những khác biệt và nhu cầu của các thể hệ.

chọn của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng kể cả việc cải thiện mức sống và phương thức sinh kế một cách phù hợp với văn hóa và nuôi dưỡng sự bền vững lâu dài của nguồn tài nguyên họ đang phụ thuộc vào.

Hướng dẫn 54. Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa có thể bao gồm nhiều nhóm và các bộ phận xã hội khác nhau (ví dụ cá nhân, bộ tộc, bộ lạc, v.v...) trong các nhóm trên. Dự án có thể tác động tới bộ phận xã hội theo cách khác nhau. Ví dụ việc lấy đất có thể ảnh hưởng tới việc tiếp cận và sử dụng vùng đất và tài nguyên của mọi thành viên, trong khi đặc biệt ảnh hưởng tới các đòi hỏi về đất của một bộ tộc duy nhất, cũng như ảnh hưởng tới việc sử dụng tài nguyên hiện tại. Nên dựa vào đánh giá xã hội để xác định các nhóm bị ảnh hưởng và hiểu rõ bản chất của tác động cụ thể.

Hướng dẫn 55. Tư cách để được đền bù có thể dựa trên cơ sở cá nhân hoặc tập thể, hoặc kết hợp cả hai. Ví dụ liên quan tới đất đai và tài nguyên thiên nhiên, Người dân bản địa đủ tư cách có thể bao gồm thành viên cộng đồng có quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên được thừa kế, các thành viên có quyền sử dụng, và các thành viên hiện đang sử dụng tài nguyên. Việc xác định đủ tư cách và thiết lập cơ cấu và cơ chế thực hiện và quản lý đền bù phải tính đến kết quả đánh giá xã hội; luật pháp, thể chế, và phong tục của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa; các thay đổi trực tiếp và thay đổi do dự án gây ra cho Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa, bao gồm cả sự thay đổi về quan hệ với nhóm xã hội chiếm ưu thế; và tập quán quốc tế tốt.

Giảm nhẹ và đền bù

Hướng dẫn 56. Khách hàng cùng với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa phải thiết kế cơ chế giảm nhẹ và đền bù thích hợp để giải quyết các tác động tiêu cực do dự án tạo ra. Trong một số trường hợp cụ thể, việc thực hiện các biện pháp giảm nhẹ và đền bù có thể được hướng tới từ việc phát triển năng lực của nguồn nhân lực trong Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa để đảm bảo bảo vệ, quản lý bền vững, và tiếp tục thực hiện các quyền lợi trên.

Hướng dẫn 57. Nếu Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa được đền bù đất đai và tài nguyên, phải đảm bảo giá trị pháp lý và hình thức sở hữu đất đai an toàn. Việc trao quyền sở hữu đất đai có thể được thực hiện trên cơ sở cá nhân hoặc tập thể dựa trên kết quả đánh giá xã hội; luật lệ, thể chế và phong tục của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa; và các tác động trực tiếp và thay đổi do dự án gây ra đối với Cộng đồng bị ảnh

hưởng của Người dân bản địa, bao gồm cả sự thay đổi về quan hệ với nhóm xã hội chiếm ưu thế.

Hướng dẫn 58. Cơ chế giảm nhẹ và đền bù được thỏa thuận (và sự hỗ trợ phát triển có liên quan) phải được lưu lại trong thỏa thuận và thực hiện trong chương trình tích hợp thông qua IPP hoặc qua Chương trình phát triển cộng đồng. Chương trình phát triển cộng đồng có thể thích hợp hơn nếu Người dân bản địa sống cạnh những nhóm bị tác động khác không phải là dân bản địa, nhưng cùng khả năng bị tổn thương và chung sinh kế liên quan.

Cơ hội phát triển diện rộng

Hướng dẫn 59. Hoạt động của khu vực tư nhân có thể tạo cơ hội độc đáo để phát triển diện rộng cho Người dân bản địa. Tùy theo dự án và bối cảnh, khách hàng có thể khơi mào và/hoặc hỗ trợ trực tiếp các chương trình phát triển để hỗ trợ sự phát triển của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Trong khi việc giải quyết tác động tiêu cực do dự án đem lại là quy định phải tuân thủ của Tiêu chuẩn hoạt động 7 thì việc tạo cơ hội phát triển diện rộng không phải là quy định. Điều này chỉ được khuyến nghị như một tập quán tốt nếu có cơ hội, nhưng không phải là điều bắt buộc. Trong các dự án quy mô lớn, khách hàng có thể tạo ra quyền lợi phát triển đầy đủ hơn như một phần nỗ lực phát triển cộng đồng hoặc khu vực, hoặc một phần của nỗ lực thúc đẩy doanh nghiệp và kinh tế địa phương. Khách hàng cũng có thể tìm kiếm cơ hội hỗ trợ chương trình hiện có được thiết kế để đem lại quyền lợi phát triển cho Người dân bản địa, như chương trình giáo dục song ngữ, hỗ trợ bà mẹ, chương trình chăm sóc y tế và dinh dưỡng cho trẻ nhỏ, hoạt động tạo công ăn việc làm, và hỗ trợ chương trình tín dụng nhỏ. Khi hợp tác với cộng đồng Người dân bản địa phương, nên phân biệt rõ giữa một mặt là các quyền lợi và quyền hạn liên quan tới việc giảm nhẹ tác động tiêu cực của dự án, và mặt khác là cơ hội phát triển diện rộng nhằm tránh nhầm lẫn và có sự trông đợi phi thực tế về những gì khách hàng bắt buộc phải thực hiện và những gì được cung cấp bổ sung về quyền lợi.

Hướng dẫn 60. Các chương trình phát triển trên có thể bao gồm: (i) hỗ trợ các ưu tiên phát triển của Người dân bản địa thông qua các chương trình (như chương trình phát triển do cộng đồng thúc đẩy và các quỹ xã hội do địa phương quản lý) được chính phủ xây dựng phối hợp với Người dân bản địa; (ii) giải quyết vấn đề giới và vấn đề giữa các thế hệ tồn tại trong nhiều cộng đồng Người dân bản địa, bao gồm cả nhu cầu đặc biệt của phụ nữ, giới trẻ và trẻ em bản địa; (iii) chuẩn bị hồ sơ tham gia cho Người dân bản địa để lưu hồ sơ về văn hóa, cơ cấu dân số, giới

và quan hệ giữa các thể hệ của họ, tổ chức xã hội, thể chế, hệ thống sản xuất, tín ngưỡng, và mô hình sử dụng tài nguyên; (v) tăng cường năng lực của cộng đồng và tổ chức của Người dân địa phương để chuẩn bị, triển khai, giám sát và đánh giá chương trình phát triển và tương tác với nhóm kinh tế chủ đạo; (v) bảo vệ kiến thức bản địa, bao gồm việc củng cố quyền sở hữu trí tuệ; và (vi) hỗ trợ hình thành quan hệ hợp tác giữa chính phủ, tổ chức Người dân bản địa, CSO, và khu vực tư nhân để thúc đẩy chương trình phát triển của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 61. Bản chất và mức độ của cơ hội phát triển thích hợp có thể khác nhau. Điều quan trọng là phải xác định kế hoạch và thực hiện chương trình phát triển với sự tham vấn chặt chẽ của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Sự hỗ trợ phát triển diện rộng có thể được lưu hồ sơ tại cộng đồng hoặc trong các kế hoạch phát triển khu vực nếu thích hợp.

Trách nhiệm của khối tư nhân trong trường hợp chính phủ chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề của người dân tộc thiểu số

22. Khi chính phủ có vai trò trong quản lý các vấn đề của người dân tộc thiểu số liên quan đến dự án, khách hàng sẽ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi khả thi và được phép của cơ quan này, để đạt được những kết quả phù hợp với mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Thêm vào đó, nếu năng lực của chính phủ có hạn, khách hàng có thể đóng vai trò tích cực hơn trong quá trình hoạch định, triển khai và giám sát các hoạt động trong phạm vi được phép.

23. Khách hàng sẽ xây dựng một kế hoạch, cùng với những tài liệu được chuẩn bị bởi cơ quan có thẩm quyền, để đáp ứng những yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Khách hàng có thể cần đưa vào kế hoạch này: (i) kế hoạch, triển khai và lưu tài liệu quá trình ICP và sự tham gia của các bên liên quan cũng như FPIC nếu liên quan; (ii) mô tả quyền lợi của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng do chính phủ quy định; (iii) các biện pháp đề xuất để làm cầu nối các quyền được hưởng và các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này; và (iv) trách nhiệm tài chính và thực thi của các cơ quan chính phủ và/hoặc khách hàng.

Hướng dẫn 62. Pháp luật và quy định của chính phủ sở tại có thể quy định trách nhiệm đối với việc quản lý các vấn đề Người dân bản địa và hạn chế vai trò và trách nhiệm của khu vực tư nhân liên quan tới quản lý tác động tiêu cực tới Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa. Hơn nữa, pháp luật và quy định của

chính phủ sở tại có thể không nhất quán với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 7, và như vậy hạn chế quy mô của khách hàng trong việc áp dụng các quá trình cần thiết và đạt được kết quả dự kiến theo Tiêu chuẩn hoạt động. Trong trường hợp như vậy, khách hàng phải tìm cách tuân thủ các quy định và cố gắng đạt được mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 7 mà không mâu thuẫn với luật pháp được áp dụng. Khách hàng phải đề xuất vai trò tích cực trong việc chuẩn bị, thực hiện và giám sát các quá trình và phải điều phối cùng với cơ quan chính phủ liên quan về các khía cạnh của quá trình mà khách hàng hoặc cơ quan khác như tư vấn hoặc CSO có thể thực hiện hiệu quả hơn.

Hướng dẫn 63. Trong một số điều kiện nhất định, dự án của khách hàng có thể được cơ quan chính phủ hoặc cơ quan quyền lực khác cung cấp khu vực không có người ở và không bị trở ngại bởi bất kỳ đòi hỏi nào. Nếu cần phải giải phóng hoặc chuẩn bị mặt bằng để chuẩn bị cho dự án, nhưng không cần phải làm ngay trước khi thực hiện dự án, khách hàng nên quyết định xem quá trình tiếp nhận đất đai và tái định cư cần thiết có được thực hiện theo cách thức phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn hoạt động này không (và nếu thích hợp thì của Tiêu chuẩn hoạt động 5) và nếu không thì có biện pháp điều chỉnh khả thi nào có thể giải quyết vấn đề. Trong trường hợp đó, phải cân nhắc các yếu tố sau: (i) thời gian kéo dài từ lúc lấy đất tới lúc thực hiện dự án; (ii) việc tiếp nhận đất đai và tái định cư được thực hiện theo luật pháp, quá trình và thông qua các hoạt động nào; (iii) số lượng người bị ảnh hưởng và mức độ tác động của việc tiếp nhận đất đai; (iv) quan hệ giữa bên khởi mào việc tiếp nhận đất và khách hàng; và (v) hiện trạng và vị trí của những người bị ảnh hưởng.

Hướng dẫn 64. Nếu luật pháp hoặc chính sách quốc gia không quy định quy trình đền bù, khách hàng nên xây dựng phương pháp xác định mức đền bù phù hợp và thực hiện việc đền bù với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa.

Hướng dẫn 65. Nếu cơ quan có trách nhiệm cho phép khách hàng tham gia việc giám sát tiếp diễn đối với những người bị ảnh hưởng, khách hàng nên thiết kế và thực hiện chương trình giám sát và đặc biệt chú ý đến những người nghèo và dễ bị tổn thương để theo dõi mức sống của họ và hiệu quả của việc đền bù, hỗ trợ tái định cư, và phục hồi sinh kế. Khách hàng và cơ quan có trách nhiệm nên thỏa thuận về phân bổ trách nhiệm đối với việc kiểm toán sau khi kết thúc và các hoạt động điều chỉnh.

Phụ lục A

Kế hoạch Người dân bản địa (IPP)

IPP được chuẩn bị với tinh thần mềm dẻo và thực tế, và mức độ chi tiết phụ thuộc vào dự án cụ thể và đặc điểm của hiệu quả cần giải quyết. Nói chung và nếu thích hợp, IPP nên bao gồm các yếu tố sau:

- Thông tin kỳ gốc (trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội)
- Tổng kết thông tin kỳ gốc liên quan để có hồ sơ về Cộng đồng bị ảnh hưởng, hoàn cảnh và sinh kế của họ, có miêu tả và lượng hóa tài nguyên thiên nhiên được Người dân bản địa sử dụng.
- Kết quả chính: Nghiên cứu tác động, rủi ro và cơ hội (trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội)
- Tổng kết kết quả chính, phân tích tác động, rủi ro và cơ hội và đề xuất biện pháp khả thi để giảm nhẹ tác động tiêu cực, nâng cao hiệu quả tác động tích cực, bảo toàn và quản lý cơ sở tài nguyên thiên nhiên của họ một cách bền vững, và đạt được sự phát triển cộng đồng bền vững.
- Kết quả tham vấn (trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội) và sự tham gia trong tương lai
- Miêu tả quá trình công bố thông tin, tham vấn và sự tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ, và nếu thích hợp thì miêu tả quá trình FPIC, bao gồm cả GFN và các thỏa thuận được lưu hồ sơ với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa, và cách thức giải quyết các vấn đề được nêu. Khuôn khổ tham vấn đối với sự tham gia trong tương lai phải miêu tả rõ ràng quá trình tham vấn đang tiếp diễn với và bởi Người dân bản địa (bao gồm cả nữ và nam) trong quá trình thực hiện và vận hành dự án.
- Phòng tránh, giảm thiểu và giảm nhẹ tác động tiêu cực và nâng cao hiệu quả tác động tích cực
- Miêu tả rõ ràng biện pháp được thỏa thuận trong quá trình công bố thông tin, tham vấn và tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ nhằm phòng tránh, giảm thiểu và giảm nhẹ tác động tiêu cực tiềm năng tới Người dân bản địa, và nâng cao hiệu quả tác động tích cực. Nên bao gồm thời gian hoạt động thích hợp với chi tiết miêu tả các biện pháp sẽ được áp dụng, trách nhiệm và thời gian biểu được thỏa thuận và thực hiện (ai, thế nào, ở đâu và khi nào sẽ thực hiện) (tham chiếu Tiêu chuẩn hoạt động 1 và Hướng dẫn 1 để thêm chi tiết về

nội dung Kế hoạch hành động). Nếu khả thi, nên ưu tiên biện pháp phòng và ngừa hơn biện pháp giảm nhẹ hoặc đền bù.

Yếu tố quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa trên cộng đồng

Nếu thích hợp, nên tập trung vào các biện pháp đảm bảo tiếp tục hoạt động sinh kế để cộng đồng tiếp tục tồn tại và duy trì các tập quán truyền thống và văn hóa của họ. Sinh kế có thể bao gồm việc chăn thả, săn bắn, hái lượm, hoặc đánh bắt cá thủ công. Yếu tố này quy định rõ về việc bảo tồn, quản lý và sử dụng một cách bền vững tài nguyên thiên nhiên mà Cộng đồng bị ảnh hưởng sử dụng và bảo tồn, quản lý và sử dụng khu vực địa lý riêng biệt cùng với môi trường sinh sống xung quanh.

Biện pháp tăng cường cơ hội

Miêu tả rõ ràng về các biện pháp hỗ trợ Người dân bản địa tận dụng cơ hội do dự án đem lại, và bảo tồn và quản lý một cách bền vững việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên độc đáo mà họ sử dụng. Cơ hội trên phải phù hợp về mặt văn hóa.

Cơ chế khiếu nại

Miêu tả quy trình thích hợp để giải quyết khiếu nại của Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa liên quan tới việc thực hiện và vận hành dự án. Khi thiết kế cơ chế khiếu nại, khách hàng nên tính đến cơ chế phân xử pháp lý và giải quyết tranh chấp theo phong tục của Người dân bản địa. Cộng đồng bị ảnh hưởng (cả nữ và nam) phải được thông báo về quyền hạn của họ và khả năng xử lý hoặc bồi thường hành chính và pháp lý; và sự hỗ trợ về pháp lý mà họ có thể sử dụng trong quá trình tham vấn và tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ. Cơ chế khiếu nại nên tạo cơ hội giải quyết khiếu nại một cách công bằng, minh bạch và đúng lúc mà không mất chi phí, và nếu cần thì phải có điều khoản riêng cho phụ nữ, giới trẻ và người cao tuổi, và cho các nhóm dễ bị tổn thương khác trong cộng đồng được khiếu nại.

Chi phí, ngân sách, thời gian biểu, trách nhiệm tổ chức

Bao gồm thông tin tổng kết thích hợp về chi phí thực hiện, ngân sách và trách nhiệm tài chính, thời gian chi

tiêu và trách nhiệm tổ chức trong việc quản lý và lãnh đạo quỹ và chi phí của dự án.

Giám sát, đánh giá và báo cáo

Miêu tả cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo (bao gồm trách nhiệm, tần suất, quá trình thông tin trở lại và biện

pháp điều chỉnh). Cơ chế giám sát và đánh giá nên bao gồm thỏa thuận về việc công bố thông tin, tham vấn và tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ đang diễn ra với Cộng đồng bị ảnh hưởng của Người dân bản địa (cả nữ và nam) và thỏa thuận về thực hiện và tài trợ cho mọi hoạt động điều chỉnh được xác định trong quá trình xác định.

Tài liệu tham khảo

Các yêu cầu đặt ra trong tiêu chuẩn hoạt động liên quan đến các công ước và hướng dẫn quốc tế trong tài liệu tham khảo này.

Sáu Công ước của Liên Hợp Quốc liên quan đến người dân bản địa

Sau đây là danh sách của công ước Liên Hợp Quốc có liên quan đến các vấn đề của người dân bản địa.

- Công ước chống tra tấn và đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hèn hạ.
- Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ
- Công ước về Quyền trẻ em
- Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị
- Công Ước Quốc Tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội, và Văn hóa
- Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc

Đường dẫn của sáu công ước của Liên Hợp Quốc có sẵn tại trang web <http://www2.ohchr.org/english/law>. Tình trạng phê chuẩn của mỗi quy ước theo quốc gia hiện có sẵn tại trang web <http://treaties.un.org/Pages/Treaties.aspx?id=4&subid=A&lang=en>.

Hiệp ước, Tuyên bố và hướng dẫn

ILO (Tổ chức Lao động quốc tế). Năm 1989. “Công ước liên quan đến người dân tộc thiểu số và Bộ lạc ở các nước độc lập”. ILO, Geneva. <http://www.ilo.org/ilolex/cgi-lex/convde.pl?C169>

Ban thư ký của Công ước Đa dạng Sinh học. 1992. “Công ước Đa dạng sinh học.” 1992. Ban Thư ký Công ước Đa dạng sinh học, Montreal. <http://www.cbd.int>. Trang web của Công ước này cung cấp thông tin về các hội nghị, danh sách các quốc gia ký kết và các chuyên gia về đa dạng sinh học, và cung cấp thông tin hữu ích khác.

Năm 2002. “Hướng dẫn Bonn về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng các nguồn gen.” Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học, Montreal. [www.cbd.int / doc / publications/cbd-Bonn-gdls-en.pdf](http://www.cbd.int/doc/publications/cbd-Bonn-gdls-en.pdf). Tài liệu hướng

dẫn về việc thiết lập các biện pháp luật pháp, hành chính, hoặc chính sách về tiếp cận và chia sẻ lợi ích và về khi đàm phán các hợp đồng thỏa thuận cho việc tiếp cận và chia sẻ lợi ích.

Năm 2004: “Hướng dẫn Akwe: Kon.” Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.biodiv.org/doc/publications/akwe-brochure-en.pdf>. Tài liệu cung cấp hướng dẫn để thực hiện đánh giá tác động môi trường văn hóa và xã hội liên quan đến sự phát triển được đề xuất, hoặc có thể có ảnh hưởng đến tính thiêng liêng trên các vùng đất và vùng nước truyền thống được sử dụng bởi các cộng đồng bản địa hoặc địa phương.

2011a. “ Nghị định thư Nagoya (Quyết định COP 10 X / 1) Tiếp cận nguồn gen và sự Công bằng và chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc áp dụng Công ước Đa dạng Sinh học” CBD, New York. <http://www.cbd.int/abs/>. Thỏa thuận quốc tế nhằm mục đích chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc sử dụng các nguồn gen một cách công bằng. Khi có hiệu lực, Thỏa thuận sẽ thay thế Hướng dẫn Bonn.

2011b. “ Quy tắc ứng xử đạo đức Tkarikwhai:ri để đảm bảo tôn trọng các di sản văn hóa và trí tuệ của cộng đồng bản địa và địa phương” Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/decision/cop?id=12308>. Là một trong những Quyết định COP Nagoya 10, Quy tắc cung cấp các hướng dẫn về làm việc với các cộng đồng địa phương và bản địa với sự tôn trọng sự hiểu biết và nguồn thông tin truyền thống mà họ sử dụng.

Liên hợp quốc. Năm 2007. “ Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về quyền của người dân bản địa”, Liên Hiệp Quốc, Geneva. <http://www.un.org/esa/socdev/unpfii/en/declaration.html>.

Ngân hàng Thế giới. Năm 2005. “Người dân bản địa.” Chính sách Hoạt động số 4.10, Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. <http://go.worldbank.org/TE769PDWN0>. Chính sách này nhấn mạnh sự cần thiết đối với khách hàng vay và nhân viên Ngân hàng Thế giới nhằm xác định người dân bản địa, tư vấn và tham khảo ý kiến với họ, và đảm bảo rằng họ tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động do Ngân hàng tài trợ và phù hợp với văn hóa địa phương. Chính sách cũng nhằm mục đích đảm bảo tránh ảnh hưởng xấu đến người dân bản địa, hoặc khi không tránh được ảnh hưởng xấu, thì các ảnh hưởng xấu phải được giảm thiểu hoặc giảm nhẹ.

Các Hướng dẫn

ICMM (Hội đồng Quốc tế về Khai thác mỏ và Kim loại). Năm 2010. Hướng dẫn thực tiễn: Người dân bản địa và khai thác mỏ. ICMM: London. <http://www.icmm.com/library/indigenouspeoplesguide>.

IFC (Công ty Tài chính Quốc tế). 2001a. Sổ tay cho việc chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_RAP. Cuốn sổ tay 100 trang này cung cấp hướng dẫn chi tiết về quy trình lập kế hoạch tái định cư và bao gồm các công cụ thiết thực như danh sách kiểm tra thực hiện, điều tra mẫu, và các khuôn khổ giám sát.

2001b. “Đầu tư trong người dân: Duy trì Cộng đồng bền vững thông qua việc cải thiện thực hành kinh doanh.” IFC, Washington, DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_InvestinginPeople. Tài liệu là nguồn hướng dẫn cho việc thiết lập các chương trình phát triển cộng đồng hiệu quả.

Năm 2003. “Xác định yếu tố xã hội trong các dự án khu vực tư nhân”. Ghi chú thực tiễn số 3, IFC, Washington, DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_GPN_SocialDimensions. Ghi chú này hướng dẫn học viên thực hiện đánh giá tác động xã hội ở cấp dự án cho các dự án do IFC tài trợ.

Năm 2007. Công ước ILO số 169 và lĩnh vực tư nhân: Hỏi và đáp cho khách hàng của IFC. IFC, Washington, DC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_ILO169. Mục đích của ghi chú là hướng dẫn thiết thực cho khách hàng IFC hoạt động ở các nước đã phê chuẩn Công ước 169 về người dân địa phương và Bộ lạc.

Năm 2007. Cam kết của các bên liên quan: Sổ tay hướng dẫn thực tiễn cho các công ty kinh doanh tại thị trường mới nổi. Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_StakeholderEngagement. Cuốn sách đưa ra cách tiếp cận và các hình thức mới để ràng buộc với các cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng.

Năm 2009. Dự án và người dân: sổ tay xác định các dự án gây ra sự nhập cư. Washington, DC: IFC. http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/Publications_Handbook_Inmigration. Cuốn sách là nguồn hướng dẫn khám phá bản chất của dự án gây ra sự nhập cư và tác động tiềm tàng của nó đối với cộng đồng sống tại, bao gồm cả người dân bản địa.

ILO (Tổ chức Lao động quốc tế). Năm 1989. “Công ước ILO về người dân bản địa và Bộ lạc (số 169).” ILO, Geneva http://www.ilo.org/indigenous/Resources/Guidelinesandmanuals/lang--en/docName--WCMS_088485/index.htm. Tài liệu cung cấp các định nghĩa và hướng dẫn hữu ích về Công ước ILO số 169 về người dân bản địa và Bộ lạc.

ILO (Tổ chức Lao động Quốc tế) và Ủy ban châu Phi về con người và nhân dân (ACHPR). Năm 2009. “ Báo cáo Tổng quát Dự án Nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế và Ủy ban châu Phi về quyền con người và nhân dân trong việc bảo vệ Hiến pháp và Luật pháp của Quyền của người dân bản địa trong 24 nước châu Phi”. Geneva: ILO. http://www.ilo.org/indigenous/Resources/Publications/lang--en/docName--WCMS_115929/index.htm.

Liên hợp quốc. Năm 2008. Nguồn về các vấn đề của người dân bản địa” Liên Hợp Quốc, New York. http://www.un.org/esa/socdev/unpfii/documents/resource_kit_indigenous_2008.pdf.

UNIFEM (Thế chế Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và trao quyền của phụ nữ). Năm 2004. “Tổng quan: Bảo vệ quyền và sự tham gia của phụ nữ bản địa “ Tài liệu Thực tế UNIFEM, UNIFEM, New York. <http://www.unifem.org/materials/factsheets.php?StoryID=288>.

Tập đoàn Phát triển Liên Hợp Quốc. Năm 2008. Hướng dẫn về các vấn đề người dân bản địa. Liên Hiệp Quốc Geneva. http://www.ohchr.org/Documents/Publications/UNDG_training_16EN.pdf.

Sự phát triển của sự đồng thuận tự do và được thông báo trước Lehr, Amy K. và Gare A. Smith. Năm 2010. Thực thi chính sách đồng thuận tự do, và được thông báo trước: lợi ích và thách thức. Boston: Foley Hoag. http://www.foleyhoag.com/News-Center/publications/ebook/Implementing_Informed_Consent_Policy.aspx.

Quý Motoc, Antoanela-Iulia và Tebteba. Năm 2004. “Biên bản làm việc Sơ bộ về Nguyên tắc đồng thuận tự do, và được thông báo trước của người dân bản địa trong quan hệ phát triển ảnh hưởng đến đất đai và tài nguyên của họ.” E/CN.4/Sub.2/AC.4/2004/4, Văn phòng Cao ủy LHQ về Nhân quyền, Geneva. <http://www2.ohchr.org/english/issues/indigenous/docs/documents22.htm>.

Sohn, Jonathan, ấn phẩm Năm 2007. “Phát triển mà không có xung đột: Trường hợp kinh doanh có sự đồng thuận của cộng đồng.” Viện Tài nguyên Thế giới, Washington, DC. <http://www.wri.org/publication/development-without-conflict>.

Hướng dẫn 8

Di sản văn hoá

Hướng dẫn 8 liên quan đến việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động 8. Đề nghị tham chiếu thêm Tiêu chuẩn hoạt động 1 - 7 cũng như các Hướng dẫn tương ứng để có thông tin bổ sung. Thông tin về tất cả các tài liệu tham chiếu có trong Hướng dẫn này có thể tìm thấy trong Danh mục tham khảo.

Giới thiệu

1. Tiêu chuẩn hoạt động 8 ghi nhận tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với các thế hệ hôm nay và mai sau. Tuân theo Công ước về Bảo vệ Di sản Tự nhiên và Văn hóa Thế giới, Tiêu chuẩn Hoạt động 8 này có mục đích đảm bảo khách hàng có trách nhiệm bảo vệ các di sản văn hóa trong quá trình thực hiện dự án. Ngoài ra, các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này đối với việc sử dụng di sản văn hóa cho dự án còn dựa một phần vào các chuẩn mực của Công ước về Đa dạng Sinh học.

Mục tiêu

- Để bảo vệ di sản văn hóa trước các tác động tiêu cực của các hoạt động dự án và hỗ trợ việc bảo tồn di sản.
- Để xúc tiến việc phân chia công bằng các lợi ích thu được từ việc sử dụng di sản văn hóa cho kinh doanh.

Hướng dẫn 1. Mục tiêu của Tiêu chuẩn hoạt động 8 là gìn giữ và bảo vệ di sản văn hóa bằng cách phòng tránh, giảm nhẹ, khôi phục nếu có thể, và trong một số trường hợp đến bù cho những tác động tiêu cực mà dự án có thể tạo ra với di sản văn hóa. Ngoài ra, khu vực tự nhiên có thể có vai trò trong việc nâng cao nhận thức và trân trọng di sản văn hóa. Nếu dự án đề xuất sử dụng di sản văn hóa của cộng đồng, Tiêu chuẩn hoạt động 8 có mục đích đảm bảo các lợi ích phát triển có được từ việc khai thác thương mại di sản văn hóa sẽ được dành một cách công bằng cho Cộng đồng bị ảnh hưởng.

Phạm vi áp dụng

3. Việc áp dụng Tiêu chuẩn hoạt động này được quy định trong quá trình đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Việc thực hiện các hành động cần thiết

để đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này do Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội của khách hàng quản lý. Các yêu cầu hệ thống quản lý và đánh giá được đề cập tại Tiêu chuẩn hoạt động 1. Trong suốt vòng đời của dự án, khách hàng sẽ xem xét những tác động tiềm năng của dự án đến di sản văn hóa và áp dụng các điều khoản của Tiêu chuẩn hoạt động này.

4. Đối với Tiêu chuẩn Hoạt động này, di sản văn hóa hàm ý (i) các dạng vật thể của di sản văn hóa, ví dụ như vật thể cố định và lưu động, tài sản cố định, các địa điểm, các kết cấu hay nhóm kết cấu, có giá trị khảo cổ (tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, và tôn giáo; (ii) các đặc tính môi trường tự nhiên riêng có mang giá trị văn hóa như rừng, đá, hồ và thác linh thiêng; và (iii) những dạng phi vật thể của văn hóa được đề xuất sử dụng cho mục đích thương mại như kiến thức văn hóa, sáng kiến và thông lệ của các cộng đồng có cách sống truyền thống.

5. Các yêu cầu đối với di sản văn hóa vật thể được đề cập tại khoản 6-16. Các yêu cầu đối với di sản văn hóa phi vật thể được đề cập tại khoản 16 (iii).

6. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này được áp dụng cho các di sản văn hóa cho dù các di sản này đã và đang được pháp luật bảo vệ hay đã bị phá rối. Yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này không áp dụng cho các di sản văn hóa của dân tộc thiểu số bản địa. Tiêu chuẩn hoạt động 7 sẽ đưa ra các yêu cầu đối với trường hợp này.

Hướng dẫn 2. Di sản văn hóa được coi là tài nguyên độc đáo và thường không tái tạo được, có giá trị văn hóa, khoa học, tinh thần, hoặc tôn giáo và bao gồm các vật thể di chuyển được hoặc không di chuyển được, địa điểm, kết cấu, nhóm kết cấu, đặc điểm tự nhiên, hoặc phong cảnh có giá trị khảo cổ, cổ sinh vật học, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, mỹ học, hoặc giá trị văn hóa khác. Thông tin miêu tả thêm các ví dụ về di sản văn hóa vật thể được đề cập trong Phụ lục A.

Hướng dẫn 3. Tích hợp việc gìn giữ và bảo tồn di sản văn hóa trong hệ thống quản lý và quá trình đánh giá của dự án là thiết yếu vì sự tồn tại đối với di sản văn hóa có thể

nảy sinh từ các hoạt động nằm ngoài việc khai quật hoặc tân trang công trình. Một số khía cạnh dự án cũng có thể có tác động ít trực tiếp hơn tới di sản văn hóa, ví dụ như vì làm gia tăng xói mòn vùng bờ biển, hoặc xây dựng đường tới khu vực trước kia không tiếp cận được. Có thể phải đặc biệt lưu ý về các tác động tới môi trường tự nhiên có ảnh hưởng tới tính bền vững của di sản văn hóa vật thể. Tác động tới môi trường tự nhiên có thể ảnh hưởng tới đa dạng sinh học hoặc các quá trình của hệ sinh thái có liên quan tới các yếu tố như khu rừng thiêng hoặc phong cảnh văn hóa. Khách hàng nên lưu ý tới tác động tiềm năng này và có biện pháp giải quyết thích hợp. Mục 7 Tiêu chuẩn hoạt động 1 có nêu “quá trình đánh giá rủi ro và tác động sẽ dựa trên số liệu kỹ gốc về xã hội và môi trường mới nhất với mức độ chi tiết thích hợp” và khi cần thiết, phải bao gồm quá trình điều tra số liệu gốc về di sản văn hóa và thu thập số liệu trước dự án một cách phù hợp, quá trình đó có thể được tiến hành tại thực địa hoặc từ xa tùy thuộc vào dự án và khả năng hiện diện của di sản văn hóa.

Hướng dẫn 4. Giai đoạn sàng lọc của quá trình xác định rủi ro và tác động phải xác định quy mô và độ phức tạp của rủi ro và tác động tiềm năng tới di sản văn hóa trong khu vực ảnh hưởng của dự án (xem Khoản 8 của Tiêu chuẩn hoạt động 1). Nếu quá trình sàng lọc cho thấy có thể có tác động tiêu cực, cần phân tích thêm để xác định đặc điểm và quy mô của các tác động trên và đề xuất biện pháp giảm nhẹ. Phạm vi, chiều sâu, và hình thức phân tích phải tương xứng với đặc điểm và quy mô của tác động tiêu cực tiềm năng của dự án được đề xuất tới tài nguyên di sản văn hóa. Cần thuê chuyên gia có thẩm quyền để tiến hành phân tích trên trong quá trình đánh giá.

Hướng dẫn 5. Quá trình đánh giá phải cơ bản giải quyết được tác động tiêu cực tiềm năng tới di sản văn hóa, và nếu có thể thì tạo cơ hội để cải thiện. Trong trường hợp di sản văn hóa được coi là vấn đề đáng kể, có thể cần có phân tích tập trung ngay cả khi không cần có đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện. Hệ thống quản lý môi trường và xã hội và Chương trình quản lý theo yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 1 phải giải quyết được những vấn đề được xác định. Đối với những dự án có liên quan tới đào xút đất, tùy theo địa điểm của dự án, có thể phải xây dựng quy trình giải quyết và bảo vệ các khám phá tình cờ về di sản văn hóa được tìm thấy trong giai đoạn xây dựng và/hoặc vận hành của dự án (xem khoản 8 của Tiêu chuẩn hoạt động 8). Xem thêm hướng dẫn về quy trình đối với khía cạnh di sản của quá trình đánh giá trong Phụ lục B.

Hướng dẫn 6. Việc thu thập số liệu và nghiên cứu khác phải phòng tránh, giảm thiểu, và giảm nhẹ tác

động tiềm năng của dự án tới tài nguyên di sản văn hóa. Không được khai quật hoặc động chạm bằng cách khác tới các địa điểm có di sản văn hóa nếu không cần thiết. Tập quán quốc tế tốt nhất khuyến nghị không nên động chạm tới di sản văn hóa nếu có thể. Nếu trong quá trình dự án không thể tránh khỏi việc khai quật, thì các chuyên gia di sản văn hóa có thẩm quyền của địa phương và/hoặc quốc tế nên tiến hành khai quật hoặc thực hiện các hoạt động khác phù hợp với tập quán được quốc tế công nhận.

Hướng dẫn 7. Nếu còn nghi ngờ liệu vật thể nào đó có phải là di sản văn hóa hay không, khách hàng nên nhờ đến kiến thức và lời khuyên của chuyên gia địa phương và/hoặc quốc tế có thẩm quyền, cơ quan chính phủ, và thành viên cộng đồng địa phương. Kiến thức của cộng đồng địa phương là đặc biệt quan trọng để xác định di sản văn hóa nếu di sản đó gắn liền với môi trường tự nhiên và không được người ngoài thấy rõ.

Hướng dẫn 8. Tiêu chuẩn hoạt động 8 được áp dụng đối với di sản văn hóa chưa được động chạm tới cũng như các di sản đã được động chạm. Đối với di sản văn hóa đã bị động chạm, khách hàng có thể có biện pháp bảo vệ khác so với biện pháp bảo vệ di sản chưa bị động chạm. Nhiều di sản văn hóa không thể được trả về nguyên trạng sau khi bị động chạm, nhưng vẫn còn có giá trị.

Hướng dẫn 10. Nếu di sản văn hóa của Người bản địa bị tác động hoặc sử dụng với mục đích thương mại, nên tham khảo thêm Tiêu chuẩn hoạt động 7 và Hướng dẫn tương ứng.

Yêu cầu

Bảo vệ di sản văn hóa trong Thiết kế Dự án và Triển khai

7. Ngoài việc tuân thủ với luật pháp quốc gia về việc bảo vệ di sản văn hóa, bao gồm luật quốc gia về việc thực hiện các nghĩa vụ quốc gia theo Công ước về Bảo vệ Di sản Tự nhiên và Văn hóa Thế giới và các luật quốc tế liên quan khác, khách hàng sẽ bảo vệ và hỗ trợ di sản văn hóa bằng việc tuân thủ các tập quán được quốc tế thừa nhận để bảo vệ, nghiên cứu thực địa và làm tư liệu di sản văn hóa.

8. Khi quá trình đánh giá rủi ro và tác động quyết định là có thể tác động đến di sản văn hóa, khách hàng nên thuê chuyên gia có năng lực để hỗ trợ việc xác định và bảo vệ các di sản văn hóa đó. Việc di dời các di sản văn hóa không thể tái tạo phụ thuộc vào các yêu cầu thêm tại khoản 10 dưới đây. Trong trường hợp các di sản văn

hóa quan trọng, cần áp dụng yêu cầu tại khoản 13-15.

Hướng dẫn 11. Mặc dù khách hàng có thể tuân thủ luật pháp quốc gia được áp dụng, nhưng khách hàng cũng nên dự đoán rủi ro nào của dự án chưa tuân thủ nghĩa vụ của quốc gia theo những công ước quốc tế mà quốc gia đã ký tham gia nhưng chưa phê chuẩn. Ví dụ doanh nghiệp có thể có quyền khai thác liên quan tới địa điểm di sản văn hóa cụ thể, và quyền này có thể bị chính phủ thu hồi để đáp ứng điều khoản cam kết khi cam kết đó được phê chuẩn.

Hướng dẫn 12. Khách hàng nên áp dụng các tập quán được quốc tế công nhận để nghiên cứu thực địa, khai quật, bảo tồn và công bố, ngoài việc tuân thủ luật pháp quốc gia. Định nghĩa về tập quán được quốc tế công nhận là việc vận dụng kỹ năng chuyên nghiệp, kiến thức, sự cẩn mẫn, thận trọng và khả năng dự đoán trước được trông đợi một cách hợp lý đối với các chuyên gia kinh nghiệm hoạt động trong hoàn cảnh giống thế hoặc tương tự trên thế giới. Nếu khách hàng chưa rõ về tập quán được quốc tế công nhận, các chuyên gia quốc tế trong ngành có khả năng hướng dẫn thêm.

Hướng dẫn 13. Khoản 19 Tiêu chuẩn hoạt động 1 nêu “Quá trình xác định rủi ro và tác động bao gồm việc đánh giá và trình bày một cách thích hợp, chính xác và khách quan do các chuyên gia có thẩm quyền chuẩn bị. Đối với các dự án có tiềm năng tạo tác động tiêu cực đáng kể hoặc có liên quan tới các vấn đề phức tạp, khách hàng có thể cần có sự tham gia của chuyên gia bên ngoài để hỗ trợ xác định rủi ro và tác động.” Yêu cầu này đặc biệt quan trọng đối với các vấn đề liên quan tới di sản văn hóa vì thường đòi hỏi có kiến thức rất chuyên ngành về khu vực dự án và vấn đề có liên quan.

Hướng dẫn 14. Trong quá trình đánh giá, kết quả tìm kiếm của yếu tố di sản văn hóa thường phải được công bố như một phần và theo tinh thần của tài liệu đánh giá liên quan. Tuy nhiên, khách hàng nên cân nhắc có hay không một số ngoại lệ trong công tác công bố này nếu khách hàng tham vấn với những người có kinh nghiệm liên quan và xác định thấy việc công bố sẽ làm tổn hại hoặc gây nguy hại cho sự an toàn hoặc tính nguyên vẹn của di sản văn hóa có liên quan và/hoặc gây nguy hiểm cho nguồn thông tin về di sản văn hóa. Trong trường hợp đó, thông tin nhạy cảm có liên quan tới khía cạnh cụ thể đó có thể được loại ra ngoài tài liệu đánh giá.

Quy trình phát hiện một cách tình cờ

9. Khách hàng là người chịu trách nhiệm đối với xác định vị trí và thiết kế dự án để tránh tổn hại nặng nề cho di sản văn hóa. Quá trình đánh giá rủi ro và

tác động môi trường và xã hội cần quyết định liệu địa điểm của dự án có nằm trong khu vực có thể có di sản văn hóa trong suốt quá trình xây dựng hay vận hành dự án. Trong những trường hợp này, trong hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng, khách hàng cần xây dựng những điều khoản để quản lý những phát hiện tình cờ¹ thông qua quy trình phát hiện tình cờ² - được áp dụng khi một di sản văn hóa được phát hiện. Khách hàng sẽ không được tiếp tục tác động lên di sản đã phát hiện ra cho tới khi có đánh giá của chuyên gia và hoạch định được các hành động tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn Hoạt động này.

Hướng dẫn 15. Quy trình phát hiện tình cờ là quy trình đặc biệt của dự án hoạch định điều gì sẽ xảy ra nếu quá trình xây dựng hoặc vận hành dự án phát hiện tài nguyên di sản chưa được biết đến trước đó, đặc biệt là tài nguyên khảo cổ. Quy trình này bao gồm quy trình ghi hồ sơ và mời chuyên gia để thẩm định, hướng dẫn về thứ tự bàn giao đối với phát hiện di chuyển được, và tiêu chí rõ ràng về việc có thể tạm ngừng công việc để giải quyết các vấn đề liên quan tới phát hiện. Điều quan trọng là quy trình cần hoạch định vai trò và trách nhiệm và thời gian phản ứng cần thiết đối với nhân viên dự án, và cơ quan di sản liên quan, cũng như thời gian cho quy trình tham vấn được thống nhất. Quy trình này cần được tích hợp trong Chương trình quản lý và áp dụng thông qua Hệ thống quản lý môi trường và xã hội của khách hàng. Cũng giống như đối với di sản văn hóa được xác định trong quá trình đánh giá tác động văn hóa và xã hội, nếu khả thi nên cân nhắc lựa chọn phương án địa điểm hoặc thiết kế thay thế cho dự án để tránh tổn thất đáng kể.

Tham vấn

10. Khi một dự án có thể ảnh hưởng tới di sản văn hóa, khách hàng sẽ tham vấn các cộng đồng bị ảnh hưởng của nước sở tại, những ai còn nhớ được việc sử dụng hoặc đã sử dụng di sản văn hóa cho các mục đích văn hóa lâu dài. Khách hàng sẽ tham vấn cộng đồng bị ảnh hưởng để xác định tầm quan trọng của di sản văn hóa và để tích hợp các quan điểm này vào quá trình ra quyết định của khách hàng. Việc tham vấn cũng sẽ liên quan đến các cơ quan quản lý cấp địa phương hoặc trung ương có liên quan được giao nhiệm vụ bảo vệ di sản văn hóa.

¹ Di sản văn hóa vật thể mà phát hiện được trong quá trình xây dựng hay vận hành dự án.

² Quy trình phát hiện tình cờ là một quy trình của một dự án cụ thể để đề ra những hành động cần thực hiện nếu phát hiện một di sản văn hóa không lường trước.

Sự qua lại của cộng đồng

11. Khi địa điểm của dự án có di sản văn hóa hoặc dự án chặn đường không cho qua lại khu vực các khu vực có di sản văn hóa hoặc đã từng được sử dụng bởi cộng đồng bị ảnh hưởng cho các mục đích văn hóa lâu dài, khách hàng nên dựa vào quá trình tham vấn ở khoản 9 để cho phép qua lại đến khu vực văn hóa hoặc cung cấp một phương án đường đi khác mà có tính đến các yếu tố về sức khỏe, an toàn và an ninh.

Hướng dẫn 16. Vì không phải lúc nào cũng có thể lưu hồ sơ hoặc bảo vệ về pháp lý đối với di sản văn hóa nên tham vấn và biện pháp quan trọng để xác định, lưu hồ sơ sự hiện diện và tầm quan trọng, đánh giá tác động tiềm năng, và xem xét phương án giảm nhẹ. Quy định về sự tham gia của Cộng đồng bị ảnh hưởng được nêu trong khoản 25 đến 33 của Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Hướng dẫn 17. Đối với các vấn đề của di sản văn hóa, có thể tham vấn với các nhóm sau:

- Những người sử dụng và chủ sở hữu lịch sử hoặc truyền thống của di sản văn hóa
- Cộng đồng lịch sử duy trì sinh hoạt truyền thống
- Bộ khảo cổ, văn hóa, hoặc cơ quan quốc gia hoặc di sản tương tự
- Bảo tàng quốc gia hoặc địa phương, viện văn hóa, và trường đại học
- Xã hội dân sự quan tâm tới di sản văn hóa hoặc sự bảo tồn lịch sử, khu vực đáng quan tâm về môi trường và khoa học; Cộng đồng bị ảnh hưởng; và các nhóm tôn giáo coi di sản văn hóa là thiêng liêng theo truyền thống.

Hướng dẫn 18. Khách hàng nên có nỗ lực đặc biệt để tham vấn với những người về lịch sử hoặc truyền thống sử dụng hoặc sở hữu di sản văn hóa vật thể, đặc biệt là người sinh sống trong khu vực bị dự án ảnh hưởng trong nước sở tại, vì quyền lợi của những người sử dụng hoặc sở hữu này có thể khác với nguyện vọng do các chuyên gia có thẩm quyền hoặc quan chức chính phủ thông báo. Khách hàng cũng nên nhận thức được là một số địa điểm thiêng có thể được sử dụng bởi những cộng đồng không sinh sống trong khu vực mà chỉ tới thăm viếng một cách định kỳ. Khách hàng nên thông báo sớm và phối hợp với những nhóm trên về mục đích sử dụng công, việc di dời của di sản hoặc tác động tiêu cực khác ảnh hưởng tới tài nguyên di sản văn hóa. Quá trình tham vấn nên có nỗ lực để xác định mối quan ngại của người sử dụng hoặc sở hữu trên về di sản văn hóa vật thể, và nếu có thể, khách hàng nên tính đến mối quan ngại trên trong cách thức dự án quản lý di sản văn hóa.

Hướng dẫn 19. Nếu khu vực xây dựng hoặc vận hành có bao gồm di sản văn hóa hoặc ngăn chặn đường tiếp cận tới di sản văn hóa, khách hàng nên bố trí cho Cộng đồng bị ảnh hưởng có thể tiếp tục tiếp cận, tùy thuộc theo các vấn đề sức khỏe, an toàn và an ninh. Nếu vấn đề sức khỏe, an toàn hoặc an ninh là đáng quan tâm, nên tham vấn với cộng đồng về phương án thay thế cho lối tiếp cận mở. Phương án thay thế có thể bao gồm tuyến đường tiếp cận thay thế, xác định ngày và giờ có thể tiếp cận, cung cấp thiết bị và đào tạo về sức khỏe và an toàn cho những người được xác định sử dụng địa điểm, hoặc các biện pháp khác có thể cân đối giữa việc tiếp cận và các biện pháp sức khỏe, an toàn hoặc an ninh. Việc thỏa thuận với Cộng đồng bị ảnh hưởng về việc tiếp cận nên được lưu hồ sơ. Quy định của khoản 10 không có mục đích giải quyết tác động tiềm năng của dự án đối với di sản văn hóa vật thể, mà có mục đích cho phép tiếp cận di sản văn hóa khi di sản đó tồn tại trong một giai đoạn hoặc trong suốt vòng đời dự án.

Di dời Di sản Văn hóa có thể tái tạo

12. Nếu khách hàng gặp trường hợp di sản văn hóa vật thể có thể tái tạo được³ và không đặc biệt quan trọng, khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp khắc phục mà tốt nhất là tránh nếu khả thi. Nếu không thể tránh, khách hàng áp dụng một hệ phân cấp giảm nhẹ như sau:

- Giảm thiểu những tác động tiêu cực và thực thi các biện pháp phục hồi tại chỗ để đảm bảo duy trì giá trị và tính năng của di sản văn hóa, bao gồm cả duy trì và phục hồi bất kỳ quy trình nào của sinh thái⁴ cần để hỗ trợ di sản văn hóa đó;
- Khi không thể thực hiện phục hồi tại chỗ, cần thực hiện phục hồi tính năng của di sản văn hóa ở một địa điểm khác bao gồm cả duy trì và phục hồi bất kỳ quy trình nào của sinh thái cần để hỗ trợ di sản văn hóa đó;
- Việc di dời lâu dài những đồ tạo tác và cấu trúc có ý nghĩa lịch sử và khảo cổ cần thực hiện theo nguyên tắc được đề cập trong khoản 6-7 ở trên;
- Chỉ trong trường hợp không khả thi để giảm thiểu những tác động tiêu cực và phục hồi để duy trì giá trị và tính năng của các di sản văn hóa, và khi cộng đồng bị ảnh hưởng đang sử dụng các di sản văn hóa vật thể cho mục đích văn hóa lâu dài, mới

³ Di sản văn hóa có thể tái tạo được định nghĩa là các hình thái vật thể của di sản văn hóa mà có thể di dời đến một địa điểm khác hoặc có thể thay thế bằng một cấu trúc tương tự hay các đặc điểm tự nhiên mà các giá trị văn hóa có thể được chuyển sang bằng biện pháp thích hợp. Các địa điểm văn hóa và khảo cổ có thể được tái tạo nếu các kỹ nguyên và giá trị văn hóa chúng đại diện có thể được đại diện bởi các địa điểm và/hoặc cấu trúc khác.

⁴ Phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động 6 liên quan đến dịch vụ hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học

thực hiện đền bù cho những tổn thất của di sản văn hóa.

Hướng dẫn 20. Nếu khách hàng gặp di sản văn hóa vật thể có thể tái tạo được và không đặc biệt quan trọng, khách hàng trước tiên nên cố gắng giảm thiểu hoặc loại trừ tác động tiêu cực và có các biện pháp khôi phục để duy trì giá trị và tính năng của di sản. Nếu không thể giảm thiểu tác động và/hoặc khôi phục tại chỗ, khách hàng nên cân nhắc việc khôi phục tại địa điểm khác. Khicân nhắc việc giảm thiểu và khôi phục, khách hàng nên sử dụng kinh nghiệm quốc tế, quốc gia và khu vực. Cân nhắc việc di dời di sản văn hóa vật lý có thể cần tới sự tham gia của chính phủ nước sở tại. Khi xác định kinh nghiệm khu vực, nên đặc biệt chú trọng tới khuyến nghị của Cộng đồng bị ảnh hưởng, trong đó bao gồm người hành nghề được công nhận về di sản văn hóa, ví dụ người cao tuổi, giới tăng lữ, thầy đồng, và những người chữa bệnh truyền thống.

Hướng dẫn 21. Nếu việc giảm nhẹ tác động và khôi phục là không khả thi, khách hàng phải giải trình tại sao xác định được là không khả thi dựa trên quan điểm về bối cảnh dự án của chuyên gia có thẩm quyền, chỉ sau đó mới xem xét đến việc dùng đền bù làm phương thức để giải quyết tác động đối với di sản văn hóa vật thể. Chỉ được thanh toán tiền đền bù đối với Cộng đồng bị ảnh hưởng đang sử dụng di sản văn hóa với mục đích văn hóa lâu dài. Tiền đền bù không được thanh toán cho việc di dời vật liệu khảo cổ có từ thời kỳ văn hóa trước Cộng đồng bị ảnh hưởng, hoặc cho di sản văn hóa khác không được sử dụng trong ký ức sống của cộng đồng. Cũng không đền bù nếu mất di sản văn hóa phi vật thể. Có thể xem xét biện pháp giảm nhẹ đối với tác động xác định được của dự án đối với di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của Tiêu chuẩn hoạt động 1.

Di dời Di sản Văn hóa không thể tái tạo

13. Hầu hết các di sản văn hóa được bảo vệ tốt nhất bằng cách bảo quản nguyên trạng, vì việc di dời có khả năng dẫn đến thiệt hại hoặc việc phá hủy không thể khắc phục các di sản văn hóa. Các khách hàng sẽ không di dời bất cứ di sản văn hóa không thể tái tạo,⁵ trừ khi các điều kiện sau đây được thỏa mãn:

- Không có lựa chọn thay thế khả thi về kỹ thuật hoặc tài chính nào khác ngoài việc di dời.
- Lợi ích tổng thể của dự án lớn hơn sự mất mát di sản văn hóa dự kiến khi phải di dời.
- Bất kỳ việc di dời di sản văn hóa nào cũng phải được thực hiện bằng kỹ thuật có sẵn tốt nhất.

Hướng dẫn 22. Di sản văn hóa không thể tái tạo được bảo vệ tốt nhất nếu bảo tồn tại chỗ, vì việc di dời di sản văn hóa sẽ gây ra thiệt hại hoặc phá hủy không thể sửa chữa của di sản. Ví dụ của di sản văn hóa không thể tái tạo có thể bao gồm thành phố hoặc ngôi đền cổ, hoặc địa điểm độc nhất của thời kỳ mà di sản đại diện. Tương tự như vậy, dự án nên được thiết kế để tránh làm tổn hại di sản văn hóa thông qua việc di dời hoặc vì các hoạt động khác của dự án, như xây dựng. Nếu việc tránh là không khả thi, không có phương án nào ngoài việc di dời, và lợi ích của dự án lớn hơn sự mất mát di sản văn hóa, khách hàng nên di dời và bảo tồn di sản văn hóa bằng kỹ thuật có sẵn tốt nhất. Kỹ thuật có sẵn tốt nhất do khách hàng hoặc chuyên gia có thẩm quyền của dự án đề xuất sẽ được lợi nếu có thêm nhận xét chuyên ngành của chuyên gia quốc tế bên ngoài và để đảm bảo là không có kỹ thuật nào tốt hơn hoặc khả thi hơn. Cần có kỹ thuật có sẵn tốt nhất vì việc di dời di sản văn hóa thường có nghĩa là phá hủy di sản. Ngoài ra, trước khi di dời di sản văn hóa, khách hàng nên tham vấn người sử dụng hoặc sở hữu lịch sử hoặc truyền thống của di sản như được đề cập trong khoản 9 Tiêu chuẩn hoạt động 8, và cân nhắc ý kiến của họ.

Hướng dẫn 23. Việc mất di sản văn hóa không thể tái tạo là việc mất tài sản công, không chỉ đối với thế hệ hiện nay mà còn đối với thế hệ tương lai. Vì vậy việc đánh giá lợi ích của dự án, trong khuôn khổ của Tiêu chuẩn hoạt động 8, phải tập trung vào lợi ích công của dự án, đặc biệt là lợi ích đối với những người có thể có mối ràng buộc trực tiếp với di sản. Việc phân tích cũng phải xét đến tính bền vững của những lợi ích trên sau khi dự án kết thúc. Cũng phải tính đến các lợi ích bị mất đi mà đáng lẽ được hưởng nếu khai thác di sản văn hóa hiện tại với mục đích thương mại hay mục đích khác.

Di sản văn hóa Quan trọng

14. Di sản văn hóa quan trọng bao gồm (i) di sản đã được quốc tế công nhận của các cộng đồng sử dụng hoặc đã sử dụng còn nhớ được di sản văn hóa cho các mục đích văn hóa lâu đời; và (ii) các khu vực di sản văn hóa được bảo vệ một cách hợp pháp, bao gồm cả những di sản văn hóa theo đề xuất của các chính phủ sở tại.

15. Các khách hàng sẽ không di dời, hay thay đổi đáng kể hay làm thiệt hại bất cứ di sản văn hóa quan trọng nào. Trong trường hợp đặc biệt, tác động của dự án đến một di sản văn hóa quan trọng là không thể tránh

⁵ Các di sản văn hóa không thể tái tạo có thể liên quan đến điều kiện xã hội, kinh tế, văn hóa, môi trường và khí hậu của các thế hệ trước, hệ sinh thái tiến hóa, chiến lược thích ứng, và các dạng quản lý môi trường ban đầu, khi (i) di sản văn hóa là duy nhất hay tương đối độc đáo cho thời kỳ chúng đại diện, hay (ii) di sản văn hóa là duy nhất hoặc tương đối độc đáo để kết nối các thời kỳ khác nhau của một địa điểm.

khởi, khách hàng cần sử dụng quy trình tham vấn toàn diện ICP như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và cần tiến hành đàm phán thiện chí để có kết quả được ghi nhận đầy đủ. Khách hàng cũng nên mời chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ quá trình đánh giá và bảo vệ di sản văn hóa quan trọng liên quan.

16. Những khu vực di sản văn hóa được pháp luật công nhận⁶ là quan trọng đối với việc bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa và các biện pháp bổ sung có thể cần thiết đối với những dự án được phép thực hiện theo pháp luật quốc gia trên khu vực này. Trong trường hợp một dự án đề xuất được đặt trong khu vực được pháp luật bảo vệ hay vùng đệm được pháp luật quy định, khách hàng, bên cạnh những yêu cầu đối với di sản văn hóa quan trọng được quy định ở khoản 14 ở trên, cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Tuân thủ các quy định di sản văn hóa quốc gia hoặc địa phương hoặc các kế hoạch quản lý khu vực được bảo vệ;
- Tham vấn các nhà tài trợ và các nhà quản lý của khu vực được bảo vệ, các cộng đồng địa phương và các bên liên quan quan trọng khác về dự án đề xuất;
- Thực hiện các chương trình bổ sung, nếu thích hợp, để thúc đẩy và tăng cường mục đích bảo tồn của khu vực được bảo vệ.

Hướng dẫn 24. Di sản văn hóa được coi là quan trọng nếu đó là một phần của khu vực di sản văn hóa được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, nếu di sản văn hóa được quốc tế công nhận có vai trò quan trọng đối với những người đang tiếp tục sử dụng di sản cho mục đích văn hóa lâu dài, thì di sản sẽ được coi là quan trọng ngay cả khi không được pháp luật bảo vệ. Để được coi là quan trọng, di sản văn hóa phải được quốc tế công nhận trước khi dự án được đề xuất. Nếu di sản văn hóa được sử dụng cho mục đích văn hóa lâu dài, và sự mất mát hoặc tổn hại của di sản sẽ làm nguy hại đến cuộc sống, hoặc nguy hại đến mục đích văn hóa, nghi lễ, hoặc tinh thần là những yếu tố hình thành bản sắc và cộng đồng của Cộng đồng bị ảnh hưởng, thì sẽ phải áp dụng quy định của khoản 14 Tiêu chuẩn hoạt động 8. Tiêu chuẩn hoạt động 8 có mục đích cho phép những người dùng trên được tham gia quyết định về tương lai của di sản và đàm phán về kết quả công bằng để có kết quả không chỉ vượt trội hơn thiệt hại mà còn đem lại lợi ích quan trọng.

Hướng dẫn 25. Khách hàng được khuyến cáo phòng tránh thiệt hại đáng kể đối với di sản văn hóa quan trọng. Nếu dự án có thể gây tổn hại đáng kể đến di sản văn hóa quan trọng, khách hàng chỉ có thể tiếp tục triển khai dự

án sau khi đã đàm phán thiện chí và có sự tham gia trên cơ sở được thông tin đầy đủ và được lưu hồ sơ của Cộng đồng bị ảnh hưởng. Đàm phán thiện chí thường đòi hỏi mỗi bên: (i) sẵn sàng tham gia quá trình và gặp gỡ tại thời điểm và với tần suất hợp lý theo cách thức được tất cả các bên chấp nhận; (ii) cung cấp thông tin cần thiết để đàm phán trên cơ sở được thông tin đầy đủ; (iii) khai thác những yếu tố quan trọng; và (iv) có thiện chí thay đổi quan điểm ban đầu và sửa đổi bản chào khi có thể.

Hướng dẫn 26. Khách hàng phải lưu hồ sơ về (i) quá trình được chấp nhận bởi khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng, và (ii) chứng cứ thỏa thuận giữa các bên về kết quả đàm phán.

Hướng dẫn 27. Dự án trong khu vực được pháp luật bảo vệ (như Khu vực di sản thế giới và khu vực được quốc gia bảo vệ) có thể là dự án du lịch hỗ trợ thực tế cho đối tượng được bảo vệ về di sản văn hóa, có thể là dự án khai khoáng cần phải tiến hành với sự nhạy cảm đáng kể. Các dự án như vậy được trông đợi phải có sự đảm bảo bổ sung ngoài việc tuân thủ luật pháp quốc gia được áp dụng. Mọi quy định và kế hoạch áp dụng cho khu vực được bảo vệ phải được tôn trọng trong khi thiết kế và triển khai dự án. Việc đánh giá phải xác định và giải quyết những yêu cầu trên. Phải tiến hành quá trình công bố thông tin, tham vấn trên cơ sở thông tin đầy đủ và có sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cả những người quản lý và tài trợ cho khu vực được bảo vệ. Ngoài ra, dự án phải đóng góp cho việc bảo tồn di sản văn hóa, bao gồm cả đa dạng sinh học hoặc quá trình môi sinh hỗ trợ cho việc bảo tồn. Nếu di sản không có đóng góp nội tại, phải có chương trình bổ sung để xác tiến và thúc đẩy mục tiêu bảo tồn của khu vực được bảo vệ, bao gồm cả đa dạng sinh học hoặc quá trình của hệ sinh thái mà môi trường tự nhiên duy trì để bảo vệ di sản văn hóa. Các chương trình này có thể là chương trình hỗ trợ bảo vệ và bảo tồn của cả khu vực nói chung, hoặc chương trình cụ thể nhằm khôi phục hoặc tăng cường các đặc điểm cụ thể và quan trọng. Danh mục di sản thế giới của Tổ chức giao dịch, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) cung cấp thông tin bổ sung về các Khu vực di sản thế giới.

Việc sử dụng Di sản Văn hóa của Dự án

17. Trường hợp dự án đề xuất sử dụng các nguồn tài nguyên kiến thức, sáng kiến, hay thông lệ của các cộng đồng địa phương cho mục đích thương mại,⁷ khách hàng sẽ cần thông báo cho các cộng đồng này: (i) các

⁶ Ví dụ như di sản văn hóa thế giới và các khu vực được quốc gia công nhận và bảo vệ.

⁷ Ví dụ gồm có, không giới hạn ở, việc thương mại hóa kiến thức được truyền thống hay những kỹ thuật truyền thống, linh thiêng để chế biến cây cỏ, các sản phẩm từ sợi và các kim loại khác.

quyền của mình theo quy định của pháp luật quốc gia, (ii) phạm vi và tính chất của sự phát triển thương mại dự kiến, và (iii) các hậu quả tiềm năng của việc phát triển như vậy. Các khách hàng sẽ không tiến hành thương mại hóa, trừ khi: (i) thực hiện một quy trình đàm phán toàn diện ICP như đã được mô tả trong Tiêu chuẩn hoạt động 1 và cần tiến hành đàm phán thiện chí để có kết quả được ghi nhận đầy đủ; và (ii) thực hiện chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc thương mại hóa các kiến thức, đổi mới, hoặc sinh hoạt thực tiễn đó, phù hợp với phong tục và truyền thống của họ.

Hướng dẫn 28. Trong khuôn khổ Tiêu chuẩn hoạt động 8, di sản văn hóa phi vật thể để cập tới tài nguyên, kiến thức, sáng tạo và/hoặc tập quán văn hóa của cộng đồng địa phương hình thành nên lối sống truyền thống. Khu vực di sản văn hóa phi vật thể và sự phát triển mặt thương mại hiện nay đang được quốc tế thảo luận, và đang dần hình thành các tiêu chuẩn quốc tế. Trường hợp ngoại lệ là khi sử dụng về mặt thương mại tài nguyên nguồn gen xuất phát từ kiến thức truyền thống của cộng đồng truyền thống như được đề cập đến trong Công ước về đa dạng sinh học. Hướng dẫn Bonn và Hướng dẫn Akwé: Kon được ban hành trong khuôn khổ Công ước về đa dạng sinh học cung cấp hướng dẫn bổ ích trong lĩnh vực này. Nghị định thư Nagoya về tiếp cận tài nguyên nguồn gen và việc chia sẻ công bằng và bình đẳng các quyền lợi có từ việc sử dụng tài nguyên trên sẽ có hiệu lực sau khi năm mươi quốc gia trở thành bên ký kết. Sau khi Nghị định thư được chuyển hóa thành luật lệ và quy định quốc gia của nước ký kết thì các dự án sử dụng tài nguyên nguồn gen sẽ phải có sự đồng ý trên cơ sở được thông tin đầy đủ từ trước.

Hướng dẫn 29. Ví dụ về sự phát triển thương mại bao gồm thương mại hóa kiến thức y học truyền thống hoặc các kỹ thuật linh thiêng hoặc truyền thống về việc chế biến cây cỏ, sản phẩm từ sợi, hoặc kim loại. Tiêu chuẩn hoạt động 8 cũng được áp dụng cho thiết kế công nghiệp có nguồn gốc địa phương. Đối với các hình thức thể hiện văn học dân gian, như việc bán tác phẩm nghệ thuật hoặc âm nhạc, không phải áp dụng quy định khoản 12 của Tiêu chuẩn hoạt động 8. Các hình thức thể hiện trên phải được áp dụng quy định pháp luật quốc gia.

Hướng dẫn 30. Trong trường hợp tài nguyên trên được đề xuất phát triển thương mại, khách hàng sẽ nghiên cứu liệu quyền sở hữu kiến thức địa phương có thuộc cá nhân hoặc tập thể trước khi có thỏa thuận với các bên đường như nắm quyền sở hữu trí tuệ địa phương. Tài nguyên trên thường là sở hữu tập thể, và quyết định về việc tiếp cận hay sử dụng cần có sự tham gia của tập

thể diện rộng hơn, bao gồm cả phụ nữ và các nhóm nhỏ khác. Trong quá trình này, khách hàng phải xác định quyền sở hữu của tài nguyên và xác định các bên có quyền hạn và nghĩa vụ tham gia thỏa thuận với tư cách đại diện cho chủ sở hữu. Kết quả quá trình xác định quyền sở hữu có thể khác nhau tùy hoàn cảnh. Trong một số trường hợp, các yếu tố truyền thống được sở hữu tập thể có thể kết hợp với các yếu tố sáng tạo do cá nhân sở hữu. Trong các trường hợp đó, phải xác định và giải quyết yếu tố sáng tạo cá nhân với tư cách sở hữu cá nhân, trong khi các yếu tố tập thể có thể được xử lý dựa trên nguyên tắc đối với sở hữu tập thể. Nếu xác định được quyền sở hữu là tập thể và việc đàm phán thiện chí phụ thuộc vào đại diện cộng đồng, khách hàng phải có mọi nỗ lực hợp lý để kiểm định rằng những người đó về mặt thực tế đại diện cho quan điểm của chủ sở hữu trí tuệ và có thể được tin cậy để truyền đạt một cách trung thực kết quả đàm phán với những người ủy nhiệm. Khách hàng nên sử dụng chuyên gia bên ngoài và thông tin không thiên lệch để tiến hành đàm phán thiện chí với những người nắm giữ kiến thức truyền thống địa phương, ngay cả khi quyền sở hữu kiến thức đó đang bị tranh cãi. Ngoài việc tuân thủ quy định theo luật pháp quốc gia, khách hàng nên lưu hồ sơ cả quá trình và kết quả đàm phán thiện chí thành công với Cộng đồng bị ảnh hưởng về sự phát triển thương mại được đề xuất. Một số luật pháp quốc gia quy định phải có sự đồng ý của Cộng đồng bị ảnh hưởng trong vấn đề này.

Hướng dẫn 31. Khách hàng phải lưu hồ sơ về (i) quá trình được đồng ý giữa khách hàng và Cộng đồng bị ảnh hưởng, và (ii) chứng cứ thỏa thuận giữa các bên về kết quả đàm phán. Điều này cũng đòi hỏi sự đồng ý của cơ quan có quyền quyết định thích hợp về mặt văn hóa trong Cộng đồng bị ảnh hưởng. Cơ quan có quyền quyết định thích hợp sẽ được xác định thông qua phân tích xã hội do chuyên gia bên ngoài tiến hành, và cơ quan có quyền quyết định đó phải được đa số công nhận vừa là đại diện hợp pháp của họ, vừa có năng lực tham gia thỏa thuận có giá trị pháp lý. Thỏa thuận không nhất thiết đòi hỏi phải có sự nhất trí toàn phần và có thể đạt được ngay cả khi một số cá nhân hoặc nhóm nhỏ phản đối rõ rệt. Tuy nhiên, lợi ích của thỏa thuận phải được chia sẻ cho mọi người trong Cộng đồng bị ảnh hưởng, không phụ thuộc vào việc họ có ủng hộ dự án hay không.

Hướng dẫn 32. Nếu khách hàng muốn khai thác và phát triển với mục đích thương mại kiến thức, sáng tạo hoặc tập quán của cộng đồng địa phương là các yếu tố hình thành lối sống truyền thống, và bảo vệ mọi sở hữu trí tuệ hình thành từ sự phát triển trên, khách hàng về mặt pháp lý có thể phải công bố hoặc thông báo cho công chúng về nguồn gốc của vật liệu trên. Có thể không phải

công bố nếu khách hàng có thể chứng minh việc phát hiện độc lập. Ví dụ bao gồm các vật liệu từ nguồn gen được đề xuất cho mục đích y tế. Vì các vật liệu trên có thể được dùng cho mục đích linh thiêng hoặc nghi lễ của Cộng đồng bị ảnh hưởng, và có thể là bí mật của cộng đồng hoặc thành viên được chỉ định trên, ngay cả khi có thỏa thuận với cộng đồng dựa trên đàm phán thiện chí, nên khách hàng phải thận trọng khi bảo đảm bí mật dựa trên nguyên tắc là chỉ những người cần biết mới biết về việc sử dụng vật liệu, và tổng mọi trường hợp, Cộng đồng bị ảnh hưởng phải được quyền tiếp tục sử dụng vật liệu từ nguồn gen cho các mục đích tập quán hoặc nghi lễ.

Hướng dẫn 33. Nếu dự án đề xuất khai thác, phát triển, và thương mại hóa di sản văn hóa phi vật thể, Tiêu

chẩn hoạt động 8 quy định khách hàng phải chia sẻ lợi ích có được từ việc khai thác trên với Cộng đồng bị ảnh hưởng. Lợi ích bao gồm lợi ích phát triển với hình thức việc làm, đào tạo nghề, và lợi ích từ việc phát triển cộng đồng và chương trình tương tự.

Hướng dẫn 34. Khách hàng nên biết rõ là việc sử dụng tên hoặc hình ảnh truyền thống hoặc địa phương, bao gồm cả ảnh chụp và các hình thức khác có thể nhạy cảm. Khách hàng nên đánh giá rủi ro tiềm năng và/hoặc lợi ích và tham vấn với cộng đồng liên quan trước khi dùng tên hoặc hình ảnh ngay cả với mục đích đặt tên cho địa điểm dự án và tên thiết bị. Doanh nghiệp cũng nên biết là việc sử dụng một số sản phẩm nghệ thuật hoặc nhạc có thể nhạy cảm về văn hóa, và một lần nữa nên đánh giá rủi ro tiềm năng và lợi ích trước khi sử dụng.

Phụ lục A

Loại tài nguyên di sản văn hóa vật thể

Địa điểm khảo cổ: Di tích tập trung và phân bố có hệ thống của hoạt động con người ngày xưa, đặc biệt là nơi cư trú của con người. Địa điểm có thể có các cổ vật, những phần còn lại của động thực vật, di tích kết cấu, và đặc điểm của đất. Đó có thể là thành phố cổ lớn bị vùi lấp hoàn toàn hoặc một phần bởi đất đá hoặc trầm tích khác hoặc di tích sơ sài hoặc bề mặt của chỗ cắm trại tạm thời của dân du mục hoặc hoạt động ngắn hạn khác. Địa điểm có thể ở dưới nước, bao gồm chỗ tàu đắm và chỗ ở bị nước ngập. Mặc dù mọi địa điểm, cũng như các khám phá độc lập (ngoài địa điểm) là chứng cứ của hoạt động con người, tầm quan trọng của địa điểm khảo cổ có thể khác nhau tùy theo loại và điều kiện địa điểm. Nhìn chung, trong khi có thể xác định địa điểm nhờ di tích bề mặt hoặc gợi ý về địa hình, nhưng không thể xác định đặc điểm của địa điểm và tầm quan trọng văn hóa hoặc khoa học nếu chỉ dựa trên việc giám định bề mặt.

Kết cấu lịch sử: Cũng còn được tham chiếu là công trình lịch sử. Khái niệm này bao gồm các đặc điểm kiến trúc trên mặt đất (ví dụ nhà cửa, đền đài, chợ búa, nhà thờ) đã có đủ năm tuổi cần thiết hoặc có đặc điểm khác, ví dụ như có liên quan tới sự kiện hoặc cá nhân quan trọng để có thể trở thành “lịch sử” và vì vậy đáng để được coi là tài nguyên di sản. Cũng giống như đối với địa điểm khảo cổ, tầm quan trọng của kết cấu lịch sử có thể khác nhau nhiều tùy thuộc vào năm tuổi, loại và điều kiện của kết cấu. Một số kết cấu lịch sử có thể liên quan tới chỗ tập trung di tích khảo cổ nên có thể trở thành vừa là kết cấu lịch sử vừa là tài nguyên khảo cổ. Kết cấu lịch sử có thể bị bỏ hoang hoặc có người ở.

Khu phố lịch sử: Đó là quần thể tiếp giáp của kết cấu lịch sử và đặc điểm phong cảnh liên quan tạo nên tài nguyên di sản trải rộng trên khu vực có diện tích lớn kết cấu đơn lẻ. Tính nguyên vẹn và có chủ đề là yếu tố chính để cân nhắc khi xác định và quyết định tầm quan trọng của khu phố cổ. Giáo phận, nghĩa trang, khu dân cư đô thị, và đôi khi cả làng hoặc thị trấn có thể được xếp hạng khu phố lịch sử. Khu phố lịch sử có thể bao gồm kết cấu không liên quan hoặc “không đóng góp” cho chủ đề, và bản thân kết cấu đó có thể xứng đáng hoặc không xứng đáng được bảo vệ. Kết cấu và khu phố lịch sử có thể cần được bảo vệ khỏi tác động vật lý trực tiếp nhưng cũng có thể phải được cân nhắc về mặt cảm quan. Những công trình có khả năng phá cảnh quan nằm bên trong hoặc gần khu phố hoặc kết cấu lịch sử có thể cần được thiết kế đặc biệt để giảm nhẹ tác động “cảm quan” đối với tài nguyên di sản.

Cổ vật: Đồ vật có thể mang vác được, là sản phẩm hoạt động con người và trở thành một phần của địa điểm khảo cổ hoặc phát hiện khảo cổ độc lập. Phần lớn các đồ vật khảo cổ mất đi phần lớn giá trị văn hóa và khoa học khi bị di dời khỏi “bối cảnh” dưới mặt đất. Cổ vật, dù nằm trong bối cảnh hay không, thường là tài sản chính phủ quốc gia. Việc thu thập và sử dụng về mặt khoa học được quản lý thông qua quá trình cấp giấy phép do các cơ quan di sản quốc gia phụ trách. Luật pháp quốc gia và hiệp ước quốc tế cấm việc mua bán và xuất khẩu cổ vật. Đồ vật bị di dời khỏi kết cấu lịch sử cũng sẽ được hưởng quy chế pháp lý như cổ vật.

Phụ lục B

Hướng dẫn quy trình

Nghiên cứu khả thi về di sản văn hóa:

Tập quán tốt là xác định các vấn đề di sản và chi phí có thể có ngay từ giai đoạn đầu của quá trình xác định rủi ro và tác động môi trường và xã hội thông qua việc sàng lọc hoặc nghiên cứu khả thi. Điều này đặc biệt đúng đối với dự án hạ tầng cơ sở hoặc khai thác tài nguyên lớn như lắp đặt đường ống, mỏ khai thác, đập thủy điện, hệ thống tưới tiêu khu vực, đường cao tốc, hoặc các dự án liên quan tới việc tạo nền, đào xúc đàng kể hoặc sự thay đổi lớn về mô hình thủy học. Các nghiên cứu này phải bao gồm việc so sánh đặc điểm cơ bản của dự án với điều kiện kỹ gốc đã biết hoặc được dự đoán của di sản trong khu vực dự án đề xuất. Phải có các chuyên gia di sản và nhân viên kế hoạch dự án và/hoặc kỹ sư có thẩm quyền trong nhóm nghiên cứu. Mục đích của nghiên cứu là xác định các vấn đề “sai lầm chết người”, ví dụ như hạn chế về chi phí cơ bản hoặc thiết kế. Kết quả của nghiên cứu trên thường phải được giữ bí mật cho đến giai đoạn tham vấn công chúng trong quá trình đánh giá tác động môi trường và xã hội.

Khía cạnh di sản văn hóa của quá trình đánh giá tác động môi trường và xã hội:

Đối với các dự án có các vấn đề di sản đã được biết hoặc tiềm năng, việc đánh giá thường bao gồm các yếu tố sau: 1) miêu tả chi tiết về dự án được đề xuất, bao gồm cả phương án thay thế; 2) điều kiện di sản kỹ gốc trong khu vực ảnh hưởng của dự án; 3) phân tích các phương án thay thế liên quan tới điều kiện kỹ gốc để xác định tác động tiềm năng; và 4) đề xuất biện pháp giảm nhẹ tác động, có thể bao gồm việc phòng tránh hoặc giảm nhẹ tác động nhờ các thay đổi về thiết kế và/hoặc áp dụng quy trình xây dựng và vận hành đặc biệt, và biện pháp giảm nhẹ bồi thường như phục hồi dữ liệu và/hoặc nghiên cứu chi tiết.

Kinh nghiệm cần thiết cho nghiên cứu đánh giá – Trong trường hợp xác định được vấn đề di sản, thường cần có chuyên gia di sản có thẩm quyền tham gia nhóm nghiên cứu đánh giá. Tốt nhất là tuyển dụng những người có kiến thức chung trong lĩnh vực di sản và kinh nghiệm về kế hoạch môi trường hoặc quản lý di sản. Trong khi có thể cần có chuyên gia di sản trong lĩnh vực cụ thể (ví dụ chuyên gia đồ gốm thời kỳ đồ đồng) để giải quyết một số phát hiện hoặc vấn đề, thường cần có chuyên gia với kiến thức chung (ví dụ chuyên gia địa lý văn hóa).

Cho phép và phê chuẩn nghiên cứu đánh giá - Trong phần lớn các trường hợp, nghiên cứu đánh giá di sản cần được cấp phép chính thức của cơ quan di sản quốc gia thích hợp. Ngoài ra, vì luật pháp di sản quốc gia thường thiếu quy định thực hiện chi tiết, có thể phải xây dựng các biện pháp bảo vệ di sản cần thiết trong thỏa thuận dành riêng cho dự án được đàm phán và ký kết bởi đại diện của dự án và cơ quan di sản. Mặc dù khách hàng có đặc quyền thuê chuyên gia di sản mà dự án thấy thích hợp nhất, nhưng phải lưu ý là cả quá trình điều tra và cá nhân thực hiện điều tra có thể phải được cơ quan di sản quốc gia chấp nhận.

Công bố và tham vấn - Việc công bố sớm và chi tiết về thông tin dự án di sản, bao gồm cả phương pháp luận, kết quả và phân tích của nhóm đánh giá di sản là một phần cấu thành của mô hình kế hoạch và tham vấn trong quá trình đánh giá. Kết quả đánh giá về yếu tố di sản văn hóa phải được công bố như một phần của, và cùng cách thức với báo cáo đánh giá, ngoại trừ những trường hợp việc công bố có thể làm tổn hại an ninh hoặc tính nguyên vẹn của tài nguyên văn hóa vật chất có liên quan. Trong các trường hợp đó, thông tin nhạy cảm liên quan tới những lĩnh vực cụ thể trên có thể được loại ra ngoài tài liệu đánh giá được công bố. Khách hàng có thể phải thảo luận với cơ quan di sản quốc gia để xác định mức độ thỏa hiệp có thể chấp nhận được giữa nhu cầu tham vấn công chúng về vấn đề di sản và đặc quyền truyền thống của cơ quan di sản quốc gia.

Mục đích và quy mô của nghiên cứu đánh giá - Điều quan trọng là khách hàng và cơ quan di sản quốc gia cùng thống nhất cách hiểu về mục đích và quy mô phù hợp của nghiên cứu đánh giá di sản. Thu thập dữ liệu và nghiên cứu đánh giá khác được tiến hành để phòng tránh, giảm thiểu, và giảm nhẹ tác động tiềm năng của dự án tới tài nguyên di sản văn hóa. nỗ lực “xây dựng năng lực” chung có thể có lợi cho dự án và chương trình di sản của quốc gia cũng có thể là hoạt động xây dựng năng lực quản lý của cơ quan di sản theo cách thức liên quan trực tiếp tới dự án của khách hàng.

Thiết kế và triển khai dự án - Quá trình đánh giá xác định những biện pháp phòng tránh và giảm nhẹ cần thiết sẽ phải áp dụng trong Chương trình quản lý của dự án và phối hợp triển khai với các hạng mục khác của hoạt động dự án. Không giống như đối với phần lớn tài nguyên môi trường khác, tác động trực tiếp

tới di sản thường có tác động khu biệt tại địa điểm dự án có hoạt động xây dựng, làm cho khu vực dự án ảnh hưởng được giới hạn về mặt địa lý hơn so với tài nguyên khác như môi trường sống thiết yếu, nguồn nước tự nhiên, hoặc các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Vì vậy, thường có thể tránh tác động tới di sản thông qua các điều chỉnh nhỏ về thiết kế của dự án. Vì di sản văn hóa không thể tái tạo, nên việc bảo vệ tốt nhất là

“bảo tồn tại chỗ”. Phương pháp này thường được ưa chuộng hơn việc di dời, vì đó là một phương pháp tốn kém và có tác động phá hủy một phần. Cũng giống như với các biện pháp trong giai đoạn trước khi triển khai dự án, khách hàng có thể phải phối hợp với chuyên gia di sản để triển khai một phần Chương trình quản lý liên quan tới vấn đề di sản (ví dụ Kế hoạch hành động di sản văn hóa).

Tài liệu tham khảo

Một số các yêu cầu được quy định trong Tiêu chuẩn Hoạt động số 8 liên quan đến các thỏa thuận quốc tế sau đây kèm theo hướng dẫn và Khuyến nghị :

CBD (Công ước về Đa dạng sinh học). Năm 1992. “Lịch sử của Công ước” CBD, New York. <http://www.cbd.int/history/>. Trang web cung cấp thông tin về việc thành lập Công ước, danh sách các quốc gia ký kết và các chuyên gia về đa dạng sinh học, và các dữ liệu hữu ích khác.

2004. “Hướng dẫn Akwe: Kon.” Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.biodiv.org/doc/publications/akwe-brochure-en.pdf>. Tài liệu cung cấp hướng dẫn để thực hiện đánh giá tác động môi trường văn hóa và xã hội liên quan đến sự phát triển được đề xuất, hoặc có thể có ảnh hưởng đến tinh thiêng liêng trên các vùng đất và vùng nước truyền thống được sử dụng bởi các cộng đồng bản địa hoặc địa phương.

2011a. “Nghị định thư Nagoya (Quyết định COP 10 X / 1) Tiếp cận nguồn gen và sự Công bằng và chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc áp dụng Công ước Đa dạng Sinh học” CBD, New York. <http://www.cbd.int/abs/>. Thỏa thuận những Quyết định COP Nagoya 10, Quy tắc cung cấp các hướng dẫn về làm việc với các cộng đồng địa phương và bản địa với sự tôn trọng sự hiểu biết và nguồn thông tin truyền thống mà họ sử dụng.

2011b. “Quy tắc ứng xử đạo đức Tkarihwai:ri để đảm bảo tôn trọng các di sản văn hóa và trí tuệ của cộng đồng bản địa và địa phương” Ban Thư ký CBD, Montreal. <http://www.cbd.int/decision/cop/?id=12308>. Là một trong những Quyết định COP Nagoya 10, Quy tắc cung cấp các hướng dẫn về làm việc với các cộng đồng địa phương và bản địa với sự tôn trọng sự hiểu biết và nguồn thông tin truyền thống mà họ sử dụng.

CBD (Công ước về Đa dạng sinh học) và UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc). Năm 2002. “Hướng dẫn Bonn về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng lợi ích phát sinh từ việc Sử dụng các nguồn gen.” Ban Thư ký CBD, Montreal, và UNEP, Washington, DC. <http://www.biodiv.org/doc/publications/cbd-bonn-gdls-en.pdf>. Tài liệu hướng dẫn về việc thiết lập các biện pháp luật pháp, hành chính, hoặc chính sách về tiếp cận và chia sẻ lợi ích và về khi đàm phán các hợp đồng thỏa

thuận cho việc tiếp cận và chia sẻ lợi ích.

UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc). Năm 1970. “Công ước về các Phương tiện Cấm và Ngăn chặn nhập khẩu, xuất khẩu và chuyển giao quyền sở hữu tài sản văn hoá bất hợp pháp” UNESCO, Paris. http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13039&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html. Điều luật trình bày về nội dung cụ thể của công ước.

Năm 1972. “Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới”. UNESCO, Paris. <http://whc.unesco.org/en/conventiontext/>. Công ước thiết lập một hệ thống nhằm nhận dạng, bảo vệ, và bảo tồn các di sản văn hóa và tự nhiên, và công ước cung cấp cả hai trường hợp bảo vệ khẩn cấp và lâu dài di sản văn hóa và tự nhiên.

Năm 2001. “Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa dưới nước.” UNESCO, Paris. <http://unesdoc.unesco.org/images/0012/001260/126065e.pdf>.

Năm 2003. “Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể.” UNESCO, Paris. <http://unesdoc.unesco.org/images/0013/001325/132540e.pdf>. Quy ước bảo đảm việc bảo vệ di sản văn hóa quốc tế, và tăng cường đoàn kết và hợp tác ở các cấp độ khu vực và quốc tế trong lĩnh vực này.

Ngân hàng Thế giới. Năm 2011. “Tập tin về Di sản văn hóa Quốc gia.” Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. Những tập tin dữ liệu chứa thông tin có giá trị cho khách hàng đang ở trong giai đoạn đầu của dự án phát triển và các thông tin liên quan đến các vấn đề về di sản ở nước sở tại. Các tập tin chứa thông tin về kỹ thuật và đầu mối liên hệ liên hệ nội bộ, và danh sách kiểm tra thông tin bổ sung có thể thu được.

Năm 2011. “Danh sách di sản thế giới” UNESCO, Paris. <http://whc.unesco.org/pg.cfm?cid=31>. Danh sách từ Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới hiện nay bao gồm 936 di sản. Do đó hình thành một phần của di sản văn hóa và tự nhiên mà Ủy ban Di sản thế giới coi là có giá trị nổi bật tầm cỡ toàn cầu. Danh sách cũng cung cấp thêm thông tin bổ sung về các di sản thế giới.

Năm 2002. Sổ tay Chính sách Bảo vệ Tài nguyên văn hóa vật thể. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. Cuốn sách này gồm những chỉ dẫn để áp dụng chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới số 4.11 – Tài nguyên Văn hóa vật thể. Sổ tay cũng có thể được sử dụng rộng hơn như một hướng dẫn tổng quát để dùng các nguồn tài nguyên văn hóa vật thể như là một phần của đánh giá tác động môi trường (ELA). Sổ tay cung cấp một định nghĩa của các nguồn tài nguyên văn hóa vật thể, mô tả cách thức các nguồn tài nguyên được hợp nhất vào việc đánh giá tác động môi trường, và bao gồm hướng dẫn cụ thể cho

cơ quan dự án tài chính, khách hàng vay, các đội đánh giá tác động môi trường, và những người rà soát đánh giá tác động môi trường. Sổ tay cũng đưa ra thảo luận về tác động phổ biến lên các nguồn tài nguyên văn hóa vật thể của các dự án trong nhiều lĩnh vực, bao gồm thủy điện, đường giao thông, phát triển đô thị, di sản văn hóa, và quản lý vùng ven biển. Được viết cho những người không chuyên, Sổ tay được thiết kế để hỗ trợ các chuyên gia, những người tham gia trong tất cả các giai đoạn phát triển của dự án, bao gồm xác định, chuẩn bị, thực hiện, hoạt động, và đánh giá.



Đây là tài liệu tham khảo nội bộ.

Có thể tham khảo phiên bản gốc tại:
www.ifc.org/sustainability

Tổ Chức Tài Chính Quốc Tế (IFC)
Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ, Hà Nội
ĐT: +84 4 3 8247892
Fax: + 84 4 3 8247898
ifc.org